

THE INTERNATIONAL
SECRETION

Come
think
out
loud

Charles
L. Taylor

sd vh

Bóng hình của gió



Tác giả: Carlos Ruiz Zafón



Công ty phát hành: [Nhã Nam](#)



Nhà xuất bản: NXB Văn Học



Ngày xuất bản: 05/2014



Kích thước: 15 x 24 cm



Giá bìa: 118000 VNĐ



Hình thức: Bìa mềm



Chủ dự án: Phi Phi Yên Vũ



Chụp pic: Thiên Thiên



Type:

P1: Sư Tử

P2: Aoi ChanChan

P3: Quỳnh Như Nguyễn

P4: Mai Ice

P5: Yen Phan

P6: Bon Bon

P7: Kim Trâm Đặng



Beta: Gomu Gomu



Tạo prc: Annabelle Tran



Nguồn: Hội chăm chỉ làm eBook free



Ebook: Đào Tiểu Vũ eBook -
www.dtv-ebook.com

DTV



Bóng hình của gió

Carlos Ruiz Zafón (sinh ngày 25/09/1964)

Là một trong những nhà văn Tây Ban Nha thành công nhất hiện nay. Ông là tác giả nhiều tiểu thuyết viết cho lứa tuổi thiếu niên như *El principe de la niebla* (*The Prince of Mist*, 1993), *El palacio de la medianoche* (1994), *Las luces de septiembre* (1995) và *Marina* (1999). Năm 2001, ông cho in *Bóng hình của gió* (*La sombra del viento*) về sau bán được hàng triệu bản trên thế giới, được giới phê bình khen ngợi và

giành được nhiều giải thưởng quốc tế. Sau đó, năm 2008, ông cho ra đời *El juego del angel* (Trò chơi của thiên thần), và *El prisionero del cielo* (Tù nhân của trời, 2011), hai cuốn trong một bộ tứ khởi đầu bằng *Bóng hình của gió*. Sách của Zafón đã được dịch ra hơn 40 thứ tiếng trên thế giới.





“Một trong những cuốn tiểu thuyết hiếm hoi kết hợp cốt truyện đặc sắc với văn chương kỹ tuyệt... chỉ cần người này bảo người kia thôi cũng đã thành sách bán chạy.”

-Sunday Times-

“Zafón đưa vào câu chuyện một liều lượng tình yêu thật lớn, rồi thì đủ ma thuật, đủ giết người và đủ điên loạn để khiến ngay cả người đọc miễn cưỡng nhất cũng bị hút vào không dứt ra được. Hay đến kinh người.”

-Elle-

“Bóng hình của gió là một tiểu thuyết đầy những huy hoàng lừa mị và những cửa bầy kêu ken két, một tiểu thuyết mà ngay cả các tuyến truyện phụ cũng có tuyến truyện phụ riêng... một tiểu thuyết hay vô cùng.”

-Stephen Kinh-



*Tặng Joan Ramon Planas, người
còn xứng đáng nhận được nhiều hơn
nữa.*





Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên, nơi chôn mang cái tên kỳ dị này ẩn chứa những gì? Sau khi Daniel Sempre, mười tuổi, mang ra khỏi đó một cuốn sách do cậu tự chọn với sự cho phép của cha, gần như ngay sau đó cậu bị một kẻ lạ góm ghiết đáng sợ có khuôn mặt hoàn toàn biến dạng theo sát gót. Hắn muốn gì? Cuốn sách kia, *Bóng hình của gió* mà cậu giữ trong tay, nó hay tác giả của nó mang những bí mật u tối nào khiến cho dường như nhiều phận người bị liên lụy với nó đến vậy? Trong cơn

xoáy lốc chậm chậm nhưng chét chóc tỏa ra từ *Bóng hình của gió* và những bí ẩn đằng sau nó, Daniel phải chiến đấu ra sao để bảo vệ người mình yêu cũng như những người khác ban đầu xa lạ song cũng dần dần trở nên thân thiết với cậu?

~*~

Một câu chuyện thật đẹp nơi mà tình yêu, hận thù, tình bạn, ý thức nghĩa vụ... đều tuyệt đỉnh. Và bằng bạc khắp là thành phố Barcelona, thủ phủ xứ Catalan nước Tây Ban Nha, kỳ vĩ, diễm lệ, bí ẩn, một trong những nhân vật chính của cuốn tiểu thuyết.





Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên

~*~

Những ngày tro tàn

1945 – 1949

Chương 1  Chương 2  Chương 3 

Chương 4  Chương 5  Chương 6

~*~

Chiếc đĩa trống không

Chương 7  Chương 8  Chương 9 

Chương 10

~*~

Thành thật với bản thân

Chương 11  Chương 12  Chương 13

~*~

Thành phố của những bóng đen

Chương 14

Chương 15  Chương 16

Chương 17  Chương 18  Chương 19

Chương 20  Chương 21  Chương 22 

Chương 23

Chương 24  Chương 25  Chương 26

Chương 27  Chương 28

Chương 29

[Chương 30](#)  [Chương 31](#)

[Chương 32](#)  [Chương 33](#)  [Chương 34](#)

[Chương 35](#)  [Chương 36](#)  [Chương 37](#) 

[Chương 38](#)

[Chương 39](#)  [Chương 40](#)  [Chương 41](#)

[Chương 42](#)  [Chương 43](#)

[Chương 44](#)

~*~

[Nuria Monfort: Hồi ức về điều mất mát](#)

[1933-1955](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)  [Chương 3](#)

[Chương 4](#)  [Chương 5](#)  [Chương 6](#)

Chương 7 🌸 Chương 8 🌸 Chương 9 🌸

Chương 10

Chương 11 🌸 Chương 12

Chương 13

~*~

Bóng hình của gió

1955

Chương 1 🌸 Chương 2 🌸 Chương 3 🌸

Chương 4

~*~

Sau khi chết

Ngày 7 tháng Mười một năm 1955

~*~

Vùng nước tháng Ba

1956

~*~

Các nhân vật

1966





Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên

-o0o-

TÔI VẪN CÒN NHỚ CÁI NGÀY
CHA DẪN TÔI tới Nghĩa Trang Những
Cuốn Sách Bị Lãng Quên lần đầu tiên.
Đó là vào đầu hè năm 1945, chúng tôi
rảo bước qua những con phố của một
Barcelona bị giam hãm dưới những
khoảng trời xám tro khi bình minh trút
xuống Đại lộ Rambla de Santa Mónica
một dòng sáng cuộn cuộn sắc đồng đỏ.

“Daniel, con không kể với bất kỳ

ai những gì sắp thấy ngày hôm nay,” cha tôi cảnh cáo. “Kể cả cậu bạn Tomás của con. Không một ai hết.”

“Kể cả mẹ ư?”

Cha tôi thở dài, lẩn vào sau nụ cười buồn cứ đằng đẵng bám theo ông suốt đời như một cái bóng.

“Đương nhiên là với mẹ thì được,” ông trả lời, lòng nặng trĩu. “Chúng ta không giữ bí mật gì với mẹ cả. Con có thể kể cho mẹ mọi chuyện.”

Không lâu sau cuộc nội chiến, một đợt dịch tả bùng phát đã đem mẹ tôi đi mất. Chúng tôi an táng bà trên đồi *Montjuïc* vào ngày sinh nhật lần thứ tư

của tôi. Điều duy nhất tôi nhớ được là hôm ấy trời mưa cả ngày lẫn đêm, và khi tôi hỏi cha liệu phải chăng Thượng đế cũng đang khóc thương, ông đã không thể cất tiếng trả lời. Sáu năm sau đó sự vắng bóng của mẹ vẫn còn đọng lại trong bầu không khí bao trùm quanh cha con tôi, một sự câm lặng đến chói tai mà tôi mãi không học được cách khắc chế bằng lời nói. Hai cha con tôi sống trong một căn hộ tầm tầm trên khu phố Santa Ana, cách quảng trường nhà thờ một quãng ngắn. Căn hộ của chúng tôi nằm ngay trên tiệm sách, một cửa tiệm tạp nham nhưng đầy sức quyến rũ, nơi đặc biệt chỉ chuyên mua sách hiếm và sách cũ – một di sản ông tôi để lại, mà cha hy vọng một ngày

kia tôi sẽ kế thừa. Lớn lên giữa bao cuốn sách, tôi kết thân với những người người bạn vô hình trong các trang giấy dường như đúc từ bụi mà thành và mùi của họ đến tận bây giờ hai tay tôi vẫn còn mang đậm. Lúc còn nhỏ tôi học được cách chìm vào giấc ngủ giữa khi đang nói chuyện với mẹ trong bóng tối căn phòng ngủ của tôi, thao thao với bà về những sự kiện trong ngày, chuyến phiêu lưu của tôi ở trường, những điều tôi được thầy cô chỉ dạy. Tôi không nghe được giọng nói hay cảm nhận được những vuốt ve của bà, nhưng sự rạng ngời và hơi ấm của bà ngập tràn mọi góc ngách trong ngôi nhà, và với sự ngây thơ của những đứa trẻ vẫn còn đếm ssược số tuổi của mình trên

mười đầu ngón tay, tôi tin rằng nếu tôi nhắm mắt lại và thử thử với mẹ thì mẹ có thể nghe thấy giọng tôi dù bà có đang ở nơi đâu đi nữa. Có đôi lần khi đang ngồi trong phòng ăn, cha nghe thấy tôi đang làm râm, ông thậm chí khóc trong im lặng.

Vào buổi sáng tháng Sáu hôm đó, trời vừa hừng sáng tôi đã bật dậy hét toáng lên. Tim tôi đập thình thịch trong lồng ngực như thể chính linh hồn tôi đang muốn xé toang lối ra và

bỏ chạy khỏi thang gác. Cha vội vã xộc vào phòng và bao bọc tôi trong vòng tay ông, gắng sức trấn an tôi.

“Con không thể nhớ nổi. Con không nhớ được khuôn mặt của mẹ,” tôi

thều thào, không ra hơi.

Cha siết chặt tay tôi.

“Đừng lo, Daniel. Cha sẽ nhớ cả hai chúng ta.”

Chúng tôi nhìn nhau trong căn phòng chạng vạng sáng, gắng sức thốt lên những từ ngữ vốn không hề tồn tại. Lần đầu tiên, tôi nhận ra rằng cha đang già đi. Ông đứng dậy vén rèm để cho ánh ban mai nhạt nhợt tràn vào.

“Đi nào, Daniel, mặc quần áo vào. Cha muốn cho con xem một thứ,” ông nói.

“Có những thứ chỉ nhìn thấy được trong bóng tối,” cha tôi nói, thoáng lên

một nụ cười bí ẩn dường như vay mượn
đâu đó từ những cuốn tiểu thuyết lãng
mạn của Alexandre Dumas cũ nát của
ông.

Lính tuần tra ban đêm vẫn đang
loanh quanh trên các con phố mù sương
khi chúng tôi bước ra cửa chính. Hàng
đèn đường dọc khu Ramblas phác nên
một đại lộ trong làn sương sớm khi thành
phố bắt đầu thức tỉnh, giống như một bức
tranh màu nước chậm chậm trở thành
thực tại. Sau khi tới được phố Nhà Hát
Công Vòm^[1], chúng tôi tiếp tục đi dọc
theo dãy mái vòm của con phố dẫn về
phía quận Raval, cùng tiến vào một vòm
mù sương xám. Tôi theo bước cha dần
sâu vào lòng con hẻm hẹp, giống một vết

seọ hơn là một con phố, cho tới khi hình bóng của khu Ramblas dần tan mất phía sau hai chúng tôi. Ánh ban mai bị những ban công và mái đua gạn xuống thành những dải sáng xiên yếu ớt hòa tan vào bầu không trước khi chạm được tới mặt đất. Cuối cùng cha tôi dừng lại trước một cách cổng lớn bằng gỗ chạm, úa đen vì ẩm mốc và thời gian. Trước mắt chúng tôi lù lù hiện ra một công trình mà trong mắt tôi trông như xác chết của một toà lâu đài, nơi chón của những tiếng vọng và bóng đen.

[1. Nguyên gốc: Arco del Teatro.]

“Daniel, con không được kể với bất kỳ ai những gì sắp thấy ngày hôm nay.

Kể cả cậu bạn Tomás của con. Không một ai hết.”

Một người đàn ông nhỏ thó với khuôn mặt điều hâu đóng khung trong mái tóc xám dày ra mở cửa cho chúng tôi. Đôi mắt ông xoáy vào tôi một ánh nhìn sâu thẳm đầy cảnh giác như của loài chim ưng.

“Chào buổi sáng, Isaac. Đây là con trai tôi, Daniel,” cha tôi thông báo. “Nó sắp mười một tuổi rồi, về sau cửa hiệu sẽ là của nó. Giờ là lúc nó nên biết tới nơi này.”

Người đàn ông tên Isaac gạt đầu và mời chúng tôi vào. Một cảnh u minh nhuốm sắc xanh làm mờ đi các đường

quanh lượn sóng của một cầu thang đá cẩm thạch và dãy tranh tường đầy các nhân vật là những thiên thần và các sinh vật trong truyền thuyết. Chúng tôi theo chủ nhà đi qua dãy hành lang nguy nga dẫn tới một đại sảnh lớn hình tròn, cả một vương cung thành đường bóng tối hình xoắn ốc cuộn lên, bị những tia nắng từ mái vòm bên trên xuyên thủng. Những lối đi giữa các giá cao lên kín sách từ chân đến đỉnh làm nên cả một mê cung như một tổ ong kết hợp từ vô số đường hầm, nấc thang, bậc thềm và cầu nối – cho thấy trước về một thư viện khổng lồ có cấu trúc hình học tưởng như không thể tồn tại trên đời. Tôi ngược lên nhìn cha, sững người kinh ngạc. Ông cười và nháy

mắt với tôi.

"Chào mừng con đến với Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên, Daniel."

Tôi nhìn ra được chừng hơn chục người rải rác khắp các lối đi và thêm thư viện. Một vài trong số họ quay ra chào tôi từ xa, tôi nhận ra khuôn mặt các đồng nghiệp của cha tôi, họ là những người bạn cùng phường buôn sách cũ. Qua góc nhìn của đứa trẻ mới mười tuổi là tôi, họ trông như thể một hội kín các nhà giả kim đang nghiên cứu trong lén lút. Cha quỳ xuống cạnh tôi, dăm dăm nhìn vào mắt tôi mà nói bằng giọng thì thầm vốn chỉ dành để thốt ra các bí mật và lời thề.

“Đây là một nơi chốn của bí mật, Daniel, một thánh đường. Mỗi câu chuyện, mỗi tập sách con thấy ở đây đều chứa đựng một tâm hồn. Tâm hồn của người đã viết nên cuốn sách, của những người đã đọc, sống và mơ ước cùng nó. Mỗi lần một cuốn sách qua tay một người đọc khác, mỗi lần người nào đó lướt mắt qua từng trang sách là một lần linh hồn của cuốn sách ấy trưởng thành và trở nên mạnh mẽ hơn. Thư viện này đã rất lâu đời khi ông con dẫn cha tới đây lần đầu, nhiều năm về trước. Có lẽ nó cũng nhiều tuổi như thành phố này vậy. Không ai biết rõ thư viện này có từ khi nào, hay ai đã lập ra nó. Dù vậy, cha sẽ truyền lại hết cho con những điều đã

được ông con chỉ dạy. Khi một thư viện biến mất, hay một hiệu sách phải đóng cửa, khi một cuốn sách bị ký thác cho sự lãng quên, những người biết rõ nơi này như chúng ta, những người bảo hộ cho cuốn sách, phải đảm bảo rằng cuốn sách ấy được đem tới đây. Ở nơi này, những cuốn sách không còn được ai nhớ tới, những cuốn sách bị quên lãng theo thời gian, đều sẽ tồn tại mãi mãi, im lìm chờ một ngày kia tới được tay một người đọc mới. Ở cửa tiệm chúng ta mua đi bán lại những cuốn sách, nhưng thực tế chúng không hề có chủ. Mỗi cuốn sách con thấy ở đây đều từng là người bạn thân thiết nhất của ai đó. Giờ chúng chỉ còn mỗi chúng ta thôi, Daniel ạ. Liệu con có thể

giữ kín một bí mật nhường này chăng?”

Ánh nhìn của tôi lạc lối trong sự kỳ vĩ và trò ảo thuật ánh sáng của thư viện. Tôi gật đầu, và cha khẽ mỉm cười.

“Con có biết điều tuyệt vời nhất trong chuyện này không?” ông hỏi.

Tôi lắc đầu.

“Theo truyền thống, khi ai đó tới đây lần đầu tiên, anh ta phải chọn một cuốn sách, bất kể cuốn gì, và nhận bảo trợ cho nó, đảm bảo rằng cuốn sách ấy sẽ không bao giờ biến mất, rằng nó sẽ mãi tồn tại. Đó là một lời thề vô cùng quan trọng. Nó sẽ theo con suốt cuộc đời,” cha tôi giải thích. “Hôm nay đến lượt

con đây.”

Trong suốt một tiếng rưỡi đồng hồ, tôi thơ thẩn trong lòng chón mê cung quanh co ấy, hít thở trong mùi giấy cũ và bụi bặm. Tôi lướt tay qua hàng hàng gáy sách trên giá, trầm ngâm suy nghĩ xem mình sẽ chọn cuốn gì. Trong số những dòng nhan đề bị phai mờ theo thời gian, tôi nhìn ra các từ thuộc những thứ ngôn ngữ quen thuộc và những từ khác tôi không thể nhận biết. Tôi lang thang khắp những dãy dài lèn kín hàng trăm, hàng nghìn tập sách. Sau một hồi tôi chợt ngộ ra rằng giữa những trang bìa của mỗi cuốn sách kia đều tồn tại một vũ trụ không bờ bên đang chờ được khám phá, trong khi ấy, bên kia những bức tường

này, tại thế giới bên ngoài, người ta để mặc cho cuộc sống trôi qua với những buổi chiều chìm đắm trong bóng đá và các xê ri kịch truyền thanh suốt suốt, hài lòng với chuyện chẳng quan tâm gì hơn những vấn đề của riêng mình. Có lẽ là chính cái ý nghĩ ấy, hoặc cũng có thể chỉ do ngẫu nhiên, hay do số phận – người họ hàng hoa mỹ hơn của sự ngẫu nhiên, song chỉ biết rằng đúng vào thời khắc ấy tôi thấy mình đã chọn được cuốn sách cần phải bảo trợ, hay có khi chính cuốn sách ấy mới bảo trợ cho tôi. Nó nổi bật một cách khiêm tốn trên góc một giá sách, bọc bìa da có màu rượu vang. Những con chữ nhan đề bằng vàng long lanh trong những giọt nắng từ mái vòm

phía trên rỉ xuống. Tôi lại gần, vừa nhẹ nhàng mân mê dòng chữ bằng đầu ngón tay vừa thầm thì đọc lên:

BÓNG HÌNH CỦA GIÓ

Julián Carax

Tôi chưa bao giờ biết đến nhan đề hay tác giả này, nhưng tôi không để tâm tới điều đó. Ý đã quyết rồi. Cận trọng hết mức, tôi nhấc cuốn sách xuống giở lướt qua các trang giấy, mặc chúng khẽ kêu lạt phật. Được giải thoát khỏi nơi giam cầm trên giá sách, *Bóng hình của gió* toả ra một đám mây bụi vàng óng. Hài lòng với lựa chọn của mình, tôi kẹp cuốn sách vào nách rồi lần ngược lại các bước chân mình trong thư viện để quay trở ra, với

một nụ cười trên môi. Có lẽ bầu không khí mê ảo nơi đây đã mạnh hơn tôi, song dù sao tôi cũng chắc chắn rằng *Bóng hình của gió* đã nằm đây bao năm chỉ để đợi chính tôi, thậm chí có khi còn từ trước cả khi tôi ra đời.

CHIỀU HÔM ĐÓ, ở căn hộ trên phố Santa Ana, tôi nhốt mình trong phòng để nghiên ngẫm những dòng đầu sách. Trước khi kịp nhận ra, tôi đã mê đắm nó tự lúc nào. Cuốn tiểu thuyết kể câu chuyện về một người đàn ông trên hành trình tìm lại cha ruột của mình, người mà anh chưa từng được biết đến cho tới khi mẹ anh tiết lộ về sự tồn tại của ông lúc bà đang hấp hối trên giường bệnh. Câu chuyện về hành trình tìm cha ấy trở thành

một cuộc phiêu lưu siêu tưởng mà trong đó nhân vật chính phải đấu tranh để giành lại thời thanh xuân đã mất, và trong đó bóng ma của một tình yêu bị nguyên rủa dần dần hiện ra ám ảnh anh cho tới tận hơi thở cuối cùng. Khi bí ẩn được hé lộ, câu chuyện gợi tôi nhớ đến một trong những con búp bê Nga, loại có thể chứa vô số bản sao mỗi lúc một nhỏ dần của chính nó ở trong mình nó. Từng bước từng bước câu chuyện cứ tách ra thành hàng ngàn câu chuyện, như thể cuốn tiểu thuyết đó bước vào một khu trưng bày gương kính, khiến nhân dạng của nó phân mảnh rồi tan hoà vào vô cùng tận những ảnh ảo phản xạ. Từng phút từng giờ lướt qua cứ nhanh như trong mơ. Khi tiếng

chuông nhà thờ báo hiệu nửa đêm, tôi hầu như chẳng nghe thấy. Dưới ánh sáng âm áp từ chiếc đèn bàn hắt xuống, tôi bị ném vào một thế giới xa lạ đầy những hình ảnh và xúc cảm, với những nhân vật mà với tôi cũng thật như bầu không khí tôi đang hít thở. Trang này nối tiếp trang kia, tôi mặc cho bản thân bị ma thuật của cuốn sách và thế giới bên trong nó bùa hoàn toàn, cho tới khi hơi thở của bình minh chạm tay vào cửa sổ phòng và đôi mắt mỗi một của tôi lướt qua trang cuối cùng. Tôi nằm trong ánh mờ nhạt nhoàng sắc xanh với cuốn sách trên ngực, lắng nghe tiếng lầm rầm của thành phố còn say ngủ. Mắt tôi dần trĩu nặng, nhưng tôi cố cưỡng lại cơn buồn ngủ.

Tôi còn chưa muốn ma thuật của câu chuyện tan biến đi, cũng chưa muốn nói lời chia tay với những nhân vật trong đó.

MỘT LẦN NỌ, trong cửa hàng sách của cha, tôi nghe một khách hàng quen nói rằng hiếm có gì để lại dấu ấn trong lòng người đọc sâu đậm như cuốn sách đầu tiên tìm được đường vào trái tim người đó. Những hình ảnh đầu tiên ấy, tiếng vọng của những từ ngữ mà ta tưởng mình đã bỏ quên lại phía sau tự khi nào, chúng vẫn đồng hành cùng ta trong suốt cuộc đời, chúng khắc tạc một lâu đài trong ký ức ta, nơi mà sớm hay muộn – bất kể ta có đọc bao nhiêu cuốn sách, khám phá ra bao nhiêu thế giới, thậm chí học được cách lãng quên bao

nhieu điều – chúng ta vẫn sẽ quay trở lại. Với tôi, những trang sách nhiệm màu đó sẽ luôn là những trang sách tôi khám phá ra trong hành lang nơi Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên

Những ngày tro tàn
1945 – 1949

Chương 1

GIÁ TRỊ CỦA BÍ MẬT phụ thuộc vào người mà nó được trao gửi để giữ kín. Ý nghĩ đầu tiên của tôi khi tỉnh dậy là thô lộ với bạn thân nhất của mình về Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên. Tomás Aguilar là cậu bạn cùng lớp, dành trọn thời gian rảnh rỗi và tài năng của mình để phát minh những máy móc hết sức tinh xảo nhưng lại vô cùng quái gở, như phi tiêu khí cầu hay con quay phát điện. Tôi hình dung cả hai đứa, trang bị đèn pin và la bàn, cùng nhau khám phá những bí mật của các hầm mộ sách ấy. Còn ai tốt hơn Tomás để có

thể chia sẻ bí mật đây? Nhưng rồi, lại nhớ về lời hứa của mình, tôi quyết định rằng trong tình huống này tôi phải học theo cách các tiểu thuyết trinh thám hay dùng là chuyển sang phương thức hoạt động khác. Tới chiều, tôi đến gặp cha để hỏi ông về cuốn sách và Julián Carax – cả hai ắt hẳn đều rất nổi tiếng, tôi đoán chừng vậy. Kế hoạch của tôi là tìm ra cho được toàn bộ những cuốn sách khác của Carax và đọc hết chúng từ giờ cho đến cuối tuần. Ngạc nhiên thay, tôi phát hiện cha mình, một thủ-thư-bẩm-sinh, cây từ điển sống về catalô của các nhà xuất bản và những trường hợp lạ kỳ, lại chưa từng nghe đến cái tên *Bóng hình của gió* cũng như Julián Carax. Thấy tò mò, ông

bền lật phần ghi chú của nhà xuất bản in trên mặt sau trang nhan đề để tìm manh mối.

“Ở đây nói rằng cuốn sách này là một trong hai ngàn năm trăm bản in do nhà xuất bản Cabestany Editores ấn hành tại Barcelona, vào tháng Sáu năm 1936.”

“Cha có biết nhà xuất bản đó không?”

“Nó sập tiệm nhiều năm rồi. Nhưng, khoan đã, cuốn này chỉ là tái bản. Lần xuất bản đầu tiên là vào tháng Mười một năm 1935, nhưng là in tại Paris... do nhà Galiano & Neuval xuất bản. Chẳng gọi lên được điều gì.”

“Vậy đây là bản dịch sao?”

“Ở đây không nói vậy. Theo như cha thấy thì bản thảo này ắt phải là nguyên gốc.”

“Một cuốn sách tiếng Tây Ban Nha, xuất bản lần đầu tiên tại Pháp?”

“Cũng không phải chuyện lạ, nhất là vào thời như thế này,” cha tôi nhận định. “Có thể Barceló giúp được chúng ta.”

Gustavo Barceló là đồng nghiệp cũ với cha tôi, ông ta sở hữu một cơ sở buôn bán vững mạnh trên phố Fernando và nắm vị trí chỉ huy trong ngành buôn bán sách cũ của thành phố. Cái tàu thuốc

tắt ngóm lúc nào cũng cố định trên miệng Barceló khiến cả người ông ta như thấm đẫm hương nồng của phiên chợ Ba Tư. Barceló thích mô tả bản thân như người cuối cùng theo đuổi chủ nghĩa lãng mạn, và cho dù là dân gốc ở Caldas de Montbuy nhưng ông ta một mực quả quyết một trong những nhánh xa các cụ kỵ của mình có liên quan trực tiếp tới nhà thơ vĩ đại Lord Byron của nước Anh. Như để chứng minh mối liên hệ đó, Barceló rập khuôn tủ quần áo của mình đúng kiểu một tay ăn diện sành điệu ở thế kỷ 19. Phục sức thông thường của ông ta bao gồm cà vạt, giày da sơn trắng, và chiếc kính một mắt không số mà, theo những lời đồn thổi đầy ác ý, cả lúc riêng

tư nhất trong nhà vệ sinh ông ta cũng chẳng tháo ra. Đẹp những lời huyền hoặc sang một bên, thì người thân đình đám nhất trong dòng dõi Barceló chính là cha ông ta, một nhà tư bản công nghiệp đã phát lên giàu sụ nhờ những mảnh lời đáng ngờ vào cuối thế kỷ 19. Theo lời cha tôi, thì Gustavo Barceló, đơn thuần mà nói, giàu nứt đổ đổ vách, và cửa hàng sách nguy nga của ông ta lập ra vì đam mê nhiều hơn là để kinh doanh. Barceló yêu sách vô điều kiện, và mặc dù ông ta luôn thẳng thừng phủ nhận, nếu ai đó bước vào cửa hàng của Barceló và phải lòng một bộ sách nào đó nhưng không chi trả nổi, Barceló sẵn lòng hạ giá, thậm chí tặng luôn nếu thấy người mua là một độc

giả nghiêm túc chứ không phải tay mơ nào đó tình cờ dạo bước qua. Barceló khoe rằng mình có trí nhớ tuyệt vời cùng với một tâm hồn sính chữ tương xứng với hành vi cử chỉ và độ âm vang trong giọng nói của ông ta. Nếu có ai hiểu biết về sách hiếm, đó chính là Barceló. Chiều hôm đó, sau khi đóng cửa tiệm sách, cha tôi gợi ý bố con tôi tản bộ tới Quatre Gats, một quán cà phê trên phố Montsitó, nơi Barceló và hội hiệp sĩ bàn tròn của ông ta – rất những người đam mê sách vở - tụ tập để cùng bàn luận những cái hay cái đẹp của thi ca cổ, những ngôn ngữ nay chẳng còn ai sử dụng, những kiệt tác bị mối mọt ăn mòn và bị lãng quên.

QUATRE GATS chỉ cách nhà chúng tôi chừng năm phút đi bộ và là một trong những địa điểm ưa thích của tôi. Cha và mẹ gặp gỡ lần đầu tại đó vào năm 1932, và tôi giành được chiếc vé một chiều đến thế giới này một phần cũng là nhờ sự quyến rũ của quán cà phê ấy. Bên ngoài, những con rồng đá canh gác mặt tiền lấp lánh ánh đèn. Bên trong, những giọng nói tưởng chừng vọng lại cùng bóng hình của các thời xa khác. Kế toán viên, những tay mộng mơ và những kẻ tự nhận thiên tài cùng nhau chia sẻ chỗ ngồi với linh hồn những vĩ nhân như Pablo Picasso, Isaac Albéniz, Federico Garcai Lorca và Salvador Dalí. Tại đó, bất cứ kẻ tội đồ đáng thương nào cũng có

thể được coi như nhân vật lịch sử chỉ với giá một cốc cà phê nhỏ.

“Ôi, anh bạn già Sempere,” Barceló thốt lên khi thấy cha tôi bước vào quán. “Vinh quang thay hồi đưa con hoang toàng. Chúng tôi được vinh dự chào đón điều gì đây?”

“Anh nợ cái vinh dự đó cho con trai tôi, Daniel, ngài Gustavo ạ. Thằng bé mới có một khám phá đáng nể.”

“Ồ, vậy hãy cầu nguyện và tới đây ngồi cùng chúng tôi, ta phải ăn mừng sự kiện phù du này mới được.” Barceló tuyên bố.

“Phù du?” tôi thì thầm vào tai cha

mình.

“Barceló chỉ thể hiện được bản thân bằng những từ ngữ có cánh,” cha tôi khẽ đáp lại. “Con đừng nói gì, kéo ông ta làm tới đây.”

Các thành viên nhẹ ký của hội yêu văn thơ dịch sang bên cho chúng tôi vào ngồi cùng, và Barceló vốn khoáng khoai khoe khoang sự hào phóng của mình trước công chúng, một mực khăng khăng đòi thiết đãi hai cha con.

“Cậu chàng này bao nhiêu tuổi rồi?” Barceló hỏi thăm, đánh giá tôi qua khoé mắt.

“Cháu sắp mười một,” tôi đồng

dạc.

Khuôn mặt Barceló thoáng một nụ cười.

“Nói cách khác, mới mười tuổi thôi. Đừng cộng thêm một năm làm gì, nhóc ranh ạ. Đời sẽ biết mà chẳng cần sự giúp đỡ của cậu.”

Vài người bạn cánh hẩu của ông ta lâm bầm tán thành. Barceló ra hiệu cho một người phục vụ nom già nua khác thường đến mức đáng ra nên được công nhận là di sản quốc gia.

“Một cô nhắc cho Sempere bạn tôi, rót từ chai xịn đấy nhé, và một sinh tố quế cho cậu nhỏ - cậu chàng này đang

tuổi lớn đây. Với cả cho chúng tôi một ít thịt xông khói, nhưng đừng có dai như cái mớ vừa nãy ông mang lên đây nhé. Nếu thích nhai cao su, chúng tôi sẽ gọi lốp bánh xe hiệu Pirelli.”

Người phục vụ gật đầu rồi quay đi, lê lét đôi chân.

“Tôi chả thích nhắc đến vấn đề này,” Barceló nói, “nhưng làm sao có công ăn việc làm cơ chứ? Ở cái đất nước này chả ma nào chịu về hưu cả, thậm chí đến chết vẫn không ngừng nghỉ. Nhìn ngài Cid kia là đủ thấy rồi. Nói cho mọi người biết nhé, chúng ta vô vọng rồi.”

Nói rồi ông ta lại gặm mút cái tẩu lạnh ngắt, đôi mắt đã kịp lướt qua cuốn

sách trên tay tôi. Bất chấp mã ngoài tự phụ và tính đông dài, Barceló có thể đánh hơi thấy con mồi ngon như sói ngửi được mùi máu.

“Để xem,” ông ta nói, giả dò hờ hững. “Ta có gì ở đây nào?”

Tôi liếc nhìn cha. Ông gật đầu. Không chân chừ thêm nữa, tôi bèn giao Barceló cuốn sách. Tay buôn sách chào đón nó bằng đôi tay nhà nghề. Những ngón tay như của nghệ sĩ dương cầm mau chóng khám phá lớp bìa vải, kết cấu giấy và tình trạng cuốn sách. Ông ta lật tìm ra trang ghi chú của nhà xuất bản và nhà in rồi nghiên cứu nó với khả năng dò tìm thiên bẩm như của Sherlock Holmes. Cả

đám còn lại chúng tôi quan sát trong nín lặng, như đang chờ đợi một phép màu, hay để được cho phép hô hấp chờ lại.

“Carax à, thú vị đây,” Barceló thăm thì với giọng bí hiểm.

Tôi đưa tay ra chờ nhận lại cuốn sách. Barceló nhướn mày nhưng vẫn trả lại cuốn sách, kèm theo một nụ cười lãnh đạm.

“Bạn tìm thấy nó ở đâu vậy, anh bạn trẻ?”

“Bí mật,” tôi đáp, lòng mằm chắc cha tôi đang kín đáo mỉm cười. Barceló nhúu mày quay ra phía cha tôi. “Sempere, bạn thân thiết nhất đời, vì anh và vì lòng

kính mến tôi dành cho anh, vì tình cảm dài lâu và sâu đậm làm chúng ta gắn bó như anh em, tôi có thể trả bốn mươi duro, thế là hết mức.”

“Anh phải bàn chuyện đó với con trai tôi,” cha tôi nói. “Cuốn sách là của thằng bé.”

Barceló bèn cấp cho tôi một nụ cười hau háu. “Cậu thấy sao, chàng trai trẻ? Bốn mươi duro, giao dịch lần đầu mà được như vậy là không tồi chút nào đâu. Sempere, con trai anh sẽ làm nên tên tuổi trong ngành này đây.”

Hội văn thơ tán đồng nhận định này của ông ta. Barceló nhìn tôi vẻ đắc thắng rồi lôi ví da ra. Vô cùng kiêu cách,

ông ta đếm ra đủ hai trăm peseta, mà hồi đó là một khoản kha khá, đưa cho tôi. Nhưng tôi chỉ lắc đầu. Barceló gằn giọng.

“Cậu bé à, tham lam hiển nhiên là tính xấu, thậm chí nếu nói nặng hơn thì là tội ác. Hãy biết điều. Gọi tôi là dờ hơi cũng được, nhưng tôi sẽ tăng giá lên sáu mươi duro, cậu có thể lập sổ tiết kiệm hưu trí ấy chứ. Ở tuổi này cũng phải bắt đầu nghĩ về tương lai đi.”

Tôi lắc đầu lần nữa. Qua chiếc kính một mắt, Barceló ném một tia nhìn hiểm độc về phía cha tôi.

“Đừng nhìn tôi,” cha tôi nói. “Tôi chỉ đến đây với tư cách hộ tống.”

Barceló thở dài rồi sẫm soi nhìn tôi.

“Nào, anh chàng. Thực sự thì cậu muốn *cái gì*?”

“Cháu muốn biết Julián Carax là ai và ở đâu có thể tìm được những cuốn khác của ông ấy.”

Barceló cười khùng khục, cất ví vào túi áo, đánh giá lại đối phương trước mặt.

“Trời ạ, một học giả. Sempere, anh nuôi thằng bé này bằng gì vậy?”

Tay buôn sách vươn người về phía tôi, ra vẻ có điều riêng tư muốn nói,

trong một giây tôi thoáng nghĩ ông ta vừa để lộ ánh nhìn đầy nể trọng vừa mới đây không hề có.

“Chúng ta hãy trao đổi nhé,” Barceló nói. “Ngày mai, Chủ nhật, vào buổi chiều, hãy ghé qua thư viện Ateneo hỏi gặp tôi. Mang theo cả cái khám phá quý báu kia của cậu đi, để tôi có thể xem thật tỉ mỉ, rồi tôi sẽ kể cho cậu những điều tôi biết về Julián Carax. Quid pro quo.”

“Quid pro gì?”

“Tiếng La linh, chàng trai trẻ ạ. Chẳng có gì gọi là tử ngữ, chỉ có những ký ức ngủ đông. Diễn giải ra, câu đó có nghĩa ta chẳng thể lấy không bất cứ thứ

gì, nhưng vì tôi thích cậu, tôi sẽ ban cho cậu một đặc ân.”

Những lời hùng hồn của Barceló giết được cả ruồi đang bay trên không, nhưng tôi ngờ rằng nếu muốn tìm hiểu bất cứ điều gì về Julián Carax thì tôi nên giữ quan hệ tốt với ông ta. Tôi chìa ra nụ cười thân thiện nhất, tỏ ra đầy thích thú trước cảm xúc La tinh dâng trào của ông ta.

“Nhớ đây, ngày mai, ở thư viện Ateneo,” tay bán sách nhắc lại. “Nhưng phải mang theo cuốn sách đấy, nếu không sẽ chẳng có trao đổi gì hết.”

“Được.”

Cuộc đối thoại của chúng tôi dần hoà vào những tiếng lầm rầm của các thành viên khác cũng ngồi trong quán. Buổi tranh luận chuyển hướng sang những tài liệu được tìm thấy trong tầng hầm El Escorial, gợi ý rằng rất có khả năng Miguel de Cervantes, tác giả *Don Quixote*, thực ra chỉ là bút danh của một nữ kiệt viết văn sống tại Toledo, nghe đâu bà ta cao to và có nhiều lông tóc. Barceló trông lơ đãng, chẳng mấy hứng thú với việc giữ lấy một chân trong cuộc tranh luận. Ông ta chỉ yên lặng, quan sát tôi từ sau cái kính một mắt chỉ để trang trí kèm theo một nụ cười nguy tạo. Hoặc cũng có thể ông ta chỉ chăm chăm vào cuốn sách tôi đang cầm trên tay.

Chương 2

CHỦ NHẬT ĐÓ, trời đổ mây ngập
ngụa nhân chìm các con phố trong làn
sương mù nóng ẩm dễ khiến cả nhiệt kế
trên tường cũng phải rỉ mồ hôi. Tầm giữa
giờ chiều, nhiệt độ đã vượt ngưỡng 33
khi tôi lên đường tới phố Canuda cho kịp
cuộc hẹn với Barceló, tay giữ rịt cuốn
sách, mồ hôi đầm đìa trên trán. Thư viện
Ateneo đã từng – và vẫn còn – là một
trong nhiều địa điểm tại Barcelona nơi
thế kỷ 19 vẫn chưa phải nhận thông cáo
di dời. Chiếc cầu thang đá đồ sộ dẫn
đường từ khoảng sân nguy nga tới một
mạng lưới ma quái những hành lang và

phòng đọc. Tại đây, những phát minh như điện thoại, đồng hồ đeo tay, cùng với sự nôn nả, đều như thể là những sản phẩm của niên đại vị lai. Người gác cổng, hay cũng có thể là bức tượng vận đồng phục, hầu như không chú ý tới sự xuất hiện của tôi. Tôi se sẽ lên tầng một, thầm ước những cánh sắt của chiếc quạt trần đang quay mòng mòng trên đầu đám người đọc ngái ngủ kia có thể tan chảy như nước đá và nhỏ xuống những trang sách họ đang mở.

Hình bóng Gustavo Barceló mờ mờ hiện ra bên cửa sổ hành lang nhìn xuống khu sân trong toà nhà. Mặc cho bầu không xung quanh đặc quánh thời tiết vùng nhiệt đới, ông ta vẫn diện bộ cánh

kiểu cách như thường lệ, chiếc kính một mắt sáng lóe lên trong góc tối nom y hệt đồng xu nằm dưới giếng sâu. Có một dáng người bận váy len trắng bên cạnh ông ta, trông như một thiên thần.

Nghe thấy tiếng chân tôi, Barceló khép hờ mắt và ra hiệu tôi hãy tới gần hơn. “Daniel phải không?” tay buôn sách hỏi. “Cậu có mang theo cuốn sách chứ?”

Tôi gật đầu với cả hai người trước mặt và ngồi xuống chiếc ghế mà Barceló bảo, cạnh ông ta và người bạn đồng hành bí ẩn kia. Một lúc khá lâu, tay buôn sách chỉ yên lặng cười, không mấy để tâm đến sự hiện diện của tôi. Tôi mau chóng từ bỏ mọi hy vọng được giới thiệu với cô

nương váy trắng, dù cô có là ai. Barceló tỏ ra như cô không có ở đó, như thể cả hai chúng tôi đều chẳng nhìn thấy cô. Tôi liếc nhanh sang cô, e sợ gặp phải ánh mắt trống rỗng của cô đang chăm chăm hướng về phía xa. Da mặt và tay cô trắng xanh, gầy như trong suốt. Khuôn mặt cô gầy gọn, tạo thành từ những đường nét sắc rõ, bao gọn trong làn tóc đen óng như đá ướt. Tôi đoán chừng cô ít nhất cũng hai mươi, nhưng phong thái của cô ẩn chứa gì đó khiến tôi cảm giác cô không có tuổi. Tưởng chừng cô đã mắc lại trong tuổi thanh xuân vĩnh viễn như những con ma nơ canh được bảo quản trong khung kính cửa hàng. Đang chú mục xem trên chiếc cổ thiên nga của cô

liệu có dấu hiệu nào của mạch sống hay không, tôi chợt để ý thấy Barceló đang chăm chăm nhìn mình.

“Vậy cậu có định cho tôi biết xem cậu tìm thấy cuốn sách này ở đâu?” ông ta hỏi.

“Tôi có thể cho ông biết, nhưng tôi đã hứa với cha là sẽ giữ bí mật,” tôi giải thích.

“Hiểu rồi. Sempere và những bí mật của ông ta,” Barceló nói. “Tôi nghĩ mình có thể đoán ra. Cậu trúng số rồi đấy, con trai ạ. Tôi gọi đó là nhật được kim giữa đồng hoa ly ly. Tôi xem được chứ?”

Tôi đưa ông ta cuốn sách, Barceló nhận nó với sự cẩn trọng hết mực. “Cậu đọc nó rồi, tôi đồ là vậy.”

“Vâng, thưa ông.”

“Ghen tị với cậu đấy. Tôi vẫn luôn cho rằng thời khắc phù hợp nhất để đọc Carax là lúc trái tim người ta còn non trẻ và tâm hồn còn trong trẻo. Cậu có biết đây là cuốn tiểu thuyết cuối cùng của tác giả không?”

Tôi lắc đầu.

“Cậu có biết còn bao nhiêu bản như thế này trên thị trường sách không, Daniel?”

“Cỡ vài nghìn, cháu đoán vậy.”

“Không,” Barceló nhấn mạnh. “Chỉ mỗi cuốn của cậu thôi. Toàn bộ đều đã bị đốt hết.”

“Đốt hết?”

Thay cho câu trả lời, Barceló chỉ cười một cách khó hiểu trong lúc lướt qua cuốn sách, vuốt ve trang giấy như thể nó làm bằng lụa hiếm. Cô nương váy trắng chậm chậm quay sang. Mũi cô run run nhoẻn một nụ cười thẹn thùng. Đôi mắt cô đỏ đậm trong tròng rỗng, con ngươi trắng như cẩm thạch. Tôi nuốt tuốt một ngụm hơi. Cô ấy bị mù.

“Cậu không biết cháu gái tôi, Clara, phải không?” Barceló hỏi.

Tôi chỉ có thể lắc đầu, không tài nào rút ánh mắt khỏi người phụ nữ có làn da búp bê sứ và đôi mắt trắng kia, đôi mắt buồn nhất tôi từng được thấy.

“Thực ra, chuyên gia về Julián Craxa chính là Clara, thế nên tôi mang con bé theo,” Barceló nói. “Tôi đã định mình sẽ chuyển sang phòng khác, nếu cậu không phiền, để nghiên cứu cuốn sách này trong khi cậu và con bé làm quen với nhau. Được chứ?”

Tôi thất kinh nhìn ông ta. Gã còn đồ võ nhẹ vào lưng tôi rồi bỏ đi với cuốn sách trên tay.

“Em gây ấn tượng với bác ấy đấy,

em biết không,” giọng nói phía sau tôi cất lên.

Tôi quay lại và để ý thấy nụ cười mỉm trên khuôn mặt cháu gái tay buôn sách. Giọng cô như pha lê thuần khiết, trong suốt và mỏng manh đến mức tôi hãi rằng những lời cô nói sẽ vỡ tan nếu bị tôi ngắt ngang.

“Bác ấy nói đã ra giá đáng kể cho cuốn sách của Carax, nhưng em từ chối,” Clara nói thêm. “Em đã có được sự tôn trọng của bác ấy.”

“Ngài ấy làm gì cũng đều cho thấy điều ngược lại,” tôi thở dài.

Tôi nhận thấy rằng mỗi khi Clara

cười, cô khẽ nghiêng đầu sang bên, các ngón tay cô đang mân mê một chiếc nhẫn có vẻ làm từ ngọc bích.

“Em bao nhiêu tuổi rồi?” cô hỏi.

“Gần mười một ạ,” tôi đáp. “Thế cô bao nhiêu tuổi, thưa cô Clara?”

Clara cười trước sự ngây thơ ngỡ ngược của tôi.

“Gần gấp đôi tuổi em, nhưng dù vậy cũng không cần phải thưa cô với tôi.”

“Trông cô trẻ hơn tuổi nhiều, thưa cô,” tôi nhấn mạnh cách xưng hô, hy vọng lần này sẽ giúp tôi thoát khỏi sự hờ hênh trước đó.

“VẬY TÔI TIN EM, CŨNG BỞI TÔI CHẲNG BIẾT MÌNH TRÔNG RA LÀM SAO,” CÔ ĐÁP LỜI. “NHƯNG NẾU EM THẤY TRÔNG TÔI TRẺ NHƯ VẬY THÌ CÀNG CÓ THÊM LÝ DO ĐỂ BỎ CÁCH GỌI ‘CÔ’ ĐÓ ĐI.”

“Tuỳ ý cô, thưa cô Clara.”

TÔI QUAN SÁT HAI TAY CÔ DANG RA TRÊN ĐÙI TRÔNG GIỐNG NHƯ ĐÔI CÁNH, DÁNG CHIẾC EO THON MỎNG MẢNH ẨN HIỆN DƯỚI LẦN VÁY LEN, ĐƯỜNG CONG CỦA HAI VAI, SẮC DA SÁNG XANH TRÊN CHIẾC CỔ, ĐƯỜNG VIỀN ĐÔI MÔI CÔ, THỨ TÔI SẴN LÒNG ĐÁNH ĐÔI CÁNH LINH HỒN ĐỂ ĐƯỢC CHẠM TỚI DÙ CHỈ BẰNG ĐẦU NGÓN TAY. TRƯỚC ĐÂY TÔI CHƯA TỪNG CÓ DỊP CHIÊM NGƯỠNG MỘT NGƯỜI PHỤ NỮ GẦN VÀ TỈ MỈ ĐẾN THẾ, LẠI KHÔNG PHẢI E SỢ CÁI

nguy cơ bị ánh mắt cô bắt gặp.

“Em đang nhìn gì thế?” Clara hỏi, giọng không chút ác tâm.

“Bác cô nói cô là chuyên gia về Julián Carax,” tôi ứng biến, mồm khô khốc.

“Bác tôi sẵn lòng nói bất cứ điều gì để mua được chút thời gian một mình với cuốn sách khiến ông ấy mê mẩn,” Clara giải thích. “Nhưng hẳn em đang bán khoản tại sao một người mù lại có thể là chuyên gia về sách được chứ.”

“Em chưa từng nghĩ thế.”

“Với một cậu nhóc suýt soát mười một, em nói dối không tồi. Cần thận đây,

không về sau thành ra giống như ông bác tôi.”

Sợ vướng thêm phải vài lời nói hớ khác, tôi quyết định im lặng. Tôi chỉ ngồi lóng ngóng nhìn, hưởng thụ sự hiện diện của cô.

“Nào, tới đây, gần hơn đi,” Clara nói.

“Dạ?”

“Tới gần hơn đi, đừng sợ, tôi không cắn em đâu.”

Tôi rời ghế mình, đi tới chỗ cô đang ngồi. Cháu gái gã buôn sách giơ tay phải lên, cố rờ được tôi. Không biết phải làm gì, tôi cũng vươn tay về phía cô.

Clara đón tay tôi bằng tay trái và rồi, không nói gì, cô chìa tay phải ra. Theo bản năng, tôi hiểu cô muốn làm gì, bèn kéo hai tay cô lên mặt mình. Tay cô chạm vào tôi vừa miết xát vừa dịu nhẹ. Ngón tay cô lướt trên cằm, rồi hai gò má tôi. Tôi đứng đó bất động, gần như không dám thở, trong khi Clara nhận dạng nét mặt tôi bằng hai bàn tay. Trong khi làm vậy, cô tự cười một mình, tôi chú ý thấy có chuyển động nhỏ nơi đôi môi cô, kiểu làm râm không thành tiếng. Tôi cảm nhận tay cô lướt trên trán, tóc và mí mắt mình. Tay cô dừng trên môi tôi, ngón trỏ và ngón đeo nhẫn lần theo đường môi cong. Ngón tay cô thoảng mùi vỏ quế. Tôi nuốt ực một cái, mạch đập nhanh hơn, lòng

thầm cảm ơn rằng chẳng có ai chứng kiến
mặt tôi đang bùng bùng đỏ, để chùng có
thể châm sáng một điều xì gà đặt cách đó
ba mươi phân.

Chương 3

VÀO CÁI CHIỀU MÙ SƯƠNG VÀ MƯA BỤI ĐÓ, Clara Barceló đã đánh cắp mất trái tim, hơi thở và giấc ngủ của tôi. Trong ánh nhập nhoạng ma quái của thư viện Ateneo, đôi tay cô đã viết lên da tôi một lời nguyền sẽ còn ám ảnh tôi nhiều năm nữa. Trong lúc tôi đang mê mẩn ngắm nhìn, Clara giải thích việc làm sao cô tình cờ tiếp cận được với tác phẩm của Julián Carax, tại một ngôi làng ở Provence nước Pháp. Cha cô, một luật sư tài năng có quan hệ với nội các của thống đốc xứ Catalan, sớm dự đoán được cuộc chính biến sắp tới

nên đã gửi vợ và con gái sang bên kia biên giới ngay khi cuộc Nội Chiến mới bắt đầu. Vài người cho rằng ông sợ hơi quá đáng, họ khăng khăng cho rằng chả có chuyện gì có thể xảy ra với Barcelona cả. Tại Tây Ban Nha, vốn vừa là cái nôi vừa là đỉnh cao của Thiên Chúa giáo, sự man rợ là thứ chỉ có ở bọn vô chính phủ - những kẻ cưỡi xe đạp và toàn đi tát rách - bọn ấy thì cầm chắc sẽ không thể tiến xa. Nhưng cha của Clara tin rằng một quốc gia chẳng bao giờ tự nhìn thấy bản thân nó rõ ràng được như trong gương phản chiếu, nhất là khi chiến tranh đang bén rễ trong đầu óc họ. Ông có hiểu biết sâu sắc về lịch sử và biết rõ rằng, trên các con phố, nhà xưởng, trong trại

lính, ta có thể đọc thấy tương lai rõ hơn nhiều so với đọc trong các tờ báo sáng. Hàng tháng trời ông viết cho vợ và con gái mỗi tuần một bức thư. Thoạt tiên là từ văn phòng của mình trên phố Diputación, nhưng về sau các bức thư của ông không còn ghi địa chỉ người gửi. Cuối cùng, ông phải lén lút viết thư tại nhà ngục trong lâu đài Montjuïc, nơi không ai thấy ông bị đưa vào, và cũng như vô số nạn nhân khác, ông không bao giờ từ đó bước ra.

KHI ĐỌC TỜ THƯ CHO CLARA NGHE, mẹ cô gần như không kìm nổi nước mắt và phải bỏ qua nhiều đoạn mà con gái bà cũng cảm nhận được dù không cần phải nghe hết. Sau đó, đợi đến khi

mẹ đã ngủ, Clara nài nỉ người chị họ Claudette đọc lại thư của cha mình toàn bộ từ đầu đến cuối. Clara đã đọc bằng cách đó, với đôi mắt đi mụn. Không một ai từng thấy cô nhỏ lấy một giọt nước mắt, thậm chí cả khi thư của vị luật sư không còn tới nữa, cả khi tin tức về chiến tranh khiến tất cả họ sợ rằng chuyện xấu nhất đã xảy ra.

“Ngay từ đầu cha tôi đã biết chuyện gì sẽ xảy ra,” Clara giải thích. “Ông vẫn giữ mối quan hệ thân thiết với bạn bè vì cảm thấy đó là nghĩa vụ của mình. Cái khiến ông mất mạng chính là lòng trung thành ông dành cho những kẻ mà, khi tới lúc cần, chúng sẵn sàng bán rẻ ông. Đừng tin bất kỳ ai, Daniel, nhất

là những người em ngưỡng mộ. Chính họ sẽ khiến em phải hứng chịu những tai hoạ nặng nề nhất.”

Clara nói những lời ấy với một sự sắt đá như đã sinh ra và lớn lên sau bao năm âm thầm áp ủ. Tôi sung sướng lạc mình trong ánh nhìn bằng sứ của cô, lắng nghe cô tâm sự những điều mà khi ấy tôi chẳng thể nào hiểu nổi. Cô mô tả những con người, quang cảnh và sự vật mà bản thân chưa từng được thấy nhưng lại có thể chuyển hoá chúng hết sức chi tiết và chuẩn xác như một nghệ sĩ người Flander xuất chúng. Những từ cô nói khơi gợi rõ mồn một những chất liệu vật thể, những tiếng vọng, âm sắc các giọng nói, nhịp điệu những bước chân. Clara giải thích

rằng, trong suốt những năm lưu vong tại Pháp, cô và chị họ Claudette học cùng một gia sư. Ông ta tầm năm mươi tuổi, gần như một con sâu rọu dù chưa đến mức, tự khoác trên mình vẻ văn chương nho nhã và luôn khoe mình có thể ngâm cả trường ca *Aeneid* của Virgil bằng tiếng La tinh không hề pha giọng. Hai chị em đặt biệt danh cho ông ta là “Ngài Pho mát” để vinh danh thứ mùi hương độc đáo từ ông ta toát ra, bắt chắp cả tán nước hoa ông ta dùng để ướp cái tấm thân ngoại cỡ của ông. Tuy có vô số thứ chẳng giống ai (đáng chú ý như niềm tin sắt đá sắc mùi quân phiệt rằng dôi tiết và thịt lợn có công hiệu kỳ diệu giúp cải thiện chứng suy nhược tuần hoàn và bệnh

gút), Ngài Pho mát có gu khá tinh tế. Thời còn trẻ, cứ mỗi tháng ông ta lại tới Paris một lần để tăng thêm gia vị cho vốn văn hoá và phép ứng xử của mình bằng những tác phẩm văn chương thời thượng, tham quan viện bảo tàng, và thậm chí, theo lời đồn đại, tự cho phép mình qua một đêm trong vòng tay một cô nàng nóng bỏng mà ông xưng tụng là “Bà Bovary”, dù tên thật của cô ta là Hortense và những từ cô ta có thể đọc chỉ hạn chế ở mức “hai mươi franc”. Trong những chuyến la cà nhằm mục đích giáo dục ấy, Ngài Pho mát thường xuyên tới thăm một quầy sách cũ toạ lạc trên Quảng trường Nhà thờ Đức Bà. Chính ở đó, rất vô tình, vào một buổi chiều năm

1929, ông tình cờ chú ý tới cuốn sách của một nhà văn vô danh, người nào đó tên Julián Carax. Vốn luôn cởi mở với các *trào lưu mới*, Ngài Pho mát đã mua cuốn sách trong lúc hứng lên. Nhan đề khá khơi gợi, vả lại ông cũng có thói quen đọc gì đó nhẹ nhàng trên chuyến tàu về nhà. Cuốn tiểu thuyết tên là *Ngôi nhà màu đỏ*, trên bìa sau có tấm ảnh mờ chân dung tác giả, có thể là một tấm hình chụp mà cũng có thể chỉ là bức phác thảo chì. Theo như giới thiệu tác giả, nhà văn Julián Carax hai mươi bảy tuổi, sinh ra tại Barcelona và hiện sống tại Paris; anh ta viết bằng tiếng Pháp và đêm đêm biểu diễn piano chuyên nghiệp tại một quán bar. Lời giới thiệu sách, viết theo kiểu

văn hoa mỹ rườm rà thời đó, ca ngợi rằng đây là tác phẩm đầu tay xuất phát từ một lòng can đảm chói sáng, dấu ấn của một tài năng tiên phong và đa dạng, một mốc lịch sử cho tương lai văn chương toàn châu Âu. Song dù có những định long trọng nhường đó, phần tóm tắt theo sau lại gợi ý rằng cuốn tiểu thuyết bao hàm một số yếu tố dường như có phần hắc ám được ướp từ từ trong lối viết đầy cảm xúc đôi phần cường điệu, điểm này trong mắt Ngài Pho mát luôn đáng được điểm cộng: sau những cuốn kinh điển, ông ta luôn khoái nhất những câu chuyện về tội ác, bí mật khuê phòng, những hành vi đáng ngờ vực.

NGÔI NHÀ MÀU ĐỎ KÊ VỀ

MỘT NHÂN VẬT BÍ HIỀM với tâm hồn không ngừng bị giày vò, anh ta chuyên đột nhập vào các tiệm đồ chơi hay viện bảo tàng hồng đánh cắp búp bê và con rối. Một khi đã nắm giữ chúng trong tay, anh ta móc mắt chúng ra đem về giấu tại căn cứ thê lương của mình, một nhà kính ma quái và cũ nát còn bám víu bên bờ sông Seine mù sương. Vào một tối định mệnh, anh ta đột nhập vào một biệt thự xa hoa trên Đại lộ Foch, quyết tâm tước đoạt cho bằng được bộ sưu tập búp bê của một ông trùm kinh doanh, và như có thể dự đoán, ông trùm này giàu đến kịch cỡm cũng là nhờ vô số mảnh khoé gian ác trong suốt thời cách mạng công nghiệp. Ngay khi định lên đi

với chiến lợi phẩm cướp được, tên trộm của chúng ta bất ngờ bị con gái ông trùm bắt gặp, cô là một thiếu nữ Paris thượng lưu tên Giselle, đọc nhiều hiểu rộng và vô cùng tinh tế nhưng chẳng may mang bản chất yếu nhược nên lẽ tự nhiên là số trời định sẵn cô sẽ yêu điên cuồng kẻ đột nhập kia. Trong khi thiên trường ca lắt léo tiếp diễn qua một loạt sự kiện rối rắm trong bối cảnh mờ mờ ảo ảo, nhân vật nữ chính của câu chuyện bắt đầu giải mã nguyên nhân đã khiến nhân vật chính đầy bí ẩn (người mà, đương nhiên, không bao giờ được lộ tên) phải chọc mù búp bê, và cùng với quá trình đó cô phát hiện được bí mật khủng khiếp về cha mình cùng bộ sưu tập búp bê sứ của ông ta.

Thế rồi, câu chuyện chìm trong một kết cục bi thảm và tăm tối đậm màu quái dị.

Bản thân Ngài Pho mát cũng mang những kỳ vọng văn chương và là chủ nhân của một bộ sưu tập khổng lồ các thư từ chối của tất tạt các nhà xuất bản đầy tự phụ ở Paris để trả lời cho những tập thơ và văn ông gửi đến họ không ngừng nghỉ. Nhờ vậy, ông nhận ra ngay được nơi đã ấn hành cuốn tiểu thuyết này, ấy chỉ là một nhà xuất bản hạng hai, vốn dĩ chuyên về các loại sách nấu ăn, may vá và đồ thủ công đơn giản khác. Chủ quầy sách kể cho ông ta rằng, khi cuốn tiểu thuyết mới ra đời, nó chỉ được tặng cho hai bài giới thiệu nhỏ giọt trên mấy tờ nhật báo tỉnh lẻ, đã vậy còn bị cố ý xếp ngay cạnh

mục cáo phó. Cánh phê bình được dịp vùi dập Carax trong vòn vện dăm dòng, khuyên anh ta đừng bỏ nghề biểu diễn piano làm gì, bởi rõ ràng trong nghiệp văn chương anh ta sẽ không sao chơi được cho đúng nốt đâu. Ngài Pho mát, vốn sở hữu trái tim và chiếc ví dễ mềm đi mỗi lần gặp phải những người thất cơ lỡ vận, liền quyết định đầu tư một nửa franc vào cuốn sách của nhà văn vô danh Carax, cùng lúc rinh hẵn một bản in đặc biệt của Gustave Flaubert – Ngài Pho mát thường tự coi mình là người thừa kế không được công nhận của đại văn hào ấy.

Chuyến tàu tới Lyon chật ních người, Ngài Pho mát đành miễn cưỡng

chia sẻ toa xe hạng hai của mình với một nhóm bà xơ, các bà vừa ném cho ông ta những cái nhìn chê trách ngay từ lúc họ rời ga Austerlitz, vừa làm bầm không rõ tiếng. Phải chịu trận trước kiểu sấm soi của họ, ông giáo đành quyết định rút cuốn tiểu thuyết từ cặp tài liệu ra và rà soát mình sau những trang sách. Trước sự ngạc nhiên của chính mình, vài trăm dặm sau đó ông giáo phát hiện ra mình gần như đã quên hẳn sự tồn tại của mấy bà xơ, chuyến tàu lắc lư, những cảnh vật tối đen bên ngoài đang trượt qua cửa sổ như những trường đoạn ác mộng trong phim của anh em nhà Lumière. Ông đọc cả đêm, không mấy may nhận thức tiếng mấy bà xơ ngáy khò khò hay tiếng những sân

ga sáng đèn lướt qua trong sương mù. Trời tảng sáng, khi lậ tới trang cuối cùng, Ngài Pho mát nhận ra đôi mắt mình nhuốm lệ, còn trái tim bị đầu độc bởi lòng ghen tị và sùng sốt.

SÁNG THỨ HAI ĐÓ, Ngài Pho mát gọi đến nhà xuất bản ở Paris yêu cầu chút thông tin về Julián Carax. Sau khi ông đã nài nỉ hồi lâu, người nhận cuộc gọi ở đầu bên kia với giọng như bị suyễn và tâm trạng cáu bẳn liền đáp rằng không có địa chỉ của Carax và dù sao thì nhà văn ấy chẳng còn làm việc với bên họ nữa. Cô ả còn thêm rằng, sau khi được ấn hành, *Ngôi nhà màu đỏ* chỉ bán được

chính xác bảy mươi bảy bản, hầu hết có thể đoán là do các thiếu nữ lẳng lơ dễ dãi kiếm về và những người hay lưu tới câu lạc bộ nơi tác giả thường tuôn ra mấy bản polonaise và dạ khúc hòng kiếm vài đồng. Số bản in còn lại đều bị trả lại rồi nghiền ra tái chế để in kinh sách, giấy phạt và vé số.

Vận rủi của nhà văn bí ẩn đã giành được lòng thương cảm của Ngài Pho mát, và trong suốt mười năm sau đó, mỗi lần ghé qua Paris, ông đều lục tung các hiệu sách cũ hòng tìm kiếm những tác phẩm khác của Julián Carax. Ông không bao giờ tìm được dù chỉ một cuốn. Hầu như chẳng có ai từng nghe tới tên Carax, và những người thấy cái tên đó quen

quen thì lại biết vô cùng ít. Vài người thề rằng họ từng mua những cuốn sách khác cũng của Carax, luôn được ấn hành bởi các nhà xuất bản nhỏ với số lượng phát hành đáng nực cười. Những cuốn sách ấy, nếu có tồn tại, đều không thể tìm nổi. Một người bán sách kể rằng mình từng sở hữu một cuốn của Julián Carax. Tên cuốn sách là *Tên trộm trong nhà thờ*, nhưng đã quá lâu rồi và hơn nữa ông ta cũng không dám chắc. Cuối năm 1935, một tin mới bay đến tai Ngài Pho mát: Julián Carax vừa xuất bản một cuốn tiểu thuyết mới, *Bóng hình của gió*, được ấn hành bởi một nhà xuất bản nhỏ tại Paris. Ông ta liền viết thư tới nhà xuất bản hỏi liệu có thể mua vài cuốn chăng, nhưng

chẳng bao giờ nhận được hồi âm. Năm tiếp theo, mùa xuân 1936, người bạn cũ ở quây sách bên bờ sông Seine hỏi liệu ông ta có còn hứng thú với Carax không. Ngài Pho mát quả quyết mình sẽ không bao giờ từ bỏ. Giờ đây nó là vấn đề tính ngoan cố: nếu thế gian này đã quyết tâm muốn chôn vùi Carax, ông ta nhất định không về phe với nó. Bạn ông ta bèn kể rằng vài tuần trước đó có một tin đồn liên quan đến Carax gây xôn xao dư luận. Có vẻ như rốt cuộc vận may của Carax cũng được cải thiện. Anh ta sắp kết hôn với một phụ nữ rất có địa vị xã hội, và sau vài năm im hơi lặng tiếng, anh ta cũng cho ra đời được một cuốn tiểu thuyết mà lần đầu tiên giúp tác giả

nhận được một vài điểm tích cực, không phải ở nơi nào khác mà chính là nhật báo danh tiếng *Le Monde*. Nhưng ngay khi tưởng chừng gió đã đổi chiều, người bán sách kể tiếp, thì Carax lại bị vướng vào một vụ thách đấu tay đôi tại nghĩa trang Père Lachaise. Những chi tiết xung quanh sự kiện này không ai được rõ. Tất cả những gì người bán sách biết là cuộc thách đấu kia diễn ra đúng vào xế chiều này Carax đáng ra phải làm lễ cưới, và chú rể đã không xuất hiện ở nhà thờ.

Mỗi người có một giả thiết riêng hợp ý mình: một số người tin rằng Carax đã bỏ mạng trong cuộc quyết đấu và thi thể của anh ta bị bỏ mặc dưới một nấm mồ vô danh; một số người khác, có suy

nghĩ tích cực hơn, thiên về hướng tin rằng Carax đã bị sa lầy trong sự vụ mờ ám nào đó, trầm trọng đến mức anh ta phải bỏ vị hôn thê lại trước bàn thờ Chúa, đào tẩu khỏi Paris và quay về Barcelona. Năm mồ vô danh có thể vĩnh viễn chẳng bao giờ được tìm ra, và sau đó không lâu người ta lại truyền tai nhau một dị bản hoàn toàn khác: Julián Carax, người cả đời bị ám vận xui, đã lìa đời nơi thành phố quê hương tại khu ổ chuột bẩn thỉu nhất. Những cô gái làng chơi trong khu nhà chứa mà anh ta từng biểu diễn piano đã thu xếp được chút tiền quyên góp để lo liệu một tang lễ tươm tất, nhưng khi khoản tiền đến được tới Barcelona, thì hài đã được chôn cất

trong một ngôi mộ bần cùng, cạnh chỗ chôn thây của dân ăn mày và những người chết vô danh xác nổi lên phềnh trên mặt nước bên cảng hoặc lìa đời trước công ga tàu điện ngầm vì không chịu nổi cái rét.

KHÔNG RÕ LIỆU CÓ PHẢI chỉ bởi vì thích đi ngược góc nhìn của số đông mà Ngài Pho mát vẫn không hề quên đi Carax. Mười một năm sau khi phát hiện ra *Ngôi nhà màu đỏ*, ông ta quyết định cho hai cô trò của mình mượn đọc cuốn sách, hẳn với hy vọng rằng không chừng cuốn sách kỳ lạ đó có thể khuyến khích chúng phát triển thói quen đọc sách. Hồi đó Clara và Claudette còn là những thiếu nữ dạt dào hoóc môn

trong từng mạch máu và bị ám ảnh bởi thế giới bên ngoài cửa sổ phòng học đang nháy mắt với mình. Bất chấp những nỗ lực hết mình của vị gia sư, hai cô gái vẫn tỏ ra miễn nhiễm với ma lực của những tác phẩm kinh điển, truyện ngụ ngôn của Êđốp, hay những lời thơ bất diệt của Dante Alighieri. Sợ rằng hợp đồng dạy học của mình sẽ bị chấm dứt nếu mẹ của Clara phát hiện ra chuyện ông ta đã đào tạo sai hướng hai cô gái trẻ thành ra dốt nát và thiếu năng, Ngài Pho mát bèn giới thiệu cuốn tiểu thuyết của Carax cho học trò mình, bảo rằng đó là tiểu thuyết tình yêu, điều mà ít ra cũng có nửa phần sự thực.

Chương 4

“TÔI CHƯA TỪNG CẢM THẤY bị một câu chuyện thu hút hoàn toàn,” Clara giải thích, “đến mức như cuốn tiểu thuyết đó đã thu hút tôi. Trước đó, việc đọc với tôi chỉ là nghĩa vụ, một thứ phí mà học trò phải trả cho giáo viên và gia sư mà chẳng rõ vì sao. Tôi chưa từng cảm nhận được niềm vui thích của việc đọc sách, của việc khám phá nơi thâm kín trong tâm hồn, của việc buông mình cho trí tưởng tượng và cái đẹp, cái bí ẩn của hư cấu và ngôn từ. Với tôi, tất cả những điều đó được sinh ra cùng với cuốn tiểu thuyết đó. Em đã bao giờ hôn

một cô gái chưa, Daniel?”

Tâm trí tôi liền đông cứng; nước bọt như biến thành mùn cưa.

“À, em vẫn còn bé. Nhưng cảm giác đó thực giống y như vậy, tia sét lần đầu ấy em sẽ không bao giờ quên được. Thế giới này thuộc về những bóng đen, Daniel ạ, và phép màu là tài sản hiếm có. Cuốn tiểu thuyết ấy đã dạy tôi rằng, nhờ đọc sách, tôi có thể sống mãnh liệt hơn. Nó như thể trả lại cho tôi đôi mắt mình đã mất đi. Nhờ mỗi cái lý do đó thôi, một cuốn sách vốn chẳng có ý nghĩa với bất kỳ ai đã thay đổi cuộc đời tôi.”

Cho đến lúc ấy tôi cứ chết lặng, phó mình cho lòng khoan dung của một

sinh linh mà lời nói và ma lực tôi không có cách nào cưỡng lại và cũng không hề muốn cưỡng lại. Tôi ước cô đừng bao giờ ngưng nói, rằng giọng nói của cô hãy vĩnh viễn bao bọc lấy tôi, và bác cô sẽ không bao giờ quay lại phá vỡ phép màu của khoảnh khắc ấy, cái khoảnh khắc chỉ thuộc về mỗi mình tôi.

“Suốt nhiều năm tôi đã cố công kiếm tìm những cuốn sách khác của Julián Carax,” Clara kể tiếp. “Tôi hỏi khắp các thư viện, hiệu sách, cả ở trường học. Luôn luôn là vô vọng. Không một ai từng nghe nói về Carax cũng như tác phẩm của ông ấy. Tôi không tài nào hiểu nổi. Về sau, Ngài Pho mát có nghe được một tin đồn, một câu chuyện lạ kỳ về

người nào đó lang thang khắp các thư viện và hiệu sách tìm kiếm những cuốn sách của Julián Carax viết. Tìm được cuốn nào ông ta liền mua, đánh cắp hay tìm cách chiếm được bằng nhiều cách khác, để rồi sau đó lập tức dùng lửa đốt thành tro. Chẳng ai biết người đó là ai và tại sao lại làm vậy. Lại một câu hỏi nữa thêm vào danh sách những bí ẩn liên quan đến bản thân Carax. Rồi cũng tới ngày mẹ tôi quyết định trở về Tây Ban Nha. Bà đang ốm, thêm nữa Barcelona vẫn luôn là quê hương của bà. Tôi đã thầm hy vọng khi về đây có thể tìm ra được điều gì đó về Carax, vì nói gì thì nói Barcelona là thành phố nơi ông ta sinh ra và cũng là nơi ông ta biến mất

ngay khi chiến tranh mới bắt đầu. Nhưng thậm trí với sự giúp đỡ của bác tôi, tất cả những gì tôi tìm được chỉ là ngô cụt. Còn với mẹ tôi, cuộc kiếm tìm của bà cũng chẳng có kết quả gì hơn. Barcelona mà bà gặp lại khi quay về không còn là cái nơi bà đã rời đi nhiều năm trước. Bà chỉ thấy một thành phố của những bóng đen, nơi không còn cha tôi trú ngụ, mặc dù mọi góc ngách của nó đều bị ký ức về ông ám ảnh. Như thể tất thảy những cay đắng đó còn chưa đủ, bà kiên quyết đòi thuê người tìm hiểu điều gì đã thực sự xảy đến với cha tôi. Sau nhiều tháng điều tra, thám tử chỉ có thể mò ra được một chiếc đồng hồ đeo tay đã hỏng và tên của kẻ đã giết cha tôi trong nhà tù của

lâu đài Montjuïc. Tên hấn là Fumero, Javier Fumero. Mẹ con tôi được biết rằng kẻ này – và không chỉ có hấn – thoát tiên đã xin đầu quân làm lính bán thuê cho tổ chức vô chính phủ FAI, rồi nhảy sang ve vãn phe cộng sản lần bọn phát xít, đánh lừa tất cả bọn họ rồi sẽ phục vụ cho bên nào trả giá cao nhất. Sau khi Barcelona thất thủ, hấn chạy sang phe thắng cuộc và gia nhập lực lượng cảnh sát. Giờ hấn đã trở thành một thanh tra người trĩu nặng huân chương. Chẳng còn ai nhớ đến cha tôi. Chẳng mấy ngạc nhiên, mẹ tôi héo mòn đi chỉ trong vài tháng sau đó. Các bác sĩ nói đó là do tim bà quá yếu, và tôi nghĩ rằng rốt cuộc cũng có một lần họ nói đúng. Sau khi mẹ

mất, tôi chuyển đến sống cùng ông bác Gustavo, người họ hàng duy nhất còn lại của mẹ tôi ở Barcelona. Tôi rất cảm phục bác ấy, bởi mỗi lần đến thăm chúng tôi bác đều tặng sách. Nhiều năm nay bác ấy vẫn luôn là gia đình duy nhất và là bạn thân nhất của tôi. Đúng là đôi khi bác ấy tỏ ra hơi ngạo mạn, nhưng ơn Chúa, trong sâu xa bác ấy có tấm lòng nhân hậu. Hằng đêm, không bao giờ sai, cho dù có gật gù ngủ quên, bác ấy luôn dành chút thời gian đọc sách cho tôi nghe.”

“Em có thể đọc cho cô, nếu cô muốn, cô Clara,” tôi lịch sự gợi ý, nhưng ngay lập tức hồi hận vì sự cả gan của mình, bởi tôi đã chắc mẫm rằng, với

Clara, việc tôi có mặt bên cô chỉ là phiên toái, nếu không phải chỉ là một trò để cho vui.

“Cảm ơn em, Daniel,” cô đáp.
“Tôi rất vui lòng.”

“Bất cứ khi nào cô muốn.”

Cô chậm chậm gạt đầu, kiểm tìm tôi bằng nụ cười của mình.

“Thật không may, giờ tôi không còn giữ cuốn *Ngôi nhà màu đỏ* nữa,” cô nói. “Ngài Pho mát không chịu rời xa nó. Tôi có thể kể lại cho em nội dung câu chuyện, nhưng làm vậy cũng chẳng khác gì mô tả toà thánh đường rằng nó là một chồng đá mà trên cùng là chóp nhọn

vậy.”

“Em dám chắc cô có thể mô tả hay hơn thế nhiều,” tôi lấp bắp.

Phụ nữ có bản năng nhận biết đích xác khi nào một người đàn ông yêu họ say đắm, đặc biệt là khi gã ấy vừa trẻ lại vừa hoàn toàn khờ dại. Tôi đã đạt mọi điều kiện đủ khiến Clara Barceló tống khứ tôi ngay lập tức, nhưng tôi thà tin rằng sự mù loà của cô giúp tôi có được chút an toàn và rằng nhờ đó tội lỗi của tôi – sự quên mình hoàn toàn và thảm hại tôi dành cho một phụ nữ mà tuổi đời, trí thông minh và tầm vóc đều gấp đôi tôi – sẽ mãi nằm trong bóng tối. Tôi phân vân không hiểu ở mình có gì đặc biệt khiến

Clara muốn kết thân, ngoài một hình ảnh phản xạ nhợt nhạt của chính cô, tiếng vọng của sự cô độc và mất mát. Trong những mộng tưởng niên thiếu, tôi hình dung chúng tôi là hai kẻ tị nạn ruồi ngựa dọc theo gáy một cuốn sách, háo hức muốn được nấu mình trong những thế giới hư cấu và giấc mơ gián tiếp.

KHI BARCELÓ TRỞ LẠI với một nụ cười nham hiểm, hai tiếng đã trôi qua. Hai tiếng mà tôi tưởng chỉ như hai phút. Tay buôn sách đưa trả cuốn sách và nháy mắt với tôi.

“Xem cho kỹ nhé, nhóc lùn. Tôi không muốn cậu quay lại kêu ca rằng tôi

đã tráo cuốn khác đâu.”

“Tôi tin ngài,” tôi nói.

“Lảm nhảm vô nghĩa. Người cuối cùng nói câu đó với tôi (một du khách bị thuyết phục rằng chính Hemingway sáng chế ra món hầm *fabada* trong dịp lễ Bò Tót San Fermín) đã mua một cuốn *Hamlet* có chữ ký của Shakespeare bằng bút bi, thử tưởng tượng mà xem. Cho nên cố mà tỉnh táo khi nhìn nhận. Trong ngành buôn sách, thậm chí phần chỉ mục cũng chẳng đáng tin đâu.”

Trời bắt đầu nhá nhem khi chúng tôi bước xuống phố Canuda. Một cơn gió mát lạnh trải dọc qua thành phố, Barceló bèn cởi áo khoác trùm lên vai Clara.

Nhận thấy không còn cơ hội nào tốt hơn, tôi ngập ngừng buột miệng hỏi rằng, nếu hai bác cháu thấy không phiền, liệu hôm sau tôi có thể tới nhà họ đọc vài chương trong cuốn *Bóng hình của gió* cho Clara nghe không. Barceló liếc nhìn tôi qua khoé mắt và bật ra miệng tiếng cười khô khốc.

“Nhóc, đừng cầm đèn chạy trước ô tô như thế!” ông ta nói nhỏ, nhưng ngữ điệu lại như ẩn chứa sự ưng thuận.

“Dạ, nếu không tiện, vậy có thể để hôm khác hoặc...”

“Điều đó tùy thuộc vào Clara,” tay buôn sách nói. “Hai bác cháu tôi đã có đến bảy con mèo và hai chú vẹt. Thêm

một sinh vật nữa cũng chẳng có gì khác
mấy.”

“Vậy mai ta gặp nhau nhé, chừng
bảy giờ,” Clara kết luận. “Em có biết địa
chỉ không?”

Chương 5

CÓ MỘT THỜI, hồi tôi còn nhỏ, có lẽ vì được nuôi lớn giữa biết bao nhiêu cuốn tiểu thuyết và tay buôn sách, tôi đã từng ôm mộng trở thành tiểu thuyết gia. Căn nguyên những tham vọng văn chương của tôi, ngoài cái vẻ giản dị mà kỳ tuyện của thế giới trong con mắt một đứa nhỏ năm tuổi, còn nằm trong một tuyệt tác thủ công hết mực tinh xảo được trưng bày trong tiệm bút máy trên phố Anselmo Clavé, ngay sau toà nhà Bộ Quốc phòng. Vật khiến tôi sung bái, một chiếc bút máy đen sang trọng, được tô điểm bởi có Chúa mới biết được là bao

nhieu đường nét tinh tế và hoa văn bay bướm, trang trọng nằm trên cửa kính bày hàng của tiệm như một chiếc vương miện nam đá quý. Một ảo vật kỳ thú được chế tác cầu kỳ từ bạc và vàng sáng lấp lánh như ngọn hải đăng Alexandria, thậm chí riêng ngòi bút không thôi cũng là một kiệt tác. Mỗi bận cùng cha ra đường tản bộ, tôi cứ không ngừng mè nheo cho tới khi được ông dẫn đi ngắm cây bút. Cha tôi tuyên bố rằng cây bút ấy ắt hẳn ít nhất cũng từng thuộc về một vị hoàng đế. Tôi đã âm thầm tin rằng, với một cây bút tuyệt diệu nhường ấy, ai cũng có thể viết ra tất thảy mọi điều, từ tiểu thuyết cho đến bách khoa toàn thư, cả những bức thư chứa đựng sức mạnh siêu nhiên vượt

xa hết thấy hạn chế ngành bưu điện. Viết bằng cây bút ấy, chúng sẽ có thể vươn tới tận những góc ngách hẻo lánh nhất trên thế giới, kể cả chốn không ai biết mà cha tôi kể mẹ đã tới và không bao giờ trở lại.

Một ngày nọ cha con tôi quyết định bước vào tiệm bút để hỏi thăm về tạo tác siêu phẩm ấy. Hoá ra đó là nữ hoàng trong mọi chiếc bút máy, một chiếc Montblanc dòng Meiserstock thuộc một xê ri đánh số đặc biệt, trước kia từng thuộc về Victor Hugo, hoặc ít ra là người bán hàng đảm bảo với chúng tôi như vậy. Từ ngòi bút bằng vàng ấy đã tuôn chảy ra những dòng của *Những người khốn khổ*, họ kể với cha con tôi như vậy.

“Giống như suối nước nóng danh tiếng Vichy Catalán tuôn ra từ nguồn ở Caldas vậy,” người bán hàng thề thốt.

Ông ta kể rằng đã đích thân mua chiếc bút này từ nhà sưu tập nghiêm túc nhất Paris, và chính ông ta đã kiểm chứng được nguồn gốc chính danh của tạo vật này.

“Vậy giá của cây bút kiệt tác này là bao nhiêu, xin anh cho biết?” cha tôi hỏi.

Giá tiền được nhắc đến khiến mặt cha tôi nhợt hẳn đi, nhưng tôi đã trót bị bùa phép của cây bút làm mê mẩn mất rồi. Người bán hàng, vẻ như chắc chắn

rằng chúng tôi hiểu rõ các định luật vật lý, bèn dồn dập thuyết giảng cho hai cha con toàn những mớ tầm phào không thể hiểu nổi về hợp kim của các kim loại quý hiếm, lớp tráng men xuất xứ từ Viễn Đông, cả lý thuyết mang tính cách mạng về cách thức hoạt động của pít tông và các ống mực nối nhau, tất cả đều đóng góp cho cái gọi là nền khoa học Đức làm nền tảng cho đỉnh cao vinh quang là cây bút này, nhà vô địch trong công nghệ chế tạo bút. Công bằng mà nói, tuy cha con tôi khi ấy ắt hẳn trông chẳng khác gì tên ma cà bông, người bán hàng vẫn cho chúng tôi mê mê cây bút theo đủ kiểu tùy thích, bơm đầy mực, lại còn cho tôi mượn mẫu giấy da để viết tên mình lên

đó như bước khởi đầu cho sự nghiệp văn chương nối tiếp Victor Hugo. Thế rồi, sau khi đã dùng vải lau bóng khôi phục vẻ lộng lẫy sáng chói ban đầu cho cây bút, ông ta đặt nó trở lại ngai vàng.

“Có lẽ để hôm khác,” cha tôi lầm bầm.

Sau khi quay ra phố, cha tôi hạ giọng nói rằng với cái giá chủ tiệm đưa ra thì chúng tôi không thể nào trả nổi. Thu nhập từ tiệm sách chỉ đủ giúp cha con tôi trang trải cuộc sống và cho tôi theo học một trường tử tế. Chiếc bút Montblanc của Victor Hugo có lẽ phải đợi thêm ít lâu nữa. Tôi không nói gì, nhưng có lẽ cha cũng để ý thấy sự thất

vọng của tôi.

“Cha bảo thế này nhé,” ông đề nghị. “Khi nào con đủ lớn để bắt đầu viết lách, chúng ta sẽ quay lại mua chiếc bút ấy.”

“Thế lẽ có ai đó mua mất rồi thì sao?”

“Sẽ chẳng có ai mua cây bút ấy đâu, cha dám chắc. Mà nếu lẽ như thế, chúng ta có thể nhờ Don Federico làm một cái tương tự. Ông ấy đó có đôi tay của một nghệ nhân.”

Don Federico là thợ sửa đồng hồ trong khu, là khách hàng không mấy thường xuyên của tiệm sách nhà tôi, đồng

thời bác có lẽ là người đàn ông nhã nhặn lịch duyệt nhất trên khắp Bắc Bán Cầu này. Danh tiếng nghệ nhân xuất chúng của bác vang từ khu phố Ribera tới tận chợ Ninot. Một danh tiếng khác cũng “ám quẻ” Federico, lần này là do một bản chất ít lành mạnh hơn của bác, nó liên quan đến thiên hướng tình ái luôn chết mệt những chàng trẻ trung lực lưỡng thuộc tầng lớp vô sản giàu nam tính và thích trưng diện bóng bẩy kiểu siêu sao ca nhạc Estrellita Castro.

“Thế lẽ ngài Federico không có đúng dụng cụ để làm việc ấy?” tôi hỏi cha, không hay biết rằng đối với một đôi tai kém phần trong sáng, câu hỏi đó nghe dung tục.

Cha tôi nhướn một bên mày, vẻ lo âu rằng đôi ba lời đồn thổi đầy ác ý không chừng đã làm như sự ngậy thơ của tôi.

“Don Federico biết rất sâu rộng về những gì có liên quan đến người Đức, ông ấy thậm chí có thể chế tạo một chiếc Volkswagen nếu thực sự đề tâm. Cơ mà, cha cũng muốn tìm hiểu xem thời Victor Hugo người ta đã dùng bút máy chưa. Thời nay nhiều kẻ lừa đảo lắm.”

Sự hăng hái muốn chứng thực bằng lịch sử của cha tôi làm tôi mất hứng. Tôi ngoan cố đặt niềm tin vào quá khứ lẫy lừng của cây bút, cho dầu nhờ Don Federico làm một chiếc bút tương tự

thay thế đối với tôi cũng không hẳn là một ý kiến tồi. Sẽ có đủ thời gian để vươn được tới tầm vóc của Victor Hugo. An ủi thay cho tôi, và đúng như dự đoán của cha, cây Montblanc ấy vẫn nằm lại hàng năm trời sau cửa kính của tiệm bút, nơi chúng tôi ghé qua đều đặn mỗi sáng thứ Bảy.

“Nó vẫn còn đó,” lần nào tôi cũng sững sốt nói vậy.

“Nó đang chờ con mà,” cha tôi luôn đáp lại cùng một câu. “Nó biết rồi một ngày nào đó sẽ thuộc về con và con sẽ dùng nó để viết ra một kiệt tác.”

“Con muốn viết một bức thư. Cho mẹ. Để mẹ không phải thấy cô đơn.”

Cha khích lệ tôi. “Mẹ con không cô đơn đâu, Daniel. Mẹ ở với Chúa. Và ngay cạnh chúng ta nữa, dù ta không thể nhìn thấy mẹ.”

Cũng chính cái luận lý tương tự đã được truyền dạy cho chúng tôi ở trường từ miệng Cha Vicente, một thầy tu Dòng Tên tinh thông việc diễn giải tất thảy những bí mật của vũ trụ - từ chiếc máy hát cho đến cơn đau răng – bằng cách trích dẫn Phúc âm của Thánh Matthew. Vậy nhưng, khi tuôn ra từ miệng cha tôi, những lời ấy nghe trống rỗng làm sao.

“Vậy Chúa đem mẹ đi là vì mục đích gì?”

“Cha cũng không biết. Nếu ngày nào đó gặp được Người, chúng ta hãy hỏi thử xem.”

Rốt cuộc tôi cũng từ bỏ ý tưởng về lá thư tới thiên đường và kết luận rằng, thay vì làm vậy, có lẽ tôi nên bắt đầu với kiệt tác của mình – như vậy sẽ thực tế hơn. Thay cho sự vắng bóng của chiếc bút máy, cha cho tôi mượn một cây bút chì Staedtler 2B, để tôi nguệch ngoạc vào một cuốn sổ nhỏ. Chẳng mấy ngạc nhiên, câu chuyện của tôi kể về một chiếc bút máy phi thường, giống y trang cây bút ở cửa tiệm, chỉ khác ở chỗ nó bị ma ám. Cụ thể hơn, cây bút bị linh hồn đầy thống khổ của chủ nhân trước kia đeo bám, một tiểu thuyết gia đã lìa đời vì

đói rét. Khi bút rơi vào tay một anh sinh viên tập sự, nó một mực đòi được viết lại từ đầu tác phẩm cuối còn dang dở mà nhà văn đã không thể hoàn thành khi còn sống. Tôi không nhớ từ đâu mình nảy ra ý tưởng đó, nhưng về sau không bao giờ tôi nghĩ ra được ý tưởng nào khác tương tự nữa. Mọi cố gắng muốn tái tạo cuốn tiểu thuyết ấy trên các trang cuốn sổ tay đều đem lại kết quả thảm hại. Cú pháp tôi viết ra bị nhiễm trọng bệnh thiếu năng sáng tạo, và những hình ảnh ẩn dụ tôi sử dụng gợi nhớ đến mớ quảng cáo bồn ngâm chân sỏi bọt hay đọc thấy tại các trạm dừng xe điện. Tôi đổ lỗi tại chiếc bút chì và khao khát cây bút mực kia, thứ được hứa hẹn chắc chắn sẽ biến tôi thành

một đại văn hào.

Cha tôi dõi theo quá trình tiến triển loằng ngoằng của con trai với một chút lo âu pha lẫn tự hào.

“Câu chuyện tiếp diễn thế nào rồi, Daniel?”

“Con không biết nữa. Con nghĩ nếu có cây bút kia mọi thứ sẽ khác hẳn.”

Cha bèn nói rằng kiểu lý luận đó chỉ nảy ra với một tác giả mới vào nghề. “Cứ tiếp tục đi, rồi đến khi con hoàn thiện tác phẩm đầu tiên, cha sẽ mua cây bút ấy cho con,”

“Cha hứa nhé?”

Cha tôi luôn đáp lại bằng một nụ cười. May thay cho ông, mộng ước văn chương của tôi đã mau chóng tiêu tan và bị gọt nhỏ để chỉ là một lời tuyên bố hung hồn không hơn không kém. Nhân tố góp phần cho thay đổi này là việc khám phá ra đồ chơi tự động và đủ thứ lật vạt khác vô cùng mới lạ có thể dễ dàng tìm thấy tại khắp các sạp bán đồ tạp hoá dọc chợ Encantes, với mức giá rất phù hợp với khả năng tài chính của cha tôi. Lòng đam mê thời niên thiếu thường sản sinh ra những người tình thiếu vững vàng, dễ đổi thay: chẳng bao lâu tôi chỉ còn để mắt tới đồ chơi lắp ráp và thuyên lên dây cót. Tôi không còn đòi cha dẫn đi xem cây bút của Victor Hugo, mà cha cũng

chẳng hề đả động tới chuyện đó nữa. Thế giới ấy như thể đã hoàn toàn tan biến, nhưng trong một thời gian dài hình ảnh tôi lưu giữ về cha, mà tới tận bây giờ vẫn còn đó trong lòng, là bóng dáng một người đàn ông gầy gò mặc bộ vét cũ rộng quá khổ cùng chiếc mũ cũng là đồ cũ kiếm được trên phố Condal với giá bảy peseta, một người đàn ông không thể mua cho con trai mình cây bút tôi tàn vô dụng nhưng lại dường như là tất cả đối với thằng bé.

Tôi đó, sau khi rời Clara và thư viện Ateneo về nhà, tôi thấy cha đang đợi mình trong phòng ăn, khuôn mặt ông vẫn khoác cái vẻ âu lo và chịu trận như thường lệ.

“Cha tưởng con lạc ở đâu rồi chứ,” ông nói. “Tomás Aguilar có gọi tới. Cậu ấy nói hai đứa đã hẹn gặp nhau. Con quên rồi sao?”

“Thì tại Barceló. Hễ ông ta nói cái gì thì chẳng thể nào ngừng được,” tôi đáp, vừa nói vừa gật gù. “Con chẳng biết làm thế nào để dứt được khỏi ông ta.”

“Barceló là người tốt, nhưng không biết điểm dừng. Con hẳn là đói rồi. Merceditas mang tới chia một phần xúp mà cô ấy nấu cho mẹ mình. Con bé ấy đúng là thiên thần.”

Hai cha con ngồi xuống bàn thưởng thức đồ do Merceditas đem tặng.

Chị là con gái của bà trên tầng ba, mọi người vẫn cho rằng chị sẽ thành một cô xơ, rồi nữ thánh, mặc dù hơn một lần tôi từng thấy chị với một anh thủy thủ lành nghề, anh này thi thoảng lại tiễn chị về tiệm sách. Lần nào Mercedes cũng nhân chìm anh ta trong những nụ hôn.

“Tôi nay trông con trầm ngâm quá,” cha tôi nói, cố gắng khơi cuộc chuyện trò.

“Có lẽ do trời nồm quá, độ ẩm làm cho não ta ‘nở ra’. Barceló nói như vậy.”

“Hắn phải có lý do gì khác. Có gì không ổn sao, Daniel?”

“Không, con chỉ suy nghĩ thôi.”

“Về gì?”

“Cuộc nội chiến.”

Cha tôi ủ rũ gật đầu và nhăm nháp phần súp của mình trong yên lặng. Ông là một người rất riêng tư, mặc dù sống trong quá khứ, ông hầu như không mấy khi nhắc về nó. Tôi đã lớn lên trong niềm tin rằng diễn tiến chậm chạp của những năm hậu chiến, một thế giới trì trệ, nghèo đói và những oán hận âm thầm, nó cũng tự nhiên như nước chảy khỏi vòi, rằng nỗi buồn âm lặng rỉ từ những bức tường trong thành phố đầy thương tích này là khuôn mặt thật sự của tâm hồn nó. Một trong những cạm bẫy của tuổi thơ là đứa trẻ chẳng cần phải hiểu mới cảm nhận

thầu điều gì đó. Tới khi trí não đủ sức
lĩnh hội những gì đã xảy ra, thì những vết
thương lòng đã hằn quá sâu rồi. Buổi tối
cái ngày chớm hè ấy, khi bước xuyên qua
ánh chạng vạng âm đạm huyền mị của
Barcelona, tôi không thể nào ngăn trí óc
mình thoát khỏi câu chuyện của Clara và
sự biến mất của cha cô. Trong thế giới
của tôi, cái chết như một bàn tay vô danh
và không thể nào cắt nghĩa, một kẻ chào
hàng tận nhà đến cướp đi các bà mẹ,
người ăn xin, hay những cụ hàng xóm
ngót chín chục tuổi, chẳng khác gì một
trò xô số từ địa ngục. Nhưng tôi vẫn
không thể hấp thu được ý nghĩ cái chết
rất có thể đang song hành cùng tôi, với
khuôn mặt người và trái tim nhuốm độc

lòng căm ghét, rằng cái chết có thể khoác bộ đồng phục hay chiếc áo mưa, xếp hàng trước rạp chiếu phim, cười nói tại quầy bar hay đưa con đi tản bộ trong công viên Ciudadela vào buổi sáng, để rồi chiều đến thì làm cho ai đó biến mất vĩnh viễn trong ngục tối lâu đài Montjuïc hay dưới những nấm mồ bần cùng, tên tuổi không, nghi lễ cũng không. Ngẫm lại toàn bộ điều đó, trong lòng tôi chợt nảy ra ý nghĩ rằng phải chăng cái thế giới giấy bồi mà tôi vẫn mặc nhiên chấp nhận là thực tại kia chẳng qua chỉ là một sân khấu được sắp sẵn. Cũng như giờ đến các chuyến tàu hỏa Tây Ban Nha, trong những tháng năm bị đánh cắp ấy, ta chẳng bao giờ biết khi nào thì tuổi thơ của mình

châm dứt.

Hai cha con chia nhau món xúp, vốn là nước dùng chắt ra từ món ăn thừa nấu lẫn với vài mẩu bánh mì, bao trùm không gian là giọng đọc kinh truyền thanh không trầm bổng mà nhừa nhựa lọt ra từ những khung cửa sổ mở hướng về phía quảng trường nhà thờ.

“Kể cho cha xem. Hôm nay mọi chuyện với Gustavo thế nào?”

“Con gặp cháu của ông ấy, Clara.”

“Cô gái mù ấy hả? Cha nghe nói cô ta đẹp lắm,”

“Con không rõ. Con không để ý mấy cái đó.”

“Không thì hơn.”

“Con nói là có thể ngày mai đến thăm nhà họ, sau khi tan học, để đọc sách cho cô ấy nghe – vì Clara rất cô đơn. Đây là nếu cha cho phép.”

Cha nhìn tôi đầy hồ nghi, dường như đang phân vân không rõ có phải ông đã sớm già trước tuổi hay tôi đang lớn quá nhanh. Tôi quyết định đổi hướng cuộc trò chuyện, và điều duy nhất tôi nghĩ tới được chính là chủ đề mình vẫn đang bị ám ảnh.

“Có phải hồi xảy ra cuộc nội chiến, rất nhiều người đã bị đem tới nhốt tại lâu đài Montjuïc và từ đó biệt tích

luôn?”

Cha bình thản nuốt một thìa đầy xúp rồi chăm chăm nhìn tôi, nụ cười thoáng nhoẻn trên môi ông rồi trôi tuột mất.

“Ai kể cho con vậy, Barceló à?”

“Không, là Tomás Aguilar. Cậu ấy hay kể chuyện này nọ ở trường.”

Cha tôi gật đầu chậm chậm.

“Trong thời chiến, có những chuyện xảy ra rất khó lý giải, Daniel ạ. Thường thì ngay cả cha cũng chẳng rõ chúng có ý nghĩa gì. Đôi khi tốt hơn hết cứ để mặc mọi chuyện như vậy.”

Ông thở dài rồi nhấp xúp chẳng mấy ngon lành. Tôi chỉ nhìn cha mà không nói gì.

“Trước khi qua đời, mẹ con đã bắt cha hứa rằng không bao giờ kể với con về cuộc chiến, rằng cha không được để con nhớ về bất cứ điều gì đã xảy ra khi đó.”

Tôi không biết phải trả lời ra sao. Cha tôi hơi nhíu mắt lại, như thể đang kiếm tìm gì đó trong không trung – những ánh nhìn, khoảng câm lặng, hoặc có thể là mẹ tôi – hòng chứng thực cho điều ông vừa nói.

“Đôi khi cha nghĩ mình đã sai khi nghe lời mẹ con. Cha chẳng biết nữa.”

“Không sao đâu mà, cha...”

“Không, có sao chứ, Daniel. Chẳng gì còn như cũ sau một cuộc chiến. Và đúng, đúng là có vô số người đã vào lâu đài đó mà không bao giờ trở ra được.”

Mắt chúng tôi gặp nhau trong thoáng chốc. Sau một hồi, cha tôi ngồi dậy trốn vào nường nấu trong phòng ngủ của ông. Tôi dọn bát đĩa, đặt vào bồn rửa bát nhỏ bằng đá hoa rồi rửa sạch. Trở về phòng khách, tôi tắt đèn và ngồi xuống chiếc ghế bành cũ của cha. Từ ngoài phố, cơn gió thoảng thổi rèm đung đưa. Tôi không thấy buồn ngủ, cũng chẳng hề cố để rơi vào giấc ngủ. Tôi ra

ngoài ban công và giương mắt về nơi xa
đủ để thấy quang sáng mờ đục hắt ra từ
những chiếc đèn đường bên khu Puerta
del Ángel. Một bóng hình bất động đứng
trong mảng tối trên con phố rải sỏi. Ánh
hồ phách lập loè từ điều thuốc lá phản
chiếu trong đôi mắt hấn ta. Người đó
mặc toàn quần áo màu đen, một tay giấu
trong túi áo vét, tay kia giữ điều thuốc lá
đang dẹt một tấm mạng khói xanh xám
bao lấy khuôn mặt. Hấn lẳng lẳng quan
sát tôi, khuôn mặt khuất sáng bởi ánh đèn
đường hắt từ phía sau. Hấn chôn chân tại
đó chừng một phút, hờ hững hút thuốc,
mắt không rời tôi. Rồi, khi chuông nhà
thờ điểm đúng nửa đêm, bóng hình ấy
khẽ gật đầu, theo sau đó là, như tôi cảm

nhận được, một nụ cười mà không thể nhìn thấy. Tôi muốn đáp trả lời chào hỏi đó, nhưng người cứ chờ ra. Bóng hình đó quay người, và tôi thấy người đàn ông bước đi xa dần, một chân hơi khập khiễng. Nếu là vào bất cứ đêm nào khác, rất có thể tôi sẽ chẳng mấy chú ý đến sự hiện diện của kẻ lạ đó, nhưng ngay khi người đàn ông vừa khuất bóng trong sương mù, tôi thấy trán mình đổ mồ hôi lạnh và đăm khó thở. Tôi đã đọc một đoạn miêu tả cảnh tương tự trong cuốn *Bóng hình của gió*. Trong câu chuyện, mỗi tối nhân vật chính đều ra đứng tại ban công lúc nửa đêm và phát hiện ra một kẻ lạ đang quan sát mình từ trong những mảng khuất sáng, hững hờ hút

thuộc. Khuôn mặt kẻ lạ ấy luôn được bóng tối giấu đi, và trong đêm đen chỉ đôi mắt hắt là có thể mừng tởng ra, chúng cháy sáng như than hồng. Kẻ lạ cứ đứng đó, tay phải dúi trong túi áo vết màu đen, rồi thì hắt quay đi, khập khiễng. Trong cảnh tôi vừa được chứng kiến, người lạ kia có thể là bất cứ ai trong đêm tối, một bóng hình vô diện và vô danh. Trong tiểu thuyết của Carax, bóng hình ấy là ác quỷ.

Chương 6

MỘT GIẤC NGỦ SÂU, không mộng mị và viễn cảnh được gặp lại Clara vào buổi chiều đã thuyết phục tôi rằng chuyện mình nhìn thấy hôm qua chỉ đơn thuần là trùng hợp. Có lẽ cơn bộc phát trí tưởng tượng bất chợt và háo hức ấy chỉ là phản ứng phụ của chặng phát triển nước rút tôi vẫn đang ngóng chờ, cái mốc mà theo lời cánh phụ nữ sống cùng khu nhà thì sẽ biến tôi thành một người đàn ông, nếu không được hơn người thì ít nhất cũng đạt tới chiều cao kha khá. Đúng bảy giờ, vận bộ quần áo đẹp nhất thường chỉ dành cho Chủ nhật,

người đắm mùi nước hoa Varón Dandy mượn của cha, tôi xuất hiện trước nhà Gustavo Barceló, sẵn sàng cho buổi ra mắt đầu tiên với tư cách người đọc sách riêng kiêm con sâu phòng khách. Tay buôn sách và cô cháu gái sống tại một căn hộ sang trọng trên khu Quảng trường Hoàng gia^[1]. Một cô hầu gái mặc đồng phục, đội mũ trắng với ánh nhìn vô cảm của nhà binh, ra mở cửa cho tôi, phong cách phục vụ quá mức kiêu cách.

[1. Nguyên gốc: Piazza Real.]

“Cậu Daniel phải không ạ,” cô ta nói. “Tôi là Bernarda, sẵn lòng phục vụ.”

Bernarda cố làm bộ ra cái giọng

trang trọng mà vẫn không giấu hết được
ngũ điệu vùng Cáceres đặc sệt dễ chừng
phết lên được cả bánh mì nướng. Một
cách phô trương và long trọng, chị ta dẫn
tôi đi dọc khắp dinh cơ của Barceló. Căn
hộ, vốn nằm ở tầng trệt, lượn quanh toà
nhà tạo thành một chuỗi những hành lang,
phòng khách và lối đi mà với tôi, kẻ vốn
quen với căn hộ khiêm nhường của gia
đình mình trên phố Santa Ana, nom như
thể mô hình thu nhỏ của lâu đài Escorial
tráng lệ. Rõ ràng là ngoài sách, cổ tịch
và đủ loại thư liệu kỳ bí, Don Gustavo
còn sưu tầm tượng tranh, và cả tranh thờ,
ấy là chưa kể đến một hệ động thực vật
vô cùng đông đảo. Tôi theo chân
Bernarda xuyên qua hành lang chật ních

những tán lá và sinh vật nhiệt đới. Một dải sáng vàng ùng đục lờ chiếu xuyên qua vách kính hành lang, tiếng piano uể oải lơ lửng trong không khí. Bernarda xăm xăm xẻ lồi qua khu rừng, vung hai cánh tay rần rỏi như của phu khuân vác chẳng khác gì vung đôi rựa. Tôi theo sát gót chị ta, cùng lúc ngắm nghĩa mọi thứ xung quanh và chú ý thấy sự hiện diện của chừng năm sáu con mèo và ba chú vẹt mào (màu sắc sặc sỡ cùng hình dáng đủ loại kích cỡ), cô đây tờ trịnh trọng giải thích rằng, đó là ngài Barcelo đã đặt tên cho là Ortega và Gasset^[2]. Clara đang ngồi đợi tôi trong căn phòng khách ở phía bên kia khu rừng, hướng ra quảng trường. Quán mình

trong lớp váy có tông trong mờ màu ngọc lam, đối tượng của lòng khao khát rồi bởi trong tôi đang chơi piano dưới ánh nắng yếu ớt hắt xuống từ ô cửa sổ trên trần đầy hình đoá hoa hồng. Clara chơi tôi, không có lấy chút nhạy cảm về giai điệu và sai đến phân nửa số nốt nhạc, nhưng với tôi, khúc nhạc chiều cô chơi là thiên đường êm dịu. Tôi thấy Clara ngồi thẳng người bên bàn phím, miệng cười mỉm và đầu khẽ nghiêng sang bên, cô trông như thể hình hài nào đó chỉ có ở thiên đường. Tôi định hắng giọng thông báo sự hiện diện của mình, nhưng mùi nước hoa thoang thoảng đã phản lại tôi. Clara đột nhiên dừng chơi, một nụ cười bẽn lễn sáng lên trên gương mặt cô.

[2. José Ortega y Gasset (1883-1955), triết gia nổi tiếng người Tây Ban Nha, ông từng nói một câu “Không có tự nhiên, chỉ có lịch sử”.]

“Trong giây lát tôi cứ tưởng em là ông bác tôi chứ,” cô nói. “Bác ấy cấm tôi không được chơi Mompou^[3] vì những gì tôi làm với nhạc của ngài ấy chẳng khác gì báng bổ.”

[3. Federico Mompou (16/4/1893 – 30/5/1987): nhạc sĩ lớn người Tây Ban Nha.]

Ngài Mompou duy nhất mà tôi biết là ông linh mục hắc hác có thói huênh hoang dạy chúng tôi môn lý hoá ở trường. Kết quả của việc tổng hợp hai

chi tiết đó đối với tôi vừa thật méo mó vừa hoàn toàn không thể nào có thật.

“Em lại nghĩ cô chơi thật tuyệt.”

“Tôi không cho là như vậy. Bác tôi là một người say mê âm nhạc thực sự, thậm chí bác ấy còn thuê hẳn một giáo viên âm nhạc để giúp tôi cải thiện trình độ - một nhà soạn nhạc trẻ tuổi đang bộc lộ nhiều triển vọng tên là Adrián Neri. Anh ấy từng học tại Paris và Vienna. Em phải gặp anh ấy mới được. Adrián đang viết một bản giao hưởng mà sắp tới đây sẽ được dàn nhạc giao hưởng thành phố Barcelona trình diễn ra mắt – bác anh ấy giữ một chân trong ban điều hành dàn nhạc. Đó là một thiên tài.”

“Ông bác hay là gã cháu ạ?”

“Đừng xấu tính như thế, Daniel. Tôi dám chắc em sẽ mê Adrián như điều đó.”

Nhiều khả năng anh ta sẽ đổ xuống đầu tôi như một chiếc đại dương cầm bỏ nhào từ trên tầng bảy xuống đất thì có, tôi nghĩ.

“Em ăn chút bánh chứ?” Clara mời tôi. “Bernarda làm bánh quế xốp ngon đến nghẹt thở đấy.”

Chúng tôi ăn bữa nhẹ ban chiều như ông hoàng bà hoàng, ngón ngấu tất cả những món người hầu gái bày ra trước mắt. Tôi chẳng biết gì về chuyện

trong một dịp không mấy quen thuộc này thì nghi thức là gì nên chẳng biết phải cư xử ra sao cho đúng. Clara, vốn dường như luôn đoán biết được tôi đang nghĩ gì, bèn gợi ý rằng tôi hãy đọc *Bóng hình của gió* bất cứ khi nào thấy thích, và tốt nhất tôi nên đọc từ phần mở đầu. Thế là, cô bắt chước giọng nói văn vẻ khoa trương mà phát thanh viên kênh Truyền thanh Quốc gia dùng để đọc các đoạn văn yêu nước trên trong chương trình phát sóng sau buổi Cầu kinh trưa, tôi quăng mình vào nhiệm vụ tái hiện ngôn từ của cuốn thiếu thuyết. Giọng tôi, tuy ban đầu có hơi cứng, dần dà cũng thoải mái hơn, chẳng mấy chốc tôi quên cả bản thân mà một lần nữa bị nhấn chìm vào

dòng kể chuyện, khám phá thêm được những nhịp phách, những cụm từ diễn đạt nhịp nhàng tuôn chảy như những điệu thức âm nhạc, những bí ẩn học búa câu thành bởi âm sắc và khoảng lặng mà tôi đã không chú ý tới trong lần đọc đầu tiên. Những chi tiết mới, những dòng hình ảnh và sự kiện không ngừng tiếp nối nhau xuất hiện giữa những dòng in, những hình hài tinh khôi cứ tự mình bộc lộ, giống như cấu trúc một toà nhà nhìn từ những góc khác nhau. Tôi đọc không ngừng trong khoảng một tiếng đồng hồ, kết thúc được năm chương, cho tới khi cổ họng rất khô và hơn nửa chục đồng hồ hoà âm reo vang khắp mọi góc ngách căn hộ, nhắc nhở tôi rằng trời đang trở

muộn. Gấp sách lại, tôi nhận thấy Clara đang điềm tĩnh cười với mình.

“Nó có đôi chút gọi tôi nhớ lại *Ngôi nhà màu đỏ*,” cô nói. “Nhưng câu chuyện này có vẻ đỡ tãm tối hơn.”

“Cô đừng vội tin như vậy,” tôi nói. “Đây mới chỉ là khởi đầu thôi. Càng về sau mọi thứ càng trở nên phức tạp.”

“Em phải đi rồi đúng không?” Clara hỏi.

“Em e là như vậy. Không phải em muốn đâu, nhưng...”

“Nếu không có việc gì khác, mai em lại đến nhé,” cô gợi ý. “Nhưng tôi không muốn lợi dụng em chút nào.”

“Sáu giờ nhé?” tôi đề nghị. “Như vậy chúng ta sẽ có thêm thời gian.”

Cuộc hẹn ấy tại phòng âm nhạc của căn hộ trên Quảng trường Hoàng gia đã trở thành khởi đầu cho nhiều buổi hẹn khác về sau diễn ra trong suốt mùa hè năm 1945 và nhiều năm tiếp theo đó. Chẳng mấy chốc, các cuộc viếng thăm của tôi gần như chuyển thành đều đặn hằng ngày, ngoại trừ thứ Ba và thứ Năm, những hôm Clara có buổi học nhạc với Adrián Neri. Tôi dành hàng giờ tại đó, và chẳng bao lâu tôi đã nhớ nằm lòng từng căn phòng, hành lang, từng cái cây trồng trong khu rừng của Don Gustavo. *Bóng hình của gió* đồng hành cùng

chúng tôi được khoảng hai tuần, sau đó Clara và tôi cũng chẳng gặp mấy khó khăn khi tìm những cuốn kế tiếp để choáng trọn giờ đọc sách. Barceló sở hữu một thư viện hoành tráng, và, với khao khát thường thức thêm những cuốn sách tương tự của Julián Carax, chúng tôi thông thả điếu qua hàng chục tác phẩm kinh điển hạng hai, những cuốn tầm tầm hạng nhất. Có những buổi chiều chúng tôi hầu như không đọc sách, mà dành thời gian chỉ chuyện trò hay thậm chí cùng nhau ra ngoài tản bộ quanh quảng trường hoặc đến tận thánh đường. Clara rất thích lặng yên ngồi lắng nghe tiếng lầm rầm từ những người đi lại trong tu viện và đoán số người qua tiếng bước

chân vọng tới trên các hành lang bằng đá. Cô yêu cầu tôi mô tả mặt tiền những ngôi nhà, con người, xe cộ, cửa tiệm, trụ đèn và quây kính bày hàng mà chúng tôi đi qua. Thường cô hay nắm tay tôi để tôi dẫn bước qua một Barcelona riêng của cả hai, Barcelona mà chỉ cô và tôi thấy được. Chúng tôi luôn dừng lại trước một tiệm chuyên bán sản phẩm từ bơ sữa trên phố Petritxol, chia nhau bát kem đặc hay một cốc sô cô la nóng kèm những chiếc bánh quy xốp hình móng tay. Đôi khi người ngoài nhìn chúng tôi với đầy vẻ ngờ vực, và không chỉ một tay phục vụ cái-gì-cũng-biết gọi Clara là “chị gái của cậu”, nhưng tôi chẳng để tâm chút nào tới những lời giễu cợt và bóng gió

của họ. Những lần khác, tôi không rõ là bởi ác tâm hay vì bệnh hoạn, Clara ra vẻ tin cẩn thổ lộ, cô kể ra những bí mật khó tin mà tôi không biết phải tiếp nhận ra sao. Một trong những chủ đề yêu thích của Clara là câu chuyện về một người lạ, rằng đôi lần người đó tiến đến gần bên khi Clara đang một mình trên phố và nói với cô bằng chất giọng đục khàn. Con người bí hiểm này, không bao giờ tự xưng tên, tra hỏi về Don Gustavo và thậm chí cả về tôi. Có một lần hẳn ta còn siết cổ Clara. Những câu chuyện như vậy hành hạ tôi không thương xót. Lần khác, Clara kể rằng đã cầu xin người được cho là kẻ lạ đó cho phép cô cảm nhận khuôn mặt hẳn bằng đôi tay của mình. Hẳn

không đáp lại, và Clara coi đó là một sự ung thuận. Khi cô vươn cánh tay lên sờ khuôn mặt hắn, kẻ lạ đột nhiên ngăn lại, nhưng Clara vẫn kịp cảm nhận thứ gì đó mà cô nghĩ là da thuộc.

“Cứ như hắn mang một cái mặt nạ bằng da vậy,” cô nói.

“Cô tự nghĩ ra chuyện đó mà thôi, Clara.”

Clara sẽ lại thề lên thề xuống rằng đó là sự thật, và tôi đành đầu hàng, cứ mãi bị hành hạ bởi hình bóng mơ hồ của kẻ thấy khoái lạc khi được môn trón chiếc cổ thiên nga của Clara – và có Chúa mới biết còn môn trón gì khác nữa – trong khi tất cả những gì tôi có thể làm

là ao ước được như thế. Giá khi ấy tôi dành chút thời gian ngẫm kỹ, không chừng tôi đã nhận ra sự tận tâm của mình với Clara chẳng đem lại gì khác cho tôi ngoài dần vặt đau đớn. Có lẽ cũng chính vì lý do đó mà tôi càng tôn sùng cô hơn, bởi điều xuẩn ngốc vĩnh viễn của con người là không ngừng theo đuổi kẻ khiến hấn tổn thương nhất. Trong suốt mùa hè ảm đạm sau cuộc nội chiến, điều duy nhất tôi ngay ngáy sợ là lúc phải nhập trường theo học kỳ mới, khi ấy tôi sẽ không còn có thể dành cả ngày bên Clara được nữa.

BỞI THƯỜNG XUYÊN thấy tôi

đến viếng thăm can hộ, Bernarda, người mà vẻ ngoài khắt khe cố che lấp bản năng khao khát làm mẹ, đã dần trở lên yêu thích tôi, và theo cách riêng của mình, chị ta quyết định nhận đỡ đầu cho tôi.

“Thật dễ thấy cậu bé này không có mẹ, thư ngài,” Bernarda nói vậy với Barceló. “Tôi thấy thương nó quá, thằng nhỏ tội nghiệp.”

Bernarda đến Barcelona không lâu sau khi cuộc nội chiến kết thúc, chạy trốn khỏi nghèo đói và khỏi một người cha hề cứ bất chợt ngày đẹp trời nào đó lại đánh đập chị thậm tệ rồi rửa chị là đồ ngu đần, xấu xí và hư hỏng; còn những ngày xấu

trời, khi say khướt lão ta sẽ dồn chị lại trong một góc chuồng lợn mà sờ soạng cho đến khi chị phải khóc thét lên vì khiếp hãi – khi ấy lão mới chịu buông tha, miệng không ngừng chửi Bernarda là làm cao và ngạo mạn y chang bà mẹ. Barceló tình cờ gặp Bernarda khi chị đang làm việc tại một quầy bán rau trong chợ Borne và, nghe theo trực giác, ông nhận chị vào làm việc trong căn hộ nhà mình.

“Chúng ta sẽ tạo dựng một vở *Pygmalion* hoàn toàn mới,” ông ta tuyên bố. “Cô sẽ là Eliza của tôi và tôi sẽ là giáo sư Higgins chủ cô^[4].”

[4. Ý muốn nhại nội dung vở kịch

kinh điển Pygmalion của kịch tác gia George Bernard Shaw, trong đó nhân vật chính là giáo sư Henry Higgins đã đặt ra mục tiêu rèn luyện cô gái bán hoa quê mùa Eliza trở thành một mệnh phụ sang trọng.]

Bernarda, người mà thị hiếu văn chương chỉ dừng ở mức thoả mãn với những bản tin truyền đạo của nhà thờ, liếc nhìn Barceló. “Tuy nghèo túng và dốt nát nhưng tôi cũng biết thế nào là khuôn phép thưa ông,” chị nói.

Barceló chắc chắn không được như kịch tác gia George Bernard Shaw, nhưng dù không thể ban tặng cho học trò của mình khả năng hùng biện và tâm hồn

của một thiếu nữ văn chương, những nỗ lực của ông cũng rèn giũa được Bernarda và giúp chị nắm lòng điệu bộ cũng như cung cách ăn nói của một người hầu gái thành thị. Bernarda khi ấy hai mươi tám, nhưng với tôi chị cứ như phải vác gánh nặng hơn mười năm dằng dằng trên lưng, cho dù điều đó chỉ thể hiện qua đôi mắt chị. Bernarda thường xuyên đi lễ nhà thờ và tận tâm nhiệt thành với nhà thờ Đức Mẹ Lộ Đức^[5]. Mỗi sáng cứ đúng tám giờ chị đều lui tới Vương cung Thánh đường của nhà thờ Santa María del Mar và nhận việc tình nguyện ở đó, và chị xưng tội ban tuần một lần, bốn lần những khi trời ảm. Don Gustavo, kẻ vốn sùng bái thuyết bất khả tri

(Bernarda ngờ rằng đó là tình trạng bất ổn gì đó liên quan đến đường hô hấp, như là bệnh suyễn, nhưng chỉ những đức ông tao nhã mới bị nhiễm), nhận định rằng, về mặt chính xác toán học, không thể có chuyện cô hầu gái nhà mình phạm phải nhiều tội đến mức phải tuân thủ cái lịch xung tội và hồi lỗi dày đặc như vậy.

[5. Lourdes (tên tiếng Việt: Lộ Đức) là một thành phố nhỏ miền Tây Nam nước Pháp. Thành phố này được nhiều người trên thế giới biết đến nhờ sự hiển linh của đức Mẹ Maria tại đây hơn 150 năm về trước.]

“Cô đáng quý như vàng vậy, Bernarda,” ông thường nói với vẻ căm

phần. “Bọn người ngoài kia gây tội ác khắp nơi, đều bệnh hoạn trong tâm hồn và nếu cô hỏi tôi thì tôi nói thực, thậm chí trong lòng ruột chúng cũng phạm tội nữa. Căn bệnh đặc hữu của các vị thánh xứ Iberia này là táo bón mãn tính.”

Mỗi lần nghe những lời báng bổ như thế, Bernarda bèn làm đi làm lại dầu thánh đến năm lần. Sau đó, khi đêm xuống, chị sẽ cầu nguyện cho linh hồn bị nhuộm bẩn của Tôn ông Barceló, người vốn sở hữu một trái tim nhân hậu nhưng đầu óc đã bị mục ruỗng bởi đọc nhiều đến mức ngộ chữ, giống như cái gã Sancho Panza^[6] ấy. Rất đổi thường xuyên, Bernarda luôn vớ phải những gã bạn trai đánh đập chị tàn tệ, trắng trợn

cướp đi số tiền ít ỏi chị dành dụm được trong ngân hàng, rồi chẳng chóng thì chày bọn chúng đều bỏ rơi chị. Mỗi lần như vậy, Bernarda lại giam mình nhiều ngày trong phòng, nơi chị thả sức khóc ra cả đại dương nước mắt và thề sẽ tự tử bằng thuốc chuột hay thuốc nhuộm. Sau khi dùng đến sạch sành sanh những mảnh lối thuyết phục mà chẳng đạt chút hiệu quả nào, lúc này Barceló thật sự hoảng lên bèn cho người gọi thợ khoá đến phá cửa. Sau đó sẽ tới lượt bác sĩ gia đình kê ra một đơn thuốc an thần mạnh đến mức ngay cả một con ngựa cũng phải im lặng. Khi cái sinh linh đáng thương tỉnh dậy hai hôm sau đó, tay buôn sách sẽ mua cả đồng hoa hồng, sô cô la, một chiếc váy

mới, lại còn đưa chị tới rạp chiếu bóng xem bộ phim mới nhất của Cary Grant, người mà theo quan điểm của Bernarda là đẹp trai nhất trong lịch sử loài người.

[6. Sancho Panza là người hầu của Don Quixote trong tác phẩm cùng tên của Miguel de Cervantes Saavedra. Người đọc nhiều đến mức tâm thần ở đây đáng ra phải là Don Quixote, nhưng do Bernarda không hiểu biết nên nhâm lẫn hết cả.]

“Ngài biết không? Người ta đồn rằng Cary Grant là người kẻ đồng tính,” Bernarda lẩm bẩm, miệng nhét đầy sô cô la, “điều đó có thật không?”

“Rác rưởi,” Barceló nguyên rủa.

“Những kẻ trì độn và ngu dốt chỉ biết sống trong ghen ăn tức ở.”

“Ngài nói hay lắm. Quả đúng là ngài đã từng theo học cái trường đại học danh giá Sorbet gì đó.”

“Trường Sorbonne,” Barceló đáp, nhẹ nhàng sửa lại cho đúng.

Thực tình khó mà không yêu quý Bernarda. Chẳng cần phải nhờ, chị sẵn sàng nấu nướng và may vá cho tôi. Chị sửa cho tôi quần áo giày dép, chải và cắt tóc gọn gàng cho tôi, còn mua cho tôi cả vitamin và kem đánh răng nữa. Có lần nọ chị còn tặng tôi mặt dây chuyền nhỏ cùng một lọ đầy nước thánh được bà chị gái sống tại San Adrián del Besós lặn lội

mang về bằng xe buýt từ tận Lourdes bên nước Pháp. Đôi khi, trong lúc bới đầu tôi tìm chấy và những loài ký sinh khác, chị thường khẽ nhắc nhở tôi.

“Cô chủ Clara là người tuyệt vời nhất trên thế giới này, Chúa hửn sẽ giáng sét xuống đầu tôi nếu tôi có dù chỉ đôi chút ý nghĩ phê phán cô chủ, nhưng sẽ rất không tốt nếu cậu, cậu Daniel, trở nên quá ám ảnh vì cô chủ, đấy là nếu cậu hiểu ý tôi.”

“Đừng lo, Bernarda, chúng tôi chỉ là bạn thôi mà.”

“Thì tôi chỉ cảnh báo như vậy thôi.”

Để minh họa cho luận điểm của mình, Bernarda nhắc đến vài ba câu chuyện nghe được trên đài phát thanh kể về cậu bé đem lòng yêu cô giáo dạy mình, một người đã bị yểm bùa chú báo thù. Ma thuật khiến tóc và răng cậu rụng hết, mặt và tay cậu bé phủ đầy những nốt sùi tộp lộp, cứ như những vết hủi của lòng ham muốn.

“Ham muốn không phải là điều tốt đâu,” Bernarda kết luận. “Tin tôi đi.”

Cho dù vẫn hay đùa cợt tôi, Don Gustavo có vẻ như thích sự tận tâm tôi dành cho Clara và lòng háo hức muốn được bầu bạn cùng cô. Tôi ngỡ rằng rất có thể chút độ lượng đó chẳng qua vì ông

ta nhận định tôi chỉ là đũa nhóc vô hại. Thi thoảng, ông ta lại tuôn ra lời đề nghị đầy lời cuốn là muốn mua lại cuốn tiểu thuyết của Carax từ tay tôi. Ông ta kể rằng đã nói chuyện ấy với bạn bè cùng phường buôn sách cũ, họ đều nhất trí rằng giờ đây một cuốn tiểu thuyết của Carax tương đương với cả một gia tài, đặc biệt là tại Paris. Tôi luôn từ chối những lời mời đó, mỗi lần như vậy ông ta đều cười láu lỉnh. Gustavo đưa tôi một chiếc chìa khoá căn hộ được đánh ra thêm để tôi có thể vào nhà mà không cần ai ngại không biết ông ta hay Bernarda có nhà để mở cửa hay không. Cha tôi thì lại là chuyện khác. Nhiều năm trôi qua, ông đã quên hẳn thói quen ít lời về những

vấn đề thực sự khiến ông lo lắng. Một trong những hệ quả của tiến triển ấy là cha tôi bắt đầu thể hiện rõ sự phản đối mỗi quan hệ của tôi với Clara.

“Con nên ra ngoài chơi với bạn bè cùng lứa, như Tomás Aguilar ấy – đừng như con đã quên mất Tomás dù đó là một cậu bé tuyệt vời – chứ đừng quẩn quanh một cô đã đủ tuổi đi lấy chồng.”

“Tuổi tác đâu có quan trọng gì nếu cả hai là bạn tốt của nhau?”

Điều khiến tôi đau lòng nhất là việc cha nhắc đến Tomás, bởi vì cha nói đúng. Tôi đã không đi chơi với Tomás hàng tháng nay, trong khi trước kia hai đứa cứ như hình với bóng. Cha nhìn tôi

đây khiến trách.

“Daniel, con chẳng biết gì về phụ nữ cả, cô gái này đang vờn con như con mèo vờn con hoàng yến nhỏ thôi.”

“Cha mới không hiểu biết gì về phụ nữ,” tôi bức xúc đối đáp. “Càng chẳng hiểu gì về Clara.”

Các cuộc trò chuyện của chúng tôi về vấn đề này hiếm khi vượt xa hơn vài ba lời khiển trách qua lại và những cái nhìn ra vẻ tổn thương. Khi không ở trường hay đến gặp Clara, tôi dành hết thời gian giúp cha tại tiệm sách. Tôi dọn dẹp phòng kho nằm sau cửa tiệm, giao sách tận nơi, chạy việc vặt, hay thậm chí tiếp khách hàng quen. Cha luôn phàn nàn

rằng tôi chẳng thực sự để tâm vào công việc. Để đáp lại, tôi nói rằng mình đã dành cả đời làm việc tại tiệm sách này rồi và chẳng thể hiểu cha còn có thể phàn nàn về điều gì nữa. Nhiều đêm, khi cơn buồn ngủ không đến, tôi lại nằm thao thức và nhớ về cái hồi hai cha con thân thiết nhất, về cái thế giới nhỏ bé chúng tôi cùng chia sẻ suốt những năm sau khi mẹ ra đi, những năm tháng mà tôi chỉ nghĩ về cây bút của Victor Hugo và tàu hoả bằng thiếc. Tôi nhớ về chúng như những năm bình yên mà buồn bã, một thế giới đang biến đi dần và khởi sự bốc hơi đúng vào cái buổi rạng đông cha dẫn tôi đến Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên. Thời gian luôn chơi ở phe

đôi địch với ta. Một ngày nọ cha phát hiện ra tôi đã đưa cuốn tiểu thuyết của Carax cho Clara, thế là cơn giận trào dâng trong ông.

“Con khiến cha quá thất vọng, Daniel,” ông nói. “Khi cha đưa con đến nơi bí hiểm đó, cha đã nói rằng cuốn sách con chọn sẽ là một thứ vô cùng đặc biệt, rằng con sẽ phải nhận bảo trợ và chịu trách nhiệm về nó.”

“Hồi ấy con chỉ mới mười tuổi, cha ơi, đó chỉ là trò chơi của trẻ con.”

Cha nhìn tôi như thể tôi vừa dùng dao đâm ông.

“Giờ con đã mười bốn, nhưng

không những con vẫn chỉ là một thằng nhóc, con còn là một thằng nhóc tưởng rằng mình là đàn ông. Cuộc đời này rồi sẽ thui cho con vài cú nặng nề, Daniel. Sẽ rất chóng thôi.”

Khi ấy tôi đã muốn tin rằng cha mình thấy tủi hờn bởi tôi dành quá nhiều thời gian ở bên gia đình Barceló. Gã buôn sách và cháu gái ông ta sống một cuộc đời sung túc mà cha tôi chỉ dám mơ tới. Tôi những tưởng rằng cha phẫn nộ vì cô hầu gái nhà Gustavo cư xử cứ như mẹ ruột của tôi, ông bức xúc trước việc tôi chấp thuận rằng người khác có thể thay thế vị trí ấy. Đôi khi, lúc đang gói sách ở phòng trong và chuẩn bị đơn hàng, tôi thường nghe khách hàng đùa với cha

mình.

“Anh cần một người phụ nữ đảm đang, Sempere ạ. Thời nay khắp nơi đây rẫy những cô góa xinh đẹp đang ở độ son nhất của cuộc đời, anh hiểu ý tôi không. Một cô gái trẻ chỉ khiến anh tổn thọ mà thôi, bạn tôi ơi, thậm chí có thể cướp đi của anh những hai chục năm tuổi thọ ấy. Điều mà một bộ ngực đẹp không thể làm được...”

Cha tôi chẳng bao giờ phản ứng lại những lời bóng gió ấy, nhưng càng ngày tôi càng thấy chúng hợp lý. Lần nọ, nhân giờ ăn tối vốn đã biến thành chiến trường của sự câm lặng và những cái nhìn lén lút, tôi đem vấn đề đó ra đề cập. Tôi

nghĩ rằng nếu mình là người gợi ý, mọi chuyện hẳn sẽ dễ dàng hơn. Cha tôi là một người đàn ông hấp dẫn, luôn biết giữ ngoại hình sạch sẽ gọn gàng, và tôi biết một điều hiển nhiên rằng phải có đến vài ba phụ nữ láng giềng tỏ ra thích ông và sẵn sàng hưởng ứng nhiều điều khác từ cha tôi chứ không chỉ những lời giới thiệu sách hay nên đọc.

“Với con thì kiếm được một người thay thế mẹ mình rất dễ,” cha tôi cay đắng nói. “Nhưng với cha thì không thể có người như vậy, mà cha cũng chẳng hứng thú với việc kiếm tìm.”

Thời gian cứ thế trôi đi, những lời nhắc khéo của cha tôi và Bernarda, thậm

chí cả những câu nói đầy ẩn ý của Barceló đã bắt đầu để lại dấu ấn trong tôi. Có gì đó trong lòng mách bảo rằng tôi đang đắm đầu vào ngõ cụt, rằng không thể hy vọng Clara nhìn thấy ở tôi thứ gì khác hơn một cậu nhóc kém cô mười tuổi. Ngày ngày trôi qua, mỗi lần ở bên Clara càng khiến tôi thấy khó nhọc hơn, khi phải chịu đựng những động chạm từ đôi bàn tay cô hay khoác tay cô mỗi lần chúng tôi đi dạo. Thậm chí đến một lúc mà sự gần gũi với Clara gần như chuyển thành đón đau thể xác. Người xung quanh không ai không nhận thức rõ được điều ấy, đặc biệt là Clara.

“Daniel, tôi nghĩ hai ta cần nói chuyện,” cô nói. “Tôi e rằng mình đã cư

xử không đúng đối với em...”

Tôi không bao giờ để cô nói nốt những lời ấy. Tôi thường viện bất cứ cái cớ cũ rích nào để rời phòng mà trốn chạy, tôi không đủ dũng khí đối mặt với khả năng rằng cái thế giới đầy ảo tưởng mình dựng lên quanh Clara có thể đang tan rã. Tôi không hề biết rằng những rắc rối của mình chỉ mới đang bắt đầu.

Chiếc đĩa trống không

1950

Chương 7

VÀO DỊP SINH NHẬT THỨ MƯỜI SÁU, tôi nảy ra ý tưởng xui rủi nhất từng nảy ra xưa nay. Không tham khảo ý kiến bất kỳ ai, tôi quyết định tổ chức một bữa tiệc sinh nhật trong đó có mời Barceló, Bernarda, Clara. Theo như đánh giá của cha tôi, toàn bộ chuyện ấy chẳng khác gì công thức cho tai hoạ.

“Đó là sinh nhật của con,” tôi đành giọng đáp lời. “Con làm việc cho cha tất cả các ngày khác trong năm rồi. Chỉ một lần thôi, sao cha không chiếu cố chiều lòng con một chút.”

“Tuỳ con thôi.”

Những tháng trước đó là khoảng thời gian hoang mang nhất trong quan hệ kỳ lạ giữa tôi và Clara. Tôi hầu như không còn đọc sách cho cô nữa. Clara lúc nào cũng cẩn trọng tránh ở một mình với tôi. Cứ mỗi lần tôi ghé qua nhà Barceló, ông bác cô đều thỉnh thoảng nhìn lơ đãng và vờ như đang đọc báo, hoặc không thì Bernarda xuất hiện bất chợt lọ mọ hết việc này đến việc kia, mắt láo liên liếc nhìn trộm. Những lần khác thì bạn đồng hành của chúng tôi sẽ là một hay vài ba người bạn của Clara. Tôi gọi họ là “Lữ đoàn Chị em”. Luôn xuất hiện với bề ngoài nhu mì giản dị, họ tuần hành xung

quanh Clara với cuốn kinh Misa trên tay còn đôi mắt thì dò xét như mắt cảnh sát, họ như muốn thể hiện rõ ràng rằng tôi là kẻ cản đường và sự hiện diện của tôi khiến cho Clara và toàn bộ thế giới này khó xử. Nhưng tôi tệ nhất, là Neri, tay giáo viên dạy đàn, chủ nhân bản giao hưởng đáng thương vẫn mãi nằm trong tình trạng chưa hoàn thành. Gã là một kẻ biết nói những lời mật ngọt, một cậu ấm nhà giàu xuất thân từ khu dân cư trịch thượng bên quận San Gervasio, bất chấp cái khí chất nghệ sĩ mà gã toả ra, Neri lại gợi tôi nhớ đến một ca sĩ tango đầu bóng nhẫy sáp chải tóc. Tài năng duy nhất mà tôi thừa nhận ở hắn là cá tính trơ trẽn không thềm che đậy. Gã sẵn sàng bợ đỡ

Gustavo mà không màng đến thế nào là phẩm cách và lịch thiệp, gã tán tỉnh Bernarda trong bếp, khiến chị bật cười với những món quà ngu ngốc như hạnh nhân ướp đường, gã còn có sở thích vô mong phụ nữ. Nói tóm lại, tôi không ưa gã chút nào. Sự căm ghét đến từ cả hai phía. Neri luôn từ đâu đó nhảy ra cùng mớ tổng phổ trên tay, kèm theo là thái độ ngạo mạn chướng mắt, gã coi tôi như một thằng nhỏ bồi bàn phiền nhiễu và tỏ đủ loại thái độ khó chịu trước sự hiện diện của tôi.

“Nhóc không phải quay về làm bài tập ở nhà sao?”

“Còn anh, nhà soạn nhạc, chẳng

phải anh còn một bản giao hưởng chưa hoàn thành?”

Rốt cuộc lần nào tôi cũng là bên bị nắm thóp và phải rời đi, tiu nghỉu trong chiến bại, ao ước mình có tài nói huyền thuyên như Gustavo để có thể ném cái thái độ lên mặt ta đây này nọ của gã về đúng chỗ.

NGÀY SINH NHẬT TÔI, cha tới tiệm bánh ngọt trong góc phố mua chiếc bánh tuyệt nhất mà ông tìm được. Cha tôi lặng lẽ bày bàn ăn, mang ra những dao đĩa bằng bạc và bộ đồ sứ đẹp nhất. Ông thắp vài cây nến và chuẩn bị món ăn mà ông biết là tôi ưa thích. Hai cha con

không trao đổi lấy một lời suốt buổi chiều. Tối đến cha tôi quay về phòng mình, khoác lên mình bộ đồ đẹp nhất, khi bước ra ông cầm theo một gói nhỏ bọc giấy bóng kính lấp lánh đặt lên bàn cà phê trong phòng ăn. Quà cho tôi. Cha tôi ngồi xuống bàn, rót cho mình một ly vang trắng và chờ đợi. Trong thư mời tôi đã nói rằng bữa tối sẽ vào lúc tám giờ ba mươi. Tối tận chín giờ ba mươi chúng tôi vẫn phải ngồi đợi. Cha buồn rầu liếc sang tôi. Trong lòng tôi sôi sùng sục lửa giận.

“Hửn cha phải vừa lòng lắm,” tôi nói. “Chẳng phải cha muốn thế này sao?”

“Không hề.”

Nửa giờ sau, Bernarda đến. Chị mang theo gương mặt như đưa đám và lời nhắn từ Cô Clara, rằng cô chúc tôi vạn điều hạnh phúc. Nhưng thật không may rằng cô không thể đến dự bữa tối sinh nhật tôi. Ông Barceló thì buộc phải rời thị trấn vài ngày vì có việc làm ăn, và Clara không thể đổi giờ học với nhạc sĩ Neri. Bernarda thì đến được vì hôm nay chị được nghỉ chiều và tối.

“Clara không thể đến vì có buổi học nhạc ư?” tôi sững sốt hỏi.

Bernarda nhìn xuống. Trông chị như chực khóc khi đưa tôi bọc quà nhỏ của chị rồi hôn tôi vào cả hai bên má.

“Nếu không thích, cậu có thể đem

đi đôi,” chị nói.

Tôi bị bỏ lại một mình với cha, ông đang chú mục vào bộ đồ sứ và thìa đĩa bạc, cả những ngọn nến đang lạng lẽ cháy tàn.

“Cha rất tiếc, Daniel,” cha tôi nói.

Tôi gật đầu trong im lặng, khẽ nhún vai.

“Con không định mở quà à?” cha tôi hỏi.

Phản ứng duy nhất của tôi là đóng sầm cửa trước khi rời khỏi căn hộ. Tôi hung hăng lao xuống cầu thang, bước ra ngoài, mắt ầng ậc cuồng nộ. Con phổ lạnh thấu xương, hoang vắng, tràn ngập

một màu xanh nhàn nhạt dị thường. Tôi cảm thấy tim mình như thể bị phanh ra. Mọi thứ xung quanh như run rẩy. Tôi đi lang thang dật dờ, tôi chẳng mấy để tâm tới kẻ lạ đang quan sát mình từ bên khu Puerta del Ángel. Hắn mặc bộ vét đen, tay phải đút trong túi áo vét, mắt quắc lên như hai lằn sáng trong ánh lập lòe điều thuốc. Chân hơn tập tễnh, hắn bắt đầu đi theo tôi.

Tôi lang thang khắp các con phố trong khoảng một tiếng đồng hồ hoặc hơn, cho tới khi thấy mình dừng chân trước thềm đài tưởng niệm Columbus. Đi chéo qua đó và tới cảng, tôi ngồi trên dải bậc tam cấp đá dẫn xuống làn nước đen ngòm sát cạnh bãi tàu đậu, nơi nung nấu

cho các du thuyền. Hẳn có người đã thuê du thuyền đi đêm, bởi tôi nghe đâu đây trong phía cảng sát bờ văng vẳng tiếng cười và nhạc xuyên qua chuỗi ánh đèn trên cao và ánh đèn phản chiếu trên mặt nước. Tôi mừng tởng lại những ngày khi cha đưa tôi lên chính chiếc du thuyền ấy để tới chỗ đê chắn sóng. Từ vị trí ấy có thể thấy được nghĩa trang trải ra trên sườn đồi Montjuïc, thành phố vĩnh hằng của những người quá cố. Có đôi khi tôi vẫy tay vì nghĩ rằng mẹ đang yên nghỉ tại đó để thấy hai cha con đang lướt qua trên du thuyền. Cha tôi cũng giơ tay lên vẫy. Đã nhiều năm kể từ lần cuối chúng tôi cùng bước lên du thuyền đi quanh vịnh, dù vậy tôi biết đôi khi cha vẫn tự đi một

mình.

“Một đêm tuyết vùi đẽ ăn năn, Daniel,” một giọng nói vang đến từ trong bóng tối. “Thuốc lá không?”

Tôi giật nảy người. Một bàn tay đang chìa thuốc lá ra mời tôi.

“Ông là ai?”

Kẻ lạ di chuyển về trước cho tới khi đứng gần sát lẫn ranh bóng tối, khuôn mặt hẩn vẫn không lộ diện. Một luồng khói xanh xám cuộn lên từ điếu thuốc lá hẩn cầm. Ngay lập tức tôi nhận ra bộ đồ màu đen và bàn tay đút trong túi áo vét. Đôi mắt hẩn sáng loé như hạt cườm bằng thủy tinh.

“Một người bạn,” hắn đáp. “Hoặc ít ra đó là điều ta muốn trở thành. Làm một điều chứ?”

“Tôi không hút thuốc.”

“Tốt thôi. Tiếc thay, ta chẳng có gì khác để mời cậu cả, Daniel.”

Giọng hắn khò khè, nghèn nghẹn. Hắn nói như thể phải nặn ra từng lời và nghe chúng cứ lùng bùng xa xăm như tiếng những đĩa 78 vòng mà Barceló sưu tập.

“Sao ông biết tên tôi?”

“Ta biết rất nhiều điều về cậu. Tên cậu là điều tối thiểu trong số đó.”

“Ông còn biết những gì khác nữa?”

“Ta có thể khiến cậu ngưng chín người đây, nhưng giờ ta không có thời gian cũng như mong muốn làm như vậy. Ta chỉ muốn nói là cậu có một thứ khiến ta đề tâm. Và ta sẵn sàng trả cậu rất rất nhiều tiền để có nó.”

“Tôi e là ông đã nhầm tôi với ai đó.”

“Không hề, ta biết rõ là không phải vậy. Ta thường hay mắc sai lầm, nhưng về con người thì chưa từng. Cậu muốn bao nhiêu?”

“Cho cái gì mới được?”

“Cho cuốn *Bóng hình của gió*.”

“Điều gì khiến ông nghĩ là tôi có nó?”

“Chuyện đó khỏi bàn, Daniel. Vấn đề ở đây chỉ là chuyện giá cả. Ta biết cậu có cuốn sách ấy từ lâu rồi. Người ta kể. Và ta nghe được.”

“Vậy thì ông nghe nhầm rồi. Tôi không có cuốn sách ấy. Mà nếu có, tôi cũng sẽ không bán đâu.”

“Tính chính trực của cậu thật đáng ngưỡng mộ, đặc biệt trong cái thời rất những kẻ bợ đỡ và nịnh nọt này, nhưng cậu không phải ra vẻ với ta đâu. Cứ nói bao nhiêu. Một ngàn duro? Tiền chẳng có

nghĩa lý gì với ta. Cậu cứ việc định giá.”

“Tôi đã nói ông rồi còn gì, cuốn sách đó không thể bán được, bởi tôi không có nó,” tôi đáp lời. “Ông đang nhầm lẫn đây có biết không?”

Bọc mình trong làn khói xanh xám của điều thuốc lá cứ như chẳng bao giờ cháy hết, kẻ lạ vẫn lặng yên và bất động. Tôi nhận ra mùi trên người hắn không phải mùi thuốc lá, mà mùi giấy bị đốt cháy. Giấy chất lượng cao, loại dùng để in sách.

“Có lẽ cậu mới là người đang nhầm lẫn đây,” hắn gợi ý.

“Ông đang đe dọa tôi đây à?”

“Có thể?”

Tôi nuốt ực trong họng. Dù tôi cố tỏ ra hiên ngang, kẻ lạ vẫn khiến tôi thấy rờn rợn.

“Liệu tôi có thể hỏi sao ông lại hứng thú với cuốn sách đó?”

“Đó là chuyện của ta.”

“Cũng là chuyện của tôi, bởi ông đang đe dọa tôi về một cuốn sách mà tôi không sở hữu.”

“Ta thích cậu. Daniel. Cậu can đảm đấy, và xem chừng sáng dạ nữa. Một ngàn duro nhé? Với số tiền ấy cậu tha hồ mua cả núi sách không lỗ. Sách xin hẳn

hỏi ấy, không phải cái thứ rác thải mà cậu bảo vệ với ngàn ấy nhiệt huyết đâu. Được không, một ngàn duro và chúng ta sẽ vẫn là bạn.”

“Tôi và ông không hề là bạn bè.”

“Là bạn bè đây, cậu chỉ chưa nhận ra mà thôi. Ta không trách cậu đâu, trong đầu cậu chứa cả một mớ hỗn độn thế cơ mà. Ví dụ như cô bạn Clara của cậu ấy. Trước một phụ nữ như thế... ai cũng sẽ mất lý trí cả thôi.”

Việc tên Clara được nhắc đến như làm đông cứng máu chảy trong huyết quản tôi. “Ông biết gì về Clara?”

“Ta dám nói là ta biết nhiều hơn

cậu đây, mà tốt nhất là hãy quên ả ta đi, mặc dù ta biết cậu sẽ không chịu đâu. Ta cũng từng trải qua tuổi mười sáu rồi mà...”

Một nhận thức khủng khiếp bất chợt ào đến trong tôi. Hẳn ta chính là kẻ lạ đã quấy rầy Clara trên phố. Hẳn ta có thực. Clara đã không nói dối. Hẳn chợt tiến một bước về phía trước. Tôi lập tức lùi lại. Trong đời chưa bao giờ tôi khiếp hãi đến vậy.

“Clara không giữ cuốn sách ấy; ông nên biết điều đó. Đừng hòng đụng đến cô ấy lần nữa.”

“Ta chẳng may may hứng thú với cô bạn của cậu, Daniel, và một ngày kia

cậu cũng sẽ cảm thấy tương tự. Cái ta muốn là cuốn sách. Và ta mong có thể đạt được nó một cách công bằng mà không phải làm tổn thương bất kỳ ai. Cậu hiểu chứ?”

Không thể nghĩ ra điều gì khá khâm hơn, tôi quyết định nói dối. “Một người tên là Adrián Neri đang giữ nó. Gã soạn nhạc. Ông hẳn từng nghe đến tên gã.”

“Chẳng hề nghe tới; về một nhạc sĩ mà nói thế thì còn gì tệ hại bằng. Cậu chắc là cậu không sáng chế ra cái tay Adrián Neri này đây chứ?”

“Giả như tôi có thể.”

“Nếu như vậy, bởi cậu có vẻ thân

với anh ta, có lẽ cậu nên thuyết phục anh ta trả cuốn sách cho cậu. Mấy chuyện đó thì giữa bạn bè với nhau dễ giải quyết lắm. Hay cậu thích ta thân chinh đi hỏi Clara?”

Tôi lắc đầu. “Tôi sẽ nói chuyện với Neri, nhưng tôi e là gã sẽ không chịu trả cuốn sách đâu. Không chừng gã chẳng còn giữ nó nữa. Có điều, ông muốn có bằng được cuốn sách ấy để làm gì? Đừng bảo với tôi là để đọc không thôi đấy.”

“Không. Ta thuộc lòng nó rồi.”

“Ông là một nhà sưu tầm?”

“Tựa tựa như vậy.”

“Ông có những cuốn khác cũng của

Carax không?”

“Có thể nói ta đã từng sở hữu chúng. Julián Carax là chuyên môn của ta, Daniel ạ. Ta đi khắp thế giới chỉ để tìm sách của người đó.”

“Vậy ông làm gì với những cuốn sách ấy nếu không phải để đọc?”

Kẻ lạ bật ra một tiếng nghèn nghẹn thông khiết. Phải mất một lúc tôi mới nhận ra đó là hấn đang cười.

“Chỉ có một việc duy nhất có thể làm với những cuốn sách ấy, Daniel ạ,” hấn trả lời.

Kẻ lạ rút từ trong túi áo ra một hộp diêm. Hấn lấy ra một que rồi quẹt. Ngọn

lửa cho tôi thấy khuôn mặt hắc lần đầu tiên. Máu trong người tôi như đóng băng. Hắc không có mũi, môi lẫn cả mắt mí. Khuôn mặt hắc chỉ như một chiếc mặt nạ đen toàn sọc, do bị lửa thiêu. Đó cũng chính là làn da chết mà Clara đã chạm vào.

“Đó là thiêu dụi chúng,” hắc thì thào, giọng nói và ánh mắt tràn ngập căm hận.

Một đợt không khí giạt mạnh thổi tắt que diêm giữa những ngón tay kẻ lạ, khuôn mặt hắc lại một lần nữa chìm trong bóng tối.

“Chúng ta sẽ còn gặp lại, Daniel. Ta chưa bao giờ quên mặt một ai, và ta

cũng nghĩ mình sẽ không quên cậu đâu,”
hắn điềm tĩnh nói. “Vì lợi ích của cậu, và
cũng vì lợi ích của Clara bạn cậu, tôi
mong cậu có thể đưa ra quyết định đúng
đắn. Hãy thu xếp chuyện này với Neri –
một cái tên khá kiêu căng đây. Ta không
tin hắn lấy một chút nào.”

Với câu nói ấy, kẻ lạ quay mình
bước hướng về phía bãi tàu đậu, hình hài
hắn dần hoà lẫn vào những mảng tối đen,
bộc trong tiếng cười rỗng hoác của chính
hắn.

Chương 8

MỘT VĨA MÂY DÀI cùng sấm chớp cuộn cuộn lao qua những mảng trời từ phía biển. Đáng ra tôi nên chạy tìm chỗ trú cơn mưa rào đang chực trút xuống, nhưng lời đe dọa của kẻ lạ kia bắt đầu thấm dần vào tâm trí. Tay tôi run rẩy, cả trí óc tôi cũng run rẩy không kém. Tôi nhìn lên và thấy từ trên các đám mây, cơn bão ào ạt trào xuống như những dòng sông chảy toàn máu đen, xóa nhòa đi mặt trăng và che phủ những mái nhà trong thành phố trong tối tăm. Dù rất cố để tăng tốc, nhưng vì tâm trạng đã ngập tràn nỗi sợ hãi, tôi chỉ có thể bước với đôi

chân nặng nề, bị cơn mưa rào rượt đuổi. Tôi tránh mưa dưới mái che một ki ốt bán báo, cố gắng tập trung suy nghĩ để xác định tiếp theo mình nên làm gì. Một đợt sấm sét gầm vang ngay gần đó, tôi tưởng như mặt đất dưới chân đang rung lắc. Vài giây sau, dòng điện yếu ớt thuộc hệ thống đèn chiếu sáng hình thù các tòa nhà và cửa sổ liền tắt ngấm dần. Trên vỉa hè ngập nước, đèn đường chập chờn nhấp nháy, rồi tắt phụt như những ngọn nến bị gió dập. Chẳng có lấy một bóng người trên các con phố, bóng tối do đợt cúp điện dần lan tỏa cùng mùi hôi thối từ cống rãnh xộc lên. Bóng tối trở nên mờ đục, đậm đặc, khi cơn mưa chăng vải liệm trùm lên thành phố.

“Trước một phụ nữ như thế...ai cũng sẽ mất lý trí cả thôi”

Tôi cảm đầu học tóc chạy qua khu Đại lộ Rambla với một ý nghĩ duy nhất trong đầu: Clara.

BERNARDA đã nói rằng Barceló đang đi xa vì công chuyện. Hôm nay là ngày nghỉ của Bernarda, vào ngày này chị thường ngủ đêm tại nhà bà cô Reme và mấy người họ hàng sống ở thị trấn San Adrián del Besós gần đây. Vậy có nghĩa chỉ còn mỗi Clara một mình trong căn hộ rộng thênh thang trên Quảng trường Hoàng gia cùng với kẻ vô diện đáng sợ đang tung hoành trong cơn bão, với bộ

óc mà chỉ có Chúa mới biết bên trong
chất chứa những gì. Trong khi hồng học
lao tới Quảng trường Hoàng gia dưới
cơn mưa tầm tã, tất cả những gì tôi nghĩ
tới là mình đã đặt Clara vào tình thế
hiểm nguy khi đưa cô cuốn sách của
Carax. Khi tới được lối vào quảng
trường tôi đã ướt thấu tận xương. Tôi bỏ
nhào đến tránh mưa dưới mái vòm trên
phố Fernando. Tôi nghĩ mình thấy những
bóng hình mờ mờ từ phía sau lưng trườn
đến. Dân ăn mày. Cửa chính bị khóa. Tôi
lần tìm trong túi áo chìa khóa mà
Barceló đã cho. Một trong những người
hành khất đi tới, xin được cho qua đêm
trong tiền sảnh. Tôi sập cửa trước khi
anh ta kịp nói nốt câu.

KHU VỰC CẦU THANG LÀ CẢ MỘT VÙNG TỐI OM. Ánh chớp liên hồi rỉ qua những vết nứt trên cửa chính, chiếu sáng rìa ngoài những bậc cầu thang trong khoảnh khắc. Tôi mò mẫm tìm đường tiến về trước và tìm thấy bậc thang đầu tiên nhờ vấp phải nó. Bám lấy lan can cầu thang, tôi chậm chậm tiến lên. Các bậc thang mau chóng dẫn đến một bề mặt bằng phẳng, tôi để ý thấy mình đã lên được tới chiếu nghỉ của tầng đầu tiên. Tôi sờ thấy những mảng tường cẩm thạch, lạnh lẽo và không chút thân thiện, rồi sau đó là những hình chạm nổi trên cánh cửa gỗ sồi và những tay nắm cửa bằng nhôm. Sau khi lần mò đôi chút,

rốt cuộc tôi cũng tra được chìa khóa vào ổ. Khi cửa chính căn hộ bật mở, một dải sáng xanh lam ập tới khiến mắt tôi bị lóa trong chốc lát rồi một luồng gió ấm thoảng qua làn da tôi. Phòng của Bernarda nằm ở mặt sau căn hộ, ngay cạnh bếp. Tôi đi tới đó trước, mặc dù đã biết chắc là cô tớ gái không có ở nhà. Tôi gõ gõ các khớp ngón tay lên cửa phòng và, không thấy ai đáp lại, bèn tự cho phép mình bước vào. Đó là một căn phòng đơn giản, với một chiếc giường to lớn, tủ búp bê có cửa kính màu nhạt và chiếc tủ com mốt trên đó Bernarda bày đủ các tượng cũng như tranh in các thánh và đức Mẹ Đồng trinh theo trình tự Chức Thánh. Tôi đóng cửa lại, và rồi khi quay

ra, tim tôi tưởng như ngừng đập: một tá những đôi mắt ánh tím đang tiến về phía tôi từ cuối hành lang. Lũ mèo nhà Barceló biết tôi rất rõ và không thấy phiền trước sự có mặt của tôi. Chúng vây quanh tôi, meo meo nhẹ nhàng. Ngay khi nhận ra quần áo ướt sũng trên người tôi không tỏa ra hơi ẩm mà chúng muốn, lũ mèo thờ ơ bỏ mặc tôi.

Phòng của Clara nằm ở đầu bên kia căn hộ, cạnh thư viện và phòng nhạc. Những bước chân vô hình của lũ mèo bám gót tôi xuyên qua hành lang. Trong bóng tối lập lòe do ảnh hưởng của cơn bão, căn hộ gia đình Barceló như trở nên rộng lớn và ngập ngụa sát khí, khác hẳn với nơi mà tôi đã gần như coi là ngôi nhà

thứ hai của mình. Tôi tiến đến mặt trước căn hộ, nơi hướng ra quảng trường. Nhà kính mở ra trước mắt tôi, rậm rạp và ken dày không thể vượt qua. Tôi đi xuyên qua khu rừng trong nhà kính đầy những lá cành. Trong giây lát một ý nghĩ nảy đến với tôi: nếu lỗ đầu kẻ lạ vô diện kia đã tìm cách lén được vào căn hộ thì đây rất có thể chính là nơi hắn chọn để chờ tôi xuất hiện. Tôi gần như tưởng chắc rằng mình đã ngửi thấy mùi giấy cháy đen mà kẻ lạ tạo ra trong bầu không khí quanh hắn, nhưng rồi tôi nhận ra mùi mình ngửi thấy chỉ là mùi thuốc lá. Một cơn khiếp đảm khiến người tôi râm ran như bị kim châm. Trong nhà này không ai hút thuốc, kể cả chiếc tàu luôn tắt ngóm của

Barceló cũng chỉ đơn thuần là để trang trí.

Khi tôi đến được phòng nhạc, đột bưng sáng chói lòa từ sấm sét cho thấy những vòng khói xoắn ốc lập lòe trôi trong không khí như những vòng hơi nước. Cạnh hành lang, chiếc đàn piano phô bày điệu cười toe toét không ngừng. Tôi đi qua phòng nhạc và tiến thẳng đến cánh cửa thư viện. Nó đang đóng chặt. Tôi mở cửa và được chào đón bởi ánh sáng khuếch tán bắt nguồn từ ban công dát kính bao quanh thư viện cá nhân của Barceló. Các bức tường kín đặc những giá ken đầy sách, tạo thành một hình ô van mà chính giữa đặt một bàn đọc sách và hai chiếc ghế tựa lót vải lông. Tôi

biết Clara giữ cuốn tiểu thuyết của Carax trong một chiếc tủ kính có ngăn đặt tại nhịp cuốn của ban công. Tôi rón rén tới đó. Kế hoạch của tôi, thực ra là chẳng có kế hoạch gì, là tiếp cận cuốn sách, đem nó ra khỏi đây, đưa sách cho kẻ điên khùng kia và vĩnh viễn không bao giờ gặp lại hắn nữa. Sẽ chẳng ai chú ý đến sự vắng mặt của cuốn sách, ngoại trừ tôi.

Cuốn sách của Julián Carax đang đợi chờ tôi, như vẫn luôn thế, gáy của nó hiện hiện rõ mòn một tại phía cuối giá sách. Tôi cầm cuốn sách lên tay và ép lên ngực, như thể đang ôm ấp một người bạn cũ mình sắp sửa phản bội. Judas, tôi nhủ thầm với chính bản thân. Tôi quyết định sẽ rời căn hộ mà không để cho

Clara biết sự có mặt của mình. Tôi sẽ lấy cuốn sách và biến khỏi cuộc đời Clara Barceló vĩnh viễn. Lặng lẽ, tôi bước khỏi thư viện. Cửa phòng Clara hiện rõ ở phía cuối hành lang. Tôi hình dung cô đang trên giường, nằm ngủ. Tôi tưởng tượng những ngón tay mình sờ trớn cổ Clara, khám phá cơ thể mà tôi từng cố hình dung trong những cơn mộng tưởng. Tôi quay đi, đã định sẵn sàng vứt bỏ sáu năm mơ mộng hảo huyền, nhưng cái gì đó đã níu chân tôi trước khi tới được phòng nhạc. Một giọng rên huýt sáo vang lên phía sau tôi, từ sau cánh cửa. Một giọng trầm đang thâm thì và cười khế. Trong phòng của Clara. Bước chậm chậm tới cánh cửa, tôi đặt tay lên

nắm đấm. Mấy ngón tay tôi run bần bật.
Tôi tới quá trễ. Tôi nuốt ực thật sâu rồi
mở cửa.

Chương 9

CỖ THÊ TRẦN TRUÔNG CỦA CLARA nằm duỗi dài trên tấm ga trắng lóa như lụa tấy. Những ngón tay của nhà soạn nhạc Neri mơn trớn đôi môi, chiếc cổ và bầu ngực Clara. Đôi mắt trắng dã của Clara ngược lên trần nhà, mí mắt cô chớp máy khi tay thầy dạy nhạc xông tới, xâm nhập thân thể cô qua cặp đùi nhợt nhạt đang run rẩy. Chính đôi bàn tay đã đọc khuôn mặt tôi sáu năm về trước trong bóng tối nhập nhoạng âm đạm của thư viện Ateneo giờ đây bám lấy cặp mông nhoang nhoáng mờ hôi của nhà soạn nhạc, cắn chặt móng tay vào đó và

hướng dẫn gã nhập vào cô bằng nỗi khao khát tuyệt vọng và bản năng. Tôi không thở nổi. Hẳn là tôi đã đứng ngay ra đó, chờ người quan sát họ đến những nửa phút đồng hồ, tới khi cặp mắt của Neri, thoát tiên tỏ vẻ ngỡ ngàng, sau đó bùng lên giận dữ, bắt đầu nhận thức được sự hiện diện của tôi. Vẫn đang thở hồng hộc, sững sờ, gã dừng lại. Clara chộp lấy gã, ra vẻ không hiểu, cọ người mình vào người gã, liếm cổ gã.

“Có chuyện gì vậy?” cô rên rỉ.
“Sao anh lại dừng?”

Mắt Adrián Neri phùng phùng lửa giận. “Không có gì,” gã làu bàu. “Anh sẽ quay lại ngay.”

Neri đứng dậy ném mình về phía tôi, tay siết chặt nắm đấm. Tôi thậm chí không nhận thấy hắn đang tiến tới. Tôi không thể rời mắt khỏi Clara, mình đắm mồ hôi, hôn hển lấy hơi, xương sườn hiện rõ dưới lớp da và bầu vú rung rinh. Gã thầy dạy nhạc túm lấy cổ tôi kéo lê tôi khỏi phòng ngủ. Chân tôi hầu như không chạm tới sàn nhà, và dù cố gắng thế nào, tôi cũng không thể thoát khỏi cánh tay siết kẹp chặt của Neri khi gã lôi tôi qua khu nhà kính như kéo một bọc đồ.

“ Tao sẽ bẻ gãy cổ mày, thằng khốn,” gã càu nhàu.

Neri hùng hổ kéo tôi về phía cửa trước, mở cửa rồi dùng hết sức quăng tôi

xuống chiếu nghỉ. Cuốn sách Carax tuột khỏi tay tôi. Gã nhặt nó lên và điên tiết ném vào mặt tôi.

“Tao mà còn thấy mày lảng vảng quanh đây, hay nếu tao biết được mày lò dò tìm gặp Clara ở trên phố thì tao thề sẽ đập mày tới mức phải vô nhà thương – và tao đêch quan tâm mày có vị thành niên hay không,” gã nói giọng lạnh lẽo. “Hiểu không?”

Tôi nhọc nhằn gượng dậy. Trong lúc ầu đả Neri đã xé toạt cả áo khoác lẫn lòng kiêu hãnh của tôi.

“Làm sao mày vào đây được?”

Tôi không đáp. Neri thở dài, lắc

đầu. “Nói đi,” gã gầm gừ chực nổi điên.
“Đưa tao chìa khóa.”

“Chìa khóa nào?”

Gã đâm mạnh đến mức tôi gục xuống. Khi đứng dậy, miệng tôi chảy máu và từ tai trái vang tiếng u u xoáy vào trong đầu nghe như tiếng còi cảnh sát. Tôi sờ lên mặt thì thấy vết sứt trên môi, chạm vào xót lên thon thót. Một chiếc nhẫn ấn triệu vẩy máu lóe lên trên ngón tay gã thầy dạy nhạc.

“Tao bảo đưa chìa khóa đây!”

“Cút đi,” tôi làu bàu.

Tôi chẳng kịp nhìn thấy cú đâm tiếp theo đang tiến đến. Chỉ cảm nhận

như thể một chiếc búa khoan vừa xé toạt dạ dày từ trong ra ngoài. Tôi gặp người lại như một con rối hỏng, đầu không thờ nổi, lao đảo va vào tường. Neri chộp lấy tóc tôi và lục khắp các túi áo cho tới khi tìm được chùm chìa khóa. Tôi tuột xuống sàn nhà, ôm bụng rên rỉ trong đau đớn và giận dữ.

“Nói với Clara rằng...”

Gã sập cửa ngay lập tức, bỏ mặc tôi trong bóng tối mịt mù. Tôi mò mẫm khắp nơi tìm cuốn sách. Thấy được sách tôi lò dò đi xuống thang, tựa lưng vào tường, thở hắt hắt. Ra được bên ngoài tôi nhô ra máu và cố sức lấy hơi. Cái lạnh buốt giá và cơn gió lùa quanh quần

siết lấy bộ quần áo sũng nước của tôi.
Vết xước sâu trên mặt tôi đau nhức.

“Cậu không sao chứ?” một giọng nói khuaát trong tôi cất tiếng hỏi.

Đó là người hành khất mà mới đây vừa bị tôi khướt từ giúp đỡ. Thấy xấu hổ, tôi gật gật, lảng tránh ánh nhìn của anh ta. Tôi dợm bước đi.

“Khoan đã nào, ít ra cũng phải đợi đến lúc mưa ngớt chứ,” người hành khất gợi ý.

Anh ta túm lấy tay tôi và dẫn tôi về một góc bên dưới những mái vòm nơi anh ta trữ một mớ đồ lặt vặt và chiếc túi đựng quần áo cũ bản.

“Tôi còn chút rượu vang đây. Vị cũng được lắm. Uống vài ngụm nhé. Nó sẽ giúp cậu ấm người lên. Và tẩy trùng cả vết thương kia nữa.”

Tôi nốc một ngụm từ chai rượu anh ta chia ra. Nó có vị như dầu diesel pha lẫn giấm, nhưng cái nóng nó đem đến giúp làm dịu dạ dày và thần kinh tôi. Vài giọt rượu rỉ xuống vết thương trên miệng, thế là tôi thấy những ngôi sao hiện lên trong cái đêm đen tối nhất của đời mình.

“Được chứ?” anh chàng hành khất mỉm cười. “Tiếp đi, uống ngụm nữa đi. Cái thứ này có thể dựng người chết sống dậy đó.”

“Không cảm ơn. Anh cũng uống chút đi,” tôi lầm bầm.

Anh hành khát uống một hơi dài. Tôi quan sát anh ta kĩ hơn. Anh ta trông tựa tựa một kế toán viên nhà nước nghèo nàn dễ chùng mười lăm năm nay vẫn mặc mỗi một bộ đồ không thay. Anh ta chìa tay ra, tôi bèn nắm lấy.

“Fermín Romero de Torres, hiện thời thất nghiệp. Rất hân hạnh được làm quen.”

“Daniel Sempere, ngu xuẩn tột độ. Kẻ hân hạnh phải là tôi mới đúng.”

“Đừng coi khinh bản thân như thế. Trong những đêm thế này, cái gì cũng có

vẻ tột tể hơn trên thực tế. Cậu không biết được đâu, nhưng tôi đây lạc quan bẩm sinh đấy. Tôi không hề nghi ngờ rằng thời cầm quyền của chế độ hiện giờ chẳng còn được mấy nữa đâu. Tất cả thông tin đều chỉ ra rằng người Mỹ có thể xâm chiếm chúng ta bất kì lúc nào và họ sẽ cho Franco về vườn bán rong đậu phộng ở dưới miệt Melilla. Nếu vậy thì địa vị, danh tiếng và phẩm giá đã mất của tôi sẽ được khôi phục.”

“Anh từng làm việc ở đâu?”

“Nhiệm vụ bí mật. Giám điệp cấp cao,” Fermín Romero de Torres nói. “Chỉ cần nói rằng tôi từng là tay chân của tổng thống Maciá xứ Catalonia tại

Havana.”

Tôi gật. Lại một gã đầu óc có vấn đề. Về đêm Barcelona tụ tập vô khối những kẻ như vậy. Và cả những đũa ngọc, như tôi.

Nghe này, cái vết đó nhìn không ổn chút nào. Ai đó đã đánh cậu rất nặng tay phải không?”

Tôi chạm ngón tay lên môi. Máu vẫn tiếp tục rỉ.

“Chuyện đàn bà phải không?” anh ta hỏi. “Đáng ra cậu không cần phí sức làm gì. Phụ nữ ở đất nước này - mà tôi thì đã thấy khá khá cái thế giới này rồi - là một mớ cao đạo, lạnh lùng. Tin tôi đi.

Tôi vẫn còn nhớ cô lai mà tôi đã bỏ lại ở Cuba. Không thể so sánh, nhỉ? Không thể so sánh. Các cô gái vùng Caribê ra sức quyến rũ ta với điệu lắc lư của họ và thì thầm ‘Ôi, hỡi chàng đẹp mã, hãy cho em khoái cảm, cho em khoái cảm.’ Là một người đàn ông thực thụ với máu nóng chảy trong huyết quản... trời, tôi có thể nói gì đây?”

Dường như Fermín Romero de Torres, hoặc tên thật của anh ta có là gì đi nữa, khát khao một cuộc đối thoại vô tư lự không kém gì khát khao một bồn tắm nước nóng, một đĩa thịt hầm và một bộ quần áo mới thay. Tôi để anh ta nói một hồi, trong khi chờ cái đau của mình lắng xuống. Cũng chẳng khó khăn gì, bởi

tất cả những gì người ta cần là một cái gậy đầu đúng thời điểm và ai đó có vẻ đang lắng nghe. Khi anh chàng hành khất đang nhắm nhẹ thuật lại đồng chi tiết về kế hoạch quái đản là bắt cóc vợ của Franco, tôi nhận thấy mưa đã ngớt và cơn bão dường như đang chậm chậm chuyển dần sang hướng Bắc.

“Muộn lắm rồi,” tôi lầm bầm đứng dậy.

Fermín Romero de Torres gậy đầu cùng một ánh nhìn buồn bã và giúp tôi đứng dậy, vờ như phủi bụi cho quần áo tôi đang ướt nhoẹt.

“Đề hôm khác vậy,” anh ta nói giọng cam chịu. “E rằng ba hoa là tật tôi

không sửa được. Một khi tôi bắt đầu thì... Nghe này, cái phi vụ bắt cóc vừa rồi, nó không được lan truyền đi đâu, hiểu chứ?”

“Đừng lo. Tôi sẽ câm lặng như đang nằm dưới mồ. Và cảm ơn vì chút rượu vang.”

Tôi khởi hành tiến về khu Đại lộ Ramblas. Tôi dừng chân trước lối vào quảng trường và quay lại nhìn căn hộ Barceló. Những cánh cửa sổ vẫn im ỉm trong bóng tối, ướt đẫm nước mưa. Tôi muốn căm ghét Clara nhưng không thể. Thực sự căm ghét ai đó cũng là một nghệ thuật mà ta phải học dần theo năm tháng.

Tôi thề với chính mình rằng sẽ

không bao giờ gặp cô ta lần nữa, rằng sẽ không bao giờ nhắc lại tên con người đó hay nhớ lại quãng thời gian đã phung phí bên cô ta. Vì một lý do lạ lùng nào đó, tôi cảm thấy bình yên. Cơn điên giận thôi thúc tôi bỏ chạy khỏi nhà giờ không còn nữa. Tôi đã e sợ rằng ngày hôm sau nó sẽ quay lại, với mức độ còn khủng khiếp hơn. Tôi đã e sợ rằng lòng ghen tức và nỗi tủi thẹn sẽ từ từ nhấn chìm tôi một khi tắt thấy những mảnh ký ức của đêm đó rơi vào đúng chỗ của chúng. Nhưng bình minh vẫn còn vài tiếng nữa mới tới, và tôi còn một việc nữa cần làm trước khi có thể quay về nhà với một lương tâm trong sạch.

KHU PHỐ NHÀ HÁT CÔNG
VÒM đang ở đó đợi tôi. Một dòng nước
đen chảy tụ lại ở chính giữa con phố hẹp
tạo thành dòng, giống như một đám tang,
hướng về trung tâm là quận Raval. Tôi
nhận ra cánh cửa gỗ cũ và mặt tiền kiểu
baroque mà cha đã dẫn tôi đến vào buổi
rạng đông hôm đó, sáu năm về trước. Tôi
bước lên các bậc thềm và trú mưa dưới
vòm cổng ra vào. Nó sặc mùi nước tiểu
và gỗ mọt. Hơn bao giờ hết, Nghĩa Trang
Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên dậy mùi
cái chết. Tôi không nhớ được rằng năm
treo vòng sắt gỗ cửa được tạo hình mặt
quỷ. Tôi cầm lấy vòng sắt là sừng con
quỷ và gõ ba lần. Tiếng vọng lan truyền
khắp bên trong toàn nhà. Một hồi sau tôi

gỗ thêm đọt nữa, sáu lần gõ cả thấy, lần
gỗ sau càng mạnh hơn lần gõ trước, cho
đến khi nắm tay tôi đau như. Vài phút
nữa trôi qua, tôi bắt đầu sợ rằng có lẽ
chẳng còn ai tại nơi này nữa. Tôi ngồi
thụp xuống tựa lưng vào cánh cửa và lấy
cuốn sách của Carax ra khỏi mặt trong áo
vét. Tôi mở cuốn sách ra đọc lại câu văn
đầu tiên đã mê hoặc tôi nhiều năm về
trước.

*Mùa hè năm đó mưa rả rích
không ngừng ngày này qua ngày khác,
và mặc dù nhiều người đã nói đó là do
Chúa Trời nổi cơn thịnh nộ trừng phạt
dân làng đã dám mở một sông bạc ngay*

cạnh nhà thờ, song tôi biết đó là lỗi của tôi, của riêng mình tôi mà thôi, bởi tôi đã học được cách đối trá và miệng tôi đến giờ vẫn còn thuộc lòng những lời cuối mẹ tôi trôi trắng trên giường lúc bà hấp hối: “Mẹ chưa bao giờ yêu người đàn ông mẹ lấy làm chồng mà chỉ yêu một người khác, mẹ nghe nói người đó đã bị giết trong chiến tranh; hãy tìm người đó mà nói rằng ý nghĩ cuối cùng của mẹ là dành cho ông ấy, bởi ông ấy mới đúng là cha ruột của con.”

Tôi cười, nhớ lại cái đêm đầu tiên háo hức đọc cuốn sách này hồi sáu năm

trước. Tôi đóng sách lại và chuẩn bị gõ cửa thêm lần nữa, nhưng trước khi những ngón tay tôi chạm được tới vòng sắt, cánh cửa lớn đột ngột mở ra đủ rộng để lộ khuôn mặt người gác. Tay ông ta cầm một chiếc đèn dầu.

“Chào buổi tối,” tôi lí nhí. “Bác Isaac phải không ạ?”

Người gác quan sát tôi không chớp mắt. Ánh sáng tỏa ra từ chiếc đèn dầu như khắc tạc khuôn mặt góc cạnh gầy guộc của ông bằng hồ phách và những sắc đỏ, trao cho ông một nét hao hao đến rợn người với con quỷ nhỏ trên nắm gõ cửa.

“Cậu là con trai Sempere,” ông ta

ngao ngán cầu nhàu.

“Trí nhớ của bác thật tuyệt vời.”

“Còn ý thức về giờ giấc của cậu thật tồi tệ. Biết giờ là mấy giờ không?”

Đôi mắt sắc bén của ông ta đã kịp chú ý đến cuốn sách nằm bên dưới áo vét của tôi. Isaac nhìn tôi vẻ dò hỏi. Tôi lấy cuốn sách gương ra trước mặt ông ta.

“Carax,” ông ta nói. “Ta dám cá là có không quá mười người trong thành phố này có biết về ông ta, hoặc từng đọc cuốn sách này.”

“Dạ, một trong số họ có ý định muốn thiêu rụi nó. Cháu không nghĩ ra

được nơi cất giữ nào tốt hơn ở đây.”

“Đây là một nghĩa địa, không phải chôn kị gửi an toàn.”

“Chính xác. Điều cuốn sách này cần là được đem chôn ở nơi nào đó không ai có thể tìm thấy.”

Isaac hồ nghi liếc nhìn dọc con hẻm. Ông nhích cửa ra thêm chừng mười phân rồi ra hiệu bảo tôi lên nhanh vào. Bóng tối, khoảng không gian kín mít khó dò trong tiền sảnh dậy mùi sáp và ẩm ướt. Duy chỉ nghe thấy tiếng nước nhỏ giọt không đều trong khung cảnh tối tăm ảm đạm này. Isaac đưa tôi giữ chiếc đèn trong lúc thọc tay vào túi áo khoác lấy ra một vòng khóa lớn dễ thường khiến bất

kì tên cai ngục nào cũng phải nẩy lòng ghen tị. Bằng phương pháp khoa học khôn lường nào đó, Isaac lần ra được đúng chìa cần dùng, liền tra chìa vào chốt cửa nằm dưới một hộp thủy tinh đầy những rơ le và bánh răng trông như một hộp nhạc lớn. Với một cú lắc cổ tay của ông, cơ cấu máy móc kêu cách một cái, đòn bẩy và trục bản lề trượt theo một một điệu vũ ba lê cơ học vô cùng ấn tượng, cho đến khi một vòng những thanh thép dày neo chặt trên bức tường đá nhô ra kẹp giữ lấy cánh cửa lớn.

“Thậm chí Ngân hàng Tây Ban Nha cũng không thể làm tốt hơn,” tôi nhận xét, vô cùng ấn tượng. “Trông cứ như thể cơ cấu nào đó trong sách của

Jules Verne vậy.”

“Kafka chứ,” Isaac sửa lời tôi, lấy lại chiếc đèn dầu và dậm bước tiến sâu hơn vào trong tòa nhà. “Ngày nào đó cậu nhận ra rằng ngành buôn sách này chẳng xơ múi được gì sất và cậu quyết định rằng mình muốn học cách cướp nhà băng, hoặc tổ chức cướp nhà băng, đảng nào cũng như nhau cả thôi, hãy đến gặp ta rồi ta sẽ chỉ cậu vài ba mẹo về chốt khóa.”

Tôi đi theo ông ta dọc các hành lang mình vẫn còn nhớ rõ, khắp hai bên choán đầy những bức bích họa phai mờ gồm những thiên thần và sinh vật nom như bóng tối. Isaac nâng cao chiếc đèn dầu, hắt ra những bóng sáng đỏ rực rung

rinh. Isaac đi hơn tập tễnh, chiếc áo nỉ đã sờn cũ ông ta mặc trông như áo của người phục vụ tang lễ. Chợt tôi nảy ra ý nghĩ rằng người đàn ông này, có chút gì đó hơi như Charon người lái đò dưới địa ngục lại cũng giống thủ thư tại thư viện Alexandria, dường như cũng thuộc về một trong các tiểu thuyết của Julián Carax.

“Bác có biết gì về Carax không?”
tôi hỏi.

Isaac dừng chân nơi cuối hành lang mà nhìn tôi với vẻ thờ ơ. “Không nhiều. Chỉ biết những gì được nghe kể thôi.”

“Từ ai ạ?”

“Một người biết tác giả đó khá rõ, hoặc ít nhất là họ nghĩ vậy.”

Tim tôi như lỡ một nhịp đập. “Đó là khi nào vậy?”

“Khi ta vẫn còn cần dùng lược. Lúc ấy cậu chắc vẫn đang quán tã. Mà cậu cũng chẳng có vẻ tiến bộ nhiều lắm từ thuở ấy, nói cho thẳng thắn. Nhìn chính cậu kia: run như cây sậy.”

“Đấy là vì quần áo của cháu bị ướt, với cả ở đây lạnh quá.”

“Lạnh à? Vậy, lần tới mà có qua thì nhớ nhấn trước, ta sẽ bật hệ thống sưởi ấm cao cấp ở khu chính để chào đón cậu, nụ hồng nhỏ ạ. Đi nào, theo ta.

Phòng làm việc của ta ở kia. Ở đó có lò sưởi và thứ gì đó để choàng quanh người trong khi chờ hong khô quần áo của cậu. Với cả chút thuốc đỏ với ôxy già chắc cũng không thừa. Trông cậu cứ như vừa được thả ra từ một chiếc xe cảnh sát vậy.”

“Không cần phải vậy đâu, thực đấy ạ”

“Ta không thấy phiền. Ta làm là vì mình, không phải vì cậu. Một khi đi qua cánh cổng này, cậu phải chơi theo luật của ta. Nghĩa trong này là để danh cho sách, không phải cho con người. Cậu có thể bị viêm phổi, mà ta thì không muốn phải gọi tới nhà xác thông báo. Chúng ta

sẽ xem xét chuyện cuốn sách sau. Sau ba mươi tám năm, ta chưa từng thấy cuốn sách nào có thể chạy đi được.”

“Cháu không thể diễn tả rằng cháu cảm kích nhường nào...”

“Vậy đừng diễn tả gì. Ta cho cậu vào đây vì lòng kính trọng cha cậu. Bằng không ta đã để mặc cậu ở trên phố rồi. Giờ thì, theo ta. Nếu cậu biết cách cư xử, ta có thể cân nhắc việc kể những điều ta biết về tay bạn Julián Carax của cậu.”

Từ khoe mắt tôi, khi Isaac tưởng rằng tôi không thể nhìn ra, tôi chú ý thấy, mặc dù nói như vậy, ông ta lại đang cười ranh mãnh. Isaac cố nhiên tỏ ra ưa thích cái vai kẻ giám sát độc địa. Tôi cũng tự

mỉm cười với mình. Giờ đây tôi không còn nghi ngờ gì về chuyện khuôn mặt trên nắm treo vòng gỗ cửa là thuộc về ai.

Chương 10

ISAAC NÉM VÀI TẮM CHẶN lên vai tôi và đưa tôi một cốc dung dịch nóng hôi dậy mùi sô cô la nóng và hơi thoáng mùi rượu.

“Bác đang nói dở về Carax...”

“Cũng chẳng có gì nhiều để kể. Người đầu tiên nhắc đến Carax với ta là Toni Cabestany, người xuất bản cuốn ấy. Đó là chuyện hai mươi năm về trước, khi đó công ty ông ấy vẫn còn hoạt động. Mỗi bận trở về sau những chuyến kiếm tìm tài năng từ London, Paris hoặc Vienna, Cabestany thường rẽ qua và bọn

ta cùng chuyện trò đôi chút. Hồi đó ta và ông ấy đều góa vợ, ông ấy thường phàn nàn rằng giờ đây hai ta đều kết hôn với sách mất rồi, ta thì với đồng sách cũ còn ông ấy thì lấy cái đồng sổ sách. Bọn ta là bạn tốt. Trong một lần thăm hỏi, Cabestany kể cho ta bằng cách nào, mà với một số tiền ít ỏi, ông ấy lại giành được quyền phát hành tiếng Tây Ban Nha các cuốn tiểu thuyết của Julián Carax, một nhà văn trẻ gốc Barcelona sinh sống tại Paris. Chuyện này xảy ra hồi năm 1928 hay 1929. Hình như vào ban đêm tay Carax đó làm nhạc công piano ở một nhà chứa tâm tâm nào đó ở khu Pigalle còn ban ngày thì viết sách tại một gác xép tồi tàn trên phố Saint-Germain. Paris

là thành phố duy nhất trên thế giới nơi mà chịu đói đến chết vẫn còn được coi là một nghệ thuật. Carax từng xuất bản vài cuốn tiểu thuyết tại Pháp, nhưng thấy đều thất bại thảm hại. Tại Paris không ai chịu thừa nhận anh ta, với cả Cabestany luôn thích mua đồ rẻ.”

“Vậy Carax viết bằng tiếng Tây Ban Nha hay tiếng Pháp?”

“Ai biết được? Có lẽ cả hai. Mẹ của Carax là người Pháp, giáo viên dạy nhạc, chắc vậy, và anh ta sống tại Paris từ năm mười chín hay hai mươi tuổi gì đó. Cabestany chỉ nói rằng bản thảo của Carax gửi đến bằng tiếng Tây Ban Nha. Còn đó là bản dịch hay bản nguyên gốc

thì ông ấy chẳng quan tâm. Ngôn ngữ ông ấy yêu thích là tiền, còn lại thì chẳng có nghĩa lý gì. Dường như với Cabestany thì có lẽ, nhờ vào chút may mắn nào đó, ông ấy có thể bán được vài nghìn bản in trên thị trường sách Tây Ban Nha.”

“Thế ông ấy có bán được không?”

Isaac nhíu mày khi rót cho tôi thêm một chút dung dịch chất hồi phục của mình. “Ta nghĩ rằng cuốn bán chạy nhất, *Ngôi nhà màu đỏ*, bán được khoảng chín mươi bản.”

“Nhưng ông ấy vẫn tiếp tục xuất bản sách của Carax, dù bị lỗ,” tôi chỉ ra.

“Đúng thế. Ta chịu thôi. Cabestany

không hẳn là một tay thích lãng mạn. Nhưng ta nghĩ hẳn ai cũng có bí mật của mình. Từ năm 1928 đến năm 1936, ông ấy xuất bản tám cuốn tiểu thuyết của Carax. Dù sao, lĩnh vực Cabestany thực sự kiếm ra tiền là nhờ bán những cuốn vấn đáp giáo lý và một loạt tiểu thuyết ủy mị rẻ tiền ngợi ca một nhân vật nữ quê mùa có tên Violeta LaFleur. Máy thứ đó bán chạy như tôm tươi. Ta đoán rằng Cabestany xuất bản sách của Carax bởi chúng thỏa mãn cơn mộng tưởng của ông ấy, hoặc chỉ là để phủ nhận quy luật đào thải của Darwin.”

“Vậy chuyện gì đã xảy ra với Señor Cabestany?”

Isaac thở dài, ngược nhìn lên. “Tuổi già - cái giá mà tất cả chúng ta đều phải trả. Ông ấy trở nên ốm yếu và gặp phải vài ba vấn đề về tiền nong. Năm 1936, con trai cả của ông ấy thay cha quản lý việc kinh doanh, nhưng gã là cái loại thậm chí kích cỡ quần lót của mình còn chẳng đọc nổi. Chưa đầy một năm mọi thứ đều sụp đổ. May thay, Cabestany chẳng bao giờ phải chứng kiến những gì mà đám thừa tự của mình làm với thành quả làm việc của cả đời ông ấy, hay những gì chiến tranh đã gây ra cho đất nước ông ấy. Một cơn tai biến mạch máu não đã tiễn đưa ông ấy đứng vào đêm Ngày Lễ Các Linh Hồn, với điều xì gà Cuba trên môi và một cô ả hai

lăm trên đui. Ra đi như thế mới là ra đi chứ! Thằng con thì như hoàn toàn thuộc nòi giống khác. Ngạo mạn đúng y kiểu những thằng ngu ngạo mạn. Ý tưởng vĩ đại đầu tiên của gã là cố gắng bán toàn bộ đồng sách còn trong kho của công ty, vốn là của thừa kế từ cha, và chuyển sang chuyên sản xuất tạp chí rẻ tiền hay cái gì đó tương tự. Bạn gã, một thằng nhóc có nhà ở khu Caldetas và một chiếc xe thể thao của Ý, đã thuyết phục gã rằng truyện tình bằng ảnh và sách kiểu như *Cuộc chiến đấu của tôi*^[1] sẽ bán chạy như điên, và kết quả là sẽ nảy sinh nhu cầu khổng lồ về giấy.”

[1. Cuộc chiến đấu của tôi (Mein Kampf): cuốn sách khét tiếng của Adolf

“Gã có làm thế thật không?”

“Đáng lẽ là có nhưng hẳn không có thời gian. Chẳng bao lâu sau khi tiếp quản việc kinh doanh, một người nào đó đã xuất hiện tại văn phòng của gã đưa ra một đề nghị rất hào phóng. Người đó muốn mua toàn bộ số sách của Julián Carax còn tồn trong kho và sẵn sàng trả gấp ba lần giá bìa trên thị trường.”

“Chẳng cần nói cũng biết. Là để đốt chúng,” tôi làu bàu.

Isaac cười. Ông ta có vẻ ngạc nhiên. “Quả đúng là như vậy. Thế mà này giờ ta cứ tưởng cậu hơi cù lần cơ đấy, cứ

hỏi một đống câu hỏi như thế mà chẳng hiểu ra được điều gì.”

“Người đó là ai?”

“Ai đó tên như là Aubert hay Coubert, ta không nhớ rõ lắm.”

“Láin Coubert?”

“Cái tên đó cậu nghe quen sao?”

“Đó là tên một trong các nhân vật trong *Bóng hình của gió*, cuốn tiểu thuyết cuối cùng của Carax.”

Isaac nhú mày. “Một nhân vật hư cấu sao?”

“Trong cuốn tiểu thuyết, Láin Coubert là cái tên được dùng bởi quý

dữ.”

“Hơi bị màu mè quá, nếu cậu hỏi thì ta nói thế. Nhưng dù có là ai, ít nhất hẳn ta cũng có khiếu hài hước đấy,” Isaac suy đoán.

Với những hình ảnh về cuộc gặp gỡ đêm đó vẫn còn tươi mới trong ký ức, tôi không thể nhìn ra mặt hài hước của vấn đề, dù từ góc độ nào, nhưng tôi lưu lại ý kiến của mình để dành cho dịp nào đó thuận tiện hơn.

“Người đó, Coubert, hay tên hẳn có là gì đi nữa - mặt hẳn có bị bóng nặng, thành ra biến dạng không?”

Isaac nhìn tôi với nụ cười để lộ cả

sự hứng thú lẫn quan tâm. “Ta chẳng biết mô tê gì hết. Người kể ta chuyện này chưa bao giờ gặp mặt hẳn trực tiếp, mà chỉ biết chuyện là nhờ hôm sau con trai Cabestany kể cho thư ký của mình nghe. Gã chẳng nhắc gì đến khuôn mặt bị bóng cả. Cậu có chắc mình không lấy cái chi tiết đó từ chương trình truyền thanh nào đó không đấy?”

Tôi hát đầu ra sau, như thể muốn làm nhẹ vấn đề. “Vậy chuyện đó kết thúc ra sao ạ? Gã con của tay xuất bản sách ấy có bán đồng sách cho Coubert không?” tôi hỏi.

“Cái thằng đàn ngu ngơ ấy cứ ráng giở trò ma lạnh ma giáo. Gã đòi nhiều

tiền hơn mức mà Coubert đưa ra, thế là Coubert rút lại lời đề nghị. Vài ngày sau, vừa quá nửa đêm, nhà kho của Cabestany tại khu nghĩa trang Pueblo Nuevo cháy rụi đến tận móng. Và là miễn phí luôn.”

Tôi thở dài. “Chuyện gì xảy ra với đồng sách của Carax? Tất cả đều bị thiêu hủy sao?”

“Gần như tất cả. May sao, khi nghe kể về lời đề nghị của Coubert, thư ký của Cabestany liền có một dự cảm. Người này, hoàn toàn do tự ý mình, đi đến nhà kho đem theo các cuốn của Carax, mỗi nhan đề một cuốn. Chính cô ấy là người giao dịch thư từ với Carax, và qua năm tháng giữa họ đã hình thành cái gì đó tựa

như tình bạn. Tên cô ấy là Nuria, và ta nghĩ rằng Nuria là cái người duy nhất trong cái nhà xuất bản đó, rất có khả năng là trên toàn Barcelona này, đã từng đọc các tiểu thuyết của Carax. Nuria luôn yêu mến những người sa cơ lỡ vận. Khi còn nhỏ, con bé thường cưu mang những con thú nhỏ nhất được trên phố. Lớn lên thì nó thành ra cưu mang đám nhà văn thất bại, có lẽ bởi cha nó từng muốn thành nhà văn mà chẳng bao giờ thực hiện được.”

“Bác có vẻ biết nhiều về cô ấy.”

Isaac lại nhướn nụ cười ranh ma. “Nhiều hơn là nó nghĩ. Con bé là con gái ta mà.”

Sự tĩnh lặng và ngờ vực gặm nhấm tôi. Càng nghe câu chuyện, tôi càng hoang mang lẫn lộn. “Hình như Carax trở về Barcelona vào năm 1936. Có người nói ông ấy qua đời tại thành phố này. Vậy ông ấy có còn người họ hàng nào tại đây không? Người nào đó có thể biết về ông ấy?”

Isaac thở dài. “Chúa mới biết được. Cha mẹ của Carax đã chia tay từ lâu, chắc vậy. Bà mẹ di cư sang Nam Mỹ rồi tái hôn ở đó. Ta không cho rằng Carax còn liên lạc với cha mình từ khi chuyển đến Paris.”

“Tại sao thế ạ?”

“Ta chịu. Con người ta thường có

xu hướng phức tạp hóa cuộc sống của họ, cứ như thể việc sống không thôi chưa đủ phức tạp vậy.”

“Bác có biết liệu cha của Carax có còn sống?”

“Ta hi vọng thế. Ông ấy còn trẻ hơn ta, nhưng hồi này ta chẳng mấy khi ra ngoài và cũng đã nhiều năm rồi không còn đọc trang cáo phó – người thân quen rơi rụng xuống mồ cứ như ruồi ấy, với cả, nói trắng ra thì điều đó cũng khiến ta sợ chứ. À, với lại, Carax là họ của mẹ gã. Cha của gã thì được gọi là Fortuny. Ông ấy sở hữu một tiệm mũ trên đại lộ San Antonio.”

“Vậy, bác có nghĩ rằng liệu có khả

năng khi quay về Barcelona Carax lại nảy sinh mong muốn đến thăm con gái bác, Nuria, vì họ là bạn, bởi ông ấy không có quan hệ tốt với cha mình?”

Isaac cười vẻ cay đắng. “Cái đó thì e ta chẳng cách nào biết được. Nói gì thì nói, ta chỉ là cha nó. Ta chỉ biết là có một lần, vào năm 1932 hay 1933, Nuria tới Paris vì công chuyện cho Cabestany, và con bé ở tại căn hộ của Julián Carax khoảng vài tuần. Là Cabestany nói với ta. Chứ còn theo con gái ta thì nó trọ tại khách sạn. Khi ấy nó còn chưa có chồng, và ta ngờ rằng tay Carax đó có hơi bị con bé hút hồn. Nuria của ta là loại chỉ cần đi vào cửa tiệm là cũng đủ làm tan vỡ trái tim một gã đàn ông.”

“Ý bác rằng họ là người tình?”

“Cậu thích các câu chuyện tình lâm ly hử? Này, ta chẳng bao giờ can thiệp vào đời tư của Nuria, bởi cuộc đời ta cũng chẳng phải bức tranh hoàn hảo gì cho cam. Nếu cậu mà có con gái - một phúc lành mà ta chẳng mong ai được hưởng, bởi lẽ đương nhiên là chẳng chóng thì chày con bé cũng làm tim cậu tan nát thôi - dù sao thì đây là ta đang nói là nếu cậu có con gái, cậu sẽ bắt đầu, mà không ý thức được, chia đám đàn ông ra thành hai nhóm: những kẻ khiến cậu ngờ rằng đã ngủ với con bé và những kẻ không khiến cậu ngờ như vậy. Kẻ nào bảo nói thế không đúng thì cầm chắc là

đang nói dối. Ta ngờ rằng Carax thuộc nhóm đầu tiên, nên ta chẳng quan tâm gã có là thiên tài hay kẻ bất hạnh khốn khổ. Với ta gã sẽ luôn là một tên vô lại.”

“Nhớ đâu bác nhầm.”

“Đừng phản ứng thế, cậu còn rất trẻ và chẳng biết nhiều về phụ nữ bằng ta biết về nướng bánh hạnh nhân đâu.”

“Thôi không tranh cãi chuyện đó nữa,” tôi nói. “Chuyện gì đã xảy ra với những cuốn sách mà con gái bác lấy được từ nhà kho?”

“Chúng ở đây.”

“Ở đây?”

“Thế cậu nghĩ cuốn sách của cậu đến từ đâu - cái cuốn cậu tìm thấy vào ngày cha cậu dẫn cậu tới nơi này ấy?”

“Cháu không hiểu.”

“Rất đơn giản thôi. Một đêm nọ, vài ngày sau vụ cháy ở kho nhà Cabestany, con gái ta, Nuria, đã đến đây. Trông nó có vẻ lo lắng. Con bé nói có ai đó đang đi theo nó và nó sợ rằng người đó là cái gã tên Coubert, kẻ đang cố gắng chiếm đoạt mấy cuốn sách để tiêu hủy chúng. Nuria nói nó tới đây để giấu những cuốn sách của Carax. Nó tới chỗ phòng lớn và giấu chúng trong mê cung những giá sách, giống như chôn vùi vật báu vậy. Ta không hỏi nó đã giấu sách ở

đâu, mà nó cũng chẳng nói cho ta. Trước khi đi, con bé bảo rằng ngay khi tìm được Carax nó sẽ quay lại lấy sách. Về như con bé vẫn còn yêu tay đó, nhưng ta chẳng nói gì. Ta hỏi dạo gần đây nó có gặp Carax không, hay có nghe tin tức gì không. Con bé nói hàng tháng rồi nó chẳng ngóng được tin gì từ gã, chính xác là từ lần cuối gã gửi con bé những sữa chữa cuối cùng cho cuốn tiểu thuyết mới nhất của gã. Ta chẳng rõ nó có nói thật hay không. Điều ta biết là kể từ sau ngày hôm đó Nuria chẳng bao giờ nghe được tin gì từ Carax nữa, và những cuốn sách ấy cứ nằm đây mà phủ đầy bụi.”

“Bác có nghĩ con gái bác sẽ sẵn lòng kể cho cháu về chuyện này không?”

“Cũng có thể, nhưng ta không biết liệu con bé có thể cho cậu biết điều gì mà cậu còn chưa được nghe kể. Nhớ lấy, tất cả những chuyện này đều đã xảy ra từ rất lâu rồi. Sự thật là hai cha con ta không hòa thuận như ta mong muốn. Mỗi tháng ta và con bé gặp nhau có mỗi một lần. Khi đó bọn ta thường đi đâu đó gần gần để ăn trưa, rồi con bé bỏ đi cũng nhanh như khi đến vậy. Ta được biết là vài tháng trước con bé kết hôn với một người đàn ông tốt, một phóng viên, hơi nông nổi đôi chút, đó là ta nghĩ vậy, một trong những kẻ luôn vướng vào rắc rối với chính quyền, nhưng có trái tim thiện lương. Hai đứa tổ chức một đám cưới không theo nghi thức tôn giáo và chẳng

mời vị khách nào. Một tháng sau đó ta mới biết. Con bé chẳng bao giờ giới thiệu chồng nó với ta. Miquel, đó là tên chồng nó. Hay gì đó tựa tựa thế. Chắc nó chẳng tự hào gì lắm về cha mình đâu, và ta không trách nó. Giờ đây nó ra dáng phụ nữ lắm rồi. Tưởng tượng mà xem, nó thậm chí còn học cách đan lát, và ta nghe kể giờ nó không còn mặc những cái váy như Simone de Beauvoir nữa. Rồi một ngày nào đó, chắc ta sẽ được biết mình đã thành ông ngoại. Hàng năm trời nó ngồi nhà, dịch tiếng Ý và tiếng Pháp làm kế sinh nhai. Ta chẳng biết nó lấy đâu ra tài năng ấy, nói trắng ra là vậy. Không phải từ cha nó, chắc chắn rồi. Để ta ghi lại địa chỉ của con bé, dù ta không chắc

rằng bảo nó ta cứ cậu tới gặp nó là một ý hay.”

Isaac nguệch ngoạc vài chữ lên góc một tờ báo cũ và đưa tôi mảnh giấy.

“Cháu rất cảm kích. Biết đâu được, có khi cô ấy lại nhớ ra điều gì đó...”

Isaac mỉm cười hơi chút buồn bã. “Hồi còn bé nó nhớ mọi điều. Tất thấy mọi điều. Rồi trẻ em đều lớn lên và ta chẳng còn biết chúng nghĩ gì hay cảm thấy gì nữa. Và có lẽ mọi chuyện đều phải như thế, ta tin vậy. Đừng cho Nuria biết ta đã kể với cậu những gì, được chứ? Những chuyện được nhắc đến trong đêm nay không được tiết lộ cho ai.”

“Bác đừng lo. Bác có nghĩ, liệu cô ấy vẫn còn nghĩ về Carax?”

Isaac hắt ra một tiếng thở dài và sụp mắt xuống. “Có Chúa mới biết. Ta chẳng biết liệu nó có thực yêu gã đó hay không. Những điều ấy đều được khóa kín trong lòng, và giờ nó đã có chồng. Khi bằng tuổi cậu, ta từng có bạn gái, Teresita Boadas, đó là tên cô ấy - cô ấy may tạp dề trong nhà máy dệt Santamaria trên phố Comercio. Hồi đó cô ấy mười sáu, trẻ hơn ta hai tuổi, và là người phụ nữ đầu tiên ta yêu. Đừng nhìn ta như vậy. Ta biết giới trẻ các cậu cho rằng người già bọn ta chưa bao giờ biết yêu đương. Cha của Teresita có một cái xe làm đá và

bán hàng ở chợ Borne, ông ấy bầm sinh vốn đã hơi đàn. Cậu chẳng thể hình dung nổi ta đã sợ thế nào vào cái ngày ta hỏi xin cưới con gái ông ấy, ông ấy liền nhìn chằm chằm ta suốt những năm phút đồng hồ, chẳng có phản ứng rõ ràng nào, tay lăm lăm dùi đục đá. Ta đã dành dụm hai năm ròng để mua cho Teresita một chiếc nhẫn cưới thì cô ấy lâm bệnh. Thi thoảng ở chỗ làm người ta bắt gặp cô ấy đang ho, Teresita kể với ta như vậy. Sáu tháng sau cô ấy qua đời vì bệnh lao. Ta vẫn còn nhớ người cha ngớ ngẩn của Teresita gào khóc nhường nào khi chôn cô ấy ở nghĩa trang Pueblo Nuevo.”

Isaac rơi vào im lặng sâu thẳm. Tôi chẳng dám thở mạnh. Một lúc sau

ông ngược lên rồi mỉm cười.

“Ta đang kể về những năm mười lăm năm về trước, thử nghĩ mà xem! Nhưng nếu phải nói thật thì chẳng có ngày nào ta không nghĩ về cô ấy, về những cuộc dạo bộ của hai ta tới tận khu Triển lãm Quốc tế 1888 nay đã hoang phế, hay cách cô ấy cười mỗi khi ta đọc những vần thơ ta viết tại phòng đọc của ông bác Leopoldo trong tiệm tạp phẩm. Ta thậm chí vẫn còn nhớ khuôn mặt người phụ nữ Digan trên bãi biển Bogatell đã tiên đoán rằng hai ta sẽ luôn luôn bên nhau. Theo cách riêng của mình, bà ấy đúng. Ta có thể nói gì đây? Hừm, phải, ta cho rằng Nuria vẫn còn nghĩ về gã đàn ông đó, dù con bé chẳng

hề nói thế. Và sự thực là, ta sẽ chẳng bao giờ tha thứ Carax về điều đó. Cậu vẫn đang trẻ lắm, nhưng ta thì biết quá rõ những chuyện này đón đầu nhường nào. Nếu cậu muốn biết quan điểm của ta, thì Carax là một kẻ đánh cắp trái tim, và gã đã đem trái tim con gái ta theo xuống mồ, hay địa ngục. Ta chỉ yêu cầu cậu một điều: nếu cậu gặp và nói chuyện với con bé, hãy cho ta biết con bé thế nào. Hãy tìm hiểu xem nó có hạnh phúc không. Và liệu con bé có tha thứ cho cha nó hay không.”

NGAY SAU KHI BÌNH MINH LÊN, chỉ với một chiếc đèn dầu để soi

đường, tôi quay vào lại Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên. Vừa đi tôi vừa mừng tượng hình ảnh cô con gái của Isaac lang thang suốt những hành lang dằng dặc tối tăm với cùng một quyết tâm đang dẫn lối cho tôi lúc này: nhằm cứu lấy cuốn sách. Tôi cứ ngỡ tưởng còn nhớ được lối đi khi theo cha lần đầu tới thăm nơi này, nhưng tôi nhanh chóng nhận ra những góc lượn và rẽ ngoặt của mê cung này uốn cong các lối đi thành những đường vặn xoắn đến mức không thể nhớ nổi đâu là đâu. Ba lần tôi cố gắng lần theo lối đi những tưởng vẫn còn nhớ rõ, thì cả ba lần mê cung gửi tôi về lại cùng một vị trí. Isaac đợi sẵn tôi ở đó, một nụ cười giấu cợt trên môi.

“Cậu có định một ngày nào đó sẽ quay lại lấy cuốn sách này?” ông ta hỏi.

“Đương nhiên rồi.”

“Nếu thế cậu nên ăn gian một chút.”

“Ăn gian ư?”

“Chàng trai trẻ, cậu hơi chậm hiểu thì phải? Hãy nhớ lại truyền thuyết về Minotaur đi.”

Mất vài giây tôi mới hiểu ông ta đang gợi ý điều gì. Isaac lấy trong túi áo ra một con dao nhíp cũ đưa cho tôi.

“Hãy đánh dấu ở tất cả các góc. Một vết khía mà chỉ mình cậu có thể

nhận biết. Ở đây toàn gỗ cũ toàn vách khía lẫn vết trầy xước nên sẽ chẳng ai chú ý trừ cái người biết rõ mình đang tìm kiếm cái gì.”

Tôi làm theo lời khuyên của ông ta và một lần nữa thâm nhập vào mê cung. Mỗi lần đổi hướng, tôi dừng lại để đánh dấu các giá sách với một chữ C và X bên vách lối đi mình định chọn. Hai mươi phút sau tôi đã ở sâu trong tòa tháp và, một cách khá tình cờ, nơi tôi định chôn giấu cuốn tiểu thuyết bỗng lộ ra trước mắt. Ở bên phải tôi để ý thấy một hàng tập sách về việc giải thể tài sản của nhà thờ do tác gia lỗi lạc Jovellanos chấp bút. Với đôi mắt tuổi mới lớn của tôi, sự nguy trang ấy hẳn có thể khiến ngay cả bộ

óc xảo quyết nhất cũng phải nản lòng. Tôi lấy ra vài tập sách và rà soát tầng thứ hai được che khuất đằng sau những bức tường chữ như khắc bằng cẩm thạch kia. Giữa những đám bụi nhỏ, vô số vở kịch của Moratín và một cuốn *Curial e Güelfa* mới toanh đứng liền kề với *Tractatus Theologico Politicus* của Spinoza. Bỗng nhiên, tôi quyết định sẽ giấu cuốn sách của Carax giữa cuốn niên giám năm 1901 gồm tường thuật các vụ kiện tại tòa án dân sự Gerona và một bộ các tiểu thuyết của Juan Valera. Để tạo khoảng trống, tôi quyết định lấy cuốn *Thi ca thời hoàng kim* nằm kẹp giữa hai cuốn kia ra ngoài, đoạn nhét *Bóng hình của gió* thay vào đó. Tôi chào tạm biệt

cuốn tiểu thuyết bằng một cái nháy mắt rồi đặt bộ hợp tuyền của Jovellanos trở về chỗ cũ, và xếp sách ở hàng trước vào che kín hàng sau.

Tôi rời nơi đó mà không gặp mấy khó khăn nhờ lần tìm đường ra dựa vào những dấu hiệu mình đã khắc lên lúc đi vào. Khi bước trong bóng tối xuyên qua những hành lang và đường hầm toàn những sách, tôi không khỏi bị nhấn chìm bởi một cảm giác buồn. Tôi không khỏi ngẫm ngợi rằng nếu như mình, chỉ nhờ tình cờ, đã tìm ra cả một vụ trộm ẩn chứa trong một cuốn sách vô danh bị chôn vùi trong cái nghĩa trang vô tận đó, thì còn hàng vạn vụ trộm nữa sẽ vẫn chưa hề được khám phá, vĩnh viễn bị lãng quên. Tôi

thấy mình như bị vây quanh bởi hàng triệu trang sách bị bỏ rơi, bởi những thế giới và những linh hồn vô chủ đang chìm dần vào đại dương đen tối, trong khi cái thế giới hồi hải bên ngoài thư viện dường như đang ngày ngày mất đi ký ức của chính nó mà không tự biết, càng quên bao nhiêu thì lại càng thấy mình thông thái bấy nhiêu.

BÌNH MINH ĐANG TAN DẦN KHI TÔI TRỞ LẠI CĂN HỘ trên con phố Santa Ana. Khẽ mở cửa chính, không với tay bật đèn, tôi nhẹ nhàng lách vào trong. Từ tiền sảnh, tôi có thể thấy phòng ăn ở cuối hành lang, bàn ăn được bày

biện cho bữa tiệc vẫn chưa bị dọn đi. Chiếc bánh ngọt vẫn ở đó, còn nguyên vẹn, bộ đồ sứ vẫn đang chờ đợi các món ăn được bày ra. Tôi có thể nhìn ra hình bóng bất động của cha tôi trên chiếc ghế bành, ông đang quan sát cảnh vật bên ngoài cửa sổ. Cha tôi còn thức và vẫn đang bận bộ vét đẹp nhất của ông. Những vòng khói uể oải bốc lên từ điếu thuốc lá ông kẹp giữa ngón trỏ và ngón đeo nhẫn như thể đó là một cây bút. Đã nhiều năm nay tôi không thấy cha hút thuốc.

“Chào buổi sáng,” cha tôi lầm rầm, dúi điếu thuốc lá vào tàn thuốc đầy ứ những đầu mẩu thuốc mới cháy được một nửa.

Tôi nhìn cha mà không biết phải nói gì. Ánh sáng từ sau lưng lóa mờ đi đôi mắt ông.

“Tôi qua Clara gọi đến vài lần, mấy tiếng sau khi con rời nhà,” ông nói. “Cô ấy có vẻ rất lo lắng. Cô ấy nhắn con gọi lại, bất cứ lúc nào cũng được.”

“Con không định sẽ gặp hay nói chuyện với Clara nữa đâu,” tôi nói.

Cha tôi gật đầu nhưng không đáp lại gì. Tôi buông mình xuống một trong các ghế tại bàn ăn và nhìn chăm chăm xuống sàn nhà.

“Con không định kể xem tôi vừa rời đã đi đâu ư?”

“Chỉ loanh quanh thôi ạ.”

“Con làm cha sợ kinh hồn đấy.”

Không chút giận dữ nào ẩn trong giọng ông và gần như không có chút chê trách, chỉ có sự mệt mỏi.

“Con biết. Con xin lỗi,” tôi trả lời.

“Con đã làm gì với mặt của mình thế?”

“Con trượt ngã do nước mưa.”

“Con mưa đó hẳn đã có cú móc phải khá được đấy. Bôi cái gì lên đó đi.”

“Chẳng sao đâu. Con còn chẳng nhận thấy mà,” tôi nói dối. “Giờ con cần

ngủ một chút. Con gần như không đứng được nữa rồi.”

“Ít ra hãy mở quà trước khi đi lên giường,” cha tôi nói.

Ông chỉ về phía gói quà bọc trong giấy bóng kính mà đêm trước ông đã đặt sẵn lên bàn cà phê. Tôi do dự trong chốc lát. Cha tôi gật đầu. Tôi nhấc gói quà lên và thử sức nặng của nó. Không mở gói quà, tôi trao nó lại tay cha.

“Cha gửi trả nó đi, con chẳng xứng đáng được nhận bất cứ món quà nào.”

“Quà tặng sinh ra là để đem lại niềm vui sướng cho người tặng chúng, không phải vì phẩm chất của người được

nhận quà,” cha tôi nói. “Với cả, cái này không hoàn trả được. Cứ mở ra đi.”

Tôi cẩn trọng mở gói quà trong ánh ban mai nhập nhoạng. Bên trong chứa một chiếc hộp gỗ khảm sáng bóng, rìa mép đóng đinh tán bằng vàng. Thậm chí trước khi mở hộp, tôi đã nhoẻn miệng cười. Tiếng chiếc móc gài bật mở nghe vô cùng tinh tế, như tiếng tích tắc của đồng hồ. Bên trong, chiếc hộp được lót một lớp nhung màu lam thẫm. Cây bút Meisterstück huyền thoại hiệu Montblanc của Victor Hugo nằm ở chính giữa. Hình ảnh đó khiến tôi sửng sờ. Tôi cầm chiếc bút lên hướng ra ánh sáng ngoài ban công nhìn cho rõ. Phần thân trên vàng óng của chiếc bút được khắc một dòng

chữ.

DANIEL SEMPERE, 1950

Tôi chăm chăm nhìn cha, ngỡ ngàng. Tôi không nhớ từ trước đến nay mình từng thấy vẻ mặt cha hạnh phúc được như giây phút ấy. Không nói năng gì, ông đứng dậy khỏi ghế bành và ôm chặt lấy tôi. Tôi nghe cổ họng nghèn nghẹn, không thốt nổi một lời và rơi vào lặng im tuyệt đối.

Thành thật với bản thân
1951-1953

Chương 11

MÙA THU NĂM ĐÓ BAO TRÙM LÊN Barcelona một lớp lá rụng lạo xạo khắp mặt phố như những chiếc vảy bạc. Ký ức xa xôi của cái đêm sinh nhật thứ mười sáu đã đặt một dấu lặng u ám lên tâm hồn tôi, hay có lẽ đời đã quyết định ban tặng tôi một kỳ xả hơi sau một chuỗi những phiền muộn thống thiết để tôi có thể bắt đầu trưởng thành. Tôi ngỡ ngàng thấy mình dành rất ít thời gian suy nghĩ về Clara, Barceló hay Julián Carax, hay về cái kẻ tầm thường vô diện nồng mùi giấy cháy và ra vẻ như một nhân vật bước thẳng ra từ cuốn sách. Tới

tháng Mười một, tôi đã trải qua được một tháng tĩnh tại trong tâm hồn, một tháng không lượn lờ quanh Quảng trường Hoàng gia chỉ để khăn cầu được thoáng thấy bóng dáng Clara qua cửa sổ. Phước lành ấy, tôi phải thú thực, không hoàn toàn do tôi tự nỗ lực mà có. Công việc tại tiệm sách cứ dần phát lên, khiến cha con tôi phải đảm đương nhiều việc hơn sức chúng tôi kham nổi.

“Cứ đà này chúng ta phải thuê thêm người giúp lo vụ kiểm sách cho đơn đặc hàng,” cha tôi nhận xét. “Người chúng ta thực sự cần phải rất đặc biệt, vừa thám tử vừa thi sĩ, người nào đó không đòi lương quá cao hay ngần ngại đương đầu với những điều không thể.

“Con nghĩ mình có một ứng viên chuẩn đây,” tôi nói.

Tôi tìm thấy Fermín Romero de Torres giữa một trong các nơi thường trú của ông bên dưới các mái vòm phố Fernando. Anh chàng hành khất đang khép lại trang nhất một tờ báo Thứ Hai từ những mẫu báo nhỏ anh nhặt nhạnh được trong thùng rác. Bài báo tụng ca sự vĩ đại của những thành quả quốc gia như là thêm chứng cứ về tiến bộ vinh quang của chính sách độc tài.

“Ôi Chúa ơi! Lại một con đập nữa!” tôi nghe anh ta gào lên. “Lũ phát xít này sẽ biến tất cả chúng ta thành một chủng loài tôn giáo mới trộn lộn giữa

thánh thần và ếch nhái mất thôi.”

“Chào buổi sáng,” tôi khẽ khàng nói. “Anh còn nhớ tôi không?”

Chàng hành khát ngẩng đầu nhìn, và một nụ cười tuyệt vời làm gương mặt anh ta bất chợt sáng lên.

“Mắt tôi có đánh lừa tôi không vậy? Mọi chuyện thế nào rồi, bạn của tôi? Cậu sẽ sẵn lòng nhận một cốc vang đỏ từ tôi, phải không nào?”

“Hôm nay tôi đãi,” tôi nói. “Anh có đói không?”

“Hừm, tôi không bao giờ nói không với một đĩa hải sản, nhưng người ta ném cho tôi cái gì là tôi ăn tất tật.”

Trên đường đến tiệm sách, Fermín Romero de Torres kể cho tôi nghe về mớ phương cách trốn chạy anh ta nghĩ ra trong suốt những tuần vừa rồi hòng tránh mặt Lực lượng An ninh, đặc biệt là tay thanh tra Fumero, đối thủ của Fermín, kẻ dường như có một cuộc rượt đuổi trường kỳ với anh.

“Fumero sao?” tôi hỏi. Đó là tên của quân nhân đã giết hại cha của Clara Barceló tại lâu đài Montjuïc khi chiến tranh bùng nổ.

Người đàn ông nhỏ bé sợ hãi gật đầu, mặt tái xanh. Trông anh ta bần thủ và thiếu ăn, người sặc mùi khó ngửi sau hàng tháng trời vật vờ trên phố. Anh

chàng đáng thương chẳng hề hay biết đang được tôi dẫn đi đâu, và tôi để ý thấy chút e dè nhất định, một mối lo âu càng lúc càng tăng mà anh ta cố gắng che giấu bằng cách huyền thuyên liên hồi. Khi chúng tôi đến được cửa hàng, anh ta nhìn tôi đầy hoang mang.

“Cứ vào đi. Đây là tiệm sách của cha tôi. Tôi muốn giới thiệu anh với ông ấy.”

Chàng hành khất cúi mình co rúm, nhìn như một búi ghét bản đầy gân xanh. “Không, không, tôi không nên. Trông tôi thực khó coi, còn đây lại là một cơ sở khang trang. Tôi không muốn làm cậu xấu hổ...”

Cha tôi nhô đầu ra khỏi cửa chính, liếc nhìn anh hành khất, rồi nhìn tôi từ bên khốe mắt.

“Cha ạ, đây là Fermín Romero de Torres.”

“Xin chờ lệnh ông,” anh chàng hành khất nói, gần như run bắn lên.

Cha tôi mỉm cười hiền hòa và đưa tay cho Fermín. Anh chàng hành khất không dám đón lấy, anh ta xấu hổ bởi ngoại hình và ghét bản phủ kín da mình.

“Nghe này, tôi nghĩ tốt nhất là tôi đi khỏi để hai người ở đây,” anh ta lắp bắp nói.

Cha tôi nhẹ nhàng nắm tay anh ta.

“Không đâu, con trai tôi đã nói anh sẽ ăn trưa cùng chúng tôi mà.”

Chàng hành khát nhìn chúng tôi, ngỡ ngàng, kinh hãi.

“Sao cậu không lên nhà tắm nước nóng cho thỏa thích?” cha tôi nói. “Sau đó, nếu thấy được, chúng ta có thể rảo bộ đến nhà hàng Can Solé để ăn trưa.”

Fermín Romero de Torres làm bầm gì đó khó hiểu. Miệng vẫn tươi cười, cha tôi dẫn anh chàng đến cửa chính và gần như phải lôi anh ta lên căn hộ chúng tôi trên tầng trong khi tôi đóng cửa tiệm. Nhờ một đồng lời mật ngọt và mẹo khôn khéo, cha con tôi đã lôi chàng hành khát ra khỏi đồng giẻ rách và nhét

được anh ta vào bồn tắm. Khi không một mảnh vải trên người, anh ta trông như bước ra từ những bức ảnh thời chiến và run rẩy như một chú gà trại lông. Fermín có những vết xước sâu hằn trên cổ tay và mắt cá chân, còn trên thân và sau lưng anh ta chằng chịt những vết sẹo khủng khiếp đến mức nhìn thôi cũng đau lòng. Cha con tôi trao nhau những cái nhìn kinh hãi nhưng không bình luận gì.

Chàng hành khát để mặc mình được cọ rửa như một đứa trẻ, hoảng sợ và run rẩy. Trong khi tìm quần áo sạch, tôi có thể nghe thấy tiếng cha tôi nói chuyện không ngừng với Fermín. Tôi tìm được một bộ vét mà cha tôi không còn mặc nữa, một chiếc sơ mi cũ và quần lót.

Từ cái đồng quần áo mà anh chàng hành khất vừa cởi xuống, thậm chí đôi giày cũng không thể cứu vớt nổi. Tôi chọn một đôi mà cha tôi hiếm khi dùng vì chúng quá nhỏ với chân ông. Sau đó tôi bọc cái đồng giẻ rách kia trong báo, kèm theo cả cái quần mà cả màu sắc lẫn chất liệu đều tựa như thịt hun khói cháy khét, rồi tống cả vào thùng rác. Khi tôi quay trở lại phòng tắm, cha tôi đang cạo râu cho Fermín bên bồn. Tái xanh và nồng nặc mùi xà phòng, trông anh chàng trẻ đi đến hai chục tuổi. Theo như tôi nhận thấy, giữa hai người đã nảy sinh tình bạn. Có lẽ là nhờ tác động của muối tắm, nhưng rõ ràng Fermín Romero de Torres đang vô cùng hồ hởi.

“Xin hãy tin tôi, thưa Señor Sempere, nếu định mệnh không dẫn tôi tới thế giới của những mưu đồ chính trị, con đường mà đáng lẽ tôi phải dẫn bước, thì thứ gần gũi với trái tim tôi nhất chính là nhân văn và nghệ thuật. Hồi còn nhỏ tôi từng cảm nhận được tiếng gọi của thơ ca và muốn được trở thành như Sophocles hay Virgil, bởi bi kịch và các tử ngữ đối với tôi luôn ấn tượng đến rợn người. Nhưng cha tôi, Chúa phù hộ linh hồn ông, lại là người cứng đầu không biết nhìn xa trông rộng. Ông luôn muốn một trong các con mình gia nhập lực lượng Bảo vệ Dân sinh, và chẳng ai trong số bảy chị em gái của tôi đủ điều kiện đáp ứng mong ước đó, bất chấp cái

gien di truyền lẩm lông mà tất cả đám phụ nữ bên họ mẹ tôi phải chịu đựng. Trên giường lúc lâm chung cha tôi còn bắt tôi thề rằng nếu không cố gắng hòng được đội lên đầu chiếc mũ vành ba múi của lực lượng Bảo vệ Dân sinh, ít nhất thì tôi cũng phải trở thành một tay đày tớ nhân dân và từ bỏ hết tham vọng văn chương của mình. Tôi theo kiểu quan điểm tư duy cổ, tôi tin rằng một người cha, dù có ngốc nghếch đến đâu chăng nữa, cũng nên được tôn trọng và nghe lời, tôi nói thế chắc ông hiểu. Dù vậy, đừng vội nhầm lẫn rằng tôi đã gạt sang bên hết cả những mưu cầu tri thức trong suốt những năm phiêu lưu mạo hiểm. Tôi đã đọc khá nhiều, thậm chí còn có thể

ngâm thuộc lòng vài ba đoạn hay nhất trong *Thần khúc* của Dante.”

“Nào, thủ trưởng, mời anh mặc đồng quần áo này vào; sự uyên bác của anh thì có ai ngờ vực được chứ,” tôi nói, nhằm cứu thoát cha.

Khi Fermín Romero de Torres ra khỏi bồn tắm, bóng loáng sạch sẽ, hai mắt anh ta sáng rực lòng biết ơn. Cha tôi quần khăn tắm quanh người anh ta, chàng hành khất liền bật cười thích thú vì cảm giác được lớp vải sạch cọ lên da mình. Tôi giúp Fermín thay quần áo, lúc đó tôi mới biết mớ quần áo phải lớn hơn người anh ta đến mười cỡ. Cha tôi tháo chiếc thắt lưng trên người đưa cho tôi để thắt

quanh người Fermín.

“Trông cậu bảnh lắm,” cha tôi nói.
“Phải vậy không, Daniel?”

“Bất cứ ai cũng có thể nhầm anh với ngôi sao điện ảnh đấy.”

“Thôi đi nào. Giờ tôi khác hồi xưa lắm rồi. Tôi mất hết các cơ bắp lực sĩ hồi phải ở tù, và từ đó đến nay...”

“Hừm, tôi nghĩ cậu hao hao tài tử người Pháp Charles Boyer, ít nhất là về vóc dáng,” cha tôi nói. “À mà nói mới nhớ: Tôi muốn đề nghị cậu một việc.”

“Vì ông, thưa Señor Sempere, tôi sẵn sàng giết chóc nếu phải làm thế. Chỉ cần cho biết tên, rồi tôi sẽ loại trừ kẻ đó

trước khi hấn kịp nhận ra mình bị đánh.”

“Không đến mức như thế đâu. Tôi chỉ muốn mời cậu làm một chân tại tiệm sách. Việc đó bao gồm tìm kiếm sách hiếm cho khách hàng của tiệm. Kiểu như khảo cổ ấy, nhưng đối tượng ở đây là văn chương, nên cần phải biết chút ít về các cuốn kinh điển, chuyện ấy cũng quan trọng như phải biết vài mảnh lời căn bản của dân chợ đen. Hiện thời tôi không thể trả nhiều cho cậu được nhưng cậu có thể ăn cùng chúng tôi, cho đến khi chúng tôi xoay sở tìm một căn hộ kha khá cho cậu, cậu có thể ở đây cùng cha con tôi, trong căn nhà này, nếu cậu thấy thế là ổn.”

Anh chàng hành khát nhìn hai cha

con tôi, ngần cả người.

“Cậu thấy thế nào?” cha tôi hỏi.
“Có định nhập hội với chúng tôi không?”

Tôi cứ tưởng chàng hành khát sẽ nói gì đó, nhưng ngay giây phút ấy Fermín Romero de Torres òa khóc.

VỚI KHOẢNG TIỀN LƯƠNG ĐẦU TIÊN, Fermín Romero de Torres mua cho mình một chiếc mũ hoành tráng kèm với đôi ủng cao su và khăng khăng đòi đãi cha con tôi món đuôi bò được phục vụ vào thứ Hai hằng tuần tại một nhà hàng nằm cách khu trường đấu bò Monumental vài dãy nhà. Cha tôi tìm

được cho anh ta một phòng nhỏ trong một tòa nhà căn hộ cho thuê trên phố Joaquín Costa, nơi mà, nhờ sự thân quen giữa gia đình nhà Mercedita bên hàng xóm với bà chủ nhà, chúng tôi tránh được việc phải điền thông tin vào mẫu đơn thuê nhà theo yêu cầu của cảnh sát, thế là xóa trắng được sự hiện diện của Fermín Romero de Torres trước mũi thanh tra Fumero cùng lũ tay sai. Có đôi lần tôi không khỏi băn khoăn về những vết sẹo kinh khủng phủ trên người Fermín và bỗng thấy thôi thúc muốn được hỏi anh ta về chúng, lòng hãỉ rằng không chừng thanh tra Fumero chính là kẻ đã để lại hậu quả đó. Nhưng có một ánh nhìn trong đôi mắt anh chàng khôn khỏ đã khiến tôi nghĩ rằng tốt

hơn hết đừng đả động gì đến vấn đề ấy. Có thể một ngày nào đó Fermín sẽ thổ lộ cho chúng tôi, khi anh ta cảm nhận được đúng thời điểm cần nói. Mỗi sáng, đúng bảy giờ, Fermín đã đợi sẵn chúng tôi trước cửa tiệm với nụ cười trên mặt, quần áo chỉnh chu gọn gàng và sẵn sàng làm việc không nghỉ trong một ca liên tục mười hai tiếng đồng hồ, thậm chí lâu hơn. Fermín khám phá ra niềm đam mê mới dành cho sô cô la và bánh ga tô cuộn kem - những thứ vốn không hề làm thuyên giảm lòng hăng hái anh ta dành cho những tên tuổi lớn của bi kịch Hy Lạp - thế cũng có nghĩa anh ta tăng thêm được chút cân nặng, điều vô cùng đáng mừng. Anh ta cạo râu như một chàng trẻ

tuổi bánh bao, trau chuốt mớ tóc đen bằng sáp chải tóc, và để râu con kiến sao cho trông có vẻ thời trang. Ba mươi ngày sau khi bước ra khỏi bồn tắm nhà chúng tôi, chàng cựu hành khất giờ khác đi đến không còn nhận ra được nữa. Nhưng bất chấp sự thay đổi ngoạn mục đó, nơi Fermín Romero de Torres khiến chúng tôi phải há miệng ngỡ ngàng là trên trận địa công việc. Bản năng đánh hơi dò tìm của anh chàng, mà tôi cho là do ở những mộng tưởng cuồng nhiệt, đã chứng tỏ vô cùng chuẩn xác. Fermín có thể giải quyết những yêu cầu kỳ lạ nhất chỉ trong vòng vài ngày, thậm chí vài giờ. Liệu có tí sách nào mà anh ta không biết, có mưu mẹo nào hòng đạt được cuốn sách với

giá phải chẵn mà chưa từng nảy ra với anh ta? Fermín có thể thuyết phục để được thâm nhập vào thư viện tư của các nữ công tước trên khu thượng lưu Avenida Pearson hay các cuộc đua ngựa của đám tay chơi tài tử, luôn luôn khoác những nhân thân tự bịa ra, sau đó ra đi cùng với cuốn sách cần tìm, được người ta tặng không hoặc bán cho với giá rẻ bèo.

Sự biến đổi từ một anh hành khát thành một công dân mẫu mực dường như quá phi thường, cứ như trong các câu chuyện mà thầy tu ở những xứ đạo nghèo khổ thích kể nhằm minh học cho lòng khoan dung vô bờ bến của Chúa trời - những câu chuyện quá tốt đẹp khó lòng là

sự thực, giống như mớ quảng cáo thuốc dưỡng phục hồi tóc dán khắp các xe chở khách công cộng.

Ba tháng rưỡi sau khi Fermín bắt đầu làm việc tại tiệm sách, một Chủ nhật nọ điện thoại trong căn hộ trên phố Santa Ana reng âm ì lúc hai giờ sáng. Đó là bà chủ nhà của Fermín. Bằng giọng nói nghẹn đặc âu lo, bà ta giải thích rằng Fermín Romero de Torres đã khóa mình trong phòng riêng mà gào thét như một kẻ điên, đập tường thình thình và thề rằng nếu có ai dám tiến vào anh ta sẵn sàng tự cắt cổ họng mình bằng một chiếc lọ vỡ.

“Đừng gọi cảnh sát, xin bà. Chúng tôi sẽ tới đó ngay.”

Bỏ nhào ra ngoài, cha con tôi hướng về phố Joaquín Costa. Đó là một đêm lạnh giá, gió cóng như băng và bầu trời đen như hắc ín. Chúng tôi hối hả đi ngang qua hai khu nhà tế bần đã có từ lâu đời - Casa de la Misericordia và Casa de Piedad - tảng lờ đi những cái nhìn và câu nói vẳng lại từ các khung cửa tấm tối sặc mùi than củi. Hai cha con mau chóng tới được góc phố Ferlandina. Joaquín Costa nằm ngay tại đó, một lỗ trống nằm lẫn giữa hàng dãy những tổ ong đen kịt, nhòa lẫn vào bóng tối của quận Raval. Con trai cả của bà chủ nhà cho thuê đã đợi sẵn chúng tôi ở dưới tầng.

“Cậu đã gọi cảnh sát chưa?” cha tôi hỏi.

“Vẫn chưa,” người con trai trả lời.

Chúng tôi chạy lên gác. Căn hộ cho thuê nằm trên tầng hai, cầu thang xoắn ốc cẩu bần nửa mờ nửa tỏ trong ánh đèn nâu vàng nhạt nhòa hắt xuống từ những chiếc bóng leo lắt không chụp treo lỏng lẻo trên dây điện. Encarna, bà chủ nhà, góa phụ của một tay hạ sĩ thuộc lực lượng Bảo vệ Dân sinh, gặp chúng tôi tại cửa trong bộ váy dài màu phớt xanh, trên đầu quấn hai lô uốn tóc cùng màu.

“Nhìn xem, Señor Sempere, đây là một khu cho thuê lịch sự tử tế. Người xin thuê nhiều quá tôi đáp ứng còn không nổi, việc gì tôi phải chịu đựng cái thứ như thế này kia chứ,” bà ta nói khi dẫn

chúng tôi đi qua một hành lang tối om sặc mùi amôniắc và ẩm ướt.

“Tôi hiểu,” cha tôi lầm bầm.

Những tiếng gào thét của Fermín Romero de Torres nghe như giăng xé các bức tường nơi cuối hành lang. Vài ba khuôn mặt ử dột và sợ hãi lấp ló sau những cánh cửa khép hờ - những kẻ vật vờ thuê trọ sống nhờ xúp lơ.

“Tất cả các người, đi ngủ, làm ơn đi, đồ chó má! Đây không phải buổi trình diễn giải trí ở Molino đâu!” Bà Encarna cầu tiết gào lên.

Chúng tôi dừng trước cửa phòng Fermín. Cha tôi gõ nhẹ khớp ngón tay lên

cánh cửa.

“Fermín à, cậu có ở đó không? Là tôi Sempere đây.”

Tiếng hú xuyên qua tường khiến tôi rùng mình. Thậm chí cả Doña Encarna cũng không giữ được vẻ điềm tĩnh bề ngoài mà chộp hai tay lên trái tim ẩn kín dưới tầng tầng nếp gấp bộ ngực đồ sộ của bà ta.

Cha tôi gọi thêm lần nữa. “Fermín à! Thôi nào, mở cửa đi.”

Fermín hú thêm lần nữa, ném mình vào tường, gân cổ gào thét những lời tục tĩu. Cha tôi thờ dài.

“Doña Encarna, bà có chìa khóa

căn phòng này không?”

“Đương nhiên là có.”

“Vậy làm ơn đưa cho tôi.”

Doña Encarna do dự. Những khách trọ khác lại thò ra lấp ló ngoài hành lang, trắng bệch vì khiếp hãi. Những tiếng gào thét ấy hẳn chỉ có thể nghe thấy ở doanh trại quân đội mà thôi.

“Còn con, Daniel, chạy đi gọi bác sĩ Baró ngay. Ông ấy sống khá gần đây, số mười hai Riera Alta.”

“Nghe này, có lẽ ta gọi giáo sĩ tới đây thì tốt hơn? Tôi nghe anh ta như bị ma nhập ấy,” Doña Encarna gợi ý.

“Không cần. Một bác sĩ là đủ rồi. Mau lên, Daniel. Chạy đi ngay. Còn bà, xin đưa tôi chìa khóa.”

Bác sĩ Baró còn độc thân, ông chuyên thức khuya nghiền ngẫm tiểu thuyết của Zola và ngắm nghía ảnh ba chiều các cô gái trẻ mặc đồ lót khêu gợi để giải tỏa nỗi buồn chán. Ông là khách quen ở tiệm sách của cha tôi, và, tuy tự mô tả mình như một gã lang băm hạng hai, ông sở hữu con mắt chẩn đoán tinh tường hơn hết thấy các tay bác sĩ khôn ranh nào có phòng khám khang trang thanh lịch trên phố Muntaner. Nhiều bệnh nhân của ông là gái làng chơi già ở các khu lân cận hay những người túng quẫn, họ gần như chẳng đủ khả năng trả tiền

khám, nhưng ông tiếp đón tất cả như nhau. Tôi từng nghe ông nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng thế giới này là cái bô của Chúa và ước nguyện duy nhất còn lại của ông là sao cho đội bóng đá Barcelona đoạt chức vô địch, một lần và mãi mãi, để rồi ông có thể ra đi thanh thản. Bác sĩ Baró mở cửa trong chiếc áo ngủ, người sặc mùi rượu vang, tay hươu điều thuốc chưa châm.

“Daniel à?”

“Cha cháu bảo cháu đến đây. Có chuyện khẩn cấp lắm.”

Khi quay trở lại khu nhà, chúng tôi thấy Doña Encarna đang nức nở trong sợ hãi còn các khách trọ khác thì chuy

sang màu sấp nên để lâu. Cha tôi đang vòng hai tay ôm Fermín Romero de Torres giữ chặt trong một góc phòng. Fermín người trần truồng, gào khóc và run rẩy. Căn phòng là một đống tan hoang, các bức tường vấy bẩn thứ gì đó như là máu hay phân người - tôi chẳng thể phân biệt nổi. Bác sĩ Baró mau chóng tiếp nhận tình hình và ra hiệu cho cha tôi đặt Fermín lên giường. Họ được con trai của Doña Encarna, anh chàng có triển vọng làm võ sĩ quyền Anh, giúp đỡ. Fermín rên rỉ và quẫy đạp như thể có vật ký sinh nào đó đang ngấu nghiến anh ta từ bên trong.

“Hỡi Chúa lòng lành, có chuyện gì với người đàn ông khốn khổ này? Anh ta

bị làm sao vậy?” Doña Encarna đứng ngoài cửa rên rỉ, lắc đầu ngầy ngậy.

Bác sĩ đo mạch của Fermín, dùng đèn pin kiểm tra đồng tử và, không nói một lời, chuẩn bị một mũi tiêm dung dịch đựng trong chiếc lọ đem sẵn theo trong túi.

“Ăn cậu ta xuống. Cái này sẽ giúp cậu ta ngủ được. Daniel, giúp chúng tôi nào.”

Bốn chúng tôi hì hục giữ Fermín bất động khi anh ta quấy mình quyết liệt lúc cảm nhận mũi tiêm đâm vào đùi. Cơ bắp khắp người Fermín cứng lên như dây cáp bằng thép, nhưng sau vài giây mất anh ta bắt đầu mờ đi và cơ thể trở nên

mềm rũ.

“Xin cẩn thận, anh ta không khỏe mạnh lắm đâu, bất cứ cái gì cũng có thể giết chết anh ta,” Doña Encarna nói.

“Đừng lo, cậu ta chỉ ngủ thôi,” bác sĩ nói trong khi xem xét những vết sẹo chằng chịt khắp thân thể ốm đói của Fermín.

Tôi thấy ông ta lắc đầu chậm chậm. “Lũ khốn,” ông lầm bầm.

“Những vết sẹo đó từ đâu mà có vậy?” tôi hỏi. “Vết dao cắt ư?”

Bác sĩ Baró lắc đầu lần nữa mà không ngược nhìn lên. Ông tìm được một cái chần giữa đồng tan hoang, liền phủ

lên người bệnh nhân. “Sẹo bỏng. Người này đã bị tra tấn,” ông giải thích. “Những vết này là dấu tích của thép hàn bị nung.”

Fermín ngủ hai ngày liền. Khi tỉnh dậy, anh ta chẳng nhớ nổi điều gì; Fermín chỉ nhớ mình tỉnh dậy trong một xà lim tối, chỉ có vậy. Anh xấu hổ về hành động của mình đến nỗi quỳ xuống chân Doña Encarna xin tha thứ. Fermín thề rằng sẽ sơn lại khu nhà cho bà và, biết được bà là người rất mộ đạo, hứa rằng sẽ có hẳn mười buổi lễ mixa chỉ cho mình bà tại nhà thờ Belén.

“Những gì cậu phải làm là cư xử tốt hơn và đừng có làm tôi khiếp đảm như vậy lần nữa. Tôi già quá rồi, sức

đâu chịu nổi mấy vụ như thế này cơ chứ.”

Cha tôi trả tiền thiệt hại và cầu xin Doña Encarna cho Fermín thêm một cơ hội. Bà ta vui vẻ nhận lời. Hầu hết khách trọ của bà đều là những người cơ cực đơn thân trên đời, cũng giống như bà. Một khi đã vượt qua nỗi khiếp sợ, Doña Encarna thậm chí còn thấy thương mến Fermín hơn trước và bắt anh chàng hứa sẽ uống đủ thuốc mà bác sĩ Baró đã kê đơn.

“Vi bà, thưa Doña Encarna, có phải nuốt gạch tôi cũng sẵn lòng.”

Theo thời gian tất thấy chúng tôi đều ra vẻ quên chuyện đã xảy ra, nhưng

tôi không bao giờ còn dám coi nhẹ câu chuyện về thanh tra Fumero. Sau vụ đó, hầu hết các ngày Chủ nhật chúng tôi đều dẫn Fermín cùng đi ăn nhẹ buổi chiều ở tiệm cà phê Novedades, nhằm không để cho Fermín ở một mình. Sau đó chúng tôi đi bộ đến rạp Fémina Cinema nằm tại góc giao nhau của phố Diputación và Đại lộ Paseo de Gracia. Một người dẫn chỗ tại đó là bạn của cha tôi, ông cho chúng tôi lên vào rạp qua lối thoát hiểm ở tầng trệt tranh thủ lúc chiếu phim thời sự ngắn, lần nào cũng trùng cảnh Đại Thống chế đang cắt băng khánh thành hồ chứa nhân tạo nào đó, điều này khiến Fermín thực sự khó chịu.

“Thật là nhục nhã,” anh chàng cảm

phần nói.

“Anh không thích xem phim à, Fermín?”

“Nói thật với cậu, cái thứ nghệ thuật thứ bảy này chẳng gây cho tôi chút hứng thú nào. Như tôi thấy đến giờ, điện ảnh chỉ là một cách bồi dưỡng cho những kẻ thiếu tư duy và khiến bọn họ còn ngu độn hơn thôi. Tôi tệ hơn cả bóng đá hay đấu bò tót. Điện ảnh bắt đầu như một phát minh nhằm giúp tiêu khiển cho những đám đông dốt nát. Đã năm chục năm rồi mà vẫn chẳng có gì khác biệt.”

Thái độ này của Fe mìn thay đổi hoàn toàn vào cái ngày anh ta biết đến minh tinh người Mỹ Carole Lombard.

“Ôi, bộ ngực đó, ôi Giê-su, đức Mẹ Đồng trinh, ôi Joseph, ôi bộ ngực!” Fermín bỗng phẫn khích la lên ngay giữa bộ phim. “Đây không phải ngực phụ nữ, đây là hai cánh buồm.”

“Câm miệng đi đồ bệnh hoạn, tôi gọi quản lý đến bây giờ,” giọng một ai đó càu nhàu sau chúng tôi vài hàng ghế. “Chẳng biết xấu hổ là gì cả. Đúng là cảnh phải sống trong một nước toàn heo với lợn.”

“Anh nên hạ giọng đi, Fermín,” tôi khuyên anh chàng.

Fermín Romero de Torres chẳng hề nghe tôi nói gì. Anh ta đang đắm chìm

trong đường cong mềm mại của bộ ngực phi thường kia, với nụ cười mê mẩn và đôi mắt không chớp lấy một lần. Sau đó, khi đang đi bộ dọc Đại lộ Paseo de Gracia, tôi để ý thấy chàng thám tử sách của chúng tôi vẫn đang đờ đẫn như bị thôi miên.

“Tôi nghĩ có lẽ chúng ta phải tìm cho anh một phụ nữ mới được,” tôi nói. “Một người phụ nữ sẽ khiến cuộc đời anh tươi sáng hơn, rồi anh sẽ thấy.

Fermín thở dài, tâm trí vẫn đang quẩn quanh với những bùa mê bất tuân theo định luật hấp dẫn.

“Cậu nói từ kinh nghiệm bản thân đây à, Daniel?” anh ta hỏi hết mức ngây

thơ.

Tôi chỉ cười, thừa biết cha đang nhìn mình.

Sau hôm đó Chủ nhật nào Fermín Romero de Torres cũng cặm cụi đến rạp chiếu phim. Cha tôi thích ngồi nhà đọc sách hơn, nhưng Fermín thì không để lỡ một buổi chiếu phim đôi nào. Anh ta mua cả đồng sô cô la và ngồi tại hàng ghế thứ mười bảy, nơi có thể thoải mái đánh chén trong lúc chờ sự xuất hiện của nữ minh tinh hôm nọ. Với anh ta thì cốt truyện hời hợt nhạt phèo, và anh ta không ngừng nói chuyện cho đến khi hình ảnh cô ngực nở kia choán kín màn hình.

“Tôi có ngẫm nghĩ về chuyện hôm

ấy cậu bảo nên tìm một phụ nữ cho tôi,” Fermín Romero de Torres nói. “Có lẽ cậu nói đúng. Tại khu nhà trọ giờ có thêm khách mới, một tay cừu sinh viên trường dòng từ Seville khí thế ngùn ngụt, thi thoảng anh ta lại mang theo vài cô gái trẻ gợi cảm về nhà. Tôi phải công nhận, cái chủng tộc này cứ phát triển không ngừng nghỉ. Tôi chẳng biết anh chàng đó xoay xử thế nào, bởi trông anh ta cũng chẳng lực lưỡng gì cho cam; có lẽ anh ta khiến họ ngây ngất bất tỉnh bằng lời cầu kinh chẳng. Anh ta trọ ở phòng ngay cạnh phòng tôi, thế nên tôi nghe được tất cả, và, đoán chừng từ các hiệu ứng tiếng động ấy, tay thầy dòng phải là một nghệ sĩ thực thụ. Một bộ đồng phục lắm lúc

đem đến nhiều điều hay ho lắm đây. Nói xem, cậu thích kiểu phụ nữ như thế nào, Daniel?”

“Thực tình tôi không biết nhiều về họ lắm.”

“Chẳng ai biết nhiều về phụ nữ cả, ngay cả như Freud, thậm chí cả chính bản thân phụ nữ. Nhưng nó cứ như điện ấy: chẳng cần phải biết cơ chế hoạt động của nó thì mới bị giật. Thôi nào, kể đi. Cậu thích họ như thế nào? Người ta có thể không đồng tình với tôi, nhưng tôi nghĩ phụ nữ nên có thân hình đầy đặn nữ tính, thứ gì đó ta có thể sờ nắn thỏa thích. Cậu, mặt khác, lại có vẻ chuộng típ thanh mảnh hơn, dù sao tôi cũng tôn trọng quan

điểm đó, đừng hiểu nhầm nhé.”

“Thực tình tôi không có nhiều kinh nghiệm với phụ nữ mà. Nói chính xác thì hoàn toàn không.”

Fermín Romero de Torres cẩn trọng nhìn tôi, ra vẻ tò mò vì khám phá này.

“Tôi nghĩ về chuyện xảy ra đêm đó, cậu biết đấy, khi cậu bị đánh tơi tả...”

“Giá mà nó chỉ đau in ít như một cú đâm vào mặt thôi...”

Fermín dường như đọc được suy nghĩ của tôi, bèn cười vẻ khích lệ. “Đừng để chuyện đó khiến cậu ủ dột mãi. Với phụ nữ, điều tuyệt nhất là khám phá.

Chẳng gì giống được với lần đầu tiên, chẳng gì hết. Cậu chẳng bao giờ biết đời là gì cho đến khi lần đầu lột trần được một phụ nữ. Từ từ mở từng chiếc khuy, giống như bóc vỏ một củ khoai lang nóng trong đêm đông giá rét.”

Vài giây sau, Veronica Lake xuất hiện hoành tráng trên màn ảnh, Fermín liền bị biến sang một hành tinh khác. Tận dụng khoảng thời gian trống lúc cô Lake không xuất hiện, Fermín thông báo rằng anh ta định sẽ đến quầy bánh kẹo ngoài tiền sảnh để bổ sung đồ ăn thức uống. Sau hàng tháng trời đói khát, anh bạn tôi đã mất hết ý thức về chuyện thế nào là giữ người cho cân đối, song, do cơ chế chuyển hóa năng lượng cơ thể, Fermín

không bao giờ rủ bỏ hoàn toàn được cái vẻ ốm đó, bản cùng thời hậu chiến ấy. Tôi còn lại một mình, hầu như không theo kịp những chuyển biến đang diễn ra trên màn ảnh. Sẽ là dối trá nếu bảo tôi đang nghĩ về Clara. Tôi chỉ đang nghĩ về thân thể cô ta, run rẩy dưới những đợt tấn công của tay thầy dạy nhạc, sáng nhẩy mồ hôi và khoái lạc. Cái nhìn của tôi rời khỏi màn hình, và ngay lúc ấy tôi chú ý thấy một vị khách vừa bước vào phòng chiếu. Bóng hình người đó di chuyển về phía giữa màn hình, sáu hàng ghế trước mặt tôi. Người đó ngồi xuống. Rạp chiếu phim rất toàn những người cô đơn, tôi nghĩ. Cũng như mình.

Tôi cố tập trung để nắm bắt được

cốt truyện. Nhân vật chính của phim, một tay thám tử vốn tính cách hồ nghi nhưng tốt bụng, đang giải thích với một nhân vật khác rằng tại sao phụ nữ kiêu như Veronica Lake lại khiến cho tất cả cánh đàn ông có lý trí phải thân bại danh liệt, tại sao tất cả những gì một tay đàn ông làm được chỉ là yêu cô ta đến điên cuồng để rồi bỏ mình, bị phản bội bởi sự nước đôi của cô ta. Fermín Romero de Torres, người đang trở thành một học giả điện ảnh lão luyện, gọi thể loại này là “hình mẫu bọ ngựa van vái”. Theo lời anh ta, phép hoán vị ấy chẳng là gì ngoài những tưởng tượng sắc mùi căm ghét phụ nữ dành cho cánh nhân viên công sở mắc chứng táo bón hay các bà cô sùng đạo co

quất vì buồn chán không ngừng mơ mộng về việc chuyển sang sống một cuộc đời trụy lạc và phóng đãng vô kiểm soát. Tôi cười khi tưởng tượng những lời nhận định mà anh bạn phê bình viên có thể buông ra nếu anh không bận cuộc hẹn với quây bánh kẹo. Chợt nụ cười đóng băng trên mặt tôi. Người khách ngồi trước tôi sáu hàng ghế quay đầu lại nhìn tôi chăm chăm. Chùm sáng từ mù từ máy chiếu xuyên thẳng qua bóng tối phòng chiếu, một dải mảnh rung rinh sáng chỉ làm hiển thị các đường nét và những vệt màu. Tôi nhận ra Coubert, kẻ vô diện, ngay tức khắc. Cái nhìn đanh thép, đôi mắt sáng quắc không mí, nụ cười khi hấn liếm đôi môi vốn không tồn tại của mình trong

bóng tối. Tôi tưởng như có những ngón tay buốt lạnh bóp nghẹt lấy tim mình. Hai trăm cây đàn violin kéo riết như vỡ ra trên màn hình, có những tiếng súng, tiếng gào và rồi phân cảnh kết thúc. Trong giây lát phòng chiếu như bị nhấn chìm trong bóng tối vĩnh cửu, tôi chỉ nghe được mỗi tiếng thình thịch của tim mình qua hai thái dương. Chậm rãi, một cảnh mới sáng dần trên màn ảnh, thế chỗ cho bóng tối trong căn phòng với quầng sáng màu tía và xanh dương. Kẻ vô diện đã biến mất. Tôi quay lên thoáng nhận thấy một bóng hình đang ngược bước lên bậc thang giữa các dãy ghế và đi qua Fermín, anh ta đang quay về chỗ ngồi sau cuộc săn tìm âm thực. Anh ta luồn vào hàng ghế, ngồi

xuống chỗ mình và đưa tôi thanh sô cô la hạt dẻ.

“Daniel, trông cậu trắng bệch như mông bà xơ ấy. Cậu có làm sao không?” Anh ta hỏi, nhìn tôi đầy âu lo.

Một làn hơi bí ản khẽ lùa vào phòng chiếu.

“Mùi lạ quá,” Fermín nhận xét. “Giống như mùi rắm của một tay ủy viên hội đồng hay một gã luật sư.”

“Không. Nó có mùi giấy cháy.”

“Thôi nào. Ăn chiếc kẹo mềm Sugus vị chanh này đi, chữa được mọi thứ đấy.”

“Tôi không muốn ăn.”

“Vậy cứ giữ lấy, cậu chẳng bao giờ biết khi nào một chiếc kẹo dẻo lại có thể giúp mình vượt qua khó khăn đâu.”

Tôi nhét chiếc kẹo vào túi áo vét và thả mình theo nốt phần còn lại bộ phim mà chẳng mảy may chú ý tới Veronica Lake hay những nạn nhân của sức quyến rũ chết người của cô ta. Fermín Romero de Torres thì mê mải cả buổi trình chiếu lẫn đồng sô cô la. Khi đèn bật lúc phim kết thúc, tôi cảm giác như mình vừa tỉnh dậy sau một cơn ác mộng và bị thôi thúc tin rằng người đàn ông giữa các hàng ghế kia chỉ là một ảo ảnh, một trò gian trá của trí nhớ. Nhưng

ánh nhìn thoáng qua trong bóng tối của
hắn cũng đủ để truyền đạt lời nhắn. Hắn
vẫn chưa quên tôi, cũng như cuộc thỏa
thuận của chúng tôi.

Chương 12

HIỆU QUẢ ĐẦU TIÊN CỦA VIỆC CÓ Fermín trợ giúp mau chóng thấy rõ: tôi phát hiện ra mình có nhiều thời gian rảnh hơn trước. Khi không ra ngoài săn lùng những bộ sách hiếm lạ nào đó để thỏa mãn yêu cầu của khách hàng, Fermín dành thời gian còn lại để sắp xếp kho hàng trong tiệm sách, nghĩ ra những chiến thuật quảng cáo, đánh bóng tấm biển treo trên tiệm và cửa sổ cho đến khi chúng sáng choang lên, hay dùng một tấm giẻ thấm chút rượu để lau sạch gáy sách. Tận dụng vận may trời cho này, tôi quyết định cống hiến thời gian rảnh

rồi có được cho một số dự định mà dạo gần đây tôi đã gác sang bên: cố vén bức màn bí mật về Carax và, trên hết, dành nhiều thời gian hơn với Tomás Aguila, cậu bạn mà tôi nhớ vô cùng.

Tomás là một anh chàng chín chắn, khá dè dặt nhưng luôn bị đám trẻ xung quanh khiếp hãi bởi nét mặt phẳng phát dân côn đồ khiến cậu ta có một vẻ ngoài lạnh lùng đầy hăm dọa. Cậu ta có dáng vóc một tay đô vật, đôi vai đầu sỏ, và một ánh nhìn đánh thép buốt thấu xương. Chúng tôi gặp gỡ nhau nhiều năm trước nhờ một vụ thương cãi chày hạ cãi tay xảy ra trong tuần đầu tiên của tôi ở trường dòng Tên trên phố Caspe. Lần nọ cha cậu ta đến đón con sau giờ tan học,

đi cùng là một cô bé kهنh kiệu mà về sau tôi được biết là em gái của Tomás. Tôi bèn nảy sinh một ý tưởng tuyệt vời là thốt ra vài ba nhận định khiếm nhã về cô bé, và trước khi tôi kịp chớp mắt, Tomás đã đâm bổ vào tôi, ào ào thụi như mưa khiến tôi đau nhức dễ đến vài tuần. Tomás to lớn, khỏe mạnh và hung hăng gấp hai lần tôi. Trong cuộc đấu tay đôi trên sân trường, vây quanh là một đám con trai cuồng khát những trận đấm đá đẫm máu, tôi mất một chiếc răng nhưng lại đạt được tiến bộ trong cảm nhận về tỷ lệ. Tôi từ chối không kể cho cha hay các tu sĩ về thủ phạm đả thương tôi đến nhường đó. Tôi cũng không kể lại sự thực là ông bố của kẻ đã đánh tôi thậm

chí còn quan sát cậu con mình tấn đố² phương như tử với vẻ thích thú kích động tốt độ, hòa vào đám cồ vũ đánh nhau như những đứa trẻ khác.

“Đó là lỗi của con,” tôi nói, kết thúc vấn đề.

Ba tuần sau Tomás đến bên tôi lúc giờ ăn trưa. Tôi chờ người ra vì sợ. Nó đến để kết liễu mình đây, tôi nghĩ. Rồi tôi bắt đầu nói lắp, nhưng sau đó tôi mau chóng nhận ra Tomás chỉ muốn xin lỗi vì trận đòn, bởi cậu ta biết vụ đánh nhau đó là không cân sức và không cân bằng.

“Tớ mới là người có lỗi vì đã nói xấu em gái cậu,” tôi nói. “Đáng ra ngay hôm đó tớ đã phải xin lỗi rồi, nhưng vì

cậu nện tớ kinh quá, tớ chẳng nói được gì.”

Tomás cúi đầu, thấy xấu hổ với bản thân. Tôi thường nhìn cái bóng dáng không lồ rụt rè và lặng lẽ ấy dạo quanh các lớp học và hành lang của trường như một linh hồn lạc lõng. Tất cả những đứa khác - gồm cả tôi - đều sợ cứng người trước Tomás, và không một ai dám nói chuyện hay nhìn thẳng vào mắt cậu ta. Đầu vẫn cúi gằm, gần như run rẩy, Tomás hỏi liệu tôi có muốn kết bạn với cậu ta không. Tôi nói có. Tomás đưa tay ra, tôi bèn nắm lấy. Cái bắt tay của cậu ta làm tôi đau điếng, nhưng tôi không chùn lại. Chiều hôm đó Tomás mời tôi đến nhà mình cùng ăn bữa vặt sau giờ học và

khoe với tôi bộ sưu tập những chiếc máy nhỏ kỳ lạ lắp ghép từ các mẫu kim loại phế liệu được cậu ta giữ trong phòng riêng.

“Tớ tự làm đấy,” cậu ta tự hào giải thích.

Tôi không nói một lời dù không thể hiểu những thứ đó hoạt động ra sao hay thậm chí chúng là cái gì. Tôi chỉ gật đầu đầy khâm phục. Dường như cậu bạn quá khổ và cô độc này đã tự chế tạo cho mình những bạn đồng hành bằng sắt thép và tôi là con người đầu tiên được cậu ta giới thiệu với chúng. Đó là bí mật của Tomás. Tôi bèn chia sẻ bí mật của mình. Tôi kể cho cậu ta về mẹ, về chuyện tôi

nhớ bà nương nào. Khi tôi ngừng lời, Tomás lặng lẽ ôm chầm lấy tôi. Khi ấy hai đứa mười tuổi. Từ ngày đó trở đi, Tomás Aguilar trở thành người bạn thân thiết nhất của tôi - còn tôi là người bạn duy nhất của cậu ta.

Bất chấp vẻ ngoài hung hăng, Tomás là một người hiền lành và tốt bụng có ngoại hình đủ sức làm hạ nhiệt các cuộc xung đột. Cậu ta nói lắp khá nhiều, đặc biệt là khi phải nói với ai đó khác ngoài mẹ hay chị mình hoặc ít nhất là tôi, điều hiếm khi xảy ra. Tomás bị thu hút bởi những thiết bị cơ khí và sáng chế lạ thường, tôi mau chóng phát hiện ra cậu ta thường xuyên tháo lắp tất cả các loại máy móc, từ máy hát cho đến máy tính,

nhằm khám phá bí mật trong cơ cấu của chúng. Khi không ở với tôi hay làm việc cho cha mình, Tomás dành hầu hết thời gian lặng lẽ trốn trong phòng riêng, thiết kế những thiết bị quái gở đến không hiểu nổi. Trí thông minh của Tomás cũng ngang ngửa với tính thiếu thực tế của cậu ta. Hứng thú của Tomás với thế giới thực chỉ tập trung vào những chi tiết như việc đồng bộ hóa đèn giao thông tại Đại lộ Gran Vía, bí ẩn của các Đài phun nước phát sáng ở Montjuïc, hay cơ cấu cốt yếu của những thiết bị tự động sử dụng tại công viên giải trí Tibidabo.

Mỗi buổi chiều sau khi xong việc ở chỗ làm của bố, và đôi khi, những lúc ra khỏi nhà, Tomás thường ghé qua tiệm

sach. Cha tôi luôn tỏ ra hứng thú trước những sáng chế của Tomás, ông thường tặng cậu ta những cuốn sổ tay về máy móc cơ khí hay các cuốn tiểu sử những nhà kỹ nghệ lớn như Eiffel và Edison, những người Tomás coi là thần tượng. Nhiều năm trôi qua, Tomás trở nên vô cùng gắn bó với cha tôi và dành nhiều tháng trời với các bộ phận của một chiếc quạt máy cũ nhằm sáng chế một hệ thống tự động có khả năng phân loại thẻ sách theo thư mục cho cha tôi. Đến nay cậu ta đã theo đuổi dự án đó những bốn năm trời, nhưng cha tôi vẫn không ngừng thể hiện lòng nhiệt tình trước những tiến triển của nó, bởi ông không muốn Tomás ngã lòng.

Lần đầu tiên giới thiệu Tomás với Fermín, tôi rất lo không biết Fermín sẽ phản ứng như thế nào với bạn tôi.

“Hẳn cậu là anh bạn sáng chế của Daniel. Thật hân hạnh được làm quen với cậu. Fermín Romero de Torres, cố vấn thư tịch cho tiệm sách Sempere, sẵn sàng phục vụ cậu.”

“Tomás Aguilar,” bạn tôi lấp bắp, nhòe cười và bắt tay Fermín.

“Xin cẩn thận, bạn tôi, bởi thứ bạn có không phải tay đơn thuần, mà là máy ép thủy lực. Tôi cần những ngón tay của nghệ sĩ vĩ cầm cho công việc hiện thời.”

Tomás bỏ tay khỏi Fermín và nói

lời xin lỗi.

“Nào hãy cho tôi biết, cậu ủng hộ định lý Fermat ở điểm nào?” Fermín hỏi, xoa xoa các ngón tay.

Sau đó hai người đắm mê mãi tranh luận về toán học cao cấp, thứ mà tôi chẳng hiểu mô tê gì. Từ ngày đó trở đi, Fermín luôn gọi Tomás theo cách xưng hô trang trọng, không thì là “độc tò”, và vờ như chẳng hề để ý tới tật nói lắp của cậu chàng. Như một cách đền ơn Fermín vì sự kiên nhẫn vô bờ của anh ta, Tomás đem tặng Fermín cả đồng hộp sô cô la Thụy Sĩ bên trên có dán ảnh chụp những cái hồ xanh thăm thẳm, đàn bò diễu hành dọc những cánh đồng rực rỡ

màu xanh lá và đồng hồ chim cúc cu cầu kỳ đẹp mắt.

“Anh bạn Tomás của cậu rất có tài, nhưng cậu ta thiếu động lực và sẽ thành công nếu có một thái độ cầu tiến hơn. Đó là cách duy nhất để tiến xa tới bất kỳ đâu,” ngày nọ Fermín nói vậy với tôi. “Dù sao, đầu óc của các nhà khoa học là như thế. Thử nhìn Albert Einstein mà xem. Cả một đồng phát minh phi thường, thế mà cái đầu tiên bọn họ thấy có thể ứng dụng thực tế là bom nguyên tử - mà lại chẳng cần sự cho phép của ngài ấy nữa chứ. Với cái bộ mặt võ sĩ kia thì Tomás sẽ phải trải qua nhiều khổ ải trong giới hàn lâm đây. Trên thế giới này đánh giá duy nhất thu hút được phần đông dư

luận là định kiến.”

Bị thôi thúc bởi ước muốn cứu Tomás ra khỏi phận nghèo khó và không được ai thấu hiểu, Fermín quyết định rằng anh ta cần phải phát triển kỹ năng giao tiếp và xã hội tiềm tàng trong con người bạn tôi.

“Vốn là một loài vượn, con người là loài động vật xã hội, đặc trưng bởi tính kết bè kết cánh, gia đình trị, thói tham nhũng lạm quyền và bơm đặt. Đó là mẫu hình tự trong bản chất cho cái gọi là 'luân thường đạo lý' của chúng ta,” anh ta kết luận. “Nó thuần túy sinh học.”

“Anh không cường điệu lên đây chứ?”

“Đôi khi cậu thật là ngây thơ, Daniel ạ.”

Tomás thừa hưởng ngoại hình dữ dằn từ cha mình, một nhà quản lý bất động sản xuất chúng có văn phòng trên phố Pelayo, gần sát trung tâm thương mại El Siglo xa hoa. Señor Aguilar thuộc về dòng giống những người sở hữu loại trí tuệ vượt trội, những người luôn luôn đúng. Là người có niềm tin không dễ chuyển dời, ngài ấy tin chắc rằng, bên cạnh mọi điều khác, đứa con trai ngài đã nhút nhát lại còn yếu kém về mặt tâm thần. Để bù lại những thiếu sót đáng xấu hổ đó, ngài thuê đủ thể loại các gia sư với hy vọng cải thiện cậu con trai đầu

lòng. “Tôi muốn mọi người phải đối xử với con trai tôi như thể nó bị thiếu năng, có hiểu không?” tôi thường nghe ngài ấy nói vậy. Các giáo viên đã cố thử hết cách, thậm chí cả van nài, nhưng Tomás chỉ nói với họ bằng tiếng La tinh, thứ ngôn ngữ mà cậu không hề bị nói lấp và phát âm trôi chảy cứ như Giáo hoàng. Chẳng sớm thì muộn tất thấy họ đều đầu hàng trong vô vọng, khiếp hãi rằng Tomás rất có thể bị ám: có khi cậu ta đang phun vào họ những chỉ thị của quỷ dữ bằng tiếng Aram không chùng. Hy vọng duy nhất của Señor Aguilar là nghĩa vụ quân sự có thể đào tạo thẳng con ông trở thành người đàn ông thực thụ.

Tomás có một em gái, Beatriz. Tôi thành bạn với Tomás là nhờ có cô nàng, bởi nếu không vì tôi nhìn thấy cô nàng vào buổi chiều hôm đó, cách đây rất lâu rồi, nắm chặt tay cha, đợi giờ học của chúng tôi kết thúc, và không quyết định tung một câu đùa rất mực vô duyên vào cô nàng, thì cậu bạn tôi hẳn đã không trút lên tôi cả một cơn mưa quả dấm và tôi đã chẳng bao giờ lấy đủ dũng khí để nói chuyện với cậu ấy. Bea Aguilar là bản sao chính xác của mẹ cô nàng và là cô con gái rượu của cha. Với mái đầu đỏ rực và làn da trắng sáng, cô nàng luôn bận lên người những chiếc váy rất đắt tiền làm từ lụa hay len nguyên chất. Bea sở hữu một vòng eo chuẩn như ma nơ

canh và thường ngạo nghề lượn lờ khắp nơi, sắm vai công chúa trong câu chuyện cổ tích của chính cô nàng. Đôi mắt của Bea có màu xanh lá phớt da trời, nhưng cô nàng cứ khăng khăng đòi mô tả chúng là “có màu lục bảo và sa phia”. Bất chấp nhiều năm theo học trường Công giáo thuộc dòng Thánh Teresa, hoặc không chừng đó chính là lý do, mà mỗi khi cha cô nàng không để ý, Bea nốc ừng ực rượu hồi đựng trong cốc cà phê, đi vớ lượm mua từ cửa tiệm trang nhã La Perla Gris, và tự trang điểm thành như mấy nữ thần điện ảnh đã đưa anh bạn Fermín của tôi vào trạng thái mê mẩn. Tôi không thể chịu nổi khi gặp cô nàng, và cô nàng đáp trả thái độ thù địch công khai của tôi

bằng những cái nhìn uể oải thờ ơ khinh thị. Bea có một gã bạn trai đang thực thi nghĩa vụ quân sự ở Murcia với quân hàm thiếu úy, một gã tên Pablo Cascos Buendía với mái đầu bóng nhẫy, thành viên của đảng phát xít Falange. Gã thuộc về một gia đình quý tộc sở hữu một loạt xưởng đóng tàu trên các đảo khắp vùng Galicia và vắng mặt dễ đến nửa thời gian nghĩa vụ của mình nhờ có ông bác nằm trong Chính quyền Quân sự. Thiếu úy Cascos Buendía không bỏ phí bất cứ cơ hội nào để lên lớp dạy đời về sự ưu việt của giống nòi và tinh thần người Tây Ban Nha và ngày suy tàn đang hiển lộ rõ trước mắt của đế chế Bolsevik.

“Marx chết rồi,” gã nghiêm trang

nói.

“Ông ấy chết từ năm 1883, chính xác là như vậy,” tôi bèn đáp trả.

“Câm ngay, thằng đàn kia, nếu không tao đá mày văng tới tận Gibraltar bây giờ.”

Đã hơn một lần tôi bắt gặp Bea cười nhạt trước những điều ngớ ngẩn mà bạn trai cô nàng nghĩ ra. Những lúc ấy cô nàng ngược mắt hướng về phía tôi, với cái nhìn thực khó dò. Tôi bèn cười đáp lại với thái độ lịch sự tối thiểu giữa hai kẻ oan cừu bất ngờ thành ra cùng phe bởi lệnh ngừng bắn vô hạn định nhưng liền đó lại quay đi nhìn ra chỗ khác ngay. Tôi thà chết còn hơn thừa nhận rằng, tận sâu

thăm trong lòng, tôi thấy sợ cô nàng.

Chương 13

ĐẦU NĂM ĐÓ, Tomás và Fermín quyết định kết hợp trí tuệ riêng của bọn họ vào một dự án mà, họ dự đoán, sẽ giúp cả hai chúng tôi thoát khỏi bị gọi đi nghĩa vụ. Fermín, như thường lệ, không chia sẻ lòng hăng hái của ngài Aguilar đối với trải nghiệm nhà binh.

“Lợi ích duy nhất của nghĩa vụ quân sự là nó làm bộc lộ ra số lượng những kẻ thoái hóa trong dân chúng,” anh ta nhận định. “Và điều đó có thể khám phá ra chỉ trong vài tuần đầu tiên; chẳng cần thiết tới tận hai năm đi nghĩa vụ làm

gi. Quân đội, Hôn nhân, Nhà thờ và Nhà băng: Bốn tay Kỵ sĩ Khải Huyền. Phải rồi, cứ cười đi.”

Những khuynh hướng tự do-vô chính phủ của Fermín Romero de Torres đã bị lung lay vào một chiều tháng Mười khi mà, bởi sự trớ trêu của định mệnh, chúng tôi được một người bạn cũ viếng thăm. Hôm đó cha tôi đến tận Argentona, để trả giá một bộ sưu tập sách, tới tận tối khuya ông mới về. Tôi phải nhận nhiệm vụ đứng quây còn Fermín khẳng khẳng đòi trèo thanh như diễn viên xiếc trên dây nhằm dọn dẹp đồng sách ở tầng trên cùng, cách trần nhà có vài xăng ti mét. Ngay trước giờ đóng cửa tiệm sách, khi mặt trời vừa kịp lặn, khuôn mặt của

Bernarda xuất hiện trước cửa kính trưng bày. Chị vận bộ đồ dành riêng cho ngày thứ Năm - là ngày chị được nghỉ - và vẫy tay với tôi. Thấy chị tôi mừng quá, liền ra hiệu cho chị vào trong.

“Ôi trời ơi, cậu lớn quá rồi!” chị đứng ở cửa tiệm thốt lên. “Tôi hầu như không nhận ra cậu nữa... sao thế này, giờ cậu là một người đàn ông hảnh hoi rồi!”

Bernarda ôm chậm lấy tôi, rỉ vài giọt nước mắt rồi xoa nắn đầu, vai và mặt tôi, như thể để chắc chắn rằng tôi không bị vỡ mất bộ phận nào trong thời gian chị vắng mặt.

“Thiếu cậu căn nhà trống trải quá, cậu Daniel,” chị nói, mắt cụp xuống.

“Tôi cũng nhớ chị lắm, Bernarda. Lại đây, hôn tôi một cái nào.”

Bernarda bẽn lễn hôn lên má tôi, còn tôi chụt hai cái hôn rõ to lên hai bên má chị. Bernarda cười. Trong mắt chị tôi nhìn ra được rằng chị đang chờ lời hỏi han về Clara, nhưng tôi quyết định không làm thế.

“Hôm nay trông chị xinh quá, rất thanh lịch nữa. Sao chị lại quyết định quá bộ qua thăm chúng tôi thế này?”

“Thực sự thì tôi đã rất muốn qua thăm từ lâu rồi, nhưng cậu biết mọi chuyện thế nào đấy, chúng tôi bận bù đầu, và Señor Barceló học rộng biết

nhiều là vậy nhưng cứ những nhặng khó tính như đứa trẻ ấy. Cậu phải cố mà vượt qua và làm quen với mọi điều. Nhưng điều mang tôi đến đây là, ừm, mai là sinh nhật cháu gái tôi, cái đứa từ San Adrián ấy, và tôi muốn tặng con bé một món quà. Tôi nghĩ mình có thể mua cho nó một cuốn sách hay, có nhiều chữ và một ít tranh, nhưng tôi ngốc quá mà lại chẳng hiểu gì...”

Tôi còn chưa kịp trả lời, cả một bộ bìa cứng tuyền tấp đầy đủ các tác phẩm của Blasco Ibáñez đã từ trên cao bỏ nhào xuống, và cả cửa tiệm rung lên với một tiếng ầm như đạn bắn. Bernarda và tôi ngơ ngác ngược nhìn lên. Fermín đang trườn mình xuống cầu thang, như

một nghệ sĩ đu dây, một nụ cười bí hiểm
nhoẻn lên trên mặt anh ta, hai mắt ngập
tràn khát khao cuồng nhiệt.

“Bernarda, đây là...”

“Fermín Romero de Torres, cố vấn
thư tịch cho tiệm sách nhà Sempere, xin
sẵn sàng phục vụ, thưa bà,” Fermín tuyên
bố, với lấy tay Bernarda và hôn một
cách trịnh trọng.

“Anh hình như hiểu lắm, tôi chẳng
phải bà nào cả...”

“VẬY thưa nữ hầu tước, ít nhất
cũng như vậy,” Fermín chen lời. “Tôi
phải biết chứ. Tôi đã từng sánh đôi với
những kiều nữ tuyệt nhất trên khu

Avenida Pearson. Hãy ban cho tôi vinh dự được hộ tống cô tới giá sách dành riêng cho trẻ em và thanh thiếu niên, nơi mà tôi chú ý rằng, thật may mắn sao, có sẵn một bộ hợp tuyển hạng nhất của văn hào Emilio Salgari và thiên anh hùng ca về chàng hải tặc Sandokan của ông ấy.”

“Ôi, thưa anh, tôi chịu không biết đâu, tôi không rõ về cuộc sống của những người thánh thiện. Bố của con bé từng là một người cực tả, anh biết đấy...”

“Xin đừng lo lắng, ở đây tôi thấy không gì khác hơn cuốn *Hòn đảo bí ẩn* của Jules Verne, một tuyệt phẩm đậm chất phiêu lưu và nội dung đầy tính giáo dục nữa, chứa rất nhiều thông tin khoa

học.”

“Nếu anh cho là như vậy...”

Lẳng lẳng theo sau hai người, tôi để ý thấy Fermín đang mê mẩn Bernarda nhường nào và Bernarda tỏ ra choáng ngợp nhường nào trước sự ân cần đổ ập xuống chị từ phía người đàn ông nhỏ thó có vẻ ngoài lếch thếch với cái lưỡi dẻo queo của một tay rao hàng. Anh chàng ngẫu nhiên Bernarda bằng ánh mắt với vẻ thèm khát như thể chị chẳng khác gì một miếng sô cô la.

“Thế cậu thì sao, cậu Daniel? Cậu thấy thế nào?”

“Fermín Romero de Torres là

chàng biết tốt ở đây. Chị cứ tin anh ấy đi.”

“Ừm, vậy tôi sẽ lấy cuốn sách về hòn đảo, cậu làm ơn bọc nó lại giúp tôi nhé. Tôi phải trả cậu bao nhiêu?”

“Ồ, chị không phải trả gì đâu,” tôi nói.

“Không, không thể được, tôi không chịu đâu.”

“Nếu cô nương cho phép, xin để tôi, Fermín Romero de Torres đây, trả hộ. Cô nương sẽ khiến tôi trở thành người đàn ông hạnh phúc nhất Barcelona này.”

Bernarda nhìn cả hai chúng tôi.

Chị không thốt ra nổi lời nào.

“Nghe này, tôi sẽ trả tiền cho thứ tôi mua, và đây là quà tặng dành cho cháu gái tôi...”

“Thôi được, vậy liệu cô nương có thể cho phép tôi, thay vì trả tiền sách, mời cô đi uống trà chiều được không,” Fermín mau chóng chen lời, tay vuốt cho tóc xẹp xuống.

“Nhận lời đi, Bernarda,” tôi khuyến khích. “Chị sẽ thích cho mà xem. Coi nào, trong khi tôi bọc cuốn sách này lại, Fermín sẽ đi lấy áo khoác.”

Fermín quày quả vào phòng trong để chải tóc, vẩy chút nước hoa và khoát

lên người chiếc áo vét. Tôi lén chuyền tay cho anh chàng vài đồng duro từ ngăn kéo để tiền.

“Tôi đưa nàng ấy đi đâu đây?” anh ta thì thầm, bồn chồn như một đứa trẻ.

“Nếu là tôi, tôi sẽ đưa chị ấy đến quán Quatre Gats,” tôi nói. “Tôi biết chắc rằng đó là một nơi may mắn cho những gì lãng mạn.”

Tôi đưa Bernarda bọc sách và nháy mắt với chị.

“Tôi phải trả bao nhiêu đây, thưa cậu Daniel?”

“Tôi không chắc nữa. Để tôi báo chị sau. Cuốn sách không đề giá, tôi sẽ

hỏi cha tôi sau,” tôi nói dối.

Tôi dõi theo bóng họ tay trong tay rời tiệm rồi biến mất xuôi chiều con phố Santa Ana, thậm hy vọng rằng có ai đó đang trực trên thiên đường, dù chỉ một lần thôi, ban cho hai người họ may mắn thành đôi. Tôi treo tấm bảng hết giờ mở cửa trên cửa kính trưng bày. Tôi chỉ vừa vào phòng trong một chút để soát lại số đặt hàng của cha tôi thì chợt nghe tiếng chuông cửa leng keng. Tôi đoán rằng hẳn là Fermín quên mất thứ gì đó, hoặc có thể cha tôi vừa về từ chuyến công vụ trong ngày.

“Chào?”

Vài giây trôi qua, không có tiếng

đáp lại. Tôi tiếp tục xem lướt qua sổ đặt hàng.

Tôi nghe có tiếng chân chậm chậm bước trong tiệm.

“Fermín à? Hay là cha đây?”

Không có tiếng trả lời. Tôi nghĩ mình nghe thấy một tiếng cười nghèn nghẹn, bèn đóng cuốn sổ đặt hàng lại. Có lẽ là vị khách nào đó đã lờ đi tấm bảng hết giờ mở cửa. Tôi vừa định bước ra phục vụ vị khách đó dù có là ai, thì chợt nghe tiếng vài cuốn sách rơi từ trên giá xuống. Tôi nuốt ực một cái. Chộp lấy một con dao rọc thư, tôi chậm chậm tiến về phía cửa phòng trong. Tôi chẳng dám lên tiếng tới lần thứ hai. Liên sau đó tôi

nghe tiếng chân vang lên lần nữa, bước đi xa dần. Tiếng chuông cửa vang lên, và tôi cảm nhận được chút khí lạnh ngoài phố tràn vào. Tôi he hé nhìn ra đằng trước tiệm. Chẳng một ai ở đó. Tôi chạy vội về phía cửa trước và chốt đến hai lần khóa, sau đó hít một hơi thật sâu, thấy mình lộ bịch và hèn nhát làm sao. Đang định quay trở lại phòng trong, chợt tôi chú ý thấy trên quầy thu tiền có một mẩu giấy. Tới gần hơn, tôi nhận ra đó là một bức hình, một tấm ảnh cũ loại được in trên bìa các tông dày. Bốn góc bức hình đều bị cháy xém, và hình ảnh mờ khói dường như dính đầy vết đầu ngón tay lấm chùi than. Tôi xem kỹ bức hình dưới ánh đèn bàn. Trên tấm hình là một đôi trai

gái trẻ đang cười vào máy ảnh. Người con trai không lớn hơn mười bảy mười tám là mấy, với mái tóc sáng màu và các đường nét thanh tú, quý phái trên gương mặt. Người con gái trông hơi trẻ hơn chút ít, nhiều lắm cũng chỉ một hai năm. Cô có làn da trắng xanh và khuôn mặt góc cạnh bao trọn trong mái tóc ngắn màu đen. Trông cô như đang say sưa trong hạnh phúc. Người con trai vòng cánh tay quanh eo cô gái, cô dường như đang thì thầm điều gì có ý chòng ghẹo vào tai anh chàng. Hình ảnh ấy truyền đến cảm giác ấm cúng và thấp lùn một nụ cười trên gương mặt tôi, như thể tôi vừa nhận ra bạn bè cũ nơi hai người xa lạ đó. Đằng sau họ tôi nhìn ra được khung cửa

kính trang hoàng lộng lẫy, bày một đồng
mũ thời trang kiểu cũ. Tôi tập trung nhìn
vào đôi nam nữ. Từ quần áo của học tôi
đoán chừng tám ảnh phải được ít nhất hai
lăm hay ba mươi năm tuổi. Hình ảnh ấy
tràn đầy ánh sáng và hy vọng, ngập tràn
những hứa hẹn vốn chỉ tồn tại trong ánh
mắt người trẻ tuổi. Lửa đã thiêu hủy gần
như toàn bộ khung cảnh xung quanh bức
hình, nhưng nhìn kỹ vẫn có thể thấy một
khuôn mặt nghiêm nghị đằng sau quây
tính tiền kiểu cũ, gọi lên đường nét khuôn
mặt lơ mờ đằng sau dòng chữ khắc trên
cửa kính.

CON TRAI NHÀ ANTONIO FORTUNY

Thành lập năm 1888

Vào cái đêm tôi trở lại Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên, Isaac đã bảo tôi rằng Carax lấy họ theo họ mẹ, chứ không phải họ bố, vốn là Fortuny. Cha của Carax có một tiệm mũ trên Đại lộ San Antonio. Tôi nhìn lại tấm hình đôi trẻ lần nữa và biết chắc chàng trai đó chính là Julián Carax, anh chàng đang tươi cười với tôi từ quá khứ, không tài nào thấy được ngọn lửa đang dần bén tới xung quanh mình.

**THÀNH PHỐ CỦA NHỮNG
BÓNG ĐEN**

1954

Chương 14

NGÀY HÔM SAU FERMÍN ĐẾN LÀM VIỆC với đôi cánh thần tình yêu trên vai, cười tùm tùm và huýt sáo theo điệu bolero. Trong trường hợp khác, hẳn tôi đã thăm vắn về cuộc đi chơi với Bernarda, nhưng hôm đó tôi chẳng có tâm trạng nào cho cơn bộc phát thi vị của anh chàng. Cha tôi đã sắp xếp một cuộc hẹn chuyển sách đến cho giáo sư Javier Velázquez lúc mười một giờ tại văn phòng ông ấy trong trường đại học. Chỉ mỗi nghe nhắc đến cái tên của vị giáo sư cũng đủ khiến Fermín nhả mặt, thành thử tôi đành đứng ra nhận nhiệm vụ giao

sách.

“Cái hạng người vô giá trị đó chẳng là gì ngoài một gã thông thái rơm đời bại. Một tay phát xít mài-bóng-mông-đít,” Fermín tuyên bố, gương nắm đấm và làm dáng ra cái tư thế anh ta vẫn dành riêng cho những lúc nổi máu báo thù. “Hắn ta lạm dụng cái chức giáo sư đáng khinh của mình để dụ dỗ phụ nữ. Tôi thề hắn sẵn sàng chung đụng với cả nữ văn hào Gertrude Stein^[1], đây là nếu hắn có cơ hội.”

[1. Gertrude Stein là một nhà văn nữ người Mỹ, nổi tiếng là một người đồng tính.]

“Bình tĩnh nào, Fermín. Velázquez

trả giá rất khá, lại luôn đặt trước nữa, với cả, ông ấy còn giới thiệu tiệm ta tới nhiều mỗi khác,” cha tôi nói.

“Số tiền ấy vậy máu biết bao nhiêu trinh nữ ngây thơ,” Fermín phản kháng. “Vì Chúa lòng lành, nơi đây tôi thề sẽ không bao giờ đụng vào một cô gái vị thành niên, mà không phải vì tôi thiếu ham muốn hay cơ hội. Hãy ghi nhớ trong đầu bằng những gì mọi người thấy ở tôi hiện tại chẳng là gì ngoài bóng hình của chính tôi trước kia, đã từng có thời nom tôi bảnh đến mức nữ giới cứ bỏ nhào về phía tôi. Ấy thế mà, để được an toàn, hay nếu tôi cảm nhận được rằng cô gái hơi quá lẳng lơ, tôi sẽ không tiến thêm bước nữa nếu như không được thấy bất kỳ dạng

giấy tờ tùy thân nào, không thì cũng phải là một tờ giấy cho phép của phụ huynh. Ít nhất ta cũng phải duy trì những chuẩn mực đạo đức nhất định.”

Cha tôi đảo mắt. “Tranh cãi với anh thật là vô nghĩa, Fermín.”

“Hừm, tôi mà đã đúng thì chắc chắn là như thế.”

Cảm nhận được một cuộc tranh luận đang nhen nhóm, tôi vội cầm lấy bọc sách, vốn tôi đã chuẩn bị sẵn từ đêm trước - vài ba cuốn của Rilke và một bài tiểu luận ngụy tạo mà tác giả được cho là môn đồ của Darwin, trong đó nói như đinh đóng cột rằng người Tây Ban Nha có gốc gác từ một chủng loài vượn tiến

hóa hơn nhiều so với các bạn láng giềng người Pháp. Khi cánh cửa đóng lại sau lưng tôi, Fermín và cha tôi đang đắm sâu trong tranh luận về đạo đức.

Hôm đó là một ngày tuyệt đẹp; từng mảng trời xanh rực chói sắc xanh và cơn gió trong như pha lê cuốn theo mùi hương dịu mát mùa thu và biển cả. Tôi sẽ luôn yêu thích Barcelona của tháng Mười. Đó là khi linh hồn của thành phố dường như tản bộ với vẻ hãnh diện nhất trên các con phố, và ta cảm thấy mình thông thái hơn nhiều sau khi nhấp ngụm nước từ đài phun cỏ Canaletta - dòng nước mà, một lần này trong năm, không sắc mùi clo. Tôi bước từng bước mạnh mẽ, luôn lách qua những người đánh

giày, các tay cạo giấy vừa quay về từ bữa cà phê giữa sáng, quầy bán dạo vé số, và cả một vũ đoàn những người quét dọn đường như đang quyết tâm đánh bóng hết các phố, tay lăm lăm chổi như cầm cọ vẽ, thông thả điểm những nét chấm màu trau chuốt. Những ngày này Barcelona đã bắt đầu kín đầy ô tô, khi tới được mốc đèn giao thông trên ngã tư ở phố Balmes, tôi để ý thấy cả một lũ đoàn nhân viên công sở xám xịt mặc áo mưa xám màu đang chăm chăm rỏ dãi nhìn một chiếc mui kín hiệu Studebaker đỏ máu giống như đang liếc mắt đưa tình với một nàng mỹ nữ mặc áo ngủ tại nhà hát. Tôi xuôi chiều phố Balmes thẳng tiến đến Đại lộ Gran Vía, lần đường qua

đền giao thông, ô tô và thậm chí cả mô tô ba bánh. Trong một cửa kính trưng bày, tôi thấy tấm poster của hãng Philips đang loan báo về sự xuất hiện của một đáng cứu thế mới, chiếc máy thu hình. Một số người tiên đoán rằng chiếc máy kỳ cục này sẽ thay đổi cuộc sống loài người vĩnh viễn và biến tất cả chúng ta thành những sinh vật của tương lai, như người Mỹ vậy. Fermín Romero de Torres, người luôn cập nhật những công nghệ tiên tiến nhất hiện thời, thì đã kịp dự đoán một kết quả buồn thảm hơn.

“Vô tuyến truyền hình, thưa cậu Daniel thân mến, là kẻ thù của Chúa trời, và tôi cam đoan với cậu rằng chỉ sau ba hoặc bốn thế hệ nữa thôi con người thậm

chí còn chẳng biết là tự mình đánh rắm
nữa. Loài người sẽ trở về sống trong
hang hốc, với sự tàn bạo như người
Trung cổ, và với trạng thái trì độn ì chậm
hơn loài sên của thế Canh Tân[2]. Thế
giới của chúng ta sẽ không bị tận diệt bởi
bom đạn như cánh báo chí vẫn ca thán -
nó sẽ bị tận diệt bởi tiếng cười, sự tâm
thường, cái kiêu đem tất thảy mọi thứ ra
giễu cợt, mà lại là một trò giễu cợt tẻ
hại.”

*[2. Thế Pleistocen hay thế Canh
Tân là một thế địa chất, từng được tính
từ khoảng 1.806.000 tới 11.550 năm
trước ngày nay, tuy nhiên kể từ ngày
30/6/2009, thời điểm của thế này được
kéo lùi về $2,588 \pm 0.005$ triệu năm.]*

Văn phòng của giáo sư Velázquez tọa lạc trên tầng hai của khoa Văn, tại khu Quảng trường Đại học [3], nằm cuối hành lang gạch lát kiểu bàn cờ nhìn đến hoa mắt dưới ánh nắng ngập bụi ào ào ào ào xuống hàng hiên phía Nam. Tôi tìm thấy giáo sư đứng tại cửa một giảng đường, ông đang làm bộ vờ lắng nghe một nữ sinh viên tuy thực ra chỉ chăm chăm ngắm nghía thân hình quyến rũ của cô. Nữ sinh viên bận một bộ vét đỏ thẫm khiến mọi ánh nhìn tập trung vào chiếc eo thon và làm lộ rõ những đường cong cân xứng kinh điển của đôi chân bọc tất lụa loại sang. Giáo sư Velázquez có tiếng là một chàng Don Juan; có những người mang quan điểm rằng công cuộc

giáo dục tình cảm cho một thiếu nữ đứng đắn không bao giờ là hoàn thiện nếu thiếu một cuối tuần thân mật tại khách sạn nhỏ nào đó trên khu dạo chơi thuộc quận Sitges, đọc những bài thơ theo thể Alexandrine^[4] song song với những lý thuyết hàn lâm lỗi lạc.

[3. Nguyên gốc: Plaza Universidad.

4. Thể thơ Alexandrine, mỗi câu có mười hai âm tiết.]

Bản năn kinh doanh trong tôi lập tức khuyên rằng chớ có nên can thiệp cuộc trò chuyện của ông giáo, thế là tôi quyết định giết thời gian bằng cách lật trần cô học trò bằng trí tưởng tượng. Có

thể cuộc đi bộ vội vã đã làm giúp khí thể tôi tăng cao, hoặc có lẽ là do cái tuổi mới lớn, đây là còn chưa kể đến thực tế là tôi dành thời gian giữa các nàng thơ bị nhốt trong những trang sách cũ nhiều hơn là giữa đám bạn gái bằng xương bằng thịt - những cô mà với tôi luôn là các sinh vật thuộc một tầm kém xa so với Clara Barceló. Dù lý do có là thế nào, khi tôi liệt kê từng và mọi chi tiết trên thân thể hấp dẫn và tuyệt mỹ dưới lớp bọc quần áo - dù chỉ được nhìn từ đằng sau, nhưng trong đầu tôi đã hình dung ra toàn bộ vẻ huy hoàng của cơ thể ấy - tôi chợt thấy một cơn rùng mình thoáng chút tham tàn chạy dọc xương sống.

“Ồ, Daniel đây à,” giáo sư

Velázquez thốt lên. “Cám ơn Chúa, là cậu chứ không phải cái gã điên rồ lần trước đến, cái gã có tên nghe cứ như tay đầu sĩ bò tót ấy. Tôi thấy gã hình như say, hoặc ít ra cũng đáng vào viện tâm thần. Gã dám cả gan hỏi tôi liệu tôi có biết từ nguyên của từ “dương vật” bằng cái giọng mỉa mai không hợp chỗ chút nào.”

“Là vì bác sĩ đã cho anh ấy uống một loại thuốc liều cao. Loại gì đó để bổ trợ gan cho anh ấy.”

“Chẳng trách sao gã cứ hăm hấp suốt ngày,” Velázquez than. “Nếu tôi là cậu, tôi sẽ gọi cảnh sát. Tôi dám chửi gã từng có tiền án. Mà Chúa ơi, chân gã

bốc mùi mới kinh chứ - ngoài kia có cả đồng những tay cánh tả bản thủ tẩu thoát khỏi trại giam mà đến giờ vẫn chưa được thấy nhà tắm lần nào từ sau khi nền Cộng hòa sụp đổ.”

Tôi đang cố nghĩ ra lời bào chữa nào đó hợp lý để đỡ cho Fermín thì chợt cô sinh viên vừa này còn đang nói chuyện với giáo sư Velázquez liền quay lại, và giây phút ấy cả trái đất như thể ngừng quay. Tôi thấy cô mỉm cười với mình, tai tôi liền đỏ bừng lên như lửa.

“Chào, Daniel,” Beatriz Aguilar nói.

Tôi gật đầu với cô nàng, lưỡi tê cứng. Tôi nhận ra mình vừa thêm thường

cô em gái người bạn thân nhất của tôi, Bea. Người con gái duy nhất khiến tôi vô cùng kinh hãi.

“Ồ, vậy hai người biết nhau sao?” Velázquez hỏi, ra điều hứng thú.

“Daniel là bạn lâu năm của gia đình em,” Bea giải thích. “Và là người duy nhất đủ can đảm nói thẳng vào mặt em là đồ kiêu căng và phù phiếm.”

Velázquez nhìn tôi với vẻ kinh ngạc.

“Đó là chuyện nhiều năm trước rồi,” tôi giải thích. “Với cả tôi cũng không có ý như vậy.”

“Hừm, tôi vẫn đang đợi một lời

xin lỗi đây.”

Velázquez cười vui vẻ và nhận lấy gói sách từ tay tôi.

“Chắc tôi phải đi rồi,” ông giáo sư nói, tay mở gói sách. “Ôi, tuyệt vời. Nghe này, Daniel, nói với cha cậu là tôi đang kiếm một cuốn tên *Hung thần diệt quân Moor: Tập ký sự thời kỳ đầu của Tổng tư lệnh trong cuộc chiến Maroc*, tác giả là Francisco Franco Bahamonde, với lời đề tựa và chú thích của Pemán.”

“Coi như đã xong. Vài tuần nữa chúng tôi sẽ thông báo lại cho ngài.”

“VẬY TÔI TIN Ở LỜI CẬU, CÒN GIỜ TÔI ĐI ĐÂY. BA MƯƠI HAI CÁI ĐỀU TRÔNG RÕNG

đang đợi tôi.”

Giáo sư Velázquez nháy mắt với tôi và biến vào giảng đường. Còn tôi chẳng biết phải nhìn vào đâu.

“Nghe này, Bea, về lời xúc phạm đó, tôi xin hứa là...”

“Tôi chỉ trêu anh thôi, Daniel. Tôi biết chuyện trẻ con đó chẳng nghĩa lý gì đâu, hơn nữa, anh To má s cũng táng cho anh một trận đủ rồi.”

“Giờ vẫn còn đau.”

Nụ cười của Bea dường như muốn đề nghị một lời cầu hòa, hoặc ít nhất là một thỏa ước đình chiến.

“Vớỉ cả, anh cũnǵ chẳng sai, tồ đúnǵ là có hơi kiêu cǎng và phù phiếm đời chút,” cô nàng nói. “Anh không ưa tồ lắm phải không, Daniel?”

Câu hỏi khiến tồ hoàn toàn bất ngờ. Hoàn toàn bất lực, tồ chợt nhận ra rằng ta có thể dễ dàng từ bỏ thú oán vớỉ người mà trước đầy ta vẫn luôn cho là kẻ địch ngay khi đời phương không còn cư xử như vậy nữa.

“Không, không phải thế đầu.”

“Tomás nói không phải là anh không ưa tồ, mà là vì anh không chịu nổi cha tồ nên muốn tồ phải gánh chịu, bởi anh không dám đời diện cha tồ. Tồ chẳng trách anh đầu. Trước giờ chẳng ai

dám đối đầu với ông ấy.”

Hai bên má tôi như thể bị rút sạch hết máu, nhưng vài giây sau tôi thấy mình đang cười và gật gù. “Ai cũng có thể nói rằng Tomás còn hiểu tôi rõ hơn tôi hiểu chính mình.”

“Tôi cũng chẳng giấu được anh ấy điều gì. Anh trai tôi nhìn thấu hết thảy chúng ta, chẳng qua anh ấy chẳng bao giờ nói ra điều gì. Nhưng nếu như Tomás quyết định mở miệng, cả thế giới này chắc phải sụp đổ mất. Anh ấy rất quý anh, anh biết đấy.”

Tôi nhún vai rồi nhìn xuống.

“Anh ấy toàn nói chuyện về anh,

và về cha của anh cùng với tiệm sách, và cả người bạn đang làm cùng chỗ anh nữa. Tomás bảo anh ta là một thiên tài cần được khai quật. Đôi lúc cứ như thể anh ấy coi các anh là gia đình thực của mình, thay vì cái gia đình anh ấy có ở nhà.”

Ánh mắt tôi gặp mắt mắt của Bea: cương quyết, ngay thật, đầy bạo dạn. Chẳng biết nên nói điều gì, nên tôi chỉ cười. Tôi có cảm giác cô nàng đang đánh bẫy tôi về sự chân thành, và tôi quay ra nhìn xuống khoảng sân bên dưới.

“Tôi không biết cô học ở đây.”

“Em đang học năm đầu.”

“Văn học à?”

“Cha tôi nghĩ rằng khoa học không dành cho phái yếu.”

“Đương nhiên rồi. Quá nhiều số má.”

“Tôi không bận lòng lắm, bởi tôi thích đọc sách mà. Với cả, ở đây ta gặp được nhiều người thú vị lắm.”

“Như vị giáo sư Velázquez ấy hả?”

Bea trung ra một nụ cười nhăn nhó. “Dù mới đang năm nhất nhưng tôi đủ hiểu biết để thấy họ đang ào đến, Daniel ạ. Đặc biệt là loại đàn ông kiểu đó.”

Tôi phân vân không rõ mình thì thuộc loại nào.

“Mà, giáo sư Velázquez là bằng hữu tốt của cha tôi. Họ đều thuộc Hiệp hội bảo vệ và Phát triển Ca hài kịch Tây Ban Nha.”

Tôi cố gắng ra vẻ ấn tượng. “Một xu hướng quý tộc. Thế còn bạn trai của cô ra sao, thiếu úy Cascos Buendía ấy?”

Nụ cười trên khuôn mặt Bea tan biến. “Ba tuần nữa Pablo sẽ được nghỉ phép về đây.”

“Cô hẳn là vui lắm.”

“Rất vui. Anh ấy là một người tốt, dù là tôi có thể mừng tưng ra anh nghĩ

gì về anh ấy.”

Tôi ngờ lắm, tôi nghĩ thâm. Bea quan sát tôi, trông hơi có vẻ căng thẳng. Tôi đang định đổi chủ đề, nhưng cuống lưỡi của tôi đã nhanh hơn.

“Tomás nói cô sắp kết hôn và sẽ chuyển đến thành phố Ferrol.”

Bea gật đầu, mắt không chớp. “Ngay sau khi Pablo kết thúc đợt nghĩa vụ quân sự.”

“Hắn là cô thấy nóng lòng ghê lắm,” tôi nói, cảm nhận rõ chút ác ý trong giọng mình, cái giọng xác láo chỉ có Chúa mới biết từ đâu ra.

“Tôi không phiền, thật mà. Gia

đình anh ấy có nhiều tài sản, vài ba xưởng đóng tàu, và Pablo sẽ phụ trách một trong số chúng. Anh ấy rất có tài lãnh đạo.”

“Thấy rõ mà.”

Bea cố gượng một nụ cười. “Vớ cả, tôi đã ngắm Barcelona này đủ lắm rồi, sau ngàn ấy năm...” Nụ cười của cô nàng trông mệt mỏi và buồn buồn.

“Tôi nghe nói El Ferrol là một địa điểm quyến rũ. Đây sức sống. Và hải sản ở đó tuyệt ngon, đặc biệt là món cua nhền nhện.”

Bea thở dài, lắc đầu. Trông cô nàng như thể muốn bật khóc trong giận

dữ nhưng kiềm lại được vì quá kiêu hãnh. Thay vào đó cô nàng lãnh đạm cười.

“Sau mười năm anh vẫn thích xúc phạm tôi, phải vậy không, Daniel? Vậy cứ việc đi, đừng nén nhịn làm gì. Đó là lỗi của tôi khi nghĩ rằng chúng ta có thể thành bạn, hoặc vờ như thế, nhưng tôi đoán chắc là tôi không được bằng anh tôi. Tôi xin lỗi vì đã phí thời gian của anh.”

Cô nàng quay đi và bắt đầu rảo bước về phía hành lang dẫn đến thư viện. Trong mắt tôi Bea dần bước ra xa dọc theo những viên đá đen và trắng lát kiểu bàn cờ, bóng cô cắt xuyên những tấm rèm

ánh nắng rủ xuống từ cửa sổ trên hàng lang.

“Bea, gượng đã.”

Tôi thắm rửa chính mình và chạy theo cô nàng. Tới giữa hành lang tôi ngăn được Bea, bèn chộp lấy tay cô. Bea ném cho tôi một cái nhìn rất mặt.

“Tôi xin lỗi. Nhưng cô làm rồi: đó chẳng hề là lỗi của cô, mà là của tôi. Tôi mới là người không được bằng như Tomás anh cô. Và nếu tôi có lãng mạ cô, đó là vì tôi ghen với gã bạn trai ngớ ngẩn của cô và cũng bởi tôi giận rằng người như cô lại sẵn lòng theo gã tới tận Ferrol. Chẳng khác gì tới tận Congo hết.”

“Daniel...”

“Cô đã nhầm về tôi, bởi chúng ta có thể là bạn nếu cô cho tôi cơ hội, giờ đây cô biết tôi vô dụng cỡ nào rồi đó. Mà cô cũng chưa đúng về Barcelona đâu, bởi có thể cô tưởng rằng mình đã thấy tất cả, nhưng tôi dám đảm bảo rằng điều đó không đúng. Nếu cô cho phép, tôi sẽ chứng minh cho cô thấy.”

Tôi thấy một nụ cười lóe sáng và rồi chậm chậm, một giọt nước mắt thấm lặng dần chảy xuống dọc má Bea.

“Tốt hơn là anh đúng đi,” cô nàng nói. “Bởi nếu không, tôi sẽ bảo với Tomás, và anh ấy sẽ vặn đầu anh ra như vặn nút chai đây.”

Tôi chìa tay ra cho cô nàng. “Nghe công bằng đấy chứ. Bằng hữu?”

Cô nàng chìa tay ra cho tôi.

“Thứ Sáu mấy giờ thì cô hết giờ học?” tôi hỏi.

Bea ngại ngần trong giây lát. “Năm giờ.”

“Đúng năm giờ tôi sẽ đợi cô tại tu viện. Và trước khi đêm tối tràn xuống tôi sẽ chứng minh cho cô thấy có nhiều điều ở Barcelona mà cô chưa từng thấy, rằng cô không thể bỏ đi Ferrol với cái gã đàn độn kia. Tôi chẳng tin cô yêu hấn đâu. Cô mà đi, những ký ức về thành phố này sẽ truy đuổi cô và cô sẽ lìa đời trong

buồn đau.”

“Anh nói cứ như đinh đóng cột vậy, Daniel.”

Tôi, kẻ vốn chưa từng dám chắc hiện tại là mấy giờ, gật đầu với niềm tin chắc của kẻ ngu dốt. Tôi đứng đó quan sát Bea bước xa dần dọc theo hành lang vô tận cho đến khi hình hài cô hòa quyện trong bóng tối. Tôi tự hỏi mình đã làm cái quái gì không biết nữa.

Chương 15

TIỆM MŨ FORTUNY, HAY NHỮNG GÌ CÒN LẠI CỦA NÓ, suy tàn dưới chân một tòa nhà rêu rã, chật hẹp, đen kịt bồ hóng trên Đại lộ San Antonio ngay gần khách sạn Plaza de Goya. Ta vẫn có thể đọc những dòng chữ khắc in trên tấm cửa kính bản thủ, một tấm biển hình chiếc mũ quả dưa vẫn đang treo lơ lửng phía trước tiệm, hứa hẹn những kiểu mũ làm theo số đo riêng và các mẫu thời trang nhất đến từ Paris. Cánh cửa được chốt kín bởi một bộ khóa ắt hẳn đã chiêm ngưỡng cả thập kỷ phục vụ an nhàn không bị quấy nhiễu. Tôi áp trán vào tấm kính

trên cửa, cố nhướng mày nhòm vào khoảng tăm tối bên trong.

“Nếu cậu đến vì muốn thuê tiệm thì người quản lý mới đi rồi,” một giọng nói làu bàu phía sau lưng tôi.

Người phụ nữ vừa bắt chuyện với tôi trông phải tầm sáu chục tuổi, bà vận trên người bộ quốc phục của tất cả các bà góa sùng đạo. Đôi ba cái lô quấn tóc thò ra khỏi chiếc khăn trùm màu hồng bà dùng để phủ trên tóc, còn đôi dép lê lót thêm miếng đệm thì hợp tông với đôi vớ hồng hồng màu da người cao tới đầu gối. Tôi đoán chừng bà ta là người coi giữ trông nom tòa nhà.

“Vậy cửa tiệm này cho thuê ạ?”

“Cậu không đến vì muốn thuê à?”

“Không hẳn, ai mà biết được, không chừng cháu lại có hứng thú.”

Bà trông coi khu căn hộ nhú mày, thăm cân nhắc liệu có nên cho tôi được phép ngò vực hay không. Tôi chuyển sang nụ cười thánh thiện “độc chiêu” của mình.

“Tiệm này đóng cửa bao lâu rồi ạ?”

“Liên tục suốt mười hai năm nay rồi, kể từ khi ông chủ tiệm qua đời.”

“Señor Fortuny ạ? Bà có biết ông ấy không?”

“Ta sống ở nơi này đã bốn mươi tám năm rồi, chàng thanh niên ạ.”

“Vậy chắc bà cũng biết con trai của Señor Fortuny.”

“Julián? À, đương nhiên là biết chứ.”

Tôi lấy tấm ảnh cháy cạnh từ trong túi áo ra chìa cho bà xem. “Bà có thể cho cháu biết người con trai trong ảnh liệu có phải là Julián Carax không?”

Người phụ nữ nhìn tôi ra vẻ hơi ngờ hoặc. Bà cầm lấy tấm ảnh nhìn một hồi.

“Bà có nhận ra chú ấy không?”

“Carax là họ thời con gái của mẹ nó,” bà giải thích bằng cái giọng không có chút gì là khích lệ. “Đây là Julián, chắc rồi. Ta nhớ là tóc nó rất sáng màu, nhưng đây, trong tấm ảnh này, trông tóc nó thẫm hơn.”

“Vậy bà kể cho cháu về cô gái được không?”

“Mà cậu là ai mà hỏi thế?”

“Cháu xin lỗi, tên cháu là Daniel Sempere. Cháu đang cố tìm hiểu về Señor Carax, à, là về chú Julián.”

“Julián chuyển đến Paris, khoảng năm 1918 hay 1919 gì đó. Cha thằng bé muốn tống nó vào quân đội, cậu hiểu đấy.

Ta nghĩ mẹ của Julián đem nó theo để nó được thoát khỏi cái vụ đó, tội nghiệp thằng bé. Señor Fortuny bị bỏ lại một mình, trong căn hộ áp mái.”

“Bà có biết chú Julián đã quay về Barcelona lúc nào không?”

Người trông coi khu nhà lẳng lẳng nhìn tôi một hồi, chẳng nói gì.

“Cậu không biết sao? Cùng năm đó Julián chết tại Paris rồi mà.”

“Xin lỗi ạ?”

“Ta bảo Julián đã chết rồi. Tại Paris. Ngay sau khi nó chuyển đến đó. Đáng lẽ nó nên gia nhập quân đội thì hơn.”

“Liệu cháu có thể hỏi sao bà biết chuyện đó không?”

“Thế cậu nghĩ sao? Cha của nó cho ta biết thôi.”

Tôi chậm chậm gật đầu. “Cháu hiểu rồi, ông ấy nói là chú Julián đã qua đời?”

“Thực ra thì ông già ấy chả bao giờ nói cho ta cụ thể điều gì. Một lần nọ, không lâu sau khi Julián đi, có một bức thư chuyển đến cho thằng bé, và khi ta nhắc đến chuyện đó với cha nó thì ông già bảo ta là thằng bé chết rồi, nếu có gì đi nữa gửi đến cho nó thì ta cứ việc vứt đi. Sao cậu lại nhìn ta như thế?”

“Señor Fortuny nói dối bà đấy. Chú Julián không hề chết vào năm 1919.”

“Cậu nhắc lại lần nữa?”

“Chú Julián sống ở Paris ít nhất cho đến năm 1935, rồi sau đó chú ấy chuyển về Barcelona.”

Khuông mặt bà trông coi khu nhà chột bùng sáng. “Vậy Julián đang ở đây, tại Barcelona này? Thế là ở đâu?”

Tôi gật đầu lần nữa, hy vọng bà khuyến khích tôi kể thêm.

“Ôi đức Mẹ Mary... thật là một tin tuyệt vời. Hừm, đây là nếu như nó còn

sống. Nó là một thằng bé đáng yêu làm sao, hơi kỳ cục và hay mơ màng, quả là có vậy, nhưng có gì đó ở nó có thể chinh phục người ta. Nó sẽ chẳng ra cơm cháo gì nếu đi lính, cái đó thì quá rõ ràng. Con Isebelita của ta thật sự thích nó. Thử hình dung xem, đã có lúc ta nghĩ hai đứa nó sẽ cưới nhau. Ôi chuyện trẻ con.. Ta coi lại tấm hình đó được không?”

Tôi đưa lại bà tấm ảnh. Người phụ nữ ngắm nghía nó như thể ngắm bùa may mắn, chiếc vé giúp bà quay trở về thuở thanh xuân. “Kỳ thật, cậu biết đấy, cứ như thể nó vừa ở đây ngay lúc này... vậy có nghĩa cái lão khốn đó đã nói dối là nó chết rồi. Ta phải thú thực, ta chẳng hiểu sao Chúa lại gửi những kẻ như vậy xuống

trần thế này. Mà điều gì đã xảy ra cho Julián khi ở Paris? Ta dám cá nó đã kiếm được một khoản kékch xù. Ta luôn nghĩ rồi một ngày kia Julián sẽ trở nên giàu có.”

“Không hẳn, chú ấy trở thành nhà văn.”

“Nó viết truyện ư?”

“Đại loại như thế ạ.”

“Có phải viết truyện cho đài truyền thanh không? Ôi đáng yêu làm sao. Hừm, ta chẳng ngạc nhiên đâu, cậu biết không. Hồi bé tí nó vẫn thường kể đủ các truyện cho đám trẻ con trong khu. Vào mùa hè, đôi khi tối tối con Isabelita của ta và anh

chị em họ nó kéo cả hội trò lên sân thượng nghe thằng bé kể chuyện. Mấy đứa bảo rằng Julián chẳng bao giờ lặp lại một câu chuyện tới lần thứ hai. Nhưng quả là mấy chuyện đó toàn về người chết và các linh hồn. Ta phải nói, nó là một thằng bé hơi kỳ quặc. Mặc dù, với một người cha như thế, thật lạ kỳ là nó chưa hoàn toàn bị điên. Ta chẳng ngờ ngàng gì khi rớt cuộc vợ ông ta cũng bỏ đi, bởi ông ta đúng là một sản phẩm khủng khiếp. Nghe này: ta chưa từng xen vào chuyện riêng của người khác, ta thì sao cũng được, nhưng cái ông già đó không phải là người tốt. Trong một khu căn hộ chung cư chẳng gì giữ bí mật mãi được đâu. Ông ta đánh đập vợ, cậu biết không?

Lúc nào ta cũng nghe được tiếng kêu thét từ căn hộ gia đình nhà họ, và cảnh sát đã phải đến nhiều lần. Ta có thể hiểu chuyện đôi khi một ông chồng phải đánh vợ hòng khiến cô ta tôn trọng mình, ta không có ý rằng họ không nên thế; đời đầy những ả lăng lơ, và những cô gái trẻ chẳng còn được nuôi dạy cẩn thận như ngày xưa. Nhưng trường hợp này khác, hừm, ông ta chỉ đơn thuần muốn đánh vợ mà thôi, đây là nếu cậu hiểu ý ta. Người bạn duy nhất mà người phụ nữ khốn khổ ấy từng có là một cô gái trẻ, tên Vıcenteta, sống ở phòng 4-2. Thi thoảng bà ấy trốn nhờ trong căn hộ nhà Vıcenteta, để tránh bị ông chồng đánh đập. Và bà ấy kể những chuyện...”

“Những chuyện như thế nào ạ?”

Người trông coi khu nhà bồng ra vẻ rất bí mật, bà nhướn mày nhìn quần quanh hết trái phải rồi nói. “Kiểu như thằng bé chẳng phải con lão bán mũ đâu.”

“Chú Julián ấy ạ? Ý bà là chú Julián không phải con của ông Fortuny?”

“Đó là những gì bà người Pháp đó kể cho Viçenteta, ta chẳng rõ đó là do quá đau đớn mà thành căm hận hay là có trời mới biết được. Nhiều năm sau Viçenteta mới kể lại cho ta chuyện đó, khi mà gia đình nhà làm mũ chẳng còn sống ở đây nữa.”

“Vậy ai là cha đẻ của chú Julián?”

“Cái bà người Pháp ấy chẳng bao giờ hé răng về chuyện đó. Có thể bà ấy cũng chẳng biết. Cậu biết người nước ngoài họ thế nào rồi đấy.”

“Vậy bà có cho rằng đó là lý do mà ông Fortuny đánh vợ không?”

“Chúa may ra mới biết. Đã ba lần người ta phải đưa bà ấy vào bệnh viện đấy cậu biết không? Những ba lần. Đã thế kẻ bạo hành kia còn dày mặt nói với mọi người rằng vợ mình mới là kẻ có lỗi, rằng bà ấy là đồ nghiện rượu, lúc nào cũng dật dờ quanh nhà vì uống quá nhiều. Nhưng ta chẳng tin. Lão còn gây gổ với khắp làng xóm láng giềng. Lần nọ

lão còn tới cảnh sát tố cáo ông chồng quá cố của ta, Chúa phù hộ linh hồn ông ấy, là ăn trộm ở tiệm của lão. Lão quan niệm rằng bất cứ ai dân miền Nam đều là đồ ăn không ngồi rồi và trộm cướp, cái đồ lộn đó...”

“Bà có nhận ra cô gái bên cạnh chú Julián trong tấm ảnh không?”

Người trông coi khu nhà chăm chú nhìn bức hình lần nữa. “Chưa thấy con bé bao giờ. Rất xinh đấy.”

“Nhìn trong bức hình, trông có vẻ như họ là một đôi,” tôi gợi ý, cố gắng lay động ký ức của bà.

Bà đưa tôi lại tấm hình, lắc đầu.

“Ta chẳng biết gì về ảnh ót cả. Theo như ta được biết thì Julián chưa từng có bạn gái, nhưng ta cũng hiểu là nếu có, nó cũng chẳng nói cho ta đâu. Biết được con bé Isabelita nhà ta từng dính líu với thằng nhóc ấy cũng đã khó khăn lắm rồi... Ta biết tụi trẻ chẳng bao giờ chịu nói điều gì. Còn cánh già nua bọn ta thì không biết làm sao mà ngừng kể lể.”

“Bà có nhớ bạn bè của chú ấy, ai đó đặc biệt thường hay lui tới đây?”

Bà bác coi giữ khu nhà chỉ nhún vai. “Hừm, lâu quá rồi còn gì. Với cả, những năm cuối còn sống tại đây Julián chẳng mấy khi về nhà, cậu hiểu không. Nó đánh bạn ở trường, một cậu chàng có

xuất thân từ gia đình rất khá, dòng họ nhà Aldaya - chà, nhà ấy thì oách đấy. Hiện nay chẳng ai nói về họ nữa, nhưng hồi đó thì nhắc đến họ chẳng khác gì nhắc về hoàng gia. Vô khối tiền. Ta biết là bởi thi thoảng họ lại cho xe đến đón Julián. Cậu mà thấy cái xe đó thì... Thậm chí Quốc trưởng Franco cũng chẳng có nổi một chiếc như thế. Có hẳn tài xế, và tất cả đều sáng loáng. Thằng Paco nhà ta, vốn biết chút ít về xe cộ, bảo ta đó là một chiếc *rollsroi* hay cái gì đó tựa tựa thế. Xe cho hoàng đế đấy.”

“Bà có biết danh xưng của người bạn đó không?”

“Nghe này, với một cái họ như

Aldaya, cần quái gì tới tên gọi nữa. Ta cũng nhớ còn một cậu bạn khác, hơi bị loạn óc một chút, tên nó là Miquel. Ta nghĩ hẳn thằng bé đó là bạn cùng lớp với Julián. Nhưng đừng hỏi ta xem họ của nó là gì hay trông nó ra làm sao.”

Chúng tôi dường như đang tiến vào ngõ cụt, và tôi dần sợ rằng người phụ nữ già bắt đầu vui dần hứng thú. Tôi quyết định hỏi theo cảm tính. “Vậy giờ còn ai sống trong căn hộ gia đình nhà Fortuny không ạ?”

“Không. Ông già kia chết mà chẳng để lại di chúc gì, còn bà vợ, theo như ta được biết, hiện giờ vẫn đang ở tận Buenos Aires, đám tang chồng cũng

không thềm về. Cũng chẳng trách.”

“Sao lại là Buenos Aires?”

“Vì bà ấy chẳng tìm được nơi nào xa hơn nữa, ta đoán chừng vậy. Bà ấy phó thác tất cả vào tay một gã luật sư, một kẻ rất quái đản. Ta chưa từng gặp hắn, nhưng con gái ta Isabelita, nó sống trên tầng năm, ngay dưới căn hộ nhà họ, kể rằng thi thoảng, do có trong tay chìa khóa, hắn thường đến lúc về đêm và dành hàng giờ đi đi lại lại trong căn hộ rồi mới bỏ đi. Một lần nọ con bé còn kể nó thậm chí nghe được cả tiếng giày cao gót của phụ nữ. Ta phải nói gì đây...?”

“Cũng có thể là tiếng do cà kheo gậy chống gì đó.”

Bà ngậy ra nhìn tôi. Hiển nhiên đó là chủ đề nghiêm trọng với người coi sóc khu nhà.

“VẬY ngoài ra không có ai khác từng thăm viếng căn hộ đó trong suốt bao năm nay?”

“Lần nọ có một cá nhân dị hơn nào đó đến đây, một trong số những kẻ chẳng bao giờ ngưng cười, một kẻ hay cợt nhả, nhưng y thì dễ nhận ra lắm. Y bảo mình đến từ đội Điều tra Tội phạm. Y muốn xem bên trong căn hộ.”

“Ông ta có nói lý do không?”

Bà trông coi khu nhà lắc đầu.

“VẬY bà có nhớ tên ông ta không.”

“Thanh tra viên hay gì đó. Ta chẳng tin y là cảnh sát đâu. Y bốc mùi giả tạo lắm, hiểu ý ta không? Sặc mùi gì đó rất cá nhân. Ta đuổi y đi và bảo là chẳng có chìa khóa căn hộ đâu, nếu y muốn làm gì thì hãy đi mà gọi cho tay luật sư. Y bảo sẽ còn quay lại, nhưng đến giờ cũng chẳng thấy tăm hơi. Nhẹ nợ.”

“LIỆU bà có tình cờ biết được tên và địa chỉ của vị luật sư kia không?”

“CẬU nên hỏi ông quản lý tòa nhà này, Señor Molins. Văn phòng của ông ấy ở khá gần đây, số nhà hai mươi tám, Floridablanca, tầng trệt. Bảo ông ấy là ta giới thiệu cậu đến - ta là Aurora, cần gì

cứ gọi.”

“Cháu rất cảm tạ. Vậy, xin cho cháu biết, thưa Doña Aurora, hiện giờ có phải là căn hộ nhà Fortuny hoàn toàn trống không?”

“Không, chẳng trống không đâu, vì trước giờ chẳng ai đến đó lấy bất cứ thứ gì đi từ khi ông già kia lìa đời. Thi thoảng nó còn bốc mùi nữa. Ta dám chùng trong căn hộ đầy đầy chuột, tin ta đi.”

“Bà có nghĩ ta nên vào đó ngó qua không? Không chùng lại tìm được thông tin gì đó gọi mở về tình trạng hiện tại của chú Julián.”

“Ôi không, ta không thể làm thế. Cậu phải xin phép Señor Molins, ông ấy mới là người phụ trách.”

Tôi láu lỉnh cười với bà. “Nhưng hẳn là bà vẫn giữ chìa khóa chính, cháu đoán chừng. Tuy bà bảo người kia là bà không muốn vào đó... nhưng đừng nói với cháu là bà không tò mò muốn biết trong đó có gì.”

Doña Aurora liếc mắt nhìn tôi.

“Cậu đúng là đồ quý sứ.”

CỬA CĂN HỘ CỘT KỆT MỞ RA NHƯ TẢNG ĐÁ BỊT HÀM MỘ với một tiếng rên rỉ bất chợt, phì ra một

luồng khí hôi hám tối đen. Tôi đẩy cánh cửa trước vào trong phòng, phát hiện ra ở đó một hành lang ngập trong bóng tối. Nơi này thật ngọt ngào và nồng vị ẩm ướt. Những sợi tơ nhện nặng trĩu cầu bụi bần lửng lơ khắp trên trần nhà như những mảng tóc bạc. Gạch lát nền vỡ nát bao phủ bởi thứ gì đó trông giống như tro tàn. Tôi cũng để ý tới những dấu vết trông giống dấu chân người hướng vào bên trong căn hộ.

“Ôi đức Mẹ lòng lành!” bà bác coi giữ khu nhà lâu bầu. “Ở đây còn nhiều phân hơn cả trong chuồng gà nữa.”

“Nếu bà ngại, thì để cháu đi một mình,” tôi nói.

“Thế thì chẳng vừa ý cậu quá rồi còn gì. Thôi nào, cậu đi trước, ta theo sau.”

Hai chúng tôi đóng cửa lại phía sau lưng và đứng đợi tại tiền sảnh một lúc cho tới khi mắt quen dần được với bóng tối. Tôi có thể nghe được sự run sợ trong hơi thở của bà coi giữ khu nhà và ngửi ra mùi chua từ mồ hôi của bà. Tôi thấy mình chẳng khác gì một tên trộm mộ, linh hồn bị đầu độc bởi lòng tham và dục vọng.

“Này, đó là tiếng gì thế?” bà trông coi khu nhà e ngại cất tiếng hỏi. Có con gì đó vỗ cánh trong bóng tối, như bị làm phiền bởi sự hiện diện của chúng tôi. Tôi

nghe mình vừa thoáng thấy một cái bóng trắng nhờ đu đưa ở nơi cuối hành lang.

“Chim bồ câu,” tôi nói. “Có lẽ chúng vào qua chỗ bị vỡ trên kính cửa sổ và làm tổ ở đây.”

“Cái thứ chim xấu xí đó khiến ta ghê người,” bà bác coi giữ thốt lên. “Mà chúng nó thải phân cứ như chẳng còn có ngày mai vậy.”

“Đừng lo, Doña Aurora, chúng chỉ tấn công ta khi đói thôi.”

Chúng tôi đánh bạo dấn thêm vài bước cho đến khi tới được gần hết hành lang, nơi có một phòng ăn mở ra phía ban công. Còn nhìn rõ được một chiếc

bàn tối tàn trên phủ lớp vải tả tơi trông giống vải liệm hơn là khăn trải bàn. Bốn chiếc ghế đẽ đố như đẽ canh xác chết, cùng với vài ba tủ kính cấu bụi đang canh giữ bộ đồ ăn: cốc chén và bộ uống trà. Trong góc phòng là một chiếc piano tủ đứng cũ kỹ trước đây từng thuộc về mẫu thân của Carax. Các phím đàn đã đen kịt vì cấu bẩn, những mẫu nổi hầu như chẳng thấy đâu dưới từng mảng bụi. Một chiếc đi văng có vỏ bọc dài, mòn xơ chỉ đang dần mục rỗng nằm ngay cạnh ban công. Kế đó là một chiếc bàn cà phê bên trên yên vị một đôi kính đọc sách và cuốn Kinh Thánh bọc da sáng màu, bốn góc dát vàng, loại ấn bản thường dùng để làm quà cho trẻ nhỏ vào lần đầu tiên nó

được ban thánh lễ. Cuồng Kinh Thánh vẫn còn đang kẹp dở dây đánh dấu sách, một mẩu dây màu đỏ thẫm.

“Nhìn kia, cái ghế đó là nơi ông già được tìm thấy sau khi chết. Bác sĩ bảo ông ta ở đó cũng phải hai ngày rồi. Ra đi như thế thật là buồn, như một con chó ấy, chỉ có một mình. Không hẳn là ông ta chẳng đáng bị thế, nhưng mà dù sao...”

Tôi tiến đến gần chiếc ghế nơi ông Fortuny đã qua đời. Kế bên cuốn Kinh Thánh là một chiếc hộp nhỏ đựng những tấm ảnh đen trắng, ảnh chân dung studio kiểu cũ. Tôi quỳ xuống để nhìn cho rõ, hơi sợ không muốn chạm phải những tấm

ảnh đó. Dù cảm thấy mình như đang báng bổ ký ức của một ông già đáng thương, nhưng sự tò mò trong tôi đã chiến thắng. Tấm ảnh đầu tiên chụp đôi vợ chồng trẻ với một đứa con trai chừng bốn tuổi là cùng. Tôi nhận ra cậu bé qua ánh mắt.

“Nhìn nay, họ đây rồi. Señor Fortuny hồi còn trẻ, và đây...”

“Chẳng phải chú Julián không có anh chị em gì hay sao?”

Bà trông coi khu nhà nhún vai, đoạn thở dài. “Ta nghe nói bà vợ bị sảy thai một lần vì những trận đòn của ông chồng, nhưng ta chịu không biết đâu. Người ta thích đòn thôi mà, nhỉ? Nhưng ta thì không. Ta chỉ biết là có lần Julián

kể với bọn trẻ trong khu nhà là nó có một đứa em gái chỉ mình nó thấy được. Rằng thằng bé thấy em mình từ trong gương đi ra cứ như được tạo bằng không khí ấy, và con bé sống cùng với quỷ Satan trong một cung điện ở tận dưới đáy hồ. Con Isabelita nhà ta vì thế mà mơ thấy ác mộng cả tháng trời. Đầu óc thằng bé đó đôi khi thực là thiếu lành mạnh.”

Tôi liếc sang phía bếp. Trên cánh cửa sổ nhỏ nhìn vào phía sân trong khu nhà, có một chỗ kính bị vỡ, tôi nghe rõ mồn một tiếng vỗ cánh run rẩy đầy thù địch của bọn bồ câu ở bên kia tấm kính.

“Tất cả các căn hộ ở đây đều có cấu trúc như nhau chứ ạ?” tôi hỏi.

“Những phòng nhìn ra phố thì giống nhau. Nhưng cái phòng này ở trên tầng áp mái, nên nó hơi khác một chút. Có bếp và phòng giặt quay ra nhìn vào phía sân trong. Xuôi hành lang này có ba phòng ngủ, và một phòng tắm ở tận trong cùng. Trang trí qua loa thêm một chút, trông sẽ vừa mắt lắm, tin ta đi. Căn hộ này trông tựa tựa như chỗ con Isabelita nhà ta đang ở - nhưng đương nhiên, giờ nó y hệt một cái nhà mồ.”

“Bà có biết phòng nào là phòng của chú Julián không?”

“Phòng đầu tiên là phòng ngủ lớn. Phòng tiếp theo thì nhỏ hơn. Có lẽ căn phòng ấy, đoán chừng là vậy.”

Tôi đi dọc theo hành lang. Lốp sơn trên tường đã bong tróc từng mảng nhỏ. Ở nơi cuối hành lang, cửa phòng tắm đang hé mở. Một người mặt tròn cứ như chăm chăm nhìn tôi. Đó có thể là gương mặt tôi, hoặc cũng có thể là gương mặt người em gái đang sống trong gương của Julián. Khi tôi đến gần hơn, khuôn mặt ấy rút lui về với bóng tối. Tôi cố sức mở cánh cửa thứ hai.

“Nó khóa rồi,” tôi nói.

Người coi giữ nhìn tôi. “Những cửa này không thể nào có khóa,” bà nói.

“Cái này thì có.”

“Vậy hẳn là ông già Fortuny đã đặt

thêm một cái khóa vào đây rồi, bởi vì tất cả các căn hộ khác trong tòa nhà này đều...”

Tôi nhìn xuống và chú ý thấy có dấu chân dẫn đến cánh cửa bị khóa. “Có ai đó đã tới căn phòng này,” tôi nói, “dạo gần đây thôi.”

“Đừng dọa ta,” người coi giữ khu nhà nói.

Tôi đi tới cửa phòng tiếp theo. Nó không có khóa. Cánh cửa mở ra kèm theo một tiếng cọt kẹt gỉ sét ngay lúc tôi vừa chạm vào. Giữa căn phòng là một cái giường cũ nát rộng khoảng bốn tấm poster, vẫn còn bừa bộn. Ga trải giường đã ngả vàng, y chang một tấm vải liệm,

một cây thánh giá đặt ngay trên đầu giường. Căn phòng cũng có tủ gồm nhiều ngăn kéo bên trên đặt một chiếc gương nhỏ, một chậu rửa mặt, bình đựng nước, và ghế ngồi. Một cái tủ bày đồ, cửa để hé, đứng dựa sát vào tường. Tôi đi vòng qua giường, tiến tới chiếc bàn mặt thủy tinh đặt ngay cạnh đó, dưới lớp thủy tinh là ảnh chụp của ông bà, cổ cụ, những tấm thiệp đám tang, và cả vé số. Trên bàn đặt một chiếc hộp nhạc bằng gỗ được khắc chạm và một đồng hồ bỏ túi, vĩnh viễn đông cứng vào lúc tám giờ năm phút. Tôi thử lên dây cót chiếc hộp nhạc, nhưng chạy được sáu nốt nhạc thì giai điệu tắt nghẽn. Mở ngăn kéo của chiếc bàn cạnh giường, tôi tìm được một bao kính trống

rỗng, một cái bấm móng tay, một chai rượu bệt, và một cái mề đay hình Đức Mẹ Lộ Đức. Chẳng còn gì khác.

“Chắc chắn đâu đó phải có chìa khóa vào phòng bên,” tôi nói.

“Chắc là ông quản lý giữ thôi. Này, ta nghĩ tốt nhất chúng ta nên đi ra.”

Đột nhiên tôi nhìn xuống cái hộp nhạc. Tôi liền mở tung nắp hộp ra, và tại đó, chèn cứng giữa cơ cấu bánh răng, tôi tìm thấy chiếc chìa khóa óng vàng. Tôi lấy chìa khóa ra, hộp nhạc lập tức khôi phục lại giai điệu leng keng của nó. Tôi nhận ra đó là một bản của Ravel.

“Đây chắc hẳn là chìa khóa phòng

bên.” Tôi cười với bà coi giữ khu nhà.

“Nghe này, nếu căn phòng ấy bị khóa, hẳn phải có một lý do nào đó. Thậm chí cũng là vì tôn trong những ký ức của...”

“Nếu bà muốn thế, xin cứ đợi cháu ở dưới căn hộ của bà, Doña Aurora.”

“Cậu đúng là quý sứ mà. Được rồi. Muốn thì cứ mở đi.”

Chương 16

MỘT LÀN HƠI LẠNH THỔI QUA LỖ KHÓA, liếm qua những ngón tay khi tôi tra chìa khóa. Cái chìa khóa mà Señor Fortuny đã lắp vào căn phòng trống của con trai mình to gấp ba lần cái khóa trên cửa chính. Doña Aurora lo âu nhìn tôi, cứ như thể chúng tôi sắp mở chiếc hộp Pandora.

“Phòng này quay về phía trước ngôi nhà chứ ạ?” tôi hỏi

Bà bác coi giữ lắc đầu. "Có một cửa sổ nhỏ, để thông gió. Nó hướng về phía sân."

Tôi đẩy cửa vào phía trong. Một khoảng tối mịt mùng không thấu mở ra trước mắt chúng tôi, ánh sáng lay lắt từ phía sau gần như chỉ đủ giải ngửa cho màn đêm. Cửa sổ nhỏ trông ra khoảnh sân bị những tờ giấy báo ngả vàng bịt kín. Tôi xé chúng ra, liền đó một tia sáng yếu ớt đâm xuyên qua bóng tối.

“Ôi, chúa Giê-su, đức Mẹ Mary, thánh Joseph ơi!” bà bác coi giữ khu nhà lầm bầm.

Cả căn phòng tràn lan những cây thánh giá. Thánh giá treo khắp trên trần nhà, lủng lẳng dưới những sợi dây, phủ khắp bốn bức tường, bị đinh ghim chặt. Có hàng tá thánh giá. Ta có thể cảm thấy

chúng giăng khắp mọi góc ngách, được khắc bằng dao trên đồ gỗ, được cạo thành vệt trên gạch lát sàn, được quét từ sơn đỏ trên các mặt gương. Những dấu chân dẫn chúng tôi tới cảnh cửa giờ thấy rõ lớp bụi sàn xung quanh chiếc giường trống huếch, chỉ là một bộ xương toàn dây thép và gỗ mọt ruỗng. Cuối căn phòng, bên dưới cửa sổ, là một chiếc bàn có nắp cuộn đang đóng kín, trên nóc bàn găm một bộ ba cây thập ác kim loại. Tôi khẽ khàng mở nắp bàn ra. Không thấy có bụi kẹt tại mối nối giữa các thanh gỗ, điều đó khiến tôi đoán chừng cái bàn này ắt hẳn đã được mở ra mới gần đây thôi. Nó có sáu ngăn kéo. Các khóa đã bị bẫy tung. Tôi soát kỹ từng ngăn một.

Trống rỗng.

Tôi quỳ xuống ngang chiếc bàn và lần rờ ngón tay lên những dấu khắc phủ lên mặt bàn, tưởng tượng ra hình ảnh đôi tay của Julián Carax đang nguệch ngoạc những dòng ấy, các chữ viết tượng hình mà ý nghĩa đã hoàn toàn mờ tối theo thời gian. Trong học bàn, tôi để ý có một chồng vở viết và một chiếc lọ đầy chắt bút chì, bút mực. Tôi rút ra một cuốn vở xem liếc qua. Vô số hình vẽ cùng các từ ngữ lẻ. Bài tập toán. Những cụm từ, lời trích dẫn không có liên hệ với nhau, rút ra từ trong sách. Các bài thơ viết dở. Tất cả các cuốn vở đều tựa tựa nhau. Một vài hình vẽ lặp đi lặp lại từ trang này sang trang khác, mỗi hình chỉ khác đi đôi

chút. Tôi bị ấn tượng bởi hình phác một người đàn ông trông như tạc ra từ lửa. Một hình khác trông có vẻ là thiên thần hoặc một con bò sát nào đó quấn lấy cây thánh giá. Những hình phác thô ám chỉ tới một toàn nhà hoang đường kỳ dị, đang dệt với những ngọn tháp và vòm cung tựa như của thánh đường. Từng nét bút đầy tự tin cho thấy một năng khiếu nhất định. Chàng trai Carax tỏ ra là một họa sĩ đầy hứa hẹn, nhưng chẳng bức vẽ nào trong này tiến xa hơn ngoài phác thảo.

Tôi vừa định đặt cuốn vở cuối cùng lại vị trí cũ mà không cần xem qua thì chợt thứ gì đó tuột khỏi những trang giấy rơi xuống chân tôi. Đó là búa hình

mà trong đó tôi nhận ra chính cô gái đã xuất hiện trong bức hình kia - bức hình chụp tại chân tòa chung cư này. Cô gái đang làm dáng tại một khu vườn xa hoa, và xa xa sau các ngọn cây, chỉ vừa đủ thấy, là hình dáng tòa nhà tôi đã thấy trong các bức phác thảo của chàng thiếu niên Carax. Tôi nhận ra nó ngay tức thì. Đó là tòa biệt thự với cái tên Thầy Dòng Trắng, nằm trên đại lộ Tibidabo. Đằng sau tấm hình là câu đề tặng chỉ nói đơn giản một điều:

Penélope, người yêu anh.

Tôi cất bức hình vào trong túi áo, đóng nắp bàn lại, và cười với bà trông coi khu nhà.

“Thấy đủ chưa?” bà hỏi, vẻ bồn chồn muốn rời khỏi đây.

“Gần hết,” tôi đáp. “Trước đây, bà có nói rằng ngay sau khi chú Julián rời đi Paris, có một bức thư gửi cho chú ấy, nhưng cha chú ấy bảo bà nắm nó đi.”

Bà trông coi khu nhà do dự đôi chút, rồi gật đầu: “Ta để phong thư tại ngăn kéo chiếc tủ chia ngăn tại tiền sảnh, phòng trường hợp ngày nào đó bà người Pháp kia quay lại đây. Hẳn nó vẫn còn ở đó.”

Chúng tôi quay lại chiếc tủ chia ngăn và mở ngăn kéo đầu tiên. Một phong thư màu nâu vàng nhạt nằm ngay trên bộ sưu tập những chiếc đồng hồ

chết, khuy cúc và đám đồng xu đã thôi không còn là tiền pháp định từ hai chục năm về trước. Tôi cầm chiếc phong bì lên kiểm tra.

“Bà đã đọc nó chưa ạ?”

“Cậu nghĩ ta là hạng người gì?”

“Cháu không có ý xúc phạm. Mà điều đó cũng khá tự nhiên thôi, tùy theo trường hợp, vì bà cho rằng chú Julian đã qua đời...”

Bà trông coi khu nhà bèn nhún vai, nhìn xuống đất và bắt đầu bước về phía cửa. Tôi lợi dụng khoảnh khắc ấy nhét bức thư vào trong túi áo vét của mình.

“Nghe này, ta không muốn cậu hiểu

lâm đầu," bà ta nói.

“Đương nhiên không rồi, thế bức thư nói gì vậy?”

“Một lá thư tình. Kiểu như mấy truyện ngắn trên đài phát thanh, có điều buồn hơn, câu hiểu không, vì thực ra đọc nó lên nghe thật lẩm. Tin ta đi, khi đọc nó ta đã rơi lệ đấy.”

“Bà dạt dào tình cảm quá, Doña Aurora.”

“Còn cậu đúng là đồ quý sứ.”

CŨNG BUỔI CHIỀU HÔM ĐÓ,
sau khi nói lời từ biệt với Doña Aurora

và hứa sẽ cập nhật cho bà thông tin cuộc điều tra của tôi về Julián Carax, tôi bèn đi tìm người quản lý khu nhà chung cư. Señor Molins đã từng có những ngày tháng tươi đẹp hơn nhưng giờ đây ông đang sống vất vưởng trong một văn phòng tầng trệt bản thủ trên phố Floridablanca. Dù vậy, Molins vẫn là một cá nhân vui vẻ, biết tự hài lòng với chính mình. Miệng ông ta như dính liền với điều xì gà hút dở trông cứ tưởng mọc ra từ chòm ria mép. Thực khó mà đoán ông ta đang ngủ hay đang thức, vì ông ta thở nghe cứ như người ta đang ngáy. Mái tóc Molins bóng nhẫy và ngắn lì ở phía trên trán, và đôi mắt híp tịt của ông ta rõ là lạnh lợi. Bộ vét của ông ta chắc không

bán được hơn chục đồng peseta ở chợ Encantes Flea, nhưng ông bù lại cho bộ vét đó bằng một chiếc cà vạt sặc sỡ sắc màu nhiệt đới. Xét theo vẻ ngoài của khu chung cư, hẳn không còn gì nhiều để mà quản lý nữa, ngoại trừ đám sâu bọ và mạng nhện của một Barcelona bị quên lãng.

"Chúng tôi đang trong quá trình sửa sang lại cho mới," ông ta biện giải.

Để phá tan bầu không khí đóng băng, tôi nhắc đến tên Doña Aurora cứ như đang nói về một người bạn lâu năm của gia đình mình.

"Hồi còn trẻ bà ấy trông được mắt lắm," đó là lời nhận xét của Molins.

“Với thời gian bà ấy dần héo tàn, nhưng tôi cũng có còn được như hồi trước đâu. Chắc cậu không tin, chứ hồi bằng tuổi cậu tôi đẹp như thần Adonis. Bọn con gái cứ gọi là quỳ gối cầu xin được tôi ngó ngang đôi chút, hoặc là được có con với tôi. Trời ạ, thế kỉ 20 này chẳng có cái quái gì cả. Tôi có thể làm gì cho cậu đây, chàng trai?”

Tôi trình bày với ông ta một câu chuyện ít nhiều hợp lý về mối liên hệ họ hàng xa xôi với gia đình Fortuny. Sau năm phút chuyện trò, Molins lê thân về cái tủ ngăn chăt kín của mình và đưa tôi địa chỉ của tay luật sư phụ trách tất tậ mọi thứ liên quan đến Sophie Carax, thân mẫu của Julián.

"Đề tôi xem nào... José María Requejo. Số năm mười chín, phố León XIII. Nhưng một năm chúng tôi chỉ gửi thư cho nhau có hai lần qua một hòm thư tại bưu điện chính nằm trên tuyến Layetana."

"Ngài có biết Señor Requejo?"

"Thi thoảng tôi cũng nói chuyện với thư kí của ông ta qua điện thoại. Thực tế là bất kỳ sự vụ nào liên quan đến ông ta đều được giải quyết qua thư, và thư kí của tôi lo chuyện đó. Nhưng hôm nay cô ấy đang ở tiệm làm tóc. Cảnh luật sư giờ chẳng còn thời gian cho những cuộc đàm phán đối mặt nữa rồi. Chẳng còn người đàn ông lịch lãm nào trong cái

ngành ấy nữa.”

Mà dường như cũng chẳng có địa chỉ đáng tin cậy nào còn lại nữa. Nhìn thoáng qua vào tờ chỉ dẫn địa điểm trên bàn của ông quản lý cũng đủ chứng thực điều tôi đang ngờ vực địa chỉ của cái tay có vẻ là luật sư kia, Señor Requejo, không hề tồn tại. Tôi nói điều này cho ngài Molins, ông đón nhận cái tin ấy như thể đó là một trò đùa.

“Trời, tôi ngỡ ngàng quá!” ông ta cười. “Tôi nói gì đây? Đúng là lừa đảo.”

Người quản lý duỗi lưng dựa vào ghế và lại khịt ra những tiếng khò khì nghe như ngáy.

“Liệu ngài có biết địa chỉ của hòm thư đó không?”

“Theo như trên thẻ ghi địa chỉ thì nó là số 2837, nhưng thực tình tôi không đọc nổi các con số của cô thư ký đâu. Mà tôi chắc rằng cậu cũng hiểu đấy, phụ nữ đâu có giỏi tính toán. Điều mà họ giỏi là...”

“Liệu tôi có thể xem tấm thẻ?”

“Được thôi. Xin cứ tự nhiên.”

Ông ta đưa cho tôi tấm thẻ địa chỉ, tôi liền nhìn vào. Những con số trên đó khá ngay ngắn và rõ ràng. Số hiệu hòm thư là 2321. Tôi thấy rợn người khi nghĩ đến những con số thanh toán ắt đã bay

biến vào trong hòm thư ấy.

“Ngài có thường xuyên dao du với Señor Fortuny lúc ông ấy còn sinh thời không?” tôi hỏi.

“Cũng tạm tạm. Ông ấy thuộc loại khá khổ hạnh. Tôi nhớ là khi biết được bà vợ người Pháp đã bỏ rơi ông ấy, tôi có rủ ông ấy đi kiếm mấy ả bán hoa cùng vài tay bằng hữu, gần thôi, tại một trung tâm rất oách tôi được biết nằm kế bên vũ trường La Paloma. Chỉ là muốn ông ấy vui lên thôi mà. Chỉ có thế. Và cậu biết không? Ông ấy chẳng thèm nói chuyện với tôi, thậm chí chào qua lại trên phố cũng không, như thể tôi là vô hình ấy. Cậu coi đó là như thế nào?”

“Khá ngạc nhiên. Vậy ngài còn có thể cho tôi biết thêm điều gì khác về gia đình Fortuny? Ngài có còn nhớ kha khá về họ không?”

“Thời ấy khác bây giờ,” ông ta lầm rầm vẻ lưu luyến. “Thực tế thì tôi chỉ biết ông cụ Fortuny, người sáng lập ra cái tiệm mũ ấy. Còn về cậu con trai, chẳng có nhiều để nói. À, bà vợ, bà ấy quả là rất đẹp. Phụ nữ phải thế chứ. Lại cũng đoan trang nữa. Bất chấp tất cả mọi lời đồn thổi và chuyện ngồi lê đôi mách...”

“Kiểu như tin đồn rằng chú Julián thực ra không phải con trai của ông Fortuny?”

“Cậu nghe điều đó từ đâu?”

“Thì tôi đã nói rồi, tôi cũng là họ hàng với họ mà. Chẳng điều gì giữ kín mãi được.”

“Không lời đồn nào trong đó từng được minh chứng.”

“Nhưng người ta đã rỉ tai nhau như thế,” tôi nói bằng giọng khích lệ.

“Người đời nói quá nhiều. Loài người chẳng phải có gốc gác từ lũ khỉ đâu. Mà là từ bọn vẹt.”

“Vậy người ta đã nói gì?”

“Cậu có thích uống chút rượu rum không? Nó là rượu Cuba, như tất cả”

những điều tốt đẹp đủ giết được ta.”

“Không cảm ơn, nhưng tôi sẽ tiếp chuyện ngài. Trong lúc đó, ngài có thể nói cho tôi biết...”

Antoni Fortuny, được mọi người quen gọi là người bán mũ, gặp Sophie Carax vào năm 1889 trên bậc tam cấp nhà thờ Barcelona. Anh ta đang trên đường trở về sau khi thực hiện một lời thề với Thánh Eustace - trong tất cả các thánh, Thánh Eustace được coi là vị cần mẫn và ít kiêu cách nhất trong việc ban phát phép màu liên quan đến chuyện tình yêu. Antoni Fortuny, đã qua tuổi ba mươi và là một chàng độc

thân kinh niên, đang tìm một cô vợ, anh ta muốn lấy Sophie ngay lập tức. Sophie là một phụ nữ người Pháp hiện sống tại khu nhà trọ dành riêng cho thiếu nữ trên phố Riera Alta, cô nhận làm gia sư nhạc và dạy đàn piano cho con cái một trong những gia đình danh giá nhất Barcelona. Cô chẳng có gia đình hay tài sản để dựa vào, chỉ có tuổi trẻ và nền tảng giáo dục âm nhạc cô được nhận từ cha - vốn là nghệ sĩ piano tại một nhà hát ở Nimes - trước khi ông qua đời vì bệnh lao năm 1886. Antoni Fortuny, mặt khác, lại là người đàn ông đang trên con đường tiến đến thịnh vượng. Anh ta vừa mới thừa kế cơ sở kinh doanh của cha mình, một tiệm mũ

khá có tiếng tăm nằm trên Đại Lộ San Antonio, nơi Antoni học được nghiệp kinh doanh và mơ ước rồi một ngày kia sẽ chỉ dạy cho chính con trai mình. Antoni thấy Sophie Carax mỏng manh, xinh đẹp, trẻ trung, dễ bảo, và có vẻ dễ dàng làm mẹ. Vậy là Thánh Eustace đã gia ơn. Sau bốn tháng trời Antoni kiên trì theo đuổi, Sophie đã chấp nhận lời cầu hôn của anh. Señor Molins, người vốn luôn là bạn của ông cụ Fortuny, đã cảnh báo Antoni rằng anh ta đang kết hôn với một người xa lạ. Ông nói rằng tuy Sophie có vẻ là một cô gái ngoan hiền, nhưng cuộc hôn nhân này có vẻ quá thuận lợi cho cô ta, và rằng Antoni nên chờ ít nhất một năm... Antoni

Fortuny đáp rằng anh ta đã biết hết mọi điều cần biết về vợ chưa cưới của mình. Những điều khác còn lại, anh ta không thấy đáng quan tâm. Hai người cử hành hôn lễ tại Thánh đường Pino và dự định dành ba ngày trăng mật tại con suối khoáng thuộc khu nghỉ dưỡng ven biển Mongat gần đó. Vào buổi sáng trước khi họ lên đường, người bán mũ đã hỏi Señor Molins, một cách lén lút, để được chỉ dẫn về những bí mật chuyện phòng the. Molins châm chọc bảo anh ta đi mà hỏi vợ ấy. Đôi uyên ương quay trở lại Barcelona chỉ sau hai ngày. Hàng xóm láng giềng kể rằng Sophie đã khóc rầm rức lúc về tới khu chung cư. Nhiều năm sau Viçenteta thề

rằng đã nghe Sophie kể lại như sau: rằng người bán mũ chẳng thèm đụng đến một ngón tay lên người cô và khi cô cố quyến rũ chồng, anh ta chỉ cô là đồ điếm và nói mình thấy ghê tởm trước sự tục tĩu của cái thứ cô ta đang mời gọi. Sáu tháng sau, Sophie thông báo với chồng rằng cô đang có mang. Con của một người đàn ông khác.

Antoni Fortuny đã từng chứng kiến cha mình đánh mẹ vô số lần không đếm xuể nên cũng thực hiện cái hành động anh ta cho rằng nên làm. Anh ta chỉ dừng lại khi sợ rằng chỉ bồi thêm một cú nữa thôi là giết chết vợ. Bất chấp những trận đòn, Sophie nhất quyết không khai ra danh tính cha của

đưa trẻ. Dùng lý luận của mình để xem xét vấn đề, Antoni Fortuny quyết định rằng đó hẳn là ác quỷ, bởi đứa con đó là tội lỗi, mà tội lỗi thì chỉ có một người cha ác quỷ mà thôi: quỷ Satan. Đoán chắc theo suy nghĩ rằng ác quỷ đã lén vào nhà và chui vào giữa hai đùi vợ mình, người bán mũ bắt đầu treo thánh giá khắp mọi nơi: trên các bức tường, trên tất cả các cánh cửa trong mọi căn phòng, cả trên trần nhà. Khi Sophie phát hiện chồng mình rải thánh giá khắp nơi trong phòng ngủ nơi cô đang bị giam hãm, Sophie dần phát hoảng, và, nước mắt ròn ròn, hỏi chồng liệu có phải anh ta đã nổi điên. Mù quáng vì điên giận, Antoni liền

quay ra đánh đập vợ. "Một con điếm cũng như bao con điếm khác," anh ta chửi rủa khi ném vợ mình ra chỗ chiếu nghỉ, sau khi quất thắt lưng chán chê lên người cô. Ngày tiếp theo, khi Antoni Fortuny mở cửa căn hộ của mình để đi xuống tiệm mũ, Sophie vẫn nằm vật ở đó, máu khô bết đầy mình và run lập cập vì lạnh. Các bác sĩ không thể hoàn toàn cải thiện được những vết nứt trên tay phải cô. Sophie Carax không bao giờ còn có thể chơi piano được nữa, nhưng cô vẫn sinh ra được một bé trai mà sau này cô đặt tên Julián theo tên người cha cô đã mất của khi còn quá nhỏ - cũng như tất cả những gì tốt đẹp trong cuộc đời cô. Fortuny đã cân

nhắc việc quở vợ ra khỏi nhà nhưng lại sợ tiếng xấu lan truyền sẽ không tốt cho công việc kinh doanh. Sẽ chẳng ai mua mũ từ một gã đàn ông bị vợ cấm sừng - hai thứ đó không thể đi được với nhau. Kể từ ngày đó, Sophie bị tống vào một căn phòng tăm tối, lạnh lẽo tận cuối cùng căn hộ. Chính tại đó cô đã sinh con nhờ sự trợ giúp của hai người láng giềng. Mãi ba ngày sau đó Antoni mới quay về nhà. “Đứa con trai này là do Chúa đã ban cho anh,” Sophie lên tiếng. “Nếu anh muốn trừng phạt bất cứ ai, hãy giáng xuống tôi đây, xin đừng làm hại sinh linh vô tội này. Thằng bé cần một ngôi nhà và một người cha. Tội ác của tôi không phải là của thằng bé.

Tôi van cầu anh hãy thương hại lấy mẹ con tôi.”

Những tháng đầu tiên thực vô cùng vất vả cho hai người. Antoni Fortuny đã giáng cấp vợ mình xuống tới mức người hầu. Họ hầu như không bao giờ chung giường hay bàn và rất hiếm khi trao đổi ngôn từ trừ khi giải quyết một số vấn đề nội trợ. Mỗi tháng một lần, thường là trùng với ngày trăng rằm, Antoni Fortuny thường xuất hiện tại cửa phòng Sophie lúc rạng đông và, chẳng nói một lời, đâm sầm vào vợ cũ của mình với sự hung hăng nhưng chẳng chút kỹ năng. Hòng tận dụng hết mức những giây phút thân mật hiếm hoi nhưng thô bạo này, Sophie nỗ lực

chiếm lấy trái tim chồng bằng cách thì thầm những lời lẽ yêu thương và cố vuốt ve anh ta. Nhưng người bán mũ vốn chẳng phải loại người ưa những gì phù phiếm, nên sự háo hức ham muốn cũng bốc hơi nhanh chóng chỉ sau vài phút, thậm chí vài giây. Những cuộc chiếm đoạt ấy không đem lại đũa trẻ nào. Sau vài năm, Antoni Fortuny thôi hẳn, không bao giờ còn đến phòng ngủ của Sophie nữa và bắt đầu có thói quen đọc kinh Phúc âm cho đến tận gần sáng, tìm trong đó chút khuây khỏa cho những dằn vò trong tâm hồn.

Với sự giúp đỡ của kinh Phúc âm, người bán mũ nỗ lực nhen nhóm trong mình chút trắc ẩn với đũa trẻ có đôi

mắt sâu thẳm vốn thích gây trò cười về đủ mọi thứ và sáng chế ra những bóng hình tại nơi hoàn toàn chẳng có bóng nào. Nhưng bất chấp mọi nỗ lực, Antoni Fortuny vẫn không sao cảm thấy cậu bé Julián là máu thịt của mình, cũng chẳng thể nhận ra chút dáng dấp nào của mình trong thằng bé. Julián, về phần mình, cũng chẳng hề tỏ ra hứng thú với mũ mào hay trong việc học giáo lý. Trong suốt kỳ Giáng sinh cậu thường giải khuây bằng cách thay đổi vị trí những hình hài nhỏ xinh trong khung cảnh Thánh Đàn^[1] và sáng tạo lại kịch bản trong đó Cậu bé Giê-su bị ba tên đạo sĩ từ phương Đông đến bắt cóc với những ý đồ hiểm ác. Cậu mau

chóng mê công việc vẽ tranh thiên thần mang rằng sói và sáng tác những câu chuyện về lũ linh hồn đội mũ trùm đầu bông đầu nhảy ra từ các bức tường và ăn sạch ý tưởng của mọi người nhân lúc họ say ngủ. Theo thời gian người bán mũ đánh mất hết hy vọng trong việc dạy dỗ uốn nắn thằng bé theo chính đạo. Thằng bé chưa bao giờ là một đứa nhà Fortuny và sẽ không bao giờ. Julián kiên định rằng cậu chán ngấy trường học và về nhà với những cuốn vở đầy chật hình vẽ các loại sinh linh quái đản, những con rắn to có cánh, những tòa kiến trúc như những sinh vật sống, có thể đi lại và nuốt chửng những người đang không chút

nghe ngò. Khi ấy đã quá rõ ràng rằng những gì huyền ảo và sáng tạo là thứ hấp dẫn cậu bé hơn nhiều so với thực tại xung quanh. Trong tất cả những thất vọng dồn chất suốt cuộc đời mình, không gì làm thương tổn Antoni Fortuny hơn đứa con trai mà quý dữ đã gửi đến hòng nhạo cợt anh ta.

[1. Cảnh Chúa Giê-su ra đời tại máng cỏ.]

Ở tuổi lên mười, Julián tuyên bố cậu muốn trở thành một họa sĩ, giống như Velázquez^[2]. Cậu mơ ước được dán thân vào những bức vẽ mà bậc thầy hội họa kia không thể thực hiện lúc sinh thời bởi vì, Julián chỉ ra, ngài ấy đã

phải nhận vễ quá nhiều bức chân dung
mất thời giờ cho những thành viên
hoàng gia vốn chậm phát triển trí não.
Càng khiến cho vấn đề trầm trọng hơn,
Sophie, có lẽ vì muốn làm dịu nỗi cô
đơn và nhung nhớ về cha mình, đã
quyết định dạy con trai chơi piano.
Julián, đứa trẻ vốn yêu âm nhạc, nghệ
thuật và tất thấy những thứ gì không
được coi là thực tế trong thế giới con
người, mau chóng lĩnh hội được những
nguyên lý cơ bản của hòa âm và kết
luận rằng cậu thích tự sáng tác những
bản nhạc riêng của bản thân hơn là bắt
chước theo sách nhạc. Khoảng thời
gian đó Antoni Fortuny vẫn nghi ngờ
rằng cái phần thiếu hụt trong nhận

thức của thằng bé là do tác động của chế độ ăn uống, vốn bị ảnh hưởng nặng nề bởi khiếu nấu ăn Pháp của mẹ nó. Thời đó phổ biến một kiến thức rằng năng lượng thừa mứa trong thực phẩm làm từ bơ là nguyên nhân dẫn đến băng hoại đạo đức và thiếu hụt trí thông minh. Thế là Antoni cảm Sophie không bao giờ được nấu ăn với bơ nữa. Nhưng kết quả hoàn toàn không như Antoni đã đoán chờ.

[2. Diego Rodriguez de Silva y Velázquez (6/6/1599-6/8/1660): họa sĩ người Tây Ban Nha, là họa sĩ đứng đầu tại triều đình của Vua Felipe IV.]

Năm lên mười hai Julián bắt đầu

mất niềm hứng thú sôi nổi đối với hội họa và Velázquez, nhưng niềm hy vọng nhen nhóm trong tim người bán mũ chẳng tồn tại được bao lâu. Julián bỏ mặc giấc mơ cọ vẽ là vì một thói tật còn nguy hại hơn nhiều. Cậu khám phá ra thư viện trên phố Carmen, thế là bất cứ khoảng thời gian nào được phép rời tiệm mũ cậu dành hết cả cho việc thăm viếng thánh địa của sách và ngẫu nhiên hàng tập hàng tập tiểu thuyết, thơ ca và lịch sử. Trước ngày bước sang tuổi mười ba, cậu tuyên bố mình muốn trở thành như ai đó tên là Robert Louis Stevenson, hiển nhiên là một gã nước ngoài. Người bán mũ nhận định rằng may ra thì thằng bé sẽ trở thành

một gã thợ mỏ. Vào thời điểm ấy anh tin chắc con trai mình chỉ là một đũa ngó ngán.

Hằng đêm Antoni Fortuny thường quần quai trên giường vì tức giận và bức xúc, không ngủ được lấy một chút nào. Trong sâu thẳm trái tim, Antoni yêu đũa trẻ ấy, anh ta tự nhủ mình như thế. Và mặc dù thị kia không đáng chút nào, Antoni cũng yêu cái kẻ dâm dăng đã phản bội anh ta ngay từ ngày đầu tiên. Anh ta yêu thị với tất cả tâm hồn, nhưng theo cách của mình, vốn là cách đúng đắn. Tất cả những gì Antoni cầu xin ở Chúa là hãy cho anh ta thấy rằng ba người bọn họ có thể có hạnh phúc, tốt nhất là theo cách của anh ta. Antoni

van xin Ngài hãy ban một tín hiệu, một lời thăm thì, một mẫu vụn từ hiện hữu của Ngài. Chúa, với sự hiền minh vô biên, và có lẽ bị choáng ngợp bởi dòng dòng thác lũ những lời khẩn cầu rừ khắp mọi linh hồn khổ đau, đã không hồi đáp. Trong khi Antoni Fortuny đang chìm đắm trong ăn năn và ngờ vực, thì ở phía bên kia tường, Sophie từ từ héo úa, đời cô vốn đã chìm đắm trong một biển tuyệt vọng, cô độc và mặc cảm tội lỗi. Cô không yêu người đàn ông mình đang phục vụ, nhưng cô cảm thấy mình thuộc về anh ta, và cái lựa chọn bỏ chồng, ôm đứa con của anh ta đi tới một nơi khác dường như nằm ngoài tầm ý niệm của cô. Cô cay đắng nhớ về

người cha thực sự của Julián, và rốt cuộc trở nên căm ghét người đó cùng tất thảy những gì người đó đại diện. Trong cơn tuyệt vọng, cô bắt đầu cãi lại Antoni Fortuny. Những lời thóa mạ và tố cáo lạnh sắc phi khắp căn hộ như dao bén, phập thẳng vào bất kỳ ai chen vào đường bay của chúng, thường thì đó là Julián. Về sau người bán mũ chẳng bao giờ nhớ nổi chính xác lý do mình đánh vợ. Anh ta chỉ nhớ được cơn điên giận và sự nhục nhã. Sau đó Antoni thường tự thề rằng chuyện này sẽ không bao giờ lặp lại nữa, rằng nếu cần thiết, anh ta sẵn lòng tự nộp mình cho giới chức trách và nhốt mình lại trong tù.

Antoni Fortuny đã chắc lòng rằng, với sự trợ giúp của Chúa, rồi anh sẽ trở thành một người đàn ông tốt hơn cha mình. Nhưng chẳng sớm thì muộn, những nắm đấm của anh ta lại một lần nữa giáng lên làn da nhạy cảm của Sophie, và với thời gian Fortuny cảm thấy nếu anh ta không thể sở hữu vợ mình như một người chồng, thì anh ta sẽ làm thế như một tên bạo ngược. Theo cung cách đó, một cách thâm lặng, gia đình Fortuny mặc cho những năm tháng trôi đi, khóa kín trái tim và linh hồn mình tới mức mà, vì giữ yên lặng quá nhiều, họ quên đi những từ ngữ giúp biểu lộ cảm xúc thật sự của bản thân và từng thành viên trong gia

đình dân trở thành những kẻ xa lạ chung sống dưới cùng một mái nhà, cũng như vô vàn gia đình khác trong thành phố rộng lớn này.

Khi tôi trở về tiệm sách thì đã quá hai rưỡi chiều. Tôi vừa bước vào, Fermín liền tặng tôi một cái nhìn chăm chọc từ trên đầu thang, nơi anh chàng đang lau bóng một bộ tuyến tập bốn mươi sáu cuốn *Tiểu thuyết Lịch sử* của Don Benito.

“Tôi thấy ai trước mắt thế này? Chúng tôi cứ nghĩ giờ cậu phải lên đường đến Tân Thế giới rồi ấy chứ, Daniel.”

"Tôi bị vướng vài chuyện trên đường đi. Cha tôi đâu rồi?"

"Vì cậu mãi chẳng thấy về, ngài ấy đã đi giao nốt mấy đơn hàng còn lại rồi. Ngài ấy dặn tôi bảo cậu là chiều nay ngài định sẽ tới Tiana để tính giá cho bộ sưu tập tư nhân của một góa phụ. Thân phụ của cậu đúng là cáo đội lột cừu đấy nhá. Ngài ấy bảo không cần đợi ngài ấy về mà cứ đóng cửa tiệm đi."

"Cha tôi có khó chịu không?"

Fermín lắc đầu, đoạn leo dần xuống bậc cầu thang với sự lạnh lẽo của loài mèo.

"Không hề. Cha cậu là một vị

thánh. Với cả, ngài ấy rất vui vì thấy cậu đang hẹn hò với một thiếu nữ.”

“Gì cơ?”

Fermín nháy mắt với tôi rồi chép môi.

“Ôi, tay quý nhỏ này, ra trước giờ cậu vẫn giấu tiệt nghề gì đấy! Mà gái thế nào chứ, hả? Đủ hấp dẫn để gây tác đường. Mà lại tăng lớp thế cơ chứ. Nhìn biết ngay nàng ấy toàn theo học trường xịn, dù vậy nàng ấy đúng là có lửa trong mắt... Nếu Bernarda không cướp mất trái tim này, và tôi vẫn chưa kể cho cậu tất cả về cuộc hẹn hò của chúng tôi thì phải - có đây tia lửa tóe ra từ đôi mắt ấy, tôi bảo với cậu nhé, tia lửa ấy, giống như

lửa hiên hoan trong Lễ Hội Đêm Hè ấy...”

“Fermín,” tôi chen lời. “Anh đang nói cái gì vậy?”

“Thì về vị hôn thê của cậu.”

“Tôi làm gì có vị hôn thê nào, Fermín.”

“À, giới trẻ các cậu giờ đây gọi họ là bất cứ thứ gì, bánh đường, hay là...”

“Fermín, anh làm ơn lên lại đây cót trong đầu được không? Anh đang nói về gì vậy?”

Fermín Romeo de Torres nhìn tôi chung hửng.

“Để xem nào. Chiều nay, tầm một tiếng hoặc tiếng rưỡi trước, một cô nàng lộng lẫy đã ghé qua hỏi thăm cậu đây. Cha cậu và tôi, người phục vụ cậu đây lúc ấy đang có mặt, và tôi dám đảm bảo nhé, không có lấy mảy may ngờ vực, rằng cô nàng không phải hồn ma gì sất. Tôi thậm chí còn có thể mô tả mùi thơm từ người cô nàng. Oải hương, nhưng ngọt ngào hơn. Cứ như một chiếc bánh nhân đường nhỏ xinh vừa ra khỏi lò ấy.”

“Thế chiếc bánh nhân đường nhỏ xinh ấy có bảo cô ấy là vị hôn thê của tôi không?”

“Hừm, không nhiều lời như vậy đâu, nhưng đại khái cô nàng cười bẽn

lên, đây là nếu cậu hiểu ý tôi, và nói rằng chiều thứ Sáu này sẽ gặp cậu. Tất cả những gì chúng tôi làm là cộng hai với hai lại thôi.”

“Bea...” tôi lầm rầm.

“VẬY là nàng ta có thực,” Femin thở phào nói.

“Phải, nhưng cô ấy không phải bạn gái tôi.”

“Hừm, nếu vậy, tôi không biết cậu còn chần chờ gì nữa.”

“Cô ấy là em gái của Tomás Aguilar.”

“Bạn cậu, tay sáng chế?”

Tôi gặt đầu.

"Lại càng thêm động lực. Dù có là cháu gái Giáo hoàng, cô nàng quá nóng bỏng. Tôi mà là cậu, tôi đã sẵn sàng rồi."

"Bea có vị hôn phu rồi. Một tay thiếu úy đang thực hiện nghĩa vụ quân sự."

Fermín cúi tiết thở dài. "À, quân đội, cơn tàn hại và chôn nung nấu của những bản năng linh trưởng hạ đẳng nhất. Dù sao cũng hay, vì bằng cách này cậu có thể cấm sừng cho hắn mà chẳng cần phải áy náy gì."

"Anh mê sảng rồi, Fermín. Bea sẽ

kết hôn ngay khi anh chàng kia kết thúc đợt nghĩa vụ quân sự.”

Fermín cười khẩy vào mặt tôi. "Buồn cười là cậu lại nói thế, vì như tôi cảm nhận thì cô nàng không như vậy đâu. Tôi không cho rằng quả bí ngô ấy sẵn sàng chịu chui đầu vào rọ sớm thế đâu."

“Anh thì biết gì nào?”

“Về phụ nữ và những vấn đề trần tục khác, nhiều hơn đáng kể so với cậu đây. Freud đã nói, phụ nữ muốn những gì hoàn toàn ngược lại với điều mà họ nghĩ hoặc nói rằng họ muốn, và nếu cân nhắc đôi chút, ta sẽ thấy cái thói đó cũng chẳng tệ lắm, bởi thậm chí còn nhiều bằng chứng hơn rằng đàn ông chuyên

phản ứng trái ngược, bất tuân theo mệnh lệnh của cơ quan sinh dục và tiêu hóa.”

“Đừng lên lớp tôi nữa, Fermín, tôi thấy được kiểu nói chuyện này đi tới đâu rồi. Nếu anh có gì để nói thì cứ nói luôn đi.”

“Được, vậy, nói tóm lại: không có lấy khúc xương nào của một cô vợ-ngoan-hiền-dễ-bảo trên cơ thể tuyệt trần của nàng ấy đâu.”

“Không có ư, vậy kỹ năng chuyên môn của anh dò được ra cô ấy có loại xương nào trong người thế?”

Fermín sán lại gần hơn, chuyển sang tông giọng cẩn mật. "Loại nòng

nhiệt," anh chàng nói, nhướng đôi lông mày đượm chút sắc thái kỳ bí. "Và cậu có thể đoán chắc tôi nói như vậy với hàm nghĩa ngợi khen."

Như thường lệ, Fermín luôn đúng. Cảm thấy bị thất thế, tôi quyết định rằng tấn công là mấu chốt tuyệt nhất của phòng thủ. "Nói đến chuyện nồng nhiệt, kể cho tôi về Bernarda xem nào. Liệu có hay không một cái hôn rồi đây?"

"Đừng lãng mạ tôi, Daniel. Nhắc lại cho cậu nhớ rằng cậu đang nói chuyện với một tay lão luyện trong nghệ thuật quyến rũ đấy, và cái trò hôn môi ấy chỉ dành cho bọn gà mờ với mấy lão già chân đi dép lê thôi. Những người phụ nữ

thực sự phải được chinh phục từng chút một. Tất cả đều thuộc phạm trù tâm lý học, như một trận thư hùng tuyệt hảo lúc đấu bò khi đấu sĩ một mình đối mặt để tiêu diệt con bò.”

“Nói cách khác, chị ấy phải anh đi.”

“Người phụ nữ có khả năng chối từ Fermín Romeo de Torres này vẫn còn chưa ra đời đâu. Vấn đề là, đàn ông ấy, ở đây phải quay lại với Freud - và xin lỗi về phép ẩn dụ này - đàn ông, họ nóng hực lên như bóng đèn ấy: đỏ rực chỉ trong nháy mắt và lạnh ngắt trở lại trong giây lát. Phụ nữ thì khác - và so sánh này thuần túy khoa học - họ nóng dần lên như

thanh sắt vậy, từ từ, với nhiệt lượng thấp, như một món hầm ngon tuyệt. Nhưng rồi, một khi đã nóng lên, chẳng gì có thể ngăn cô nàng lại. Y chang những lò luyện thép ở đỉnh Vizcaya ấy."

Tôi đánh giá cao cái lý thuyết nhiệt động học của Fermín. "Có phải đó là những gì anh đang làm với Bernarda? Nung nóng một thanh sắt?"

Fermín nháy mắt với tôi. "Người phụ nữ đó là núi lửa gần tới lúc phun trào rồi, với dòng đục tình như nham thạch nóng chảy nhưng trái tim thì lại là của thiên thần," anh chàng nói, liếm môi. "Nếu tôi phải thiết lập một mối liên hệ song song thực sự, nàng ấy gợi nhớ về cô

gái da màu quyền rũ ở Havana, người vô cùng mộ đạo và tôn thờ những vị thánh của mình. Nhưng, vì sâu thẳm trong lòng tôi là một người theo típ truyền thống không thích lợi dụng điểm yếu của nữ giới, nên tôi tự thỏa lòng với một nụ hôn trong sáng lên má. Tôi không việc gì phải vội, cậu hiểu chứ? Thấy những điều tuyệt vời đều phải đợi chờ. Ngoài kia có những kẻ quê mùa tưởng rằng nếu chạm được vào mông một phụ nữ và cô ta không phàn nàn thì tức là hấn câu được cô ta rồi. Bọn gà mờ. Trái tim giới nữ là mê cung những điều tinh tế khó dò, quá thách thức đối với cái đầu thô lậu của cánh đàn ông kẻ cướp. Nếu cậu thực sự muốn sở hữu một người phụ nữ, cậu phải

suy nghĩ như nàng, và điều đầu tiên phải làm là giành được tâm hồn nàng. Còn lại thì, cái sự áp ôm ngọt ngào mềm mại cướp đi ý thức và đức hạnh của cậu ấy, nó là phần thưởng kèm theo.”

Tôi vỗ tay và long trọng trước bài diễn thuyết vừa nghe. "Anh đúng là một nhà thơ, Fermín."

“Không, tôi ủng hộ triết gia Ortega và tôi là người thực dụng. Thơ ca toàn nói dối, theo cái lối xấu xa đáng yêu của riêng nó, và điều tôi nói đây còn thực hơn một lát bánh mì với cà chua. Ngài triết gia đã nói đúng điều này: hãy chỉ cho tôi một gã Don Juan rồi tôi sẽ chỉ cho bạn một kẻ thất bại trá hình. Điều tôi

nhắm đến là sự lâu dài, bền vững. Hãy làm chứng rằng tôi sẽ khiến Bernarda trở thành nếu không phải một phụ nữ trung thực, bởi nàng vốn đã như vậy rồi, thì cũng là một phụ nữ hạnh phúc.”

Tôi gật đầu cười. Nhiệt tình của anh chàng quả là đầy sức lây truyền, và cách chọn từ ngữ đã tiến bộ vượt bậc. "Hãy chăm sóc chị ấy, Fermín. Hãy làm thế vì tôi. Bernarda có trái tim vàng, và chị ấy đã phải chịu quá nhiều thất vọng rồi."

“Cậu nghĩ tôi không nhìn ra điều đó sao? Nó được viết cả lên mặt cô ấy, như một con dấu của cộng đồng góa phụ vì chiến tranh. Tin tôi đi: Trong mấy

chuyện này tôi kinh nghiệm đầy mình. Tôi sẽ khiến người phụ nữ này hạnh phúc vô bờ bến dẫu cho đó là điều cuối cùng tôi từng làm trên thế gian này.”

“Tôi có lời đảm bảo của anh rồi đấy chứ?”

Anh chàng dang tay với phong thái điềm tĩnh của một hiệp sĩ dòng Đền. Tôi nắm lấy bàn tay ấy.

“Phải, lời đảm bảo của Fermín Romeo de Torres.”

HÔM ĐÓ SÁCH BÁN RẤT CHẬM, gần như chỉ có vài ba người lòng sách. Thấy tình hình như vậy, tôi gọi

ý Fermín nghĩ cho hết ngày.

“Đi đi, đi kiếm Bernarda rồi đưa chị ấy tới rạp chiếu phim hay đi ngắm hàng trưng bày trên phố Puertaferri, tay trong tay nhé, chị ấy thích như thế lắm.”

Fermín không ngần ngại nhận lời đề nghị của tôi rồi vội vã lao vào phòng trong dựng chải chuốt vẻ ngoài, trong ấy anh chàng để sẵn đồng quần áo để thay và đủ loại nước hoa cũng như kem thoa nhét trong túi nhỏ cá nhân để thường khiến cả Veronica Lake cũng phải ghen tị. Khi xuất hiện, trông Fermín chẳng khác gì siêu sao điện ảnh, có điều phải nhẹ dễ hơn cả ba chục kí. Anh chàng bận

bộ com lê vốn là của cha tôi cùng một cái mũ phớt quá khổ để đến vài cỡ, vẫn đề được anh chàng giải quyết bằng cách nhét mấy cuộn giấy báo trong vành mũ.

“À này, Fermín. Trước khi anh đi... tôi muốn nhờ anh một việc.”

“Đừng nói gì nữa. Cậu cứ ra lệnh. Tôi đã sẵn sàng rồi.”

“Tôi muốn anh giữ điều này là bí mật giữa hai chúng ta, OK? Không một lời với cha tôi.”

Fermín cười rạng rỡ. "A, cậu chàng tinh quái tính làm gì với cô nàng đó, phải không?"

"Không. Chỉ là vấn đề đáng tò mò

thôi. Chuyên môn của anh đây.”

“Hừm, tôi cũng biết nhiều về các cô gái. Tôi bảo cậu thế là bởi nếu có bất cứ thắc mắc về kỹ thuật thì cậu biết hỏi ai rồi đấy. Đảm bảo riêng tư. Gặp những vấn đề như thế thì tôi chẳng kém gì bác sĩ cả. Không cần phải cả thẹn”

“Tôi sẽ nhớ điều đó. Giờ điều tôi muốn biết ai là người sở hữu hòm thư trước bưu điện chính trên Đại lộ Via Layetana. Số hiệu 2321. Và, nếu có thể, ai ra đó thu nhập thư từ hằng ngày. Anh nghĩ xem có giúp được tôi một tay không?”

Fermín dùng bút bi viết lại số hiệu lên lòng bàn chân mình, dưới lớp tất.

"Dễ ợt. Tất cả các cơ quan chính quyền đều không cưỡng lại nổi tôi đâu. Cho tôi vài ngày rồi tôi sẽ cung cấp thông báo đầy đủ cho cậu."

"Đồng ý là không nói gì với cha tôi chứ"

"Đừng lo. Tôi sẽ im lặng như tượng Nhân sư."

"Tôi thực cảm tạ. Giờ thì đi đi, mau lên, hãy có những giây phút đẹp đẽ nhé."

Tôi nói lời tạm biệt với lối chào quân đội và nhìn anh chàng ra đi hớn hờ như một chú trống đang trên đường đến chuồng gà mái.

Fermín vừa mới đi được hơn năm phút thì tôi nghe tiếng chuông leng keng ở cửa ra vào bèn ngẩng đầu lên khỏi những cột số và dấu má. Một người đàn ông vừa bước vào, giấu mình đằng sau chiếc áo mưa xám và mũ phớt. Gã ta có bộ râu con kiến và đôi mắt xanh vô cảm. Gã ta cười như một tay bán hàng lưu động, một nụ cười gượng gạo. Tôi thấy tiếc vì Fermín không ở đây lúc này, bởi anh chàng là chuyên gia trong việc đuổi khéo những tay hàng rong bán long nảo kèm những thứ rác rưởi khác mỗi khi bọn họ luôn được vào cửa tiệm, Vị khách vừa vào nở nụ cười ngọt xót với tôi, hờ hững cầm một cuốn sách từ chõng xếp cạnh cửa ra vào đang chờ được sắp xếp

và định giá. Mọi thứ ở gã đều truyền đạt thái độ khinh khỉnh với thầy những điều gã thấy. Ông thậm chí không định bán cho tôi một "buổi chiều tốt lành", tôi nghĩ.

“Nhiều chữ quá ha?” gã nói.

“Đó là sách mà; chúng thường có kha khá chữ bên trong. Tôi có thể làm gì cho ngài không?”

Gã đàn ông đặt cuốn sách trở lại chồng, lãnh đạm gật đầu và làm ngơ câu hỏi của tôi. "Ta nói việc đọc là dành cho mấy kẻ dư quá nhiều thời gian và chẳng có gì làm. Như đàn bà ấy. Những người như chúng ta phải làm việc, thì giờ đâu cho mấy trò kiểu cách. Chúng ta quá bận rộn mưu sinh rồi. Cậu có đồng ý không?"

“Đó chỉ là một quan điểm. Ngài có phải đang tìm kiếm thứ gì đó cụ thể chẳng?”

“Đó không phải một quan điểm. Đó là sự thật. Đó chính là vấn đề với cái đất nước này: người ta không muốn làm việc. Có quá nhiều kẻ lang thang vô công rồi nghề khắp nơi. Cậu có đồng ý không?”

“Tôi chịu thôi, thưa ngài. Có lẽ. Ở đây, ngài thấy đó, chúng tôi chỉ bán sách.”

Gã đàn ông tiến về phía quầy tính tiền, mắt đảo quanh khắp tiệm, đôi lúc dừng lại nhìn tôi. Về ngoài và phong thái

của gã dường như mơ hồ quen thuộc, dù tôi không thể nói tại sao. Điều gì đó ở gã gợi tôi nhớ đến những nhân vật vẽ trong các bộ bài kiêu xưa hay đại loại gì đó hay được cánh bói toán sử dụng, một bản in lầy thảng ra từ những trang trong một cuốn sách cổ trước thế kỉ 15^[3]: sự tồn tại của gã vừa buồn thảm vừa nhức nhối, như một lời nguyên khoác bộ cánh đẹp nhất ngày Chủ nhật.

[3. Nguyên gốc: Incunabulum (hoặc Incunable), một loại sách cổ được in - chứ không phải viết tay - trước năm 1501 tại Châu Âu.]

“Nếu ngài nói cho tôi biết tôi có thể làm gì cho ngài.”

“Thực ra thì ta là kẻ được cử đến để phục vụ cậu. Cậu có phải chủ sở hữu cơ ngơi này?”

“Không. Ông chủ là cha tôi.”

“Và tên ngài là?”

“Tên tôi hay tên cha tôi?”

Gã đàn ông lộ ra một nụ cười nhạt. Một tiếng khúc khích, tôi nghĩ.

“Vậy ta hiểu rằng dòng chữ trên biển đề *Sempere và con* trai dùng cho cả hai cha con nhà cậu nhỉ?”

“Ngài thực khéo chú ý. Liệu tôi có thể hỏi lý do chuyến viếng thăm này, nếu ngài không hứng thú với sách?”

"Lý do cho sự viếng thăm của ta, coi như lễ chào xã giao đi nếu cậu thích, là để cảnh báo cậu. Ta đề ý rằng việc làm ăn của nhà cậu có dính đến những nhân cách chẳng ra gì, đặc biệt là loại đồng tính và dây dưa với tội ác."

Tôi ngỡ ngàng nhìn gã. "Xin lỗi?"

Gã đàn ông đóng cái nhìn lên tôi qua đôi mắt. "Ta đang nhắc đến bọn đồng tính và trộm cắp. Đừng có nói rằng cậu không biết ta đang nói về đề gì."

"Tôi e mình chẳng có lấy chút ý niệm nhỏ nhất nào, cũng như tôi chẳng may mắn hứng thú nghe ngài nói lâu hơn nữa."

Gã đàn ông gật đầu với vẻ đầy thù địch và hung hãn. "Nếu vậy cậu phải chịu đựng ta thôi. Ta đồ chừng cậu biết về những hoạt động của gã công dân Federico Faviá."

"Don Federico là thợ đồng hồ tại khu này, một người xuất chúng. Tôi vô cùng ngờ rằng ông ấy sao có thể là tội phạm."

"Ta đang nói về bọn đồng tính. Ta có chứng cứ chỉ ra rằng lão biến thái đó thường ghé qua tiệm này, đoán chừng là để mua mấy cuốn tiểu thuyết lãng mạn vợ vãn và văn hóa phẩm khiêu dâm."

"Liệu tôi có thể hỏi sự vụ của ngài

ở đây là gì?”

Gã đáp lời bằng cách rút ví đặt lên quầy thanh toán. Tôi nhận ra tấm thẻ cảnh sát cáu bần với hình gã bên trên, trông trẻ hơn đôi chút. Tôi đọc tới chỗ dòng chữ in “Thanh tra Trưởng Francisco Javier Fumero”.

“Hãy nói chuyện lễ phép với ta, nhóc ạ, không thì cả cậu và cha cậu đều gặp rắc rối vì bán mấy thứ rác rưởi đây. Nghe rồi chứ?”

Tôi muốn đáp lại, nhưng từ ngữ cứ đông cứng lại trên môi.

“Dù sao lão đồng tính không phải kẻ khiến ta đến đây ngày hôm nay. Sớm

muộn lão ấy cũng sẽ phải vào đồn cảnh sát, như hết thầy cánh đồng loại với lão, và ta đảm bảo sẽ cho lão nhận được một bài học. Điều khiến ta lo lắng là, theo như nguồn tin của ta, nhà cậu đang thuê một thằng trộm có nhiều tiền án, loại tởm lợm nhất trong tất cả những loại tệ hại."

"Tôi không hiểu ngài đang nói gì, ngài Thanh tra."

Fumero rúc rích cái điệu cười nhe nhóp đê tiện của gã.

"Chúa mới biết giờ thằng đó dùng cái tên gì. Nhiều năm trước nó tự gọi mình là Wilfredo Camagüey, Vua Mambo, nó còn khoe mình là một tay phù phép điêu luyện, giảng viên khiêu vũ cho

người thừa tự của hoàng gia Bourbon và là người tình của Mata Hari^[4]. Những lần khác thì nó lấy tên các vị đại sứ, đủ loại nghệ sĩ hoặc đấu sĩ. Tới giờ bọn ta chẳng thể đếm nổi là bao nhiêu lần rồi.”

[4. Mata Hari là nghệ danh của Margaretha Geertruida (1876-1917), một vũ nữ người Hà Lan. Bà làm điệp viên nhị trùng cho các đế quốc Pháp và Đức trong Thế chiến thứ nhất. Mata Hari bị Pháp xử bắn vì tội gián điệp năm 1917.]

“Tôi e là tôi không thể giúp ngài được đâu. Tôi chẳng biết ai tên là Wilfredo Camagũey cả.”

“Ta đoán chắc là cậu không biết,

nhưng cậu biết ta đang nói đến ai mà, đúng không?”

“Không.”

Fumero cười lần nữa, cái điệu cười gượng ép, giả tạo như tóm gọn hẳn lại trong vài dòng quảng cáo in trên tờ bọc sách. "Cậu thích làm mọi chuyện phức tạp hơn phải không? Này, ta tới đây với tư cách bạn bè, để cảnh báo cậu rằng bất cứ ai dính dáng đến cái kẻ bại hoại nhân cách như thằng đó rồi cuộc đời cậu sẽ bị hủy hoại, thế mà cậu lại cư xử như thể ta là kẻ nói dối."

“Không hề. Tôi cảm kích trước chuyến viếng thăm và lời cảnh cáo của ngài, nhưng tôi dám đảm bảo với ngài

rằng không hề có...”

“Đừng có nói tào lao với tao, bởi tao mà thấy thích, tao sẽ đập mày như tử và nhốt mày trong tù, nghe rõ chưa? Nhưng hôm nay tao đang thoải mái, nên tao chỉ cảnh báo mày thế thôi. Mày cứ tùy ý mà lựa chọn bằng hữu. Nếu mày thích bọn đồng tính với phường trộm cướp, ắt trong mày cũng chứa đôi phần của cả hai cái ngữ ấy. Mọi thứ đều phải rõ ràng một khi tao đã để tâm đến. Hoặc mày theo tao hoặc đối đầu với tao. Đòi là vậy. Đơn giản thế thôi. Thế mày định thế nào?”

Tôi không đáp gì, Fumero gật đầu, rúc rích thêm tiếng cười khác.

“Được lắm, Señor Sempere. Chính mày chọn đấy nhé. Không phải một khởi đầu tốt giữa hai chúng ta. Nếu mày muốn rắc rối, mày sẽ có ngay. Đời đâu phải tiểu thuyết, mày thừa biết. Ở đời mày phải chọn phe. Mà rõ ràng là mày đã quyết phe nào. Phe của bọn trì độn, phe thảm hại.”

“Tôi định bụng mời ngài ra khỏi đây, thưa ngài.”

Gã quay trở lại về phía cửa, theo sau là tiếng cười đầy ẩn ý. "Chúng ta sẽ còn gặp lại. Và bảo bạn mày là Thanh tra Fumero vẫn đang trông chừng nó đấy, gửi tới nó lời hỏi thăm tốt đẹp nhất của tao.”

Cuộc viếng thăm của gã thanh tra và âm vang những lời hấn nói làm tàn hại cả buổi chiều của tôi. Sau mười lăm phút cuống quýt tới lui sau quầy tính tiền, dạ dày tôi như quặn lại thành gút, tôi quyết định đóng cửa tiệm sách sớm hơn thường lệ và ra ngoài đi dạo. Tôi loanh quanh vô chủ đích, không tài nào rũ bỏ khỏi tâm trí những lời ám chỉ và dọa nạt từ tên vô lại hiểm ác kia. Tôi phân vân liệu mình có nên cảnh báo cha và Fermín về cuộc thăm hỏi vừa rồi, nhưng tôi đoán chắc đó hẳn chính là chủ đích của Fumero: hòng gieo ngờ vực, thống khổ, sợ hãi và bất an trong lòng chúng tôi. Tôi quyết định không chơi trò của hấn. Mặt khác, những lời hấn ám chỉ về quá khứ của Fermín

khiến tôi giật mình. Tôi tự thấy xấu hổ khi phát hiện ra rằng, trong chốc lát, tôi đã tin những lời của gã cớm. Rốt cuộc, sau nhiều cân nhắc, tôi quyết định trực xuất hoàn toàn vấn đề khỏi đầu óc.

Trên đường về, tôi đi qua tiệm đồng hồ. Don Federico đang ở sau quầy tính tiền liền chào tôi, ra hiệu bảo tôi vào. Ông thợ đồng hồ là một người nhã nhặn, luôn tươi cười và chẳng bao giờ quên ngày sinh của ai, là kiểu người ta luôn có thể đến cầu cứu với một song đề nhưc óc, thậm biết rằng bác sẽ chỉ ra được lối thoát. Tôi không khỏi rùng mình trước cái ý nghĩ tên bác nằm trong danh sách đen của Thanh Tra Fumero, tự phân vân liệu mình có nên cảnh báo bác về

điều đó, dù tôi không sao mừng tượng được sẽ cảnh báo thế nào sao cho không bị vướng vào những vấn đề vốn chẳng phải chuyện của tôi. Cảm thấy bối rối hơn lúc nào hết, tôi bước vào cửa tiệm và cười với bác.

“Cháu thế nào, Daniel? Cái mặt đó là sao?”

“Một ngày không trôi chảy,” tôi nói. “Mọi việc thế nào, Don Federico?”

“Trơn như lụa. Giờ chẳng ai còn làm đồng hồ tốt như hồi xưa nữa rồi, nên bác có ới việc để làm. Nếu cứ đà này, chắc bác phải thuê một phụ tá. Bạn cháu, nhà sáng chế ấy, có hứng thú không? Chắc cậu ấy phải giỏi mấy chuyện thế

này lắm.”

Chẳng khó khăn gì để tưởng tượng ra phản ứng của cha Tomás khi ông nghĩ về chuyện con trai mình nhận việc tại cơ sở của ông bạn hàng xóm đồng tính chính hiệu. “Cháu sẽ bảo cậu ấy xem.”

“Tiện đây, Daniel, bác có cái đồng hồ báo thức mà cha cháu mang tới độ hai tuần trước. Bác không biết ông ấy đã làm gì với nó, nhưng tốt hơn là nên mua hẳn một cái mới thay vì sửa.”

Tôi nhớ ra rằng thi thoảng, vào những đêm hè bức bối, cha tôi hay ra ngủ ngoài ban công.

“Có lẽ nó bị rơi xuống phố,” tôi

nói.

“Thế là đủ hiểu. Nhắc cha cháu bảo bác xem nên làm gì với nó nhé. Bác có thể kiếm một chiếc hiệu Radiant cho ông ấy với giá phải chăng. Đây, cháu cầm cái đồng hồ này về nếu muốn, và bảo ông ấy thử dùng xem. Ông ấy mà thích thì trả tiền sau cũng được. Nếu không cứ việc đem trả lại.”

“Cảm ơn rất nhiều, Don Federico.”

Người thợ đồng hồ bắt đầu bọc lại cái sản phẩm kỳ dị vừa nhắc đến.

“Kỹ thuật tân tiến nhất đây,” bác nói. “Mà, bác thích cuốn sách mà hôm nọ

Fermín bán cho bác. Nó là của Graham Greene. Cái cậu Fermín đó đúng là một chàng làm công xuất chúng.”

Tôi gật đầu. "Vâng, anh chàng đó đáng giá số vàng nặng gấp đôi trọng lượng của mình.”

“Bác để ý cậu ấy chẳng bao giờ đeo đồng hồ. Bảo cậu ấy đến đây rồi chúng ta sẽ chọn lấy cho cậu ấy một cái.”

“Cháu sẽ bảo. Cảm ơn nhiều, Don Federico.”

Khi đưa tôi chiếc đồng hồ báo thức, người thợ đồng hồ tỉ mỉ quan sát đoạn nhướng mào. "Cháu có chắc không có vấn đề gì không đây, Daniel? Chỉ là

một ngày không tốt thôi sao?”

Tôi gật đầu lần nữa rồi cười. "Chẳng có vấn đề gì đâu, Don Federico. Bảo trọng nhé."

“Cháu cũng vậy, Daniel.”

Khi về nhà, tôi thấy cha đang ngủ gục trên sofa, tờ báo phủ lên ngực. Tôi đặt chiếc đồng hồ lên bàn với một tờ giấy ghi rằng: "Don Federico khuyên nên tống khứ cái cũ đi." Sau đó tôi lẳng lặng về phòng mình. Tôi nằm trên giường trong bóng tối và thiếp ngủ trong lúc nghĩ ngợi về tay thanh tra, Fermín, và ông làm đồng hồ. Khi tôi thức dậy lần nữa thì đã hai giờ sáng. Tôi dòm ra ngoài hành lang thì thấy cha tôi đã rời về phòng ngủ với

chiếc đồng hồ báo thức mới. Căn hộ của chúng tôi giờ ngập những bóng đen, và thế giới dường như thành một nơi u ám cũng như hiem ác hơn so với chỉ một đêm trước đây. Tôi nhận ra rằng, trên thực tế, tôi chưa bao giờ thực sự tin rằng Thanh tra Fumero có tồn tại. Tôi đi vào bếp, rót cho mình một cốc sữa lạnh, và tự hỏi liệu Fermín có đang an toàn vô sự trong căn hộ thuê của anh không.

Trên đường về phòng ngủ, tôi cố xua đuổi hình ảnh tay cớm kia khỏi tâm trí. Tôi cố tiếp tục đi trở lại nhưng nhận ra rằng việc đó không thể. Tôi bật đèn lên và quyết định kiểm tra phong bì gửi tới Julián Carax mà tôi đã thó được từ Doña Aurora sáng nọ, nó vẫn nằm yên trong túi

áo vét. Tôi đặt nó lên bàn, dưới luồng sáng của đèn đọc sách. Đó là một tấm giấy da tạo hình phong bì, với bốn góc răng cưa ngả vàng xỉn, bề mặt chạm vào sờn nhám như đất sét. Dấu bưu điện, chỉ là một vệt mờ, in “ngày 18 tháng 10 năm 1919”. Phần dấu sáp phong kín đã bong mất, rất có khả năng nhờ sự can thiệp của bên thứ ba là Doña Aurora. Tại chỗ trước kia là dấu sáp chỉ còn một vệt đỏ bầm, như dấu son môi từng hôn lên nếp gấp phong bì tại nơi địa chỉ hồi đáp được điền lên.

Penélope Aldaya

số 32 Đại lộ Tibidabo, Barcelona

Tôi mở phong bì và rút lá thư ra,

một tờ giấy màu đất sơn được gấp đôi gọn gàng. Nét chữ, với màu mực xanh dương run rẩy lướt trên mặt giấy, chậm chậm lọt dần đi cho đến khi phục hồi được nét mãnh liệt sau mỗi vài từ. Mọi điều trên trang thư đều toát lên thần thái một thời đại khác: những nét bút lệ thuộc vào mực viết, những chữ cào trên lớp giấy dày bởi đầu ngòi bút nhọn, cảm giác sần rập của mặt giấy. Tôi trải lá thư lên trên bàn mà đọc, nín thở.

Julián thương yêu:

Sáng nay em được biết qua Jorge rằng chàng đã rời Barcelona nhằm đeo đuổi những mộng ước của mình. Em luôn sợ rằng những mộng ước đó sẽ

không bao giờ cho phép chàng trở thành của em, hoặc của bất kỳ ai khác. Em muốn được ngắm chàng thêm lần cuối, để có thể nhìn vào đôi mắt chàng và thốt lên những điều em không tài nào biết sao có thể nói được qua thư. Không gì thành được như hai ta đã dự định. Em biết chàng quá rõ, và em biết rằng chàng sẽ chẳng viết cho em đâu, rằng chàng thậm chí cũng chẳng cho em địa chỉ của chàng, rằng chàng sẽ muốn trở thành ai đó khác. Em biết chàng sẽ hận ghét em vì không thể tới đó như em đã hứa. Rằng chàng sẽ nghĩ em đã dối lừa chàng. Rằng em không có đủ dũng cảm.

Em vẫn hình dung chàng biết bao

lần, một mình trên chuyến tàu đó, đoán chắc rằng em đã phản bội chàng. Đã bao lần em cố tìm kiếm chàng qua Miquel, nhưng anh ta bảo chàng chẳng hề muốn dính dáng gì đến em nữa. Họ đã cho chàng những lời dối trá gì vậy, Julián? Họ đã nói gì về em? Sao chàng lại tin bọn họ?

Giờ em biết em đã mất chàng. Em đã mất tất cả. Dầu sao, em không thể mặc chàng ra đi mãi mãi và để chàng lãng quên em mà không báo chàng biết rằng em không hận chàng chút nào đâu, và em biết ngay từ đầu, em biết rằng em sẽ mất chàng và em trong mắt chàng sẽ chẳng bao giờ như chàng trong mắt em. Em muốn chàng biết

rằng em yêu chàng từ ngày đầu tiên đó và vẫn yêu chàng, giờ đây càng yêu hơn bao giờ hết, dầu chàng không hề muốn vậy.

Em đang lén viết thư cho chàng, chẳng ai hay biết. Jorge đã thề rằng nếu gặp chàng lần nữa, anh ấy sẽ giết chàng. Em chẳng còn được phép ra khỏi nhà nữa rồi, còn chẳng được phép nhìn ra ngoài cửa sổ. Em không tin rằng rồi về sau họ sẽ tha thứ cho em. Một người em tin tưởng đã hứa sẽ gửi lá thư này cho chàng. Em sẽ không nhắc đến tên người đó để không gây nguy hiểm cho người đó. Em không biết liệu những lời này của em liệu có thể đến tay chàng. Nhưng nếu có, và nếu

chàng quyết định quay trở lại đón em tại nơi đây, em biết chàng sẽ tìm ra cách. Khi viết những dòng này, em hình dung chàng trên chuyến tàu đó, đầy những mơ ước cùng với một tâm hồn tan vỡ bởi sự bội phản, tránh xa khỏi tất cả chúng em và chính bản thân chàng. Có biết bao điều em không thể nói với chàng, Julián. Những điều hai ta chẳng bao giờ biết và tốt hơn là chàng đừng bao giờ nên biết.

Tất cả những gì em mong ước là cho chàng được hạnh phúc, Julián, rằng mọi điều chàng khát khao đạt được đều thành sự thực, và rằng, dù cho rồi sau đây chàng có thể quên em, một ngày nào đó rốt cuộc chàng sẽ hiểu

em yêu chàng như ông nào.

Mãi yêu,

Penélope

Chương 17

NHỮNG LỜI CỦA PENÉLOPE ALDAYA, mà đêm đó tôi đã đọc đi đọc lại tới khi nằm lòng, đã phúi sang bên toàn bộ cái cảm giác đắng gắt mà cuộc viếng thăm của Thanh tra Fumero để lại. Bình minh lên, sau khi dành thâu đêm thức trắng, mãi mê với lá thư và giọng nói cảm nhận được sau những ngôn từ, tôi rời khỏi nhà. Tôi lặng lẽ mặc đồ và để lại cho cha một lời nhắn đặt trên tủ đồ ở hành lang, trong đó nói rằng tôi có vài việc vặt cần phải lo và sẽ về tiệm sách lúc chín rưỡi. Khi tôi bước ra cửa chính, đôi chỗ vũng nước do cơn mưa phùn

đêm qua còn đọng lại trên phố phản chiếu những bóng thẫm xanh mờ của sớm mai. Tôi cài khuy áo vét, đoạn dần bước về phía Quảng trường Catalunya. Những bậc tam cấp từ phía ga tàu điện ngầm dần lên bộc ra một luồng xoáy khí ẩm. Tại phòng bán vé của công ty Đường sắt xứ Catalan, tôi mua một vé hạng ba tới ga Tibidabo. Tôi lên ngồi trong toa tàu chật ních những gã nhân viên văn phòng, các chị hầu gái và cánh công nhân ban ngày tay giữ những miếng sandwich to cỡ cục gạch gói trong giấy báo. Náu mình trong bóng tối dưới những hầm ngầm, tôi tựa đầu lên cửa sổ, trong khi con tàu lướt qua những nơi sâu tận cùng dưới thành phố và hướng về phía chân núi Tibidabo,

ngọn núi trùm bóng lên toàn Barcelona. Khi xuất hiện trở lại giữa những con phố, tôi cứ như thể đang thám hiểm một nơi hoàn toàn xa lạ. Bình minh dần tàn, một dải sáng máu tía sắc gọn như lưỡi kiếm chém qua những đám mây, vậy sắc tím trùm lên mặt tiền những ngôi biệt thự và tòa nhà oai vệ viền hai bên Đại lộ Tibidabo. Một chiếc xe điện màu xanh lười nhác bò ngược lên dốc trong sương mù. Tôi vội càng chạy theo chiếc xe điện và trèo lên vừa kịp qua cái bực chòi ra ở cuối xe, người bán vé ngược lên nhìn tỏ vẻ không vừa ý. Toa xe bằng gỗ gần như hoàn toàn trống khách. Hai ông thầy dòng và một bà để tang có làn da tái mét đang gà gât, nửa tỉnh nửa mê, theo nhịp rung

lắc của toa xe.

“Cháu chỉ đi tới số 32 thôi ạ,” tôi nói với người bán vé, đoạn nhe ra nụ cười thân thiện nhất của mình.

“Cậu có đi tới tận Mũi Hảo Vọng tôi cũng chả quan tâm,” ông ta hờ hững đáp. “Ngay cả các ngài chiến binh của Chúa đây cũng phải trả tiền vé. Vậy tiền ra không thì miễn qua. Riêng việc tôi ứng khẩu thành vần thì miễn phí cho cậu.”

Mang xăng đan và áo choàng vải bố khổ hạnh của dòng thánh Francis, hai ông thầy dòng gật gật, trưng ra hai tấm vé hồng nhằm chứng minh quan điểm của người bán vé.

“VẬY cháu sẽ xuống,” tôi nói. “VÌ cháu chẳng có đủ tiền.”

“Tùy ý cậu. Nhưng hãy đợi tới trạm sau. Tôi không muốn có tai nạn nào xảy ra trong phiên trực của mình đâu.”

Chiếc xe điện leo dốc với tốc độ cuốn bộ của người thường, ôm ấp những bóng hình cây cối, liếc ngang qua các bức tường cũng như vườn tược của những tòa biệt thự nguy nga như lâu đài mà tôi mừng tợng rằng choán đầy nào tợng nào đài phun nước, chuồng ngựa hay nhà nguyện bí mật. Tôi nhìn ra từ một bên cửa hậu của toa xe điện và chú ý thấy tòa Nhà Nguyện Trắng hiện bóng giữa những tán cây. Khi tới gần góc giao

với phố Román Macaya, xe chậm lại tới khi tiến sát ngay cạnh một trạm dừng. Bác tài xé rung chuông và người bán vé ném cho tôi một cái nhìn sắc lạnh. "Đi đi, đồ lỏi ranh. Cậu tới rồi đó, số 32 ở ngay kia kìa."

Tôi xuống xe và nghe tiếng leng keng vẳng lại của chiếc xe điện xanh dương khi nó mất hút vào sương mù. Dinh thự nhà Aldaya nằm tại nơi đối diện của con phố, được bảo vệ bởi một cánh cổng sắt lớn dẹt kín dây thường xuân và lá khô. Cổng định giữa những thanh sắt dọc, hầu như dễ bị bỏ qua, là một cánh cửa nhỏ khóa kín. Phía trên cổng là số 32, bằng thép uốn thành hình những con rắn đen tuyền. Đứng từ đây tôi cố

nhòm vào trong dinh cơ nhưng chỉ loáng thoáng thấy những đường uốn và góc cạnh của một tòa tháp tối om. Một lần gỉ sét chạy dài từ lỗ khóa trên cánh cửa nhỏ. Tôi quỳ xuống cố nhìn sao cho rõ hơn vào sân trong từ vị trí đó. Tất cả những gì tôi thấy được là một mớ cỏ dại và đường nét của thứ gì đó tựa như đài phun nước hoặc hồ nước mà từ đó xuất hiện một bàn tay duỗi ra, chỉ thẳng lên trời. Tôi mất vài giây mới nhận ra đó là một bàn tay bằng đá và ngoài ra còn có cả những tay chân và hình thù khác nữa mà tôi khó lòng nhìn ra nổi cũng bị dằm trong đài phun nước. Xa hơn nữa, phủ kín dưới lớp cỏ rêu, tôi thấy một cái cầu thang đá, vỡ nát và kín đặc gạch vụn

cũng như lá khô. Vinh quang và thịnh vượng của nhà Aldaya đã héo úa từ rất lâu trước đây rồi. Nơi này giờ là nghĩa địa.

Tôi bước ra sau vài bước và rẽ ở góc để nhìn về phía Nam tòa nhà. Từ đây có thể nhìn thấy rõ hơn một trong những tháp của dinh thự này. Ngay khi ấy tôi chú ý thấy bóng dáng một người ở đằng xa trong tầm nhìn của mình, một người đàn ông hốc hác trong chiếc quần yếm xanh đang khua cây chổi lớn dùng để tấn công lá khô rải rác trên vỉa hè. Ông ta nhìn tôi đôi chút ngờ hoặc, tôi đoán rằng ông ta hẳn là người coi nhà cho một trong các nhà hàng xóm quanh đây. Tôi khoe ra điệu cười mà một người đã tốn

hàng giờ sau quây tính tiền có thể khoe ra.

“Chào buổi sáng,” tôi ngân giọng ra vẻ thân mật. “Bác liệu có biết nhà Aldaya đã rời bỏ nơi đây được bao lâu không ạ?”

Ông ta nhìn như thể tôi vừa thắc mắc về giới tính của các thiên thần. Người đàn ông nhỏ thó đưa tay lên cằm, những ngón tay vàng khè bộc lộ rằng ông vốn thích loại thuốc lá không đầu lọc rẻ tiền hiệu Celtas. Tôi thấy tiếc rằng mình không mang theo một bao để tranh thủ lòng tin của ông ta. Tôi lục trong túi áo vét xem có thể tìm ra thứ gì để mời chãng.

“Ít nhất là hai mươi hai lăm năm trước rồi, hãy hy vọng là nó sẽ còn tiếp tục như vậy,” người coi nhà đáp bằng giọng nói tế nhị, cam chịu của những kẻ đã chịu nhiều vùi dập đến độ đành cam phận nô bộc.

“Bác đã ở đây lâu chưa ạ?”

Người đàn ông gật đầu. "Ông đây đã được gia đình nhà Miravell thuê từ năm 1920."

“Liệu bác có biết chút gì về việc đã xảy ra với gia đình nhà Aldaya không ạ?”

“Hừm, cậu biết đấy, hồi thời Cộng hòa họ mất mọi thứ,” ông ta nói. "Cái gã

gây rối đó... Tôi chỉ nghe được chút ít từ nhà Miravell thôi - họ từng là bạn với nhà Aldaya. Hình như tay con cả, Jorge, đã xuất ngoại rồi, tới Argentina. Nghe đâu họ có nhà máy ở đó. Họ giàu lắm. Họ luôn hồi phục được. Cậu liệu có thuốc lá ở đó không vậy?"

“Cháu xin lỗi, nhưng cháu chỉ có kẹo Sugus – người ta đều biết trong thành phần kẹo này chứa nhiều nicotine không kém loại xì gà hiệu Montecristo, và cả vô số vitamin nữa.”

Người coi nhà nhú mày vẻ khó tin, nhưng vẫn chấp nhận. Tôi mời ông ta kẹo chanh Sugus mà Fermín cho tôi để đến cả thập kỷ trước, cái kẹo tôi tìm được

trong túi áo, lẫn trong lẫn vải áo. Tôi hy vọng nó không dậy mùi.

“Ngon đấy,” người coi nhà thốt lên, mút mát chiếc kẹo dẻo.

“Bác đang nhai niềm tự hào của ngành công nghiệp bánh kẹo trên cả nước đấy. Ngài Tổng Tư Lệnh thường nhai cả năm kẹo loại này, như nhai quả hạnh ướp đường ấy. Cho cháu biết đi, liệu bác đã từng nghe về con gái nhà Aldaya, tên cô ấy là Penélope?”

Người coi nhà nghiêng người tựa vào chổi, kiểu cách cứ như bức tượng *Người tư duy* của Rodin.

“Tôi nghĩ là cậu nhầm rồi. Nhà

Aldaya không có con gái. Chỉ toàn con trai thôi.”

“Bác có chắc không ạ? Cháu được biết có một cô gái trẻ tên gọi là Penélope Aldaya từng sống trong tòa nhà này vào khoảng năm 1919. Cô ấy rất có thể là em gái của Jorge.”

“Có thể, nhưng như tôi nói rồi đây, tôi tới đây từ năm 1920.”

“Thế còn dinh cơ này? Hiện giờ ai sở hữu nó ạ?”

“Như tôi biết thì hiện giờ nó vẫn đang được rao bán, dù người ta đang bàn là nên phá nó đi để xây trường học. Trống ra thì đó là điều tốt nhất họ có thể

làm. San bằng nó tới đến tận móng luôn.”

“Sao bác lại nói thế ạ?”

Người coi nhà nhìn tôi với vẻ thận trọng. Khi ông ta cười, tôi để ý thấy có bốn cái răng hàm trên bị mất. "Những kẻ đó, cái nhà Aldaya ấy. Bọn họ mờ ám ghê lắm, đấy là nếu cậu nghe những gì người ta đồn đại.”

“Cháu e là cháu không biết rồi. Người ta nói gì về họ ạ?”

“Cậu biết đấy. Những tiếng ồn và đủ chuyện. Cá nhân tôi thì tôi không tin mấy chuyện đó đâu, đừng hiểu lầm nhé, nhưng họ đồn là có hơn một kẻ từng vãi ra quần ở đó đấy.”

“Bác đừng kể là ngôi nhà bị ma ám chứ,” tôi hỏi, cố nén không cười.

“Cậu cứ cười đi. Nhưng không có lửa sao có khói.”

“Bác đã thấy điều gì sao?”

“Không hẳn, thực ra là không. Nhưng tôi đã nghe thấy.”

“Nghe? Thấy gì ạ?”

“Ừm, một đêm nọ, tám năm trước, khi ta đi cùng cậu chủ Joanel. Chỉ vì ông ấy cứ khăng khăng đòi vậy, cậu biết đấy. Ta chẳng muốn dính dáng gì đến cái nơi đó. Như ta đã nói, ta nghe thấy gì đó là lạ. Kiểu như tiếng nước nở ấy.”

Người coi nhà liền cất giọng thể hiện dị bản của riêng ông về cái âm thanh mà ông vừa nhắc đến. Nghe cứ như người nào đó bị lao phổi đang lúng búng âm ừ những bài dân ca.

“Không chừng là do gió,” tôi gợi ý.

“Rất có thể, nhưng tôi cũng sợ vãi cả hồn ấy. Này, cậu có còn viên kẹo ngọt nào không?”

“Kẹo viem họng thì sao ạ? Chúng sẽ giúp làm dịu giọng bác sau khi ăn kẹo ngọt.”

“Vậy thì đưa đây,” người giữ nhà đồng ý, đưa tay ra sẵn để nhận kẹo.

Tôi đưa ông ta nguyên cả hộp kẹo. Vị cam thảo mạnh dương như khiến ông ta linh hoạt hơn hẳn. Ông ta bắt đầu tuôn ra những câu chuyện lạ thường về tòa dinh thự Aldaya.

“Chuyện này chỉ giữa cậu và tôi thôi nhé. Lần nọ, Joanet, con trai của Señor Miravell, một tay khổng lồ, gấp đôi cậu ấy (anh chàng là tuyển thủ đội bóng ném quốc gia, nói thế chắc là cậu dễ hình dung)... Đại loại là, bằng cách nào đó, vài tay bạn của Joanet nghe được những lời đồn đại về dinh thự nhà Aldaya, thế là bọn họ bèn bắt anh chàng vào đó. Đến lượt anh chàng lại bắt tôi vào theo, yêu cầu tôi phải đi cùng –

khoác lác vênh vang là vậy thế mà rốt cuộc cậu ta không dám tự đi một mình. Lũ trẻ nhà giàu mà, ta trông đợi gì cơ chứ? Anh chàng quyết tâm tới đó vào ban đêm, hòng ra vẻ trước mặt bạn gái mình, thế mà suýt thì tè cả ra quần. Ý tôi là, giờ ban ngày cậu thấy cái tòa dinh thự thế này thôi, ban đêm nó khác hẳn ấy. Dù sao, Joanet nói là anh chàng cũng đã lên tầng hai (tôi từ chối vào đó, đương nhiên rồi – như thế là phạm pháp mà, dẫu cho tòa nhà đó đã bị bỏ hoang ít nhất mười năm đi nữa), và anh ta bảo ở đó có gì đấy. Anh chàng kể là nghe thấy gì đó như thể tiếng người phát ra từ một trong các căn phòng, nhưng khi cố tiến vào thì cánh cửa đóng sập vào mặt anh chàng. Cậu

ngĩ sao về chuyện đó?”

“Cháu nghĩ đó là do gió thổi,” tôi nói.

“Hoặc gì đó khác,” người coi nhà chỉ ra, hạ thấp giọng. “Ngày nọ trên đài có bảo thể này: vũ trụ đầy những bí ẩn. Tưởng tượng xem, họ nghĩ là đã tìm ra được Tấm Vải Liệm Chúa Giê-su, thứ thiệt ấy, ngay tại khu trung tâm của Toledo. Nó đã bị vá lên tấm phong màn chiếu bóng, để tránh khỏi tai mắt bọn Hồi giáo. Dường như bọn họ muốn dùng tấm vải liệm đó để có thể nói rằng Chúa Giê-su là người da đen. Cậu nghĩ gì về chuyện đó?”

“Cháu không nói nổi gì.”

“Chính xác. Bí ẩn luôn tràn ngập. Người ta nên san bằng cái tòa nhà này đi và rải chanh khắp trên nền đất.”

Tôi cảm ơn ông ta đã cung cấp thông tin, đoạn đã dợm bước về phía đại lộ song đúng lúc đó tôi ngược lên và thấy núi Tibidabo thức dậy sau từng làn mây mờ nhẹ bẫng. Bất chợt tôi có cảm giác muốn bắt chuyến tàu có dây kéo ngược lên dốc để thăm công viên giải trí tọa lạc quanh đỉnh núi và lang thang giữa những vòng đu quay cũng như những phòng trưng bày tự động, kỳ dị, nhưng tôi đã hứa sẽ quay về tiệm sách đúng giờ.

Khi quay lại ga tàu, tôi mừng tượng hình ảnh Julián Carax cuộc bộ trên

con đường đó, ngược nhìn mặt tiền các ngôi nhà uy nghiêm trầm mặc vốn hầu như không mấy thay đổi từ hồi ấy, thậm chí như thể vẫn chờ được đáp chuyến xe điện xanh dương đang tiến lên thiên đường. Khi tiến tới chân đại lộ, tôi lấy ra tấm ảnh chụp Penélope Aldaya đang tươi cười nơi sân trong của tòa biệt thự gia đình cô. Đôi mắt cô ánh lên một tâm hồn thuần khiết lời hứa hẹn vào tương lai. “Penélope, người yêu anh.”

Tôi mừng rỡ trông ra Julián Carax ở tầm tuổi mình, nâng niu tấm ảnh trên tay, có thể là dưới cùng một bóng cây đang che phủ cho tôi ngay lúc này. Tôi gần như thấy được Carax đang mỉm cười đầy tự tin, trầm ngâm suy tưởng về một

tương lai rộng mở và rực sáng như đại lộ này, và trong giây lát tôi nghĩ rằng tại đó chẳng có nhiều bóng ma hơn là những bóng ma của sự vắng lặng và mát mát, và nguồn sáng mỉm cười với tôi kia thực ra là vay mượn, hết thấy chỉ là thực chừng nào tôi còn lưu giữ nó trong mắt mình, từng giây từng giây.

Chương 18

VỀ ĐẾN NHÀ, tôi nhận thấy Fermín hay cha tôi đã mở cửa hiệu rồi. Tôi lên nhà một lát để kiểm thứ gì lót dạ. Cha để phần cho tôi một ít bánh mì nướng, mút, và một ấm cá phê đặc trên bàn phòng ăn. Tôi vét sạch và mười phút sau lại đi xuống cửa hàng, như được hồi sinh. Tôi vào cửa hàng qua lối phòng sau cạnh hành lang khu nhà rồi đi thẳng đến tủ của mình. Tôi đeo cái tạp dề xanh thường lệ để quần áo khỏi dính bụi từ các thùng hộp và giá sách. Dưới đáy tủ là nơi tôi cất một hộp bánh cũ, bằng thiếc, một kho giấu đủ thứ linh tinh.

Trong hộp là một lô lôc những đồ vật vô dụng tôi không đành lòng bỏ đi: những chiếc đồng hồ và bút máy bị hỏng không cứu chữa nổi, những đồng xu cũ, những viên đá, những vỏ đạn thời chiến tranh tôi lượm được ở công viên Laberinto, và những tấm bưu thiếp phai nhòe chụp cảnh Barcelona lúc chuyển giao thế kỷ. Nằm vắt vẻo giữa những món đồ linh kinh ấy là mảnh báo cũ mà Isaac Monfort đã ghi địa chỉ người con gái Nuria của ông, vào cái đêm tôi đến Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên để giấu cuốn *Bóng hình của gió*. Tôi xem mẫu báo dưới ánh đèn lò mờ lọt qua những giá sách và chồng hộp chất cao, rồi đậy hộp thiếc lại và cho địa chỉ vào ví. Sau khi

quyết dồn hết tâm trí và chân tay vào công việc bình thường nhất có thể nghĩ ra, tôi bước vào cửa hàng.

“Chúc buổi sáng tốt lành,” tôi cất tiếng

Fermín đang sắp xếp các bưu kiện do một nhà sưu tập ở Salamanca gửi đến, còn cha tôi đang đánh vật để giải mã thư mục tiếng Đức của một cuốn kinh Luther ngụ tác.

“Và có lẽ Chúa sẽ ban cho chúng ta một buổi chiều còn tốt lành hơn,” Fermín hát lên - chắc chắn đang ám chỉ cuộc hẹn của tôi với Bea.

Tôi không cho anh ta niềm hân

hạnh được nhận câu trả lời. Tôi quay sang những công việc thông thường trong tháng, như cập nhật sổ chi thu, kiểm tra biên lai và đơn đặt hàng, xem lệnh thu và lệnh chi. Tiếng đài phát thanh hòa cùng công việc đều đều bình lặng của chúng tôi, thết đãi chúng tôi một hợp tuyển những ca khúc ăn khách của nghệ sĩ nhạc trữ tình Antonio Machín, người khá được ưa chuộng thời ấy. Những điệu nhạc vùng Caribê dường như làm cha tôi bứt rứt khó chịu, nhưng ông cố chịu đựng những giai điệu miền nhiệt đới kia bởi chúng làm Fermín hoài niệm về Cuba thương yêu của anh ta. Cảnh tượng này cứ lặp đi lặp lại mỗi tuần: cha tôi vờ như không nghe thấy, còn Fermín thì thả mình lác lư

theo điệu *danzón*, đến đoạn quảng cáo anh ta lại xen vào những giai thoại về cuộc phiêu lưu của mình ở Havana. Cánh cửa hé mở, một mùi hương ngọt ngào của bánh mì mới ra lò và cà phê tỏa vào khiến tâm trạng chúng tôi phấn chấn. Một lát sau, hàng xóm Merceditas của chúng tôi, vừa đi chợ Boquería về, dừng nơi cửa sổ ngó vào trong.

“Chào ông Sempere,” cô cất tiếng.

Cha tôi đỏ mặt và mỉm cười chào cô. Tôi có cảm tưởng ông quý mến cô Merceditas, nhưng cung cách thầy tu của ông đã ghìm ông vào niềm căm lạng không thể chuyển xoay. Fermín liếc

ngang cô, và vẫn để tâm lắc lư mông đúng nhịp đồng thời liếm mép như thể vừa có một chiếc bánh cuộn Thụy Sĩ vừa lướt qua cửa. Mercedes mở một túi giấy lấy ra cho chúng tôi ba quả táo sáng bóng. Tôi mừng tưng cô vẫn hào hứng với ý nghĩ được làm việc trong hiệu sách và không chút giấu giếm thái độ thù nghịch Fermín, kẻ chiếm chỗ của cô.

“Trông chúng có tuyệt không chứ? Tôi nhìn thấy chúng rồi tự nhủ, đây đúng là thứ giành cho những người nhà Sempere,” cô nói triu mến. “Tôi biết những bậc thức giả như các anh rất thích táo, giống như cái ông Isaac gì mà vạn vật hấp dẫn ấy, anh biết đấy.”

“Isaac Newton, bé yêu ạ,” Fermín chú thích.

Merceditas cúi kính nhìn anh ta. “Xin chào ngài bẻm mép. Anh nên tỏ ra biết ơn vì tôi cũng mang cho anh một quả đây, và không phải nho chua vốn là cái thứ anh đáng được hưởng đâu nhé.”

“Này cô em, từ bàn tay mát lạnh của cô em, món quà này, trái thơm tươi nguyên tội này, làm cháy lên...”

“Này, Fermín,” cha tôi xen vào.

“Vâng, Señor Sempere,” Fermín ngoan ngoan rút lời.

Merceditas sắp sửa tung đòn đáp trả Fermín thì chúng tôi nghe tiếng náo

loạn trên phố. Tất cả chúng tôi lặng yên, nghe ngóng, chờ đợi. Chúng tôi có thể nghe thấy tiếng la hét phần nộ ở ngoài, theo sau tiếng rì rầm trào lên như sóng. Mercedes thậm trọng quay mặt ra ngoài cửa. Một vài người bán hàng đi qua trông có vẻ khó chịu và như đang rửa thầm trong bụng. Không lâu sau, xuất hiện Don Anacleto Olmo – một cư dân ở khu nhà chúng tôi, phát ngôn viên không chính thức của Viện Ngôn ngữ Hoàng Gia ở khu phố. Don Anacleto là giáo viên trung học có bằng cấp về văn chương Tây Ban Nha và một vài môn học khác, ông sống trong căn hộ ở tầng một cùng với bảy chú mèo. Khi không dạy học, ông làm thêm công việc giới

thiệu sách cho một nhà xuất bản danh tiếng, ngoài ra còn có tin đồn ông sáng tác âm thư được xuất bản với bút danh khiêu khích "Humberto Peacock". Tuy với bạn bè Don Anecto là một người khiêm nhường và tốt bụng, song trước công chúng ông cảm thấy có nghĩa vụ phải vào vai một thi sĩ khoa trương, và chất văn chương màu mè trong lời nói khiến ông được mệnh danh là "Điều diệu quý ông".

Sáng hôm đó khuôn mặt người thầy giáo tái nhợt vì đau khổ, hai tay ông đang cầm chiếc ba toong gần như run lên. Cả bốn người chúng tôi nhìn chăm lấy ông.

“Don Anacleto, có chuyện gì

vậy?” cha tôi hỏi.

“Franco chết rồi, làm ơn nói như vậy đi,” Fermín mớm lời.

“Im đi, đồ quỷ sứ,” Mercedes xen ngang. “Hãy để cho ngài đây nói.”

Don Anacleto hít một hơi thật sâu, lấy lại tư thế, và với vẻ đường hoàng thường thấy, liền kể chuyện vừa xảy ra.

“Các bạn thân mến, cuộc đời thật lắm nỗi bi ai, và đến sinh vật đáng trân trọng nhất của Chúa cũng có thể cảm thấy vị đắng cay trong cái thói đờ đẫn và ngoan cố của định mệnh. Tối hôm qua, khi nửa đêm về sáng, khi cả thành phố đương tận hưởng giấc ngủ xứng đáng với

mọi người thuộc giới cần lao, thì Don Federico Flaviái Fujades, người hàng xóm hết mực yêu quý, người đã góp công trạng lớn lao cho sự giàu có và khuây khỏa của cộng đồng trong vai trò thợ sửa đồng hồ, chỉ sống cách đây ba dãy phố, đã bị Cảnh sát Nhà Nước bắt đi.”

Tôi cảm thấy tim mình như rụng xuống.

“Lạy Chúa Giê-su, lạy đức Mẹ Đồng trinh, lạy thánh Joseph!”
Merceditas thốt lên.

Femín thở dài thất vọng, vì như vậy rõ ràng kẻ độc tài vẫn hoàn toàn sống nhăn.

Giờ đã vào guồng, Don Anacleto thở một hơi thật sâu và chuẩn bị nói tiếp.

“Theo lời kể đáng tin cậy từ một nguồn thân cận với Sở Cảnh sát, tối hôm qua, không lâu sau lúc nửa đêm, hai nhân viên ngầm kỳ cựu của đội Điều tra Tội phạm đã bắt gặp Don Federico ăn mặc dâm dật như một ca nữ và hát những bài cợt nhả trên sân khấu tại một xó xỉnh nào đó của phố Escudillers, nơi anh ta bị cáo buộc đang mua vui cho một đám khán giả gồm hầu hết là những kẻ còm cõi về trí não. Những sinh vật hoang đàng này, những kẻ cũng ngay buổi chiều hôm đó đã bỏ trốn khỏi chốn nung nấu là nhà tế bần thuộc một hội thánh, đã trút bỏ quần trong cơn điên cuồng của buổi diễn và

nhảy múa không chút dè dặt, tay vỗ liên hồi, dương cụ phơ cả ra, mồm mép thì nhỏ dãi.”

Merceditas làm dấu thánh, hoảng sợ trước xu hướng dâm ô của sự kiện.

“Khi hay tin chuyện xảy ra, các bà mẹ ngoan đạo của những linh hồn tội nghiệp kia đã chính thức khiếu kiện căn cứ vào sự xúc phạm đến công chúng và sự lăng mạ quy tắc đạo đức cơ bản nhất. Báo chí, cái lũ kèn lèn chuyên sống trên sự bất hạnh và điều ô danh, đã nhanh chóng ngửi thấy mùi xác thối. Chính nhờ sự giúp đỡ xấu xa của một tên chỉ điếm chuyên nghiệp, chưa đầy bốn mươi phút sau khi hai nhân viên cảnh sát xuất hiện

thì Kiko Calabuig đã có mặt ở hiện trường. Calabuig, tay phóng viên tài ba của tờ nhật báo lá cải *El caso*, quyết tâm khám phá bất cứ chi tiết nào cần thiết có thể khai thác được và dùng mọi thủ đoạn đặng chèn bài phóng sự ghê tởm của hắn kịp in số báo hôm nay. Chẳng cần phải nói, cảnh tượng diễn ra trong cái dinh cơ kia được mô tả thật u ám kinh hoàng, với đầu đề in cỡ chữ hai bốn.”

“Chuyện này thật tệ,” cha tôi nói. “Tôi nghĩ Don Federico đã rút ra bài học.”

Don Anacleto gật đầu nghiêm nghị. “Đúng vậy, nhưng đừng có quên câu thành ngữ xưa rằng 'Con báo không thể

thay đổi vết đốm' và 'Con người không thể sống chỉ với điều vô vị...' Và đây vẫn chưa phải điều tệ nhất.”

“Vậy thì, làm ơn, thưa đức ngài, ngài có thể đi thẳng vào cái vấn đề chết giẫm kia được không? Bởi vì những thứ ẩn dụ loăng ngoăng bay bướm của ngài khiến bụng tôi nhộn nhạo sắp sửa phát nôn rồi đây,” Fermín cự nự.

“Đừng để ý đến kẻ cục súc này. Tôi yêu cái cách ông nói. Nó giống như giọng bình trong phim thời sự, tiến sĩ Anacleto ạ,” Merceditas xen vào.

“Cảm ơn cô bé, nhưng ta chỉ là một ông giáo tầm thường. Giờ hãy trở lại điều ta đang nói dở chừng, không chút trì

hoãn, không mào đầu hay vòng vo gì thêm nữa. Có vẻ như lúc bị bắt bác thợ sửa đồng hồ mang bí danh 'Mệnh phụ tóc xoăn' và trước kia đã bị bắt vài lần cũng trong những hoàn cảnh tương tự - điều này vẫn lưu tại hồ sơ tội phạm của cơ quan bảo vệ pháp luật và trị an.”

“Ý ông là cái bọn tội phạm đeo phù hiệu ấy à,” Fermín thốt ra.

“Tôi không bàn chính trị ở đây. Nhưng tôi có thể nói rằng, sau khi lấy một cái chai táng cho Don Federico tội nghiệp văng khỏi sân khấu, hai tên cảnh sát đã dẫn bác ấy về đồn ở Vía Layetana. Nếu có chút may mắn và trong những hoàn cảnh khác, có lẽ mọi việc chỉ kết

thúc với vài câu nói dè bủ, đầu chùng
mấy cái bạt tai và chút sỉ nhục vặt vãnh
khác, nhưng thật là đại nạn, tình cờ ông
thanh tra Fumero danh tiếng lại có mặt
trong ca trực đêm qua.”

“Fumero,” Fermín lí nhí. Chỉ cần
nghe nhắc đến thần báo oán của mình
cũng đủ khiến anh ta run rẩy.

“Còn ai vào đây nữa. Như tôi đã
nói, quán quân của nền an ninh thành thị,
người vừa trở lại sau một cuộc truy quét
thắng lợi vào một ổ cá độ và đua xe bất
hợp pháp trên phố Vigatans, được thông
báo về sự việc từ bà mẹ đang đau đớn
của một trong các cậu bé mất tích, thằng
bé được cho là kẻ chủ mưu đằng sau vụ

chạy trốn này, Pepet Guardiola. Và ông thanh tra danh tiếng người dường như vừa mới nốc mười hai ly đúp rượu mạnh trong bữa ăn, đã quyết định tham dự vụ này. Sau khi kiểm tra những tình tiết tăng nặng thu được, Fumero tiếp tục thông báo cho tay hạ sĩ đang làm nhiệm vụ rằng có rất nhiều kẻ *lại cái* (tôi dẫn lại từ này với nghĩa trần trụi nhất, dấu ở đây có mặt một cô gái trẻ, vì nó có mối liên quan về mặt văn liệu đến sự kiện đang nói đến) cần một bài học, và rằng bác thợ đồng hồ - tức là Don Federico Flaviái Pujades - vì lợi ích của chính bác ấy và lợi ích của linh hồn bất tử của các cậu bé Mongoloid kia, sự hiện diện của chúng ở đây chỉ là ngẫu nhiên nhưng là một yếu tố

quyết định trong vụ án này - phải bị bắt giam một đêm, dưới tầng hầm của sở cảnh sát, cùng với một lũ đầu trộm đuôi cướp. Có lẽ mọi người biết rồi đây, phòng giam này nổi tiếng trong giới tội phạm vì điều kiện vệ sinh tồi tàn và không đảm bảo, và việc cho dân thường vào danh sách ‘khách hàng’ ở đây luôn tạo lý do để ăn mừng, vì như vậy sẽ thêm gia vị và sự mới lạ vào đời sống tẻ nhạt ở nhà tù.”

Đến đây, Don Anacleto tiếp tục phác họa qua loa bức chân dung thân thương của nạn nhân, người dĩ nhiên là tất cả chúng tôi đều biết rõ.

“Tôi không cần phải nhắc các vị

rằng Don Flaviái Pujades được phú cho bản tính mong manh và tinh tế, có mọi đức tính thương người và nhân hậu của người Cơ đốc. Dẫu một con ruồi có bay vào cửa hàng, thì bác ta sẽ không lấy dép đập nát nó đi, mà sẽ mở hết các cửa để cho con ruồi kia, cái sinh linh của Chúa ấy, được bay qua khung cửa mà trở về với thiên nhiên. Tôi biết Don Federico là người nhân hậu, luôn nhiệt tình và chuyên tâm vào hoạt động của giáo khu, nhưng cả đời bác ấy phải sống với một niềm khát khao thầm kín, một trong thời khắc hiếm hoi cái khát khao kia đã chiếm ngự được bác ấy, lại khiến bác ấy xuống đường và ăn mặc như một mù điếm. Tài năng sửa chữa của bác ấy từ chiếc đồng

hồ đến cái máy khâu đã trở thành truyền thuyết, và về mặt cá nhân, không chỉ chúng ta, những người quen biết và thường xuyên đến sửa đồng hồ mới quý mến bác ấy, mà còn cả những người không đồng tình với những cuộc phóng túng ban đêm hiém hoi của bác ấy với bộ tóc giả, cái lược và chiếc váy múa flamenco.”

“Ông nói như thể anh ta chết rồi ấy,” Fermín buồn bã xen vào.

“Ôn Chúa, bác ấy chưa chết.”

Tôi thở phào nhẹ nhõm. Don Federico sống cùng bà mẹ tám mươi tuổi tai điếc đặc, trong khu gọi cụ là “La Pepita,” bà cụ nổi tiếng với cú đánh rắm

vang trời khiến đàn chim sẻ đậu trên ban công hoảng hốt và quay mòng mòng rơi xuống đất.

“Pepita không hề tưởng tượng được rằng con trai Federico của cụ,” ông giáo viên trung học tiếp tục, “đã phải qua đêm trong một phòng giam bản thủ, nơi cả băng đảng ma cô và du đảng đã đối xử với bác ấy như một kẻ đang điếm, chỉ việc đánh đấm bác ấy như tử khi bọn chúng đã chán chê cái thân xác còm cõi của bác ấy, trong khi những tên tù còn lại cứ lái nhái cái điệp khúc, 'thằng lại cái, thằng lại cái, mày ăn cứt đi, thằng già đồng bóng!' ”

Yên lặng chết chóc bao trùm chúng

tôi. Mercedes khóc thỏn thức. Fermín
định an ủi cô bằng vòng tay dịu dàng,
nhưng cô nhảy phóc sang một bên.

Chương 19

“TUỞNG TƯỢNG MÀ XEM,”

Don Anacleto kết luận trong cơn ngán ngảm của mọi người.

Phần kết câu chuyện chẳng dấy lên chút hy vọng nào cho chúng tôi. Giữa buổi sáng, một chiếc xe cảnh sát màu xám đã quăng phịch Don Federico trước cửa nhà bác ấy. Người bác bê bết máu, quần áo nát tươm, bác đã mất hết bộ tóc giả và bộ trang sức đẹp đẽ. Bọn chúng đá vào người bác, mặt bác đầy vết rách và bầm dập. Con trai ông hàng bánh mì đã phát hiện bác nằm co quắp bên bậu

cửa và đang run rẩy khóc như một đứa trẻ.

“Thật bất công, quá bất công, thưa ông,” Merceditas kêu lên, đứng sát cửa, tránh xa đôi bàn tay đang run rẩy của Fermín. “Thật tội nghiệp, bác ấy có trái tim vàng, và bác ấy không bao giờ phiền nhiễu đến ai. Nên dù bác ấy thích ăn mặc như người Digan và hát trước mọi người thì sao? Ai quan tâm chứ? Con người thật độc ác.”

“Không phải độc ác,” Fermín phản đối. “Mà là ngu độn, hai cái đấy không giống nhau đâu. Cái ác hàm ý một quyết định luân lý, có ý định, và đôi chút chủ tâm. Còn kẻ ngu muội hay dần độn là kẻ

không biết dừng lại để suy tính hay lý luận. Hắn hành động theo bản năng, như con vật, tin rằng hắn đang làm điều thiện, rằng hắn luôn đúng, và vênh vang phá hoại bất cứ ai hắn cho là khác với mình, dù về màu da hay tôn giáo, dù về ngôn ngữ hay quốc tịch, hay trong trường hợp Don Federico là cái thói quen lúc nhàn rỗi. Điều thế giới này cần là có nhiều thêm những con người độc ác hết mực và ít đi những kẻ ngu si tội bậc.”

“Đừng nói năng xằng bậy nữa đi. Cái chúng ta cần là lòng khoan dung của người Cơ Đốc và bớt đi sự hằn học. Chúng ta chỉ là một lũ đáng hổ thẹn,” Merceditas cất lời. “Mọi người đều đi lễ mixa, nhưng có ai chịu nghe lời đức

Chúa đầu.”

“Này Mercedes, cô em đừng có nhắc đến việc chuyên tâm đi lễ nhé. Đó chỉ là một phần của vấn đề chứ đâu phải là giải pháp.”

“Lại thêm một kẻ vô thần. Liệu tôi có thể hỏi, giới tu sĩ đã làm gì anh hả?”

“Thôi nào, đừng cãi nhau nữa,” cha tôi can thiệp. “Còn anh, Fermín, anh đến thăm Don Federico xem bác ấy có cần gì không, có cần người lo thuốc men hay chợ búa gì không.”

“Vâng, thưa ngài Sempere. Tôi đi ngay đây. Tranh luận chỉ tổ làm tôi xấu xa thêm, ngài biết đấy.”

“Cái xấu xa của anh là sự trơ trẽn và bất kính mà lúc nào anh cũng mang theo,” Merceditas nói. “Cái ngữ ăn nói báng bổ như nhà anh cần phải dùng axit clohydric để tẩy rửa linh hồn.”

“Này Merceditas, vì tôi biết cô em là người tốt (mặc dù hơi hẹp hòi và dốt nát), và vì nơi đây đang có việc cần kíp, khi ở vào hoàn cảnh như vậy người ta phải biết ưu tiên cho việc gì, nên tôi sẽ trì hoãn cái việc làm rõ cho cô vài điểm...”

“Fermín!” cha tôi kêu lên.

Fermín im miệng và vội lon ton ra khỏi cửa hàng. Merceditas phật lòng nhìn

theo anh ta.

“Nghe lời tôi này, con người đó sẽ sớm gây rắc rối cho anh thôi. Anh ta đúng là kẻ vô chính phủ, một kẻ tam điểm, không thì ít nhất cũng là đồ Do Thái. Cái mũi lớn thế kia mà...”

“Đừng để ý đến anh ta. Anh ta thích lý sự thôi.”

Merceditas lắc đầu, có vẻ bức mình. “Ôi, giờ tôi phải từ biệt thôi. Ai đó trong chúng ta có nhiều việc phải làm, mà thời gian lại không nhiều. Chúc buổi sáng tốt lành.”

Chúng tôi lịch thiệp gật đầu và dõi theo cô đi về, thẳng lưng bước ra ngoài

đường trên đôi giày cao gót. Cha tôi hít vào một hơi thật sâu, như muốn uống lấy sự yên bình vừa khôi phục lại. Don Anacleto chùng người xuống cạnh cha tôi, cuối cùng ông cũng hạ cánh sau chuyến bay vất vả vừa rồi. Khuôn mặt ông nhợt nhạt, vẻ ảm đạm ngập tràn trong mắt. “Đất nước này mệt rồi,” ông nói.

“Thôi nào, Don Anacleto, hãy vui lên. Mọi thứ luôn như thế này, ở đây và ở khắp nơi khác. Vấn đề là có lúc thặng thì cũng có lúc trầm, và khi lúc trầm đến cận kề thì mọi thứ có vẻ đen tối hơn. Rồi bác thấy Don Federico sẽ vượt qua chuyện này thôi. Bác ấy mạnh mẽ hơn chúng ta nghĩ.”

Ông giáo lẩm nhẩm trong miệng. “Nó như đợt sóng triều, anh có hiểu không,” ông nói vẻ bi thảm. “Ý tôi là, sự tàn khốc này. Nó ra đi, rồi anh cảm thấy an toàn, nhưng nó luôn quay lại, nó luôn quay lại... và nó khiến chúng ta nghẹt thở. Tôi chứng kiến hằng ngày ở trường học. Ôi lạy Chúa tôi... Cái lũ vượn, đó là thứ chúng tôi có ở trong lớp học. Darwin đúng là kẻ mộng mơ, tôi dám chắc với anh đấy. Chẳng có tiến hóa hay thứ gì như vậy cả. Bất kỳ ai có lý trí cũng thấy tôi phải đánh vật với chín con đười ươi.”

Chúng tôi chỉ có thể gật đầu ngoan ngoãn. Don Anacleto vẫy tay chào tạm biệt và ra về, đầu ông gục xuống. Trông

ông như già thêm năm tuổi so với lúc bước vào. Cha tôi thở dài. Chúng tôi thoáng nhìn nhau, không biết phải nói sao. Tôi băn khoăn không biết có nên kể cho cha nghe chuyện viếng thăm của Thanh tra Fumero tới hiệu sách không. Đây là một lời cảnh cáo, tôi nghĩ. Một sự báo trước. Fumero đã sử dụng Don Federico như một thông điệp.

“Có chuyện gì thế Daniel? Trông con xanh quá.”

Thôi thở dài, cúi mặt. Tôi bắt đầu kể cho cha nghe biến cố với Thanh tra Fumero chiều hôm trước và lời đe dọa của hắn ta. Cha tôi lắng nghe, cố kiềm chế nổi tức giận đang bùng cháy trong

mắt ông.

“Là lỗi của con,” tôi nói. “Lẽ ra con nên nói gì đó...”

Cha tôi lắc đầu. “Không. Con đâu có biết được, Daniel.”

“Nhưng...”

“Đừng nghĩ đến nó nữa. Và đừng nói gì với Fermín Chúa mới biết anh ta phản ứng ra sao nếu biết được lại bị người kia theo dõi.”

“Nhưng chúng ta phải làm gì đi chứ.”

“Phải đảm bảo rằng anh ta không gặp rắc rối.”

Tôi gặt đầu, không thực sự tin lắm, và bắt đầu tiếp tục công việc Fermín đã làm, còn cha tôi quay lại với đồng thư từ của ông. Thỉnh thoảng cha lại liếc nhìn tôi. Còn tôi thì giả vờ không biết.

“Hôm qua đi gặp Giáo sư Velézquez thế nào? Mọi việc có ổn không?” ông hỏi hòng muốn đổi chủ đề.

“Vâng. Ông ấy hài lòng với những cuốn sách. Ông ấy bảo đang tìm một cuốn về những bức thư của Franco.”

“Cuốn *Moorslayer*. Nhưng cuốn đấy không đáng tin lắm... một trò đùa của Madariaga. Rồi con nói sao?”

“Con bảo chúng ta nhận vụ này và

sẽ thông báo cho ông ấy muộn nhất trong hai tuần tới.”

“Tốt lắm. Chúng ta sẽ giao cho Fermín vụ này và tính giá cho ông Velézquez thật đậm.”

Tôi gật đầu. Chúng tôi tiếp tục làm những công việc thường nhật. Cha vẫn nhìn tôi. Lại sắp sửa rồi đây, tôi nghĩ.

“Hôm qua có một cô bé rất xinh đến đây. Fermín bảo đấy là em gái của Tomás Aguilar?”

“Vâng.”

Cha tôi gật đầu, đang cân nhắc sự trùng lặp ấy với biểu lộ đôi chút ngạc nhiên. Ông cho tôi yên ổn trước khi tấn

công tiếp, lần này mang cái vẻ của một người vừa chợt nhớ ra điều gì.

“Daniel này, hôm nay công việc không bận lắm, và, ờ, có lẽ con muốn nghỉ ngơi một chút để làm việc riêng. Và lại, bố nghĩ gần đây con làm khá vất vả.”

“Con ổn mà, cảm ơn bố.”

“Bố đang tính để Fermín ở nhà, còn bố sẽ tới Nhà hát Opera Liceo với Barceló. Chiều nay có vở *Tannhäuser*, ông ấy mời bố đi xem, vì ông ấy có đặt chỗ ở hàng ghế đầu. “Cha tôi vờ như đang đọc thư. Ông đúng là một diễn viên xoàng.

“Bố thích Wagner từ bao giờ thế?”

Ông nhún vai. "Đừng bao giờ phụ lòng tốt của người khác... Hơn nữa, với Barceló thì đi xem gì cũng vậy thôi, bởi suốt cả buổi diễn ông ta sẽ bình phẩm diễn xuất, chỉ trích phục trang và tiết tấu thôi mà. Ông ta cũng hỏi thăm con luôn đấy. Có lẽ hôm nào đấy con nên đến thăm ông ta."

"Một ngày nào đấy."

"Được rồi, vậy nếu con đồng ý, hãy để Fermín trông cửa hàng hôm nay và chúng ta sẽ đi hưởng thụ một chút. Cũng đến lúc phải như vậy. Nếu con cần tiền..."

"Thôi mà bố. Bea có phải bạn gái

con đâu."

"Ai nói gì về bạn gái nào? Thỏa thuận thế nhé. Tùy con. Nếu con cần tiền thì lấy ở trong ngăn kéo, nhưng nhớ để vài chữ cho Fermín, không đến lúc khóa sổ anh ta lại tá hỏa lên."

Nói xong, ông giả vờ lơ đãng rồi đi vào phòng, miệng cười ngoác ra. Tôi xem đồng hồ. Mười rưỡi sáng. Tôi đã hẹn gặp Bea lúc năm giờ ở hành lang trường đại học. Và thật nản lòng khi ngày hôm nay hóa ra còn dài hơn cả tiểu thuyết *Anh em nhà Karamazoo*.

Fermín mau chóng từ nhà bác sửa đồng hồ trở về cho chúng tôi biết một biệt đội nữ trong khu phố đã được lập ra

để săn sóc thường trực cho Don Federico tội nghiệp, người mà bác sĩ đã chẩn đoán là bị gãy ba xương sườn, có rất nhiều vết thâm, và hậu môn bị rách bất thường.

“Anh có phải mua gì không?” cha tôi hỏi.

“Họ có đủ thuốc men và thuốc mỡ để mở cả một cửa hàng đấy, nên tôi tự ý mua cho anh ta ít hoa, với cả một lọ nước thơm, và ba chai nước đào – món ưa thích của Don Federico.”

“Anh làm đúng lắm. Tôi phải chi cho anh bao nhiêu đây,” cha tôi nói. “Và trông bác ấy như thế nào?”

“Thành thật mà nói là bị đánh như tử. Tôi thấy anh ta nằm co quắp trên giường như một cuộn len, cứ kêu gào đòi chết bằng được, đến mức tôi đã có ý định giết người, tôi nói thật đấy. Tôi muốn cầm súng lao đến chỗ Đội điều tra Tội phạm mà bắn sạch cái lũ kia, đầu tiên là cái cục nhọt hôi rình ấy, thằng Rumero ấy.”

“Fermín, cho chúng tôi chút bình an đi. Tôi tuyệt đối cấm anh làm điều như vậy.”

“Bất cứ điều gì ngài nói, ngài Sempere.”

“Còn Pepita đón nhận chuyện này thế nào? “

“Can đảm đến mầu mực. Hàng xóm đã cho bà cụ hớp rượu mạnh, khi tôi đến thăm thì bà đã nằm sập trên sofa như con lợn rồi thì đánh rắm hoành tráng đến độ xuyên thủng lỗ chỗ cả nệm.”

“Thật đúng nét bà cụ. Fermín này, tôi định nhờ anh trông cửa hàng chiều hôm nay; tôi sẽ đến thăm Don Federico một lát. Sau đấy tôi có hẹn với Barceló. Còn Daniel thì có việc phải làm.”

Tôi ngược mắt lên đúng lúc Fermín và cha tôi nhìn nhau đầy ẩn ý.

“Thật là một cặp bài trùng,” tôi nói. Họ vẫn đang cười trêu chọc khi tôi đi qua cửa.

MỘT CÒN GIÓ LẠNH CĂM QUÉT NGANG QUA PHỐ, vung vãi những dải sương mờ trên đường nó đi qua. Mặt trời gắt bắt nắng màu đỏ ửng trên mái và tháp chuông của khu phố Gothic. Còn vài tiếng nữa mới đến giờ hẹn với Bea ở trường, nên tôi quyết định thử vận may là đến thăm Nuria Monfort, hy vọng chị vẫn sống ở địa chỉ mà cha chị đã đưa cho.

Quảng trường San Felipe Neri giống như một khoang hẹp cho người ta thở trong cái ma trận những con đường ngang dọc khu phố Gothic, ẩn nấp sau những bức tường La Mã cổ xưa. Những

bức tường nhà thờ lỗ chỗ là vết tích của súng đạn thời chiến tranh để lại. Buổi sáng hôm ấy, một toán trẻ con chơi trò quân lính, chúng không đoái hoài đến ký ức còn lưu trên tường đá. Một phụ nữ, tóc điểm bạc, đang ngồi trên ghế dài, sách để mở trong lòng, chị ngắm nhìn chúng và mỉm cười lơ đãng. Địa chỉ cho biết Nuria Monfort sống trong một tòa nhà cạnh lối vào quảng trường. Mái vòm bằng đá ô đen bao trên cửa trước cho biết năm xây dựng tòa nhà : 1801. Khi đã vào hành lang, ánh sáng chỉ vừa đủ để nhìn thấy trong căn nhà tối tăm có cầu thang chạy lên theo một đường xoắn ốc bất thường. Tôi dò tìm những hòm thư màu đồng. Tên của người cư ngụ xuất

hiện trên những mảnh giấy cứng ngả vàng được nhét vào khe, điều phổ biến vào thời ấy.

Miquer Moliner / Nuria Monfort

3-2

Tôi chậm chạp bước lên, gần như sợ tòa nhà sẽ đổ sập xuống nếu tôi giẫm mạnh lên những bậc thang nhỏ xíu như đồ chơi. Tại mỗi chiều nghỉ có hai cánh cửa, không có số hay biển. Lên đến tầng ba, tôi chọn ngẫu nhiên một cánh cửa rồi gõ. Cầu thang có mùi ẩm ướt, mùi đá cũ, mùi đất. Tôi gõ vài lần nhưng không ai đáp lại. Tôi quyết thử vận may lên cánh cửa còn lại. Tôi gõ năm tay ba lần. Phía trong căn hộ, tôi có thể nghe tiếng radio

đang mở buổi phát thanh giảng đạo hàng ngày *Cùng suy ngẫm với Cha Martín Calzado.*

Mở cửa là một phụ nữ mặc váy ngủ vải bông màu ngọc lam kẻ ca rô, đi dép lê, đội một mớ lô quấn tóc. Dưới ánh sáng mờ mờ, trông cô giống một thợ lặn biển sâu. Phía sau cô, giọng nói dịu dàng của Cha Martín Calzado đang dành mấy lời cho nhà tài trợ chương trình, một thương hiệu sản phẩm làm đẹp là Aurorín, rất được những người hành hương đến chôn Lourdes tôn nghiêm ưa chuộng, và những sản phẩm diệu kỳ để trị các loại mụn nhọt.

“Xin chào. Tôi tìm cô Monfort.”

“Nurieta? Cậu gõ nhầm cửa rồi, chàng trai. Ở phía bên kia kia.”

“Tôi xin lỗi. Vì tôi đã gõ bên kia nhưng không có ai trả lời cả.”

“Cậu không phải nhân viên thuê vụ đây chứ?” người hàng xóm đột nhiên hỏi, chột nghi ngờ theo kinh nghiệm.

“Không đâu. Cha cô Monfort bảo tôi đến.”

“À không sao. Nurieta hẳn đang đọc sách ở dưới kia. Cậu không thấy cô ấy lúc lên đây sao?”

Khi xuống chân cầu thang, tôi thấy người phụ nữ có mái tóc ánh bạc và cuốn sách trong tay vẫn ngồi yên trên ghế ở

quảng trường. Tôi thận trọng quan sát. Nuria Monfort là một phụ nữ xinh đẹp, với loại đường nét hấp dẫn làm sang cho các tạp chí thời trang danh tiếng hay phòng chụp ảnh chân dung, song là một phụ nữ mà tuổi xuân dường như đang tàn phai trong nỗi buồn nơi ánh mắt. Có nét gì đó của cha chị trong dáng người nhỏ nhắn. Tôi tưởng tượng chị hẳn đã ngoài bốn mươi, xét từ mái tóc hoa râm và những nếp nhăn làm già đi khuôn mặt. Nhưng dưới ánh sáng mờ, hẳn chị trông trẻ hơn mười tuổi.

“Señora Monfort?”

Chị nhìn tôi tựa như vừa chột tỉnh sau cơn mê, mà không thấy tôi.

“Tôi là Daniel. Cha chị cho tôi địa chỉ này. Ông bảo chị có thể kể cho tôi về Julián Carax.”

Khi nghe những lời ấy, cái vẻ mơ màng liền rời bỏ chị. Tôi có cảm giác nhắc đến bố chị không phải là một ý hay.

“Cậu muốn gì?” chị hỏi đầy ngờ vực.

Tôi cảm giác nếu mình không chiếm được lòng tin của chị ngay lúc ấy, tôi sẽ đánh mất cơ hội chỉ có một lần này. Lá bài duy nhất tôi có thể chơi là nói ra sự thật.

“Hãy nghe tôi giải thích. Cách đây tám năm, do tình cờ, tôi tìm thấy một

cuốn tiểu thuyết của Julián Carax ở trong Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên. Chị đã giấu ở đó để nó khỏi bị hủy hoại bởi một người đàn ông có tên Lain Coubert,” tôi nói.

Chị nhìn chăm vào tôi, không hề nhúc nhích, như thể chị sợ thế giới xung quanh mình đang đổ vỡ.

“Tôi hứa sẽ chỉ phiền chị vài phút thôi,” tôi nói.

Chị gật đầu, với vẻ nhẫn nhịn. “Cha tôi có khỏe không?” chị hỏi, lẩn tránh ánh mắt tôi.

“Ông ấy khỏe. Ông già đi đôi chút. Và ông rất nhớ chị.”

Nuria Monfort thở dài một tiếng mà tôi không thể nào giải mã. "Tốt hơn nên lên nhà tôi. Tôi không muốn nói chuyện này ở ngoài đường."

Chương 20

NURIA MONFORT SỐNG ĐƠN ĐỘC TRONG BÓNG TỐI. Một lối đi hẹp dẫn đến phòng ăn và cũng là bếp, là thư viện kiêm cả phòng làm việc. Đang đi, tôi nhận thấy một phòng ngủ khiêm nhường, không có cửa sổ. Chỉ có vậy, nếu không tính một phòng tắm nhỏ không vòi hoa sen hay bồn, chúng toát ra đủ thứ mùi, từ mùi nấu ăn ở quầy bar bên dưới đến mùi hôi thối ẩm mốc của đường ống dẫn và thoát nước có từ hồi đầu thế kỷ. Toàn căn hộ chìm trong một màu ảm đạm thường hằng, như một khối đen mọc lên giữa những bức tường sần tróc. Có mùi

thuốc lá, sự lạnh lẽo và vắng vẻ. Nuria Monfort quan sát tôi trong khi tôi vờ như không để ý đến điều kiện tồi tàn của căn nhà.

“Tôi xuống dưới phố vì trong nhà hầu như không có ánh sáng,” chị nói. “Chồng tôi đã hứa tặng tôi một cái đèn đọc sách khi anh ấy quay về.”

“Chồng chị đi xa à?”

“Miquel đang ở tù.”

“Tôi xin lỗi, tôi không biết...”

“Cậu biết đâu được. Tôi không xấu hổ khi cho cậu hay, vì anh ấy nào phải tội phạm. Lần gần đây nhất họ bắt anh ấy vì tội anh tin tờ rơi cho nghiệp đoàn công

chân luyện kim. Đã hai năm rồi. Hàng xóm vẫn nghĩ anh ấy đi du lịch bên Mỹ. Cha tôi cũng không biết, và tôi không muốn ông ấy biết.”

“Chị đừng lo. Tôi sẽ không kể cho ông ấy đâu,” tôi nói.

Một hồi yên ắng căng thẳng bao lấy chúng tôi, và tôi mừng tượng chị đang phân vân liệu tôi có phải là thám tử do Isaac cử đến không.

“Phải một mình trông nom căn nhà chắc vất vả lắm,” tôi ngốc nghếch nói, chỉ để lấp khoảng trống.

“Không dễ dàng gì. Tôi kiếm tiền nhờ công việc dịch thuật, sức mình bao

nhiều ráng kiếm bấy nhiêu, nhưng với một người chồng đang ở tù thì chẳng thấm vào đâu. Máy tay luật sư hút cạn máu tôi, giờ thì tôi đang nợ ngập đầu. Nghề dịch thu nhập thấp chả kém gì viết lách.”

Chị nhìn tôi như đang đợi một câu trả lời. Tôi chỉ cười lặng lẽ. "Chị dịch sách sao?"

“Tôi không dịch sách nữa. Giờ tôi bắt đầu dịch đơn từ, hợp đồng, giấy tờ hải quan, thu nhập khá hơn. Dịch sách văn chương thì cậu chỉ kiếm được tiền công rẻ mạt thôi, mặc dù có cao hơn chút đỉnh so với viết văn, sự thật là vậy. Ban quản lý tòa nhà đã mấy lần cố tống khứ

tôi ra khỏi đây. Việc tôi không đủ tiền trả chi phí bảo dưỡng chỉ đứng hàng chót trong các mối bận tâm của họ. Cậu cứ tưởng tượng đi, một phụ nữ biết ngoại ngữ và mặc quần dài... Không ít hàng xóm đã cáo buộc tôi đang kinh doanh nhà thổ. Tôi thực quá may mắn...”

Tôi hy vọng bóng tối che dấu được khuôn mặt ửng đỏ của mình.

“Tôi rất tiếc. Tôi không biết sao lại kể cho cậu nghe chuyện này. Tôi đang làm cậu xấu hổ.”

“Là lỗi của tôi. Tôi đã hỏi.”

Chị cười lo lắng. Xung quanh chị dường như có một hào quang chói bùng

của nổi cô đơn.

“Cậu làm tôi nhớ đến Julián,” đột nhiên chị nói. “Cái cách cậu nhìn, và cử chỉ của cậu. Anh ấy từng làm giống như cậu bây giờ vậy. Anh ấy cứ nhìn ta chằm chằm mà không nói gì, ta không biết anh ấy nghĩ gì, và vì thế, như một kẻ ngốc, ta sẽ kể cho anh ấy nghe những điều đáng lẽ ra nên giữ trong lòng... Cậu có muốn uống chút gì không? Một tách cà phê nhé?”

“Không cảm ơn chị. Tôi không muốn phiền chị.”

“Không phiền gì đâu. Tôi cũng đang định pha cho mình một tách.”

Có gì đó bảo tôi rằng bữa trưa của chị chỉ là tách cà phê mà thôi. Tôi từ chối lần nữa và nhìn chị bước về góc phòng ăn nơi có một chiếc âm điện nhỏ.

“Cậu cứ tự nhiên nhé,” chị nói, lưng vẫn quay về phía tôi.

Tôi nhìn quang và tự hỏi làm thế nào. Phòng của Nuria Monfort gồm một chiếc bàn chiếm hẳn góc gần ban công, một máy đánh chữ hiệu Underwood với cái đèn dầu bên cạnh, và một giá sách đầy từ điển và giáo trình. Không có ảnh gia đình, nhưng bức tường cạnh bàn phủ đầy bưu thiếp, tất cả đều là những tấm ảnh chụp một chiếc cầu tôi nhớ đã thấy đâu đó nhưng không thể xác định nổi –

có lẽ ở Paris hoặc Rome. Phía dưới đó là chiếc bàn bày biện gọn gàng và ngăn nắp đến độ hầu như ám ảnh. Những cây bút chì được vót nhọn và xếp ngay ngắn. Giấy tờ và bìa kẹp được sắp đặt ba hàng cân đối. Khi quay lại, tôi nhận ra Nuria Monfort đang đứng ở lối vào hành lang nhìn chăm tôi. Chị nhìn tôi lặng lẽ, như cách người ta nhìn người lạ trên phố hay trên tàu điện ngầm. Chị châm một điếu thuốc và đứng yên, khuôn mặt bị những vòng xoáy khói thuốc che phủ. Bỗng dưng tôi nghĩ, Nuria Monfort toát lên vẻ quỵến rũ chết người dù bản thân chị không biết, như những phụ nữ trong phim làm Fermín sững sờ khi họ hiện ra từ đám sương mờ ở nhà ga Berlin, bao phủ

trong quầng sáng siêu thực, kiêu mỹ nhân phát ngán với diện mạo của chính mình.

“Cũng không có gì nhiều để kể,” chị bắt đầu. “Tôi gặp Julián cách đây hơn hai mươi năm, ở Paris. Lúc ấy tôi đang làm việc cho Cabestany, một nhà xuất bản. Ông Cabestany mua quyền xuất bản các tiểu thuyết của Julián với giá bèo bọt. Lúc đầu tôi làm việc ở phòng kế toán, nhưng khi ông Cabestany biết tôi nói được tiếng Pháp, tiếng Ý và một chút tiếng Đức, ông chuyển tôi sang bộ phận bản quyền, và tôi trở thành thư ký riêng của ông ấy. Một trong các việc của tôi là trả lời thư của tác giả và nhà xuất bản nước ngoài mà công ty chúng tôi có làm ăn, và tôi đã tiếp xúc với Julián Carax

như vậy.”

“Cha của chị bảo hai người là bạn thân.”

“Có lẽ cha tôi cũng bảo rằng chúng tôi hú hí với nhau hay gì đó như vậy, đúng không? Theo ông ấy, tôi chạy theo bất cứ người đàn ông nào, như con điếm động đực vậy.”

Sự bộc trực của người phụ nữ và kiểu cách lạnh lùng của chị khiến tôi cứng họng. Phải mất một lúc lâu tôi mới đưa ra một câu trả lời thỏa đáng. Lúc đó, Nuria Monfort đang tự mỉm cười với mình và lắc đầu.

“Đừng để ý đến lời ông ấy. Cha tôi

có ý nghĩ như vậy kể từ khi tôi đi Paris, vào năm 1933, để giải quyết vài vấn đề giữa ông Cabestany và nhà Gallimard. Tôi đã sống một tuần ở thành phố đó, tại căn hộ của Julián vì lý do đơn giản rằng ông Cabestany muốn tiết kiệm chi phí khách sạn. Thật lãng mạn, như cậu có thể thấy. Cho đến lúc ấy, mối quan hệ của tôi với Julián Carax hoàn toàn qua thư từ, thường là liên quan đến bản quyền, bản thảo hoặc vấn đề biên tập. Những gì tôi biết về anh ấy, hoặc tưởng tượng về anh ấy, là từ đọc bản thảo anh ấy gửi mà ra.”

“Ông ấy có kể cho chị nghe điều gì về cuộc sống ở Paris không?”

“Không. Julián không thích nói gì

về cuốn sách của anh ấy hay về bản thân. Tôi không nghĩ anh ấy hạnh phúc ở Paris. Mặc dù anh ấy tạo ấn tượng rằng anh là một trong số những người không thể hạnh phúc ở bất kỳ nơi đâu. Quả thật, tôi không bao giờ hiểu rõ anh ấy. Anh ấy không bao giờ để cho người khác hiểu. Anh ấy là người rất kín đáo, đôi khi dường như anh không còn quan tâm đến thế giới hay con người nữa. Ông Cabestany nghĩ anh ấy nhút nhát và có lẽ hơi điên, nhưng tôi có cảm tưởng Julián sống trong quá khứ, giam mình trong những ký ức. Julián sống trong chính bản thân mình, sống vì những cuốn sách của anh ấy và sống trong chúng – một nhà tù dễ chịu do anh ấy tự tạo ra.”

“Chị nói như thể chị đang ghen tị với ông ấy.”

“Có những ngục tù còn tồi tệ hơn cả nhà tù những con chửi, Daniel ạ.”

Tôi gật đầu, không dám chắc mình hiểu ý của chị.

“Julián có bao giờ kể về những ký ức đó không, về những năm tháng ở Barcelona ấy?”

“Rất ít. Trong tuần tôi lưu lại Paris, anh ấy kể cho tôi chút ít về gia đình. Mẹ anh ấy là người Pháp, giáo viên dạy nhạc. Cha anh ấy có một cửa hàng mũ hoặc gì đấy. Tôi biết ông ta rất sùng đạo và rất nghiêm khắc.”

“Julián có giải thích về mối quan hệ của ông ấy với ông bố không?”

“Không, họ không hợp nhau. Có chuyện gì đó xảy ra đã lâu. Thực ra, lý do Julián đi Paris là để tránh bị ông bố đưa vào quân đội. Mẹ anh ấy đã hứa đưa anh ấy đi càng xa người đàn ông đó càng tốt, còn hơn là để điều đó xảy ra.”

“Dù gì ông ấy cũng là cha.”

Nuria Monfort mỉm cười. Đúng hơn là nét thoáng cười và đôi mắt chị ánh lên vẻ mệt mỏi và buồn.

“Dù có là cha đi nữa thì cũng chưa bao giờ ông ấy cư xử như một người cha, và Julián chưa bao giờ xem ông ấy là

cha mình. Có lần anh ấy thú nhận với tôi là trước khi kết hôn mẹ anh ấy có quan hệ với một người lạ, danh tính người ấy bà không bao giờ tiết lộ. Người đàn ông ấy mới là cha đẻ của Julián.”

“Nghe giống phần mở đầu *Bóng hình của gió*. Chị có nghĩ ông ấy nói thật không?”

Nuria Monfort gật đầu. "Julián kể anh ấy đã lớn lên trong cảnh phải chứng kiến ông bán mũ – anh gọi ông ta như thế – lăng mạ và đánh đập mẹ anh ấy như thế nào. Rồi ông ta vào phòng Julián, bảo anh ấy là đứa con tội lỗi, rằng anh thừa hưởng tính cách yếu đuối và hèn hạ của bà mẹ, và sẽ chịu đau khổ suốt đời, một

cuộc đời thất bại cho dù anh ấy có cố gắng nhường nào...”

“Ông ấy có oán hận gì ông bố không?”

“Thời gian là phương thuốc tuyệt vời. Tôi chưa bao giờ cảm thấy Julián ghét ông ta. Có lẽ như vậy tốt hơn. Tôi có ấn tượng rằng anh ấy đã mất hết lòng kính trọng đối với ông làm mũ vì những cảnh tượng kia. Julián nói về mọi thứ như thể chuyện đó chẳng quan trọng, chừng như nó là một phần của quá khứ mà anh bỏ lại đằng sau, nhưng những điều này không bao giờ bị lãng quên. Những lời khiến trái tim của một đứa trẻ bị đầu độc, cho dù là do ác tâm hay ngu

dốt, chúng vẫn lưu lại trong ký ức, và sớm hay muộn chúng sẽ thiêu trụi tâm hồn đứa trẻ.”

Tôi tự hỏi có phải chị đang nói dựa trên trải nghiệm của bản thân không, và trong tôi hiện ra hình ảnh cậu bạn Tomás Aguilar đang kiên cường gánh chịu những công kích của người cha kiêu căng.

“Julián bao nhiêu tuổi lúc bị ông bố bắt đầu đối xử như vậy?”

“Khoảng tám hay mười tuổi...”

Tôi thở dài.

“Ngay khi anh ấy đủ tuổi vào quân đội, bà mẹ mang anh ấy đến Paris. Chắc

là họ không chào từ biệt nhau. Ông bán mũ không bao giờ chấp nhận rằng gia đình đã bỏ rơi ông.”

“Chị có bao giờ nghe Julián nói về một cô gái tên Penélope?”

“Penélope ư? Tôi không nghĩ vậy. Tôi không nhớ. “

“Đó là bạn gái của ông ấy, từ lúc ông ấy còn sống ở Barcelona.”

Tôi lấy tấm ảnh chụp Carax và Penélope Aldaya ra đưa cho chị. Tôi để ý nụ cười sáng bừng khuôn mặt chị thế nào khi chị trông thấy Julián Carax thời niên thiếu. Nỗi buồn nuôi tiếc khiến chị héo hon.

“Trông anh ấy thật trẻ... Đây có phải là Penélope mà cậu nói?”

Tôi gật đầu.

“Rất ưa nhìn. Julián luôn khiến cho những phụ nữ đẹp vây quanh anh ấy.”

Như chị, tôi nghĩ. "Chị có biết anh ấy có nhiều...?"

Lại nụ cười ấy dành cho tôi. "Bạn gái ư? Người tình ư? Tôi không biết. Nói thật, tôi chưa bao giờ nghe anh ấy kể về bất kỳ phụ nữ nào trong đời anh ấy. Một lần, để chọc tức anh ấy, tôi đã hỏi. Hẳn cậu biết anh ấy kiếm sống nhờ chơi dương cầm ở quán khách. Tôi đã hỏi anh ấy có bị cảm dỗ không, khi xung quanh là

những phụ nữ quyền rũ và dễ dãi. Anh ấy không cho câu nói đùa đó là hay ho. Anh ấy đáp rằng anh không có quyền yêu bất cứ ai, rằng anh đáng bị cô độc.”

“Ông ấy có nói tại sao không?”

“Julián không bao giờ nói tại sao.”

“Dù vậy thì rất cuộc, ngay trước khi trở về Barcelona năm 1936, Julián Carax sắp kết hôn.”

“Đó là người ta nói vậy.”

“Chị nghi ngờ sao?”

Chị nhún vai tỏ vẻ hoài nghi. "Nhu tôi nói đấy, trong suốt bao năm chúng tôi quen biết nhau, Julián không bao giờ

nhắc đến một người phụ nữ cụ thể nào, người anh ấy định kết hôn thì lại càng không. Chuyện kết hôn mãi sau này tôi mới biết. Neuval, nhà xuất bản gần nhất của Carax, đã cho Cabestany biết rằng vị hôn thê là một phụ nữ hơn Julián hai mươi tuổi, một góa phụ giàu có đang ốm yếu. Theo Neuval, bà ta ít nhiều đã nâng đỡ anh ấy trong nhiều năm. Các bác sĩ bảo bà còn sống chừng sáu tháng, nhiều nhất là một năm. Neuval nói bà ta muốn kết hôn với Julián để anh ấy có thể thừa kế tài sản.”

“Nhưng lễ cưới không bao giờ xảy ra.”

“Nếu từng có một kế hoạch như

vậy, hoặc một góa phụ như vậy.”

“Như tôi được biết, Carax dính vào một vụ đấu súng, vào rạng đông ngày ông ấy dự định kết hôn. Chị có biết cuộc đấu súng đó với ai, hay tại sao không?”

“Neuval cho rằng ai đó liên quan đến góa phụ kia. Một người họ hàng xa tham lam, không muốn thấy di sản của bà ta rơi vào tay kẻ ất ơ nào đó. Neuval xuất bản chủ yếu những tiểu thuyết kinh dị rẻ tiền, nên tôi nghĩ thể loại sách đó đã nhĩm vào đầu ông ta.”

“Theo tôi thấy thì chị không tin lắm chuyện đám cưới và vụ đấu súng.”

“Không. Tôi không bao giờ tin.”

“Vậy chị nghĩ đã có chuyện gì? Tại sao Carax quay về Barcelona?”

Chị cười buồn. "Mười bảy năm qua tôi vẫn tự hỏi mình câu này."

Nuria Monfort châm điếu khác. Chị mời tôi. Tôi thôi thúc muốn nhận, nhưng đã từ chối.

“Hẳn chị phải có giả thiết nào chứ?” tôi gợi ý.

“Tôi chỉ biết rằng vào mùa hè năm 1936, không lâu sau khi chiến tranh bùng nổ, một nhân viên nhà xác thành phố đã gọi điện cho công ty chúng tôi thông báo họ nhận được xác của Julián ba ngày trước. Người ta thấy xác anh ấy trên một

con phở nhỏ ở Raval, áo quần rách bươm và bị một viên đạn xuyên qua tim. Anh ấy mang trên mình một cuốn sách, cuốn *Bóng hình của gió*, và hộ chiếu. Dấu trên hộ chiếu cho thấy anh ấy rời biên giới Pháp một tháng trước. Trong khoảng thời gian đó anh ấy ở đâu, không ai biết. Cảnh sát đã liên lạc với cha anh ấy, nhưng ông ta từ chối nhận trách nhiệm với cái xác, và bảo rằng ông ta không có con trai. Sau hai ngày không có ai nhận xác, anh ấy được chôn trong khu mộ chung ở nghĩa trang Montjuïc. Thậm chí tôi còn không thể mang hoa đến viếng anh ấy, vì không ai có thể cho tôi biết anh ấy được chôn ở đâu. Chính nhân viên nhà xác – người đã giữ cuốn sách trong

áo khoác của Julián đã có ý gọi điện cho nhà xuất bản Cabestany mấy ngày sau. Vậy nên tôi mới biết chuyện xảy ra. Tôi không thể hiểu nổi. Nếu Julián còn ai đó ở Barcelona mà anh có thể nhờ vả, thì đó chính là tôi, hoặc nếu khẩn thiết lắm thì ông Cabestany. Chúng tôi là những bạn bè duy nhất của anh ấy, nhưng anh ấy không bao giờ cho chúng tôi biết anh ấy trở về. Chúng tôi chỉ biết tin anh ấy quay lại Barcelona khi anh ấy đã chết...”

“Chị có tìm được gì khác sau khi biết tin ông ấy chết không?”

“Không. Lúc ấy là những tháng đầu tiên chiến tranh, Julián không phải là trường hợp duy nhất biến mất không để

lại dấu vết. Không ai nói gì về chuyện đó nữa, nhưng có rất nhiều nấm mồ vô danh, giống như mộ Julián. Tìm hiểu chuyện đó khác nào đi đâm đầu vào tường. Được ông Cabestany trợ giúp, lúc ấy ông đang ôm rất nặng, tôi đã khiếu nại lên cảnh sát và dùng mọi phương cách có thể. Điều duy nhất tôi nhận được là một chuyên viếng thăm của một tay thanh tra trẻ, một kẻ kiêu căng, độc ác, hãnh bảo tôi là tốt hơn không nên hỏi gì nữa và nên cố hết sức mình để có thái độ tích cực hơn, bởi vì đất nước này đương lúc chiến tranh và đầy những làm than. Hãnh đã nói vậy. Tên hãnh là Fumero, tôi chỉ nhớ được vậy. Dường như bây giờ hãnh là một nhân vật khá quan trọng. Báo chí thường nói đến

hắn. Có lẽ cậu cũng đã nghe nói.”

Tôi muốt ực. “Chỉ lờ mờ thôi.”

“Tôi không nghe tin gì nữa về Julián cho đến khi có người tìm đến các nhà xuất bản muốn mua toàn bộ các tiểu thuyết của Carax còn tồn trong kho.”

“Laín Coubert.”

Nuria Monfort gật đầu.

“Chị có biết người đàn ông đó là ai không?”

“Mơ hồ lắm, tôi không chắc. Vào tháng Ba năm 1936 – tôi nhớ ngày đó bởi lúc ấy chúng tôi chuẩn bị cho in cuốn *Bóng hình của gió* – có người gọi điện

đến nhà xuất bản hỏi địa chỉ anh ấy. Anh ta tự nhận là bạn cũ và muốn thăm Julián ở Paris. Muốn dành cho anh ấy một bất ngờ. Người ta chuyển máy cho tôi, và tôi bảo không được phép đưa thông tin. “

“Ông ta xưng tên không?”

“Jorge gì đấy.”

“Jorge Aldaya?”

“Có lẽ vậy. Julián đã hơn một lần nhắc đến tên anh ta. Tôi nghĩ họ học chung ở trường San Gabriel, và đôi khi Julián nhắc đến anh ta như thể đó là người bạn thân nhất.”

“Chị có biết Jorge Aldaya là anh trai của Penélope?”

Nuria Monfort chau mày. Trông chị có vẻ lo lắng.

“Chị có cho Aldaya địa chỉ của Julían ở Paris không?”

“Không. Anh ta khiến tôi thấy khó chịu.”

“Ông ta đã nói gì?”

“Anh ta cười giễu tôi, bảo rằng anh ta sẽ tìm cách khác, rồi ngắt máy.”

Dường như có điều gì đang dầy vò chị. Tôi bắt đầu băn khoăn không biết cuộc trò chuyện này sẽ đi đến đâu. “Nhưng chị lại nghe tin về ông ta, đúng không?”

Chị gật đầu lo lắng. “Như tôi đã kể, không lâu sau khi Julián biến mất, người đó xuất hiện tại công ty Cabestany. Lúc ấy ông Cabestany không còn làm việc nữa, con trai cả của ông ấy đảm trách mọi việc. Người khách, kẻ Laín Cuubert ấy, muốn mua toàn bộ tiểu thuyết còn lại của Julián. Tôi nghĩ tất cả chỉ là một trò đùa nhạt nhẽo. Laín Coubert là một nhân vật trong *Bóng hình của gió*.”

“Ác quý.”

Nuria Monfort lại gật đầu.

“Chị đã tận mắt thấy Laín Coubert chưa?”

Chị lắc đầu và châm điếu thuốc

thứ ba. “Không. Nhưng tôi nghe trộm được một phần cuộc đối thoại với người con trai trong văn phòng ông Cabestany.”

Chị bỏ lửng câu nói, như e sợ kết thúc nó hoặc không dám chắc làm sao để kết thúc. Điều thuốc rung rung trên ngón tay chị.

“Giọng nói của anh ta,” chị nói. “Đó chính là giọng nói của người đã gọi điện tự xưng là Jorge Aldaya. Con trai ông Cabestany, một tên đàn độn kiêu căng, đã cố đòi nhiều tiền hơn. Coubert – hay cho dù là ai đi nữa - nói anh ta phải cân nhắc thêm. Tối hôm đó, nhà kho của Cabestany ở Pueblo Nuevo bốc cháy, và sách của Julián thầy bị cháy theo.”

"Ngoại trừ những cuốn chị đã giữ được và giấu ở Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên."

"Đúng vậy."

"Chị có biết tại sao có kẻ lại muốn đốt hết sách của Julián Carax không?"

"Tại sao sách bị đốt ư? Do ngu ngốc, do kiêu ngạo, do thù ghét,... Chúa mới biết được..."

"Sao chị nghĩ vậy?" tôi nài hỏi.

"Julián sống trong những cuốn sách của anh ấy. Cái thi thể trong nhà xác kia chỉ là một phần của anh ấy mà thôi. Linh hồn của anh ấy nằm trong những câu chuyện của anh. Đã có lần tôi hỏi ai là

nguồn cảm hứng cho anh ấy sáng tạo các nhân vật, anh ấy trả lời rằng không ai cả. Rằng tất cả các nhân vật đều chính là bản thân anh ấy.”

“Nếu có ai muốn hủy diệt ông ấy thì hẳn phải hủy cả những cuốn sách lẫn các nhân vật kia nữa, có phải vậy không?”

Nụ cười chán chường quay trở lại, một nụ cười thất bại và mệt mỏi. "Cậu làm tôi nhớ đến Julián," chị nói. "Trước khi anh ấy mất hết niềm tin."

“Niềm tin của ông ấy vào điều gì?”

“Vào tất cả.”

Trong ánh mờ ảo, chị bước đến nắm tay tôi. Chị vuốt lòng bàn tay tôi, lặng lẽ, chừng như muốn đọc những đường chỉ tay. Tay tôi run rẩy khi chạm vào. Tôi thấy mình đang lần theo hình dáng cơ thể chị đằng sau lớp áo cũ. Tôi những muốn chạm vào chị và cảm nhận nhịp tim nóng buốt lướt làn da chị. Ánh mắt chúng tôi gặp nhau, và tôi dám chắc chị biết tôi đang nghĩ gì. Tôi cảm nhận chị đang cô đơn hơn bao giờ hết. Tôi ngược mắt lên bắt gặp ánh mắt thanh bình, rộng mở của chị.

“Julián chết trong cô độc, tin rằng sẽ không có ai nhớ đến anh ấy hay những cuốn sách của anh ấy nữa, rằng cuộc đời

anh ấy chẳng có ý nghĩa gì,” chị nói. “Anh ấy hẳn đã muốn biết rằng có ai đó muốn giữ cho anh sống, có ai đó vẫn nhớ đến anh. Anh ấy từng nói chúng ta tồn tại chừng nào vẫn còn người nhớ đến.”

Tôi khao khát nhưc nhói được hôn người phụ nữ đó, một ham muốn tôi chưa bao giờ có trước đây, ngay cả khi nhớ về hình ảnh của Clara Barceló. Chị đọc được ý nghĩ của tôi.

“Muộn rồi đây, Daniel,” chị lầm bầm.

Một phần trong tôi muốn ở lại, muốn đắm mình trong sự gần gũi lạ lùng này, muốn nghe chị nói lần nữa rằng cử chỉ và sự trầm lặng của tôi khiến chị nhớ

đến Julián Carax.

“Vâng,” tôi lí nhí.

Chị gật đầu nhưng không nói gì, rồi tiến tôi ra cửa. Hành lang dường như dài vô tận. Chị mở cửa, và tôi bước ra chiếu nghỉ cầu thang.

“Nếu cậu gặp cha tôi, nhắn với ông rằng tôi vẫn khỏe. Hãy nói dối ông ấy.”

Tôi thì thầm chào tạm biệt chị, cảm ơn chị đã dành thời gian, và lịch thiệp chìa tay ra. Nuria Monfort lờ đi cử chỉ trịnh trọng ấy. Chị đặt tay lên cánh tay tôi, cúi về phía trước, hôn lên má tôi. Chúng tôi nhìn nhau đăm đăm, và lần này tôi gần như run rẩy tìm đôi môi chị. Cơ

hồ đôi môi ấy hơi mở ra, và những ngón tay chị khẽ chạm vào tôi. Vào khoảnh khắc cuối, Nuria Monfort dịch ra xa và nhìn xuống.

“Tốt nhất cậu nên về đi, Daniel,” chị thì thầm.

Tôi nghĩ chị sắp bật khóc, nhưng trước khi tôi kịp nói gì, chị đã đóng cửa. Tôi bị bỏ lại bên đầu cầu thang, cảm thấy sự hiện diện của chị phía bên kia cánh cửa, đang bất động, và tự hỏi đã có chuyện gì xảy ra. Phía bên kia chiếu nghỉ, lỗ nhỏ trên cửa nhà hàng xém nhấp nháy. Tôi vẫy tay chào chị rồi lao xuống phía cầu thang. Khi bước xuống đường, tôi vẫn cảm thấy khuôn mặt Nuria

Monfort, giọng nói chị, cả mùi của chị tận sâu thẳm trong tâm hồn mình. Tôi mang theo dấu vết đôi môi chị, hơi thở chị trên da thịt mình khi qua những con phố đầy rẫy những người vô diện đang chạy trốn khỏi các văn phòng và cửa hiệu. Khi rẽ sang phố Canuda, một cơn gió lạnh xuyên qua những ồn ào hối hả mà phả vào người tôi. Tôi hồ hởi đón nhận làn hơi lạnh trên mặt và bước thẳng về phía trường đại học. Sau khi qua Ramblas, tôi tiến thẳng xuống đường Tallers rồi biến mất vào lối đi hẹp tối tăm, cảm giác như tôi vẫn đang mắc kẹt trong căn phòng âm u kia, nơi tôi hình dung Nuria Monfort giờ đang ngồi một mình, lặng lẽ xếp những cây bút chì,

những cặp tài liệu của chị, những ký ức của chị, đôi mắt chị đắm lệt.

Chương 21

BÓNG TỐI LÉN LÚT ĐỒ XUỐNG, kèm theo luồng gió lạnh cùng tấm màn ánh tím len lỏi giữa những khoảng không trên phố. Tôi nhanh chân bước, và hai mươi phút sau, cổng trường đại học đã xuất hiện như con tàu màu son thả neo trong đêm. Trong phòng thường trực, ông gác cổng của khoa Văn đang nghiêm ngẫm từng con chữ trên trang thể thao của ấn bản buổi chiều của tờ báo uy tín nhất nước. Dường như không còn sinh viên nào ở trường. Tiếng vọng bước chân theo tôi dọc hành lang và các gian phòng đi vào khoảng sân trong, nơi ánh

sáng hai ngọn đèn vàng chùng như không
ngăn nổi bóng đêm. Bỗng tôi chợt nghĩ,
có lẽ Bea đã chơi khăm tôi, rằng nàng
dàn xếp gặp tôi ở đây vào giờ chót để trả
đũa tính tự phụ của tôi. Những chiếc lá
trên cây cam trong sân như những giọt
nước mắt bạc, và tiếng vòi phun nước
văng lại qua những mái vòm. Tôi thận
trọng nhìn quanh khoảng sân, dự trù
trước sự thất vọng hay có thể là cảm giác
nhẹ nhõm hèn nhất. Nàng đây rồi, đang
ngồi trên chiếc ghế dài, hình dáng nàng
nổi lên trên nền đài phun nước, đôi mắt
ngước trông lên khung vòm trước khoảng
sân. Tôi dừng ngay ở lối vào để ngắm
nàng, và trong thoáng chốc tôi nhớ đến
Nuria Monfort đang mơ màng trên ghế

dài trong quảng trường. Tôi nhận thấy nàng không mang theo cặp sách, và tôi ngờ ngờ nàng không có lớp chiều nay. Có lẽ nàng đến đây chỉ để gặp tôi. Tôi nuốt ực lấy can đảm và bước vào khoảng sân. Tiếng bước chân tôi khiến tôi bị lộ và Bea ngược lên, với nụ cười bỡ ngỡ, như thể sự xuất hiện của tôi chỉ là tình cờ.

“Em đã nghĩ anh không đến,” Bea nói.

“Anh cũng nghĩ em như vậy,” tôi đáp.

Nàng vẫn ngồi ngay ngắn, hai gò má khép chặt, tay đặt trong lòng. Tôi tự hỏi làm sao mình có thể xa cách với nàng mà đồng thời lại đang ngắm nhìn đường nét

trên đôi môi nàng như vậy.

“Em đến vì em muốn chứng minh cho anh thấy rằng những điều anh nói hôm nọ là không đúng, Daniel ạ. Em sẽ kết hôn với Pablo, và em không quan tâm điều anh sẽ cho em thấy tối nay là gì. Em sẽ đi El Ferrol ngay khi anh ấy hết nghĩa vụ quân sự.”

Tôi nhìn nàng như thể đất đang sụt xuống dưới chân mình. Tôi nhận ra hai ngày qua mình đã đi lơ lửng trên mây, và giờ thế giới của tôi dường như sụp đổ.

“Thế mà anh cứ nghĩ em đến chỉ vì em muốn gặp anh.” Tôi cố nở một nụ cười yếu ớt.

Nàng ửng má thẹn thùng.

“Anh đùa đấy thôi,” tôi nói dối. “Anh đến đây chỉ vì lời hứa cho em thấy một khuôn mặt khác của thành phố này mà em chưa biết. Ít nhất nó sẽ cho em một lý do để nhớ anh, hoặc nhớ về Barcelona, dù em có đi đâu.”

Nàng cười đượm buồn, tránh ánh mắt tôi. “Suýt nữa thì em đã đi xem phim để khỏi gặp anh hôm này,” nàng nói.

“Tại sao?”

Bea nhìn tôi mà không nói gì. Nàng nhún vai và ngược mắt, như đang cố chộp lấy những lời vừa thoát ra.

“Bởi vì em sợ có lẽ anh đã đúng,”

cuối cùng nàng nói.

Tôi thở dài. Bóng đêm bao lấy chúng tôi, sự im lặng yếu ớt mang những kẻ xa lạ xích lại gần nhau, và tôi cảm thấy đủ can đảm để dám nói bất cứ điều gì nghĩ được trong đầu, thậm chí dù đây có thể là một lần cuối cùng.

“Em có yêu anh ta không?”

Một nụ cười hiện ra rồi biến mất.
“Đấy đâu phải việc của anh.”

“Đúng vậy,” tôi nói. “Là chuyện riêng của em.”

Nàng nhìn tôi lạnh lùng. “Chuyện đó thì liên hệ gì đến anh?”

“Đây không phải việc của em.”

Nàng không cười. Đôi môi run rẩy.

“Những người quen biết em đều biết em rất quý mến Pablo. Gia đình em và...”

“Nhưng anh hầu như là một người lạ,” tôi cất lời. “Và anh muốn nghe em nói.”

“Nghe gì?”

“Rằng em thực sự yêu anh ta. Rằng không phải em kết hôn với anh ta để chạy trốn khỏi gia đình, để tạo khoảng cách giữa em với Barcelona và với gia đình em, để đến một nơi nào đó không còn ai làm em tổn thương. Để em ra đi chứ không phải chạy trốn.”

Mắt nàng ánh lên những giọt lệ giận dữ. “Anh không có quyền nói như vậy với em, Daniel. Anh có hiểu gì về em đâu.”

“Hãy nói rằng anh nhầm, rồi anh sẽ đi. Em có yêu anh ta không?”

Chúng tôi lặng nhìn nhau hồi lâu.

“Em không biết,” cuối cùng nàng nói. “Em không biết.”

“Ai đó từng bảo rằng ngay khi ta dừng lại để nghĩ xem liệu ta có yêu một người nào đó hay không thì tức là ta đã vĩnh viễn thôi không còn yêu người đó nữa,” tôi nói.

Bea tìm kiếm sự giấu cợt trên vẻ mặt tôi. "Ai nói như vậy?"

"Một người tên Julián Carax."

"Bạn của anh à?"

Tôi gật đầu. "Kiểu như vậy."

"Anh định giới thiệu người đó với em."

"Đêm này, nếu em muốn."

Chúng tôi rời trường đại học dưới bầu trời tím ngắt và lang thang vô định, không đến một nơi nào cụ thể, chỉ để quen với việc đi bên nhau. Chúng tôi vin và chủ đề chung duy nhất mà cả hai có được, anh trai Tomás của nàng. Bea nói

về cậu ấy như thể đó là một người hoàn toàn xa lạ, một người nàng yêu mến nhưng hầu như chẳng hiểu gì. Nàng tránh ánh mắt tôi và mỉm cười lo âu. Dường như nàng hối tiếc điều đã nói với tôi trong sân trường, những điều ấy còn dày vò và làm nàng tổn thương.

“Những điều em vừa kể,” bỗng nàng nói, “anh đừng cho Tomás biết nhé, có được không?”

“Tất nhiên là không rồi. Anh sẽ không nói với bất kỳ ai cả.”

Nàng cười lo âu. “Em không biết mình bị sao nữa. Anh đừng phật lòng nhé, nhưng đôi khi ta cảm thấy thoải mái khi nói chuyện với người lạ hơn là với

người mà ta quen biết. Tại sao thế nhỉ?”

Tôi nhún vai. “Có lẽ vì người lạ nhìn chúng ta như chúng ta vốn có, chứ không phải như theo cách họ muốn.”

“Câu ấy cũng của người bạn Carax kia à?”

“Không, anh nghĩ ra để gây ấn tượng với em thôi.”

“Anh nghĩ em là người thế nào?”

“Như một bí ẩn.”

“Đó là lời khen kỳ lạ nhất em được nghe”

“Đó không phải khen ngợi. Mà là một lời đe dọa.”

“Ý anh là sao?”

“Bí ẩn phải được khám phá, người ta phải tìm ra điều bị che giấu.”

“Hẳn anh sẽ thất vọng khi thấy điều che giấu bên trong.”

“Có lẽ anh sẽ ngạc nhiên. Và em nữa.”

“Tomás chưa bao giờ nói anh cả gan đến vậy.”

“Là bởi vì một chút xíu anh có, anh đã dành hết cho em mất rồi.”

“Tại sao?”

Vì anh sợ em, tôi nghĩ.

Chúng tôi tìm vào một quán cà phê nhỏ cạnh nhà hát Poliorama. Ngồi vào bàn cạnh cửa sổ, chúng tôi gọi bánh kẹp thịt cay và hai cà phê để lót dạ. Một lúc sau viên quản lý, một gã gầy còm có bộ mặt như một con quỷ nhỏ, bước đến với vẻ rất ân cần.

“Có phải hai vị gọi bánh kẹp thịt không?”

Chúng tôi gật đầu.

“Thay mặt quản lý ở đây, tôi xin lỗi phải thông báo bánh kẹp đã hết. Tôi xin đề xuất món xúc xích *butifarra* đen, trắng hoặc lẫn, thịt viên, hoặc món xúc xích *chistorra*. Loại hảo hạng, mới ra lò.

Tôi cũng có các món làm từ cá sardine, nếu vì lý do tôn giáo mà hai vị không ăn thịt. Hôm nay thứ Sáu....”

"Tôi dùng cà phê được rồi," Bea nói.

Tôi đang đói. “Vậy phiền anh cho thêm hai suất khoai tây hầm gia vị và một ít bánh mì được không?”

“Có ngay, thưa anh. Và xin thứ lỗi vì thiếu sót này. Thường chúng tôi phục vụ đầy đủ các món, thậm chí có cả trứng cá muối Bolsevik. Song chiều nay có trận bán kết cúp châu Âu, chúng tôi có nhiều khách quá. Một trận đấu tuyệt vời.”

Viên quản lý bước đi trịnh trọng,

Bea thích thú nhìn anh ta.

“Giọng vùng nào nhỉ? Jaén chẳng?”

“Gần hơn nhiều: Santa Coloma de Gramanet,” tôi đính chính. “Chắc em ít đi tàu điện ngầm. đúng không?”

“Bố em bảo tàu điện ngầm đầy những kẻ bần tiện, và nếu đi một mình có thể bị bọn Digan sờ soạng.”

Tôi định nói gì đó, nhưng quyết định giữ mồm miệng. Bea bật cười. Ngay khi cà phê và đồ ăn mang tới, tôi cầm cúi ăn chẳng hề ý tứ. Bea không ăn gì. Tay nàng ôm lấy chiếc tách bốc hơi, nàng chúm chím cười ngắm nhìn tôi, với vẻ

vừa tò mò và ngạc nhiên .

“Vậy cái anh định cho em thấy hôm nay là đây à?”

“Nhiều thứ lắm. Thật ra, điều anh định cho em biết chỉ là một phần của một câu chuyện thôi. Không phải hôm trước em nói với anh là em thích đọc sách sao?”

Bea gật đầu, mày nhíu lại.

“Đây là câu chuyện về những cuốn sách.”

“Về những cuốn sách ư?”

“Về những cuốn sách bị lời nguyên, về người đã viết ra chúng, về

một nhân vật đã thoát ra khỏi những trang sách của một cuốn tiểu thuyết để đốt nó, về sự phản bội và về một tình bạn bị đánh mất. Một câu chuyện về tình yêu, về thù hận, và về những giấc mơ sống trong *Bóng hình của gió.*”

“Anh nói giống như lời quảng cáo trên bìa một cuốn tiểu thuyết thời Victoria ấy, Daniel.”

“Có lẽ là vì anh làm việc trong một hiệu sách và anh đọc quá nhiều. Nhưng đây là một câu chuyện có thực. Thực như món bánh mì mà họ phục vụ chúng ta ở đây đã được làm từ ba hôm trước vậy. Và, giống như những câu chuyện có thực, nó bắt đầu và kết thúc ở

một nghĩa trang, mặc dù không giống như kiểu nghĩa trang mà em tưởng tượng.”

Nàng cười như đứa trẻ khi chúng được người ta cho một câu đố hoặc trò ảo thuật. "Em sẵn sàng nghe rồi đây."

Tôi hớp nốt ngụm cà phê cuối cùng trong tách và lặng nhìn nàng giãy lát. Tôi nghĩ mình những muốn lạc vào trong đôi mắt lảng tránh ấy biết bao. Tôi nghĩ về nỗi cô đơn rồi sẽ chiếm lĩnh mình đêm ấy khi tôi nói lời tạm biệt nàng, một khi tôi đã hết trò hoặc không còn câu chuyện nào để giữ nàng lại bên mình nữa. Tôi nghĩ về chuyện những gì mình có để cho nàng chẳng đáng là bao mà lại muốn nhận ở nàng nhiều biết dường nào.

“Em có thể nghe thấy nào anh kêu tanh tách đấy, Daniel. Anh định mưu tính gì đây?”

Bắt đầu câu chuyện, tôi kể về buổi bình minh xa xưa khi tôi tỉnh giấc và không thể nhớ nổi khuôn mặt mẹ nữa, và tôi kể mãi cho đến khi dừng lại để hồi tưởng lại thế giới bóng đen tôi đã cảm nhận vào đúng ngày hôm ấy trong ngôi nhà của Nuria Monfort. Bea yên lặng lắng nghe, không phát xét, không kết luận. Tôi kể nàng nghe lần đầu tiên tôi đến Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên và cái đêm tôi thức đọc cuốn *Bóng hình của gió*. Tôi kể nàng nghe về cuộc gặp của tôi với người không mặt và về bức thư của Penélope Aldaya tôi luôn

mang theo mình mà không biết tại sao. Tôi kể nàng nghe tôi chưa bao giờ hôn Clara Barceló, hay bất kỳ ai, và bàn tay tôi run rẩy thế nào khi tôi cảm thấy đôi môi của Nuria Monfort chạm vào da tôi chỉ mới cách đây vài tiếng. Tôi kể nàng nghe tại sao cho đến lúc ấy tôi mới hiểu rằng đó là một câu chuyện về những người cô đơn, về sự vắng mặt và mất mát, và đây là lý do tại sao tôi luôn trú ngụ trong đó cho đến khi nó bắt đầu xen lẫn cuộc sống riêng tôi, như một người chạy trốn vào những trang của một cuốn tiểu thuyết bởi vì những người anh ta yêu quý dường như không khác gì những bóng ma cư trú trong tâm hồn một người xa lạ.

“Đừng nói gì nữa,” Bea thầm thì.
“Hãy dẫn em đến nơi đó.”

Trời đã tối đen khi chúng tôi đứng trước công Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên, dưới vòm u ám của con phố Arco del Teatro. Tôi nhắc cái nắm đấm hình mặt quỷ lên gõ ba lần. Trong khi chúng tôi trú dưới mái vòm công chính mà chờ đợi, cơn gió lạnh mang theo mùi khói. Tôi bắt gặp ánh mắt Bea, quá gần với mắt tôi. Nàng đang cười. Rồi chúng tôi theo tiếng bước chân nhẹ tiến về phía cửa, rồi giọng mệt mỏi của người bảo vệ.

“Ai đấy,” Isaac hỏi.

“Cháu là Daniel Sempere đây, ông

Isaac.”

Tôi nghĩ có thể nghe thấy ông ấy chửi thề trong bụng. Rồi tiếp theo là hàng ngàn tiếng cọt két cọt két của hệ thống khóa phức tạp. Cuối cùng cánh cửa mở ra chừng dăm ba xăng ti mét, khuôn mặt điều hâu của Isaac Monfort lộ ra dưới ánh đèn dầu. Nhìn thấy tôi, ông bảo vệ thở dài và trợn tròn mắt.

“Tôi thật ngu ngốc. Tôi không biết sao mình lại hỏi,” ông ta nói. “Còn ai khác nữa vào giờ này?”

Isaac đang khoác trên mình thứ trang phục kỳ lạ kết hợp giữa áo ngủ, áo tắm và áo khoác quân đội Nga. Đôi dép độn bông thật chẳng phù hợp mấy với

chiếc mũ len sọc ca rô giống như mũ của một giáo sư, lại thêm những quả tua rua.

“Cháu hy vọng ông chưa đi ngủ giờ này,” tôi nói.

“Chưa đâu. Ta mới chỉ bắt đầu câu nguyện...”

Ông nhìn Bea như thể vừa nhìn thấy một lô thuốc nổ đang châm ngòi dưới chân. “Vì lợi ích của cháu, ta hy vọng chuyện này nhìn vậy mà không phải vậy,” ông ta đe dọa.

“Ông Isaac, đây là Beatriz, bạn cháu, cháu mong ông cho phép cháu dẫn cô ấy đi xem nơi này. Ông đừng lo, cô ấy rất đáng tin.”

“Cậu Sempere, ta biết nhiều đũa oắt con lẫm chẫm tập đi nhưng mà khôn ngoan hơn cậu đấy.”

“Sẽ không mất nhiều thời gian đâu ạ.”

Isaac khịt mũi bỏ cuộc, đoạn thận trọng nhìn Bea, giống như một cảnh sát đa nghi.

“Cô có biết mình đang đi cùng một thằng ngốc không hả?” ông hỏi.

Bea cười lịch sự. “Cháu cũng bắt đầu nghĩ vậy đấy.”

“Ngây thơ tốt bậc! Cháu biết quy tắc chứ?”

Bea gặt đầu. Isaac lằm bằm trong họng rồi để chúng tôi vào, đoạn lướt nhìn bóng đêm trên phố, như mọi lần.

“Cháu đã đến thăm Nuria, con gái ông,” tôi nói với vẻ tự nhiên. “Chị ấy khỏe. Làm việc vất vả, nhưng vẫn khỏe. Chị ấy gửi lời hỏi thăm ông.”

“Ừ, và cả mùi tên tằm độc nữa. Cậu bịa chuyện chẳng giỏi giang gì, Sempere ạ. Nhưng tôi đánh giá cao nỗ lực đó. Thôi vào đi.”

Khi đã vào trong, Isaac đưa tôi cây nến và khóa cửa lại.

“Khi xong việc, cậu biết phải tìm tôi ở đâu.”

Dưới màn đêm che phủ, chúng tôi chỉ nhìn thấy hình dạng ma quái của cái mê cung sách. Ngọn nến hắt bóng lập lòe dưới chân chúng tôi. Bea dừng lại, kinh ngạc trước lối vào mê cung. Tôi mỉm cười, nhận ra khuôn mặt nàng cũng biểu lộ cái vẻ y hệt mặt như cha tôi đã nhìn thấy ở tôi nhiều năm trước đây. Chúng tôi đi vào những đường dẫn và gian phòng của mê cung; chúng cọt kẹt dưới chân chúng tôi. Những dấu vết tôi đã tạo ra ở lần xâm nhập trước vẫn còn đây.

“Đi nào, anh muốn cho em xem cái này,” tôi nói.

Không dưới một lần chúng tôi mất dấu và phải quay lại một đoạn để tìm dấu

gần nhất. Bea nhìn tôi với vẻ cảnh giác xen lẫn thích thú. Chiếc la bàn sinh học của tôi mách rằng chúng tôi đang mắc kẹt trong một điểm nút của những vòng xoáy ốc từ từ tiến vào tâm mê cung. Cuối cùng tôi cũng tìm lại được dấu vết bước chân mình trong cái mớ hỗn độn những lối đi và ngách chui cho đến khi tôi vào một lối nhỏ trông có vẻ như là một khoảng hẹp giữa hai giá sách, vươn dài vào chón thâm u. Tôi quỳ xuống cạnh giá sách cuối cùng và tìm người bạn cũ ẩn giấu đằng sau một dãy sách bụi phủ – dưới ánh nến, lớp bụi sáng lên như sương giá. Tôi lấy cuốn sách ra đưa cho Bea.

“Cho phép anh giới thiệu em với Julián Carax.”

“*Bóng hình của gió,*” Bea đọc, mân mê những chữ cái nhạt nhòa trên bìa

“Em có thể lấy nó không?” nàng hỏi.

“Em có thể lấy bất cứ cuốn nào trừ cuốn này.”

“Như thế không công bằng. Sau tất cả những gì anh kể, đây chính là cuốn em muốn.”

“Có lẽ một ngày nào đấy. Nhưng không phải hôm nay.”

Tôi lấy lại cuốn sách từ tay nàng và để vào chỗ giấu.

“Em sẽ quay lại lấy một mình mà

anh chẳng biết đâu.”

“Cả ngàn năm nữa em cũng không tìm được.”

“Đó là anh nghĩ thôi. Em đã thấy những dấu khắc của anh, và em cũng biết câu chuyện Minotaur.”

“Isaac sẽ không cho em vào.”

“Anh nhầm rồi. Ông ấy quý em hơn quý anh đấy.”

“Sao em biết được?”

“Em có thể đọc mắt người khác.”

Mặc dù không muốn, nhưng tôi tin lời nàng, nên tôi quay mặt đi.

“Em chọn một cuốn khác nhé. Đây này, cuốn này có vẻ hứa hẹn. *Lợn thiến Castile, Loài thú lạ: Đi tìm nguồn gốc thịt lợn Iberan*, của tác giả Anselmo Torquemada. Anh dám chắc nó được bán nhiều hơn bất cứ cuốn sách nào của Julián Carax. Mỗi phần của con lợn đều có thể hữu ích.”

“Em thích cuốn này hơn.”

“*Nàng Tess nhà Urbervilles*^[1] . Đó là bản gốc đấy. Em cả gan đọc tác phẩm của Hardy bằng tiếng Anh cơ à?”

[1. Tess of the d'Urbervilles. Tác phẩm này của Thomas Hardy có hai bản dịch bằng tiếng Việt. Bản Trinh nữ, Nguyễn Quỳnh dịch và bản Người tình

đầu tiên, người yêu cuối cùng, Nguyễn Đan Tâm dịch (theo sachxua.net).]

Nàng lườm tôi.

“Vậy thì tất cả là của em đấy.”

“Anh không thấy sao? Cảm giác như nó đang đợi em. Như thể nó đã ẩn nấp ở đây chờ em ngay cả trước khi em sinh ra.”

Tôi nhìn nàng kinh ngạc. Đôi môi Bea nở một nụ cười. "Em vừa nói gì nhỉ?"

Và, không hề suy nghĩ, tôi vượt khế đôi môi ấy, rồi hôn nàng.

KHI CHÚNG TÔI về tới cửa nhà Bea thì đã qua nửa đêm. Chúng tôi đi hầu hết quãng đường mà không nói gì, không dám biến ý nghĩ của chúng tôi thành lời nói. Chúng tôi bước cách xa, lẫn tránh nhau. Bea đi trước với cuốn *Tess* kẹp trong tay, và tôi theo sau một bước, vẫn nhăm nháp vị đôi môi nàng. Cách Isaac nhìn tôi khi chúng tôi rời Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên vẫn còn trong tâm trí tôi. Đây là cái nhìn tôi biết rõ và đã bắt gặp hàng ngàn lần ở cha tôi, một ánh nhìn như muốn hỏi tôi có hiểu chút xíu gì điều tôi đang làm hay không. Những giờ qua, tôi đã lạc trong một thế giới khác, một vũ trụ những đụng chạm vào ánh nhìn mà tôi

không hiểu nổi, những đụng chạm và ánh nhìn đã xóa sạch cả lý trí lẫn ngưng ngừng. Bây giờ, quay trở lại chốn thực tại luôn rình rập chờ đợi trong bóng đen của khu phố Ensanche, cơn đam mê đã vơi đi, trong tôi chỉ còn lại một khao khát đau nhói và bồn chồn khó tả. Nhưng chỉ cần nhìn Bea là đủ để tôi nhận ra những ngờ vực của tôi chỉ như cơn gió thoảng so với bão tố đang vùn vũ trong lòng nàng. Chúng tôi đứng trước cửa nhà nàng và nhìn nhau không cố làm điệu bộ. Một người gác đêm có giọng ngọt lừ đứng đỉnh bước về phía chúng tôi, vừa đi vừa âm ư một điệu bolero theo nhịp leng keng của chùm chìa khóa.

“Có lẽ em muốn chúng ta không

tiếp tục gặp nhau nữa,” tôi ướm lời, không mấy tin tưởng.

“Em không biết, Daniel ạ. Em không biết gì cả. Anh muốn vậy sao?”

“Không. Tất nhiên là anh muốn gặp em chứ. Còn em?”

Nàng lắc đôi vai và mỉm cười yếu đuối. “Anh nghĩ sao?” nàng hỏi. “Lúc chiều ở sân trường, em đã nói dối anh.”

“Về điều gì?”

“Về việc không muốn gặp anh hôm nay.”

Người gác đêm đứng đợi, mỉm cười với chúng tôi, rõ ràng chẳng mấy

quan tâm đến lời thì thầm của chúng tôi trước cửa. Với ông ta, vốn đầy kinh nghiệm trước những chuyện như vậy, hẳn mấy lời đó chỉ là một mớ sáo rỗng tầm thường.

“Đừng lo cho tôi, không có gì phải vội đâu,” ông ta nói. “Tôi sẽ lại đây kia hút điếu thuốc, lúc nào xong thì cho tôi biết.”

Tôi chờ người bảo vệ đi khỏi.

“Bao giờ anh được gặp lại em đây?”

“Em không biết, Daniel.”

“Ngày mai nhé?”

“Thôi mà, Daniel. Em không biết.”

Tôi gật đầu. Nàng vuốt mặt tôi.

"Anh nên về đi."

“Dù sao thì em cũng biết phải tìm anh ở đâu.”

Nàng gật đầu.

“Anh sẽ đợi đây.”

“Em cũng vậy.”

Trong khi quay bước, tôi không thể rời mắt khỏi nàng. Người gác đêm, một chuyên gia trong những tình huống như thế này, đã sẵn sàng bước tới mở cửa cho nàng.

“Đồ khôn lỏi,” ông ta rĩ tai khi

bước qua, không phải là không thán phục. "Cô bé mới xinh đẹp làm sao chứ!"

Tôi đợi cho đến khi Bea vào trong tòa nhà rồi mới bước đi vội vã, mỗi bước một ngoạn nhìn. Dần dần, tôi trở nên bị ám ảnh bởi niềm tin ngớ ngẩn rằng mọi thứ đều có thể, và dường như với tôi những con phố hoang vắng kia và cơn gió khắc nghiệt kia cũng dấy lên mùi hy vọng. Khi đến Quảng Trường Cataluna, tôi nhận ra một đàn bò câu đã tụ tập ở trung tâm quảng trường. Chúng che phủ khoảng trung tâm bằng một tấm chăn lông vũ màu trắng hơi chút rung rinh. Tôi nghĩ sẽ tránh đường chúng nhưng lúc ấy tôi nhận ra đàn bò câu rẽ đường để tôi đi

qua chứ không bay lên. Tôi bước đi, trong khi những con bồ câu tẽ ra hai bên trước mặt tôi rồi khép vòng lại đằng sau. Khi vào giữa quảng trường, tôi nghe một hồi chuông nhà thờ vang lên trong đêm. Tôi dừng lại một lúc, bị mắc cạn giữa một đại dương những con chim óng ánh bạc, và nghĩ đây là ngày lạ lùng và kỳ diệu nhất trong đời mình.

Chương 22

ĐÈN CỬA HÀNG vẫn sáng khi tôi băng qua đường tiến về cửa kính bày hàng. Tôi nghĩ có lẽ cha tôi thức khuya để cập nhật thư từ hoặc tìm lý do nào đấy để chờ tôi và gặng hỏi về cuộc hẹn của tôi với Bea. Tôi thấy một dáng người đang xếp một chồng sách và nhận ra khuôn mặt hốc hác, lo lắng của Fermín, anh ta đang mài tập trung. Tôi gõ nắm tay lên khung cửa. Fermín nhìn ra, ngạc nhiên vui mừng, và ra hiệu cho tôi đi qua lối cửa sau.

“Anh vẫn làm việc sao Fermín?”

Muộn lắm rồi đây.”

“Tôi đang giết thời gian, chờ tới lượt mình đến trông Don Federico. Tôi với Eloy ở nhà bác sĩ nhãn khoa thay phiên nhau. Dù gì tôi cũng không ngủ được nhiều. Cùng lắm chỉ vài ba tiếng. Mà cậu xem lại mình đi, chẳng trách tôi được đâu. Đã quá nửa đêm rồi, tôi đoán cuộc gặp của cậu với cô kia hẳn phải thành công mỹ mãn.”

Tôi nhún vai. "Thật sự là tôi không biết," tôi thú nhận.

“Cậu chưa làm ăn gì được sao?”

“Chưa.”

“Tín hiệu tốt đấy. Đừng bao giờ tin

vào những cô gái chịu bị sờ mó ngay buổi đầu. Còn những cô cần sự chấp nhận của cha xứ lại càng khó tin hơn. Miếng thịt ngon – xin cậu thứ lỗi cho sự so sánh này – cần phải nấu cho chín tái. Tất nhiên, nếu có cơ hội thì đừng ngần ngại, phải chén ngay. Nhưng nếu cậu đang tìm kiếm cái gì đó nghiêm túc, như mối quan hệ của tôi với Bernarda chẳng hạn, thì hãy nhớ quy tắc vàng đó.”

“Quan hệ của anh nghiêm túc thật à?”

“Còn hơn cả nghiêm túc ấy chứ. Thiêng liêng là đằng khác. Còn cậu với cô bé yêu Beatriz này thì thế nào nhỉ? Cậu có thể thấy rõ là cô ấy đáng giá ngàn

vàng, nhưng vấn đề chính là thế này: cô ấy có phải người khiến cậu yêu hay chỉ là hạng khiến cậu xốn xang khu hạ bộ?”

“Tôi không có một chút ý niệm gì hết,” tôi nói. “Có lẽ cả hai.”

“Này Daniel. Chuyện này giống như chúng khó tiêu ấy mà. Cậu có nhận thấy điều gì ở chỗ này không, trong thực quản ấy - như thể cậu vừa nuốt một cục gạch ấy? Hay cậu chỉ cảm thấy sốt sáng chung chung vậy thôi?”

“Nghe có vẻ giống cục gạch hơn,” tôi nói, mặc dù không phủ nhận hoàn toàn cơn sốt sáng.

“Nghĩa là chuyện này nghiêm túc.

Cầu Chúa phù hộ! Nào, ngồi xuống đây, để tôi pha cho cậu tách trà đoan.”

Chúng tôi ngồi xuống bàn ở phòng sau, xung quanh là sách. Thành Phố đã đi ngủ, và hiệu sách giống như một con thuyền lênh đênh trên biển cả âm u tĩnh lặng. Fermín đưa tách trà nóng bốc hơi cho tôi và mỉm cười hơi chút ngượng nghịu. Điều gì đó khiến anh ta lo lắng.

“Tôi có thể hỏi cậu một câu riêng tư được không, Daniel?”

“Tất nhiên rồi.”

“Và tôi mong cậu trả lời thẳng thắn,” anh ta nói, đoan hắng giọng. “Cậu có nghĩ tôi sẽ trở thành một người cha

được không?”

Hắn anh ta thấy vẻ mặt bối rối của tôi, nên bèn nhanh chóng nói thêm, "Ý tôi không phải là cha về mặt sinh học – có thể trông tôi hơi còi cọc một ít, nhưng Thượng đế run rủi ban cho tôi sức mạnh và sự cuồng nhiệt của một con bò chiến. Tôi đang nói đến kiểu cha khác. Một người cha tốt, nếu cậu hiểu ý tôi."

“Một người cha tốt ư?”

“Đúng. Như cha cậu ấy. Một người có khối óc, có con tim và tâm hồn. Một người có thể lắng nghe, biết định hướng và tôn trọng một đứa trẻ, và không truyền nhiễm thói xấu của mình cho nó. Người mà đứa trẻ sẽ yêu thương không chỉ vì

đây là cha nó, mà còn ngưỡng mộ vì con người anh ta nữa. Người mà khi lớn lên nó muốn được giống như vậy.”

“Sao anh hỏi tôi chuyện này, Fermín? Tôi cứ nghĩ anh không tin vào hôn nhân và gia đình. Chỉ tổ thêm nặng gánh, anh nhớ chứ?”

Fermín gật đầu. "Nghe này, tất cả những thứ đó chỉ dành cho kẻ chơi bời thôi. Hôn nhân và gia đình chỉ là những gì chúng ta quan niệm. Nếu không, chúng chỉ là một ổ đạo đức giả. Những lời rác rưởi và vô nghĩa. Nhưng nếu có tình yêu thật sự, thứ tình yêu mà ta không đi khoe khoang kê lễ khắp nơi, thứ tình yêu mà ta cảm nhận, mà ta sống..."

“Anh thay đổi rồi, Fermín ạ.”

“Đúng vậy đây. Bernarda đã khiến tôi muốn trở thành một người tốt hơn.”

“Bằng cách nào vậy?”

“Để tôi có thể xứng đáng với cô ấy. Lúc này cậu không thể hiểu những chuyện như vậy đâu, vì cậu còn trẻ. Nhưng đến thời điểm thích hợp, cậu sẽ hiểu rằng đôi khi điều quan trọng không phải là thứ chúng ta cho đi mà là thứ chúng ta từ bỏ. Bernarda và tôi đã nói chuyện. Cô ấy là một người mẹ tốt, cậu biết rồi đây. Cô ấy không nói ra, nhưng tôi nghĩ điều duy nhất trên đời khiến cô ấy thực sự hạnh phúc chính là trở thành người mẹ. Và đối với tôi kiểu phụ nữ ấy

còn ngọt hơn cả đào đóng hộp dầm xi rô. Chỉ cần phải nói rằng, với cô ấy, tôi sẵn sàng vào nhà thờ sau ba mươi hai năm không đi lễ, và học thuộc bài ca Thánh Seraph hoặc làm bất cứ thứ gì cần.”

“Anh không thấy mình vội vã quá sao Fermím? Anh chỉ mới gặp chị ấy...”

“Nghe này, Daniel, đến tầm tuổi của tôi cậu sẽ bắt đầu nhìn nhận sự việc như nó vốn có không thì cậu coi như xong. Trên đời này chỉ có ba hoặc bốn thứ là đáng sống, còn lại là đồ cứt hết. Tôi đã rong chơi nhiều rồi, giờ tôi biết điều duy nhất tôi thực sự muốn là làm Bernarda hạnh phúc và một ngày nào đây được chết trong tay cô ấy. Tôi muốn trở

lại làm một người đàn ông đáng kính, hiểu không? Không phải cho bản thân tôi – với tôi, tôi chẳng coi ra gì cái tôn trọng của cái bầy đàn chúng ta gọi là loài người – mà là vì sự tôn trọng của cô ấy. Bởi vì Bernarda tin vào những điều như vậy – vào các vở kịch suốt mười trên đài, vào các cha đạo, vào sự kính trọng, và đức Mẹ Đồng trinh. Cô ấy là như vậy, và tôi muốn cô ấy y như vậy. Tôi thậm chí còn thích những sợi lông mọc trên cằm cô ấy. Và đó là lý do tôi muốn trở thành một người mà cô ấy có thể tự hào. Tôi muốn cô ấy nghĩ, Fermín của mình là một người đàn ông tuyệt quá xá rồi, như Cary Grant, Hemingway hay Manolete ấy.”

Tôi khoanh tay, nhận định tình huống. "Anh đã nói hết chuyện này với chị ấy chưa? Về việc có con chung ấy?"

"Chúa ơi không. Cậu coi tôi là loại gì chứ? Cậu nghĩ tôi sẽ chạy quanh mà nói với phụ nữ rằng tôi muốn làm họ trưng bụng hả? Không phải vì tôi không thích như vậy, hiểu không? Cứ lấy Mercedes ngốc nghếch làm ví dụ nhé: tôi sẽ khiến cô ả sinh ba một lúc và thấy mình đang ở đỉnh cao thế giới, nhưng..."

"Anh đã nói với Bernarda rằng anh muốn có một gia đình chưa?"

"Những thứ đó không cần phải nói ra, Daniel ạ. Chúng thể hiện ra mặt rồi."

Tôi gật đầu. “Vậy thì ý kiến của tôi có giá trị gì chứ, tôi chắc anh sẽ là người cha, người chồng tuyệt vời. Và vì anh không tin vào những điều đó, nên anh sẽ không bao giờ chấp nhận như vậy. “

Khuôn mặt anh ta hóa thành niềm hạnh phúc. "Cậu nói thật chứ?"

“Tất nhiên.”

“Cậu đã trút cho tôi một gánh nặng khổng lồ trong lòng. Vì cứ hễ nghĩ đến cha tôi và nghĩ rằng rốt cuộc tôi cũng sẽ thành người như ông ấy là tôi lại muốn đi triệt sản.”

“Đừng lo, Fermín. Hơn nữa, hẳn không có biện pháp khả dĩ nào làm triệt

khả năng sinh đẻ của anh đâu.”

“Đúng lắm,” anh ta đáp lại. “Thôi câu đi ngủ một chút đi, tôi không giữ cậu nữa.”

“Anh không quấy rầy tôi đâu, Fermín. Tôi có cảm tưởng mình sẽ không thể chợp mắt ngay được.”

“Tìm niềm vui trong nỗi đau... Mà này, cậu còn nhớ chuyện hòm thư chứ?”

“Anh phát hiện ra điều gì à?”

“Tôi đã bảo cậu để việc đó cho tôi. Vào giờ nghỉ trưa hôm nay, tôi đến bưu điện nói chuyện với một người quen cũ làm việc ở đó. Hòm thư PO 2321 là của một người nào đó tên José María

Requejo, một luật sư có văn phòng đặt ở phố León XIII. Tôi thử kiểm tra địa chỉ của tay luật sư này và không ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng nó không tồn tại, mặc dù tôi nghĩ cậu đã biết điều đó. Đã nhiều năm nay có một người nhận các thư từ gửi đến địa chỉ ấy. Tôi biết được là vì một số thư do một công ty bất động sản gửi đến là thư bảo đảm, bắt buộc phải có chữ ký và ghi rõ họ tên trên giấy biên nhận.”

“Người này là ai? Nhân viên của luật sư Requejo sao?” tôi hỏi.

“Chưa biết chắc, nhưng tôi không tin là vậy. Hoặ là tôi nhầm hoặ tay Requejo này tồn tại trên cùng chuyến

máy bay với đức Mẹ Fátima^[1]. Tôi chỉ có thể nói với cậu tên của người nhận thư: Nuria Monfort.”

[1. Tên gọi khác của đức Mẹ Đồng trinh.]

Tôi cảm thấy như máu đang chảy ra khỏi người mình.

“Nuria Monfort sao? Anh có chắc không Fermín?”

“Chính mắt tôi nhìn thấy những phiếu thu đó. Tên và số chứng minh của cô ta trên tất cả các chứng từ đó. Tôi suy ra, từ vẻ mặt tái mét của cậu, rằng điều này khiến cậu ngạc nhiên.”

“Rất nhiều đấy.”

“Có thể cho tôi biết Nuria Monfort là ai không? Gã nhân viên nói chuyện với tôi kể rằng anh ta nhớ cô này rất rõ vì cách đây hai tuần cô ấy đến đó để nhận thư, và, theo ý kiến không thiên vị của anh ta, cô ấy còn hấp dẫn hơn cả *thần Vệ nữ*, với bộ ngực săn chắc. Tôi tin nhận định của anh ta, vì trước chiến tranh anh ta là giáo sư mỹ học – nhưng anh ta cũng là họ hàng xa của Lãnh tụ phe xã hội Largo Caballero, nên hiển nhiên giờ anh ta ngồi liếm phong bì.”

“Hôm nay tôi đã gặp người phụ nữ đó, tại nhà chị ta.” tôi lẩm nhẩm.

Fermín nhìn tôi kinh ngạc. "Gặp Nuria Monfort ư? Tôi bắt đầu nghĩ là tôi

đánh giá sai về cậu rồi, Daniel. Cậu trở nên khá chơi bời đấy.”

“Không phải như anh nghĩ đâu, Fermín.”

“VẬY thì đó là thiệt thòi cho cậu. Vì ở tuổi cậu, tôi hoạt động như phòng nhạc El Molino – diễn sáng, diễn chiều, diễn đêm, diễn tốt.”

Tôi nhìn chăm chăm người đàn ông nhỏ xíu, gầy còm, hốc hác này, với cái mũi to và nước da vàng ệch, và nhận ra anh ta đang trở thành người bạn thân nhất của mình.

“Tôi có thể kể anh nghe chuyện này được không, Fermín? Một chuyện mà

tôi bận tâm từ lâu?”

“Tất nhiên rồi. Bất cứ điều gì. Đặc biệt nếu đó là chuyện gây sốc, và liên quan đến cô ả ngon nghề này.”

Lần thứ hai trong đêm ấy, tôi bắt đầu kể câu chuyện Julián Carax và bí ẩn cái chết của ông ta. Fermín lắng nghe chăm chú, ghi chép vào sổ, thỉnh thoảng ngắt lời tôi để hỏi vài chi tiết mà tôi quên mất là liên hệ đâu vào đâu. Càng nghe chính mình nói, tôi càng thấy rõ ràng có nhiều lỗ hổng trong câu chuyện này. Không dưới một lần đầu óc tôi đâm trống rỗng và ý nghĩ của tôi trở nên rời bời, khi tôi cố tìm hiểu xem tại sao Nuria Monfort lại nói dối tôi. Tất cả chuyện

này có ý nghĩa gì? Tại sao chị ta, trong nhiều năm trời, lại đi nhận những bức thư được chuyển đến một văn phòng luật sư không hề tồn tại vốn được cho là đại diện chịu trách nhiệm quản lý căn hộ của Fortuny-Carax ở Ronda de San Antonio? Tôi không nhận ra mình đang nói lên thành lời những ngờ vực đó.

“Chúng ta chưa biết tại sao cô ấy lại lừa dối cậu,” Fermín nói. “Nhưng chúng ta có thể phỏng đoán rằng nếu cô ta lừa dối cậu trong chuyện này, cô ta có lẽ đã làm vậy trong những chuyện khác.”

Tôi thở dài, hoàn toàn lạc hướng. “Anh có ý gì không, Fermín?”

Fermín Romero de Torres thở dài

rồi chung ra vẻ mặt đậm chất Socrates nhất của anh ta. “Tôi sẽ nói cho cậu điều chúng ta có thể làm. Chủ nhật tới, nếu cậu đồng ý, chúng ta sẽ đến trường San Gabriel, chuyến thăm ngẫu nhiên thôi, và chúng ta sẽ làm một vài cuộc điều tra liên quan đến nguồn gốc mối quan hệ giữa anh bạn Carax này và anh chàng kia, cậu bé nhà giàu ấy...”

“Aldaya.”

“Tôi có cách ứng phó với các ông thầy tu, cậu sẽ thấy, thậm chí chỉ vì trông tôi giống như một ông thầy tu ranh mãnh. Tôi sẽ dụ khị họ, khiến họ phải thè lưỡi ra.”

“Anh có chắc không?”

“Tuyệt nhiên. Tôi đảm bảo cái lũ này sẽ hát như dàn đồng ca nam Montserrat.”

Chương 23

CẢ NGÀY THỨ BẢY TÔI CỨ MƠ MÀNG, ngồi chôn chân sau quầy hy vọng chờ một phép màu để được thấy Bea đi qua cửa. Mỗi khi có chuông điện thoại, tôi vội vã chạy lại, giật lẩy ống nghe từ tay cha tôi hoặc Fermín. Đến giữa buổi chiều, sau chừng hai mươi cuộc gọi của khách hàng mà không có tin tức gì của Bea, tôi bắt đầu chấp nhận rằng thế giới và sự tồn tại đáng thương của tôi đang đến hồi kết. Cha tôi đi chào giá cho một bộ sưu tập ở San Gervasio, và Fermín tranh thủ tình hình để thuyết những bài giảng bậc thầy của anh ta về

bao nhiêu là bí ẩn của tình yêu lãng mạn.

“Thôi bình tĩnh đi nào, không cậu sẽ bị sỏi thận đấy,” Fermín khuyên tôi. “Cái chuyện tán tỉnh này ấy mà, nó như là điệu tango ấy: lộ bịch, thuần túy tô điểm thôi. Nhưng cậu là đàn ông, nên cậu phải chủ động.”

Mọi thứ bắt đầu trở nên khá nghiêm túc. “Chủ động ư? Tôi sao?”

“Thế cậu mong điều gì nào? Để được đái đứng thì người ta cũng phải trả giá chứ.”

“Nhưng Bea bảo rằng cô ấy sẽ quay lại tìm tôi.”

“Cậu chả hiểu gì phụ nữ cả, Daniel

a. Tôi dám lấy phần thưởng Giáng sinh của tôi ra cá rằng con gà nhỏ ấy giờ đang ngồi nhà ngóng nhìn ra cửa sổ giống như nàng Camellias ấy, đợi cậu đến giải thoát cô ấy khỏi ông bố ngu ngốc kia, đặng lôi cô ấy vào vòng xoáy đam mê tội lỗi.”

“Anh có chắc không?”

“Chắc như hai với hai là bốn.”

“Sẽ làm sao nếu cô ấy quyết định không muốn gặp tôi nữa?”

“Nghe này, Daniel. Phụ nữ mà, không tính những ngoại lệ đặc biệt như cái cô Mercedes hàng xóm của cậu, còn thì họ thông minh hơn chúng ta, hoặc ít nhất là trung thực với chính bản thân họ

về việc điều gì họ muốn điều gì họ không. Còn họ sẽ đi nói cho cậu nghe hay là nói cho thế giới biết thì là chuyện khác. Cậu đang đối mặt với bí ẩn của tự nhiên đấy, Daniel ạ. Phụ nữ là một ma trận không thể hóa giải nổi. Nếu cậu cho cô ấy thời gian suy nghĩ thì cậu sẽ thua trắng đấy. Hãy nhớ: trái tim nóng, cái đầu lạnh. Đây là quy tắc của kẻ đi quyền rũ.”

Fermín đã toan kể ra tỉ mỉ về những chi tiết và kỹ thuật tán tỉnh thì chuông cửa reo và bạn tôi, Tomás Aguilar, bước vào. Tim tôi như ngừng một nhịp. Chúa đã không gửi Bea đến cho tôi mà cử anh trai nàng đến. Một điềm báo định mệnh, tôi nghĩ. Tomás có

vẻ ủ rũ và chán nản.

“Thật là vẻ mặt đũa đám, Don Tomás,” Fermín nhận xét. “Tôi hy vọng ít nhất cậu cũng uống một tách cà phê chứ?”

“Tôi không từ chối đâu,” Tomás nói với vẻ lãnh đạm thường thấy.

Fermín rót cho cậu ấy một tách cà phê pha sẵn từ ấm giữ nhiệt. Nó toát ra mùi rất giống rượu anh đào.

“Có chuyện gì vậy?” tôi hỏi.

Tomás nhún vai. “Chẳng có gì mới. Bố tớ lại có một ngày thịnh nộ, và tớ nghĩ nên ra khỏi nhà kiếm chút không khí trong lành.”

Tôi nhấp một ngụm. “Sao thế?”

“Có Chúa biết. Tôi qua Bea về nhà rất muộn. Bố tớ thức đợi nó, rồi một trận đòn như mọi khi. Nó không chịu nói đã ở đâu hay với ai, làm bố tớ phát điên. Ông gào lên và chửi mắng đến tận bốn giờ sáng, chửi nó đủ các thứ, mà dĩ thừa là từ nhẹ nhất. Ông thề sẽ đưa nó vào tu viện và nếu nó quay về mà có mang thì ông sẽ tống cổ nó ra đường.”

Fermín nhìn tôi cảnh tỉnh. Những giọt mồ hôi lăn xuống lưng tôi dần lạnh hơn.

“Sáng nay,” Tomás nói tiếp, “Bea giam mình trong phòng, và cứ ở như vậy

cả ngày. Bố tớ ngồi lì trong phòng ăn để đọc báo và nghe nhạc kịch trên đài, vắn to hết cỡ. Trong phút tạm nghỉ của vở *Luisa Fernanda*, tớ phải ra khỏi nhà vì tớ sắp phát điên mất.”

“À, có lẽ em gái cậu ra ngoài cùng vị hôn phu, cậu không nghĩ vậy sao?” Fermín chọc vào. “Chuyện đó hoàn toàn tự nhiên thôi.”

Tôi đưa chân dưới gầm đá Fermín, nhưng anh ta nhanh nhẹn tránh được.

“Hôn phu của nó đang làm nghĩa vụ quân sự,” Tomás nói. “Phải hai tuần nữa cậu ta mới được nghỉ phép. Với cả, khi đi chơi với cậu ta thì muộn nhất là tám giờ nó về nhà.”

Tôi đưa chân dưới gầm bàn đá Fermín, nhưng anh ta nhanh nhẹn tránh được.

"Hôn phu của nó đang làm nghĩa vụ quân sự," Tomás nói. "Phải hai tuần nữa cậu ta mới được nghỉ phép. Với cả, khi đi chơi với cậu ta thì muộn nhất là tám giờ nó về nhà."

"Thế cậu có biết cô bé đi đâu hay với ai không?"

"Cậu ấy đã nói rồi là cậu ấy không biết, Fermín," tôi xen vào, sốt sắng muốn đổi chủ đề.

"Bố cậu cũng không biết sao?" Fermín cứ nằng nặc, anh ta đang rất thích

thú.

“Không. Nhưng ông ấy thề sẽ tìm ra và sẽ bẻ gãy chân đấm vỡ mặt hắn khi ông biết hắn là ai.”

Tôi cảm thấy mình tím tái đi. Fermín đưa cho tôi tách cà phê mà không hỏi trước. Tôi nốc sạch chỉ trong một ngụm. Nó có vị dầu diesel âm ỉm. Tomás nhìn tôi nhưng chẳng nói gì – một cái nhìn tối tăm, không thể xuyên thấu.

“Các cậu có nghe thấy không?” Fermín đột nhiên hỏi. “Nghe như hồi trống của một gánh nhào lộn.”

“Không.”

“Này, bụng tôi đang sôi sùng sục.

Tự nhiên tôi thấy đói khủng khiếp... Hai cậu có phiền nếu tôi để hai cậu ở đây và chạy ra hàng bánh kiếm chút gì ăn không? Đây là chưa kể nhân viên bán hàng mới từ Reus đến: cô ta trông ngon đến nỗi mình chỉ muốn nuốt trọn. Cô ta tên María Virtudes, nhưng dù tên như vậy cô ta khá là hư hỏng... Như vậy tôi sẽ để các cậu nói chuyện của mình, được chứ?”

Trong vòng mười giây, Fermín diễn màn biến mất, đi kiếm đồ ăn và gặp cô nàng tươi trẻ. Còn lại tôi và Tomás, bao bọc trong bầu không khí nặng nề như đồng franc Thụy Sĩ. Sau vài phút tôi không chịu đựng nổi nữa.

“Tomás,” tôi mở đầu, miệng khô khốc. “Tôi qua, em gái cậu đi cùng tớ.”

Cậu ta nhìn tôi chăm chăm không hề chớp mắt. Tôi nuốt khó nhọc. “Nói gì đi chứ,” tôi nói.

“Đầu cậu có vấn đề rồi.”

Một phút trôi qua, với tiếng xọt xọt vẳng tới từ ngoài phố. Tomás nâng tách cà phê này giờ cậu chưa hề chạm tới.

“Cậu nói thật chứ?”

“Tớ chỉ gặp cô ấy một lần thôi.”

“Đó không phải câu trả lời.”

“Cậu có phiền không?”

Cậu ta nhún vai. “Cậu nên biết cậu đang làm gì. Cậu sẽ thôi gặp nó vì tờ đề nghị như vậy chứ?”

“Ừ,” tôi nói dối. “Nhưng đừng đòi hỏi tờ như vậy.”

Tomás cúi xuống. “Cậu không hiểu Bea đâu,” cậu lầm bầm.

Tôi không đáp. Vài phút nữa trôi qua mà chúng tôi không ai nói gì, chỉ nhìn những bóng người xám xịt ngấm cửa kính bày hàng, chúng tôi ước gì một trong số đó sẽ quyết định đi vào và giải cứu chúng tôi khỏi sự yên lặng độc hại này. Sau một lúc Tomás bỏ tách cà phê nơi bàn mà đi ra cửa.

“Cậu về sao?”

Cậu gật đầu.

“Mai chúng ta gặp nhau một lúc được chứ?” tôi nói. “Chúng ta có thể đi xem phim, cùng với Fermín, như trước đây.”

Cậu ta dừng lại nơi cửa. “Tớ chỉ nói với cậu một lần duy nhất, Daniel. Đừng làm tổn thương em gái tớ.”

Lúc ra ngoài, cậu ta đi qua Fermín đang trên đường về với một túi đầy bánh cuộn còn nóng hổi. Fermín thấy cậu ta đi vào màn trời nhá nhem, đầu lắc lắc. Anh ta để túi bánh lên bàn và đưa tôi một chiếc *ensaimada* vừa mới ra lò. Tôi từ

chối. Tôi không thể nuốt nổi dù chỉ là một viên thuốc giảm đau.

“Cậu ấy sẽ vượt qua chuyện này thôi, Daniel. Rồi cậu sẽ thấy. Bạn bè với nhau cũng thường có những chuyện như này.”

“Tôi không biết,” tôi lẩm bẩm.

Chương 24

FERMÍN VÀ TÔI GẶP NHAU

lúc bảy giờ sáng Chủ nhật tại Canaletas Café. Fermín đãi tôi một ly cà phê và bánh mì trông như đá bọt, dù có bơ phết lên. Phục vụ chúng tôi là một tay bồi bàn đeo phù hiệu phát xít trên ve áo và để ria con kiến. Gã ta không ngừng hát ư ử một mình, và khi được hỏi tại sao lại có tâm trạng vui vẻ như vậy, gã giải thích là mới được làm cha từ hôm trước. Chúng tôi chúc mừng gã, và gã khăng khăng tặng mỗi chúng tôi một miếng xì gà để hút nhân dịp có đứa con đầu lòng. Chúng tôi nói là sẽ hút. Fermín cứ liếc nhìn gã luôn,

rồi chau mày, tôi ngờ anh ta đang âm mưu gì đây.

Lúc ăn sáng, Fermín khởi động cuộc điều tra hôm nay bằng cách vạch ra những điểm chính của bí ẩn này.

“Tất cả bắt đầu từ tình bạn chân thành giữa hai cậu bé, Julián Carax và Jorge Aldaya, là bạn học từ lúc còn nhỏ, giống như Don Tomás và cậu. Trong nhiều năm mối quan hệ này tốt đẹp. Những người bạn không chia cách nhau với cả cuộc đời trước mặt, và công việc. Tuy nhiên, xung đột thỉnh thoảng vẫn nảy sinh làm hỏng mối quan hệ này. Nói ngắn gọn theo cách nhà soạn kịch phòng trà, xung đột mang tên một người con gái:

Penélope. Rất đậm chất Homer. Cậu có nghe không đấy?”

Điều duy nhất tôi nghĩ đến trong đầu là câu nói cuối cùng của Tomás đêm hôm trước ở hiệu sách: “Đừng làm tổn thương em gái tớ.” Tôi thấy buồn nôn.

“Năm 1919, Julián Carax bỏ đi Paris, theo phong cách Odysseus,” Fermín tiếp tục. “Bức thư, do Penélope ký tên, mà anh ta không bao giờ nhận được, xác nhận rằng cô gái bị nhốt trong nhà, một tù nhân của chính gia đình mình vì một lý do còn chưa rõ, và tình bạn giữa Aldaya và Carax kết thúc. Hơn nữa, theo Penélope, anh trai Jorge của nàng đã thề rằng nếu anh ta gặp lại bạn cũ

Julián, anh ta sẽ giết anh chàng. Lời nói tàn nhẫn đánh dấu chấm hết một tình bạn. Không cần phải là Pasteur thì ta cũng đoán được rằng mối xung đột là hệ quả trực tiếp của quan hệ giữa Penélope và Carax.”

Mồ hôi lạnh rịn đầy trán tôi. Tôi có thể cảm thấy cà phê và mấy miếng bánh mì vừa nuốt vào chực trào lên họng.

“Tuy nhiên, chúng ta phải giả định rằng Carax không bao giờ biết được chuyện gì xảy ra với Penélope, bởi vì lá thư không đến được tay chàng. Anh chàng biến mất vào làn sương mù Paris, nơi chàng ta sống một cuộc đời vật vờ

giữa công việc nhạc công dương cầm trong một câu lạc bộ tạp kỹ và sự nghiệp thê thảm là một tiểu thuyết gia thất bại. Những năm tháng ở Paris này là một ẩn số. Thứ duy nhất còn lại đến ngày hôm nay là một tác phẩm văn chương bị lãng quên gần như đã biến mất. Chúng ta biết rằng đã có lúc chàng ta quyết định kết hôn một mệnh phụ bí ẩn và giàu có, gấp đôi tuổi chàng. Bản chất của cuộc hôn nhân đó, nếu chúng ta chấp nhận lời của nhân chứng, dường như là một hành động từ thiện hoặc tình hữu hảo nhân danh một phụ nữ ốm đau hơn là vì tình yêu. Cho dù cậu có nhìn nhận nó trên khía cạnh nào, thì nhà bảo trợ nghệ thuật này, lo sợ cho tương lai tài chính của người được bảo

trợ, đã quyết định để lại tài sản của mình cho anh ta và nói lời tạm biệt thế giới này bằng một cuộc mây mưa để tăng thêm phần cao quý cho mục đích của mình. Người Paris là như vậy.”

“Có lẽ đó là một tình yêu đích thực,” tôi gợi ý, giọng lí nhí.

“Này Daniel, cậu có ổn không đấy? Trông cậu tái quá, cậu đang vã mồ hôi như tắm ấy.”

“Tôi ổn,” tôi nói dối.

“Như tôi đã nói. Tình yêu giống như miếng thịt lợn: có miếng lườn và cũng có miếng mỡ. Mỗi phần có vị trí và chức năng riêng. Carax đã tuyên bố

anh ta không xứng đáng với bất cứ tình yêu nào nữa, mà thật, như chúng ta biết, không câu chuyện tình yêu lãng mạn nào được ghi nhận trong những năm anh ta ở Paris. Tất nhiên, làm việc trong một nhà chứa như vậy, có lẽ cái ham muốn bản năng của anh ta được thỏa mãn bằng cách kết thân với mấy cô ả ở đấy, như thể đó là một phần thưởng của công việc, có thể nói như vậy. Nhưng điều này hoàn toàn suy đoán. Chúng ta hãy quay lại thời điểm công bố hôn lễ giữa Carax và người bảo trợ. Đó là lúc Jorge Aldaya tái xuất trên bản đồ câu chuyện u ám này. Chúng ta biết anh ta đã liên hệ với nhà xuất bản của Carax ở Barcelona để tìm ra nơi ở của tiểu thuyết gia. Không lâu

sau, vào buổi sáng ngày cưới của mình, Julián Carax đấu sung với một người chưa rõ danh tính tại nghĩa trang Père Lachaise, rồi biến mất. Lễ cưới không bao giờ diễn ra. Từ lúc ấy, mọi thứ trở nên rối rắm.”

Fermín tạm dừng cho thêm phần xúc động, rồi nhìn tôi đầy bí ẩn. “Cứ cho là Carax qua khỏi biên giới nước Pháp, và, thêm một chiêu nữa cho thấy sự khôn ngoan khi lựa chọn thời điểm, quay trở về Barcelona năm 1936 ngay lúc cuộc nội chiến nổ ra. Anh chàng làm gì và ở đâu tại Barcelona trong những tuần này vẫn còn là ẩn số. Chúng ta cứ giả sử anh chàng ở trong thành phố một tháng và trong thời gian đó chàng ta không liên lạc

với người quen. Cả người cha lẫn cô bạn Nuria Monfort cũng không nốt. Rồi người ta thấy anh chàng chết trên phố, bị kết liễu bởi một viên đạn. Không lâu sau, một nhân vật hiểm ác xuất hiện. Hắn ta tự xưng là Láin Coubert – cái tên hắc mợn từ tiểu thuyết cuối cùng của Carax – một kẻ có thể nói tóm gọn không gì khác hơn Hoàng tử Bóng đêm. Tên Ác quỷ này tuyên bố hắn sẵn sàng tiêu hủy chút chút ít ỏi còn lại của Carax và hủy diệt các quyền sách của anh chàng mãi mãi. Để kết thúc vở kịch bi tráng này, hắn xuất hiện như một người vô diện, khuôn mặt bị lửa hủy hoại. Một kẻ xấu xa trong một vở nhạc kịch gothic, để làm câu chuyện thêm phần rắc rối, Nuria Monfort tin

rằng cô ta nhận ra giọng nói Jorge Aldaya.”

“Anh nên nhớ rằng Nuria Monfort đã nói dối tôi,” tôi nói.

“Đúng vậy. Nhưng thậm chí nếu Nuria Monfort nói dối cậu, cô ta hẳn đã có thể làm vậy một cách hiệu quả hơn bằng cách lờ đi và có khi còn tách hẳn mình ra không liên quan đến câu chuyện. Có rất ít lý do để nói sự thật, nhưng để nói dối thì hàng vô tận. Này, cậu có ỏn không đấy? Mặt cậu như pho mát sữa dê ấy.”

Tôi lắc đầu và chạy vào nhà vệ sinh.

Tôi nôn hết bữa ăn sáng, bữa tối, và kha khá cơn tức giận trong mình. Tôi hứng nước lạnh rửa mặt, và nhìn bóng mình trong tấm gương mờ mà trên mặt gương ai đó đã nguệch ngoạc dòng chữ BỌN PHÁT XÍT ĐÀN ĐỘN bằng bút chì sáp. Khi quay lại bàn, tôi thấy Fermín đang ở quầy bar trả tiền và tán chuyện bóng đá với tay bồi bàn đã phục vụ chúng tôi.

“Ôn hơn rồi chứ?”

Tôi gật đầu.

“Đây là do huyết áp cậu bị tụt,” Fermín nói. “Đây, làm một viên kẹo Sugus đi, chúng chữa được mọi thứ.”

Trên đường ra khỏi quán, Fermín cứ nằng nặc đòi bắt taxi đến trường San Gabriel còn đi tàu điện ngầm thì để hôm khác, bảo rằng sáng nay trời đẹp như tranh cổ động và đường hầm chỉ dành cho lũ chuột thôi.

“Bắt taxi đến Sarriá mất khối tiền đấy,” tôi phản đối.

“Tiền đấy do Quĩ tiết kiệm của bọn ngu trả,” Fermín nói ngay. “Tay ái quốc kiêu căng ở quán phụ thôi nhằm tiền cho tôi, mà chúng ta đang đi công chuyện. Còn cậu thì lại không được khỏe để đi tàu điện ngầm.”

Với món tiền không chính đáng ấy, chúng tôi nép vào một góc cuối phố

Rambla de Catalunya đợi xe taxi. Chúng tôi phải đợi cho vài chiếc chạy qua, vì Fermín viện cớ anh ta hiếm khi nào đi ô tô nên ít nhất anh ta phải ngồi trên một chiếc như Studebaker. Phải mất đến mười lăm phút chúng tôi mới tìm được chiếc xe anh ta ưa thích, chiếc xe mà Fermín phải đón bằng cách vẫy vẫy tay như chiếc cối xay gió. Fermín nằng nặc đòi ngồi ghế trước, để cho anh ta có cơ hội được trò chuyện với bác tài xế về Joseph Stalin, là thần tượng và đường dẫn dắt tinh thần của bác tài.

“Thế kỷ này có ba nhân vật vĩ đại: La Pasionaria^[1], võ sĩ đấu bò siêu hạng Manolete, và Joseph Stalin,” bác tài xế tuyên bố, đã sẵn sàng chát vào tai chúng

tôi cuộc đời của đồng chí thánh thiện kia.

[1. Có nghĩa Hoa lạc tiên, biệt danh của Dolores Ibárruri (1895-1989), một lãnh tụ của phe Cộng hòa trong cuộc Nội chiến Tây Ban Nha.]

Tôi ngồi khá thoải mái ở ghế sau, chẳng mấy quan tâm đến bài diễn thuyết nhạt nhẽo ấy, để mở cửa sổ và tận hưởng không khí trong lành. Sung sướng vì được ngồi trên một chiếc Studebaker, Fermín khuyến khích bác tài xế chuyện trò, thỉnh thoảng làm ngắt quãng câu chuyện tiêu sử đầy xúc động về lãnh tụ Xô viết bằng những chi tiết lịch sử còn tồn nghi.

“Tôi nghe nói ông ta bị rối loạn

tuyên tiên liệt do nuốt phải hạt sơn trà, và giờ ông ta chỉ có thể đái nếu ai đó lắm nhảm hát Quốc tế ca cho ông ta,” anh ta nói.

“Đúng là luận điệu tuyên truyền của quân phát xít,” tài xế giải thích, sốt sắng hơn bao giờ hết. “Đồng chí ấy đái như bò ấy. Đến dòng Volga cũng phải ghen tị ấy chứ.”

Cuộc tranh luận cao trào này đi cùng chúng tôi suốt Vía Augusta đến tận những ngọn đồi, Ngày đang sáng dần, một cơn gió nhẹ khiến cho bầu trời trở nên xanh ngắt. Khi chúng tôi đến phố Ganduxer, tài xế rẽ phải, và chúng tôi từ từ đi xuống Paseo de la Bonanova.

Trường San Gabriel, mặt tiền gạch đỏ điểm những ô cửa sổ hình lưỡi dao găm, nằm giữa một khu rừng, ở cuối một con đường nhỏ quanh co dẫn ra đại lộ. Cả khối kiến trúc, bên trên chi chít những mái vòm và tháp, nhô lên trên những rặng cây tiêu huyền, trông giống một nhà thờ Gothic. Chúng tôi ra khỏi taxi và bước vào một khu vườn rậm lá, đây đó có những vòi phun nước có trang trí những tượng đúc thiên thần. Đây đó những con đường lát sỏi uốn giữa những hàng cây. Trên đường tới cổng chính, Fermín kể cho tôi về lịch sử ngôi trường này.

“Mặc dù có thể cậu trông nó giống như lăng mộ Rasputin, trường San Gabriel, trong thời huy hoàng, là trường

học danh tiếng và chọn lọc bậc nhất ở Barcelona. Vào thời cộng hòa, nó bắt đầu xuống dốc bởi những kẻ mới phát dương thời, những nhà công nghiệp mới và chủ ngân hàng mà con cái không được chấp nhận vào trường vì tên họ của chúng nghe quá mới, đã quyết định thành lập trường riêng cho chúng, ở đó con cái họ được đối xử sùng kính hết mực và ở đó, đến lượt mình, họ có quyền không chấp nhận con cái những kẻ khác. Tiền cũng như bất cứ loại virus nào: một khi đã hủy hoại linh hồn của kẻ sở hữu nó, nó bắt đầu đi tìm nguồn máu mới. Trong thế giới này, tên họ tồn tại không lâu hơn quả hạnh bọc đường. Vào thời hoàng kim, chừng khoảng giữa năm 1880 và

1930, trường San Gabriel bắt đầu nhận con cái của những gia đình danh tiếng thời cũ nhưng lắm tiền nhiều của. Con cái nhà Aldaya và đồng đảng đến nội trú trường này, kết thân với những người ngang hàng, đi lễ mixa, và học về lịch sử của nó để có thể lặp lại cái quá trình ấy cho đến khi buồn mưa mới thôi.”

“Nhưng Carax không phải là con trai của một nhà giàu,” tôi nhận xét.

Đôi khi những cơ sở hào nhoáng này trao học bổng cho con của những người làm vườn, kẻ đánh giày để tỏ lòng hào hiệp cà từ thiện Cơ đốc,” Fermín đỡ lời. “Cách hữu hiệu nhất để làm cho người nghèo trở nên vô hại là dạy họ làm

thân với người giàu. Đó là thứ thuốc độc mà chủ nghĩa tư bản dùng để làm mù quáng...”

“Thôi đừng có lôi học thuyết xã hội ra nữa, Fermín. Nếu một trong những ông thầy tu này nghe thấy anh nói, họ sẽ đá chúng ta ra khỏi đây.” Tôi nhận thấy trên đầu dãy bậc tam cấp dẫn đến cổng chính ngôi trường có vài cha đạo đứng đang quan sát chúng tôi với vẻ tò mò lẫn nghi ngại. Tôi tự hỏi liệu họ có nghe được chút gì cuộc trao đổi của chúng tôi không.

Một người trong số họ bước đến với nụ cười nhã nhặn, ông khoanh tay trước ngực như một giám mục. Ông ta

hắn mới ngoài năm mươi tuổi, vóc dáng thanh mảnh và mái tóc lưa thưa tạo cho ông dáng vẻ một con chim săn mồi. Ông có cái nhìn xuyên thấu, và toát lên mùi nước thơm và băng phiến.

“Xin chào. Ta là Cha Fernando Ramos,” ông nói. “Ta có thể giúp gì các con?”

Fermín đưa tay ra. Vị cha đạo liếc qua trước khi bắt tay, ông cười lạnh băng.

“Fermín Romero de Torres, cố vấn thư tịch cho tiệm sách Sempere và Con trai. Thật là một vinh hạnh to lớn được diện kiến đức Cha Tột bậc Tôn kính. Đây, bên cạnh con, là đồng nghiệp cũng

là một người bạn, Daniel, một chàng thanh niên nhiều hứa hẹn và có những phẩm chất Cơ đốc.”

Cha Fernando nhìn chúng tôi không mảy may chớp mắt. Tôi chỉ muốn chui xuống đất cho xong.

“Tôi mới là người phải hân hạnh, thưa ông Romero de Torres,” Cha đáp thân tình. “Liệu tôi có thể hỏi duyên cớ nào khiến cho hai con người đáng nể trọng đến vậy tới thăm ngôi trường tâm thường này được không?”

Tôi quyết định can thiệp trước khi Fermín đưa ra lời nhận xét táo bạo nào nữa và chúng tôi sẽ sớm phải cuốn gói. “Thưa Cha Fernando, chúng con đang

muốn tìm hiểu hai nam sinh của trường San Gabriel: Jorge Aldaya và Julián Carax.”

Cha Fernando mím môi và chau mày: “Julián đã chết cách đây mười lăm năm, và Aldaya đã sang Argentina,” ông nói lạnh nhạt.

“Cha có quen biết họ không?” Fermín hỏi.

Ánh mắt sắc sảo của cha đạo lần lượt nhìn chúng tôi trước khi ông trả lời. “Chúng ta là bạn học. Ta có thể hỏi vì sao con quan tâm đến vấn đề này không?”

Tôi đang băn khoăn làm thế nào để

trả lời câu hỏi này, nhưng Fermín đã nhanh nhẩu hơn. “Cha thấy đấy, thật tình cờ là chúng con đang sở hữu một số đồ vật thuộc về hoặc đã từng thuộc hai người họ - nhưng trong trường hợp này, giải thích pháp lý dẫn đến sự nhầm lẫn.”

“Về bản chất của những đồ vật ấy là gì, nếu các con không phiền cho ta hỏi?”

“Con xin đức Cha Cao cả chấp nhận sự im lặng của chúng con, vì Chúa biết rằng có hàng tá lý do liên quan đến lương tâm và bí mật vốn chẳng liên quan gì đến niềm tin tuyệt đối xứng đáng với đức Cha Cao quý, cũng như đáng mà Cha là đại diện với sự cao quý và sùng kính

nhật thành nhường ấy,” Fermín bắn như súng liên thanh.

Cha Fernando tỏ vẻ bị chấn động. Tôi quyết định tiếp lời trước khi Fermín có thì giờ lấy lại hơi.

"Những đồ vật mà ông Romero de Torres đây nói là những vật dụng cá nhân, những đồ vật và kỷ niệm thuần túy mang giá trị tình cảm. Điều chúng con muốn hỏi, thưa Cha, nếu nó không quá phiền phức, là liệu cha có thể cho chúng con biết Cha còn nhớ gì về Julián và Aldaya hỏi đi học hay không."

Cha Fernando vẫn nhìn chúng tôi đầy nghi ngờ. Rõ ràng những lời giải thích chúng tôi đưa ra không đủ biện

minh cho mỗi quan tâm của chúng tôi ngõ hầu nhận được sự hợp tác của ông. Tôi vô vọng nhìn Fermín, cầu xin anh ta tìm ra một lý lẽ khôn lanh nhằm lấy lòng vị cha đạo.

“Con có biết trông con hơi giống Julián khi cậu ta còn trẻ không?” Cha Fernando bỗng nói với tôi.

Mắt Fermín sáng lên. Đây rồi, tôi nghĩ. Tất cả may mắn của chúng tôi nằm trong lá bài này.

“Cha thật là sắc sảo, thừa đức Cha Tôn kính,” Fermín kêu lên, giả vờ kinh ngạc. “Sự sáng suốt tột bậc của Cha đã lột mặt nạ chúng con một cách không chút thương tiếc. Rồi Cha sẽ trở thành

một Hồng y, hoặc thậm chí là Giáo hoàng.”

“Anh đang nói gì thế?”

“Như vậy chưa rõ sao, thưa đức Thánh Cha?”

“Thẳng thắn mà nói là không.”

“Chúng con có thể tin vào độ kín đáo của buổi xưng tội không ạ?”

“Đây là một khu vườn, không phải nơi xưng tội.”

“Chỉ cần Cha ban cho chúng con sự thận trọng của Cha là đủ.”

“Các con có rồi đây.”

Fermín hít một hơi thật sâu rồi nhìn tôi với một vẻ buồn bã. “Daniel, chúng ta không thể lừa dối chiến binh ngoan đạo của Chúa này được nữa.”

“Tất nhiên là không thể rồi...” tôi phôi hợp, hoàn toàn mất phương hướng.

Fermín bước đến vị cha đạo mà thì thầm với vẻ bí mật, “Thưa Cha, chúng con có những cơ sở cực kỳ vững chắc để tin rằng anh bạn Daniel của chúng ta đây không ai khác đứa con trai bí mật của Julián Carax quá cố. Cho nên mối quan tâm của chúng con là dựng lại quá khứ của ông ấy và tìm lại ký ức về một con người lừng lẫy, một con người đã bị định mệnh cướp đi khỏi một đứa trẻ tội

nghiệp.”

Cha Fernando dán ánh mắt kính ngạc lên tôi. “Có đúng như vậy không?”

Tôi gật đầu. Fermín vỗ vào lưng tôi, mặt anh ta đầy buồn thảm.

“Nhìn cậu ta xem, cậu bé tội nghiệp, đang đi tìm một người cha đã mất trong đám sương mờ ký ức. Còn chuyện gì có thể buồn hơn? Thừa đức Cha Hết mực Thánh thiện, mong Cha nói con nghe.”

“Con có bằng chứng nào cho nhận định này không?”

Fermín nắm lấy cằm tôi và nâng mặt tôi chìa ra như một câu trả lời. “Còn

bằng chứng nào mà cha đạo có thể đòi hỏi hơn cái khuôn mặt nhỏ bé này, nhân chứng câm lặng, không thể chối cãi về quan hệ cha con ấy?”

Vị cha đạo dường như vẫn do dự.

“Cha sẽ giúp chúng con chứ, thưa Cha?” tôi láu cá van xin. “Làm ơn...”

Cha Fernando thở dài khó chịu. “Ta không cho là có gì nguy hại trong chuyện này,” cuối cùng ông nói. “Các con muốn biết gì?”

“Tất cả,” Fermín nói.

Chương 25

CHÚNG TÔI VÀO PHÒNG CHA FERNANDO, ở đó vị thầy tu truy hồi lại ký ức, dùng giọng điệu một bài giảng đạo. Ông đẽo gọt câu từ gọn ghẽ, đong đếm chúng theo một ngữ điệu dường như hứa hẹn một lời răn đạo đức mà mãi không thấy tới. Nhiều năm thuyết giảng đã khiến ông có được giọng điệu khỏe khoắn và mô phạm của một người quen được người khác lắng nghe, nhưng không chắc người nghe có chú tâm không.

“Nếu ta nhớ không nhầm, Julián Carax bắt đầu vào học ở San Gabriel

năm 1914. Ta kết bạn với anh ta ngay từ buổi đầu, bởi cả hai chúng ta đều thuộc nhóm thiểu số những người xuất thân từ gia đình giàu có. Người ta gọi bọn ta là ‘Lũ Khố Rách Áo Ôm’ và mỗi người bọn ta đều có một hoàn cảnh riêng. Ta được học bổng là nhờ cha ta, ông làm việc trong bếp ăn của trường đã hai lăm năm. Julián được vào học là nhờ sự can thiệp của ngài Aldaya, một khách hàng của hiệu mũ Fortuny do cha Julián làm chủ. Đây là một thời đại khác, tất nhiên, thời ấy quyền lực vẫn tập trung trong một số gia đình và hoàng thân quốc thích. Thế giới đó đã tan biến – tàn dư ít ỏi còn sót lại cũng đã bị quét đi cùng với sự sụp đổ của nền Cộng hòa, vì điều tốt đẹp hơn, ta

ngĩ vậy. Tất cả những gì còn lại chỉ là những cái tên trên đầu thư của các công ty, ngân hàng và tập đoàn vô diện. Giống như mọi thành phố cổ, Barcelona là tập hợp của những lụi tàn. Những vinh quang mà nhiều người lấy làm tự hào – những cung điện, nhà máy, công trình tưởng niệm, những biểu tượng tạo nên bản sắc của chúng ta – giờ chẳng còn gì hơn ngoài tàn tích của một nền văn minh đã tuyệt diệt.”

Đến đây, Cha Fernando dừng lại một lát trọng thể như đang chờ đợi giáo đoàn trả lời bằng một câu tiếng La tinh rỗng tuếch hoặc một câu phụ họa trong kinh sách.

“Amen, đức Cha Tôn kính. Vậy sự thật lớn lao nào đằng sau những lời thông thái ấy,” Fermín nói để che lấp sự yên lặng khó xử.

“Cha đang kể về năm đầu tiên của cha con ở trường,” tôi nhẹ nhàng nói thêm.

Cha Fernando gật đầu. “Hồi đó người ta đã gọi cậu ấy là Carax, mặc dù mang họ Fortuny. Lúc đầu một vài bạn học trêu chọc cậu ấy vì cái tên đó, và tất nhiên còn vì là một người trong nhóm Khố rách áo ôm nữa. Cũng như bọn trẻ từng cười nhạo ta vì ta là con trai ông đầu bếp. Các anh biết trẻ con thì thế nào rồi đấy. Trong sâu thẳm, Chúa đã ban sẵn

cho chúng thiện tính, nhưng chúng cứ nhắc lại những điều được nghe ở nhà.”

“Những thiên thần bé bỏng,”
Fermín nhấn mạnh.

“Cha còn nhớ gì về cha con?”

“À, chuyện đó đã lâu lắm rồi...
Bạn thân nhất của cha con lúc ấy không phải Jorge Aldaya mà là một cậu bé tên Miquel Moliner. Gia đình Miquel cũng giàu có như nhà Aldaya, và ta dám chắc cậu ấy là học sinh giỏi nhất từng học ở ngôi trường này. Ngài hiệu trưởng nghĩ cậu ấy bị quỷ ám bởi cậu đã trích lời Marx bằng tiếng Đức trong lễ mixa.”

“Dấu hiệu rõ ràng bị ám,” Fermín

đồng tình.

“Miquel và Julián rất hợp nhau. Đôi khi ba người bọn ta đi với nhau trong giờ nghỉ ăn trưa và nghe Julián kể chuyện. Lúc khác cậu ấy kể về gia đình và về nhà Aldaya...”

Vị linh mục dường như ngần ngại.

“Sau khi tốt nghiệp, Miquel và ta vẫn giữ liên lạc. Lúc này Julián đã sang Paris. Ta biết Miquel rất nhớ cậu ấy. Miquel thường nói về cậu ấy, nhớ những bí mật Julián đã chia sẻ. Sau này, khi ta vào trường dòng, Miquel bảo rằng ta đã bước sang phe quân thù. Đây chỉ là một câu nói đùa, nhưng sự thực là chúng ta đã xa rời nhau.”

“Cha có nghe nói Miquel kết hôn với một người tên Nuria Monfort?”

“Miquel kết hôn ư?”

“Cha thấy lạ lắm sao?”

“Lẽ ra không nên vậy, nhưng... ta không biết nữa. Sự thực là ta không biết tin tức gì của Miquel đã nhiều năm rồi. Từ trước thời chiến tranh.”

“Ông ấy có bao giờ nhắc đến cái tên Nuria Monfort?”

“Không, không bao giờ. Cậu ấy cũng không bao giờ nói đang tính việc kết hôn hay là có vị hôn thê... Ta không dám chắc có nên kể cho các con nghe

chuyện này không. Đây là chuyện đời tư của Julián mà Miquel đã kể cho ta, và ta hiểu rằng điều này cần được giữ kín.”

“Lẽ nào Cha định khước từ cái cơ hội duy nhất của một đứa con trai được biết về quá khứ cha ruột mình sao?” Fermín hỏi.

Cha Fernando bị giằng xé giữa ngò vực và cái dường như là ước muốn nhớ lại, khôi phục lại những ngày đã mất ấy. “Ta cho rằng sau nhiều năm trôi qua, điều đó chẳng quan trọng nữa. Ta vẫn nhớ cái ngày Julián kể cậu ấy đã biết gia đình Aldaya thế nào và làm thế nào cuộc sống của cậu ấy thay đổi mãi mãi...”

... Một buổi chiều tháng Mười năm 1914, một cỗ máy mà nhiều người cho rằng là ngôi đền có bánh xe đã dừng lại trước cửa hiệu Fortuny trên Ronda de San Antonio. Từ xe bước ra là hình dáng của Don Ricardo Aldaya kiêu hãnh, oai nghiêm và ngạo mạn, lúc ấy đã là một trong những người giàu có nhất không chỉ ở Barcelona mà còn cả Tây Ban Nha. Để chế vải sợi của ông ta đã chiếm những thành lũy công nghiệp và địa hạt thương mại dọc các dòng sông xứ Catalan. Tay phải ông ta nắm dây cương các ngân hàng và bất động sản của một nửa tỉnh này. Và tay trái ông, còn linh lợi hơn, giật dây hội đồng cấp tỉnh, tòa thị chính, các ban ngành,

giáo phận và cơ quan hải quan.

Buổi chiều hôm ấy, người đàn ông có bộ râu rậm rạp, tóc mai như nhà vua, và cái đầu không mũ, con người mà ai cũng người e sợ, cần một chiếc mũ. Ông bước vào cửa hiệu của Don Antonio Fortuny, và, sau khi liếc nhìn thoáng qua cửa hiệu, ông ngờ vực nhìn ông làm mũ và người phụ việc, cậu bé Julián, rồi nói như sau: “Người ta bảo với tôi rằng, bất chấp cái vẻ bề ngoài, cửa hiệu này là nơi làm ra những chiếc mũ tốt nhất Barcelona. Mùa thu năm nay thật khó chịu, và ta sẽ cần sáu chiếc mũ chóp cao, một tá mũ quả dưa, mũ đi săn, và cái gì đó để đội tại Nghị viện ở Madrid. Các người nhớ chưa,

hay cần ta phải nhắc lại?”

Đây là điểm khởi đầu cho một quá trình gian khổ và bộn lời trong đó hai cha con hợp lực để hoàn thành đơn hàng cho Don Ricardo Aldaya. Nhờ đọc trên báo Julián biết rõ vị thế của Aldaya, nên vào thời điểm quan trọng và quyết định nhất trong công việc của cha mình, cậu tự nhủ không thể để ông thất bại được. Từ lúc nhà tư bản đặt chân vào cửa hàng, ông làm mũ ngát ngây vui sướng. Aldaya đã hứa nếu ông ta được hài lòng, ông ta sẽ giới thiệu cho tất cả bạn bè ông. Thế có nghĩa là cửa hàng mũ Fortuny, từ một cơ sở uy tín nhưng còn khiêm nhường, có thể với đến những giới cao nhất trong xã hội,

làm ra những chiếc mũ lớn nhỏ cho các Nghị viên, Thị trưởng, đức Hồng y và giáo sĩ. Tuần hôm ấy dường như trôi qua trên một đám mây hạnh phúc. Julián nghỉ lớp và làm việc trong xưởng mũ mười tám đến hai mươi tiếng mỗi ngày. Cha cậu, lả đi vì vui sướng, thỉnh thoảng lại ôm cậu, và thậm chí không hề ngần ngại mà hôn cậu. Ông còn rộng lượng đến mức tặng cho vợ ông, bà Sophie, một chiếc váy và một đôi giày mới, lần đầu tiên trong mười bốn năm. Người ta không còn nhận ra ông bán mũ nữa. Một ngày Chủ nhật, ông quên đi nhà thờ, và chiều hôm đó, lòng đầy kiêu hãnh, ông ôm Julián mà nói, nước mắt rưng rưng, “Ông nội sẽ

tự hào về chúng ta.”

Một trong những quá trình phức tạp nhất của nghề làm mũ, mà nay đã biến mất, cả về kỹ thuật lẫn sự khéo léo, là do kích thước. Don Ricardo Aldaya có cái hộp sọ mà theo Julián gần giống như hình quả dưa hấu và khá gồ ghề. Ngay khi ông nhìn thấy đầu của ông lớn kia là ông bán mũ đã hiểu được những khó khăn, và tối hôm đó, khi Julián nói rằng nó làm cậu nhớ tới đỉnh núi ở Montserrat, Fortuny không thể không đồng ý. “Bố ơi, con nói bằng tất cả lòng thành kính, bố biết rằng gì chứ đo đầu làm mũ thì con làm giỏi hơn bố, vì bố dễ bị hồi hộp lo lắng. Hãy để con làm cho.” Ông làm mũ đồng ý

ngay, và ngày hôm sau, khi Aldaya đến trong chiếc Mercedes-Benz, Julián đón ông ta và dẫn vào cửa hàng. Khi Aldaya nhận ra rằng ông ta được một cậu nhóc mười bốn tuổi đo số mũ, ông ta nổi cáu. “Cái gì thế này? Một đứa trẻ con sao? Các người định cù chân ta đây à?” Julián biết địa vị xã hội của khách hàng mình nhưng cậu không hề cảm thấy e sợ dù chỉ một chút, bèn trả lời, “Thưa ngài, cháu không biết gì về chân của ngài cả, nhưng chắc chắn không thể cù trên này được. Cái đỉnh đầu này giống như một trường đấu bò vậy, và nếu nhà cháu không nhanh chóng làm cho ngài một bộ mũ thì sớm muộn gì người ta cũng nhâm đầu ngài

với sơ đồ đường phố Barcelona mất.” Khi nghe những lời ấy, Fortuný như muốn chui xuống đất. Aldaya không hề nao núng, cứ nhìn chăm chặp vào Julián. Rồi, trước sự ngạc nhiên của mọi người, ông ta cười phá lên như thể nhiều năm rồi không được cười.

“Thằng nhóc nhà ông sẽ tiến xa đây, Fortunato,” Aldaya tuyên bố, vì ông ta không biết họ của người bán mũ.

Vì câu chuyện đó mà người ta hiểu ra rằng Don Ricardo Aldaya ngán đến tận răng cái sự e sợ và khúm núm của người khác đối với ông. Ông ta khinh miệt những kẻ bợ đít, hèn nhát, và bất cứ ai tỏ ra yếu đuối, dù về thể

chất hay tinh thần hay đạo đức. Khi gặp một cậu bé tầm thường, gần như là đưa học việc, dám cả gan cười nhạo mình, Aldaya quyết định rằng ông đã đến đúng hàng mũ lý tưởng và ngay lập tức tăng gấp đôi đơn hàng. Tuần sau đó, ông ta vui vẻ xuất hiện đúng hẹn hằng ngày, để Julián có thể lấy số và thử các mẫu khác nhau cho ông. Antoni Fortuny ngạc nhiên, không hiểu làm sao ông vua xứ Calatan lại cười rũ rượi trước lời bông đùa và những câu chuyện được kể từ miệng con trai ông, đưa trẻ mà với ông thật xa lạ, cậu bé ấy không bao giờ ông nói chuyện và là người đã nhiều năm không hề tỏ dấu hiệu có khiếu hài hước. Vào cuối tuần,

Aldaya kéo ông hàng mũ đến một góc cửa hiệu để chuyện riêng với ông.

“Nghe này Fortunato, con trai ông là một đũa có tài đấy, còn ông lại nhốt nó ở đây, khiến nó buồn chán, quét mạng nhện trong cái cửa hàng nhỏ bé này.”

“Công việc này rất tốt, thứ Don Ricardo, và nó có chút năng khiếu, dù nó thiếu nghị lực.”

“Thật vớ vẩn. Cháu nó học trường gì?”

“À, nó học trường khu vực...”

“Chẳng khác gì một dây chuyền sản xuất nhân công. Khi còn trẻ, thì tài

năng – hay thiên tài, nếu ông muốn – phải được nuôi dưỡng, nếu không nó sẽ rối loạn và tàn phá con người sở hữu nó. Cháu nó cần được định hướng. Hỗ trợ. Ông có hiểu không, Fortunato?”

“Ngài làm về con trai tôi rồi. Nó chẳng phải thiên tài gì sất. Môn địa lý mà nó cũng còn trầy trật mới qua nổi nữa là. Ông giáo bảo nó là đứa đoảng và có thái độ hư đốn, giống như mẹ nó. Nhưng ít nhất ở đây nó luôn có một công việc lương thiện và...”

“Fortunato, tôi thật chán ông quá. Ngay hôm nay, không cần chờ gì nữa, tôi sẽ đến trường San Gabriel để gặp ban tiếp nhận, và tôi sẽ cho họ biết

rằng họ phải nhận con trai ông vào học cùng với lớp của thằng cả Jorge nhà tôi. Nếu không làm được như vậy thì tôi đây là kẻ chẳng ra gì.”

Ông bán mũ trở hết cả mắt. Trường San Gabriel là vườn trẻ cho con em giới thượng lưu.

“Nhưng Don Ricardo, tôi sẽ không chịu nổi chi phí...”

“Không ai bắt ông phải trả gì hết. Tôi sẽ lo việc học cho con ông. Còn ông, là cha đứa bé, chỉ việc đồng ý.”

“Nhưng tất nhiên, hẳn rồi, nhưng mà...”

“Quyết như vậy nhé. Miễn là

Julián đồng ý, tất nhiên.”

“Nó sẽ làm điều gì được bảo, hẳn rồi.”

Khi người lớn đang bàn chuyện, Julián vẫn cúi đầu ở phòng sau với khuôn mũ trong tay.

“Don Ricardo, khi nào ngài sẵn sàng...”

“Julián này, chiều nay cháu định làm gì?” Aldaya hỏi.

Julián hết nhìn cha lại nhìn ông trùm tư bản.

“Dạ, cháu giúp việc cho bố, ở cửa hàng.”

“Ngoài việc đó ra.”

“Cháu nghĩ sẽ đến thư viện...”

“Cháu thích sách à?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Cháu đã đọc Conrad chưa? Đọc Tâm bóng tôi chưa?”

“Ba lần rồi ạ.”

Ông bán mũ chau mày, hoàn toàn rôi trí. “Thế cái gã Conrad này là ai vậy, ngài không phiền nếu tôi hỏi chứ?”

Aldaya khiến ông ta im lặng bằng cử chỉ như đang ở một cuộc họp

cổ đông.

“Trong nhà ta có một thư viện với mười bốn ngàn cuốn sách, Julián. Khi còn trẻ, ta đọc sách rất nhiều, nhưng giờ ta không còn thời gian nữa. Nói ta mới nhớ, ta có ba cuốn do Conrad ký tặng cơ đấy. Con trai Jorge của ta thì lôi được nó vào thư viện còn khó. Trong nhà ta, đứa duy nhất biết suy nghĩ và đọc sách là con gái Penélope, nên tất cả những cuốn sách ấy đang bị bỏ phí. Cháu có muốn đi xem không?”

Julián gật đầu, không nói nên lời. Ông bán mũ quan sát cảnh tượng với một cảm giác khó chịu mà ông không thể diễn tả nổi. Những cái tên ấy xa lạ

với ông. Tiểu thuyết, như mọi người đều biết, chỉ dành cho đàn bà và những kẻ vô công rồi nghề. Tâm bóng tối, với ông ta nghe như thể là một tội đáng chết.

“Fortunato, con trai ông sẽ đi với tôi. Tôi muốn nó làm quen với con trai tôi, Jorge. Đừng lo, chúng tôi sẽ trả nó về cho ông sau. Cậu bé hãy nói xem, cháu đã bao giờ ngồi trong một chiếc Mercedes-Benz chưa?”

Julián cho rằng đó là tên của cỗ máy to công kênh và uy nghi mà nhà công nghiệp dùng để đi lại. Nó lắc đầu.

“Vậy thì đến lúc rồi. Giống như là lên thiên đường vậy, nhưng không

cần chết.”

Antoni Fortuny nhìn họ đi trong chiếc xe xa hoa tột bậc kia, và khi ông tìm vào trong tim mình, ông chỉ thấy một nỗi buồn. Đêm hôm ấy, khi ăn tối với Sophie (bà đang mặc bộ váy mới, đi đôi giày mới và hầu như không có vết thâm hay sẹo nào), ông tự hỏi lần này ông đã mắc sai lầm ở đâu. Khi Chúa vừa trả lại cho ông đứa con trai, thì Aldaya lại mang nó đi.

“Cởi cái váy đó ra, con đàn bà kia, trông mụ như một con điếm. Và đừng để tôi thấy thứ rượu này trên bàn lần nữa. Cái thứ pha nước này cũng đủ rồi. Thói tham lam rốt cuộc sẽ hủy hoại

tất cả chúng ta.”

Julián chưa bao giờ sang bên kia Đại lộ Diagonal. Những hàng cây kia, những dải đất trống, và những cung điện đang chờ đợi thành phố mở rộng là một ranh giới cấm. Bên kia ranh giới ấy là những làng nhỏ, những ngọn đồi, những chốn bí ẩn như huyền thoại của giới nhà giàu. Trong khi họ đi qua chúng, Aldaya nói với cậu bé về trường San Gabriel, về những người bạn mới Julián chưa bao giờ gặp, về tương lai mà cậu chưa bao giờ nghĩ là có thể.

“Cháu mong muốn điều gì, Julián? Ý ta là trong cuộc đời mình ấy.”

“Cháu không biết. Đôi khi cháu nghĩ mình sẽ trở thành nhà văn. Tiểu thuyết gia.”

“Giống Conrad ư? Cháu còn trẻ lắm, tất nhiên. Vậy cháu nói xem, ngân hàng không thu hút cháu sao?”

“Cháu không biết, thưa ngài. Sự thực là trong đầu cháu còn không nghĩ đến nó. Chưa bao giờ cháu nhìn thấy nhiều hơn ba đồng peseta cả. Tiền nhiều đối với cháu là một bí ẩn.”

Aldaya bật cười. “Không có bí ẩn nào đâu, Julián. Thủ thuật ở đây không phải là để ba đồng peseta vào một chỗ, mà là ba triệu. Không có gì khó hiểu cả, ta đảm bảo với cháu. Không có

Chúa ba ngôi nào hết.”

Chiều hôm đó, khi đi qua Đại lộ Tibidabo, Julián nghĩ cậu đang đi vào cửa thiên đường. Các dinh thự trông như những nhà thờ san sát hai bên đường. Đang đi, tài xế rẽ ngang, rồi họ qua cổng một dinh thự. Bỗng nhiên một đoàn người hầu chạy ra nghênh đón ông chủ. Điều duy nhất Julián có thể thấy là một ngôi nhà uy nghiêm, to lớn có ba tầng. Chưa bao giờ cậu bé nghĩ rằng người trần lại có thể sống ở những nơi như vậy. Cậu cứ để người ta dẫn đi qua hành lang, rồi đến một sảnh vòm, ở đó có một cầu thang đá cẩm thạch mọc lên, có trái thảm nhung, và cuối cùng là vào một căn phòng lớn

chất đây những sách, từ sàn nhà lên đến trần.

“Cháu nghĩ sao?” Aldaya hỏi.

Julián hầu như không nghe thấy gì.

“Damián, bảo Jorge xuống thư viện ngay.”

Chỉ cần nghe một mệnh lệnh của ông chủ, những kẻ hầu vô diện và lặng câm bèn lẩn đi ngay, với sự hữu hiệu và phục tùng như một bầy côn trùng được huấn luyện kỹ càng.

“Cháu sẽ cần những bộ quần áo mới, Julián ạ. Ngoài kia có rất nhiều kẻ đàn độn chỉ biết mỗi cái vẻ bề ngoài...

Ta sẽ bảo Jacinta lo việc đó; cháu không phải lo. Và tốt nhất là cháu đừng nói gì với cha cháu, lỡ đâu việc đó sẽ làm ông ấy khó chịu. À, Jorge đến rồi. Jorge, ta muốn con gặp một cậu bé tuyệt vời, người sẽ là bạn học của con. Julián Fortu...”

“Julián Carax,” cậu sửa lời.

“Julián Carax,” Aldaya hài lòng nhắc lại. *“Ta thích nghe như vậy. Đây là con trai ta, Jorge.”*

Julián đưa tay ra, và Jorge Aldaya bắt lấy. Cái bắt tay thờ ơ, lạnh nhạt, và khuôn mặt cậu ta có vẻ tai tái, giả tạo như thể lớn lên trong thế giới búp bê. Với Julián, quần áo và đôi dép

cậu ta trông như trong tiểu thuyết. Đôi mắt cậu ta có vẻ hiên ngang và ngạo mạn, khinh thị và lịch sự đầy giả tạo. Julián mỉm cười, nhận thấy sự bất ổn, lo sợ và trống rỗng dưới cái vẻ phù phiếm và thỏa mãn ấy.

“Có thật là cậu chưa đọc bất cứ cuốn sách nào ở đây không?”

“Sách thật nhàm chán.”

“Sách như tấm gương: cậu chỉ nhìn thấy trong chúng những gì cậu đã có sẵn trong bản thân mình,” Julián trả lời.

Don Ricardo Aldaya lại cười.

“Thôi, ta để hai đĩa ở lại làm quen với

nhau. Julián, cháu sẽ thấy rằng mặc dù trông có vẻ hư hỏng và kiêu ngạo nhưng dưới cái mặt nạ đó, Jorge không ngốc nghếch như vẻ bề ngoài đâu. Nó thừa hưởng nét gì đó của cha nó đấy.”

Lời của ông Aldaya như những con dao rơi xuống cậu bé, mặc dù nụ cười trên mặt nó không nhạt đi chút nào. Julián tiếc về câu trả lời của mình và cảm thấy muốn xin lỗi cậu ta.

“Hắn cậu là con trai ông bán mũ,” Jorge nói, không hề ác ý. “Cha tớ nói về cậu suốt dạo gần đây.”

“Thật lạ thường. Tớ hy vọng cậu không vì thế mà có ác cảm với tớ. Dưới cái mặt nạ của kẻ lẳng xăng biết tuốt,

tớ không phải là đũa ngọc nghéch như vẻ bề ngoài đâu.”

Jorge mỉm cười với Julián. Julián nghĩ cậu ta cười theo cách cười của người không có bạn bè, với sự hàm ơn.

“Nào, tớ sẽ chỉ cho cậu xem căn nhà.”

Chúng bỏ lại thư viện sau lưng mà bước về phía cửa chính, ra vườn. Khi chúng đi qua hành lang nơi cầu thang, Julián ngược nhìn lên và thoáng thấy một bóng người đang lên bậc, một tay bám thành vịn. Cậu cảm giác như mình lạc vào ảo ảnh. Cô bé hảnh chừng mười hai mười ba tuổi, đi cùng là một phụ nữ lớn tuổi, một người nhỏ nhắn

má ửng hồng, có vẻ như chị nuôi. Cô bé mặc váy xa tanh màu xanh dương. Mái tóc cô bé màu hạnh đào, làn da trên vai và trên chiếc cổ thon thả dường như trong mờ. Cô bé đứng trên đỉnh cầu thang và khẽ quay lại. Lúc hai cặp mắt chạm nhau, cô bé thoáng cười. Rồi cô bảo mẫu đặt tay lên vai cô bé, dẫn vào hành lang và họ biến mất. Julián nhìn xuống và cậu lại nhìn chăm vào mắt Jorge.

“Đấy là Penélope, em gái tớ. Cậu sẽ gặp nó sau. Nó khá kỳ quặc đấy. Nó đọc sách suốt ngày. Thôi nào, tớ cho cậu xem nhà nguyện ở tầng hầm. Đầu bếp bảo nó bị ma ám đấy.”

Julián ngoan ngoãn đi theo Jorge, nhưng cậu hầu như chẳng quan tâm gì khác. Giờ cậu đã hiểu. Cậu đã mơ về cô bé hàng tỉ lần, cũng trên cầu thang ấy, cũng với chiếc váy xanh ấy và cũng một cử động của đôi mắt màu xám tro ấy, không biết cô bé là ai và tại sao cô lại cười với cậu. Khi vào trong vườn, cậu để Jorge dẫn mình ra nhà xe, và sân quần vợt. Lúc này cậu mới quay lại và thấy cô bé đứng bên cửa sổ trên tầng hai. Cậu chỉ có thể nhận ra hình dáng cô bé, nhưng cậu biết cô đang mỉm cười với mình và bằng cách nào đó cô bé cũng nhận ra cậu.

Cái nhìn thoáng qua của Penélope Aldaya ở đỉnh cầu thang vẫn

động lại trong cậu suốt mấy tuần đầu tiên ở trường San Gabriel. Thế giới mới không hoàn toàn như cậu muốn: học sinh trường San Gabriel cư xử như những công tử kiêu căng, hống hách, còn thầy cô thì như những kẻ hầu ngoan ngoãn có học thức. Người bạn đầu tiên mà Julián làm quen, ngoài Jorge Aldaya, là một cậu bé tên Fernando Ramos, con trai của người đầu bếp trong trường, cậu bé ấy chưa bao giờ tưởng tượng mình mặc áo thầy tu và dạy trong chính những lớp học nơi cậu đã trưởng thành. Fernando, mà các học sinh khác đặt cho biệt danh “thằng dọn bếp” và xem cậu như người hầu, là người thông minh lanh lợi,

nhưng gần như không bạn bè gì với những học sinh trong trường. Người bạn duy nhất của cậu là một cậu bé lập dị tên Miquel Moliner, người nhanh chóng sẽ trở thành bạn thân nhất của Julián ở trường, Miquel Moliner, một cậu bé quá thông minh nhưng thiếu lòng kiên nhẫn, thích chọc tức thầy cô bằng cách chất vấn những lời của họ, sử dụng những lập luận thông minh thể hiện được cả sự khéo léo lẫn thói châm biếm cay độc của cậu. Những học sinh khác e sợ miệng lưỡi sắc sảo của cậu bé và xem cậu như một giống loài khác. Theo cách nào đó, nhận định này không hoàn toàn sai, bởi tuy mang dòng máu Bôhêmiêng và chất giọng quê mùa,

Miquel là con trai của một doanh nhân làm giàu bất chính qua việc sản xuất vũ khí.

“Carax phải không? Tớ nghe đồn bố cậu làm mũ,” cậu ta nói khi Fernando Ramos giới thiệu chúng.

“Bạn bè gọi tớ là Julián. Còn tớ nghe đồn bố cậu làm đại pháo.”

“Thực ra là bố tớ bán thôi. Thứ duy nhất ông ấy biết làm ra là tiền. Các bạn của tớ, trong số những người ấy tớ có thể tin tưởng mỗi Nietzsche và Fernando đây, đều gọi tớ là Miquel.”

Miquel Moliner là một cậu bé u buồn. Cậu bị ám ảnh một cách bệnh

hoạn về cái chết và về những chuyện tang tóc, một lĩnh vực mà cậu đã dành quá nhiều thời gian và tài năng của mình để suy ngẫm. Mẹ cậu mất ba năm trước do một tai nạn kỳ lạ trong nhà, mà tay bác sĩ ngu ngốc nào đó dám kết luận là tự sát. Chính Miquel đã phát hiện ra cái xác lấp loáng trong nước dưới giếng, trong căn nhà nghỉ hè của gia đình họ ở Argentina. Khi người ta dùng dây thừng kéo bà lên, họ thấy trong túi áo bà nhét đầy những hòn đá. Có cả một bức thư viết bằng tiếng Đức, tiếng mẹ đẻ của bà, nhưng ông Moliner, người không bao giờ bận tâm đến việc học ngôn ngữ kia, đã đốt nó đi ngay buổi chiều hôm ấy mà không cho ai

đọc. Miquel Moliner thấy cái chết ở khắp nơi trên những chiếc lá rụng, ở những con chim rơi khỏi tổ, ở những người già, và trong cơn mưa cuốn phăng đi mọi thứ. Cậu bé có tài năng đặc biệt về hội họa và thường mài miết hàng giờ với những bức họa than chì trong đó một phụ nữ, mà Julián nghĩ là mẹ của Miquel, luôn xuất hiện trên nền sương mờ và bãi biển hoang vắng.

“Lớn lên cậu muốn trở thành người thế nào Miquel?”

“Tớ sẽ không bao giờ lớn,” cậu bé trả lời bí ẩn.

Sở thích chính của cậu, ngoài ký họa và phủ nhận mọi linh hồn sống, là

các tác phẩm của một bác sĩ bí ẩn người Áo, người trong những năm sau này sẽ trở thành nổi tiếng: Sigmund Freud. Nhờ người mẹ đã chết của mình, Miquel Moliner đọc và viết tiếng Đức thành thạo, và cậu có một số sách của vị bác sĩ thành Vienna kia. Lĩnh vực yêu thích của cậu là lý giải những giấc mơ. Cậu có thói quen hỏi mọi người xem họ đã mơ thấy gì, và sau đó cậu sẽ chẩn đoán. Cậu luôn nói cậu sẽ chết trẻ và cậu chả bận tâm. Julián tin rằng, vì suy nghĩ quá nhiều đến cái chết, cậu ta rốt cuộc sẽ thấy cái chết nhiều ý nghĩa hơn cuộc sống.

“Ngày tớ chết, những gì của tớ sẽ thành của cậu, Julián ạ,” Moliner nói.

“Trừ những giấc mơ của tớ.”

Ngoài Fernando Ramos, Moliner và Jorge Aldaya, Julián cũng làm bạn với một cậu bé nhút nhát và khó gần tên là Javier, đứa con một của ông bảo vệ trường San Gabriel sống trong một căn nhà xoàng xĩnh ngay sát cổng vào vườn trường. Javier, giống như Fernando, bị những cậu bé khác trong trường coi không gì hơn tên hèn khó chịu, hay đi thơ thẩn một mình trong vườn và sân trường. Vì quá hay lang thang quanh trường nên nó biết mọi góc ngách của tòa nhà, từ những đường dưới tầng hầm cho đến các lối đi lên tòa tháp, và những chỗ ẩn nấp không ai còn nhớ tới nữa. Chúng là thế

giới và chỗ nướng nấu của Javier. Nó luôn mang theo một con dao nhíp lấy trong ngăn tủ của ông bố, và nó thích dùng dao khắc những hình gỗ, rồi đem bỏ trong chuồng chim bồ câu trong trường. Cha nó, ông Ramón, người bảo vệ, là một cựu binh trong Chiến tranh Cuba, nơi ông đã đánh mất một bàn tay và (theo tin đồn ác ý) hòn bi bên phải, do một phát súng của chính Theodore Roosevelt trong một trận càn quét tại Vịnh Cochinos. Vì sợ nhàn cư vi bất thiện, “Ramón Một Bi” (đám con trai trong trường gọi ông ta như vậy) giao cho đứa con trai nhiệm vụ đi nhặt lá khô trong rừng thông và ở khoảng sân quanh đài phun nước. Ramón là người

tốt, hơi thô lỗ và không biết cách chọn bạn, mà đặc biệt là chọn vợ. Ramón Một Bi lấy phải một mẹ vợ phốp pháp, đàn độn mang ảo tưởng mình là người cao sang và có dáng vẻ một ả hầu bếp, mẹ thường ăn mặc hở hênh trước mặt con trai và những cậu bé khác, một thói quen gây ra sự nhạo báng và trêu chọc không ngớt. Tên thánh của mẹ là María Craponcia, nhưng mẹ tự gọi mình là Yvonne, vì mẹ nghĩ cái tên ấy nghe tao nhã hơn. Yvonne thường hỏi han con trai mẹ về khả năng thăng tiến xã hội nhờ có đám bạn của cậu bé, vì mẹ tin rằng nó đang giao du với tầng lớp tinh hoa của Barcelona. Mẹ hỏi về gia sản của đứa này hoặc đứa kia, mừng

tượng ra cảnh chính mục được mặc những thứ lụa là tốt nhất và được mời đến tiệc trà của giới thượng lưu.

Javier cố gắng càng ít ở nhà càng tốt và thấy vui vì những công việc bố nó giao, cho dù vất vả thế nào. Bất cứ lý do gì cũng tốt miễn là được ở một mình, để trốn vào thế giới bí mật của nó và để khắc hình gỗ. Khi đám học sinh thấy nó từ xa, một số đưa cười ô lên hoặc lấy đá ném nó. Một ngày, Julián cảm thấy tội nghiệp nó khi cậu chứng kiến nó bị ném đá làm sưng trán và ngã soài lên đồng gạch vụn, cậu liền quyết định đến giúp đỡ nó và đề nghị làm bạn. Lúc đầu, Javier nghĩ Julián đến để hoàn tất cái trò ác kia, trong khi

những đĩa khác đang cười phá lên.

“Tớ là Julián,” cậu nói, đưa tay ra. “Bọn tớ định đi chơi cờ trong rừng thông, tớ không biết cậu có muốn đi cùng không.”

“Tớ không biết chơi cờ.”

“Tớ cũng vậy, mãi cho đến cách đây hai tuần. Nhưng Miquel là một thầy giáo rất cừ.”

Thằng bé nhìn Julián đầy nghi ngờ, nghĩ sẽ có một trò chơi khăm, một đòn tấn công bí mật, bất cứ lúc nào.

“Tớ không biết các bạn cậu có muốn tớ đi cùng không...”

“Họ muốn thế mà. Ý cậu sao?”

Từ ngày hôm đó, Javier thỉnh thoảng lại đi cùng chúng sau khi làm xong những công việc bố nó giao. Thường nó không nói gì, chỉ lắng nghe và quan sát những đứa khác. Aldaya có vẻ hơi sợ nó. Fernando, vốn cũng chịu sự tẩy chay của những đứa khác vì xuất thân tầm thường của mình, đã phá lệ mà đối xử tốt với cậu bạn mới. Miquel Moliner, người dạy nó những quy tắc cơ bản của cờ vua và quan sát nó với ánh mắt thận trọng, là đứa nghi ngờ nhiều nhất.

“Thằng này đúng là bị điên. Nó bắt mèo và bỏ câu rồi dùng dao tra tấn

chúng hàng giờ liền. Rồi sau đó đem chôn chúng trong rừng thông. Thật kinh tởm.”

“Ai nói như vậy?”

“Chính nó kể cho tớ nghe hôm trước khi tớ giải thích cho nó cách đi của quân mã. Nó còn bảo thỉnh thoảng mẹ nó chui vào giường sờ soạng nó.”

“Chắc nó trêu tức cậu thôi.”

“Tớ không tin. Trong đầu nó hẳn là bất thường, Julián, có lẽ không phải do lỗi của nó.”

Julián cố lờ đi lời cảnh báo và dự đoán của Miquel, nhưng quả thật cậu thấy khó mà kết bạn được với con trai

ông bảo vệ. Yvonne đặc biệt không bằng lòng về Julián và Fernando Ramos. Trong số tất cả những đứa trẻ, chỉ hai đứa này là không một cắc dính túi. Mẹ ta nghe nói cha Julián là chủ cửa hàng tầm thường, còn mẹ cậu chỉ là giáo viên dạy nhạc mà thôi. “Hạng người đấy làm gì có tiền, đẳng cấp, hay sự tinh tế, con yêu,” mẹ nó chỉ bảo. “Con nên làm bạn với Aldaya. Nó xuất thân từ một gia đình tốt.” “Vâng, thưa mẹ,” thằng bé trả lời. “Mẹ nói sao cũng được.”

Thời gian trôi đi, Javier dường như bắt đầu tin vào những đứa bạn mới của mình. Thi thoảng nó lại nói đôi lời, và nó đang khắc một bộ quân cờ cho

Miquel Moliner, để cảm ơn vì đã dạy nó chơi cờ. Một ngày, khi không có ai ngờ tới hay nghĩ là có thể có chuyện này, chúng phát hiện ra Javier biết cười và nó có nụ cười ngây thơ như một đứa bé.

“Cậu thấy không? Cậu ta bình thường đấy chứ,” Julián lập luận.

Miquel Moliner vẫn không chịu tin, và cậu quan sát thằng bé kỳ quặc với sự chăm chú nghiêm ngặt như đang làm khoa học.

“Javier bị ám ảnh về cậu đấy, Julián,” một ngày cậu bé nói với Julián. “Mọi thứ nó làm đều chỉ mong được cậu chấp thuận.”

“Thật vô lý! Cậu ta có bố mẹ để làm việc đó; tớ chỉ là một người bạn thôi.”

“Cậu đúng là vô trách nhiệm. Cha nó là một kẻ khôn khổ tội nghiệp, phải vất vả tìm lỗi đít khi ông ta cần đi ị, còn cái bà Yvonne đúng là một con mụ thô lậu óc bọ chét lúc nào cũng giả vờ như tình cờ bị mọi người bắt gặp trong lúc mụ đang thay đồ lót, tin rằng mụ ta là hiện thân của thần Vệ nữ hay cái gì đó tệ hơn nhiều mà tớ không muốn nói đến. Thằng con, khá hiển nhiên, đi tìm một người cha thay thế, và cậu, thiên thần cứu vớt, từ thiên đường rơi xuống chìa tay ra cho nó. Thánh

Julián nhà Fountain, thánh bảo hộ những kẻ khổ hạnh.”

“Cái ông bác sĩ Freud đang đầu độc cậu rồi, Miquel. Tất cả chúng ta đều cần có bạn. Thậm chí cả cậu.”

“Nhưng thằng này không cần bạn và sẽ không bao giờ như vậy. Nó mang trái tim của một con nhện. Và nếu cậu không tin tớ, thời gian sẽ trả lời. Tớ không biết nó mơ thấy gì...?”

Miquel Moliner không thể biết rằng giấc mơ của Francisco Javier giống với giấc mơ của Julián bạn cậu hơn cậu tưởng. Một lần, vài tháng trước khi Julián bắt đầu đi học ở ngôi trường này, con trai ông bảo vệ đang

nhặt lá khô ở khu vực đài phun nước thì chiếc ô tô sang trọng của Don Ricardo Aldaya đến. Chiều hôm đó, nhà tư bản có người đi cùng. Tháp tùng ông ta là một ảo ảnh, một thiên thần ánh sáng mặc vài lụa đường như sắp sửa bay lên. Thiên thần ấy, không ai khác chính là Penélope, bước ra khỏi chiếc Mercedes và chạy đến một đài phun nước, khươ khươ chiếc ô và dừng lại lấy tay khoát nước trong hồ. Như mọi khi, cô bảo mẫu Jacinta đi theo sát cô bé, quan sát mọi cử chỉ dù là nhỏ nhất của cô bé. Nhưng ngay cả khi nếu có một đoàn người hầu bảo vệ cho cô bé thì cũng chẳng sao: Javier chỉ nhìn vào cô thôi. Nó sợ rằng nếu chớp mắt, cái

ảo ảnh kia sẽ tan biến. Nó vẫn đứng đó, bất động, nín thở dõi theo ảo ảnh ấy. Không lâu sau, như thể cảm thấy sự hiện diện của nó và cái nhìn lén lút kia, Penélope ngược mắt lên nhìn thẳng nó. Vẻ đẹp trên khuôn mặt dường như khiến nó đau nhói và không chống cự nổi. Nó nghĩ nó đã thấy nét thoáng cười trên đôi môi cô bé. Quá sợ hãi, Javier chạy trốn lên đỉnh tháp nước, cạnh chuồng chim bồ câu trên gác tòa nhà, chỗ trốn ưa thích của nó. Tay nó vẫn run khi gom nhặt đồ nghề chạm khắc và bắt đầu tạo một hình tạc mới là khuôn mặt nó vừa nhìn thấy. Hôm ấy nó về nhà muộn hơn vài tiếng so với bình thường, mẹ nó đang lỏa lồ bán thân,

giận dữ ngòì chờ nó. Thằng bé cúi mặt, sợ rằng nếu mẹ nhìn vào mắt, mẹ ta sẽ thấy cô bé bên hồ nước và biết nó đang nghĩ gì.

“Mày đã ở đâu, thằng cút?”

“Con xin lỗi mẹ. Con bị lạc.”

“Mày đã bị lạc ngay từ ngày mày sinh ra rồi.”

Nhiều năm sau, mỗi khi nhét khẩu súng vào miệng một tù nhân và bóp cò, Chánh thanh tra Francisco Javier Fumero sẽ nhớ lại cái ngày hắn thấy đầu mẹ hắn vỡ tung như một quả dưa chín gàn một quán bar ngoài trời ở Las Planas và hắn không cảm thấy gì hết,

chỉ là sự chán ngắt của những thứ chết chóc. Chủ quầy bar nghe tiếng súng liền báo tin cho cảnh sát, rồi họ tìm thấy một đứa trẻ đang ngồi trên một tảng đá, trong tay cầm khẩu súng ngắn đang bốc khói. Nó đứng đưng nhìn cái xác không đầu của Maria Craponcia, còn gọi là Yvonne, bị côn trùng bu kín. Khi thấy cảnh sát đến, nó chỉ nhún vai, mặt bê bết máu, như thể bị bệnh đậu mùa tàn phá. Lần theo tiếng khóc, cảnh sát tìm thấy Ramón Một Bi đang ngồi cạnh cây thánh giá, cách đó chừng ba mươi thước, trong một bụi cây. Ông ta đang run như một đứa trẻ không thể nói năng rõ ràng. Viên trung úy cảnh sát, sau nhiều cân nhắc, đã báo cáo rằng sự

việc này là một tai nạn thương tâm, và đã ghi trong kết luận điều tra như vậy, mặc dù điều đó trái lương tâm anh ta. Khi người ta hỏi đứa bé liệu họ có thể làm gì giúp được nó, Francisco Javier hỏi nó có thể giữ khẩu súng không, vì nó muốn khi lớn lên sẽ trở thành một người lính...

“Anh có sao không, Romero de Torres?”

Sự xuất hiện đột ngột của Fumero trong câu chuyện của Cha Fernando Ramos khiến tôi choáng váng, nhưng hệ quả đối với Fermín mới thật rùng rợn. Trông anh ta trắng như tờ giấy, hai tay

run bần bật.

“Huyết áp tôi giảm đột ngột thôi,” Fermín ứng biến một giọng lí nhí. “Thời tiết xứ Catalan này đúng là địa ngục đối với dân miền Nam chúng tôi.”

“Anh có muốn một cốc nước không?” vị thầy tu giọng lo lắng.

“Nếu đức Cha Cao cả không phiền. Và có lẽ một chút sô cô la nữa, để bổ sung đường, cha biết đấy...”

Vị thầy tu rót cho anh ta một cốc nước, Fermín liền uống đầy thèm khát.

“Ta chỉ có kẹo the thôi. Liệu có ích gì không?”

“Chúa phù hộ cho Cha.”

Fermín nuốt một nắm kẹo và sau một lúc dường như da mới trở lại trạng thái tự nhiên.

“Đứa trẻ này, con trai ông bảo vệ, người đã anh dũng mất đi một hòn bi để bảo vệ xứ thuộc địa, Cha có chắc tên là Fumero, Francisco Javier Fumero không?”

“Đúng. Ta dám chắc. Con biết hẳn ta ư?”

Cha Fernando nhú mày. “Ta cũng chẳng ngạc nhiên lắm. Đáng tiếc Francisco Javier lại trở thành một nhân vật xấu.”

“Chúng con không chắc hiểu ý Cha...”

“Các con hiểu đấy. Francisco Javier Fumero là chánh thanh tra của Đội điều tra Tội phạm Barcelona và được biết đến rộng rãi. Danh tiếng của hắn ta đã vươn đến tận chúng tôi, những người chưa bao giờ rời khỏi ngôi trường này, và ta dám chắc rằng khi nghe tên hắn, các con đã rúm người lại đôi phần.”

“Cha đã nói như vậy, thừa đức Cha Tôn kính, cái tên ấy cũng gọi chút gì đấy...”

Cha Fernando liếc nhìn chúng tôi. “Cậu bé này không phải con trai của

Julián Carax. Có đúng không?”

“Là con tinh thần thôi, thừa đức Cha Thanh cao. Về mặt đạo đức, như thế đúng hơn.”

“Các con đang dính vào chuyện gì vậy? Ai cử các anh đến?”

Lúc này, tôi đoán chắc chúng tôi sắp bị đuổi ra khỏi văn phòng của vị thầy tu, tôi bèn quyết định cho Fermín im lặng, và lần này sẽ đánh bài ngửa.

“Cha nói đúng, thừa Cha. Julián Carax không phải cha đẻ của con. Nhưng không ai cử chúng con đến đây cả. Nhiều năm trước đây, con tình cờ tìm thấy cuốn sách của Carax, một cuốn sách được cho

là đã biến mất, và từ lúc ấy, con đã cố tìm hiểu thêm về ông ấy và làm rõ hoàn cảnh cái chết của ông ấy. Romero de Torres đã giúp con...”

“Cuốn sách nào?”

“*Bóng hình của gió*. Cha đã đọc chưa?”

“Ta đã đọc tất cả tiểu thuyết của Julián.”

“Cha còn giữ chúng không?”

Vị tu sĩ lắc đầu.

“Con có thể hỏi Cha đã làm gì với chúng không?”

“Nhiều năm trước, có người đã lên

vào phòng ta và đốt chúng rồi.”

“Cha có nghi cho ai không?”

“Tất nhiên. Ta nghi là Fumero. Đây không phải là lý do con đến đây sao?”

Fermín và tôi nhìn nhau bối rối.

“Thanh tra Fumero ư? Tại sao ông lại muốn đốt những cuốn sách ấy?”

“Còn ai nữa? Trong những năm cuối học chung ở trường, Francisco Javier đã cố giết Julián bằng khẩu súng ngắn của cha hắn. Nếu Miquel không ngăn hắn lại...”

“Tại sao hắn muốn giết Julián? Julián là bạn thân nhất của hắn mà.”

“Francisco Javier bị ám ảnh về Penélope Aldaya. Không ai biết điều này. Ta nghĩ thậm chí Penélope còn không biết đến sự tồn tại của hắn. Hắn giữ bí mật này trong nhiều năm. Rõ ràng hắn thường bí mật dõi theo Julián. Ta nghĩ có ngày hắn thấy Julián hôn Penélope. Ta không biết. Điều ta biết là hắn cố giết Julián ngay giữa thanh thiên bạch nhật. Miquel Moliner, người không bao giờ tin Fumero, đã lao mình vào Fumero cố ngăn hắn vào phút chót. Vết sâu do viên đạn gây ra vẫn nhìn thấy được ngay ở công vào. Mỗi lần đi qua đó, ta vẫn nhớ cái ngày ấy.”

“Chuyện gì đã xảy ra với

Fumero?”

“Hắn và gia đình bị tổng cổ khỏi trường. Ta nghĩ Francisco Javier bị đưa vào trường nội trú một thời gian. Chúng ta không nghe tin gì về hắn nữa mãi cho đến vài năm sau đó, khi mẹ hắn ta bị chết trong một tai nạn đi săn. Không hề có một tai nạn như vậy. Francisco Javier Fumero là kẻ giết người.”

“Nếu con nói với Cha...” Fermín lí nhí.

“Cũng không tệ nếu các con nói với ta điều gì đó, nhưng lần này để đổi gió hãy nói điều gì có thật đi.”

“Chúng con có thể nói với Cha

rằng Fumero không phải là người đốt sách của Cha.”

“Vậy thì là ai?”

“Nhiều khả năng đó là một người đàn ông có khuôn mặt bị lửa làm biến dạng, người tự xưng là Lاین Coubert.”

“Có phải đó là...?”

Tôi gật đầu. “Tên một nhân vật của Carax. Tên ác quỷ.”

Cha Fernando dựa người vào thành ghế, cũng bối rối như chúng tôi.

“Điều dường như ngày càng rõ ràng là Penélope Aldaya là trung tâm của câu chuyện này, và cô ấy là người chúng

ta biết ít nhất,” Fermín nhận xét.

“Ta e không thể giúp gì các con được. Ta ít khi nào thấy cô ấy, nếu có chẳng thì cũng chỉ từ xa, hai ba lần gì đấy. Ta biết gì về cô ấy là qua Julián kể, cũng không nhiều nhận gì. Một người khác có vài lần nhắc đến Penélope là Jacinta Coronado.”

“Jacinta Coronado ư?”

“Bảo mẫu của Penélope. Bà ấy đã nuôi dạy Jorge và Penélope. Bà ta yêu chúng điên dại, đặc biệt là Penélope. Đôi khi bà ấy đến trường đón Jorge, vì Don Ricardo Aldaya muốn con cái của ông ta bị giám sát mọi lúc bởi một người trong nhà ông. Jacinta là một thiên thần.

Bà nghe nói cả Julián lẫn ta xuất thân từ những gia đình tầm thường, nghĩ rằng chúng ta đói lắm, nên chiều chiều bà ấy luôn mang cho chúng ta chút đồ ăn. Ta bảo bà ấy rằng cha ta làm đầu bếp nên bà không phải bận tâm, ta chưa bao giờ thiếu ăn. Nhưng bà cứ khăng khăng. Đôi khi ta chờ được nói chuyện với bà. Bà ấy là người tốt nhất ta từng gặp. Như ta biết, bà không có con cái hay bạn trai. Bà cô đơn trong thế giới này và dành hết cuộc đời cho những đứa con của Aldaya. Bà tôn sùng Penélope. Bà nói chuyện về cô ấy...”

“Cha vẫn liên lạc với Jacinta chứ?”

“Thỉnh thoảng ta đến thăm bà ấy ở nhà dưỡng lão Santa Lucía. Bà ấy không còn ai thân quen. Vì những lý do chúng ta không thể hiểu được, không phải lúc nào Chúa cũng tương thưởng cho chúng ta khi chúng ta còn sống. Jacinta giờ rất già và đơn độc như suốt đời bà vẫn vậy.”

Fermín và tôi nhìn nhau.

“Thế còn Penélope? Cô ấy có bao giờ đi thăm Jacinta không?”

Đôi mắt Cha Fernando tối sầm lại, không thể xuyên thấu. “Không ai biết đã có chuyện gì với Penélope. Cô gái đó là cả cuộc đời Jacinta. Khi nhà Aldaya bỏ đi châu Mỹ và bà mất cô ấy, bà ấy mất tất cả.”

“Tại sao họ không mang bà ấy theo? Penélope có đi Argentina cùng gia đình Aldaya không?” tôi hỏi.

Vị cha đạo nhún vai. “Ta không biết. Không ai gặp lại Penélope hay nghe tin gì về cô ấy sau năm 1919.”

“Năm Carax sang Paris,” Fermín nhận xét.

“Các anh phải hứa với tôi là sẽ không đến làm phiền bà cụ tội nghiệp và bắt bà ấy đào bới những ký ức đau buồn.”

“Cha xem chúng con là hạng người nào?” Fermín hỏi, giọng tức tối.

Ngờ rằng ông chẳng moi thêm được gì từ chúng tôi, Cha Fernando bắt chúng tôi hứa phải báo ông ấy biết bất cứ điều gì tìm hiểu được. Để đảm bảo cho ông, Fermín nhất quyết thề trước cuốn Tân ước đang nằm trên bàn thờ vị cha đạo.

“Để Kinh sách yên đó. Lời của các anh là đủ rồi.”

“Đúng là không có gì qua mặt được Cha, đúng không thưa Cha? Cha sắc sảo kinh người ấy.”

“Thôi thôi, để tôi tiễn các anh ra cửa.”

Ông dẫn chúng tôi qua khu vườn

cho đến khi chúng tôi đến cổng rồi ông dừng lại ở một khoảng cách hợp lý, nhìn ra con đường chạy dài xuống thế giới thực, như thể ông sợ sẽ bị bốc hơi mất nếu ông liêu lĩnh bước ra xa hơn. Tôi tự hỏi lần cuối cùng Cha Fernando rời khỏi khuôn viên trường là bao giờ.

“Ta đã rất buồn khi biết tin Julián chết,” ông nói dịu dàng. “Bất kể những gì xảy ra sau đó và bất kể chúng ta đã rời xa nhau theo thời gian, chúng ta đã là bạn tốt: Miquel, Aldaya, Julián và bản thân ta. Thậm chí cả Fumero. Ta luôn nghĩ chúng ta sẽ không bao giờ chia cách được, nhưng cuộc đời hẳn biết những điều mà chúng ta không biết. Ta không bao giờ có những người bạn như họ nữa,

và ta không tưởng tượng sẽ còn có thể.
Ta hy vọng con sẽ thấy những gì con
đang tìm kiếm, Daniel.”

Chương 26

GẦN GIỮA BUỔI SÁNG, chúng tôi đến đường La Bonanova, mỗi người đắm chìm trong ý nghĩ của riêng mình. Tôi dám chắc ý nghĩ của Fermín đang hướng về cái vẻ độc ác của Thanh tra Fumero trong câu chuyện. Tôi liếc nhìn, và nhận thấy anh ta bị nỗi lo sợ xâm chiếm. Một dải mây đỏ sẫm vắt ngang bầu trời, đây đó lộ ra những mảng sáng màu lá rơi.

“Nếu không nhanh lên, chúng ta sẽ mắc một trận mưa như trút đây,” tôi nói.

“Chưa đâu. Những đám mây kia

trông như ác mộng thôi, như vết thâm tím vậy. Phải một lúc lâu nữa.”

“Đừng bảo anh cũng là chuyên gia về mây đầy, Fermín.”

“Sống ngoài đường nhiều cũng có tác dụng phụ về mặt hiểu biết. Này, cứ nghĩ đến tay Fumero là bụng tôi lại cồn cào lên. Cậu có phản đối nếu chúng ta ghé vào một quán bar ở Plaza de Sarriá để làm hai cái bánh kẹp thật lớn nhân ốp lét trộn rau không?”

Chúng tôi bước vào quảng trường, nơi một nhóm các ông già thân thơ quanh đàn chim bồ câu, cuộc sống của họ giờ chỉ còn một lễ nghi rải những mảnh vụn thức ăn rồi đợi. Chúng tôi ngồi xuống

một bàn gần cửa, và Fermín ngẫu nhiên hai chiếc sandwich, suất của anh ta và cả của tôi, một vai bia, hai thanh sô cô la, và ba tách cà phê đặc có pha rum và đường. Còn món tráng miệng, anh ta dùng kẹo Sugus. Một người ngồi ở bàn bên cạnh liếc nhìn Fermín qua tờ báo, có lẽ cũng nghĩ đúng cái điều tôi đang nghĩ.

“Tôi không hiểu làm sao anh tiêu hóa hết, Fermín ạ.”

“Trong gia đình tôi, mọi người đều có hệ tiêu hóa rất tốt. Chị gái Jesusa của tôi, cầu Chúa phù hộ linh hồn chị ấy, có thể ăn sáu suất trứng ốp lết với khúc dồi vào giữa buổi chiều, rồi đến tối vẫn tọng như một tay Cô dắc. Tội nghiệp bà chị.

Chị ấy giống y như tôi, cậu biết không? Cả khuôn mặt lẫn ngoại hình kinh điển, hơi gầy hơn. Một tay bác sĩ người Cácares có lần bảo mẹ tôi rằng gia đình Romero de Torres là mối liên hệ đã mất giữa loài người và loài cá nhám búa, vì chín mươi phần trăm cơ thể là sụn, chủ yếu tập trung ở mũi và tai ngoài. Trong làng thỉnh thoảng người ta nhầm Jesusa với tôi, vì ngực chị ấy không bao giờ nở cả và chị bắt đầu cạo râu còn trước cả tôi. Chị ấy chết vì bệnh lao phổi năm hai hai tuổi, vẫn còn trinh đến cuối đời và âm thầm yêu một ông thầy tu mộ đạo, khi ông ta gặp chị trên đường, ông ta luôn nói, ‘Xin chào Fermín, cậu đang trở thành một anh chàng khá bảnh đây.’ Đời

thật mỉa mai.”

“Anh có nhớ họ không?”

“Gia đình tôi hả?”

Fermín nhún vai, nở nụ cười tiếc nhớ.

“Tôi biết gì chứ? Ít có thứ gì dễ đánh lừa ta hơn ký ức. Hãy nhìn ông cha đạo... Còn cậu? Cậu có nhớ mẹ cậu không?”

Tôi cúi mặt. “Rất nhiều.”

“Cậu có biết điều gì tôi nhớ nhất ở mẹ tôi không?” Fermín hỏi. “Mùi của bà ấy. Bà luôn có mùi tinh tươm, như một ổ bánh mì mới ra lò. Cho dù bà có làm

việc ngoài đồng cả ngày hay có mặc cả tuần chiếc áo cũ sờn rách. Bà luôn toát lên mùi của những thứ tuyệt vời nhất trên đời. Tuy nhiên, bà hơi cục cằn. Bà luôn mồm chửi rủa, nhưng bà có mùi giống như một công chúa trong chuyện cổ tích. Hay ít nhất tôi nghĩ vậy. Còn cậu thì sao? Điều gì ở mẹ cậu khiến cậu nhớ nhất, Daniel?"

Tôi dè dặt một lúc, cố bầu vịu những lời nói mà môi tôi không thể tạo ra.

"Không gì hết. Nhiều năm rồi tôi không thể nhớ được mẹ tôi. Tôi không thể nhớ khuôn mặt mẹ trông như thế nào, hay giọng nói bà hay mùi của bà. Tôi đã

đánh mất chúng vào cái ngày tôi phát hiện ra Julián Carax, và chúng vẫn chưa quay trở lại."

Fermín thận trọng nhìn tôi, cân nhắc trả lời. "Cậu không có tấm ảnh nào của bà ấy sao?"

"Tôi không bao giờ muốn nhìn vào chúng," tôi nói.

"Tại sao?"

Tôi chưa bao giờ nói với ai chuyện này, kể cả với cha tôi hay Tomás. "Vì tôi sợ. Tôi sợ nhìn vào một bức ảnh của mẹ tôi và nhận ra bà là một người xa lạ. Có lẽ anh nghĩ như vậy thật vô lý."

Fermín lắc đầu. "Và đây là lý do

cậu tin rằng nếu cậu làm sáng tỏ bí ẩn về Julián Carax và giải cứu anh ta khỏi sự lãng quên, thì khuôn mặt người mẹ sẽ trở về với cậu?”

Tôi nhìn anh ta. Không có một chút mĩa mai hay phán xét gì trên nét mặt anh ta. Trong chốc lát, Fermín Romero de Torres dường như trở thành người uyên bác minh mẫn nhất trên đời này.

“Có lẽ vậy,” tôi nói không suy nghĩ.

Vào giờ chính Ngọ, chúng tôi lên một chiếc xe buýt đưa chúng tôi quay về nội thành. Chúng tôi ngồi ghế trước, ngay sau tài xế, một tình huống được Fermín tranh thủ để đàm đạo với bác tài về

nhiều tiến bộ, cả kỹ thuật lẫn thẩm mỹ, mà anh ta nhận thấy ở hệ thống giao thông công cộng kể từ lần cuối cùng anh ta sử dụng, khoảng năm 1940 - đặc biệt là những tấm biển chỉ đường, minh chứng là biển báo có dòng chữ NGHIÊM CẤM KHẠC NHỎ VÀ NÓI TỤC. Fermín nhìn thoáng qua cái biển và quyết định thừa nhận nó bằng cách sốt sắng khắc ra một bãi đờm. Điều này khiến chúng tôi phải hứng lấy cái nhìn chê bai của ba bà thánh thiện giống như một đội biệt kích ở cuối xe buýt, mỗi người ôm một cuốn kinh.

“Quân man rợ!” một tín đồ ở dãy ghế phía Đông làm bầm, người rất giống chân dung chính thức của Il Duce^[1], nhưng có mái tóc xoăn.

[1. Biệt danh của Benito Mussolini (1883-1945), một chính trị gia, lãnh đạo đảng Quốc xã. Thủ tướng thứ 40 của nước Ý.]

“Họ đây rồi,” Fermín nói. “Tây Ban Nha của tôi có ba vị thánh. Thánh-thiên-hơn-thánh-của-mày, Thánh Chết tiệt, và Thánh Mẹ kiếp. Nói nhỏ với anh thôi nhé, chúng ta đã biến đất nước này thành một trò hề.”

“Quá đúng,” tài xế đồng tình. “Vào thời Cộng hòa chúng ta sống tốt hơn. Nếu mà không nói đến giao thông. Nó tồi quá.”

Một người đàn ông ngồi phía cuối

xe buýt cười to, thích thú nghe cuộc trao đổi. Tôi nhận ra gã chính là người đã ngồi cạnh chúng tôi trong quầy bar. Nét mặt của gã dường như gợi ý rằng gã đứng về phe Fermín và gã muốn trông thấy Fermín cho đảm bảo thù một trận ra trò. Chúng tôi thoáng nhìn nhau. Gã cười thân thiện với tôi rồi quay lại với tờ báo của mình. Khi chúng tôi đến phố Ganduxer, tôi nhận thấy Fermín đã cuộn người như quả bóng dưới chiếc áo khoác và đang đánh một giấc với cái miệng hở hoác, vẻ hạnh phúc và ngây thơ hiện lên trên khuôn mặt anh ta.

Xe buýt đang lướt qua khu nhà giàu trên Paseo de San Gervasio thì Fermín choàng tỉnh dậy. “Tôi vừa mơ

thấy cha Fernando,” anh ta nói. “Ngoại trừ chuyện trong mơ ông ấy mặc như một trung phong đội Real Madrid và có chiếc cúp vô địch bên cạnh sáng như Chén Thánh.”

“Như vậy là sao?” tôi hỏi.

“Nếu Freud đúng, điều này có thể là ông cha đạo đã cài cho chúng ta một mục tiêu.”

“Tôi nghĩ ông ấy là người trung thực đấy chứ.”

“Khá trung thực. Có lẽ trung thực quá mức cần thiết. Mọi thầy tu với vẻ bề ngoài thánh thiện cuối cùng đều nên bị điều đến những giáo xứ xa, để xem xem

loài muỗi và cá hổ có kết liễu họ không.”

“Đừng cường điệu thế.”

“Câu thật ngây thơ, Daniel. Cậu có khi còn tin vào chuyện tiên răng nữa ấy nhỉ. Thôi được, cho cậu một ví dụ nhé: câu chuyện loằng ngoằng về Miquel Moliner mà Nuria Monfort kể cho cậu nghe. Tôi nghĩ cô ả này nói dối còn trơ trẽn hơn là trang xã luận của tờ *L'Osservatore Romano*. Té ra cô ả kết hôn với một người bạn thời trẻ của Aldaya và Carax – chuyện đó có phải ngẫu nhiên không? Và trên hết, chúng ta biết câu chuyện về Jacinta, một bảo mẫu tốt, chuyện này có vẻ thật nhưng nghe quá giống cảnh cuối cùng trong một vở kịch

của Alexandre Dumas Con. Đây là chưa nói đến sự xuất hiện của Fumero trong vai trò tên du côn.”

“Vậy anh nghĩ là cha Fernando đã nói dối chúng ta?”

“Không. Tôi đồng ý là ông ấy có vẻ trung thực, nhưng sắc phục cũng góp phần đáng kể, và có lẽ ông ấy cũng giấu kín vài *ora pro nobis*^[2] trong ống áo, nếu cậu hiểu ý tôi. Tôi nghĩ là nếu ông ấy nói dối thì đó là nhằm che giấu hoặc vì lý do tế nhị, chứ không phải do thù oán hay ác ý gì. Ngoài ra, tôi không nghĩ ông ấy đủ khả năng bịa ra một câu chuyện như vậy. Nếu giỏi nói dối hơn thì ông ấy sẽ không đi dạy đại số và tiếng La tinh đâu; hẳn

giờ ông ấy đã lên chức Giám mục rồi, thành một vị Hồng y béo phệ cũng nên và đang ngồi chằm bánh xốp mềm vào tách cà phê.”

[2. Nghĩa là : Xin phù hộ chúng con.]

“Anh nghĩ chúng ta nên làm gì bây giờ?”

“Sớm muộn gì chúng ta cũng phải đào cái xác ướp của bà cụ thánh thiện kia mà lắc đến tận cổ chân xem có moi được gì không. Hiện giờ, tôi sẽ giật một vài đầu mối để xem có tìm hiểu được gì về Miquel Moliner không. Và không phải là ý tôi nếu để mắt đến ả Nuria Monfort kia. Tôi nghĩ ả ta đang cố tỏ ra vẻ cái thứ

mà mẹ tôi gọi là cáo già gian ác đấy.”

“Anh hiểu nhầm cô ấy rồi,” tôi nói.

“Câu được cho xem một bộ ngực đẹp và cậu nghĩ là mình vừa thấy Mẹ Teresa - ở tuổi như cậu thì có thể tha thứ nhưng không cách nào cứu chữa được. Để cô ta cho tôi, Daniel. Hương sắc của nữ tính bất diệt không còn làm tôi say đắm như nó đang thôi miên cậu. Ở tuổi tôi dòng máu chảy lên não được ưu tiên hơn dòng máu chảy xuống hạ bộ.”

“Xem ai đang nói kia.”

Fermín móc túi ra đếm tiền.

“Anh lăm tiền nhỉ,” tôi hỏi. “Có phải tất cả đều nhờ vụ trả thừa tiền sáng

nay không?”

“Một phần thôi. Phần còn lại là hợp pháp đấy. Hôm nay tôi định đưa Bernarda đi chơi, và tôi không thể từ chối người phụ nữ ấy bất kỳ điều gì. Nếu cần thiết, tôi sẽ ăn cướp Ngân hàng Trung ương Tây Ban Nha để chiều lòng mọi ý muốn bất chợt của cô ấy. Còn cậu? Cậu định làm gì hôm nay?”

“Không có gì đặc biệt.”

“Còn cô bé kia thì sao?”

“Cô bé nào?”

“Cái cô bé xinh xắn ấy. Cậu nghĩ là ai? Em gái Aguilar ấy.”

“Tôi không biết. Tôi không có dự định gì.”

“Cái cậu không có, nói toạc ra, là hai hòn đở lớn để dám nắm lấy sừng con bò.”

Lúc ấy, tay soát vé tiến đến chúng tôi vẻ mặt mệt mỏi, miệng anh ta cứ tung tẩy que tăm, anh ta chọc chọc ngoáy ngoáy vào răng khéo léo như làm xiếc.

“Xin lỗi các anh, mấy cô ở kia đang muốn biết các anh có thể dùng ngôn ngữ đứng đắn hơn không.”

“Bảo họ đừng xía vào chuyện người khác,” Fermín lớn tiếng trả lời.

Tay soát vé quay mặt về phía ba bà

kia mà nhún vai, để tỏ rõ ràng anh ta đã làm những gì có thể và không định tham gia vào một cuộc ẩu đả vì chuyện sử dụng từ ngữ thế nào cho nho nhã.

“Những kẻ không có cuộc sống thường chõ mũi vào cuộc sống của người khác,” Fermín nói. “Chúng ta đang nói chuyện gì nhỉ?”

“Về việc tôi thiếu can đảm.”

“Đúng vậy. Một ca điển hình. Cậu tin tôi đi, chàng trai. Cứ theo đuổi cô gái của cậu. Cuộc sống trôi đi nhanh lắm, đặc biệt là những cuộc đời đang sống. Cậu nghe vị thầy tu nói rồi đấy. Như một tia chớp.”

“Cô ấy không phải là cô gái *của* tôi.”

“À, vậy thì hãy làm cô ấy trở thành của cậu trước khi ai đó cướp cô ấy đi, đặc biệt là tay lính chì tí hon kia.”

“Anh nói như thể Bea là món giải thưởng vậy.”

“Không, như thể cô ấy là một điểm phúc,” Fermín sửa lại. “Này Daniel. Định mệnh thường ở góc vách nào đó. Như một tên trộm, một ả điếm, hay một người bán vé số: ba hiện thân phổ biến nhất của nó. Nhưng điều định mệnh không làm là đến thăm tận nhà. Cậu phải tìm đến nó.”

Từ đó cho tới hết chuyến đi, tôi cứ ngẫm nghĩ về ấn dụ long lanh đó trong khi Fermín lại đánh thêm giấc nữa, một việc mà anh ta có tài năng sánh ngang Napoléon. Chúng tôi xuống xe ở góc phố giao nhau giữa Gran Vía và Paseo de Gracia dưới bầu trời xám xịt đã đánh cắp đi ánh sáng ban ngày. Cài áo mưa lên tận cổ, Fermín tuyên bố anh ta đang vội vã về nhà trọ, để trau chuốt chuẩn bị cho cuộc gặp với Bernarda.

“Cậu phải hiểu rằng với vẻ bề ngoài khá khiêm tốn như tôi đây, làm đẹp phải mất tôi thiểu tiếng rưởi. Cậu sẽ không tiến xa được mà không có vẻ đẹp; sự thật phũ phàng của cái thời đại giả dối này là vậy đấy. Sự phù phiếm là tội lỗi

của cuộc đời.”

Tôi nhìn anh ta đi xuống Gran Vía, chỉ còn hình dáng mờ ảo người đàn ông nhỏ bé chui trong chiếc áo mưa xám bay lạt phật trong gió như một lá cờ rách bướm. Tôi đi về nhà, nơi tôi sẽ tìm một cuốn sách hay và giấu mình khỏi thế giới. Khi tôi rẽ nơi góc phố Puerta del Ángel và Santa Ana, tim tôi sưng lại. Như mọi lần, Fermín đã đúng. Định mệnh đang chờ tôi ở trước cửa hàng, đang mặc chiếc áo len xám ôm người, đi đôi giày mới, và tất ni lông, đang ngắm hình chiếu của nàng trong ô kính bày hàng.

“Bố em nghĩ em đã đi lễ mixa buổi mười hai giờ,” Bea nói, vẫn nhìn bóng

nàng trong gương.

“Em cũng có thể đã ở đó. Có một buổi lễ liên tục từ lúc chín giờ sáng ở cách đây chưa đầy hai mươi thước, tại nhà thờ Santa Ana.”

Chúng tôi trò chuyện như hai người lạ ngẫu nhiên dừng lại trước cửa hiệu, tìm ánh mắt nhau qua ô kính.

“Thôi đừng đùa nữa. Em đã phải lấy tờ rơi của nhà thờ để xem bài giảng đạo nói gì đấy. Bố em sẽ vẫn hỏi chi tiết.”

“Bố em thì cái gì mà chả nghĩ.”

“Ông ấy thì sẽ bẻ gãy chân anh đấy.”

“Trước khi làm được như vậy, ông ấy phải tìm ra anh là ai đã. Và trong khi chân anh còn lạnh lặn, anh có thể chạy nhanh hơn ông ấy.”

Bea đang nhìn tôi dăm dăm, liếc nhìn những người đang đi qua sau chúng tôi dưới màn trời xám xịt và lộng gió.

“Em không biết anh đang cười cái gì,” nàng nói. “Bồ em nói thật đấy.”

“Anh có cười đâu. Anh sợ vãi ra ấy chứ. Anh mừng vì được gặp em đây thôi.”

Một nụ cười lo lắng, thoáng qua. “Em cũng vậy,” Bea thú nhận.

“Em nói cứ như nó là một thứ bệnh ấy.”

“Còn tệ hơn thế. Em đã nghĩ nếu gặp lại anh vào ban ngày, biết đâu em sẽ tỉnh ra.”

Tôi không biết đây là một lời khen hay trách móc.

“Không ai được thấy chúng ta ở bên nhau cả, Daniel ạ. Không phải thế này, trước bàn dân thiên hạ thế này.”

“Nếu em muốn, chúng ta có thể vào trong cửa hàng. Có một âm cà phê ở phòng sau và...”

“Không. Em không muốn có ai nhìn thấy em ra vào nơi này. Nếu có ai

bắt gặp em chuyện trò cùng anh, em luôn có thể nói là em tình cờ gặp bạn thân nhất của anh trai em. Nếu có người nhìn thấy chúng ta hơn một lần, thì điều đó sẽ gây nghi ngờ.”

Tôi thở dài. “Thế ai để ý chúng ta nào? Ai quan tâm việc chúng ta làm gì chứ?”

“Mọi người luôn để mắt đến những chuyện không phải của họ, và bố của em quen biết một nửa Barcelona này.”

“Vậy sao em đến đây đợi anh?”

“Em không đến đợi anh. Em đi nhà thờ, anh nhớ không? Chính anh đã nói vậy. Cách đây hai mươi thước...”

“Em làm anh sợ đấy, Bea. Em nói dối còn giỏi hơn cả anh.”

“Anh không biết em đâu, Daniel.”

“Anh trai em cũng nói vậy đấy.”

Ánh mắt chúng tôi gặp nhau trong gương.

“Đêm hôm trước anh đã cho em thấy điều mà em chưa bao giờ thấy trước đây,” Bea lầm bầm. “Giờ đến lượt em.”

Tôi nhú mào, bối rối. Bea mở túi, lôi ra một tấm thiệp gấp, đưa cho tôi.

“Anh không phải người duy nhất ở Barcelona biết những bí mật, Daniel. Em có một bất ngờ cho anh. Em sẽ đợi anh ở

địa chỉ này vào hôm nay, lúc bốn giờ. Không ai được biết chúng ta định gặp nhau ở đó.”

“Làm sao em biết được anh sẽ tìm đúng địa chỉ?”

“Anh sẽ biết.”

Tôi thoáng nhìn nàng, cầu nguyện rằng nàng không đùa tôi.

“Nếu anh không đến, em sẽ hiểu,” Bea nói. “Em sẽ hiểu rằng anh không muốn gặp em nữa.”

Không cho tôi lấy một giây để trả lời, nàng quay mặt và vội vã bước xuống Ramblas. Tôi bị bỏ lại, cùng với tấm thiệp, lời nói của tôi vẫn treo trên đầu

môi, tôi nhìn cho đến khi nàng khuất trong bóng đen nặng nề dự báo một cơn dông. Tôi mở tấm thiệp ra. Bên trong, chữ viết tay màu xanh, là địa chỉ tôi biết rất rõ.

Đại lộ Tibidabo, số 32

Chương 27

CÒN BẢO KHÔNG CHỜ TỚI LÚC SÂM TỐI MỚI XUẤT HIỆN. Vừa bắt kịp chuyến xe buýt tuyến 22, tôi đã giật mình vì những tia chớp đầu tiên. Khi xe qua Quảng trường Molina và tiến vào phố Balmes, thành phố đã bắt đầu nhòa đi sau bức màn nước như nhung, nhắc tôi nhớ mình còn không nghĩ đến cả việc mang theo ô.

“Tôi gọi đó là dũng cảm đấy,” ông soát vé nói khi tôi đề nghị dừng lại.

Chiếc xe buýt bỏ tôi xuống giữa chùng – đầu đó ở cuối phố Balmes – để

hứng chịu cơn bão, lúc ấy đã hơn bốn giờ mười. Phía bên kia, Đại lộ Tibidabo biến mất trong làn nước ảo ảnh. Tôi đếm đến ba và bắt đầu chạy. Vài phút sau, nước ngấm tận xương và run cầm cập, tôi dừng chân trú dưới một vòm cửa để lấy hơi. Tôi nhìn kỹ phần còn lại của đoạn đường. Luồng gió bão lạnh căm che mờ đường nét ma mị của những dinh thự và những ngôi nhà lớn, menh mông bị che phủ dưới làn nước. Trong đám ấy nổi lên cột tháp lẻ loi tối sẫm của dinh cơ Aldaya, neo giữa những rặng cây xô đẩy. Tôi vuốt mái tóc ướt đầm che lấp mắt và bắt đầu băng qua đại lộ vắng người chạy đến đó.

Cánh cửa nhỏ lồng bên trong cổng

đùng đưa trong gió. Phía bên kia là lối dẫn đến tòa nhà. Tôi len qua cửa và đi thẳng vào trong. Qua những đám cây nhỏ, tôi có thể nhận ra những bệ tượng bị đổ xuống. Khi đến gần tòa nhà, tôi nhận thấy một trong các bức tượng, hình một thiên thần báo oán, bị vục sâu xuống đài phun nước giữa khu vườn. Màu đen đá cẩm thạch của bức tượng ánh lên vẻ ma quái dưới làn nước chảy tràn qua mép bể. Bàn tay của thiên thần hung dữ ấy trời lên khỏi mặt nước; một ngón tay buộc tội, sắc như lưỡi lê, chỉ về cửa trước ngôi nhà. Cánh cửa sồi chạm khắc mở hé. Tôi đẩy cửa và đánh bạo vài bước vào hành lang sâu thẳm, những bức tượng trông lập lờ dưới ánh sáng yếu ớt của ngọn nến.

“Em đã nghĩ anh không đến,” Bea nói.

Hành lang bị bóng đen vây phủ, và dáng nàng nổi bật trên nền ánh sáng vàng vọt của một gian phòng đang mở cửa đằng xa. Nàng đang ngồi trên chiếc ghế dựa sát tường, một ngọn nến ở ngay chân nàng.

“Anh đóng cửa đi,” nàng nói với tôi mà không đứng lên. “Chìa khóa ở trong ổ.”

Tôi làm theo. Ổ khóa lách cách với một tiếng vọng chết chóc. Tôi nghe bước chân Bea tiến về phía tôi từ đằng sau và cảm thấy nàng đang chạm vào bộ đồ ướt sũng của mình.

“Anh đang run đấy. Vì sợ hay vì lạnh?”

“Anh không biết. Sao chúng ta ở đây?”

Trong bóng tối, nàng mỉm cười nắm tay tôi. “Anh không biết sao? Em cứ nghĩ anh đã đoán được...”

“Đây là nhà của gia đình Aldaya, anh chỉ biết vậy. Tại sao em vào được, và sao em biết...?”

“Đến đây nào, chúng ta sẽ đốt lửa để sưởi ấm anh đã.”

Nàng dẫn tôi qua hành lang đến gian phòng kia, nó chiếm ngự bên trên

khoảng sân trong của ngôi nhà. Những cột đá và những bức tường trợ trợ của phòng khách vươn lên tận trần ô lồm đang rã ra từng mảnh. Có thể nhận ra những khoảng trống nơi trước kia từng treo những bức tranh và tấm gương, và có những dấu vết trên sàn đá cẩm thạch nơi trước kia từng đặt đồ đạc. Phía đầu kia căn phòng là lò sưởi cùng vài súc củi. Một chồng báo cũ nằm cạnh thanh cời. Không khí trong lò sưởi có mùi lửa và than còn mới. Bea quỳ xuống bắt đầu cho vài tờ báo vào giữa mấy súc củi. Nàng lấy diêm châm lửa, ngọn lửa nhanh chóng bùng lên, và nàng khơi củi đầy thành thạo. Tôi tưởng tượng nàng đang nghĩ rằng tôi đang đến chết vì hiếu kỳ và

nôn nóng, nên tôi quyết định làm ra vẻ thờ ơ, để cho thấy rõ rằng nếu nàng muốn chơi trò bí ẩn với tôi, nàng sẽ chỉ nhận lấy phần thua mà thôi. Nhưng nàng nở nụ cười đắc thắng. Có lẽ bàn tay run rẩy của tôi không giúp tôi tròn màn kịch.

“Em có hay đến đây không?” tôi hỏi.

“Đây là lần đầu. Anh ngạc nhiên không?”

“Hơi chút.”

Nàng lấy trong túi vải ra một tấm khăn sạch rồi trải xuống. Tấm khăn toát mùi oải hương.

“Nào, anh ngồi xuống đây, cạnh

đông lửa. Anh bị viêm phổi mất, và đó sẽ là lỗi của em.”

Hơi ấm bếp lửa làm tôi sống lại. Bea lặng lẽ nhìn ngọn lửa, như bị bùa mê.

“Em có định kê bí mật cho anh không?” cuối cùng tôi hỏi.

Bea thở dài đoạn ngồi lên một chiếc ghế. Tôi vẫn ngồi bên bếp lửa, ngắm làn hơi bốc lên từ quần áo mình trông như một linh hồn đang bỏ trốn.

“Cái mà anh gọi là dinh thự Aldaya thực ra có tên riêng của nó. Ngôi nhà này gọi là “Thiên thần Mùa sương” nhưng hầu như không ai biết điều này. Đã

mười lăm năm nay bố em cố bán tòa nhà này nhưng chẳng được. Hôm trước, khi anh kể cho em câu chuyện Julián Carax và Penélope Aldaya, em đã không nghĩ đến nó. Mãi sau này, lúc tối về, em xâu chuỗi các sự việc lại với nhau thì mới nhớ ra thỉnh thoảng có nghe bố nói về gia đình Aldaya, cụ thể là về ngôi nhà này. Hôm qua em đến văn phòng của bố, thư ký ông ấy, Casasús, đã kể cho em nghe chuyện ngôi nhà. Anh có biết đây không phải là chỗ ở chính thức của họ mà chỉ là nhà nghỉ hè không?”

Tôi lắc đầu.

“Nhà chính của gia đình Aldaya là một dinh thự bị đánh sập năm 1925 để

xây một khu chung cư, tại vị trí giao nhau giữa phố Bruch và phố Mallorca hiện nay. Ngôi nhà đó được Puig i Cadafalch thiết kế, theo đặt hàng của ông nội Penélope và Jorge, ông Simón Aldaya, vào năm 1896, lúc ấy nơi đây chỉ là một cánh đồng có mương dẫn nước. Con trai cả của ông Simón trưởng tộc, Don Ricardo Aldaya, mua ngôi nhà nghỉ hè này vào đầu thế kỷ từ một nhân vật khá kỳ dị - với một mức giá lố bịch, vì ngôi nhà này vốn mang tiếng xấu. Casasús cho em hay là nó bị lời nguyền, ngay cả người bán cũng không dám nhắc đến và sẽ lần tránh đề tài này với bất cứ lý do cũ rích nào...”

Chương 28

CHIỀU HÔM ẤY, khi tôi ngồi sưởi ấm bên bếp lửa, Bea kể tôi nghe câu chuyện làm thế nào Thiên thần Mù sương trở thành sở hữu của gia đình Aldaya. Nó có mọi đặc tính của một vở kịch ghê rợn mà rất có thể đã xuất hiện dưới ngòi bút của Julián Carax. Ngôi nhà được công ty kiến trúc Naulí, Martorell i Bergadá xây vào năm 1899 cho một nhà tài phiệt thành đạt và nông cuồng người xứ Catalan tên là Salvador Jausà, ông này chỉ sống ở ngôi nhà ấy một năm. Nhà tài phiệt, vốn là trẻ mồ côi từ năm lên sáu và có xuất thân nghèo hèn,

đã tích lũy nên núi tài sản chủ yếu từ việc làm ăn ở Cuba và Puerto Rico. Mọi người bảo ông ta là một trong những nhân vật ám muội đằng sau âm mưu dẫn đến sự sụp đổ của Cuba và cuộc chiến với Hoa Kỳ, trong cuộc chiến ấy người Mỹ mất nốt các thuộc địa cuối cùng. Ông ta mang từ Tân Thế Giới về còn hơn cả một đống tài sản: cùng với ông là một người vợ Mỹ - một cô gái mong manh thuộc giới quý tộc ở Philadelphia không hề biết một chữ Tây Ban Nha - và một cô hầu người lai đã phục vụ ông ta từ những năm đầu ông ở Cuba, cô này mang theo một con khỉ nhốt trong lồng ăn mặc giống anh hề, cùng bảy thùng hành lý. Ban đầu họ ở tại mấy phòng khách sạn

Colón trong khi chờ mua được một chỗ phù hợp với khiếu thẩm mỹ và mong muốn của Jausà.

Không ai nghi ngờ dù chỉ một chút rằng cô hầu – một mỹ nữ có làn da gồ mun, với đôi mắt và thân hình mà, mà theo những trang báo lá cải, có thể làm nhịp tim rối loạn – trên thực tế là tình nhân của ông ta, người dẫn dắt ông ta vào vô vàn cuộc truy hoan trái luân thường đạo lý. Chẳng những vậy, người ta còn đồ cô ta là một ả phù thủy ghê gớm. Tên cô là Marisela, hoặc đó là cái tên mà Jausà gọi cô. Sự hiện diện và vẻ bí ẩn của cô chẳng bao lâu trở thành chủ đề bàn tán ưa thích tại các cuộc tụ họp những mệnh phụ giàu có bày ra để ném

thứ món bánh bích quy cũng là để giết thì giờ và giết những buổi chiều thu buồn dài dặc. Tại bữa tiệc trà ấy người ta kháo nhau những tin đồn không ai kiểm chứng rằng người đàn bà ấy, như một ảo ảnh từ địa ngục, đã gian dâm trên người đàn ông kia, nghĩa là cưới lên ông ta như một con ngựa cái đang cơn, phạm đến ít nhất năm trong sáu đại tội được công nhận. Bởi thế nên, không dưới một người đã viết thư gửi đến ngài giám mục đề nghị ban phước và bảo vệ đặc biệt cho những linh hồn thanh khiết, chưa bị vấy bẩn của mọi gia đình khả kính ở Barcelona. Và trên tất cả, Jausà cả gan ngồi trên cỗ xe của ông ta vào những sáng Chủ nhật, cùng bà vợ và cô hầu

Marisela, phô trương khung cảnh Babylon đời bại này trước mắt bất cứ thanh niên đức hạnh nào tình cờ đang tản bộ dọc Paseo de Gracia trên đường đến dự lễ mixa lúc mười một giờ. Báo chí còn nhận xét về kiêu kỳ của ả đàn bà cao lớn kia, ả nhìn công chúng Barcelona “như nữ chúa rừng xanh nhìn bầy người lùn.”

Lúc bảy giờ, cơn sốt chủ nghĩa hiện đại Catalan đang hoành hành ở Barcelona, nhưng Jausà đã tuyên bố rõ với nhóm kiến trúc sư tham gia xây dựng ngôi nhà mới của ông ta rằng ông muốn một cái gì đó khác biệt. Trong từ điển của ông ta “khác biệt” được là từ khen tụng ở mức cao nhất. Jausà đã mất nhiều

năm dạo qua những dãy biệt thự theo phong cách tân Gothic thái quá mà các trùm tư bản của thời đại công nghiệp Mỹ xây trên Đại lộ Năm ở thành phố New York. Luyến tiếc những ngày vinh quang ở Mỹ, nhà tài phiệt từ chối lắng nghe bất cứ lập luận nào ngả về việc xây dựng theo xu thế đương thời, cũng như ông ta không chịu mua một lô trong nhà hát Liceo, được xây theo phong cách thời thượng, mà ông ta gọi là tháp Babel dành cho bọn điếc, cái tổ ong cho những kẻ đáng khinh. Ông ta muốn ngôi nhà của mình phải ở cách xa thành phố, tại một vùng hẻo lánh còn khá biệt lập trên Đại lộ Tibidabo. Ông muốn đứng từ xa nhìn vào Barcelona, ông nói. Công trình phụ cận

duy nhất ông muốn là một khu vườn đầy các tượng thiên thần, mà theo chỉ thị của ông ta (do Marisela truyền đạt lại) phải được đặt trên các đỉnh của một ngôi sao sáu cạnh – không hơn, không kém. Quyết tâm thực hiện kế hoạch của mình, và với sáu kết sắt đặng đầy tiền có thể thỏa mãn mọi ý muốn nhất thời của mình, Salvado Jausà cử kiến trúc sư đến New York trong ba tháng để nghiên cứu những cấu trúc thú vị đã làm nên những ngôi nhà như Commodor Vanderbilt, nhà Astor, Anderew Carnegie, và năm mươi gia đình giàu có còn lại. Ông ta chỉ cho họ phải đồng hóa phong cách và kỹ thuật của công ty Stanford White & McKim và cảnh cáo họ đừng có đến gõ cửa nhà ông

ta với một dự án mà theo lời ông ta sẽ chỉ làm hài lòng những hạng “đồ tể và chế súng”.

Một năm sau, ba kiến trúc sư xuất hiện tại căn phòng xa hoa của ông ta ở Khách sạn Colón để trình bày đề xuất của họ. Jausà, cùng sự có mặt của cô gái Cuba Marisela, im lặng lắng nghe họ, và cuối buổi thuyết trình, hỏi họ phải mất bao nhiêu tiền để thực hiện công việc trong sáu tháng. Frederic Martorell, trưởng nhóm kiến trúc sư, liền háng giọng và, đúng theo khuôn phép, viết con số lên một mảnh giấy, đưa cho nhà tài phiệt. Ông này, không hề chớp mắt, viết ngay một tấm séc với tổng số tiền đó rồi giải tán đoàn kiến trúc sư bằng một cử

chỉ mơ hồ. Bảy tháng sau, vào tháng Bảy năm 1900, Jausà, vợ ông ta và cô hầu Marisela chuyển vào ngôi nhà. Đến tháng Tám, hai người phụ nữ kia chết, và cảnh sát tìm thấy Salvador Jausà mê man trần truồng, tay bị còng vào ghế nơi phòng làm việc. Báo cáo điều tra của tay hạ sĩ được giao xử lý vụ này nhận xét rằng tất cả các bức tượng trong nhà đều vấy máu, và các tượng thiên thần quanh vườn bị phanh thây – khuôn mặt chúng bị vẽ như mặt nạ của thổ dân – và dấu vết những cây nến đen được tìm thấy nơi bệ tượng. Cuộc điều tra kéo dài tám tháng. Lúc ấy Jausà đã rơi vào câm lạng.

Các cuộc điều tra của cảnh sát kết luận rằng mọi dấu hiệu cho thấy Jausà và

vợ ông ta bị đầu độc bởi một thứ chiết xuất thảo dược mà Marisela đã cho họ uống, trong phòng của cô người ta tìm thấy đầy các loại chai lọ đựng thứ chất gây chết người kia. Vì lý do nào đó Jausà đã thoát khỏi vụ đầu độc, mặc dù hệ quả sau đó thật ghê rợn, vì ông dần dần mất đi khả năng nghe nói, một phần cơ thể ông ta bị bại liệt, và ông ta bị những cơn đau đớn khủng khiếp đến mức chúng buộc ông phải sống phần đời còn lại trong quần quai triền miên. Người ta phát hiện bà Jausà trong phòng ngủ, nằm trên giường không mảnh vải che thân, trên người chỉ có những đồ trang sức, một trong số đó là chiếc vòng xuyên kim cương. Cảnh sát tin rằng khi Marisela

thực hiện xong tội ác, cô ta đã lấy dao chặt đứt cổ tay mình rồi đi lang thang khắp nhà để cho dây máu lên tường các hành lang và cửa các phòng cho đến lúc cô ta ngã sụp xuống trong phòng mình trên gác. Theo lời cảnh sát, động cơ là do ghen tuông. Dường như vợ nhà tài phiệt có mang vào thời điểm bị chết. Có lời đồn Marisela đã dùng nến cháy đỏ vẽ một bộ xương người trên bụng của người đàn bà trần truồng ấy. Vài tháng sau, vụ việc này, cũng giống như cái miệng của Salvador Jausà, bị phong kín mãi mãi. Giới thượng lưu Barcelona nhận định rằng chưa hề có chuyện gì như thế xảy ra trong lịch sử thành phố, và những kẻ thực dân giàu có như vậy cùng đám tiện dân

đến từ bên kia đại dương đang hủy hoại nền tảng đạo đức của đất nước. Đằng sau những cánh cửa khép kín, nhiều người lấy làm hoan hỉ vì những trò kỳ dị của Salvador Jausà đã đến hồi kết. Như thường lệ, họ đã nhầm: chúng chỉ mới bắt đầu mà thôi.

Cảnh sát và các luật sư của Jausà chịu trách nhiệm đóng hồ sơ vụ việc, nhưng triệu phú Jausà muốn tiếp tục. Chính vào lúc này ông ta gặp Don Ricardo Aldaya - bấy giờ là một nhà công nghiệp giàu có với danh tiếng quyền rũ phụ nữ và tính tình như sư tử - muốn mua ngôi nhà nhằm mục đích phá dỡ và bán lại đặng kiếm lợi kếch xù; giá đất trong khu vực ấy đang sốt. Jausà

không đồng ý bán, nhưng ông ta mời Ricardo Aldaya đến thăm ngôi nhà và chứng kiến điều ông ta gọi là thí nghiệm khoa học và tâm linh. Chưa ai từng bước chân vào tòa nhà ấy kể từ khi cuộc điều tra kết thúc. Điều Aldaya chứng kiến trong ngôi nhà đó khiến ông ta sững sốt không nói nên lời. Jausà đã hoàn toàn mất trí. Những vết máu đen của Marisela vẫn ám trên tường. Jausà đã triệu đến nhà phát minh, một người tiên phong về kỹ thuật mới lạ lúc bấy giờ, một nhà nhiếp ảnh. Tên ông ta là Fructuós Gelabert, và ông ta đồng ý với yêu cầu của Jausà để đổi lấy số tiền xây dựng một xưởng phim tại vùng Vallés, vì ông ta cảm thấy chắc rằng, trong thế kỷ 20,

điện ảnh sẽ hát căng tôn giáo có tổ chức. Rõ ràng Jausà tin linh hồn của Marisela vẫn còn ở lại ngôi nhà. Ông ta khẳng định có thể cảm thấy sự hiện diện của cô, giọng nói của cô, mùi của cô, thậm chí cả sự đụng chạm với cô trong bóng đêm. Khi nghe những câu chuyện này, kẻ hầu người hạ nhà Jausà ngay lập tức bỏ trống để tìm kiếm một công việc bớt căng thẳng hơn trong vùng Sarriá kề cận, nơi có rất nhiều dinh thự và gia đình không có khả năng tự đi múc nước hay mạng tất.

Bị bỏ lại đơn độc, Jausà ngày càng chìm sâu vào ám ảnh về những bóng ma vô hình. Ông ta quả quyết câu trả lời cho những tai họa của mình nằm trong việc

biên cái vô hình trở nên hiện hình. Ông ta đã có cơ hội nhìn thấy một vài kết quả phát minh nhiếp ảnh ở New York, và ông ta cùng có chung quan điểm với Marisela quá cố rằng máy ảnh đã nuốt những linh hồn. Theo mạch suy nghĩ ấy, ông thuê Fructuós Gelabert chụp hàng thước phim trong các hành lang của Thiên thần Mù sương, nhằm tìm kiếm dấu hiệu và hình ảnh từ thế giới bên kia. Bất chấp những nỗ lực xuất sắc của nhà nhiếp ảnh, công cuộc truy tìm khoa học của Jausà đối với những bóng ma không có kết quả gì.

Mọi thứ thay đổi khi Gelabert tuyên bố ông ta vừa mới nhận được một loại phim mới, nhạy do nhà máy của

Thomas Edison ở Menlo Park, New Jersey gửi đến. Loại sản phẩm mới này có thể giúp chụp ở điều kiện ánh sáng cực thấp - thấp hơn cả ánh nến - điều chưa từng biết đến vào lúc bấy giờ. Rồi, trong một tình huống không bao giờ được làm rõ, một trợ lý trong phòng nghiên cứu của Gelabert đã vô tình đổ thứ rượu Xarelo lỏng lách của vùng Penedés vào khay tráng phim. Do phản ứng hóa học, những hình dạng kỳ lạ bắt đầu xuất hiện trên ảnh. Đây là thước phim mà Jausà muốn cho Don Ricardo Aldaya xem vào đêm ông ta mời ông đến nơi ở ma quái số 32, Đại Lộ Tibidabo.

Khi Aldaya nghe chuyện này, ông cho rằng Gelabert vì sợ mất đi nguồn tài

trợ của Jausà nên đã viện đến một trò lừa tinh vì hồng duy trì niềm hứng thú của ông chủ. Dù sự thật có ra sao, Jausà chẳng hề hoài nghi sự xác tín của kết quả. Hơn nữa, trong khi người khác chỉ nhìn thấy ở đó những hình dạng và bóng đen, ông ta nhìn thấy những bóng ma. Ông ta thậm chí có thể thấy bóng hình của Marisela hiện về dưới tấm khăn liệm, một chiếc bóng biến thành con sói và đi thẳng lưng. Than ôi, điều duy nhất Don Ricardo Aldaya có thể thấy trong suốt buổi chiếu phim là những vệt máu lớn. Ông cũng cho rằng cả thước phim và tay kỹ thuật viên điều khiển máy chiếu đều sặc mùi rượu và mùi những thứ còn thuốc khác hoàn toàn trần tục. Tuy vậy, là

một doanh nhân sắc sảo, nhà công nghiệp nhận ra ông có thể lợi dụng tính huống này. Một tỉ phú điên rồ cô đơn, bị ám ảnh vào việc chụp những hình ảnh lạ trên phim, ấy chính là nạn nhân lý tưởng. Aldaya đồng ý với ông ta và khuyến khích ông ta tiếp tục cuộc phiêu lưu. Trong nhiều tuần liền, Gelabert và người của ông ta chụp hàng ngàn thước phim rồi đem đi rửa trong các khay khác nhau, sử dụng dung dịch hóa chất tráng phim hòa lẫn rượu ngoại, vang đỏ được ban phước ở nhà thờ giáo khu Ninot, các loại *cava* lấy từ lò rượu nho Tarragona. Giữa những lần chiếu phim, Jausà chuyên giao, ký ủy quyền và giao quyền kiểm soát kho tài chính của ông ta cho

Ricardo Aldaya.

Jausà biến mất vào một đêm tháng Mười một năm ấy trong một cơn bão. Không ai biết chuyện gì đã xảy ra với ông ta. Dường như ông ta đang phơi sáng một trong cuộn phim đặc biệt của Gelabert thì gặp tai nạn. Don Ricardo Aldaya đề nghị Gelabert khôi phục lại cuộn phim ấy. Sau khi xem trong phòng riêng, Aldaya quyết định tự tay châm lửa đốt nó. Rồi, với một tấm séc rất hậu hĩnh, ông đề nghị tay kỹ thuật viên quên đi mọi chuyện về biến cố ấy. Lúc này Aldaya đã là chủ sở hữu hầu hết tài sản của Jausà mất tích. Có người nói rằng Marisela quá cố đã quay về đưa Jausà theo cô ta xuống địa ngục. Người khác

lại bảo sau đây vài tháng ở trong Công viên Ciudadela đã bắt gặp một kẻ ăn mày trông rất giống nhà triệu phú quá cố kia, rồi sau đó một chiếc xe màu đen rèm phủ kín đã cán lên người ông ta ngay giữa ban ngày ban mặt mà không thềm dừng lại. Các câu chuyện cứ lan ra: truyền thuyết bị thảm về tòa dinh thự nguy nga, như sự xâm lăng của âm nhạc Cuba vào các phòng khiêu vũ của thành phố, là không thể kiểm soát được.

Vài tháng sau, Don Ricardo Aldaya cùng gia đình chuyển vào căn nhà trên Đại lộ Tibidabo, và chỉ hai tuần sau, đưa con út Penélope của vợ chồng họ chào đời. Để mừng sự kiện ấy, Aldaya đổi tên ngôi nhà thành “Biệt thự

Penélope”. Tuy vậy, cái tên mới không bao giờ bám trụ được. Ngôi nhà có cá tính riêng và tỏ ra miễn dịch với sự ảnh hưởng của chủ mới. Những người mới đến than phiền về những tiếng ồn và tiếng đánh sầm sầm vào tường trong đêm, những mùi thối bất chợt và những cơn gió lạnh băng tựa hồ rong ruổi khắp ngôi nhà như những tay lính gác. Tòa dinh thự là cả một lô một lốc những bí ẩn. Nó có hai tầng hầm, tầng dưới được làm theo dạng hầm mộ nhưng không sử dụng đến. Còn tầng hầm trên là phòng xung tội có bức tường lớn nhiều màu khắc họa đức Giê-su bị đóng đinh, mà đám người hầu nghĩ rằng trông giống đến sững người cái ông Rasputin, một nhân vật rất đại chúng

trên báo chí thời ấy. Những cuốn sách trong thư viện liên tục bị sắp xếp lại hoặc quay mặt trước ra sau. Trên tầng ba có một căn phòng, phòng ngủ không bao giờ sử dụng vì những vết đen nhớp nháp khó tả trên tường dường như tạo nên những khuôn mặt mờ ảo, ở đó hoa tươi sẽ héo úa chỉ trong vài phút và người ta có thể nghe tiếng ruồi vo ve tuy không thể nào thấy chúng.

Đầu bếp thề thốt rằng một số thứ như đường biến mất khổ tử như nhờ phép thuật và sữa chuyển sang màu đỏ mỗi khi trắng non. Đôi khi họ thấy những con chim hoặc chuột nhắt chết nơi cửa một số phòng. Có lúc những đồ đạc bị mất, đặc biệt là trang sức và cúc áo cất trong tủ

bếp và ngăn kéo. Thỉnh thoảng những đồ vật bị mất thì nhiều tháng sau lại xuất hiện một cách bí ẩn ở một góc rất xa của ngôi nhà hoặc bị chôn trong vườn. Nhưng thường thì người ta không bao giờ thấy lại chúng nữa. Don Ricardo nghĩ đây chỉ là những trò đùa vô bổ. Ông nghĩ, một tuần chay tịnh rồi sẽ diệt trừ được mọi nỗi sợ của gia đình ông. Điều ông không nhìn nhận với thái độ giàu triết lý như vậy là những vụ cắp đồ trang sức của vợ ông. Hơn năm cô hầu đã bị sa thải khi có những món trong hộp trang sức của bà Aldaya biến mất, mặc cho họ kêu gào thề thốt mình vô tội. Những người hiểu biết thì cho rằng chẳng có gì bí ẩn cả: lời giải thích nằm ở thói quen

đáng tiếc của Don Ricardo là hay lên vào phòng các cô hầu trẻ lúc ban đêm vì mục đích chơi bời lạc thú. Danh tiếng của ông ta trong lĩnh vực này lừng lẫy chẳng kém gì sự giàu có của ông, và có kẻ nói rằng với tốc độ diễn ra những cuộc phiêu lưu của ông thì rồi sẽ có lúc những đứa con ngoài giá thú bị ông bỏ rơi lại lấy lẫn nhau.

Sự thật là không chỉ trang sức biến mất. Cùng thời gian này gia đình họ đã mất đi toàn bộ niềm vui sống. Gia đình Aldaya chưa bao giờ hạnh phúc trong căn nhà chiếm được nhờ xảo thuật đàm phán. Bà Aldaya liên tục nài nỉ chồng bán ngôi nhà ấy đi và chuyển đến một nơi trong thành phố hoặc trở về ngôi nhà

cũ mà Puig i Cadafalch đã xây cho Ông nội Simón, người trưởng tộc. Ricardo Aldaya thẳng thừng từ chối. Do thời gian của ông hầu hết dành cho việc đi đây đi đó hoặc ở trong các nhà máy của gia đình, nên ông thấy ngôi nhà chẳng gây ra điều gì phiền toái. Một lần cậu bé Jorge biến mất trong tòa dinh thự những tám tiếng đồng hồ. Mẹ cậu và đám người hầu hoảng loạn tìm kiếm, nhưng không thấy. Khi cậu xuất hiện trở lại, tái mét và choáng váng, cậu bảo đã ở suốt trong thư viện, cùng với một phụ nữ da đen bí ẩn, người đã cho cậu xem những bức ảnh cũ và nói với cậu rằng toàn bộ cánh đàn bà trong gia đình sẽ bị chết trong căn nhà đó để chuộc tội cho những người đàn ông.

Người phụ nữ bí ẩn kia còn tiết lộ cho cậu bé Jorge ngày mẹ cậu chết: 12 tháng Tư năm 1921. Dĩ nhiên chẳng ai tìm thấy cô gái da đen kia cả, nhưng nhiều năm sau, vào ngày 12 tháng Tư năm 1921, khi trời hừng sáng, người ta phát hiện bà Aldaya bất động trên giường. Mọi trang sức của bà đã biến mất. Khi bẻ nước trong sân khô cạn, một cậu bé giúp việc phát hiện chúng ở trong đồng bùn dưới đáy bể, cạnh một con búp bê của con gái bà, Penélope .

Một tuần sau Don Ricardo Aldaya quyết định tống khứ căn nhà. Lúc ấy chế tài chính của ông ta đã suy tàn, và có kẻ nói bóng gió rằng tất cả đều là do ngôi nhà bị nguyên rủa kia, ngôi nhà

mang tai họa đến cho bất cứ ai ở đó. Những người khác, thận trọng hơn, chỉ đơn giản khẳng định rằng Aldaya không bao giờ hiểu được xu hướng thay đổi của thị trường và điều duy nhất ông đã hoàn tất trong suốt đời mình là phá hủy cái doanh nghiệp khổng lồ do Simón trưởng tộc gây dựng nên. Ricardo Aldaya tuyên bố ông sẽ rời Barcelona và cùng gia đình chuyển đến Argentina, nơi mà ngành công nghiệp dệt may được cho là vẫn đang huy hoàng. Nhiều người tin rằng ông đang chạy trốn sự thất bại và nỗi xấu hổ.

Năm 1922, Thiên thần Mù sương được treo biển bán với giá thấp đến lố bịch. Lúc đầu rất nhiều người quan tâm

mua nó, vì danh tiếng của ngôi nhà cũng như vì giá trị của khu vực này ngày càng tăng, nhưng sau khi đến xem ngôi nhà thì không một người mua tiền năng nào ra giá cả. Năm 1923, dinh thự này đóng cửa. Các giấy tờ của tòa nhà được chuyển giao cho một công ty bất động sản đứng đầu trong danh sách dài dằng dặc các chủ nợ của Aldaya, để công ty này dàn xếp việc bán hoặc phá hủy nó. Ngôi nhà được rao trên thị trường nhiều năm, nhưng công ty này không thể tìm được người mua. Công ty này là Botell i Llofré S.L., bị phá sản năm 1939 khi hai thành viên của nó vào vòng lao lý vì những tội danh không rõ ràng. Sau một tai nạn chết người khó hiểu xảy ra với cả

hai người này tại nhà tù San Vicens năm 1940, công ty được một tập đoàn tài chính tiếp quản, trong số các cổ đông của tập đoàn có ba tên tướng phát xít và một ngân hàng Thụy Sĩ. Giám đốc điều hành của công ty hóa ra là ông Aguilar, bố của Tomás và Bea. Bất chấp mọi nỗ lực, không một nhân viên nào của ông Aguilar có thể bán được ngôi nhà, ngay cả khi đã đưa ra giá thấp hơn nhiều so với ban đầu. Đã mười năm qua không ai quay lại căn nhà đó.

“Cho đến hôm nay,” Bea nói khẽ, co người lại một thoáng. “Em muốn cho anh xem nơi này, anh hiểu không? Em muốn mang lại cho anh một điều ngạc nhiên. Em tự nhủ phải mang anh đến đây,

vì đây là một phần trong câu chuyện của anh, câu chuyện về Carax và Penélope. Em đã mượn chìa khóa ở văn phòng cha em. Không ai biết chúng ta ở đây. Đây là bí mật của chúng ta. Em muốn chia sẻ nó với anh. Và em đang tự hỏi liệu anh có đến không.”

“Em biết anh sẽ đến mà.”

Nàng khẽ gật đầu, cười. “Em tin chẳng có gì xảy ra tình cờ cả. Từ trong sâu thẳm, mọi vật đã có dự định bí mật cho riêng chúng, cho dù chúng ta không hiểu được. Như việc anh tìm thấy cuốn tiểu thuyết của Julián Carax trong Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên hay việc bây giờ anh cùng em ở đây,

trong ngôi nhà từng thuộc về gia đình Aldaya. Tất cả chúng đều là một phần của một cái gì đó chúng ta không thể hiểu nổi, cái gì đó làm chủ chúng ta.”

Trong khi Bea nói, bàn tay tôi lỏng ngóng luồn xuống cổ chân nàng rồi lần lên đầu gối. Nàng nhìn như thể đang nhìn một con côn trùng đang bò lên chân mình. Tôi tự hỏi nếu là Fermín thì anh ta sẽ làm thế nào trong tình huống này. Trí khôn của anh ta ở đâu ngay lúc tôi cần nó nhất?

“Tomás bảo anh chưa bao giờ có bạn gái,” Bea nói, như thể giải thích cho tôi.

Tôi rụt tay lại và cúi xuống, thăm

bại. Tôi ngờ Bea đang cười, nhưng tôi không dám kiểm chứng.

“Cậu ấy khá trầm tính, nhưng cũng khá là lảm chuyện. Thế cái tay đưa tin này còn nói gì nữa về anh nào?”

“Anh ấy bảo anh nhiều năm theo đuổi một phụ nữ già hơn và chuyện đó khiến anh tan nát.”

“Anh chỉ bị sút môi và mẻ lòng kiêu hãnh thôi.”

“Tomás bảo anh không đi chơi với những cô gái khác vì anh cứ so sánh tất cả bọn họ với người phụ nữ kia.”

Tomás tốt bụng và những cú đánh trộm của cậu ta. “Cô ấy tên Clara,” tôi

thành khăn.

“Em biết. Clara Barceló.”

"Em biết cô ấy à?"

“Tất cả mọi người đều biết Clara Barceló. Cái tên chỉ là phần nhỏ nhất thôi.”

Trong một lúc chúng tôi rơi vào im lặng, ngồi nhìn lửa cháy.

“Sau khi anh về, em sẽ viết thư cho Pablo,” Bea nói.

Tôi nuốt khó nhọc. “Cho cậu bạn trai đại úy của em ư? Để làm gì?”

Bea lấy trong áo ra một chiếc phong bì đưa cho tôi xem. Nó dán kín.

“Trong thư em bảo anh ấy rằng em muốn bọn em sẽ nhanh chóng làm đám cưới, trong một tháng nữa, nếu có thể, và em muốn rời Barcelona mãi mãi.”

Tôi như run lên, nhìn vào đôi mắt không thể xuyên thấu của nàng.

“Sao em lại kể cho anh nghe chuyện này?”

“Vì em muốn hỏi anh em có nên gửi nó đi không. Vậy nên hôm nay em mới bảo anh đến đây, Daniel.”

Tôi nhìn phong thư nàng vẫn vờ trong tay như một lá bài.

“Nhìn em này,” nàng nói.

Tôi ngược mắt lên và bắt gặp ánh mắt nàng. Tôi không biết phải trả lời thế nào. Bea cúi xuống và đi về phía cuối phòng. Một cánh cửa dẫn đến lan can đá cẩm thạch mở ra khoảng sân trong của ngôi nhà. Tôi nhìn theo bóng nàng nhòa dần trong mưa. Tôi chạy theo để ngăn nàng lại, giật lấy chiếc phong bì khỏi tay nàng. cơn mưa tấp xuống mặt nàng, cuốn đi những giọt nước mắt và nổi hờn giận. Tôi dẫn nàng vào nhà đến bên hơi ấm của ngọn lửa. Nàng tránh ánh mắt tôi. Tôi cầm chiếc phong bì ném vào ngọn lửa. Chúng tôi nhìn bức thư cháy tàn ra giữa những hòn than ửng đỏ và những trang giấy tan biến thành những vòng khói, từng trang một. Bea quỳ xuống cạnh

tôi, mắt đẫm lệ. Tôi ôm nàng và cảm thấy hơi thở nàng nơi cổ mình.

“Đừng bỏ rơi em, Daniel,” nàng thầm thì.

Người đàn ông thông thái nhất tôi từng biết, Fermín Romero de Torres, đã bảo tôi rằng chẳng trải nghiệm nào trong đời có thể so sánh với việc một người đàn ông lần đầu tiên cởi đồ cho một người phụ nữ. Trong tất cả những lời khôn ngoan ấy, tuy anh ta đã không lừa dối tôi, song anh ta cũng chẳng nói sự thật. Anh ta không hề kể gì về sự run rẩy kỳ lạ của bàn tay gỡ bỏ từng khuy cúc, từng khóa kéo, để đi vào một thử thách quá sức của con người. Anh ta cũng

không nói gì về sự mê đắm nơi làn da trắng muốt run run, sự lướt chạm đầu tiên vào đôi môi, hay về sự diệu kỳ dường như làm lung linh mỗi lỗ chân lông. Anh ta không nói với tôi bất kỳ điều gì như vậy, vì anh ta biết rằng cái kỳ diệu chỉ xảy ra một lần và, khi nó xảy ra, nó nói bằng thứ ngôn ngữ của những bí mật, những bí mật mà sau khi mở lộ là sẽ tan biến vĩnh viễn. Hàng ngàn lần tôi những muốn tìm lại cái buổi chiều đầu tiên ấy cùng Bea trong ngôi nhà menh mông trên Đại lộ Tibidabo, khi tiếng mưa đã quét sạch đi cả thế giới. Hàng ngàn lần tôi ước ao được quay lại để lạc vào cái ký ức mà tôi có thể giữ lại duy chỉ một hình ảnh bị đánh cắp từ hơi nóng của ngọn

lửa: Bea, trần trụi và tỏa sáng với cơn mưa, nằm bên ngọn lửa, đôi mắt mở to đã đi theo tôi từ ngày ấy. Tôi cúi xuống miết đầu ngón tay trên bụng nàng. Bea khép mắt và mỉm cười, tự tin và mạnh mẽ.

“Hãy làm những gì anh muốn với em,” nàng thì thầm.

Nàng mới mười bảy, cả cuộc đời nàng ánh lên trên bờ môi.

Chương 29

MÀN ĐÊM BAO PHỦ LẤY CHÚNG TÔI trong bóng xanh mờ khi chúng tôi rời dinh thự. Trận bão đang tan, giờ chỉ còn dư âm cơn mưa lạnh. Tôi muốn trả lại chìa khóa cho Bea, nhưng mắt nàng bảo nàng muốn tôi là người giữ nó. Chúng tôi rảo bước xuống Paseo de San Gervasio, hy vọng tìm được một chiếc taxi hoặc xe buýt. Chúng tôi bước đi lặng lẽ, nắm tay nhau và gần như chẳng nhìn nhau.

“Phải tới thứ Ba này em mới gặp lại anh được,” Bea nói giọng run rẩy,

như thể nàng đột nhiên nghi ngờ khao khát của tôi muốn gặp nàng,

“Anh sẽ đợi em ở đây,” tôi nói.

Tôi mặc nhiên cho rằng những cuộc gặp của tôi với Bea sẽ diễn ra giữa những bức tường của ngôi nhà cổ rộng lớn đó, rằng phần còn lại của thành phố không thuộc về chúng tôi. Thậm chí dường như cảm giác rắn chắc khi tiếp xúc với cơ thể nàng giảm dần khi chúng tôi bước rời xa tòa nhà, sức mạnh và hơi ấm của nàng sẽ vơi đi dần theo mỗi bước chân chúng tôi. Khi đến đại lộ, chúng tôi nhận ra đường phố gần như vắng tanh.

“Chẳng tìm được chiếc xe nào ở đây đâu,” Bea nói. “Mình nên xuống

Balmes đi.”

Chúng tôi rảo bước xuống phố Balmes, men dưới những rặng cây để tránh cơn mưa nhỏ. Dường như sau mỗi bước chân Bea lại càng đi nhanh hơn, gần như kéo tôi theo. Có lúc tôi nghĩ nếu tôi buông tay ra, Bea sẽ bắt đầu chạy. Trí tưởng tượng của tôi, vẫn say sưa với những đụng chạm và mùi vị của nàng, cháy lên nỗi khao khát muốn dón nàng về phía một băng ghế dài, để tìm đôi môi nàng và lặp lại những câu vô nghĩa có thể đoán được mà bất cứ ai nghe thấy cũng phải phì cười, bất cứ ai trừ tôi. Nhưng Bea đang co người lại, nhặt nhòa vào một thế giới xa cách với tôi.

“Có chuyện gì vậy?” tôi hỏi nhỏ.

Nàng cười tuyệt vọng, đầy lo lắng và cô đơn. Rồi tôi nhìn thấy mình trong ánh mắt nàng: một cậu bé ngây thơ cứ nghĩ mình đã chinh phục cả thế giới trong một giờ đồng hồ nhưng lại không nhận ra rằng cậu ta có thể lại mất nó trong một tích tắc. Tôi cứ bước đi, không chờ câu trả lời. Cuối cùng cũng tỉnh ra. Chẳng mấy chốc chúng tôi nghe tiếng giao thông ồn ã, và không khí dường như cháy bùng lên do sức nóng những ngọn đèn đường và đèn giao thông. Chúng khiến tôi nghĩ đến những bức tường vô hình.

“Chúng ta nên từ biệt ở đây,” Bea nói, buông tay tôi ra.

Nơi góc phố có thể thấy những ánh đèn từ hàng xe taxi, như cuộc diễu hành của những con đom đóm.

“Tùy em”

Bea cúi mình tới hôn lên má tôi. Tóc nàng vẫn còn mùi sáp nến.

“Bea,” tôi dợm nói, hầu như không thành tiếng. “Anh yêu em...”

Nàng lắc đầu nhưng không nói gì, lấy tay che miệng tôi như thể những lời ấy khiến nàng đau đớn.

“Thứ Ba, lúc sáu giờ nhé?” nàng hỏi.

Tôi lại gật đầu. Tôi nhìn nàng

bước đi rồi biến mất vào một chiếc taxi, gần như một người xa lạ. Một tài xế, vốn đã dõi theo cuộc trò chuyện của chúng tôi như một trọng tài, nhìn tôi tò mò. “Sao nào? Chúng ta về nhà chứ?”

Tôi lẳng lặng vào xe. Tài xế đưa mắt nhìn tôi qua gương. Tôi đã mất dấu chiếc xe đã mang Bea đi, hai chấm sáng chìm vào một hố sâu bóng đêm.

MÃI ĐẾN KHI HÙNG ĐÔNG rải hàng trăm tấn ánh sáng ảm đạm lên cửa phòng ngủ thì tôi mới chợp mắt được. Fermín đánh thức tôi dậy. Anh ta đứng giữa sảnh trường nhà thờ mà ném mấy viên sỏi lên cửa sổ phóng tới. Tôi mặc

vội bộ đồ đầu tiên vớ được rồi chạy xuống mở cửa cho anh ta. Fermín đầy niềm sốt sắng không thể nào chịu nổi của chú chim dậy sớm. Chúng tôi đẩy cửa và treo biển MỞ CỬA.

“Nhìn quàng thâm dưới mắt cậu kia, Daniel. Lớn như cả một cái công trường ấy. Chúng tôi có nên nghĩ là con cú đã tha được mèo ra biển không nhỉ?”

Tôi quay lại phòng sau, đeo tạp dề xanh của mình rồi đưa tạp dề cho anh ta, hay đúng hơn là tức tối ném vào anh ta. Fermín bắt được khi nó đang bay giữa chừng, và mỉm cười tinh quái.

“Con cú chết đuối, chấm hết. Hải lòng chưa?” tôi quật lại.

“Ăn dụ thật khó hiểu. Cậu đang lau bụi tập thơ của Verlaine hả, chàng trai?”

“Tôi chỉ làm văn xuôi mỗi sáng thứ Hai thôi. Anh muốn tôi kể gì nào?”

“Tùy cậu thôi. Số lần *đâm kiếm* hoặc số vòng đấu danh dự.”

“Tôi không có hứng đùa đâu, Fermín.”

“Ôi tuổi trẻ, hoa thơm của đại khờ! Ôi thôi, được rồi, đừng bực với tôi. Tôi có tin mới về cuộc điều tra ông bạn Julián Carax của cậu này.”

“Tôi nghe đây.”

Anh ta ban cho tôi một trong những

vẻ mặt bí hiểm và sắc sảo của anh ta, một bên mày nhướng lên.

“Ồ, ngày hôm qua, sau khi để Bernarda về nhà với trình tiết còn vẹn nguyên, tất nhiên là vẫn có vài vết bầm đúng chỗ trên mông, một cơn mất ngủ tấn công tôi - ấy là do những đợt hưng tình về đêm - nên tôi mới có cơ đi xuống một trong các tụ điểm thông tin của thế giới ngầm Barcelona - như quán rượu Eliodoro Salfumán, còn gọi là 'Gai Lạnh', nằm ở một chốn dơ dáy nhưng lòe loẹt trên phố Sant Jeroni, niềm tự hào của khu phố Raval.”

“Nói ngắn gọn thôi, Fermín, vì Chúa.”

“Thôi nào. Vấn đề là khi đã đến đó rồi, tôi lấy lòng vài người trong đám đông thường có đó, những anh bạn cũ thuở hàn vi, tôi bắt đầu dò hỏi về Miquel Moliner, chồng của cái cô Mata Hari Nuria Monfort và người được cho là tù nhân trong nhà trừng giới địa phương.”

“Được cho là?”

“Vớ chữ Đ viết hoa. Trong vụ này chẳng có gì là đáng tin cả, nếu cậu hiểu tôi nói gì. Từ kinh nghiệm bản thân, tôi biết rằng khi nói đến quân số trong tù, người đưa tin cho tôi trên bàn rượu trong quán Gai Lạnh còn chính xác hơn nhiều so với lục sự tòa án, và tôi có thể đảm bảo, Daniel ạ, rằng không ai nghe nói gì

đến một tù nhân, khách đến thăm hay bất cứ người sống nào trong các nhà tù ở Barcelona mà lại mang tên Miquel Moliner cả, ít nhất là trong mười năm qua."

"Có lẽ ông ta ở trong một nhà tù khác."

"Đúng. Alcatraz, Sing Sing, hay Bastille. Daniel à, cái bà kia bịp cậu rồi."

"Tôi cho là vậy."

"Đừng có cho là; hãy chấp nhận nó."

"Giờ thì sao? Lần theo cái tên Miquel Moliner như đi vào ngõ cụt."

“Hoặc cái cô Nuria này rất xảo quyết.”

“Anh có đề nghị gì không?”

“Lúc này chúng ta phải khai thác điểm khác. Sẽ không phải ý tồi nếu đến thăm bà cô già tốt bụng mà vị cha đạo đã kể cho chúng ta sáng hôm qua.”

“Đừng bảo là anh nghi ngờ bà bảo mẫu ấy cũng biến mất.”

“Không, nhưng tôi nghĩ đây là lúc chúng ta thôi nghĩ đừng lảng xảng gõ cửa khắp thiên hạ cứ như đang đi xin của bố thí nữa. Trong chuyện này, ta phải đi cửa sau. Cậu đồng ý không?”

“Anh biết rằng với tôi lời anh là lời vàng lời ngọc mà, Fermín.”

“Chà, vậy thì đi mà phủ bụi áo lễ của cậu đi. Chiều này, khi đóng cửa hàng, chúng ta sẽ đến thăm từ thiện cụ bà ở Nhà tế bần Santa Lucía. Giờ thì kể tôi nghe, chuyện của cậu với cô bé kia hôm qua thế nào? Đừng bí bí mật mật. Nếu cậu giấu, cậu sẽ bị nổi mụn nhọt đấy.”

Tôi thờ dãi chịu thua và thú nhận đến từng chi tiết. Cuối câu chuyện, sau khi liệt kê điều mà tôi đoán chắc là mối lo lắng hiện sinh của một cậu nam sinh khờ khạo, Fermín làm tôi ngạc nhiên với một cái ôm chân thành.

“Cậu yêu rồi đấy,” anh ta lẩm bẩm,

đây xúc động, vồ vồ lung tôi. “Tôi nghiệp thẳng bé.”

Chiều hôm đó, vừa đến giờ đóng cửa là chúng tôi rời hiệu sách ngay, một hành động khiến cha tôi ném cho một cái nhìn nghiêm khắc, ông đang bắt đầu nghi ngờ khi thấy chúng tôi thậm thụt đi đi về về, chắc đang dính vào chuyện mờ ám gì đây, Fermín lắm bảm gì đó không rõ ràng có vài việc lật vặt cho làm, và chúng tôi nhanh chóng biến mất. Tôi tự nhủ rồi sớm muộn gì cũng phải tiết lộ một phần của mớ bòng bong này cho cha biết; nhưng chính xác phần nào thì lại là chuyện khác.

Trên đường đi, với xu hướng ưa kể

chuyện thường thấy, Fermín phác sơ qua nơi chúng tôi sắp đến. Nhà tế bần Santa Lucía là một cơ sở có tiếng tăm đáng ngờ nằm trong mớ tàn dư sót lại của một cung điện cổ trên phố Moncada. Huyền thoại xung quanh nơi này nghe có vẻ như là điểm gặp gỡ của nơi rửa tội và nhà xác, với tình trạng vệ sinh ngày càng tồi tệ. Câu chuyện hết sức kỳ cục. Từ thế kỷ 11, cung điện này, bên cạnh nhiều chuyện khác, đã là chỗ cư ngụ cho những gia đình giàu có, là một nhà tù, một nhà thổ, một thư viện gồm những sách cấm, một trại lính, một xưởng điêu khắc, nhà điều dưỡng cho bệnh nhân bị dịch, một nhà tu. Giữa thế kỷ 19, khi nó thực sự đang vụn dần ra từng mảnh, cung điện được

chuyên thành bảo tàng trưng bày những vật kỳ dị cùng những thứ tàn khốc khác của tay giám đốc nhà hát ba hoa thâu trời tự gọi mình là Laszlo de Vicherny, Công tước xứ Parma và nhà giả kim riêng của Gia tộc Bourbon. Tên thật của ông ta hóa ra là Baltasar Deulofeu i Carallot, con hoang của một lão bán thịt muối với một cô thiếu nữ sa ngã, hắn ta nổi danh chủ yếu nhờ những trò hoang đàng như một tên đi đực chuyên nghiệp và một nghệ sĩ dỏm.

Gã này lấy làm tự hào vì sở hữu một bộ sưu tập bào thai dị hình ở các giai đoạn khác nhau, đựng trong lọ có dung dịch ướp xác, và kém tự hào hơn một chút với bộ sưu tập thậm chí còn lớn

hơn gồm những chứng thư đảm bảo ký phát bởi một số cơ quan thực thi pháp luật uy tín nhất của châu Âu và Mỹ. Trong số những thứ đáng chú ý khác, “El Tenebrarium” (như Deulofeu đặt tên lại cho cung điện này) còn là nơi thực hiện các cuộc lên đồng, gọi hồn, các cuộc đấu (với gà trống, chuột, chó, phụ nữ phì nộn, những kẻ đàn độn, hoặc kết hợp giữa các loại trên), cũng là nơi kinh doanh, một nhà thổ chuyên phục vụ những kẻ tàn phế và quái đản, một sòng bạc, một công ty tư vấn pháp lý và tài chính, một hiệu thuốc bán tình dục, một sân khấu dân gian địa phương và múa rối, một vũ đoàn những vũ công nước ngoài. Vào dịp Giáng sinh một vở kịch Lễ Thánh Đản

được dàn dựng, không màng đến chi phí, và tham gia diễn xuất là nhân viên bảo tàng cùng toàn bộ các cô điếm. Danh tiếng của nó vang đến khắp mọi ngõ ngách tỉnh thành.

El Tenebrarium thành công vang dội trong mười lăm năm, cho đến khi người ta phát hiện Deulofeu đã quyến rũ vợ, con gái và mẹ vợ của vị thống lĩnh quân sự trong tỉnh chỉ trong một tuần. Điều sỉ nhục đen tối nhất đã giáng lên cung điện và chủ của nó. Trước khi Deulofeu có thể chạy trốn khỏi thành phố và dùng đến một trong nhiều căn cứ khác của y, một nhóm du thủ du thực đeo mặt nạ đã bắt hắn ta tại một xóm liều trong khu phố Santa María rồi treo cổ và

châm lửa thiêu hấn trong Công viên Ciudadela, rồi để mặc xác hấn cho lũ chó hoang lai vãng gặm đấy cắn xé. Sau hai thế kỷ bị bỏ hoang, trong thời gian ấy không ai thèm dỡ đi những bộ sưu tập kinh hoàng của Laszlo xấu xí, El Tenebrarium được chuyển thành một cơ sở từ thiện dưới sự quản lý của một nhóm bà xơ.

“Chư bà của Thử thách Cuối cùng, hay cái gì đó bệnh hoạn đại loại vậy,” Fermín nói. “Rắc rối là bọn họ rất ám ảnh về sự bí mật của nơi này (thật xấu hổ, tôi phải nói vậy), nghĩa là ta phải tìm cách khéo để chui vào.”

Thời gian gần đây, những người

vào trú trong Nhà tế bần Santa Lucía toàn những người già sắp chết, bị bỏ mặc, điên, bần cùng, những người tạo nên thế giới ngảm đông đúc của Barcelona. May cho họ là hầu hết họ chỉ sống được một thời gian ngắn ngủi sau khi được đưa vào đây; tình trạng của cơ sở này cũng như những người sống trong đó không khuyến khích sự sống lâu. Theo Fermín, những người chết được đưa ra khỏi đó trước khi trời sáng và hành trình cuối cùng tới nghĩa trang chung là ở trong một chiếc xe phủ kín được tài trợ bởi một công ty ở Hospitalet với danh tiếng đáng ngờ chuyên làm thịt hộp và đồ ăn sẵn - thỉnh thoảng công ty này lại dính vào những vụ xi căng đan bản thủ.

“Những chuyện này toàn anh bịa hết,” tôi phản đối, bị ám ảnh bởi những chi tiết kinh hoàng trong câu chuyện của Fermín.

“Sức sáng tạo của tôi không xa đến thế đâu, Daniel. Hãy chờ xem. Tôi đã đến tòa nhà này vào một dịp không lấy gì vui vẻ cách đây mười năm, và tôi có thể nói với cậu rằng như thể người ta đã thuê ông bạn Julián Carax của cậu làm thiết kế nội thất ấy. Thật tiếc là chúng ta không mang theo lá nguyệt quế để làm bột mùi. Nhưng chúng ta sẽ có đủ rắc rối ngay khi được phép vào trong.”

Với những kỳ vọng của tôi được định hình như vậy, chúng tôi đi vào phố

Moncada lúc bấy giờ đã biến thành một đường hầm tối hai bên là những tòa nhà cổ được chuyển thành nhà kho và cửa hàng. Tiếng chuông nguyện từ nhà thờ Santa María del Mar lẫn vào tiếng vọng bước chân chúng tôi. Ngay sau đó, một mùi đắng ngắt thấm vào cơn gió lạnh băng.

“Mùi gì thế nhỉ?”

“Chúng ta đến nơi rồi,” Fermín thông báo.

Chương 30

CÁNH CỬA GỖ ĐÃ MỤC NÁT dẫn chúng tôi vào khoảng sân có ngọn đèn ga đứng gác lập lòe chiếu lên các quái vật và các thiên thần, hình dáng chúng đang mòn đi trên nền đá cũ. Cầu thang dẫn lên tầng một, nơi một vòng sáng đánh dấu cổng chính vào nhà tế bần. Ánh đèn ga rọi từ đây tạo nên tông màu ảm đạm cho mùi ám khí từ bên trong phả ra. Một thân hình gầy khô, trông như loài ăn thịt trong bóng tối cổng vòm lạnh lung quan sát chúng tôi, đôi mắt có màu giống như vóc dáng của bà. Bà xách một xô bằng gỗ đang bốc hơi tỏa ra một mùi hôi

khó tả.

“Xin Chào đức Mẹ Mary Đầy Thanh Cao Không Vương Tội Lỗi.” Fermín kêu lên phấn khích.

“Quan tài đâu?” giọng nói trả lời lớn tiếng, nghiêm nghị và cộc lốc.

“Quan tài hả?” Fermín và tôi đồng thanh đáp.”

“Không phải hai người làm ở nhà đờn sao?” Bà xơ chán nản hỏi.

Tôi không biết đó là lời nhận xét đối với vẻ bề ngoài của chúng tôi hay là một câu hỏi thực sự. Mặt Fermín sáng lên trước một cơ hội trời cho như vậy.

“Quan tài để trong xe. Trước hết chúng tôi muốn xem khách hàng đã. Thuần túy kỹ thuật thôi.”

Tôi cảm giác như sắp buồn nôn.

“Vậy mà tôi nghĩ ông Collbató trực tiếp đến đây,” bà xơ nói.

“Ông Collbató gửi lời cáo lỗi, vì có một vụ ướp xác khá phức tạp phát sinh vào phút cuối. Một lực sĩ ở rạp xiếc.”

“Các anh có làm việc cùng ông Collbató ở nhà tang lễ không đây?”

“Chúng tôi là cánh tay trái và tay phải của ông ấy, Wilfred Râu ria hân hạnh được phục vụ, và đây, bên cạnh tôi,

người tập sự và học sinh của tôi, Sansón Carrasco.”

“Hân hạnh được gặp xơ,” tôi nói.

Bà xơ thoáng nhìn chúng tôi từ đầu tới chân rồi gật đầu, vẻ thờ ơ đối với hai kẻ rách rưới phản chiếu trong mắt bà.

“Chào mừng đến với Santa Lucía. Ta là Xơ Hortensia, người đã gọi điện đến nhà tang lễ. Đi theo ta.”

Chúng tôi yên lặng đi theo Xơ Hortensia qua một hành lang sâu bốc một thứ mùi khiến tôi nghĩ đến đường tàu điện ngầm. Dọc hành lang là những ô cửa sổ không cánh qua đó có thể nhận ra những phòng lớn sáng ánh nến với đầy

những dãy giường kê sát vào tường, có phủ màn chống muỗi phơ phất trong không khí giống như vải liệm. Tôi có thể nghe tiếng rên rỉ và thấy những dáng người qua lớp màn.

“Lối này,” Xơ Hortensia ra hiệu, cách chúng tôi vài thước về phía trước.

Chúng tôi đi vào một căn hầm rộng, ở đây tôi không khó khăn nhận ra cái sân khấu của El Tenebrarium mà Fermín đã mô tả. Bóng đêm che mờ đi cái mà ban đầu tôi cứ ngỡ là một đám người sấp, đang ngồi hoặc bị bỏ mặc trong các góc, với những cặp mắt chết, vô cảm sáng lên như những đồng tiền kẽm dưới ánh nến. Tôi nghĩ có lẽ đây là

những con búp bê hoặc xác ướp trong bảo tàng cổ. Rồi tôi nhận ra họ cử động, mặc dù rất chậm chạp, thậm chí còn lén lút. Thật khó mà nói được tuổi tác hay giới tính của họ. Những mảnh chần rách rưới đắp trên người họ có màu tro.

“Ông Collbató bảo không được động vào hay lau dọn gì cả,” Xơ Hortensia nói, trông có vẻ hơi áy náy. “Chúng tôi vừa để ông cụ tội nghiệp này trong một cái hòm sắt có ở đây, bởi vì ông ấy bắt đầu rữa rồi.”

“Xơ làm vậy là đúng. Như vậy là chu đáo lắm rồi,” Fermín đồng tình.

Tôi ném cho anh ta cái nhìn tuyệt vọng. Anh ta lắc đầu điềm tĩnh, ý bảo cứ

để anh ta xử lý vụ này. Xơ Hortensia dẫn chúng tôi đến một nơi dường như là một căn phòng nhỏ không có lỗ thông hơi hay ánh sáng, ở cuối một hành lang hẹp. Xơ lấy một chiếc đèn ga trên tường đưa cho chúng tôi.

“Các anh làm có lâu không? Tôi hơi bận.”

“Xin Xơ đừng lo. Xơ cứ làm việc của mình, chúng tôi sẽ mang ông ấy đi.”

“Được rồi. Nếu các anh cần gì thì tôi ở dưới tầng hầm, trong phòng bệnh nhân liệt giường. Nếu không quá phiền, mong các anh đưa ông ấy ra lối cửa sau. Đừng để những người khác trông thấy ông ấy. Như vậy không tốt cho tinh thần

các bệnh nhân.”

“Chúng tôi hiểu chứ ạ,” tôi nói áp úng.

Xơ Hortensia nhìn chăm chăm tôi một lúc với vẻ tò mò khó hiểu. Khi nhìn bà kỹ hơn, tôi nhận ra bà đã luống tuổi, gần như một bà cụ. Bà chỉ kém vài năm so với những khách nường nhờ trong nhà tế bần.

“Chẳng phải cậu tập sự này khá trẻ để làm công việc này sao?” bà hỏi.

“Sự thật của cuộc đời không biết đến tuổi tác, thưa Xơ,” Fermín nhận xét.

Bà xơ gật đầu và cười với tôi triu mến. Không hề có chút nghi ngờ gì trong

nụ cười ấy, mà chỉ có nỗi buồn.

“Thậm chí là vậy,” bà lẩm bẩm.

Bà bước vào bóng đêm, mang chiếc xô và kéo theo cái bóng của bà như váy cưới. Fermín đẩy tôi vào phòng. Đây là một căn phòng ẩm ướt tối tăm xẻ vào trong những bức vách của một cái hang nhớp nháp vì ẩm ướt. Những đoạn móc xích treo lủng lẳng trên trần, và sàn nhà bị mạng cống rãnh làm cho nứt nẻ. Ngay giữa phòng, trên chiếc bàn đá xám xám, là một cái hòm gỗ dùng để đóng gói hàng trong công nghiệp, Fermín nâng đèn lên, và chúng ôi nhìn thấy người chết nằm giữa lớp rơm lót. Nét mặt khô quắt, bí hiểm, lồm chồm và đông cứng. Da hõm

xuống, màu tím tái. Cặp mắt mở lớn: trắng bệch, như vỏ trứng vỡ.

Cảnh tượng khiến tôi buồn nôn, tôi liền quay đi.

“Thôi nào, hãy vào việc đi,” Fermín ra lệnh.

“Anh điên à?”

“Ý tôi là chúng ta phải tìm được bà Jacinta trước khi bị phát hiện.”

“Bằng cách nào?”

“Còn sao nữa? Đi hỏi.”

Chúng tôi liếc vào hành lang để chắc rằng Xơ Hortensia đã đi rồi. Chúng tôi rón rén quay lại sảnh lớn vừa mới

qua. Những con người khốn khổ vẫn quan sát chúng tôi, với đủ mọi ánh mắt từ tò mò đến lo sợ, đôi khi cả thèm khát.

“Nhìn xem, vài người ở đây sẽ cắn phập răng vào người cậu mà hút máu nếu họ nghĩ nhờ làm vậy họ sẽ được trẻ lại,” Fermín nói. “Tuổi tác khiến cho tất cả bọn họ trông yếu ớt như cừu, nhưng đây đó vẫn còn những kẻ khốn kiếp. Bởi đây là những kẻ sống lâu hơn và đi chôn những người còn lại. Đừng tiếc cho họ. Đi tiếp đi, bắt đầu với những người ở trong góc phòng - trông họ không có răng đâu.”

Nếu những lời đó nhằm để khích lệ tôi thực hiện nhiệm vụ, thì chúng đã thất

bại thảm hại. Tôi nhìn vào một nhóm người chỉ còn là những nắm thân tàn nơi góc phòng và mỉm cười với họ. Tôi chợt nghĩ sự hiện diện của họ là bằng chứng cho sự trống rỗng về đạo đức của vũ trụ và sự tàn nhẫn cơ học khi vũ trụ này hủy diệt những bộ phận không còn cần thiết nữa. Fermín dường như đọc được những ý nghĩ thầm kín này nên gật đầu trịnh trọng.

“Mẹ Tự nhiên đúng là ti tiện nhất trong bọn khốn, đó là sự thật đáng buồn,” anh ta nói. “Hãy can đảm mà chấp nhận điều đó.”

Loạt câu hỏi đầu tiên của tôi về nơi ở của Jacinta Coronado chỉ nhận

được những cái nhìn trông rỗng, những tiếng rên rỉ, tiếng ợ, tiếng gằm gử. Mười lăm phút sau tôi đầu hàng và quay lại chỗ Fermín xem anh ta có gặp may hơn không. Sự nản lòng của anh ta thật quá rõ ràng.

“Làm sao chúng ta tìm được Jacinta Coronado trong đồng cứt này?”

“Tôi không biết. Đây đúng là vạc chứa bọ đàn độn. Tôi đã thử dùng kẹo Sugus để phỉnh họ, thế mà bọ họ cứ nghĩ đây là thuốc ngậm cho tan.”

“Sao không hỏi Xơ Hortensia nhỉ? Ta sẽ nói với bà ấy sự thật, khỏi phải nghĩ ngợi tìm kiếm làm gì.”

“Nói ra sự thật nên là phương án cuối cùng, Daniel ạ, và đối với một bà xơ thì càng nên như vậy. Hãy dùng hết số kẹo này đã. Thử đấm người đằng kia xem. Trông họ khá vui vẻ. Tôi chắc họ còn nói năng được. Đến hỏi họ xem.”

“Còn anh định làm gì?”

“Tôi sẽ canh ở cổng sau, lỡ con chim cánh cụt kia quay lại. Cậu cứ làm việc của mình đi.”

Với rất ít hay hầu như không chút hy vọng thành công, tôi bước đến chỗ đấm bệnh nhân ở góc kia phòng.

“Chào buổi tối,” tôi nói, nhận ra ngay lời chào của mình ngu xuẩn đến

mức nào, vì ở đây là lúc nào mà chẳng ban đêm. "Tôi đang tìm bà Jacinta Coronado. Co-ro-na-do. Các ông có biết bà ấy không, có thể tìm bà ấy ở đâu không?"

Tôi đang đương đầu với bốn khuôn mặt bị thói tham lam làm cho đôi bại. Hình như có gì ở đây, tôi nghĩ. Có lẽ chưa phải tất cả đã hết.

"Jacinta Coronado?" tôi nhắc lại.

Bốn bệnh nhân nhìn nhau rồi gật đầu với nhau. Một người, có cái bụng tròn căng và trên mình không một sợi lông, dường như là cầm đầu cả nhóm. Về bề ngoài và cách xử sự của ông ta khiến tôi nghĩ đến Nero đang ngồi vui vẻ gảy

đàn trong khi thành Rome tàn lụi dưới chân. Với một cử chỉ oai nghiêm, ngài Nero cười với tôi đầy đùa cợt. Tôi cười đáp lại, đầy hy vọng.

Ông ta ra hiệu cho tôi tiến gần hơn, chừng như muốn nói thắm vào tai tôi. Tôi dè dặt, rồi cúi xuống.

Tôi ghé tai vào gần miệng ông ta - gần đến mức tôi có thể cảm thấy hơi thở hôi hôi và hơi hám của ông ta trên da mình. "Ông có thể cho tôi biết bà Jacinta Coronado ở đâu không?" tôi hỏi lần cuối. Tôi sợ ông ta sẽ cắn tôi. Nhưng không phải, ông ta đánh một quả rắm long trời. Đồng bọn của ông ta cười phá lên và vỗ tay vui sướng. Tôi lùi lại vài

bước, nhưng đã quá muộn, luồng hơi dữ dội đã phả vào tôi. Chính lúc này tôi mới nhận ra, sát ngay tôi, một ông già lom khom, với bộ râu của nhà tiên tri, mái tóc thưa, ánh mắt sáng quắc, đang từ người lên gậy mà nhìn những người khác với vẻ khinh thị.

“Cậu đang lãng phí thì giờ đây. Juanito chỉ biết đánh rắm, và những người gần ông ta thì chỉ biết cười và ngủ rắm thôi. Như cậu thấy đây, cấu trúc xã hội ở đây không khác mấy thế giới bên ngoài.”

Triết gia già cõi nói với giọng nghiêm trang, phát âm từng từ chuẩn mực. Ông nhìn tôi một lượt, như để đánh

giá tôi.

“Cậu tìm Jacinta hả, tôi nghe có đúng không?”

Tôi gật đầu, giật mình vì sự hiện diện của cái sinh vật thông minh trong cái ô kính hoàng này.

“Để làm gì?”

“Tôi là cháu bà ấy.”

“Còn ta là Hầu tước Crèmebrulée. Cậu là đồ nói dóc không phải lỗi, đúng vậy đấy. Cho ta biết sao cậu muốn gặp bà ấy không thì ta sẽ đóng vai người điên. Ở đây việc này thật dễ dàng. Còn nếu cậu định hỏi từng kẻ khốn khổ ở đây thì cậu sẽ sớm hiểu ngay ta muốn nói gì.”

Juanito và băng đảng những kẻ người rắm của ông ta vẫn cười rú lên. Ông già độc diễn ấy lại sở ra một tràng nữa, lần này yên ắng và sâu hơn lần trước. Nghe như một tiếng hít gió, tiếng thủng lốp xe, và chúng tỏ khả năng Juanito kiểm soát cơ thể của mình đạt đến độ siêu hạng. Tôi đành chấp nhận sự thật đó.

“Ông nói đúng. Tôi không phải họ hàng của bà Coronado, nhưng tôi cần nói chuyện với bà ấy. Đây là vấn đề quan trọng tột cùng.”

Ông già đến gần tôi. Ông ta có nụ cười tinh quái, giống như mèo, nụ cười của một đứa trẻ ranh mãnh, và đôi mắt

ông ta đầy xảo quyết.

“Ông có thể giúp tôi không?” tôi cầu xin.

“Còn tùy cậu giúp tôi được bao nhiêu.”

“Nếu nằm trong khả năng của tôi, tôi sẽ vui lòng giúp ông, Ông có muốn tôi gửi tin cho gia đình ông không?”

Ông già cười cay đắng. “Chính gia đình tôi đã trói tôi vào cái lỗ này. Bọn họ đúng là một lũ đĩ; có thể ăn cắp đến cả quần lót của tôi khi quần vẫn còn ấm. Quỷ tha ma bắt chúng đi - tôi đã giữ chúng và chịu đựng chúng đủ lắm rồi. Tôi muốn là muốn một ả đàn bà.”

“Ông nói gì cơ?”

Ông già nhìn tôi sốt ruột.

“Tuổi trẻ không biện hộ cho sự trì độn được đâu nhóc. Ta nói ta muốn một người đàn bà. Một phụ nữ, một cô hầu, hoặc một con ngựa cái non ngực bự cũng được. Còn trẻ - nghĩa là dưới năm lăm tuổi - và khỏe, không bị nhọt, không què thọt.”

“Tôi không chắc mình có hiểu không...”

“Cậu hiểu rõ lắm. Ta muốn xơi một con đàn bà vẫn còn răng và không đái bậy lên người ta, trước khi ta bước sang thế giới bên kia. Ta không quan tâm ả

đẹp hay xấu; mắt ta kém rồi, ở tuổi này bất cứ cô gái nào còn lành lặn cũng đều là thân Vệ nữ. Rõ chưa?”

“Rõ như pha lê. Nhưng tôi không biết làm sao tìm đàn bà cho ông...”

“Cái thời ta bằng tuổi cậu, trong làng dịch vụ có một thứ gọi là 'mấy cô dễ dãi'. Ta biết thế giới thay đổi, nhưng bản chất thì không bao giờ. Tìm cho ta một người, chắc thật và vui tính, rồi chúng ta sẽ thỏa thuận. Còn nếu cậu băn khoăn về khả năng hưởng thụ một cô ả của ta, thì ta muốn cậu biết rằng ta có thể cầu véo cặp mông và sờ soạng đôi ngực ả. Lợi thế của kinh nghiệm là ở đây.”

“Kỹ thuật là chuyện của ông, nhưng

tôi không thể mang một phụ nữ vào đây lúc này.”

“Ta có thể là một ông già bản tính, nhưng ta không ngu. Ta biết thế. Cậu chỉ cần hứa với ta là đủ.”

“Sao ông biết tôi sẽ không nói dối chỉ để ông cho tôi hay nơi ở của Jacinta Coronado?”

Ông già cười ranh mãnh. “Cậu cứ hứa đi đã, hãy để chuyện lương tâm cho lão này.”

Tôi nhìn quanh, Juanito đang bắt đầu phần hai màn độc diễn của ông ta. Hy vọng đang tan biến dần dần. Đáp ứng đòi hỏi của ông già mắc dịch dường như

là điều duy nhất có chút ý nghĩa nào đây trong chốn luyện ngục này. “Tôi hứa với ông. Làm được gì, tôi sẽ làm.”

Ông già cười ngoác cả miệng, Tôi đếm được ba chiếc răng.

“Tóc vàng, kể cả nhuộm cũng được. Ngực to và biết chửi bậy, nếu được. Trong các giác quan thì tai ta là cơ quan còn dùng tốt nhất.

“Tôi sẽ xem có thể làm được gì. Giờ thì cho tôi biết có thể tìm Jacinta Coronado ở đâu?”

Chương 31

“CẬU ĐÃ HỨA GÌ VỚI ÔNG GIÀ KHÚ ĐÓ HẢ?”

“Anh nghe rồi đấy.”

“Ý cậu đây là chuyện đùa, tôi hy vọng vậy.”

“Tôi không đi lừa một ông già sắp chết, cho dù ông ta có vẻ tươi sống thế nào.”

“Ừ thì công nhận về cái đó cậu giỏi, Daniel, nhưng cậu nghĩ làm thế nào để nhón một ả điếm vào được chốn linh thiêng này hả?”

“Trả tiền gấp ba, tôi nghĩ vậy. Còn chi tiết ra sao tôi trông cả vào anh.”

Fermín nhún vai cam chịu. “Ồ, dù thế nào thì thỏa thuận cũng là thỏa thuận. Chúng ta sẽ tìm ra cách nào đó. Nhưng nhớ lần sau có dàn xếp những việc như thế này, hãy để tôi đứng ra nói chuyện.”

“Đồng ý.”

Đúng như ông già lấu cá đã chỉ, chúng tôi tìm thấy Jacinta Coronado trong một cái gác xép mà lối lên duy nhất là từ một cầu thang tầng ba. Theo ông già kia, căn gác này là nơi trú ngụ cho số bệnh nhân ít ỏi mà định mệnh hãy còn chưa rủ lòng thương lấy đi nhận thức. Rõ

ràng, chôn ản kín này, trong thời vinh quang của nó, là phòng ở của Baltasar Deulofeu, còn gọi là Laszlo de Vicherny, từ đây hẳn ta điều hành các hoạt động của Tenebrarium và tu dưỡng món nghệ thuật ái ân mới du nhập từ phương Đông, giữa những làn hơi và hương dầu thơm ngát. Và hiện giờ ở đây cũng không hề thiếu mùi, tuy rằng mang một bản chất khác. Một người phụ nữ chỉ có thể là Jacinta Coronado héo hon trên chiếc ghé liễu gai, quần mình trong chăn.

“Bà Coronado?” tôi hỏi, cao giọng, nhớ đâu bà cụ tội nghiệp bị điếc, dở người, hoặc cả hai.

Bà già thận trọng nhìn chúng tôi,

đôi chút dè dặt. Đôi mắt bà đã lòa, trên trán lơ thơ vài nhúm tóc bạc. Tôi nhận thấy bà nhìn tôi bối rối, ngỡ như trước đây bà đã gặp tôi nhưng không thể nhớ ở đâu. Tôi e sợ Fermín sẽ xông vào giới thiệu tôi là con trai của Carax hoặc một lời nói dối nào đại loại như vậy, nhưng anh ta chỉ quỳ xuống cạnh bà cụ đoạn nắm lấy bàn tay run rẩy, nhăn nhúm của bà.

“Jacinta, tôi là Fermín, và anh chàng điển trai này là Daniel, bạn tôi. Cha Fernando Ramos phái chúng tôi đến đây. Hôm nay ông ấy không thể đến được bởi vì ông ấy có cả tá lễ mixa phải giảng – bà biết lịch các ngày thánh thế nào mà – ông ấy gửi lời thăm hỏi bà đây. Bà cảm

thấy thế nào rồi?”

Bà cụ cười dịu dàng với Fermín. Anh bạn tôi vuốt nhẹ lên mặt, lên trán bà cụ. Bà đón nhận sự đụng chạm với da người khác như một con mèo đang kêu rừ rừ thích thú. Tôi cảm thấy cổ họng mình nghẹn lại.

“Câu hỏi thật ngu ngốc, có phải vậy không?” Fermin nói tiếp. “Điều bà muốn là được ra khỏi đây, để nhảy điệu fox-trot. Trông bà như một vũ công ấy; hẳn ai cũng nói với bà như vậy.”

Tôi chưa bao giờ thấy anh ta đối xử với ai tinh tế như vậy, cho dù là với Bernarda. Lời của anh ta đơn thuần là nịnh ngọt, nhưng giọng điệu và biểu hiện

trên mặt anh ta quả thật chân thành.

“Anh nói những điều thật đẹp đẽ,” bà thì thầm, giọng ngắt quãng vì lâu rồi không có ai để nói chuyện hoặc không có gì để nói.

“Không đẹp đẽ bằng một nửa bà đâu, Jacinta ạ. Chúng tôi có thể hỏi bà một vài câu không? Như những cuộc thi trên đài phát thanh ấy?”

Bà cụ chỉ chớp mắt thay cho câu trả lời.

“Tôi hiểu như vậy nghĩa là đồng ý. Bà có nhớ Penélope không, Jacinta? Penélope Aldaya ấy? Chúng tôi muốn hỏi bà về cô ấy.”

Mắt Jacinta bỗng sáng rực lên và bà gật đầu.

“Ôi cô gái của tôi,” bà lầm nhảm, cơ hồ nước mắt sắp tuôn trào.

“Đúng cô ấy đấy. Bà còn nhớ, đúng không? Chúng tôi là bạn của Julián. Julián Carax, người hay kể những câu chuyện nghe rất sợ. Bà cũng nhớ đúng không?”

Đôi mắt bà cụ bừng lên, như thể những lời đó và những đụng chạm trên da đã mang sự sống quay lại với bà chỉ trong phút chốc.

“Cha Fernando ở trường San Gabriel nói bà yêu mến Penélope. Ông

ấy cũng rất yêu mến bà, ngày nào cũng nghĩ đến bà. Nếu ông ấy không đến thăm được thường xuyên, đó là vì lão giám mục mới, một kẻ chỉ quan tâm đến chuyện trèo cao, đã giao cho ông ấy chủ trì lễ mixa nhiều đến mức ông ấy khản cả giọng.”

“Cháu có chắc là đã ăn no chưa?”
bà cụ bỗng hỏi, mặt tỏ vẻ lo lắng.

“Cháu ăn như ngựa ấy, Jacinta ạ. Rắc rối ở chỗ cháu có một hệ tiêu hóa rất là khủng, và cháu tiêu hết rồi. Bà tin cháu đi, dưới lớp quần áo này chỉ toàn là cơ bắp thôi. Bà sờ đi, sờ đi này. Giống như Charles Atlas^[1] vậy, chỉ khác là nhiều lông hơn thôi.”

[1. Người đã phát triển phương pháp luyện tập thể hình.]

Jacinta gật đầu và yên tâm. Bà không thể rời mắt khỏi Fermín. Bà đã hoàn toàn quên mất tôi.

“Bà kể gì về Penélope và Julián đi?”

“Tất cả bọn họ, họ đã cướp đi cô ấy của tôi,” bà nói. “Cô gái của tôi.”

Tôi tiến lên một bước và định nói gì đó, nhưng Fermín ném cho tôi cái nhìn ngầm bảo tôi dừng lại.

“Ai đã mang Penélope đi, Jacinta? Bà có nhớ không?”

“Ngài ấy,” bà nói, ngược mắt lên sợ hãi, như thể bà nghĩ sẽ có ai nghe thấy.

Fermín dường như đang đánh giá sự căng thẳng trong cử chỉ của bà cụ và theo ánh mắt bà ngược nhìn lên trần, dò xét những khả năng.

“Có phải bà đang nói đến Chúa Quyền năng không, là Chúa Trời, hay là bà đang nói đến ông chủ, cha của cô Penélope, Don Ricardo?”

“Fernando thế nào?” bà hỏi.

“Cha đạo ư? Thật sáng ngời. Ngày nào đó ông ấy sẽ lên chức giáo hoàng và sẽ đưa bà vào Nhà nguyện Sistine. Ông

ấy gửi bà lời chúc tốt lành nhất.”

“Ông ấy là người duy nhất đến thăm ta. Ông ấy đến vì ông ấy biết ta không còn ai khác thân quen.”

Fermín liếc nhìn tôi, như thể anh ta đang nghĩ điều mà tôi đang nghĩ. Jacinta Coronado tinh táo hơn nhiều so với vẻ bề ngoài của bà. Cơ thể của bà đang tàn lụi đi, nhưng lý trí và tâm hồn bà vẫn còn sáng chói nổi đầu khổ ở chón tôi tàn ấy. Tôi tự hỏi còn mắc kẹt ở đây bao nhiêu người như bà ấy, hoặc như ông già nhỏ thó và minh mẫn kia, người đã chỉ cho chúng tôi nơi ở của bà.

“Ông ấy đến bởi vì ông ấy quý mến bà, Jacinta ạ. Vì ông ấy nhớ rõ bà

đã chăm sóc ông ấy, và bà đã mang đồ ăn cho ông ấy khi ông còn nhỏ. Ông ấy đã kể chúng tôi nghe tất cả. Bà còn nhớ không, Jacinta? Bà còn nhớ những ngày đó không, khi bà đến trường học để đón Jorge, bà còn nhớ Fernando và Julián không?”

“Julián ư...”

Cái tên ấy bà chỉ thì thầm, nhưng nụ cười đã làm bộc lộ điều bà cố không bộc lộ.

“Bà còn nhớ Julián Carax không, Jacinta?”

“Ta vẫn nhớ cái ngày Penélope bảo với ta cô bé sẽ lấy cậu ấy...”

Fermín và tôi nhìn nhau kinh ngạc.

“Lấy ư? Lúc nào vậy, Jacinta?”

“Ngày cô bé gặp cậu ấy lần đầu tiên. Lúc ấy cô bé mới mười ba tuổi, và không biết cậu bé là ai hay tên gì.”

“Vậy làm sao cô ấy biết sẽ lấy cậu ấy?”

“Vì cô ấy đã gặp cậu ấy. Trong giấc mơ.”

Lúc còn nhỏ, María Jacinta Coronado tin rằng thế giới chỉ kéo dài đến ngoài ô Toledo và xa hơn ngoài thị trấn là bóng đen và biển lửa, chẳng còn

gì khác. Ý nghĩ ấy đến với Jacinta từ một giấc mơ năm bà mới bốn tuổi và bà bị một cơn sốt suýt nữa đã giết chết bà. Giấc mơ này là giấc mơ đầu tiên trong một loạt giấc mơ, tất cả đều bắt đầu bằng một trận sốt bí ẩn, mà có người đổ cho vết đốt của một con bọ cạp lớn màu đỏ xuất hiện trong nhà chỉ một ngày và không bao giờ thấy nữa, còn những người khác lại vấy cho những hình vẽ ác của một bà sơ bị điên đêm đêm lên vào nhà thiên hạ để đầu độc trẻ nhỏ, nhiều năm sau này bà ta bị thất cổ lúc đang hát Bài cầu nguyện Chung, mắt lồi ra khỏi hốc, trong khi một đám mây đỏ bao phủ khắp thị trấn và phóng xuống một cơn bão toàn những cơn

gián chết. Trong giấc mơ của mình, Jacinta nhìn thấy được quá khứ và tương lai, và đôi khi điều nhìn thấy đã hé lộ cho bà những bí mật và huyền hoặc ở những con phố cổ của Toledo. Một trong những nhân vật bà thường xuyên gặp trong giấc mơ là một người tên Zacarías, một thiên thần luôn vận đồ đen cùng con mèo đen có cặp mắt vàng và thở ra mùi lưu huỳnh. Zacarías biết mọi thứ: anh ta đoán được ngày giờ chết của bác Benancio của bà – người bán dạo thuốc mỡ và nước thánh. Anh ta tiết lộ nơi mẹ bà, một con chiên mộ đạo, giấu một tập thư của một chàng sinh viên y khoa đầy nhiệt huyết tuy nghèo song lại rất hiểu biết về giải

phần cơ thể, trong phòng ngủ của anh ta trên ngõ nhỏ ở Santa María bà mẹ từ khi còn nhỏ đã khám phá cánh cửa lên thiên đường. Zacarías báo cho Jacinta rằng trong bụng bà có tà độc, một linh hồn chết mong muốn bà ốm yếu, và bà sẽ biết đến tình yêu của chỉ một người đàn ông duy nhất: một tình yêu sông hão và ích kỷ sẽ khiến tâm hồn bà vỡ đôi. Anh ta dự đoán cả cuộc đời bà sẽ chứng kiến cái chết của những người bà yêu thương nhất, và trước khi được lên thiên đường, bà sẽ phải xuống địa ngục. Vào ngày bà có kỳ kinh đầu tiên, Zacarías và con mèo mùi lưu huỳnh của anh ta biến mất khỏi giấc mơ của bà, nhưng nhiều năm sau Jacinta vẫn nhớ,

với ánh mắt rung rung, về những chuyến viếng thăm của thiên thần áo đen, bởi vì tất cả những tiên đoán của anh ta đã trở thành sự thật.

Nên khi các bác sĩ chẩn đoán bà sẽ không bao giờ có thể có con, Jacinta cũng không lấy làm ngạc nhiên. Bà cũng không ngạc nhiên, dầu bà gần như đã chết đi vì đau khổ, khi người chồng đã ba năm chung sống tuyên bố sẽ bỏ bà vì bà giống như một mảnh đất cằn cỗi không thể cho cây trái, vì bà không phải là đàn bà. Khi Zacarias (người mà bà cho là sứ giả của thiên đường, vì dù anh có mặc đồ đen hay không thì anh vẫn là một thiên thần tỏa sáng và là người đàn ông đẹp trai nhất bà từng

gặp trong mơ) không xuất hiện nữa, Jacinta đã trốn trong góc vách mà tự mình cầu Chúa, không nhìn thấy Người hay trông đợi Người đáp lại, vì thế giới này có quá nhiều nỗi đau đày cho nên những truân chuyên của bà, xét cho cùng, chỉ là vất vãnh mà thôi. Những cuộc độc thoại của bà với Chúa chỉ về một chủ đề duy nhất: bà chỉ muốn một điều trong đời, là được làm mẹ, được làm phụ nữ.

Một ngày kia, khi đang cầu nguyện trong nhà thờ, một người đàn ông, mà bà nhận ra là Zacarias, đã đến gần bà. Anh ăn mặc như mọi khi, và ôm con mèo ác hiểm trong lòng. Anh không hề già đi dù chỉ một chút và vẫn để bộ

móng tay trắng lợt, như móng tay của một nữ công tước, dài và nhọn. Thiên thần thừa nhận anh có mặt ở đó là vì Chúa không định trả lời những nguyện cầu của bà. Nhưng anh bảo bà không nên lo lắng, vì bằng cách nào đây anh sẽ gửi đến bà một đứa trẻ. Anh cúi người xuống thì thầm “Tibidabo,” rồi hôn rất khẽ lên môi bà. Lúc chạm vào đôi môi mềm mại và ngọt ngào đó, Jacinta có một ảo ảnh: bà sẽ có một đứa con gái mà không cần biết đến đàn ông nữa (mà xét từ ba năm chung chẵn gối với chồng, kẻ cứ nhất quyết đòi quan hệ trong khi lấy gối bịt mắt bà và làm bầm chửi “Mày không được nhìn, đồ con điếm” thì điều này chẳng khác

nào trút đi được gánh nặng). Đứa con gái này sẽ đến với bà từ một thành phố rất xa xôi, ở giữa những rặng núi và biển ánh sáng, một thành phố đầy những tòa nhà và chỉ có thể tồn tại trong mơ. Sau này, Jacinta không thể biết chuyến viếng thăm của Zacarías có phải là một giấc mơ khác của bà hay vị thiên thần kia thực sự đã đến với bà ở nhà thờ Toledo, cùng với con mèo và những móng tay sơn màu đỏ thắm. Điều mà không một giây phút bà nghi ngờ, ấy là sự chân thực của những tiên đoán kia. Ngay chiều hôm đó, bà đã hỏi người trợ tế giáo khu, một người đọc rộng hiểu nhiều và đã nhìn thấy thế giới (người ta nói ông đã đến tận

Andorra và biết một chút tiếng Basque). Viên trợ tế tuyên bố ông không hề biết thiên thần nào là Zacariás trong số đoàn người có cánh trên thiên đường, tuy nhiên ông chăm chú lắng nghe Jacinta kể lại ảo ảnh của mình. Sau nhiều suy xét, và xem qua mô tả một số dạng nhà thờ mà, nói theo lời của nhà thầu nhĩn ấy, nghe giống như một chiếc lược lớn làm từ sô cô la tan chảy, con người thông thái ấy nói, “Jacinta, thứ mà con đã thấy là Barcelona, người đàn bà quỵn rũ vĩ đại, và nhà thờ Sagrada Familia...” Hai tuần sau, Jacinta khĩn gói lên đường đến Barcelona, với một túi nhỏ quần áo, một cuốn kinh, và nụ cười đầu

tiên trong suốt năm năm, tin rằng mọi điều mà thiên thần đã nói với bà sẽ trở thành sự thật.

Nhiều tháng gian nan trôi qua, rồi Jacinta cũng tìm được công việc ổn định trong một cửa hàng của Công ty Aldaya và Con trai, gần khu lều rạp của Triển lãm Quốc tế 1888 cũ trong Công viên Ctudadelo. Barcelona trong giấc mơ của bà đã đổi thay thành một thành phố hiêm ác, thù nghịch, đầy những tòa nhà khép kín, đầy những nhà máy phả ra những đám khói dày muội than và lưu huỳnh đầu độc bầu không khí. Ngay từ đầu Jacinta biết thành phố này là một người đàn bà tàn nhẫn và phù phiếm; bà dần thấy sợ nó và không

dám nhìn thẳng vào nó. Bà sống một mình trong căn nhà trọ ở khu phố Ribera, nơi mà lương của bà chỉ vừa đủ trả tiền thuê một căn phòng tồi tàn không cửa sổ, nguồn ánh sáng duy nhất là từ những ngọc nến bà lấy cắp của nhà thờ. Bà thắp sáng chúng cả ngày lẫn đêm để xua đi lũ chuột đã gặm tai và các ngón tay của một đứa bé sáu tháng tuổi, con của Ramoneta – một cô điếm thuê phòng bên cạnh và là người bạn duy nhất Jacinta làm quen được trong mười một tháng ở Barcelona. Mùa đông năm ấy trời mưa suốt, và mưa đen đục vì tro bụi. Rồi nhanh chóng Jacinta bắt đầu e sợ rằng Zacarías đã lừa dối bà, rằng mình đã

đến thành phố kinh hoàng đó để chết trong lạnh lẽo, trong đau khổ và lãng quên.

Jacinta sẵn sàng để sinh tồn. Bà đến cửa hàng mỗi ngày trước lúc bình minh và không về cho đến khi màn đêm đã buông xuống. Ở đó Don Ricardo tình cờ bắt gặp bà đang chăm sóc đứa con gái của một người đốc công, người này đã ngã bệnh lao. Khi ông nhận thấy sự tận tụy và dịu dàng toát ra từ cô gái trẻ, ông quyết định mang bà về nhà để chăm sóc vợ ông, người vợ đang mang thai đứa con đầu lòng của ông. Thế là lời cầu nguyện của Jacinta đã được đền đáp. Tối hôm ấy, Jacinta lại gặp Zacarías trong giấc mơ. Thiên thần

không mặc đồ đen nữa. Anh ở trần, làn da anh đóng vảy. Anh không còn mang theo con mèo, nhưng một con rắn trắng quấn quanh thân trên anh. Tóc anh mọc xuống tận hông, và nụ cười, nụ cười ngọt ngào bà đã hôn ở Nhà thờ Toledo, giờ hé ra một hàm răng sắc nhọn, như hàm răng bà nhìn thấy ở một số loài cá biển quẫy đuôi ngoài chợ cá. Nhiều năm sau, bà sẽ kể lại ảo ảnh đó cho chàng thanh niên mười tám tuổi Julián Carax khi nhớ lại cái ngày bà rời căn nhà trọ ở khu phố Ribera và chuyển đến nhà ông Aldaya, bà nghe kể rằng bạn của bà, Ramoneta, đã bị đâm đến chết ở ngay trước cửa vào đêm hôm trước và con của Ramoneta đã bị chết

vì lạnh trong vòng tay người mẹ. Khi hay tin, khách trọ đã đến phủ nhỏ, chửi bới và cào nát mở đồ đạc thảm hại của người đàn bà đã chết. Thứ duy nhất họ để lại là cái kho báu lớn nhất của Ramoneta: một cuốn sách. Jacinta nhận ra nó, vì đêm đêm Ramoneta thường đòi bà đọc cho cô ta một vài trang. Cô ta chưa bao giờ biết đọc.

Bốn tháng sau, Jorge Aldaya chào đời, và dần Jacinta đã thể hiện hết tình yêu mà bà mẹ để không bao giờ biết cách bày tỏ với cậu bé, hoặc không bao giờ muốn thể hiện – vì bà là một mệnh phụ thanh cao, Jacinta nghĩ, bà dường như luôn bị mắc kẹt vào chính hình ảnh của mình trong gương – người

bảo mẫu vẫn nhận ra đây không phải là
đứa con Zacarias đã hứa với mình.
Trong những năm ấy, Jacinta đã từ bỏ
tuổi thanh xuân và trở thành một phụ
nữ khác. Con người Jacinta kia đã bị
bỏ lại ngôi nhà trọ ở khu phố Ribera,
đã chết như Ramoneta. Giờ bà sống
trong cái bóng xa hoa của nhà Aldaya,
cách xa cái thành phố tăm tối mà bà đã
trở nên rất căm thù và không bao giờ
mạo hiểm bước vào, kể cả vào ngày
nghỉ hằng tháng cũng không. Bà học
được cách sống thông qua những người
khác, qua một gia đình ngôi trên một
đống tài sản lớn đến mức chắc chắn bà
không thể mừng tưng nổi. Bà sống
trong sự mong đợi đứa con kia, nó sẽ là

một đứa con gái, giống như thành phố này, và bà sẽ dành hết tình yêu mà Chúa đã dùng để đầu độc linh hồn bà. Đôi khi Jacinta tự hỏi liệu cái sự yên bình mơ hồ ấy xâm chiếm bà từng ngày ấy, liệu cái sự thiếu tỉnh thức ấy có phải là điều người ta gọi là hạnh phúc không, và bà muốn tin rằng Chúa, trong yên lặng vô hạn của Người, đã trả lời những cầu nguyện của bà theo cách của Người.

Penélope Aldaya sinh vào mùa xuân năm 1902. Lúc ấy Don Ricardo Aldaya đã mua ngôi nhà ở Đại lộ Tibidabo, dinh thự nguy nga mà những người hầu làm cùng Jacinta tin rằng đang chịu một lời nguyện ghê gớm,

nhưng Jacinta không sợ, vì bà biết điều người khác cho là bí ẩn lại không gì khác hơn một linh hồn mà chỉ bà mới có thể thấy được trong giấc mơ: cái bóng của Zacarías, người không còn giống như người đàn ông bà vẫn nhớ và giờ đây chỉ hiện hình là một con sói đi bằng hai chân.

Penélope là một đứa trẻ mong manh, gầy gò và yếu đuối. Jacinta đã chứng kiến cô bé lớn lên như bông hoa trước gió đông. Trong nhiều năm, bà chăm nom cô bé hàng đêm, tự tay chuẩn bị mỗi bữa ăn, tự tay may đồ cho cô bé, ở bên cạnh mỗi khi cô ốm đau, bệnh tật, khi cô bé cất tiếng nói đầu tiên, khi cô bé trở thành phụ nữ. Bà

Aldaya là một nhân vật nữa trong khung cảnh ấy, một nhân vật phụ xuất hiện và rời khỏi sân khấu theo mệnh lệnh của phép tắc. Trước khi đi ngủ, bà ta đến chúc con gái mình ngủ ngon và nói rằng bà yêu cô bé hơn hết thảy trên đời này, rằng đối với bà cô bé là điều quan trọng nhất trên thế giới này. Jacinta không bao giờ nói với Penélope rằng bà yêu cô bé. Người bảo mẫu biết rằng, những người yêu thực sự, yêu trong lặng lẽ, họ yêu bằng hành động chứ không bằng lời nói. Jacinta âm thầm khinh thường bà Aldaya, cái sinh vật rỗng tuếch, phù phiếm ấy, cái con người đang già đi trong những hành lang của tòa nhà, bị kéo khom xuống

bởi những thứ trang sức mà chồng bà ta – người nhiều năm nay đã hạ neo ở một bến khác – đã dùng để khiến bà ta cảm lạnh. Bà căm ghét bà ta bởi vì, trong tất cả phụ nữ, Chúa đã chọn bà ta để sinh ra Penélope, trong khi tử cung của bà, tử cung của người mẹ đích thực, lại vẫn cần cỗi. Theo thời gian, như thể những lời nói của chồng bà có tính tiên tri, Jacinta thậm chí còn mất đi hình dáng đàn bà. Dáng vẻ bà ngày càng gầy gò khắc khổ, bà mang vẻ mệt mỏi trên làn da và trong tận xương cốt. Ngực bà phẳng phiu dần cho đến khi chỉ còn là một nhúm da, hông bà giống như hông của một cậu bé, còn da thịt bà, khô cứng và xù xì, thậm chí không

thu hút nổi ánh mắt của ông Ricardo Aldaya, người chỉ cần cảm nhận thấy dấu hiệu của sự sống thôi là cũng đã phát cuồng lên – như mọi cô hầu trong nhà và trong nhà đám bạn thân ông ta biết rất rõ. Như thế này tốt hơn, Jacinta nghĩ. Bà không có thì giờ cho những chuyện không đâu.

Tất cả thời gian của bà được dành cho Penélope. Bà đọc cho cô bé nghe, đi cùng cô đến mọi nơi, tắm cho cô, mặc đồ cho cô, cởi đồ cho cô, chải tóc cho cô, dẫn cô đi dạo, đưa cô đi ngủ và đánh thức cô. Nhưng trên hết, bà nói chuyện với cô. Mọi người coi bà là bảo mẫu gàn dở, một bà cô chẳng còn việc gì khác trên đời ngoài công

việc ở nhà Aldaya, nhưng không biết được sự thật: Jacinta không chỉ là mẹ của Penélope, bà còn là bạn thân thiết nhất. Từ lúc cô bé bắt đầu tập nói và biết diễn đạt suy nghĩ, sớm hơn bất kỳ đứa trẻ nào khác Jacinta biết, họ đã chia sẻ với nhau những bí mật và cuộc sống của mình.

Thời gian trôi đi chỉ càng củng cố thêm mối gắn bó của họ. Khi Penélope đến tuổi dậy thì, họ đã là hai người bạn không thể tách rời. Jacinta chứng kiến Penélope nở hoa thành một phụ nữ, mà sắc đẹp và vẻ rực rỡ hiển nhiên không chỉ dưới con mắt bà. Khi cậu bé bí ẩn Julián đến căn nhà đó, Jacinta nhận ra ngay từ đầu một luồng

điện giữa cậu và Penélope. Nó được nối với nhau bởi một sợi dây, tương tự như sợi dây đã nối bà với Penélope, nhưng cũng khác. Mạnh mẽ hơn. Nguy hiểm. Lúc đầu bà nghĩ bà sẽ ghét cậu bé, nhưng rồi bà sớm nhận ra mình không ghét bỏ Julián Carax, và không bao giờ có thể. Khi Penélope rơi vào vòng mê hoặc của Julián, bà cũng để mình bị cuốn vào và dần dần chỉ khao khát những gì Penélope khao khát. Không ai nhận ra, không ai thềm để ý đến, nhưng, như chuyện vẫn xảy ra, phần cơ bản nhất của vấn đề đã được sắp đặt trước khi câu chuyện bắt đầu, và lúc này đã quá muộn.

Nhiều tháng trôi qua cùng những

ánh mắt đăm mê và chờ đợi, cuối cùng Julián Carax và Penélope cũng được ở riêng bên nhau. Cuộc đời của họ được quyết định bởi sự tình cờ. Họ gặp nhau trong hành lang, họ nhìn nhau từ hai đầu bàn, họ lặng thầm phớt chạm qua nhau, họ cảm thấy sự vắng mặt của nhau. Họ trao nhau lời đầu tiên là khi ở trong thư viện tòa nhà trên Đại lộ Tibidabo vào một chiều bão bùng mưa gió, lúc ấy “Villa Penélope” bỗng nhiên ngập tràn ánh nến mờ ảo – chỉ vài giây đánh cắp được từ bóng đêm, Julián nghĩ chàng đã nhìn thấy trong ánh mắt cô gái niềm tin chắc mà cả hai đều cảm thấy như nhau, rằng chính cái bí mật ấy đang tàn phá họ. Dường như

không ai nhận ra. Không ai, ngoại trừ Jacinta, người ngày càng lo lắng khi chứng kiến trò chơi liếc nhìn lén lút mà Penélope và Julián đang chơi ngay trước mũi gia đình Aldaya. Bà lo sợ cho họ.

Lúc này, Julián bắt đầu bị những đêm mất ngủ, chàng thức từ đêm đến lúc trời hừng sáng để viết những câu chuyện dành tặng Penélope. Rồi, sau khi đến ngôi nhà ở Đại lộ Tibidabo với bất kỳ lý do cũ rích nào, chàng sẽ tìm ra dịp có thể lén vào phòng Jacinta và đưa cho bà những trang giấy, rồi bà sẽ đem cho cô gái. Đôi khi, Jacinta chuyển cho Julián bức thư Penélope đã viết cho chàng, và chàng sẽ đọc đi đọc

lại nó suốt nhiều ngày sau. Trò chơi ấy cứ diễn ra ngày này sang tháng khác. Khi thời gian không mang lại cho họ vận may, Julián làm bất cứ điều gì cần thiết để được gần Penélope. Jacinta giúp chàng, để được nhìn Penélope hạnh phúc, để giữ cho ngọn lửa ấy cháy mãi. Về phần mình, Julián cảm nhận rằng sự ngây thơ vô tình lúc ban đầu đang phai nhạt và đã đến lúc cần phải bắt đầu mở hướng khác. Và đây là lý do chàng bắt đầu nói dối Don Ricardo về dự định tương lai của mình, chàng vờ hứng thú với sự nghiệp trong ngành ngân hàng và tài chính, giả đò cảm mến và gắn bó với Jorge Aldaya dù thực tế không phải vậy, để biện minh cho sự

hiện diện thường xuyên của mình ở ngôi nhà trên Đại lộ Tibidabo; chàng bắt đầu nói những điều chàng biết người khác muốn nghe chàng nói, để đọc được những cái nhìn của họ và những hy vọng của họ, bắt đầu gạt sang một bên lòng chân thành và trung thực, bắt đầu cảm thấy chàng đang bán đi từng mảnh linh hồn mình. Chàng bắt đầu sợ rằng nếu chàng có được Penélope thì sẽ không còn lại gì của con người Julián đã gặp nàng lúc ban đầu nữa. Đôi khi Julián tỉnh giấc lúc mờ sáng, giận dữ bùng cháy, mong mỗi được giải bày cảm xúc thực của chàng cho thế giới này biết, để đối diện với Don Ricardo Aldaya và nói với ông

rằng chàng không quan tâm gì đến gia sản của ông, đến cơ hội tương lai của chàng, hay công ty của ông ta; rằng chàng chỉ muốn con gái của ông, Penélope, và đang tính đưa nàng đi xa khỏi cái thế giới trống rỗng, bị phủ kín nơi cha nàng đã cầm tù nàng. Ánh sáng ban ngày đã xua đi can đảm của chàng.

Có nhiều lần Julián mở lòng với Jacinta, người bắt đầu yêu mến chàng trai hơn bà từng muốn. Bà thường để Penélope một mình, lấy lý do phải đi đón Jorge ở trường, để đi gặp Julián và chuyển cho chàng thông điệp của Penélope. Vậy nên bà mới gặp Fernando, người nhiều năm sau này vẫn là người bạn duy nhất còn lại trong

khi bà chờ chết ở chón Santa Lucía địa ngục – cái địa ngục đã được thiên thần Zacarías dự báo trước. Đôi khi người bảo mẫu khôn khéo mang Penélope đến trường và tìm cách cho đôi trẻ được gặp nhau dù ngăn ngại, và ngắm nhìn một tình yêu đang lớn dần lên giữa họ, một thứ tình yêu mà bà chưa bao giờ được biết đến, một tình yêu mà bà luôn luôn bị chối bỏ. Cũng vào lúc này, Jacinta nhận ra bóng đen và sự hiện diện đầy phiền nhiễu của thằng bé ít lời mà mọi người gọi là Francisco Javier, con trai ông bảo vệ trường San Gabriel. Bà bắt gặp nó rình mò họ, nó đứng từ xa đọc những cử chỉ của họ và ngón ngáu Penélope bằng đôi mắt.

Jacinta vẫn giữ một bức ảnh của Julián và Penélope được chụp bởi Recasens, thợ chụp chân dung chính cho gia đình Aldaya, bức ảnh bên cạnh cửa hàng mũ trên phố Ronda de San Antonio. Một tấm ảnh bình thường vô hại, chụp vào giữa trưa, trước sự có mặt của Don Ricardo và Sophie Carax. Jacinta luôn mang theo nó bên mình. Một ngày nọ, trong khi chờ Jorge ở ngoài trường, người bảo mẫu lơ đãng bỏ quên túi xách cạnh đài phun nước, và khi quay lại để lấy túi, bà thấy Fumero đang lảng vảng gần khu vực ấy, nó nhìn bà đầy lo lắng. Đêm hôm ấy, bà tìm bức ảnh nhưng không thấy đâu, và tin chắc đứa bé kia đã đánh cắp. Một

dịp khác, vài tuần sau đó, Francisco Javier Fumero đến chỗ Jacinta hỏi xem bà có thể giúp nó chuyển cho Penélope một món đồ được không. Khi Jacinta hỏi đồ vật đó là gì, nó lôi ra mảnh vải bọc một thứ trông như hình khắc gỗ thông. Jacinta nhận ra hình khắc Penélope và cảm thấy ớn lạnh. Bà chưa kịp nói gì, đứa bé đã bỏ đi. Trên đường về ngôi nhà ở Đại lộ Tibidabo, Jacinta quăng hình khắc đó qua cửa sổ ô tô, như thể đó là một mẫu xác chết bốc mùi. Không dưới một lần, Jacinta thức giấc lúc mờ sáng, người đầm mồ hôi, bị phiền não bởi cơn ác mộng trong đó đứa bé với vẻ mặt khó chịu kia lao mình vào Penélope với sự tàn bạo lạnh

lòng và thờ ơ của một loài côn trùng lạ.

Có những chiều, khi Jacinta đến đón Jorge ở trường, và cậu ta ra muộn, bà bảo mẫu sẽ nói chuyện với Julián. Chàng cũng bắt đầu yêu mến người phụ nữ có ngoại hình khắc khổ kia. Rồi không lâu sau, mỗi khi có rắc rối phủ bóng lên cuộc sống của chàng, thì bà và Miquel Moliner luôn là người đầu tiên được biết. Một lần Julián kể cho Jacinta chàng đã thấy mẹ mình và Don Ricardo Aldaya nói chuyện gần khu vực đài phun nước trong khi chờ đám học sinh tan trường. Don Ricardo dường như thích thú với việc ở bên cạnh Sophie, và Julián cảm thấy đôi chút khó chịu, bởi chàng có biết về tiếng tăm

Don Juan của ông trùm tư bản kia và thói hám của lạ của ông ta – không phân biệt đẳng cấp hay điều kiện – mà bà vợ thánh thiện của ông dường như miễn dịch. “Ta đã kể với mẹ cháu rằng cháu thích ngôi trường mới như thế nào,” Don Ricardo bảo chàng. Khi chào tạm biệt họ, Don Ricardo nháy mắt với họ và bước đi, cười ngặt nghẽo. Mẹ chàng yên lặng suốt trên đường về nhà, rõ ràng khó chịu vì những lời nhận xét của Don Ricardo Aldaya với bà.

Sophie nghi ngờ về mối quan hệ ngày càng gắn bó của Julián với gia đình Aldaya và cách chàng bỏ bê bạn cũ và gia đình mình. Bà không phải là

người duy nhất. Trong khi bà mẹ bày tỏ sự phật ý bằng cách buồn rầu và lặng lẽ, thì ông bán mũ thể hiện sự cay nghiệt và ghét bỏ. Sự hứng thú ban đầu của ông về việc mở rộng khách hàng sang giới thượng lưu Barcelona giờ đã tan biến. Giờ ông hiếm khi gặp con trai mình và phải thuê Quimet, một cậu bé trong phố và cũng là bạn của Julián, làm trợ lý và học việc trong cửa hàng. Antoni Fortuny là người chỉ cảm thấy có thể nói chuyện cởi mở về những chiếc mũ. Ông khóa chặt cảm xúc sâu kín trong ngục tù trái tim ông nhiều tháng liền, cho đến khi chúng trở nên cay đắng vô vọng. Ông nóng tính và dễ cáu bẳn hơn bao giờ hết. Nhìn vào đầu

ông cũng thấy lỗi lầm – từ những nỗ lực học nghề của Quimet tội nghiệp đến những cố gắng của Sophie muốn làm nhẹ bớt cái sự thật rằng Julián hình như đang bỏ rơi họ.

“Con trai của mẹ nghĩ rằng nó là ai đó vì những kẻ giàu có kia đối xử với nó như một con khỉ diễn trò,” ông nói, giọng thất vọng và đầy giận dữ.

Rồi một ngày, sau gần ba năm kể từ hôm Don Ricardo Aldaya lần đầu tiên đến cửa hàng mũ Fortuny và Con trai, ông bán mũ để Quimet trông cửa hàng và bảo đến trưa ông sẽ về. Ông đánh bạo đến tận văn phòng của tập đoàn Aldaya trên phố Gracia yêu cầu

được gặp Don Ricardo.

“Tôi được hân hạnh thông báo tên ai đây?” tay thư ký hống hách hỏi.

“Thợ làm mũ của ông ấy.”

Don Ricardo đón tiếp ông, đôi chút ngạc nhiên nhưng khá thiện cảm, nghĩ rằng có lẽ Fortuny mang hóa đơn đòi nợ đến – những ông chủ cửa hàng nhỏ không bao giờ hiểu được nghi thức khi bàn chuyện tiền nong.

“Xem nào, tôi có thể làm gì cho ông, Fortunato, ông bạn già?”

Không thể trì hoãn hơn được nữa, Antoni Fortuny bắt đầu giải thích cho Don Ricardo rằng ông ta đã nhìn

nhâm về con trai ông, Julián.

“Con trai tôi, thừa Don Ricardo, không phải là đũa như ngài nghĩ đâu. Ngược lại, nó là một đũa ngu dốt, lười biếng, không có tài năng gì hơn tính ngạo mạn mà mẹ vợ tôi đã nhồi nhét vào đầu nó. Rồi nó chẳng làm nên trò trống gì đâu, ngài hãy tin tôi. Nó không có tham vọng và thiếu cá tính. Ngài không hiểu nó đâu. Nó có thể rất thông minh ở việc nói điều ngon ngọt với người lạ, khiến họ tin là nó hiểu biết nhiều, trong khi thực sự nó chẳng biết gì hết. Nó là một đũa tầm thường. Nhưng tôi hiểu rõ nó hơn bất kỳ ai, và tôi nghĩ mình nên cảnh báo ngài.”

Don Ricardo yên lặng lắng nghe bài diễn thuyết, mắt không hề chớp.

“Xong chưa, Fortunato?”

Khi nghe xong, nhà công nghiệp nhân nút trên bàn. Một lát sau, tay thư ký đã đón Fortuny xuất hiện nơi cửa văn phòng.

“Ông bạn Fortunato đây muốn về, Bacells,” Don Ricardo thông báo. “Tiễn ông ấy ra cửa.”

Giọng lạnh băng của nhà công nghiệp khiến ông làm mũ không vui.

“Nếu không phiền, thưa Don Ricardo: tôi là Fortuny, không phải Fortunato.”

“Sao cũng được. Ông thật tế nhị, Fortuny. Tôi rất biết ơn nếu ông không đến đây nữa.”

Khi Fortuny ra đường, ông cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết, và càng tin rằng mọi người chống lại ông. Chỉ vài ngày sau, những khách hàng khôn ngoan mà cửa hàng có được nhờ mối quan hệ với Aldaya bắt đầu gửi tin báo hủy đơn hàng và thanh toán hóa đơn. Chỉ trong vòng vài tuần, ông phải cho Quimet nghỉ, vì không đủ việc làm cho cả hai người ở cửa hàng. Dù sao cậu bé kia cũng không giúp gì nhiều, ông tự nhủ. Nó tầm thường và lười biếng, như tất cả bọn chúng.

Cũng trong thời gian này, mọi người xung quanh bắt đầu nói rằng ông Fortuny trông già đi, cô đơn hơn, cay đắng hơn rất nhiều. Ông hầu như không nói chuyện với bất kỳ ai nữa, ở lì nhiều giờ trong cửa hàng khóa chặt, không có việc gì làm, nhìn người qua lại ngoài phố, những cảm giác khinh bỉ xen lẫn hy vọng. Sau này mọi người bảo thời trang đã thay đổi, rằng những người trẻ không còn đội mũ nữa, rằng những người đội mũ lại thích đến các cửa hiệu khác, nơi người ta bán những chiếc mũ làm sẵn với nhiều kích cỡ khác nhau, mẫu mã hiện đại, và giá rẻ hơn. Cửa hàng mũ nhà Fortuny và Con trai dần chìm vào trong giấc ngủ u

buồn, lặng lẽ.

Tất cả các người đang chờ ta chết, Fortuny tự nhủ. Được, ta sẽ cho các người diễm phúc đó. Thực sự, ông đã bắt đầu chết từ rất lâu rồi.

Julián ngày càng lao mình vào thế giới nhà Aldaya, vào cái tương lai duy nhất chàng có thể biết đến, cái tương lai có Penélope. Gần hai năm trôi qua, trong thời gian đó, hai người lén lút đi cùng nhau trên một sợi dây bí mật. Bằng cách của mình, Zacarías đã cảnh báo chàng rất lâu rồi. Bóng đen bao bủa quanh Julián, và chúng nhanh chóng siết chặt chàng.

Tín hiệu đầu tiên xuất hiện vào

một ngày tháng Tư năm 1928. Jorge Aldaya sắp tròn mười tám tuổi, và Don Ricardo, trong vai trò người trưởng tộc vĩ đại, đã quyết định tổ chức (hay đúng hơn, ra lệnh cho ai đó tổ chức) một bữa tiệc sinh nhật hoành tráng mà con trai ông không muốn và chính ông sẽ vắng mặt: vì lý do có công việc quan trọng, ông sẽ đi gặp một cô gái thơm ngon, vừa mới từ St. Petersburg đến, tại căn phòng lộng lẫy màu xanh của khách sạn Colón. Ngôi nhà trên Đại lộ Tibidabo trở thành chốn huyền ảo nhân sự kiện này; hàng trăm đèn lồng, dây móc và lều rạp được dựng lên trong vườn để mua vui cho khách khứa.

Hầu hết các bạn học của Jorge

Aldaya ở trường San Gabriel đều được mời. Theo đề nghị của Julián, Jorge cũng mời cả Francisco Javier Fumero. Miquel Moliner cảnh báo họ rằng con trai ông bảo vệ sẽ lạc lõng ở khung cảnh hoa lệ và phô trương kia. Francisco Javier nhận lời mời, nhưng cũng dự cảm y như vậy, nên quyết định từ chối. Khi Doña Yvonne, mẹ hắn, hay tin con trai mình định bỏ một lời mời đến biệt thự tráng lệ nhà Aldaya, mục như muốn ăn tươi nuốt sống hắn. Lời mời đó có thể là gì khác ngoài cái tín hiệu mục sẽ nhanh chóng gia nhập giới thượng lưu? Bước tiếp theo chỉ có thể là một lời mời đến uống trà chiều với bà Aldaya và những mệnh phụ danh giá

khác. Doña Yvonne dốc hết số tiền tiết kiệm mua sắm góp được từ khoản lương của ông chồng để đi mua một bộ cánh thủy thủ cho con trai.

Lúc đó Francisco Javier đã mười bảy tuổi, nhưng bộ đồ xanh dương với chiếc quần ngắn, được may để thỏa mãn cái khiêu thích mỹ không có lấy một chút tinh tế của Doña Yvonne trông lộ bịch làm sao và khiến cậu trai bê mặt. Bị bà mẹ ép buộc, Francisco Javier chấp nhận lời mời và dành cả tuần khắc một cái mở thư để làm quà cho Jorge. Vào ngày tiệc, Doña Yvonne nhất quyết đòi đi theo con trai đến cửa nhà Aldaya. Mẹ muốn hít ngửi mùi vương giả và tắm mình trong niềm vinh

quang được thấy con trai mẹ đi qua những cánh cửa mà sớm thôi cũng sẽ mở ra cho mẹ. Đến lúc phải khoác bộ cánh thủy thủ lên người, Francisco Javier phát hiện ra nó quá nhỏ so với hắn. Yvonne quyết định sửa đôi chút. Họ đến trễ. Trong lúc ấy, lợi dụng sự huyền não và sự vắng mặt của Don Ricardo – người chắc chắn đang ăn mừng theo cách của riêng mình – Julián đã lên khỏi bữa tiệc. Chàng và Penélope hẹn gặp nhau trong thư viện, nơi họ sẽ không bắt gặp những người dự tiệc khác. Họ quá bận rộn khám phá môi nhau nên không nhận ra có hai người đang đến trước công tòa nhà. Francisco Javier, trong bộ đồ thủy thủ

lần đầu đi dự tiệc và mặt tím tái vì xấu hổ, cơ hồ đang bị Doña Yvonne kéo đi, nhân dịp này mẹ cũng sửa sang lại chiếc mũ rộng vành cùng chiếc váy hộp tông có nếp gấp và thêu hoa; chúng khiến cho mẹ trông giống như một thanh kẹo, hay nói như Miquel Moliner, người thấy mẹ từ đằng xa, giống một con bò rừng ăn mặc như Madame Récamier. Hai người hầu gác cửa dường như không lấy làm ấn tượng với những vị khách. Doña Yvonne tuyên bố con trai mẹ, Don Francisco Javier Fumero de Sotoceballos đang vào dự tiệc. Hai người hầu đáp lại, bằng giọng châm chọc, rằng cái tên đó chẳng gọi lên gì cả. Bực tức, nhưng vẫn giữ điệu

bộ đường hoàng, Yvonne bảo con trai đưa giấy mời ra. Khốn thay, khi bộ đồ được sửa, tấm vé mời đã bị bỏ lại trên bàn khâu của Doña Yvonne.

Francisco Javier cố giải thích đầu đuôi, nhưng hắn cứ lặp ba lặp bập, và tiếng cười của hai người hầu không giúp xóa đi sự hiểu lầm. Hai mẹ con họ bị mời ra khỏi đó. Doña Yvonne bực bực nổi giận và tuyên bố rằng hai tên hầu kia không biết bọn chúng đang đối mặt với ai. Hai người hầu đáp lại rằng vị trí lau sàn đã có người nhận rồi.

Từ cửa sổ phòng ngủ của mình Jacinta chứng kiến Francisco Javier toan quay về thì bỗng nhiên dừng lại.

Ngay bên trên cảnh tượng mẹ hấn đang tạo ra, đang chửi mắng những kẻ hầu ngu ngốc đến khản cả giọng, hấn đã thấy họ: Julián đang hôn Penélope bên khung cửa sổ lớn của thư viện. Họ đang hôn nhau với niềm say đắm của những người thuộc về nhau, không biết gì thế giới xung quanh.

Ngày hôm sau, trong giờ nghỉ trưa, Francisco Javier bất ngờ xuất hiện. Tin tức về cảnh tượng ngày hôm trước đã lan ra trong đám học sinh: hấn bắt gặp những tiếng cười nhạo và câu hỏi rằng hấn đã làm gì với bộ áo quần thủy thủ chạt ních kia. Tiếng cười châm dút đột ngột khi đám học sinh thấy hấn mang theo khẩu súng của ông

bỏ. Im phăng phắc, rồi thì nhiều đũa bỏ đi. Chỉ nhóm Aldaya, Moliner, Fernando và Julián quay nhìn chăm hẳn, không hiểu chuyện gì. Francisco Javier không hề báo trước: hẳn giờ súng lên nhắm. Sau này, các nhân chứng kể lại rằng nét mặt hẳn chẳng hề tỏ dấu hiệu giận dữ hay hùng hổ. Francisco Javier thể hiện vẻ lạnh lùng vô thức như khi hẳn thực hiện công việc dọn dẹp trong vườn. Viên đạn đầu tiên sượt đầu Julián. Viên thứ hai đáng lẽ đã xuyên qua họng chàng nếu Miquel Moliner không lao vào con trai ông bảo vệ, đâm vào hẳn và giật lấy khẩu súng. Julián Carax chứng kiến cảnh tượng trong kinh hoàng và bất động.

Mọi người nghĩ phát đạn là nhằm vào Jorge Aldaya để trả thù cho sự bẽ mặt mà Javier đã phải chịu ngày hôm trước. Chỉ sau đó, khi Cảnh sát đưa hắn đi và ông bảo vệ bị tống ra khỏi nhà, Miquel Moliner mới đến chỗ Julián mà bảo, không chút tự hào, rằng anh ta đã cứu mạng chàng.

Đó là năm cuối của Julián và bạn bè ở trường San Gabriel. Hầu hết đều đang nói về những dự định của họ hoặc kế hoạch mà gia đình sắp xếp cho họ năm tiếp theo. Jorge Aldaya đã biết rằng ông bố sẽ đưa anh ta đi học ở Anh quốc, và Miquel Monliner chấp nhận chuyện anh sẽ vào Đại học Barcelona như lẽ đương nhiên. Fernando Ramos

hơn một lần nhắc lại rằng có lẽ anh sẽ vào trường Dòng Tên, một viễn cảnh mà các thầy của anh cho là khôn ngoan nhất đối với hoàn cảnh cụ thể của anh. Còn Francisco Javier Fumero, điều duy nhất người ta biết về hắn, nhờ Don Ricardo Aldaya, người đã đứng ra can thiệp, là hắn đã được đưa vào trường giáo dưỡng ở một thung lũng xa xăm vùng Pyrénées; nơi một mùa đông dài đang đợi hắn. Nhận thấy tất cả bạn bè mình đã có định hướng cho cuộc đời, Julián tự hỏi chàng sẽ trở thành người thế nào. Giác mộng và tham vọng văn chương dường như xa xôi và khó trở thành hiện thực hơn bao giờ hết. Tất cả những gì chàng trông đợi là được gần

Penélope.

Trong khi chàng băn khoăn về tương lai của trai mình, những người khác lại đang lên kế hoạch cho chàng. Don Ricardo Aldaya đã nhắm cho chàng một vị trí trong công ty của ông ta để chàng làm quen với việc kinh doanh. Ông bán mũ, về phần mình, đã quyết định rằng nếu con trai ông không muốn tiếp tục nối nghiệp gia đình, thì ông sẽ quên ngay chuyện để lại di chúc cho chàng. Ông đã bí mật làm các thủ tục để đưa Julián vào quân đội, vài năm sống trong quân ngũ sẽ chữa cho chàng căn bệnh ảo tưởng trở thành người vĩ đại. Julián không biết gì về những kế hoạch như vậy, và đến khi

phát hiện ra điều người khác sắp xếp cho mình, thì đã quá muộn. Chỉ có Penélope chiếm lĩnh hết ý nghĩ của chàng, giờ đây sự xa cách giả tạo và những hẹn hò bí mật không còn làm chàng thỏa mãn nữa. Chàng cứ muốn được gặp nàng thường xuyên hơn, mặc cho nguy cơ bại lộ ngày càng lớn. Jacinta làm những gì có thể để bao che họ: bà thường xuyên nói dối và bịa ra ngàn lẻ một mưu kế để họ được đôi ba giây phút bên nhau. Bà hiểu rằng điều này là không đủ cho Penélope và Julián. Người bảo mẫu giờ đây nhận ra trong ánh mắt họ lòng khát khao kiên cường và thách thức: một nguyện vọng mù quáng muốn bị bại lộ, một hy vọng

rằng bí mật của họ sẽ trở thành một vụ tai tiếng để họ không còn phải chui nhủi trong góc ngách và gác mái và yêu nhau trong bóng tối nữa. Có đôi lần, khi Jacinta an ủi Penélope lúc đêm về, nàng sẽ đổ lệ thành dòng và thú nhận nàng muốn bỏ trốn cùng Julián, để bắt chuyến tàu sớm và chạy trốn đến một nơi không ai biết họ. Jacinta, vốn vẫn còn nhớ cái loại thế giới như thế nào tồn tại bên ngoài cổng sắt nhà Aldaya, đã rùng mình và cố khuyên can nàng. Penélope vốn bản tính vâng lời, và nỗi sợ hãi nàng thấy trên nét mặt Jacinta là đủ làm nàng chùn bước. Song Julián thì khác.

Trong mùa xuân cuối cùng đó ở

San Gabriel, Julián bối rối phát hiện ra Don Ricardo Aldaya và mẹ chàng đôi khi hẹn gặp bí mật. Lúc đầu, chàng sợ rằng nhà công nghiệp hãn muốn thêm cuộc chinh phục Sophie vào bộ sưu tập của ông ta, nhưng chàng sớm nhận ra rằng những cuộc hẹn đó, thường ở quán cà phê tại trung tâm thành phố và diễn ra bội phần đúng mực, chỉ dừng lại ở chuyện trò. Sophie vẫn không nói gì về những cuộc hẹn này. Khi cuối cùng Julián quyết định đến gặp Don Ricardo mà hỏi ông ta đang có chuyện gì giữa ông ta và mẹ chàng, ông trùn tu bản cười phá lên.

“Không có gì qua được mắt cháu, đúng không Julián? Thật ra ta đã định

nói với cháu chuyện này. Mẹ cháu và ta đang bàn về tương lai của cháu. Bà ấy đã đến gặp ta vài tuần trước. Bà ấy lo lắng vì cha cháu muốn đưa cháu vào quân đội năm tới. Mẹ cháu hiển nhiên là muốn điều tốt nhất cho cháu, và bà ấy đến gặp ta để nói chuyện riêng, xem ta có giúp được gì không. Cháu đừng lo; Don Ricardo Aldaya đã hứa rằng cháu sẽ không trở thành pháo thủ đâu. Mẹ cháu và ta đã có một kế hoạch tuyệt vời cho cháu. Hãy tin ta đi.”

Julián muốn tin ông ta, nhưng Don Ricardo tạo ra bất cứ điều gì, ngoại trừ lòng tin. Khi chàng hỏi ý kiến Miquel Moliner, anh đồng ý với Julián.

“Nếu điều cậu muốn làm là bỏ trốn cùng Penélope, và có lẽ Chúa sẽ giúp cậu, thì cái cậu cần đến là tiền.”

Tiền lại là thứ Julián không có.

“Cái đó có thể sắp xếp được,” Miquel nói với chàng. “Có bạn giàu sang là để cho những dịp này đây.”

Thế là Miquel và Julián bắt đầu kế hoạch chạy trốn cho đôi tình nhân. Nơi đến, theo gợi ý của Miquel, sẽ là Paris. Theo suy nghĩ của Moliner, nếu Julián định trở thành một nghệ sĩ nghèo phóng túng, thì ít nhất một môi trường như Paris là không thể tốt hơn. Penélope biết một chút tiếng Pháp, còn Julián, chàng đã học tiếng Pháp từ mẹ

chàng, nó giống như ngôn ngữ thứ hai của chàng vậy.

“Ngoài ra, Paris đủ lớn để ta mất hút đi, và đủ nhỏ để tạo cơ hội,” Miquel lý lẽ.

Miquel đã tích góp được chút vốn, cộng với số tiền tiết kiệm được trong nhiều năm nhờ xin xỏ từ ông bố với những lý do kỳ dị nhất. Chỉ có anh mới biết số tiền ấy dùng để làm gì.

“Tớ sẽ chết lặng vào giây phút hai người lên tàu.”

Ngay chiều hôm ấy, sau khi chốt lại các chi tiết với Moliner, Julián đến ngôi nhà trên Đại lộ Tibidabo để báo

với Penélope kế hoạch bỏ trốn.

“Em không được kể cho ai điều anh nói với em. Không một ai. Kể cả Jacinta,” Julian bắt đầu.

Cô gái lắng nghe trong sững sờ. Kế hoạch của Moliner thật không chệ vào đâu được. Miquel sẽ dùng tên giả để mua vé và thuê một bên thứ ba để nhận vé tại nhà ga. Nếu tình cờ cảnh sát có phát hiện ra, thì điều duy nhất anh ta có thể khai báo là mô tả ai đó trông không giống Julián. Julián và Penélope sẽ gặp nhau trên tàu. Sẽ không có chuyện chờ đợi trên sân ga, nơi người ta có thể thấy họ. Cuộc trốn chạy sẽ diễn ra ngày Chủ nhật, vào

buổi trưa. Julián sẽ đi một mình đến nhà ga Francia. Miquel sẽ đợi chàng ở đó, cùng với vé và tiền.

Phần khó nhất của kế hoạch là về phần Penélope. Nàng phải nói dối Jacinta và bắt bà tìm ra một lý do đưa nàng đi lễ mixa lúc mười một giờ rồi quay về nhà. Trên đường, Penélope sẽ bảo Jacinta đưa nàng đi gặp Julián, hứa là nàng sẽ về trước khi cả gia đình về nhà. Đây sẽ là cơ hội cho Penélope đến nhà ga. Cả hai người đều biết nếu họ nói với bà sự thật, Jacinta sẽ không cho họ đi. Bà quá yêu họ.

“Kế hoạch thật hoàn hảo, Miquel,” Julián nói.

Miquel gật đầu buồn bã. “Ngoại trừ một chi tiết. Nỗi đau cậu gây ra cho nhiều người khi ra đi mãi mãi.”

Julián gật đầu, nghĩ đến mẹ chàng và Jacinta. Chàng không hề ngờ Miquel Moliner đang nói đến bản thân anh.

Phần khó khăn nhất là thuyết phục Penélope rằng cần phải giữ bí mật với Jacinta. Chỉ có Miquel mới biết sự thật. Chuyến tàu khởi hành lúc một giờ chiều. Lúc người ta nhận ra sự biến mất của Penélope thì họ đã qua khỏi biên giới rồi. Một khi đến Paris, họ sẽ dùng tên giả trọ trong một khách sạn như là vợ chồng. Họ sẽ gửi cho

Miquel Moliner một bức thư để chuyển đến gia đình họ, thú nhận tình yêu của họ, cho mọi người biết là họ vẫn khỏe, thông báo lễ cưới ở nhà thờ, và cầu xin gia đình tha thứ và cảm thông. Miquel Moliner sẽ bỏ bức thư vào một phong bì khác để xóa đi dấu bưu điện Paris và sẽ đích thân gửi từ một thị trấn gần đây.

“Bao giờ?” Penélope hỏi.

“Sáu ngày nữa,” Julián nói.

“Chủ nhật tới.”

Miquel đề nghị tốt nhất là Julián không nên gặp Penélope trong những ngày trước khi bỏ trốn, để tránh gây nghi ngờ. Cả hai đều đồng ý không gặp

nhau nữa, cho tới lúc lên chuyến tàu đi Paris. Sáu ngày không được gặp nàng, không được chạm vào nàng, dường như dài vô tận với Julián. Họ kết ước thỏa thuận, hôn lễ bí mật, bằng đôi môi.

Lúc ấy Julián đưa Penélope vào phòng ngủ của Jacinta trên tầng ba. Tầng này chỉ dành cho người hầu, và Julián dám chắc không ai phát hiện ra họ. Họ sốt sắng cởi quần áo, với đam mê sôi sục, cào cấu vào da nhau và tan chảy vào yên lặng. Họ đã thuộc lòng cơ thể của nhau và chôn vùi tất cả những ý nghĩ về sáu ngày xa cách kia. Julián đi vào Penélope bằng cơn thịnh nộ, áp nàng xuống sàn nhà. Penélope đón nhận chàng với đôi mắt mở to, hai chân

quắp lấy thân chàng, đôi môi hé mở
khao khát. Không hề có một chút tia
mong manh hay thơ trẻ trong ánh mắt
hay trong cơ thể ấm áp của nàng. Sau
đó, khi khuôn mặt chàng vẫn vùi vào
lòng nàng và tay vẫn đặt trên bộ ngực
trắng ngần rung rinh của nàng, Julián
biết chàng phải nói lời từ biệt. Chàng
không có thời gian ngồi dậy khi cửa
phòng từ từ hé mở và một bóng dáng
phụ nữ xuất hiện nơi ngưỡng cửa.
Trong một lát, Julián nghĩ đó là
Jacinta, nhưng rồi chàng nhận ra ấy là
bà Aldaya. Bà đang nhìn họ, như bị bỏ
bùa, cảm giác mê hoặc xen lẫn ghê
tởm. Bà chỉ có thể lảo bẫm thốt ra
“Jacinta đâu rồi?” Rồi bà quay đi

không nói một lời, trong khi Penélope bò trên sàn nhà trong đau đớn lặng câm còn Julián cảm thấy thế giới đang sụp đổ quanh chàng.

“Đi đi, Julián. Đi trước khi cha em tới.”

“Nhưng...”

“Đi.”

Julián gật đầu. “Cho dù có chuyện gì, anh sẽ đợi em vào ngày Chủ nhật trên chuyến tàu đó.”

Penélope cố nở nụ cười nhạt nhát. “Em sẽ đến. Bây giờ hãy đi đi...”

Nàng vẫn trần truồng khi chàng

rời nàng và lên ra cầu thang dành cho người hầu xuống phía chuồng ngựa rồi băng ra ngoài trời, trong một đêm lạnh giá nhất chàng từng gặp trong đời.

Những ngày sau đó thật đớn đau. Suốt mấy đêm Julián không ngủ, nghĩ rằng bất cứ lúc nào sát thủ do Don Ricardo thuê sẽ đến tìm chàng. Ngày hôm sau, ở trường, chàng không thấy một chút gì thay đổi trong thái độ của Jorge Aldaya. Bị giày xé vì đau khổ, chàng kể cho Miquel Moliner chuyện xảy ra. Miquel lắc đầu.

“Cậu thật điên rồ, Julián, nhưng điều đó chẳng có gì lạ. Điều lạ là đến giờ vẫn chưa thấy động tĩnh gì ở nhà

Aldaya. Mà điều đó, ngẫm ra cũng chẳng ngạc nhiên lắm. Nếu, như cậu nói, bà Aldaya phát hiện ra các cậu, thì có lẽ chính bà ấy vẫn không biết phải làm gì. Trong đời mình tớ đã ba lần nói chuyện với bà ấy, và từ những cuộc nói chuyện đó, tớ có hai kết luận: thứ nhất, bà Aldaya có tâm lý của đứa trẻ mười hai tuổi; thứ hai, bà mắc bệnh ái kỷ mạn tính nên không thể nhận thấy hay hiểu được bất cứ điều gì bà không muốn thấy hoặc muốn tin, đặc biệt là nếu liên quan đến bản thân bà.”

“Đẹp cái phần chân đoán ấy đi, Miquel.”

“Ý tớ là, có lẽ bà ấy vẫn đang

phân vân không biết phải nói gì, nói thế nào, lúc nào và với ai. Trước tiên, bà phải nghĩ đến hậu quả cho bản thân, vụ tai tiếng tiềm ẩn, và cơn thịnh nộ của ông chồng... Phân còn lại thì bà ta chẳng quan tâm, tớ dám chắc thế.”

“Nên cậu nghĩ bà ấy sẽ không nói gì ư?”

“Chắc phải mất một vài ngày. Nhưng tớ không nghĩ bà ấy có thể giấu một bí mật như vậy với chồng được. Còn kế hoạch chạy trốn thế nào? Vẫn tiến hành chứ?”

“Hơn bao giờ hết.”

“Tớ mừng khi nghe vậy. Vì tớ tin

là giờ không còn đường quay lại nữa.”

Một tuần trải dài vô tận. Julián đến trường mỗi ngày với nỗi khắc khổ trên hai gót chân. Chàng trải qua quãng thời gian ấy, vờ như đang ở đó, hầu như không thể nhìn Miquel Moliner, người cũng bắt đầu lo lắng như chàng, hoặc còn hơn thế. Jorge Aldaya không nói gì. Anh ta lịch sự hơn bao giờ hết. Jacinta không đến trường đón Jorge nữa. Lái xe của Don Ricardo đến mỗi buổi chiều. Julián cảm thấy như muốn chết đến nơi, ước rằng chuyện có xảy ra thế nào thì cũng hãy xảy ra đi, để thời gian chờ đợi sẽ kết thúc. Vào chiều thứ Năm, sau giờ học, Julián bắt đầu nghĩ rằng may mắn

đứng về phía chàng. Bà Aldaya không nói gì, có lẽ vì xấu hổ, ngu ngốc, hoặc vì bất cứ lý do gì như Miquel đã ngờ. Điều đó không mấy quan trọng. Quan trọng nhất là bà vẫn giữ bí mật cho đến Chủ nhật. Đêm hôm đó, lần đầu tiên trong nhiều ngày, chàng có thể ngủ ngon.

Sáng thứ Sáu, khi đến lớp, Cha Romanoes đợi chàng trước cổng.

“Julián, ta cần nói chuyện với con.”

“Có chuyện gì, thưa Cha?”

“Ta luôn biết ngày này sẽ đến, và ta phải thú nhận rằng ta vui mừng được

làm người báo tin cho con.”

“Tin gì, thưa Cha?”

Julián Carax không còn là học sinh trường San Gabriel. Sự hiện diện của chàng trong khuôn viên, trong lớp học, thậm chí trong vườn trường bị nghiêm cấm. Các đồ dùng học tập của chàng, sách vở, và tất cả những vật dụng khác giờ đây thuộc tài sản của trường.

“Nói cho chính xác ‘là ngay lập tức và đuổi thẳng’,” Cha Romanos nói ngắn gọn.

“Con có thể biết lý do không?”

“Ta có thể nghĩ ra hàng trăm lý

do, nhưng ta chắc con sẽ biết chọn ra lý do phù hợp nhất. Chúc một ngày tốt lành, Carax. Và chúc may mắn trong đời. Con sẽ cần điều đó đấy.”

Cách chừng ba mươi thước, ở sân đài phun nước, một nhóm học sinh đứng nhìn chàng. Một số đang cười, vẫy tay chào tạm biệt. Những người khác nhìn chàng với vẻ thương xót và bối rối. Chỉ có một người cười buồn: anh bạn Miquel Moliner, người chỉ gật đầu và nói thêm gì đó mà Julián nghĩ là chàng có thể đọc được: “hẹn gặp ngày Chủ nhật.”

Khi quay về căn hộ trên phố San Antonio, Julián thấy chiếc Mercedes-

Benz của Don Ricardo đỗ ngoài cửa hàng. Chàng dừng lại nơi góc phố, chờ đợi. Một lúc sau, Don Ricardo bước ra khỏi cửa hàng và vào xe. Julián nấp vào một cánh cửa cho đến khi chiếc xe chạy ra Quảng trường Universidad. Chỉ đến lúc đó, chàng mới tắt tả chạy lên cầu thang về nhà. Mẹ chàng, bà Sophie, đang ngồi đợi, nước mắt tuôn trào.

“Con đã làm gì, Julián?” bà thì thào không hề tức giận.

“Tha thứ cho con, thưa mẹ...”

Sophie kéo con trai lại gần. Bà đã gầy và già đi, như thể tất cả những người xung quanh đã cướp đi mạng

sống và tuổi thanh xuân của bà. Mình cướp đi nhiều hơn cả, Julián nghĩ.

“Nghe kỹ lời mẹ này, Julián. Cha con và Don Ricardo đã sắp đặt mọi thứ để đưa con vào quân đội vài ngày tới. Aldaya có quyền thế... Con phải trốn đi, Julián. Con phải đến nơi họ không thể tìm được con...”

Julián nghĩ chàng đã thấy trong mắt mẹ chàng một bóng đen, nó dường như đã chiếm lấy bà.

“Còn gì khác nữa không, thưa mẹ? Còn điều gì mẹ chưa nói với con.”

Bà Sophie nhìn chàng, môi bà run rẩy. “Con phải đi. Cả hai ta phải rời

khỏi đây mãi mãi.”

Julián ôm bà thật chặt, và thì thầm vào tai bà, “Đừng lo cho con, mẹ ơi. Mẹ đừng lo lắng.”

Cả ngày thứ Bảy Julián giam mình trong phòng, giữa đống sách vở và những bức vẽ. Ông làm mũ đã xuống cửa hàng lúc hừng sáng và đến gần sáng mới quay về. Ông ấy không đủ can đảm để nói thẳng vào mặt mình, Julián nghĩ. Đêm hôm ấy, mắt nhòe lệ, Julián nói lời từ biệt những năm tháng chàng đã sống trong căn phòng tối tăm, lạnh lẽo ấy, lạc giữa những giấc mơ mà giờ chàng biết sẽ không bao giờ trở thành hiện thực. Chủ nhật, lúc trời mờ sáng,

mang theo chỉ một túi đựng vài bộ quần áo và mấy cuốn sách, chàng hôn vào trán Sophie khi bà đang nằm cuộn tròn trong chăn nơi phòng khách, rồi ra đi. Đường phố dường như bao phủ bởi làn sương xanh mờ. Ánh sáng màu đồng lóe lên trên những mái nhà phẳng của khu phố cũ. Chàng bước chậm rãi, nói lời từ biệt với mỗi cánh cửa, mỗi góc phố, lòng tự hỏi liệu những ảo ảnh thời gian sẽ hóa thành sự thật không và trong những ngày tới đây chàng còn có thể nhớ được chỉ những điều tốt đẹp hay không, và có quên đi nổi cô đơn thường theo đuổi chàng trên những con phố ấy không.

Nhà ga Francia vắng tanh; sân

ga, phản chiếu ánh sáng bùng cháy của rặng đông, uốn cong trong sương mờ như những lưỡi gươm Ả rập lấp lánh. Julián ngồi xuống một băng ghế trong sảnh vòm và lấy sách ra. Chàng để nhiều giờ trôi qua bằng cách lạc lối trong ma thuật của ngôn từ, lột bỏ hết da thịt và tên tuổi của mình, cảm giác như một người khác. Chàng để cho mình bị cuốn đi theo những giấc mơ của những nhân vật mờ ảo, nơi nướng nấu duy nhất còn lại cho chàng. Lúc đấy chàng biết rằng Penélope sẽ không đến. Chàng biết chàng sẽ lên tàu không có người bạn đồng hành nào khác ngoài những ký ức của chàng. Rồi, trước ban trưa, Miquel Moliner đến ga

đưa vé cho chàng cùng toàn bộ số tiền anh gom góp được, hai người bạn ôm nhau không nói nên lời. Julián chưa bao giờ thấy Miquel Moliner khóc. Đồng hồ ở khắp nơi đang đếm từng phút trôi qua.

“Vẫn còn thời gian,” Miquel thì thầm khi mắt vẫn dán chặt về phía cổng nhà ga.

Lúc một giờ năm phút, người trưởng ga gọi khách đi Paris lần cuối. Chuyến tàu đã bắt đầu chuyển bánh dọc sân ga khi Julián quay lại nói lời tạm biệt bạn. Miquel Moliner đứng đó nhìn chàng, tay anh run run trong túi áo.

“Viết nhé,” anh nói.

“Tớ sẽ viết cho cậu ngay khi đến nơi,” Julián trả lời.

“Không. Không viết cho tớ. Hãy viết sách. Không phải viết thư. Hãy viết những cuốn sách cho tớ, cho Penélope.”

Julián gật đầu, chỉ lúc này chàng mới nhận ra mình sẽ nhớ người bạn này biết nhường nào.

“Và hãy giữ những ước mơ,” Miquel nói. “Cậu không bao giờ biết được khi nào sẽ cần đến chúng đâu.”

“Tớ sẽ giữ mãi,” Julián lẩm bẩm, nhưng tiếng gầm thét con tàu đã át đi

lời chàng.

“Vào đêm mẹ cô ấy bắt gặp họ trong phòng tôi, Penélope đã kể cho tôi nghe chuyện xảy ra. Ngày hôm sau, bà Aldaya gọi tôi đến hỏi tôi biết gì về Julián. Tôi bảo tôi không biết gì hết, ngoại trừ cậu ấy là một chàng thanh niên tốt, một người bạn của Jorge... Bà ấy lệnh cho tôi giữ Penélope trong phòng cho đến khi cô ấy được phép đi ra ngoài. Don Ricardo lúc đấy đang ở Madrid đến tận thứ Sáu mới quay về. Ngay khi ông ấy về, bà Aldaya đã kể hết cho ông những gì bà chứng kiến. Tôi đã ở đó. Don Ricardo nhảy bật lên khỏi ghế và tát

vợ mạnh đến mức bà ấy ngã xuống sàn. Rồi ông ấy chửi rửa như một người điên, ông bảo bà lặp lại những gì đã kể. Bà Aldaya kinh hãi. Chưa bao giờ chúng tôi thấy ông Aldaya như vậy. Chưa hề. Trông ông ấy như thể tất cả ác quỷ dưới địa ngục đã xâm chiếm ông ấy. Sùng sục tức giận, ông lên phòng Penélope lôi cô ấy ra khỏi giường, nắm tóc kéo cô ấy. Tôi cố ngăn ông ấy lại, nhưng ông đá tôi sang bên. Ngay đêm hôm ấy ông ấy gọi bác sĩ gia đình đến khám cho Penélope. Khi bác sĩ khám xong, ông ta nói chuyện với ngài Aldaya. Họ nhốt Penélope trong phòng, và bà Aldaya bảo tôi gói ghém đồ đạc.

“Họ không cho tôi gặp Penélope.

Tôi không bao giờ được nói lời từ biệt cô ấy. Don Ricardo dọa báo cảnh sát nếu tôi kể cho bất kỳ ai chuyện xảy ra. Đêm hôm đó, họ tống tôi ra khỏi nhà, tôi không biết đi đâu, sau tám năm liền phục dịch trong căn nhà đó. Hai ngày sau, trong một nhà trọ trên phố Muntaner, Miquel Moliner đến thăm tôi, cậu ấy cho tôi biết Julián đã đến Paris. Cậu ấy muốn tôi kể chuyện gì đã xảy ra, tại sao Penélope không đến nhà ga như đã hẹn. Trong nhiều tuần, tôi đã quay lại ngôi nhà đó, cầu xin được gặp mặt cô ấy, nhưng tôi thậm chí còn không được phép qua cổng. Tôi cứ đứng nơi góc đường đối diện hằng ngày, từ sáng đến đêm, hy vọng thấy họ ra khỏi nhà. Tôi không bao

giờ thấy cô ấy. Cô ấy không ra khỏi nhà. Sau đó, ngài Aldaya gọi cảnh sát, và với sự giúp đỡ của những bạn bè chức sắc, buộc tôi phải vào nhà thương điên ở Horta, với lý do không ai quen biết tôi, rằng tôi là mụ đàn bà loạn trí cứ làm phiền gia đình và con cái họ. Hai năm trời tôi ở trong đó, bị nhốt như một con vật. Việc đầu tiên tôi làm khi ra viện là đến ngôi nhà trên Đại lộ Tibidabo để gặp Penélope.”

“Rồi bà có gặp được cô ấy không?” Fermín hỏi.

“Ngôi nhà bị khóa và treo biển bán. Không ai sống ở đó cả. Tôi nghe nói nhà Aldaya đã sang Argentina. Tôi viết

thư theo địa chỉ mà họ cho tôi. Bức thư sau đó được gửi trả lại tôi, không mở...”

“Đã có chuyện gì xảy ra với Penélope? Bà có biết không?”

Jacinta lắc đầu, trong tình trạng gần như ngã gục. “Tôi không bao giờ gặp lại cô ấy nữa.”

Bà cụ rên rỉ và bắt đầu khóc lóc không kìm nén được. Fermín ôm bà trong lòng mà vỗ về. Jacinta Coronado đã co rúm lại như một em bé, và bên cạnh bà Fermín trông như một người khổng lồ. Tôi có những câu hỏi đang thiêu đốt trong đầu, nhưng anh bạn tôi ra dấu rằng cuộc thăm hỏi đã kết thúc. Tôi thấy anh đưa mắt nhìn quanh căn gác mái bản thủ,

lạnh lẽo nơi Jacinta Coronado sống những ngày cuối đời.

“Thôi nào, Daniel. Chúng ta về thôi. Cậu đi trước.”

Tôi làm như được bảo. Trong khi quay đi, tôi ngoảnh lại một thoáng thì thấy Fermín quỳ xuống cạnh bà cụ rồi hôn vào trán bà. Bà cười móm mém với anh ta.

“Xem nào, Jacinta,” tôi nghe Fermín nói. “Bà thích kẹo Sugus, đúng không?”

TRÊN CON ĐƯỜNG NGOẪN
NGOÈO QUAY TRỞ LẠI LỐI RA,

chúng tôi đi qua ông chủ nhà đôn thực thụ và hai trợ tá xanh xao của ông ta đang khiêng một cỗ quan tài gỗ thông rẻ tiền, dây thừng, và một thứ trông có vẻ như là vải liệm tái sử dụng. Toán người đó bốc lên mùi formaldehyde đầy ám khí và mùi nước thơm rẻ tiền. Những con người hóc hác như xác chết kia ngoác ra những nụ cười ghê rợn. Fermín chỉ vào căn phòng nơi xác chết đang đợi rồi cầu phước cho ba người kia, họ gật đầu lễ phép và làm dấu thánh.

“Hãy đi thanh toán,” Fermín lẩm bẩm, kéo tôi về phía cổng, nơi một bà xơ cầm chiếc đèn dầu tiến chúng tôi bằng vẻ hăn học, buộc tội.

Khi chúng tôi ra khỏi tòa nhà, con đường Moncada lát đá xấu xí và sẫm tối với tôi lại giống như một thung lũng đầy mời gọi và hy vọng. Fermín thở thật sâu, lòng nhẹ nhõm, và tôi biết mình không phải người duy nhất đang hân hoan được bỏ lại chôn ấu sau lưng. Câu chuyện của Jacinta đè nặng lương tâm chúng tôi nhiều hơn chúng tôi muốn thừa nhận.

“Này, Daniel. Cậu nói sao về món bánh khoai tây trộn thịt và vài ly rượu sủi tăm ngay ở Xampanet này, để tẩy đi cái mùi khó chịu trong miệng chúng ta?”

“Nói thẳng là tôi sẽ không từ chối đâu.”

“Cậu không có hẹn với cô bé kia

hôm nay à?”

“Ngày mai cơ.”

“A, cậu thật xấu xa... chắc phải vất vả lắm mới đạt được nhỉ? Chúng ta học nhanh...”

Chúng tôi đi chưa được mười bước về phía quán rượu âm ỉ chỉ cách vài căn nhà trên phố kia thì ba dáng người trong bóng đêm hiện ra ngăn chúng tôi lại. Hai người đứng sau tôi, sát đến mức tôi có thể cảm thấy hơi thở của họ trên gáy mình. Người thứ ba, nhỏ hơn nhưng trông ác hiểm hơn, chặn lối chúng tôi. Hắn ta mặc áo khoác bình thường, và nụ cười nhầy nhụa toát ra vẻ hoan hỉ không kìm nén nổi.

“A, chúng ta được gặp ai đây nhỉ? Nếu không phải tên bạn cũ của ta, kẻ biến hình!” Thanh tra Fumero kêu lên.

Cơ hồ tôi có thể nghe mọi xương cốt của Fermín run lên kinh hãi trước bóng ma đó. Anh bạn ba hoa của tôi chỉ có thể rên lên một tiếng tắc nghẹn. Hai tên côn đồ, mà tôi đoán là mật vụ của Đội Điều tra Tội phạm, nắm lấy ót chúng tôi và giữ cổ tay phải chúng tôi, sẵn sàng vặn tay nếu chúng tôi tỏ ra chống cự.

“Nhìn vẻ mặt ngạc nhiên của mày, tao biết mày tưởng đã lẩn trốn được tao từ lâu, đúng không? Chắc chắn mày không nghĩ một cục cứt như mày sẽ bò ra khỏi cống rãnh và leo lên hàng công dân

tử tế. Mà có thể ngu ngốc, nhưng không ngu ngốc *đến vậy*. Ngoài ra, tao nghe nói mày đang nhúng mũi – cái mũi to tổ bố của mày – vào một đồng thứ không phải chuyện của mày. Dấu hiệu xấu đấy... Mày đang gạ gẫm bọn họ à? Bọn họ đòi bao nhiêu?”

“Tôi tôn trọng việc của người khác, ông thanh tra, đặc biệt là những người ở tu viện. Có lẽ nếu ông có ý làm điều tương tự thì ông sẽ đỡ được một khoản kha khá tiền thuốc kháng sinh và tiêu hóa cũng dễ dàng hơn đấy”

Fumero hé răng cười tức tối.

“Đúng vậy. Bi sắt^[2]. Tao nói vậy đây. Nếu mọi tên khốn đều giống mày thì

công việc của tao sẽ như một bữa tiệc. Mà nói xem, bây giờ tên mày là gì nhỉ, thằng khốn kiếp? Gary Cooper à? Thôi nào, mày đang làm chuyện gì, đang nhúng cái mũi thô lỗ của mày vào Nhà tế bần Santa Lucía làm gì, rồi tao sẽ đẽ mày đi với một lời cảnh báo. Có khai ra không? Bọn mày đến đây làm gì?”

[2. Được lắm, can đảm lắm.]

“Chuyện riêng. Chúng tôi đến thăm người thân.”

“Hửn rồi, con mẹ nhà mày. Mày gặp tao đúng vào ngày mát trời, chứ không thì tao đưa mày về trụ sở rồi cho mày một trận đốt que hàn nữa. Mày nên tỏ ra ngoan ngoãn và thành khẩn khai báo

với ông bạn Thanh tra Fumero là may và bạn may làm cái chớ gì ở đây. Khốn kiếp nhà may, hãy tỏ ra hợp tác, để tao khỏi đụng đến thằng lỏi con mà may chọn làm người đỡ đầu này.”

“Ông mà động đến một sợi tóc của cậu ấy, tôi thề sẽ...”

“May làm tao sợ quá. Tao vừa vãi cả cứt ra quần rồi đấy.”

Fermín nuốt ực, như thể lấy hết mọi can đảm đang rò rỉ ra khỏi người anh ta. “Chắc đây không phải là cái quần thủy thủ mà bà mẹ đáng kính của ông, Bà Hầu bếp Rạng rỡ, bắt ông mặc chứ? Thật là xấu hổ; tôi nghe bảo hợp với ông lắm.”

Mặt thanh tra Fumero tái đi, và mọi xúc cảm liền biến khỏi mắt hắn ta. “Mày vừa nói gì, thằng chó chết?”

“Tôi bảo có vẻ như ông thừa hưởng gu thẩm mỹ và vẻ quyến rũ của Doña Yvonne Sotoceballos, một bà danh giá...”

Fermín không phải người nặng ký, nên cú đâm đầu tiên đủ để khiến anh bật tung lên và rơi nhào xuống một vũng nước. Anh nằm co quắp như quả bóng khi Fumero đá túi bụi vào bụng, vào lưng, vào mặt. Tôi không đếm nổi nữa sau cú đá thứ năm. Fermín như mất đi hơi thở, và sau đó mất cả khả năng phòng vệ trước những đòn đánh. Hai gã cảnh

sát ghìm tôi lại bằng những bàn tay sắt và cười rồ lên đầy mẫn cán.

“Đừng can vào,” một tên nói với tôi. “Tao không muốn bẻ tay mày.”

Tôi cố xoay sở trong vô vọng hòng thoát khỏi vòng kìm kẹp, và trong khi vùng vẫy, tôi nhìn thấy hắn. Tôi nhận ra ngay khuôn mặt hắn. Hắn là người mặc áo khoác, cùng với tờ báo, kẻ đã ở trong quán bar tại Quảng trường Sarria vài ngày trước, cũng chính là kẻ đã đi theo chúng tôi trên chuyến xe buýt và cười hùa theo trò đùa của Fermín.

“Này, điều làm tao cực ghét là có hạng người chuyên đi bới móc quá khứ!” Fumero hét lên. “Chuyện trong quá khứ

phải được đề yên, mày hiểu không? Điều đó cũng đúng với mày và thằng bạn đàn độn của mày. Hãy nhìn mà học tập, nhóc con. Tiếp theo sẽ là mày đây.”

Suốt thời gian chứng kiến Thanh tra Fumero tấn công Fermín với những cú đá dưới ánh sáng xiên xiên của đèn đường, tôi không sao thốt được một lời. Tôi vẫn nhớ những cú đấm đá khủng khiếp, liên hồi kỳ trận như mưa tàn nhẫn trút xuống anh bạn của tôi. Chúng vẫn còn khiến tôi đau nhói. Điều duy nhất tôi làm là nấp trong gò tay dễ chịu của hai tên cảnh sát, run rẩy và lặng lẽ tuôn ra những giọt nước mắt của kẻ hèn nhát.

Khi Fumero đã phát mệ vì đá vào

thân người bất động kia, hấn cởi áo khoác ra, rồi mở khóa quần và đái lên người Fermín. Anh bạn tôi vẫn không động đậy; trông anh như một đồng vải cũ dưới vũng nước. Khi Fumero phun xối xả lên người Fermín, tôi vẫn câm lặng. Khi xong việc, tay thanh tra kéo khóa quần lại rồi bước về phía tôi, mặt nhễ nhãi mồ hôi, thở hồn hển. Một tên cảnh sát đưa cho hấn khăn tay, hấn chùi lên mặt và cổ. Hấn tiến sát hơn, cho đến khi mặt hấn chỉ cách mặt tôi vài xăng ti mét, rồi cứ chăm chăm nhìn.

“Mày không đáng để đánh, nhóc con. Đây là chuyện của thằng bạn mày. Hấn luôn đi sai đường. Lần sau, tao sẽ dẫn cho hấn một trận nặng nề nhất trong

đời, và lần đó tao chắc chắn là lỗi của mày.”

Tôi nghĩ hẳn sắp sửa đánh tôi, rằng bây giờ đến phiên tôi. Vì lý do nào đấy mà tôi thấy vui. Tôi muốn tin rằng những cú đánh của hắn sẽ cứu tôi khỏi nỗi xấu hổ vì không giơ lên dù chỉ một ngón tay để giúp Fermín, khi điều duy nhất anh ấy cố gắng làm, như mọi lần, là bảo vệ tôi.

Nhưng chẳng có cú đấm nào hết. Fumero chỉ vỗ nhẹ vào má tôi.

“Được rồi nhóc. Tao không muốn bắt tay với kẻ hèn nhất.”

Hai tên cảnh sát tặc lưỡi, thoải mái hơn vì bọn chúng biết màn diễn đã kết

thúc. Rõ ràng là chúng muốn rời khỏi hiện trường. Chúng bỏ đi, vào bóng tối, cười cợt.

Lúc tôi đến giúp, Fermín đang vô vọng cố ngồi dậy tìm chiếc răng bị rơi trong vũng nước bẩn. Miệng, mũi, tai và mi mắt anh ràn rụa máu. Thấy tôi không việc gì, anh cố mỉm cười và tôi nghĩ anh sẽ chết ngay tại chỗ. Tôi quỳ xuống bên cạnh đỡ anh đứng dậy. Suy nghĩ đầu tiên trong đầu tôi là anh còn nhẹ hơn cả Bea.

“Fermín, vì Chúa, phải đưa anh đến bệnh viện ngay.”

Anh lắc đầu nguầy nguậy. “Đưa tôi đến chỗ cô ấy.”

“Đến ai, Fermín?”

“Đến Bernarda. Nếu tôi sắp chết, tôi muốn ra đi trong vòng tay cô ấy.”

Chương 32

TÔI HÔM ẤY, TÔI QUAY LẠI QUẢNG TRƯỜNG REAL, ĐẾN CĂN HỘ mà nhiều năm trước tôi đã nguyện sẽ không bao giờ đặt chân vào nữa. Hai người khách ở cửa quán Xampanet chứng kiến vụ hành hung đã đề nghị giúp tôi đưa Fermín lên xe taxi trên phố Princesa, trong khi bồi bàn gọi đến số máy mà tôi đưa cho anh ta, để báo trước là chúng tôi đến. Chuyến taxi tưởng chừng như dài vô tận. Fermín bất tỉnh trước khi chúng tôi xuống xe. Tôi ôm anh trong tay, ghì chặt vào ngực để giữ ấm cho anh. Tôi có thể cảm thấy dòng máu

nóng của anh thấm ướt áo tôi. Tôi thì
thầm vào tai anh rằng chúng tôi sắp đến
nơi và anh sẽ ổn thôi. Giọng tôi run rẩy.
Tay tôi xé lén lút nhìn tôi trong gương.

“Này, tôi không muốn rắc rối, cậu
nghe không? Nếu anh ta chết, cậu ra khỏi
xe ngay.”

“Chạy nhanh lên và im mồm đi.”

Khi chúng tôi đến phố Fernando,
Gustavo Barceló và Bernarda đang đợi
chúng tôi ở cổng chính tòa nhà, cùng với
bác sĩ Soldevila. Nhìn chúng tôi người
đầy máu và bùn, Bernarda bắt đầu gào
lên kinh hoàng. Bác sĩ nhanh chóng bắt
mạch cho Fermín và trấn an chúng tôi
rằng bệnh nhân vẫn sống. Bốn người

chúng tôi xoay xở đưa Fermín lên cầu thang vào phòng Bernarda, ở đó một y tá, đến cùng bác sĩ, đã chuẩn bị sẵn mọi thứ. Khi bệnh nhân được đặt lên giường, cô y tá bắt đầu cởi đồ cho anh. Bác sĩ Soldevila nhất quyết bắt tất cả chúng tôi rời phòng để ông làm việc của mình. Ông đóng cửa và nói ngắn gọn “Anh ấy sẽ sống.”

Trong hành lang, Bernarda nức nở không sao nguôi được. Chị rên rỉ rằng khi chị tìm được một người đàn ông tốt, lần đầu tiên trong đời chị, thì Chúa lại đến bắt anh ấy đi chẳng màng xót thương. Don Gustavo Barceló đỡ vai chị dìu vào bếp, ở đây ông chúc rượu cho đến khi bà chị tội nghiệp không thể đứng lên

được nữa. Khi chị hầu bắt đầu nói năng lẫn lộn, ông buồn sách mới tự rót cho mình một ly và tợp một hơi hết sạch.

“Cháu xin lỗi. Cháu không biết phải đi đâu...” tôi dợm nói.

“Không sao. Cháu đã làm đúng. Soldevila là nhà giải phẫu chính hình giỏi nhất Barcelona.” Ông nói không hướng vào ai cụ thể.

“Cám ơn bác,” tôi lí nhí.

Barceló thờ dài và rót cho tôi khá rượu vào một ly không chân. Tôi từ chối, thế là nó được chuyển cho Bernarda, qua môi chị nó biến mất tựa hồ như có một phép thuật.

“Cháu vui lòng đi tắm và mặc đồ sạch được không,” Barceló nói. “Nếu cháu quay về trong bộ dạng thế này, hẳn cha cháu sẽ đột quy mà chết mất.”

“Không sao... Cháu không sao,” tôi nói.

“Vậy thì đừng run rẩy nữa. Thôi nào, cháu có thể dùng phòng tắm nhà bác, có nước nóng đấy. Cháu biết đường rồi. Trong lúc ấy, bác sẽ gọi cho cha cháu và bảo... à, bác không biết phải nói gì với ông ấy. Bác sẽ nghĩ ra gì đó.”

Tôi gật đầu.

“Đây vẫn là nhà cháu, Daniel ạ,” Barceló nói khi tôi bước xuống hành

lang. “Mọi người rất nhớ cháu.”

Tôi tìm được phòng tắm của Barceló, nhưng không thấy công tắc đèn đâu. Tôi cởi bộ đồ nhớp nhúa dính máu và nhảy xô vào buồng tắm trắng lệt. Một làn sương long lanh luồn qua ô cửa sổ hướng về phía sân trong của tòa nhà, với đủ ánh sáng để làm rõ hình dạng căn phòng cùng những họa tiết của lớp đá men trên sàn và tường. Nước chảy ra nóng hôi và mạnh hơn nhiều so với buồng tắm nhà tôi trên phố Santa Ana; cảm tưởng cứ như đang ở trong một khách sạn xa hoa, mà kỳ thực tôi đã bao giờ đặt chân vào chốn nào như vậy đâu. Tôi đứng bất động dưới dòng tia nước chừng vài phút.

Tiếng vọng của những cú đánh như mưa trút xuống Fermín vẫn văng vẳng bên tai. Tôi không thể xua ra khỏi đầu mình những lời của Fumero, hay khuôn mặt gã cảnh sát đã giữ tôi lại. Một lúc sau, tôi nhận ra nước bắt đầu lạnh dần, và tôi nghĩ bình nước nóng sắp hết nước. Khi xả hết giọt nước ấm áp cuối cùng, tôi gạt tắt nước. Một làn hơi bốc lên cơ thể tôi tựa như những dải lụa. Qua rèm nhà tắm, tôi nhận thấy một bóng người đứng bất động nơi cánh cửa, đôi mắt cảm thạch của cô ánh lên như mắt mèo.

“Cậu có thể đi ra. Không có gì phải lo đâu, Daniel. Dù tôi có làm gì xấu xa thì tôi cũng đâu thể nhìn thấy cậu.”

“Chào Clara.”

Cô đưa khăn sạch cho tôi. Tôi với tay ra nhận lấy, quán quanh mình với vẻ rụt rè của một cô nữ sinh. Thậm chí dù đang trong bóng đêm đầy hơi nước, tôi vẫn nhận thấy Clara đang cười vì đoán biết được từng động thái của tôi.

“Tôi không nghe chị đi vào.”

“Vì tôi có gọi đâu. Sao cậu lại tắm trong bóng tối thế?”

“Sao chị biết đèn không bật?”

“Tiếng kêu rì rì của bóng đèn,” cô nói. “Cậu chưa bao giờ quay lại để nói lời từ biệt.”

Có, tôi đã quay lại, tôi nghĩ, nhưng chị còn bận bịu quá. Lời nói chết đứng trên miệng tôi; sự thù oán của chúng dường như xa vời, lố bịch.

“Tôi biết, xin lỗi chị.”

Tôi bước ra khỏi bồn tắm và đứng trên thảm. Làn hơi ánh những đốm bạc, và ánh sáng mờ từ cửa sổ hắt xuống thành tấm mạng trắng trên khuôn mặt của Clara. Cô không hề thay đổi. Bốn năm xa cách vẫn không giúp gì tôi.

“Giọng cậu thay đổi rồi,” cô nói.
“Cậu cũng thay đổi rồi chứ, Daniel?”

“Tôi vẫn ngốc nghếch như lúc trước, nếu đó là điều chị đang băn

khoăn.”

Và là một kẻ hèn nhát nữa, tôi nghĩ. Cô vẫn giữ nguyên cái nụ cười làm đau nhói ấy, thậm chí là trong bóng tối. Cô vớ tay ra, và cũng như buổi chiều nọ trong thư viện Ateneo tám năm trước, tôi hiểu ngay. Tôi dẫn bàn tay cô lên khuôn mặt còn ướt của mình và cảm nhận những ngón tay cô đang khám phá lại khuôn mặt tôi, đôi môi cô đang nói những lời câm lặng.

“Tôi không bao giờ muốn làm tổn thương cậu, Daniel ạ. Tha lỗi cho tôi nhé.”

Tôi nắm tay cô mà hôn trong bóng tối. “Không: chị phải tha lỗi cho tôi mới

đúng.”

Khả năng cho một màn kịch suốt suốt nào đó, nếu có thì cũng vụn tan khi Bernarda thò đầu qua cửa. Mặc dù khá say, chị vẫn nhận ra tôi đang trần truồng, người ướt sũng, và đang hôn tay Clara khi đèn không bật.

“Vì tình yêu của Chúa, cậu không xấu hổ sao, cậu Daniel? Lạy Giê-su, lạy đức Mẹ Mary, lạy Thánh Giu-se. Một số người không bao giờ học được...”

Bernarda xấu hổ bỏ chạy, và tôi hy vọng rằng khi ảnh hưởng của rượu không còn, thì những gì chị nhìn thấy sẽ phai tàn khỏi tâm trí chị như một giấc mơ. Clara lùi lại vài bước rồi đưa cho tôi bộ quần

áo mà cô đang kẹp dưới nách trái.

“Bác tôi bảo đưa bộ đồ này cho cậu. Đây là đồ bác ấy mặc lúc còn trẻ. Bác ấy bảo cậu lớn lắm rồi nên sẽ mặc vừa. Tôi đi đây, để cậu còn mặc đồ. Lẽ ra tôi không nên vào mà không gõ cửa.”

Tôi nhận lấy bộ đồ cô vừa đưa, rồi bắt đầu mặc quần lót, mùi sạch sẽ và ấm áp, rồi chiếc sơ mi vải bông màu hồng, đôi tất, áo gi lê, quần, áo khoác. Trong gương, tôi nhìn thấy một tay chuyên đi từng nhà chào hàng mà nụ cười đã mãi mãi không còn nữa. Khi tôi quay lại nhà bếp, bác sĩ Soldevila đã ra khỏi phòng ngủ và báo cho chúng tôi tình trạng của Fermín.

“Lúc này điều tồi tệ nhất đã qua rồi,” ông thông báo. “Không có gì phải lo lắng cả. Những chuyện này thường có vẻ nghiêm trọng hơn thực tế. Anh bạn kia bị gãy cánh tay trái và hai xương sườn, mất ba chiếc răng, có rất nhiều vết thâm, bầm giập và trầy xước. Nhưng rất may là không bị chảy máu trong và không có triệu chứng tổn thương não. Tờ báo mà bệnh nhân gấp bỏ trong áo để giữ ấm và để cho người mình nom đây đà hơn, như lời anh ấy nói, đã có tác dụng như áo giáp cản lại những cú đánh. Vừa mới đây, anh ấy tỉnh lại và đề nghị tôi bảo các bạn rằng anh ấy đang cảm thấy như trở về tuổi hai mươi, rằng anh ấy muốn ăn bánh kẹp dôi có tỏi tươi, một thanh sô

cô la, và một ít kẹo Sugus vị chanh. Tôi nghĩ ăn như vậy cũng không sao, nhưng sẽ tốt hơn nên dùng một chút nước trái cây, sữa chua và có lẽ một ít cơm. Hơn nữa, để chúng tỏ sức khỏe và sự tỉnh táo, anh ấy đã bảo tôi chuyển lời đến các bạn là, khi y tá Amparito khâu vài mũi nơi chân anh ấy, anh ấy đã cương cứng như một tảng băng trôi.”

“Đó là vì anh ấy là một người rất nam tính,” Bernarda lí nhí biện hộ.

“Bao giờ chúng tôi mới được vào thăm anh ấy?” tôi hỏi.

“Giờ thì chưa. Có lẽ đến sáng. Hãy để anh ấy nghỉ ngơi một chút. Chậm nhất là ngày mai tôi muốn anh ấy được

đưa tới viện Hospital del Mar để chụp não, cho yên tâm thôi. Nhưng tôi nghĩ chúng ta vẫn có thể an tâm rằng vài ngày tới ngài Romero de Torres sẽ khỏe như không hề có chuyện gì. Xét qua các vết và sẹo trên người, anh ấy đã từng trải qua những lúc thập tử nhất sinh hơn thế nhiều. Anh ấy là một kẻ khó bề diệt được. Nếu các bạn cần một bản chứng nhận để báo cảnh sát...”

“Không cần đâu,” tôi xen vào.

“Này chàng trai, tôi cảnh báo cậu là chuyện này lẽ ra đã có thể rất trầm trọng. Cậu phải báo cảnh sát ngay.”

Barceló đang nhìn tôi chăm chú. Tôi nhìn lại, và ông ấy gật đầu.

“Còn nhiều thì giờ để làm vậy, bác sĩ đừng lo,” Barceló nói. “Điều quan trọng bây giờ là phải đảm bảo bệnh nhân vẫn ổn. Sáng mai, chính tôi sẽ đi trình báo việc này, làm trước tiên. Các nhà chức trách cũng có quyền được nghỉ ngơi đôi chút vào ban đêm chứ.”

Rõ ràng là ông bác sĩ không bằng lòng khi tôi đề nghị không báo cảnh sát, nhưng khi nhận ra Barceló sẽ làm việc đó, ông nhún vai rồi quay trở lại phòng ngủ để chăm sóc bệnh nhân. Ngay khi bác sĩ đi khuất, Barceló bảo tôi vào phòng làm việc của ông ấy. Bernarda ngồi trên ghế thờ dài, đờ đẫn vì rượu và sốc.

“Bernarda này, tìm việc gì làm đi chứ. Hãy pha ít cà phê. Thật ngon và mạnh.”

“Vâng thưa ngài. Tôi làm ngay đây.”

Tôi theo Barceló vào phòng, một khoang hầm bao phủ trong đám khói thuốc cuộn quanh những chồng sách vở giấy tờ. Tiếng đàn của Clara vẳng đến chỗ chúng tôi chẳng ra xoang điệu hay tiết tấu gì. Rõ ràng những bài giảng của tay Maestro Neri chẳng cải thiện được gì nhiều, ít nhất là về lĩnh vực nhạc. Ông bán sách chỉ ghé cho tôi ngồi, và tiếp tục nhồi thuốc vào tẩu.

“Bác đã gọi điện báo cha cháu là

Fermín gập chít tai nạn, và cháu đã đưa anh ta đến đây.”

“Cha cháu tin bác chứ?”

“E là không.”

“Không sao ạ.”

Ông buồn sách chằm thuốc và ngã lưng vào chiếc ghế bành sau bàn. Ở đầu kia căn hộ, Clara đang tra tấn Debussy^[1]. Barceló trợn mắt.

[1. Claude Debussy (1862-1918), nhà soạn nhạc người Pháp, một trong những nhà soạn nhạc tiêu biểu của trường phái ấn tượng.]

“Chuyện gì xảy ra với tay gia sư

vậy?” tôi hỏi.

“Hắn bị đuổi việc. Dường như đàn piano không đủ phím cho hắn bận rộn ngón tay.”

“Đúng vậy.”

“Cháu chắc là cháu cũng không bị đánh chứ? Trông cháu có vẻ không muốn nói chuyện. Lúc còn bé, cháu hay chuyện hơn.”

Cửa phòng mở ra, và Bernarda đi vào mang một khay gồm hai chiếc tách bóc hơi và một lọ đường. Chị vừa đi vừa tròng trành, và tôi sợ sẽ bị tấp dưới dòng cà phê nóng bỏng.

“Tôi vào được không? Ngài có

muốn pha một chút rượu vào không?”

“Tôi nghĩ chai Lepanto đáng được nghỉ ngơi đêm nay, Bernarda ạ. Còn cô nữa. Cô cũng đi ngủ đi. Daniel và tôi sẽ thức phòng có chuyện gì. Vì Fermín ở trong phòng cô nên cô có thể ngủ trong phòng tôi.”

“Ôi không thưa ngài, tôi không chịu vậy đâu.”

“Đó là lệnh. Không tranh cãi gì hết. Và tôi muốn cô đi ngủ trong năm phút nữa.”

“Nhưng, thưa ngài...”

“Bernarda, coi chừng không được nhận thưởng Giáng sinh đấy.”

“Thôi được, thưa ngài Barceló. Tôi sẽ ngủ trên thảm. Tôi sẽ không nghe gì thêm.”

Barceló đợi Bernarda lui ra một cách đầy kiêu cách. Ông lấy bảy viên đường cho vào tách rồi dùng thìa khuấy cà phê, nụ cười như mèo của ông ta ẩn sau làn khói thuốc Hà Lan.

“Như cháu thấy đây, bác phải nghiêm khắc quán xuyến cái nhà này.”

“Vâng, bác đúng là người nghiêm khắc, Don Gustavo.”

“Còn cháu là đứa ăn nói khéo léo. Nói đi Daniel, giờ không ai có thể nghe chúng ta cả. Tại sao lại không báo cảnh

sát?”

“Vì họ đã biết rồi.”

“Ý cháu là...?”

Tôi gật đầu.

“Hai người đang dính vào rắc rối gì thế, không phiền nếu bác hỏi chứ?”

Tôi thở dài.

“Bác có thể giúp gì không?”

Tôi ngược mắt lên. Barceló cười với tôi không hề ác ý, lần duy nhất ông gạt bỏ thái độ mỉa mai.

“Tất cả chuyện này, do sự tình cờ nào đó, có liên quan gì đến cuốn sách

của Carax mà cháu không bán cho bác trong khi đáng lẽ ra nên bán không?”

Câu hỏi khiến tôi hoàn toàn bất ngờ.

“Bác có thể giúp,” ông ấy đề nghị. “Bác có dư thừa điều mà hai người còn thiếu: tiền và sự khôn ngoan.”

“Hãy tin cháu, Don Gustavo, cháu đã để quá nhiều người dính líu vào chuyện này rồi.”

“Thêm một người nữa cũng chẳng làm nên khác biệt gì. Thôi nào, kể bác nghe đi. Cứ tưởng tượng bác là cha đạo đang nghe cháu xưng tội.”

“Nhiều năm rồi cháu không đi

xung tội.”

“Điều đó hiện rõ trên mặt cháu
kia.”

Chương 33

GUSTAVO BARCELÓ CÓ CÁCH LẮNG NGHE vừa mang vẻ trầm ngâm lại vừa uyên bác, giống như một bác sĩ hay giáo hoàng. Hai tay chắp vào nhau chống cằm, khuỷu tay tựa trên bàn, ông nhìn tôi cứ như đang cầu nguyện. Mắt ông mở lớn, thỉnh thoảng ông gật đầu, tựa hồ ông có thể tìm ra các triệu chứng trong mạch kể chuyện của tôi và đang thai nghén lời chẩn đoán. Mỗi khi tôi dừng nói, ông bán sách lại nhướn mày tỏ vẻ tò mò và tay phải ra hiệu bảo tôi cứ tiếp tục gỡ ra dần câu chuyện rồi mù của mình, một câu chuyện dường như gây cho

ông nhiều thích thú. Thỉnh thoảng ông lại ghi chép, hoặc nhìn lên không như muốn suy xét những ẩn ý trong điều tôi đang kể. Nhiều khi, ông lại liếm môi và mỉm cười mỉa mai, một cử chỉ mà tôi nghĩ là do sự ngây thơ của tôi hoặc sự ngờ nghệch trong nhận định của tôi.

“Này, nếu bác nghĩ chuyện này là vớ vẩn, cháu sẽ thôi đây.”

“Ngược lại. Bọn điên nói, bọn hèn nhát im mồm, duy kẻ khôn ngoan mới biết lắng nghe.”

“Ai nói vậy? Seneca^[1] chẳng?”

[1. Có lẽ ám chỉ Lucious Annaeus Seneca, triết gia khắc kỷ người La

Mã.]

“Không. Braulio Recolons, ông hàng thịt trên phố Avignon, rất có tài làm món xúc xích và nói những câu cách ngôn. Tiếp tục đi. Cháu đang kể về cô gái tươi trẻ...”

“Bea. Đây là chuyện riêng của cháu, không liên quan đến những chuyện khác.”

Barceló cố nén tiếng cười. Tôi định kể tiếp cuộc phiêu lưu của mình thì bác sĩ Soldevila thò cổ qua cửa phòng, vẻ mệt mỏi đến đút hơi.

“Xin lỗi. Tôi về đây. Bệnh nhân ổn rồi, và, không còn từ nào để diễn tả hay

hơn, anh ấy đúng là khỏe như con gấu. Ông bạn này sẽ sống lâu hơn tất cả chúng ta. Anh ấy còn bảo thuốc giảm đau đã xông lên não và khiến cho anh ấy lằng lằng. Anh ấy không chịu nghỉ ngơi và nhất quyết đòi gặp bằng được cậu Daniel để nói về những chuyện anh ấy không muốn giải thích với tôi, rằng anh ấy không tin vào mấy cái lời thề Hippocrates, hay đạo đức giả^[2] theo cách nói của anh ấy.”

[2. Lời thề Hippocrates là lời thề sinh viên ngành Y phải đọc trước khi ra trường hành nghề, đạo đức giả, tiếng Anh là hypocrite. Khi đọc lên, hai từ Hippocrates và hypocrite nghe gần giống nhau.]

“Chúng tôi sẽ đi xem anh ấy thế nào. Và xin hãy thứ lỗi cho Fermín. Rõ ràng anh ấy vẫn đang sốc.”

“Có lẽ vậy, nhưng tôi sẽ không bỏ qua sự trơ trẽn đâu. Không cách nào có thể ngăn anh ta sờ nắn mông cô y tá, lại còn ngâm mấy vần thơ ca ngợi cặp đùi săn chắc của cô ấy nữa.”

Chúng tôi tiễn bác sĩ và y tá của ông ra tận cửa và nhiệt thành cảm ơn sự tận tụy của họ. Vào đến phòng ngủ, chúng tôi phát hiện ra rằng Bernarda rất cuộc đã thách thức mệnh lệnh của Barceló và đang nằm trên giường cạnh Fermín. Nỗi hoảng sợ, rượu và sự mệt mỏi đã khiến chị ngủ thiếp đi. Bị bao bọc trong bông

băng, quần áo, dây đeo, Fermín ôm chị dịu dàng, vuốt tóc chị. Khuôn mặt anh có một vết thâm mà chỉ nhìn vào cũng thấy đau nhói, từ vết thâm đó nổi lên cái mũi to kênh, lạnh lặn, đôi tai giống như mái chèo, và đôi mắt của một con chuột mọt mõi. Nụ cười móm mém, qua đôi môi xây xước, đầy niềm hân hoan, anh chào chúng tôi với bàn tay phải giơ lên biểu tượng chiến thắng.

“Anh thấy thế nào, Fermín?” tôi hỏi.

“Trẻ hơn hai mươi tuổi,” anh nói thầm, để không đánh thức Bernarda.

“Đừng vờ vịt nữa, khỉ thật. Trông anh thảm hại lắm, Fermín. Anh làm tôi

sợ chết khiếp. Anh chắc là ôn chứ? Anh có thấy đầu quay cuồng không? Anh có nghe những tiếng nói gì không?”

“Cậu nhắc tôi mới nhớ, thỉnh thoảng tôi như nghe thấy tiếng gì vừa nghịch nhĩ vừa chả ra nhịp ra điệu gì, cứ như con khỉ đang nghịch đàn piano ấy.”

Barceló nhú mày. Clara vẫn tiếp tục leng keng đánh đàn piano từ xa xa.

“Đừng lo, Daniel. Tôi đã thoát được những vụ tra tấn tệ hơn thế này. Gã Fumero kia vẫn không bỏ được tật xấu.”

“Vậy kẻ đã đẽo cho anh khuôn mặt mới không ai khác ngoài Thanh tra Fumero,” Barceló nói. “Tôi thấy là hai

người dính vào tầng lớp cao nhất rồi.”

“Cháu vẫn chưa kể đến phần ấy,”
tôi nói.

Fermín nhìn tôi thận trọng.

“Không sao đâu, Fermín. Daniel đang kể cho tôi vở kịch nhỏ mà hai người tham gia. Tôi phải thừa nhận nó rất thú vị. Còn anh thì sao, Fermín, anh có gì thú nhận không? Tôi báo trước cho anh biết là tôi đã học ở trường dòng hai năm đấy.”

“Tôi cho ít nhất là ba năm, Don Gustavo.”

“Một số thứ mất dần đi theo thời gian. Chẳng hạn như nét xấu hổ. Đây là

lần đầu anh đến nhà tôi, thế mà anh lại nằm trên giường người hầu nhà tôi.”

“Nhìn cô ấy xem, cô bé tội nghiệp, thiên thần của tôi. Ông phải hiểu rằng ý định của tôi rất thành thực, Don Gustavo ạ.”

“Ý định của anh là chuyện của anh với Bernarda. Cô ấy khá già rồi. Và giờ, nói thẳng nhé. Anh định chơi trò đồ chữ kiêu nào đây?”

“Cậu đã kể cho ông ta những gì, Daniel?”

“Chúng tôi mới đến cảnh hai: người đàn bà quyền rũ bí ẩn xuất hiện,” Barceló giải thích.

“Nuria Monfort?” Fermín hỏi.

Barceló chép miệng hài lòng.
“Nhưng có nhiều hơn một phải không?
Chuyện này nghe giống như *Vụ bắt cóc ở hậu cung*^[3].”

[3. The Abduction from the Seraglio, một tác phẩm ở thể loại khúc nhạc hát nói của Mozart.]

“Làm ơn nói nhỏ thôi. Hôn thê của tôi đang ở đây.”

“Đừng lo, hôn thê của anh có nửa chai rượu trong huyết quản. Tiếng kèn trumpet cũng không đánh thức nổi cô ấy. Thôi nào, hãy bảo Daniel kể tôi nghe nốt phần còn lại. Ba cái đầu suy nghĩ tốt hơn

hai, đặc biệt khi cái đầu thứ ba lại là của tôi.”

Fermín cố gắng nhún vai dưới lớp băng và dây đeo. “Tôi không phản đối, Daniel. Tùy cậu đấy.”

Vì đã chịu đê Don Gustavo tham gia vào, tôi đành tiếp tục câu chuyện cho đến đoạn Fumero và người của hắn chặn chúng tôi ở phố Mocada vài giờ trước. Khi câu chuyện kết thúc, Barceló đứng lên đi đi lại lại trong phòng, vẻ suy tư. Fermín và tôi nhìn ông ta thận trọng. Bernarda ngáy như một chú bê non.

“Ôi thiên thần bé nhỏ,” Fermín thì thầm, âu yếm.

“Có vài điều khiến tôi chú ý,” ông bán sách cuối cùng cũng nói. “Rõ ràng Thanh tra Fumero dính líu rất sâu vào vụ này, mặc dù thế nào và tại sao thì tôi không biết. Mặt khác, người phụ nữ này...”

“Nuria Monfort.”

“Rồi thì việc Julián Carax trở về Barcelona và bị chết trên phố, sau một tháng ròng không ai biết gì về anh ta. Rõ ràng người phụ nữ này nói dối rất trắng trợn.”

“Tôi đã bảo vậy ngay từ đầu mà,” Fermín nói, liếc nhìn tôi. “Vấn đề là, có người trong chúng ta có thừa nhiệt tình tuổi trẻ nhưng lại thiếu cái nhìn chiến

lược trong chuyện này.”

“Xem ai đang nói kia: Thánh Gioan Thánh giá^[4].”

[4. Thánh Gioan Thánh giá (1542-1591): một nhân vật lớn trong cuộc Cải cách Công giáo, một nhà thần bí người Tây Ban Nha, tu sĩ dòng Cát Minh.]

“Đủ rồi đây. Hãy bình tĩnh và bám vào sự kiện. Có một điều trong câu chuyện của Daniel khiến tôi thấy lạ, thậm chí kỳ lạ hơn phần còn lại của câu chuyện. Nó chẳng liên quan gì đến vòng xoáy u ám của toàn bộ câu chuyện dài kỳ này, mà là liên quan đến một chi tiết căn bản và rõ ràng là tầm thường,” Barceló

nói.

“Hãy làm chúng tôi sống sờ đi, Don Gustavo.”

“À, là chuyện này: là việc cha của Carax không chịu nhận xác Carax, nói rằng ông ta không có con trai. Tôi thấy điều này kỳ lạ. Gần như phi tự nhiên. Không người cha nào trên đời này lại làm vậy. Đừng để ý đến chuyện giữa họ có điều xung khắc. Cái chết làm được điều này: nó khiến mọi người cảm thấy ủy mị. Khi chúng ta đứng trước một quan tài, tất cả chúng ta chỉ nhìn thấy những điều tốt đẹp hay những điều mà chúng ta muốn nhìn thấy.”

“Thật là câu nói vĩ đại, Don

Gustavo,” Fermín nói. “Ông có phiền nếu tôi đưa vào sổ tay của tôi không?”

“Nhưng mà luôn có những ngoại lệ chứ,” tôi phản bác. “Từ những gì chúng ta được biết, ông Fortuny khá khác thường.”

“Tất cả những gì chúng ta biết về ông ta chỉ là tin đồn qua người thứ ba,” Barceló nói. “Khi người ta quyết tâm muốn chứng minh ai đó là một con quái vật, thì có hai khả năng: hoặc ông ta là thánh hoặc chính người kể chưa kể hết toàn bộ câu chuyện.”

“Vấn đề là, ông đã đánh bóng lão bán mũ chỉ vì lão ta đàn độn,” Fermín nói.

“Với mọi sự kính trọng nghề của họ, khi mô tả về một tên xỏ lá lại hoàn toàn chỉ dựa trên lời khai của ông bảo vệ, bản năng mách bảo tôi là không nên tin.”

“Nhưng thế có nghĩa chúng ta không thể chắc bất cứ điều gì. Mọi điều chúng ta biết đều là qua người thứ ba, thứ tư, như bác nói. Ông bảo vệ hay những ai khác.”

“Đừng bao giờ tin người tin tất cả mọi người,” Barceló nói thêm.

“Thật là buổi tối xuất chúng, Don Gustavo ơi,” Fermín tán thưởng. “Những lời vàng ngọc cứ gọi là xối xả tuôn ra.

Liệu tôi có thể có được sự thông tuệ long lanh ấy...”

“Điều long lanh duy nhất trong chuyện này là hai người cần sự giúp đỡ của tôi – về mặt hậu cần và có lẽ cả tiền bạc nữa – nếu anh hy vọng vở kịch Giáng sinh này kết thúc trước khi Thanh tra Fumero dành cho anh một phòng ở Nhà tù San Sebas. Fermín, tôi nghĩ là anh đồng ý với tôi?”

“Tôi theo lệnh của Daniel. Tôi thậm chí còn sẽ đóng vai Chúa hài đồng nếu cậu ấy lệnh như vậy.”

“Daniel, cậu nói sao đây?”

“Hai người đã nói hết phần cháu

rồi còn gì. Bác đề xuất gì đây, Don Gustavo?”

“Kế hoạch của tôi như thế này: ngay khi Fermín phục hồi, cháu, Daniel, cháu đến thăm Nuria Monfort và đặt bài ngửa lên bàn. Để cô ta hiểu là cháu biết cô ta nói dối, và cô ta đang che giấu gì đó, nhiều hay ít thì còn phải xem.”

“Để làm gì?”

“Xem cô ta phản ứng thế nào. Cô ta sẽ không nói gì với cháu, tất nhiên. Hoặc cô ta sẽ nói dối tiếp. Điều quan trọng là phải *đâm kiếm* vào cô ta – xin thứ lỗi cho sự ví von với hình ảnh đầu bò – để xem con bò, hay nói đúng hơn là con bê cái dẫn chúng ta đến đâu. Và đó

là nơi anh sẽ đến, Fermín. Trong khi Daniel chìa cổ ra thì anh nên tùy chọn nơi phù hợp để theo dõi kẻ nghi vấn và đợi cô ta cắn câu. Một khi cô ta cắn câu rồi thì đi theo cô ta.”

“Bác đang có chắc là cô ta sẽ đi đâu đó không,” tôi phản đối.

“Cậu thật thiếu lòng tin đấy! Cô ta sẽ làm như vậy. Không sớm thì muộn. Và điều gì đó mách bảo tôi rằng, trong chuyện này điều đó sẽ sớm xảy ra. Đây là căn bản về tâm lý phụ nữ.”

“Và trong lúc đó, bác định sẽ làm gì, Bác sĩ Freud?” tôi hỏi.

“Đó là việc của bác, khi nào đến

lúc cháu sẽ được biết. Và cháu sẽ phải cảm ơn bác vì điều đó.”

Tôi tìm kiếm sự đảm bảo trong mắt Fermín, nhưng anh chàng tội nghiệp đang từ từ thiếp đi, tay vẫn ôm Bernarda trong khi Barceló đang vẽ ra kế hoạch đầy chắc thắng của mình. Đầu Fermín nghiêng sang một bên, và một dòng nước dãi từ bên mép nụ cười hạnh phúc rỏ ra trên ngực anh.

“Bác rất hy vọng kế hoạch này sẽ thành công,” Barceló lầm bầm.

“Fermín quả là một anh chàng tuyệt vời,” tôi nói.

“Hắn là như vậy, bởi bác không

nghĩ anh ta chinh phục được cô ấy nhờ ngoại hình. Thôi nào, chúng ta đi.”

Chúng tôi tắt đèn và lặng lẽ rời phòng, đóng cửa lại, để đôi tình nhân ngủ trong tay nhau. Tôi nghĩ tôi có thể nhìn thấy ánh sáng ban ngày đầu tiên qua ô cửa sổ cuối hành lang.

“Giả sử cháu từ chối,” tôi nói lí nhí. “Giả sử cháu bảo bác quên chuyện này đi...”

Barceló cười. “Quá muộn rồi, Daniel. Lẽ ra cháu nên bán cho ta cuốn sách ấy nhiều năm về trước, khi cháu còn có cơ hội.”

Trời hửng sáng khi tôi về đến nhà,

lê thân mình trong bộ đồ lố bịch vay mượn ấy qua những con phố ẩm ướt đang hùng lên sắc đỏ. Tôi thấy cha tôi ngủ trên ghế trong phòng khách, chân đạp dưới chân và cuốn sách trong tay đang mở - cuốn *Chàng thơ ngây* của Voltaire, cuốn sách mà mỗi năm ông đọc đi đọc lại nhiều lần, đây là những lúc duy nhất tôi nghe ông cười sảng khoái. Tôi ngắm nhìn cha: tóc ông đã ngả màu, thưa đi, và da ông bắt đầu xệ xuống quanh gò má. Tôi nhìn con người mà mình từng nghĩ gần như là ngoan cường nhất; giờ trông cha thật mong manh, bị đánh bại mà không hề biết. Có lẽ cả hai chúng tôi đều bị đánh bại. Tôi cúi xuống đáp lên người cha tấm chăn mà nhiều năm nay ông đã hứa sẽ

cho hội từ thiện, tôi hôn trán cha, như thể làm vậy sẽ bảo vệ được ông khỏi mối đe dọa vô hình khiến cha rời xa tôi, rời xa căn nhà nhỏ, xa những ký ức của tôi, như thể tôi tin rằng với nụ hôn ấy tôi có thể đánh lừa thời gian và khiến nó bỏ qua chúng tôi, để quay lại vào một ngày khác, ở một cuộc đời khác.

Chương 34

SUỐT BUỔI SÁNG TÔI CỨ MƠ MƠ MÀNG MÀNG Ở PHÒNG SAU, hồi tưởng những hình ảnh về Bea. Tôi tưởng tượng làn da trần của nàng dưới tay tôi, và dường như tôi có thể nhắm nháp hơi thở ngọt ngào của nàng. Tôi thấy mình nhớ chính xác từng chi tiết như một tấm bản đồ mỗi đường nét trên cơ thể nàng, nước dãi tôi óng lên trên đôi môi và trên cả mái tóc vàng của nàng, vàng đến mức gần như trong suốt, dài tận hông nàng, và anh bạn Fermín của tôi, trong bài thuyết giảng ngẫu hứng về nhục dục của mình, đã gọi nó là “lối nhỏ vào

Jerez^[1].”

[1. Tên một thành phố miền Tây Nam Tây Ban Nha.]

Tôi nhìn đồng hồ không biết đến lần thứ bao nhiêu và hốt hoảng nhận ra rằng chỉ còn vài tiếng nữa là đến giờ tôi được gặp Bea, được chạm vào nàng. Tôi cố sắp xếp các hóa đơn của tháng, nhưng tiếng sột soạt của những tờ giấy lại khiến tôi nhớ đến tiếng quần lót đang trượt xuống khỏi cặp mông và đùi trắng muốt của Doña Beatriz Aguilar, em gái người bạn thời thơ ấu của tôi.

“Daniel, đầu óc con đang ở trên mây đấy. Con có việc gì lo lắng phải không? Có phải chuyện Fermín không?”

cha tôi hỏi.

Tôi gật đầu, lấy làm xấu hổ. Người bạn thân nhất của tôi đã mất vài mẫu xương sườn để bảo vệ tôi mấy giờ trước đó, thế mà tôi chỉ nghĩ được về mỗi cái khuy áo lót.

“Mà nói về mấy người xấu...”

Tôi ngược mắt, thì thấy anh ta kia. Fermín Romero de Torres, chỉ có thể là anh ta, đang diện bộ cánh đẹp nhất, và với bộ dạng rách rưới như một điều thuốc lá rẻ tiền. Anh ta đang đi qua cửa với một nụ cười đắc thắng và một bông cẩm chương trên ve áo.

“Anh làm quái gì ở đây thế?”

Không phải anh đang nghỉ sao?”

“Nghỉ ngơi có thể tự lo cho nó. Tôi là con người hành động. Nếu không có tôi ở đây, hai người chẳng bán được gì dù chỉ một cuốn sách giáo lý.”

Lờ đi lời dặn của bác sĩ, Fermín quyết tâm đến làm việc. Khuôn mặt anh ta vàng nhợt và đầy những vết thâm; anh đi khập khiễng và cử động như một con rối đứt dây.

“Vì Chúa, anh phải đi nghỉ ngay, Fermín,” cha tôi khiếp hãi nói.

“Tôi không chịu đâu. Các số liệu đã chứng minh rằng: người ta chết trên giường nhiều hơn trong công rãnh.”

Mọi lời phản đối của chúng tôi chẳng ích gì. Sau một hồi, cha tôi đầu hàng, vì có gì đó trong mắt Fermín như nói rằng dù xương cốt anh ta đau đớn dữ dội, song cái viễn cảnh nằm một mình nơi nhà trọ còn đau đớn hơn bội phần.

“Được rồi, nhưng nếu tôi thấy anh nhắc bất cứ cái gì ngoài cây bút chì, tôi sẽ mắng cho một trận đấy.”

“Vâng, thưa ngài! Tôi thề danh dự với ngài, tôi sẽ không nhắc dù chỉ một ngón tay.”

Fermín đi mặc áo khoác rồi lấy một tấm dẻ và một lọ cồn. Anh ta ngồi nơi bàn, định lau bìa và gáy mười lăm

cuốn sách cũ mới đến sáng nay. Chúng đều là những cuốn sách rất-được-săn-tìm: *Mỹ tam giác: Lịch sử Lực lượng Cảnh sát Dân sự bằng thơ Alexandrine*, của tác giả tuổi trẻ tài cao Fulgencio Capón, được các nhà phê bình ca tụng là thần đồng đất nước. Trong khi đang mê mải công việc, Fermín vẫn nhìn tôi lên lút, nháy mắt như một con quỉ đang bày mưu tính kế.

“Tai cậu đỏ như ớt ấy, Daniel.”

“Hẳn là do phải nghe anh nói linh tinh nhiều quá.”

“Hay là vì cơn sốt choán lấy cậu. Cậu định gặp cô bé lúc mấy giờ?”

“Không phải việc của anh.”

“Trông cậu thực sự tẻ lắm đấy. Cậu có kiêng ăn đồ nhiều gia vị không đấy? Các loại gia vị nóng là nhiều chất béo lắm; chúng làm giãn mạch máu.”

“Thôi đi.”

Thật là một ngày dài lê thê khổ sở.

KHI XE BUÝT BỎ TÔI LẠI Ở CUỐI ĐẠİ LỘ TIBIDABO thì chiều đã sắp tàn. Tôi có thể nhìn ra hình dạng chiếc xe điện màu xanh dương đang dần khuất qua làn sương tím. Tôi quyết định không chờ nó quay lại, mà đi bộ trong ánh sáng nhạt nhòa. Không lâu sau, tôi đã nhìn thấy Thiên thần Mù sương. Tôi

lôi ra chiếc chìa khóa Bea đã đưa và mở cánh cửa nhỏ trong cổng. Tôi bước vào trong, để cho cửa gập như đóng lại, để trông có vẻ như đóng rồi nhưng Bea vẫn có thể mở ra được. Tôi cố ý đến sớm. Tôi biết ít nhất chừng nửa tiếng hoặc bốn lăm phút nữa Bea mới đến. Tôi muốn một mình lang thang trong căn nhà và khám phá nó trước khi Bea đến và biến nó thành của riêng nàng. Tôi dừng lại một lúc để nhìn đài phun nước và bàn tay màu đỏ úa của thiên thần nhô lên khỏi mặt nước. Ngón tay buộc tội trông sắc như lưỡi lê. Tôi bước đến thành bể. Khuôn mặt điêu khắc, không mắt. Không hồn, rung rinh dưới mặt nước.

Tôi bước lên bậc thềm rộng dẫn

đến cửa. Cửa chính hé mở. Một mối lo lắng ập đến, vì tôi nghĩ mình đã đóng cửa khi ra về đêm hôm trước. Tôi kiểm tra ổ khóa, có vẻ như không bị phá, và đi đến kết luận tôi hẳn đã quên đóng cửa. Tôi đẩy nhẹ vào trong, và cảm thấy làn hơi thở trong ngôi nhà phả vào mặt mình, một luồng hơi ẩm ướt, có mùi của gỗ cháy, và của hoa khô. Tôi lôi ra một hộp diêm đã lấy trước khi rời hiệu sách và quỳ xuống thắp ngọn đầu tiên trong số các ngọn nến Bea bỏ lại. Một ngọn lửa màu đồng sáng lên trong tay tôi làm hé lộ ra hình dạng nhảy múa của những bức tường đang rỉ nước vì hơi ẩm, những trần nhà đang sụp dần và những cánh cửa vẹo xiêu.

Tôi tiếp tục thắp ngọn nến thứ hai. Từ từ, gần như một lễ nghi, tôi theo dấu vết của những ngọn nến và thắp sáng từng cây một, tạo nên một quầng sáng màu hồ phách tựa hồ lơ lửng trong không trung như một mạng nhện bị mắc kẹt giữa màn đêm không thể xuyên thấu. Hành trình của tôi kết thúc bên lò sưởi phòng khách, cạnh tấm chăn vẫn trải trên sàn, dính đầy bụi. Tôi ngồi đó, quay mặt về phần còn lại của căn phòng. Tôi đã trông đợi sự tĩnh lặng, nhưng căn nhà tỏa ra hàng ngàn tiếng động. Tiếng gõ lách tách, tiếng gió rít lên mái nhà, một ngàn lẻ một tiếng tí tách bên trong những bức tường, dưới sàn, từ nơi này sang nơi khác.

Sau chừng ba mươi phút, tôi nhận

ra cái lạnh và bóng đêm bắt đầu làm tôi cảm thấy buồn ngủ. Tôi đứng lên và bắt đầu đi lại trong phòng cho ấm. Chỉ có một đồng than trong lò sưởi. Lúc Bea đến, nhiệt độ trong dinh thự cổ hủ sẽ xuống tới mức đủ làm nguội lạnh những ý nghĩ sốt sắng đã chất chứa nhiều ngày trong tôi và khiến đầu trong tôi không gì khác ngoài những suy nghĩ thuần khiết trong veo. Sau khi tìm được một mục đích thiết thực hơn là ngắm nghía những điều tàn của thời gian, tôi lấy một ngọn nến và bắt đầu khám phá ngôi nhà mong tìm thứ gì để đốt.

Hiểu biết của tôi về những tác phẩm thời Victoria đã gợi ý rằng chỗ hợp lý nhất để tìm kiếm là tầng hầm, đó

hẳn phải là nơi đặt bếp và có một kho than lớn. Với ý nghĩ đó, tôi mất năm phút cố tìm một cánh cửa hoặc cầu thang dẫn xuống tầng thấp hơn. Tôi chọn một cánh cửa gỗ lớn có chạm khắc ở phía cuối hành lang. Trông nó như một tủ gỗ được chạm khắc tinh tế, với họa tiết chạm nổi gồm những thiên thần và một dấu thập lớn ở giữa. Tay nắm đặt ngay giữa cửa, dưới dấu thập. Tôi cố vặn nhưng không được. Bộ khóa có lẽ bị kẹt hoặc hỏng do gỉ sét. Cách duy nhất làm cho cửa mở là dùng thanh sắt bẩy ra hoặc lấy rìu đốn xuống, song tôi nhanh chóng loại bỏ những cách này. Tôi xem xét tấm gỗ lớn dưới ánh nến và thấy nó có vẻ giống một cỗ quan tài hơn là cánh cửa. Tôi tự hỏi

có điều gì bí ẩn giấu bên trong.

Xem xét kỹ hơn những hình chạm khắc thiên thần khiến tôi nhụt chí không dám nhìn thêm nữa mà rời khỏi chỗ đó. Lúc đã sắp sửa từ bỏ việc tìm lối đi xuống tầng hầm, tình cờ tôi đụng phải một ô cửa nhỏ phía đầu kia hành lang, mà lúc đầu tôi cho là cửa vào phòng đựng chổi, giẻ, các thứ làm vệ sinh nhà. Tôi thử quả đấm cửa, nó xoay ngay lập tức. Phía bên kia, một cầu thang đồ dốc xuống một vùng tối đen. Một mùi đất ẩm rất mạnh phả vào tôi. Thật lạ đấy có vẻ là mùi quen thuộc, và khi tôi đứng đó, mắt hướng về cái giếng đen thẳm trước mặt, thì một ký ức tôi đã có từ thuở bé, chôn chặt dưới nhiều năm sợ hãi, lại ùa

về.

Một chiều mưa bên mạn đông đôi Montjuïc, nhìn về phía biển qua một rừng những lăng tâm lạ lùng, một khu rừng những cây thánh giá và bia mộ khắc hình sọ người và những khuôn mặt trẻ con không môi không miệng, một nơi sực mùi chết chóc; và bóng dáng chừng hai mươi người vận đồ đen ướt sũng trong mưa, và cha tôi nắm chặt tay tôi, quá chặt, như thể làm vậy ông có thể ngừng khóc, trong khi những lời của vị cha đạo rơi vào ngôi mộ đá mà ba phu đào mộ đang đẩy chiếc quan tài màu xám vào. Cơn mưa tâm tã trút

xuống giống như sáp nến nóng chảy trên cổ quan tài, và tôi nghĩ đã nghe tiếng mẹ từ trong quan tài gọi tôi, cầu xin tôi giải thoát bà khỏi ngục tù bằng đá và bóng tối ấy, nhưng tôi chỉ biết run rẩy và bảo cha với giọng thì thầm không thành tiếng rằng đừng nắm chặt tay tôi quá, ông đang làm tôi đau, và cái mùi đất mới ấy, thứ đất tro và mưa ấy, đang nuốt đi tất cả, một mùi chết chóc và trống rỗng.

Tôi mở mắt và mò mẫm bước xuống cầu thang, vì ánh sáng ngọn nến chỉ tỏa ra được vài ba xăng ti mét trong bóng đen. Khi đến chân cầu thang, tôi

giơ cao ngọn nến nhìn quanh. Tôi không thấy nhà bếp đâu, không thấy kho chứa đầy củi khô đâu. Một lối đi hẹp mở ra trước tôi, kéo dài đến tận căn phòng hình bán nguyệt. Trong phòng có một hình người, khuôn mặt có hai làn lệ máu chảy ra từ hai hố mắt sâu hút, tay dang ra như đôi cánh và một con rắn gai từ hai bên thái dương thò ra. Tôi cảm thấy một luồng hơi lạnh toát đâm vào gáy. Một lát sau, tôi lấy lại bình tĩnh và thấy mình đang nhìn vào hình Chúa khắc bằng gỗ đóng trên tường. Tôi bước tới thêm vài mét và trông thấy một cảnh tượng ma quái. Một chục tượng bán thân phụ nữ chất thành đống trong góc căn phòng cũ. Chúng đều mất đầu mất tay, và được

dựng lên nhờ những chiếc nạng ba chân. Mỗi tượng có hình thù khác nhau, là bản sao phụ nữ ở các độ tuổi và dạng thể chất khác nhau. Trên bụng họ có những chữ viết bằng than: “Isabel, Eugenia, Penélope.” Lần này, hiểu biết từ việc đọc các tác phẩm thời Victoria cũng có ích, và tôi nhận ra điều mình đang trông thấy không gì khác hơn một tập quán lâu đời nay không còn nữa, cái thời mà các gia đình khá giả có những hình nộm bằng kích thước thật của từng thành viên trong gia đình, dùng để may đo quần áo. Bất chấp cái nhìn đe dọa và cay nghiệt của Chúa, tôi không cưỡng nổi cảm dỗ vươn tay ra chạm vào hình người có đề tên Penélope Aldaya.

Đúng lúc ấy, tôi nghe như có tiếng bước chân ở tầng trên. Tôi tưởng tượng Bea đã đến và đang lang thang trong dinh thự cố để tìm tôi. Thấy yên lòng, tôi rời căn hầm và quay lại cầu thang. Tôi định đi lên thì thấy phía bên kia lối đi có một bếp lò và hệ thống sưởi có vẻ còn dùng được. Trông nó không phù hợp với phần còn lại của tầng hầm. Tôi nhớ Bea có nói rằng công ty bất động sản, cái công ty nhiều năm nay cố bán dinh thự của nhà Aldaya, đã tiến hành cải tiến một vài điểm, hy vọng thu hút được người mua tiềm năng. Tôi đến gần để xem kỹ hơn công trình tạm bợ ấy và thấy có một lò sưởi được một cái bếp nhỏ cấp nhiệt. Dưới chân tôi là mấy thùng đựng đầy

than, gỗ dán, một vài hộp thiếc mà tôi cho là hẳn phải chứa dầu lửa. Tôi mở nắp lò nhìn vào trong. Mọi thứ dường như còn tốt. Ý nghĩ mình sẽ làm cho cỗ máy cũ kỹ đó hoạt động sau nhiều năm khiến tôi thấy hơi chút chùn tay, nhưng điều đó không ngăn tôi cho than và củi vào lò rồi vẩy kha khá dầu lên đó. Trong khi đang làm, tôi nghĩ có nghe thấy tiếng củi kêu lách tách, liền quay lại nhìn phía sau. Đột nhiên tôi có ảo giác rằng mình đã thấy hình ảnh những chiếc gai dính máu đang bị lôi ra khỏi gỗ, và khi đối mặt với bóng đen, tôi sợ sẽ thấy hình ảnh Chúa hiện ra chỉ cách vài bước chân, đến gần tôi với một nụ cười hiểm ác.

Khi tôi đặt ngọn nến vào, bếp lò

bùng lên ngọn lửa réo bằng thứ âm thanh kim loại. Tôi đóng nắp lò và lùi vài bước, càng lúc càng không chắc về tính đúng đắn trong kế hoạch của mình. Bếp lò như đang bén lửa song hơi chút khó khăn, nên tôi quyết định quay lại tầng trên xem những nỗ lực của mình có đạt được kết quả hữu ích nào không. Tôi đi lên cầu thang quay lại phòng lớn, hy vọng thấy Bea ở đó, nhưng không thấy bóng dáng nàng đâu. Tôi tính toán hẳn một tiếng đã trôi qua kể từ lúc tôi đến, và nỗi lo sợ rằng đối tượng của những khao khát của tôi có lẽ không bao giờ quay lại ngày càng rõ ràng hơn. Để xua đi lo lắng, tôi quyết định tiếp tục cuộc thăm dò và đi tìm những hơi âm khả dĩ

xác nhận việc đốt lại bếp lò có thành công không. Những gì tìm thấy đã chứng minh ngược lại với hy vọng của tôi; chúng lạnh băng. Nhưng rồi, trong một phòng nhỏ không đầy bốn hoặc năm thước vuông, một phòng tắm mà tôi cho là đặt ngay trên bếp lò, tôi có thể cảm thấy chút hơi ấm. Tôi quỳ xuống và thích thú nhận ra rằng gạch sàn cũng ấm ấm. Đó là tư thế của tôi khi Bea thấy tôi, đang bò trên sàn nhà, sờ những viên gạch phòng tắm như một thằng điên, với một nụ cười ngớ ngẩn phết lên mặt.

KHI HỒI TƯỞNG VÀ CỐ GẮNG
DỰNG LẠI NHỮNG SỰ KIỆN vào

đêm hôm ấy ở dinh thự nhà Aldaya, lý do duy nhất tôi nghĩ ra được để biện minh cho cư xử của mình là khi ta mười tám tuổi, thiếu sự khôn khéo và kinh nghiệm, thì một phòng tắm cũ cũng có thể giống như một thiên đường. Tôi chỉ mất vài phút để thuyết phục Bea rằng chúng tôi nên lấy chăn trong phòng kia và chui vào phòng tắm bé xíu ấy, chỉ với hai ngọn nến và vài vật dụng trong nhà tắm trông như vật trưng bày trong viện bảo tàng. Lý lẽ chính của tôi – về khí hậu – nhanh chóng thuyết phục được Bea. Hơi ẩm phát ra từ những tấm gạch sàn làm nàng ngêu đi nỗi sợ ban đầu rằng phát minh điên rồ của tôi có thể làm ngôi nhà cháy trụi. Sau đó, trong ánh sáng mờ đỏ

của ngọn nến, khi tôi cởi áo nàng bằng những ngón tay run rẩy, nàng cười, đôi mắt nàng tìm kiếm mắt tôi và mình chứng từ ấy và mãi mãi về sau rằng bất cứ điều gì có xảy ra với tôi đều đã xảy ra với nàng rồi.

Tôi nhớ nàng ngồi dựa lưng vào cánh cửa khép kín của căn phòng đó, tay nàng duỗi hai bên mình, lòng bàn tay mở hướng về phía tôi. Tôi nhớ cách nàng ngược mắt lên, thách thức, trong khi đầu ngón tay của tôi vuốt ve trên cổ nàng. Tôi nhớ nàng đã nắm tay tôi thế nào rồi đặt lên ngực nàng ra sao, và mắt môi nàng run rẩy thế nào khi tôi mân mê mân đầu vú nàng mà vắn siết, nàng nghiêng người nằm xuống sàn ra sao khi

môi tôi tìm kiếm bụng nàng và cặp đùi trắng nõn của nàng đón nhận tôi.

“Đã bao giờ anh làm thế này chưa, Daniel?”

“Trong những giấc mơ.”

“Em hỏi thật.”

“Chưa. Còn em?”

“Chưa. Thậm chí với Clara Barceló?”

Tôi bật cười. Có lẽ với chính mình. “Em biết gì về Clara Barceló?”

“Chẳng gì hết.”

“Anh còn biết ít hơn cả không gì

hết,” tôi nói.

“Em không tin đâu.”

Tôi cúi xuống nhìn vào mắt nàng.
“Anh chưa làm như thế này với bất kỳ ai.”

Bea mỉm cười. Bàn tay tôi tìm đường xuống giữa đùi nàng và tôi đổ mình lên nàng, tìm kiếm môi nàng, tin rằng lúc này đây tục ăn thịt người là hiện thân tối cao của sự thông thái.

“Daniel à...” Bea nói lí nhí.

“Gì cơ?” tôi hỏi.

Câu trả lời không bao giờ thoát ra khỏi môi nàng. Bỗng nhiên một luồng khí

lạnh luôn qua dưới khe cửa, và trong khoảnh khắc bất tận ấy trước khi gió thổi tắt mọi ngọn nến, mắt chúng tôi gặp nhau, và chúng tôi cảm thấy niềm khát khao lúc này đã tan biến. Một tích tắc đủ để chúng tôi biết rằng có ai đó sau cửa. Tôi nhìn thấy nỗi sợ hãi hiện lên trên mặt Bea, và một giây sau chúng tôi bị bóng tối bao phủ. Rồi tiếp theo là tiếng sầm cửa. Tàn bạo, như quả đấm thép lên cánh cửa, gần như giật nó ra khỏi bản lề.

Tôi cảm thấy cơ thể Bea giật nảy trong bóng đêm, và tôi ôm người nàng. Chúng tôi đi về phía đầu kia phòng trước khi có cú phang thứ hai vào cánh cửa khiến nó đập rất mạnh vào tường. Bea hét lên và nép vào người tôi. Lúc ấy tôi

chỉ thấy một làn sương xanh mờ từ hành lang len vào và làn khói ngoằn ngoèo của những ngọn nến khi chúng tắt đi, cuộn lên theo hình vòng xoáy. Khung cửa tạo hắt những bóng đen như chiếc răng nanh, và tôi nghĩ mình đã thấy một dáng người gầy gò nơi ngưỡng cửa bóng đêm.

Tôi liếc nhìn hành lang, sợ hãi, hay có lẽ hy vọng, rằng tôi sẽ thấy một người lạ, một kẻ lang thang liêu mình chui vào một dinh thự đồ nát mong tìm chỗ trú chân trong một đêm mưa gió bão bùng. Nhưng không có ai ở đây cả, chỉ có những luồng khói xanh dương như cuộn vào qua lối cửa sổ. Co mình trong góc phòng, run rẩy, Bea thì thầm gọi tên tôi.

“Không có ai ở đây,” tôi nói. “Có lẽ chỉ là cơn gió giật thôi.”

“Gió không bao giờ đánh vào cửa đâu, Daniel. Chúng ta đi thôi.”

Tôi quay lại phòng gom quần áo.

“Này, em mặc vào đi. Chúng ta sẽ ra xem thử.”

“Chúng ta nên đi thì hơn.”

“Đúng rồi, sẽ đi ngay. Anh chỉ muốn kiểm tra một thứ thôi.”

Chúng tôi vội vã mặc đồ trong bóng đêm. Trong vài giây, chúng tôi có thể thấy hơi thở của mình phả vào không khí. Tôi nhặt một ngọn nến trên sàn lên

thấp. Một luồng gió lạnh len vào nhà, như thể ai đó vừa mở các cửa chính và cửa sổ.

“Em thấy chưa? Là gió thôi.”

Bea lắc đầu, song vẫn không nói gì. Chúng tôi quay lại phòng khách, tay vẫn che ngọn lửa. Bea theo sát tôi đằng sau, nín thở.

“Chúng ta đang tìm gì vậy, Daniel?”

“Chỉ mất một lúc thôi.”

“Không, mình đi ngay đi thôi.”

“Được rồi.”

Chúng tôi quay lại theo lối ra, và

đúng lúc này tôi mới nhận thấy. Cánh cửa lớn được chạm khắc nằm phía cuối hành lang, mà tôi đã cố mở nhưng không thành, giờ đã hé mở.

“Có chuyện gì vậy?” Bea hỏi.

“Đợi anh ở đây.”

“Daniel, đừng...”

Tôi đi dọc hành lang, cầm ngọn nến chấp chờn trong những cơn gió lạnh. Bea thở dài và đi theo sau dè dặt. Tôi dừng lại trước cửa. Những bậc thang đá hiện ra, dẫn xuống bóng tối. Tôi bắt đầu đi xuống. Bea đứng bất động nơi cửa, tay cầm ngọn nến.

“Daniel, ta đi thôi...”

Tôi bước xuống, từng bước một, đến tận chân cầu thang. Quầng sáng ma quái do ngọn nến tạo ra sau lưng tôi dường như đang vạch ra hình dạng một căn phòng vuông tạo thành từ những bức tường đá thô treo đầy thánh giá. Cái lạnh băng trong căn phòng ấy khiến tôi nghẹn thở. Trước mắt tôi là một phiến đá mỏng, và trên phiến đá tôi nhìn thấy hai vật màu trắng với kích thước khác nhau, xếp cạnh nhau. Chúng phản chiếu ánh nến lung lay với cường độ mạnh hơn so với phần còn lại của căn phòng, và tôi đoán chúng làm từ gỗ, được quét sơn. Tôi bước đến gần hơn, và chỉ lúc ấy mới hiểu ra. Hai vật đó là hai cỗ quan tài màu trắng. Một chiếc dài chỉ chừng sáu mươi xăng ti

mét. Tôi cảm thấy ớn lạnh. Đó là quan tài trẻ con. Tôi đang ở trong một hầm mộ.

Không nhận ra mình đang làm gì, tôi tiến gần phiến đá cho đến khi đủ gần để với tay ra chạm vào nó. Lúc ấy tôi mới để ý trên mỗi quan tài có một cây thánh giá và tên khắc bị bụi phủ mờ. Tôi đặt tay lên một quan tài, chiếc lớn hơn. Từ từ, gần như bị mê hoặc, không dừng lại để nghĩ xem mình đang làm gì, tôi phủ lớp bụi phủ trên nắp quan tài. Tôi chỉ có thể đọc được chữ dưới ánh nến đỏ mờ.

PENÉLOPE ALDAYA

1902-1919

Tôi cứng đờ người lại. Cái gì đó hoặc ai đó đang cử động trong bóng đêm. Tôi có thể cảm thấy khí lạnh đang lướt nhẹ trên da tôi, và chỉ lúc ấy tôi mới lui lại vài bước.

“Cút khỏi đây,” một giọng nói thì thầm trong bóng đen.

Tôi nhận ra hẳn ngay lập tức. Alain Coubert. Tiếng nói của ác quỷ.

Tôi chạy vội lên thang, và ngay khi đến tầng một tôi chụp tay Bea kéo nàng về phía cổng ra nhanh hết sức bình sinh. Chúng tôi đã mất ngọn nến nhưng cứ chạy. Bea hoảng sợ, và không hiểu được nỗi hoảng hốt bất ngờ của tôi. Nàng

không thấy gì. Nàng không thể thấy gì. Tôi không dừng lại để cho nàng một lời giải thích. Tôi cứ nghĩ bất cứ lúc nào cũng có gì đó từ trong bóng tối nhảy xổ ra chặn đường chúng tôi, nhưng cửa lớn đang đợi chúng tôi phía cuối hành lang, tạo thành một hình vuông sáng qua vết nứt nơi khung cửa.

“Khóa rồi,” Bea thì thầm.

Tôi lục trong túi tìm chìa khóa. Tôi quay đầu lại trong chớp nhoáng và chắc rằng hai điểm sáng đang chậm chậm tiến về phía chúng tôi từ đầu kia hành lang. Đôi mắt. Tay tôi đã tìm thấy chìa. Tôi vô vọng xỏ chìa vào khóa, mở cửa, và đẩy Bea ra ngoài. Bea hẳn cảm thấy

nổi sợ trong tôi, vì nàng vội vã chạy đến cổng trong vườn và không dừng lại cho đến khi cả hai chúng tôi đã ở trên vỉa hè Đại lộ Tibidabo, nghệt thở và đẫm mồ hôi lạnh.

“Có chuyện gì ở dưới đấy, Daniel? Có người dưới phải không?”

“Không.”

“Trông anh tái lăm.”

“Anh luôn vậy mà. Chúng ta đi thôi.”

“Còn chìa khóa?”

Tôi đã bỏ nó trong nhà, trên ổ khóa. Tôi không muốn quay lại tìm.

“Chắc anh làm rơi trên đường chạy ra rồi. Hôm sau chúng ta sẽ tìm nó.”

Chúng tôi vội vã đi dọc theo đại lộ, sang bên kia đường, và không giảm nhịp cho đến khi cách xa tòa dinh thự kia hơn một trăm thước, khó mà còn nhận ra được hình thù trong bóng đêm. Lúc ấy tôi mới nhận ra tay mình còn lấm đầy bụi. Tôi thầm cảm ơn bóng đêm, vì nó che giấu những giọt nước mắt kinh hoàng chảy xuống má tôi.

CHÚNG TÔI XUỐNG PHỐ BALMES, đến Quảng trường Núñez de Arce, ở đó chúng tôi tìm được một chiếc

taxi. Khi ngồi trên xe dọc theo phố Balmes xuống Consejo de Ciento, chúng tôi hầu như không nói một lời. Bea nắm tay tôi, và có đôi lần tôi bắt gặp nàng nhìn tôi với đôi mắt trong suốt, không thể xuyên thấu. Tôi nghiêng người hôn nàng, nhưng nàng không hé môi.

“Bao giờ anh sẽ gặp lại em?”

“Em sẽ gọi ngày mai, hoặc ngày kia,” nàng nói.

“Em hứa chứ?”

Nàng gật đầu.

“Em có thể gọi đến nhà hoặc cửa hàng. Nó cùng một số. Em có rồi, đúng không?”

Nàng lại gật đầu. Tôi bảo tài xế dừng lại một lúc ở góc phố Muntaner và Diputación. Tôi định tiễn nàng đến trước cửa nhà, nhưng nàng không chịu và bước đi không để tôi hôn tạm biệt hay thậm chí là chạm phớt tay nàng. Nàng bắt đầu chạy trong khi tôi ngồi trong taxi nhìn theo. Ánh đèn bật sáng trên căn hộ nhà Aguilar, tôi có thể thấy rõ cậu bạn Tomás đang đứng nhìn tôi từ cửa sổ phòng ngủ, nơi chúng tôi đã từng có hàng bao nhiêu buổi chiều cùng nhau trò chuyện hay đánh cờ. Tôi nhìn cậu ấy, cố nở một nụ cười mà có lẽ cậu không thấy được. Cậu không cười đáp lại. Cậu vẫn bất động, dính chặt vào khung cửa sổ, lạnh lùng nhìn tôi. Vài giây sau, cậu bỏ đi và cửa

sổ tôi sầm lại. Cậu ấy đợi chúng tôi, tôi nghĩ.

Chương 35

VỀ ĐẾN NHÀ, tôi thấy trên bàn là phần còn lại của bữa tối cho hai người. Cha tôi đã vào giường rồi, và tôi tự hỏi liệu ông có đã dồn hết can đảm để mời cô Mercedes đến ăn tối không. Tôi rón rén đi về phòng mình và bước vào mà không bật đèn lên. Ngay khoảnh khắc ngồi lên mép nệm, tôi nhận ra có ai đó trong phòng, đang nằm trên giường, trong bóng đêm, như một thây ma khoanh tay trên ngực. Tôi giật thót bụng, lạnh toát người, nhưng rồi tôi chóng nhận ra tiếng ngáy ấy, và khuôn mặt có cái mũi vô đối kia. Tôi bật đèn bàn cạnh giường, và

thấy Fermín Romero de Torres đang nằm trên khăn trải giường, chìm trong một cơn mơ cực lạc và nhẹ nhàng rên rỉ vì khoan khoái. Tôi thở dài, thế là người đang ngủ liền mở mắt. Trông thấy tôi, anh ta ngạc nhiên. Rõ ràng anh ta đang trông đợi một người khác đến làm bầu bạn. Anh ta dụi mắt và ra vẻ canh chừng, rồi nhìn quanh kỹ hơn.

“Hy vọng không làm cậu sợ. Bernarda bảo rằng khi ngủ tôi trong như Boris Karloff của Tây Ban Nha ấy.”

“Anh đang làm gì trên giường tôi thế, Fermín?”

Anh ta mắt nhắm hờ vẻ khát khao.

“Đang mơ về Carole Lombard. Chúng tôi ở Tangiers, trong một nhà tắm Thổ Nhĩ Kỳ nào đó, và tôi đang bôi dầu cho nàng, loại dầu người ta dùng để xoa móng em bé ấy. Cậu đã bao giờ xoa dầu cho phụ nữ chưa, từ đầu đến chân, toàn thể và từng chi tiết ấy?”

“Fermín, đã quá nửa đêm rồi, và tôi đang mệt muốn chết đi được.”

“Thứ lỗi cho tôi, Daniel. Tại cha cậu cứ khẳng khẳng bảo tôi đến ăn tối với ông, sau đó tôi thấy buồn ngủ khủng khiếp. Thịt bò đúng là có tác dụng như ma túy với tôi, cậu thấy đấy. Cha cậu bảo tôi cứ nằm ở đây một lúc, rằng cậu sẽ không phiền...”

“Tôi có phiền đâu, Fermín. Vì anh làm tôi ngạc nhiên đấy thôi. Anh cứ nằm trên giường mà quay lại với cô Carole Lombard đi; hẳn cô ấy đang đợi anh. Và nhớ đắp chăn đấy. Trời đêm độc lắm, nếu anh cứ nằm tư hơ như vậy kiểu gì cũng ốm thôi. Tôi sẽ vào phòng ăn.”

Fermín gật đầu ngoan ngoãn. Những vết thâm trên mặt anh ta bắt đầu sưng vều lên, và đầu anh ta, với mái tóc mới mọc được hai ngày còn lờm chờm xác xơ, nom như quả chín rụng. Tôi lấy chăn trong tủ đưa cho Fermín một cái. Rồi tôi tắt đèn và quay lại phòng ăn, nơi cái ghế bành ưa thích của cha đang chờ tôi. Tôi quấn chăn và cuộn tròn người, hết mức có thể, tin rằng tôi sẽ không thể

chộp mắt được. Hình ảnh hai cỗ quan tài trắng trong bóng tối đã khắc sâu vào tâm trí tôi. Tôi nhắm mắt và cố hết sức để xóa đi cảnh tượng ấy. Để thay vào đó, tôi gọi ra hình ảnh Bea trong phòng tắm, nằm trần truồng trên chăn, dưới ánh nến. Khi đã đắm vào những suy tưởng này, dường như tôi có thể nghe tiếng rì rào ở ngoài biển xa xôi, và tôi tự hỏi, mà không hề biết, rằng tôi đã chìm vào giấc ngủ hay chưa. Có lẽ tôi vẫn đang bơi về phía Tangiers. Rồi tôi chóng nhận ra âm thanh đó chỉ có thể là tiếng ngáy của Fermín. Một lát sau, thế giới như khép lại. Trong suốt đời mình, chưa bao giờ tôi ngủ ngon và sâu như đêm hôm ấy.

BÌNH MINH ĐẾN, TRỜI ĐANG MƯA TẦM TÃ. Đường phố ngập nước, cơn mưa căm giận tấp lên ô cửa sổ. Điện thoại đổ chuông lúc bảy giờ ba mươi. Tôi nhảy bật ra khỏi ghế để nhắc máy, tim đập thình thịch. Fermín, trong chiếc áo choàng và đi dép lê, và cha tôi, đang cầm ấm pha cà phê, nhìn nhau với ánh mắt mà tôi đã dần quen.

“Bea?” tôi thì thầm vào ống nói, lưng quay về phía họ.

Tôi tưởng đã nghe thấy tiếng thờ dãi trên điện thoại.

“Bea, là em phải không?”

Không có trả lời, và vài giây trôi

qua đường dây ngắt. Tôi cứ đứng đó một lúc, nhìn chăm chăm cái điện thoại, hy vọng nó sẽ lại kêu lên.

“Họ sẽ gọi lại, Daniel. Đến ăn sáng đi,” cha tôi nói.

Nàng sẽ gọi sau, tôi tự nhủ. Hẳn ai đó bắt gặp nàng đang gọi điện. Chẳng dễ gì vi phạm nổi lệnh giới nghiêm của ông Aguilar. Không việc gì phải lo sợ. Cùng lý lẽ này và nhiều lý lẽ khác, tôi lê thân đến bàn và giả vờ như sẽ ăn sáng với Fermín và cha tôi. Có lẽ do cơn mưa, nhưng thức ăn chẳng có mùi vị gì cả.

Trời mưa suốt buổi sáng. Ngay sau khi mở cửa hàng, điện trong khu dân cư bị cắt mãi gần đến trưa.

“Chúng ta chỉ cần có thể nữa thôi,”
cha tôi thở dài.

Tầm ba giờ những vệt dột bắt đầu. Fermín đề nghị đến nhà cô Merceditas để mượn mấy chiếc xô, đĩa hay bất cứ vật nào hình lõm đựng được nước. Cha tôi cảm ngạt anh ta ra khỏi nhà. Mưa vẫn dai dẳng. Để giải tỏa nỗi lo của mình, tôi kể cho Fermín chuyện xảy ra hôm trước, mặc dù tôi giữ kín điều chứng kiến trong hầm mộ. Fermín lắng nghe với niềm phấn khích, nhưng bất chấp sự nài nỉ của anh ta, tôi không chịu mô tả sự săn chắc, kết cấu và hình dáng bộ ngực của Bea. Ngày cứ trôi đi chậm chạp.

Sau bữa tối, lấy cớ đi dạo cho đỡ

chùn chân, bỏ mặc cha ngồi đọc sách, tôi bước đến nhà Bea. Đến nơi, tôi dừng lại ở góc đường nhìn lên những ô cửa sổ lớn của căn hộ. Tôi tự hỏi mình đang làm gì đây. Rình mò, quấy rầy, hoặc đang làm trò hề, ấy là một vài câu trả lời nảy ra trong đầu. Dầu vậy, dầu làm thế thật thiếu tư cách cũng như tôi đang mặc đồ không phù hợp trong tiết trời lạnh căm thế này, tôi nép vào ngưỡng cửa phía bên kia đường chừng nửa tiếng để tránh gió, nhìn lên cửa sổ thấy bóng ông Aguilar và vợ ông khi họ đi qua. Nhưng không thấy Bea đâu.

Gần nửa đêm tôi mới về đến nhà, run rẩy vì trời lạnh, và mang vác cả thế giới trên vai. Ngày mai nàng sẽ gọi, tôi

tự nhủ hàng ngàn lần trong khi cố gắng chợp mắt. Ngày hôm sau Bea không gọi. Rồi ngày tiếp theo nữa. Cả tuần liền nàng không gọi, tuần dài dằng nhất và cuối cùng của đời tôi.

TRONG MỘT TUẦN NỮA, có lẽ tôi sẽ chết.

Chương 36

CHỈ NHỮNG AI CÒN MỘT TUẦN ĐỂ SỐNG mới có thể lãng phí thời gian của mình như tôi đã lãng phí thời gian của tôi trong những ngày ấy. Tôi chỉ làm mỗi việc canh điện thoại và gặm nhấm tâm hồn mình, như một tù nhân bị giam trong sự mù quáng của bản thân mình đến mức tôi thậm chí còn không thể đoán biết định mệnh đã an bài cái gì cho tôi. Trưa ngày thứ Hai, tôi đến Khoa văn đại học Plaze, hy vọng gặp Bea. Tôi biết nàng sẽ không vui nếu tôi xuất hiện ở đó rồi chúng tôi sẽ bị bắt gặp ở bên nhau, nhưng được thấy nàng giận dữ còn hơn

cứ kéo dài mỗi ngày vực của mình.

Tôi vào văn phòng để hỏi giảng đường của Giáo sư Velázquez ở đâu và quyết định chờ sinh viên tan học. Tôi đợi chừng hai mươi phút, cho đến khi cửa mở ra và tôi thấy điệu bộ ngạo mạn, chải chuốt của Giáo sư Velázquez, được một nhóm nhỏ sinh viên nữ hâm mộ vây quanh như mọi lần. Năm phút sau vẫn không thấy bóng dáng Bea. Tôi quyết định bước đến cửa giảng đường để ngó qua. Ba cô gái đang túm tụm vào nhau như một nhóm học giáo lý, trò chuyện và trao đổi bài vở hoặc những bí mật. Người dường như là đứng đầu nhóm nhận ra sự hiện diện của tôi bèn chầm dứt màn độc thoại của mình để bắn vào

tôi ánh mắt dò hỏi.

“Tôi xin lỗi. Tôi đang tìm Beatriz Aguilar. Hôm nay cô ấy đến lớp không?”

Các cô gái nhìn nhau với ánh mắt nham hiểm.

“Anh là hôn phu của cô ấy à?” một người hỏi. “Viên sĩ quan?”

Tôi mỉm cười ngờ nghệch, và họ coi như thế là thừa nhận. Chỉ có cô gái thứ ba cười đáp tôi, và e thẹn nhìn đi hướng khác. Hai cô kia tự tin hơn, cơ hồ thách thức.

“Tôi tưởng tượng anh khác kia,” cô gái dường như là trưởng tiểu đội đặc công nói.

“Quân phục của anh đâu?” cô gái thứ hai hỏi, nhìn tôi về ngò vực.

“Tôi đang nghỉ phép. Cô ấy đã ra khỏi lớp chưa?”

“Hôm nay Beatriz không đi học,” đội trưởng cho biết.

“Ôi, vậy sao?”

“Đúng,” viên trung úy đa nghi xác nhận. “Nếu anh là hôn phu của cô ấy, anh phải biết chứ.”

“Tôi là hôn phu của cô ấy, nhưng đâu phải cảnh sát.”

“Chúng ta đi thôi, anh chàng này đúng là đồ ngốc,” cô trưởng nhóm nói.

Hai người họ đi qua tôi, liếc nhìn tôi khinh thường. Cô thứ ba chậm theo sau. Cô dừng lại một lúc trước khi bỏ đi và, khi an tâm rằng hai cô kia không thấy, cô ta thì thào vào tai tôi, “Hôm thứ Sáu Beatriz cũng nghỉ học.”

“Em biết vì sao không?”

“Anh không phải là hôn phu của cô ấy, đúng không?”

“Không. Anh chỉ là bạn thôi.”

“Em nghĩ cô ấy ồm.”

“Ồm ư?”

“Một bạn gọi điện cho cô ấy rồi kể lại như vậy. Em phải đi đây.”

Tôi chưa kịp cảm ơn sự giúp đỡ của cô gái thì cô đã nhập bọn cùng hai cô kia, họ đang đứng cuối hành lang đợi cô với ánh nhìn soi mói.

“DANIEL, HÃN CÓ CHUYỆN GÌ ĐÓ XẢY RA. Bà cô già đã chết, hay một con vẹt mắc quai bị, hay cô ấy bị cảm lạnh vì đi loanh quanh nhiều quá mà quên tấp đủ quần áo vào mông – có Chúa mới biết chuyện gì. Trái ngược với điều cậu tin chắc, trái đất này không xoay quanh những ham muốn nơi hạ bộ cậu đâu. Các yếu tố khác cũng ảnh hưởng đến cuộc tiến hóa của loài người.”

“Anh nghĩ tôi không nhận thức được điều đó sao? Anh dường như không hiểu tôi, Fermín.”

“Thưa cậu thân mến, giá như Chúa muốn ban cho tôi cái hông rộng hơn thì hẳn tôi đã sinh ra cậu rồi: tôi hiểu rõ cậu như thế đó. Nghe tôi đây này. Quảng những ý nghĩ kia đi, và ra ngoài thư giãn. Chờ đợi là cái thứ làm hoen gỉ tâm hồn.”

“Vậy là anh thấy tôi ngớ ngẩn.”

“Không. Cậu có vẻ cáu kỉnh. Tôi biết ở tuổi của cậu những chuyện như vậy giống như là tận thế, nhưng mọi thứ đều có giới hạn của nó. Đêm nay cậu và tôi sẽ đập phá một bữa ở câu lạc bộ trên phố Platería, một chón rõ thời thượng.

Tôi nghe đồn có mấy cô gái Scandinavi từ Ciudad Real đến, thực là hết sảy đấy. Tôi bao.”

“Và Bernarda sẽ nói gì?”

“Các cô gái là của cậu. Tôi sẽ đợi ở sảnh, xem tạp chí và ngắm nghĩa những thứ hay hóm từ xa, vì tôi cải sang chế độ một vợ một chồng rồi, nếu không về mặt pháp lý thì ít nhất cũng về mặt thực tế.”

“Rất là cảm ơn anh, Fermín, nhưng mà...”

“Một cậu trai mười tám tuổi mà từ chối một lời đề nghị như vậy thì thật trong đầu không ổn tí nào. Hẳn cần phải làm gì đó ngay. Đây.”

Anh ta lục trong túi và đưa tôi mấy xu lẻ. Tôi tự hỏi đây có phải số tiền xông xênh mà anh ta định tài trợ cho chuyến viếng thăm chốn hậu cung xa hoa của các kiều nữ xứ Iberia không.

“Vớì chừng này chúng ta thậm chí chẳng nhận được một câu chào, Fermín à.”

“Cậu đúng là một trong những kẻ rơi trên cây xuống nhưng không bao giờ chạm đất. Thế cậu tưởng tôi sẽ đưa cậu vào nhà thổ và mang cậu về, dính đầy lậu, cho cha cậu, người thánh thiện nhất trên đời này mà tôi được biết hay sao? Tôi nói về những em gà mái kia là để thử xem cậu phản ứng thế nào, để lôi cuốn

cái phần duy nhất dường như còn đang hoạt động trong cậu đấy thôi. Tiền này là để cậu đến buồng điện thoại nơi góc phố gọi cho tình yêu của cậu mà không sợ bại lộ.”

“Bea đã nói rõ là đừng gọi cho cô ấy.”

“Cô bé cũng bảo cậu rằng sẽ gọi vào ngày thứ Sáu. Bây giờ đã thứ Hai rồi. Tùy cậu đấy. Tin phụ nữ là một chuyện, tin vào điều họ nói là chuyện khác.”

Tin tưởng lý lẽ của anh ta, tôi lên khỏi hiệu sách, bước về phía buồng điện thoại công cộng ở góc phố, quay số nhà Aguilar. Chuông reo tới tiếng thứ năm,

có người nhấc máy phía bên kia đầu dây và yên lặng lắng nghe, không trả lời. Năm giây trôi qua.

“Bea?” tôi lẩm bẩm. “Có phải em không?”

Giọng nói trả lời như chiếc rìu bổ vào ngực tôi.

“Thằng khốn, tao thề sẽ vụn nát óc mày.”

Đó là giọng nói đanh thép, nguyên một nỗi căm hờn chất chứa. Lạnh băng và dứt khoát. Đây là điều khiến tôi sợ hãi nhất. Tôi có thể hình dung ông Aguilar đang cầm điện thoại trong tiền sảnh nhà ông, chính nơi mà tôi từng gọi

điện cho cha để báo tôi về muộn vì buổi chiều sẽ ở chơi với Tomás. Tôi đứng đó, lắng nghe tiếng thở của cha Bea, chết lặng, tự hỏi liệu ông có nhận ra tôi không.

“Tao biết mày không có gan để nói, đồ con lợn. Bất cứ kẻ rác rưởi nào cũng có thể làm điều mày đã làm, nhưng một thằng đàn ông ít nhất phải có dũng khí để lộ mặt. Tao sẽ chết vì xấu hổ nếu một con bé mười bảy tuổi còn can đảm hơn tao – vì nó không chịu khai tên mày và nó sẽ không làm như vậy. Tao biết nó. Và do mày không có đủ gan ra mặt vì Bea, nó sẽ phải trả giá cho những gì mày đã làm.”

Khi gác máy, tay tôi run bần bật. Tôi không nhận thức được điều mình đã làm cho đến khi rời buồng điện thoại và lê bước về cửa hàng. Tôi đã không dừng lại mà suy xét rằng cuộc gọi của tôi sẽ làm mọi chuyện trở nên tệ hại hơn cho Bea. Mọi bận tâm duy nhất của tôi là cứ hãy ẩn danh và giấu mặt, từ chối không nhận mình có liên quan gì đến người mà tôi đã thổ lộ tình yêu và đã chỉ lợi dụng mà thôi. Tôi đã làm như vậy khi Thanh tra Fumero đánh đập Fermín. Tôi đã lặp lại hành động ấy khi bỏ mặc Bea cho số phận của nàng. Tôi vẫn sẽ lặp lại hành xử ấy ngay khi hoàn cảnh cho tôi một cơ hội khác. Tôi nán ngoài phố chừng mười phút, cố trấn tĩnh trước khi quay lại cửa

hàng. Có lẽ tôi nên gọi điện mà thú nhận với ông Aguilar rằng đúng vậy, là tôi đây. Rằng tôi phát điên lên vì con gái ông, hết chuyện. Nếu sau đó ông có muốn đến trong bộ quân phục tướng tá và đánh tôi như tử, thì ông hoàn toàn có quyền làm vậy.

Tôi đang trên đường về thì nhận ra có người đang nhìn tôi ở ngưỡng cửa phía bên kia đường. Lúc đầu tôi nghĩ đây là Don Federico, bác thợ sửa đồng hồ, nhưng nhìn thoáng qua cũng đủ cho tôi nhận ra đây là một kẻ cao hơn, đậm người hơn. Tôi dừng lại nhìn đáp trả, và thật ngạc nhiên, hắn gật đầu, như muốn chào tôi và chứng minh hắn không hề quan tâm đến việc tôi nhận ra sự hiện

diện của hắn. Ánh đèn đường chiếu xuống mặt hắn. Đường nét khá quen thuộc. Hắn tiến lên một bước, cởi cúc áo mưa xuống tận cổ; hắn cười với tôi và bước ra phố Ramblas, lẫn vào đám đông người đi đường. Rồi tôi nhận ra hắn: tên cảnh sát đã giữ tôi trong khi Thanh tra Fumero hành hung Fermín.

Thấy tôi vào cửa hàng, Fermín nhìn tôi tò mò.

“Khuôn mặt kia là sao?”

“Fermín này, tôi nghĩ chúng ta gặp rắc rối.”

Ngay tối hôm ấy, chúng tôi triển khai kế hoạch đã bàn cùng Don Gustavo

Barceló.

“Trước tiên phải dám chắc là cậu đúng về chuyện chúng ta đang bị cảnh sát theo dõi. Chúng ta sẽ đến quán Quatre Gats, ra vẽ bình thường thôi, để xem gã kia vẫn còn ở đó rình mò không. Nhưng đừng hé gì chuyện này với cha cậu, không thì ông ấy bị sỏi thận mất.”

“Vậy tôi sẽ nói gì với ông đây? Cha tôi đã nghi ngờ lắm rồi.”

“Bảo ông ấy là cậu sẽ đi mua hạt hướng dương hoặc gì đó.”

“Vậy thì chính xác tại sao chúng ta cần đến Quatre Gats?”

“Vì ở đó có món bánh kẹp thịt

ngon nhất trong bán kính ba dặm, và chúng ta phải nói chuyện ở một nơi nào đó. Đừng có mà phá đám – hãy làm như tôi bảo, Daniel.”

Hoan nghênh bất cứ hoạt động nào có thể giúp tôi thoát khỏi những suy nghĩ trong đầu, tôi ngoan ngoãn làm theo, và vài phút sau tôi ra phố, sau khi đã cam đoan với cha là tôi sẽ quay về đúng giờ ăn tối. Fermín đang đợi tôi ở góc phố. Khi tôi đến chỗ anh ta, anh ta nhíu mày ra hiệu tôi nên đi tiếp.

“Có con rắn chuông theo sau chúng ta chừng hai chục thước. Đừng quay đầu.”

“Có phải hấn không?”

“Tôi không nghĩ vậy, trừ phi hẳn chùn bước trong thời tiết ẩm ướt này. Tên này có vẻ non nớt lắm. Hẳn mang theo tờ báo thể thao ra cách đây sáu ngày. Fumero hẳn đang tuyển bọn học việc trong nhà tế bần.”

Khi chúng tôi đến Quatre Gats, tay cảnh sát mặt thường phục ngồi ở một bàn cách chúng tôi dăm mét và vờ đọc lại bài tường thuật vòng đấu bóng đá tuần trước. Cứ hai mươi giây hẳn lại ném cái nhìn lén lút về phía chúng tôi.

“Tội nghiệp cu cậu, trông hẳn đang vã mồ hôi kìa,” Fermín nói, lắc đầu. “Trông cậu mơ màng quá đấy, Daniel. Thế cậu đã nói chuyện được với cô bé

chưa?”

“Cha cô ấy trả lời điện thoại.”

“Và cậu với ông ấy đã có một cuộc nói chuyện thân thiện theo kiểu dân sự chứ?”

“Giống một cuộc độc thoại hơn.”

“Tôi hiểu rồi. Vậy tôi phải suy ra cậu chưa gọi ông ta là *papá* chứ?”

“Ông ấy bảo tôi đúng nguyên văn là ông sẽ vụn nát óc tôi.”

“Chắc chắn đây là lỗi nói tu từ hoa mỹ.”

Lúc đây bóng dáng người bồi bàn lù lù đến bên chúng tôi. Fermín gọi thức

ăn đủ cho cả một trung đoàn, xoa xoa tay thích thú.

“Cậu không muốn ăn gì sao, Daniel?”

Tôi lắc đầu. Khi bồi bàn quay lại với hai khay đầy thức ăn mặn, bánh kẹp thịt và mấy cốc bia, Fermín đưa cho anh ta kha khá tiền và bảo giữ lấy tiền lẻ.

“Này, chủ quán,” anh ta nói. “Anh có thấy gã ngồi ở bàn gần cửa sổ không – cái gã ăn mặc như chú Dế Jiminy^[1] đang cắm đầu vào tờ báo như thể đó là chiếc nón ấy?”

[1. Một nhân vật trong phim hoạt hình cùng tên của hãng Walt Disney.]

Tay bồi bàn gạt đầu về đồng lõa.

“Anh có thể đến bảo hấn rằng có một tin nhắn khẩn cấp của Thanh tra Fumero được không? Bảo rằng hấn phải ra ngay Chợ Boquería mua hai mươi peso đậu luộc và mang đến Trụ sở Cảnh sát không được chậm trễ (đi taxi nếu cần) – nếu không hấn chuẩn bị lấy bi của hấn mà bày lên đĩa đi. Anh có cần nhắc lại không?”

“Không cần thiết đâu, thưa ông. Hai mươi peso đậu xanh không thì lấy bi của chính mình dọn lên đĩa.”

Fermín đưa cho anh ta một đồng xu nữa. “Chúa phù hộ anh.”

Tay bồi bàn gật đầu trình trọng rồi đi về phía bàn kẻ sẵn đuôi chúng tôi để chuyên thông điệp. Khi tên trương tuần nghe chỉ thị, khuôn mặt hấn thộn ra. Hấn nán lại chừng năm giây nữa, bị giăng xé, rồi hộc tốc lao ra đường. Fermín không tỏ dù chút ngạc nhiên. Phải như lúc khác, hấn tôi sẽ hồ hởi hùa theo hồi kịch này, nhưng đêm hôm ấy tôi không thể xua Bea khỏi tâm trí.

“Daniel, đừng ở trên mây nữa, chúng ta phải bàn bạc. Ngày mai, không chậm trễ, cậu phải đến chỗ Nuria Monfort, như chúng ta đã nói.”

“Đến đó rồi thì tôi sẽ nói gì với cô ta?”

“Cậu sẽ tìm ra chuyện gì đó để nói. Kế hoạch là làm theo gợi ý rất khôn ngoan của Barceló. Cậu phải cho cô ta hiểu rằng cậu biết cô ta nói dối về Carax, rằng cái ông Miquel Moliner mà cô ta gọi là chồng ấy không ở tù, và cậu đã phát hiện ra cô ta chính là bàn tay tội lỗi nhận thư từ căn hộ của gia đình Fortuny-Carax, sử dụng một hòm thư lấy tên một công ty luật không hề tồn tại... Cậu bảo với cô ta bất cứ điều gì cần thiết làm cô ta cuống lên. Phải nói bằng một giọng kịch tính và với ánh mắt rất trang nghiêm. Rồi, để cho có tác dụng, cậu ra về bỏ mặc cô ta trong bán loạn.”

“Và trong lúc đó...”

“Trong lúc đó, tôi sẽ đợi để theo dõi cô ta, một mục tiêu tôi dự định bám sát bằng cách sử dụng ngón nghề nguy trang tân tiến nhất.”

“Cách này không ăn thua đâu, Fermín.”

“Cậu thật thiếu lòng tin! Thôi nào, cha cô bé đã nói gì để cậu đến nông nổi này? Ông ta dọa cậu sợ thế à? Đừng để ý đến ông ta. Nào, lão điên rồ kia đã bảo gì?”

Tôi trả lời không nghĩ ngợi. “Sự thật.”

“Sự thật theo định nghĩa của Thánh Daniel Tuần đạo ư?”

“Anh có thể cười nhạo tùy thích. Đáng với tôi lắm.”

“Tôi không cười đâu, Daniel. Tôi chỉ cảm thấy chả hay ho gì khi cậu tự trừng phạt mình như thế. Ai nhìn cũng bảo cậu đang tự hành hạ bản thân đấy. Cậu chưa làm gì sai cả. Cuộc đời có lắm kẻ đày đọa người khác rồi, không cần cậu phải làm thêm việc của ngài Đại Pháp quan Tôn giáo đâu.”

“Anh nói từ kinh nghiệm bản thân đấy à?”

Fermín nhún vai.

“Anh chưa bao giờ kể cho tôi anh đã đụng độ Fumero thế nào,” tôi nói.

“Cậu có thích nghe một câu chuyện đạo đức không?”

“Nếu như anh muốn kể.”

Fermín tự rót cho mình một cốc bia rồi nốc một hơi hết sạch.

“Amen,” anh ta nói. “Điều tôi có thể kể về Fumero thì ai cũng biết. Lần đầu tôi nghe nhắc đến hắn, tay thanh tra tương lai hãy còn là một tay sung làm việc cho một nhóm vô chính phủ, FAI. Hắn giành được chút danh tiếng, vì hắn không biết sợ cũng không biết cần trọng là gì. Hắn chỉ cần biết cái tên, rồi hắn sẽ kết liễu người đó trên phố bằng một phát súng vào mặt, ngay giữa ban ngày. Tài

năng như vậy rất đáng giá vào thời loạn. Những điều khác hẳn không có là lòng trung thành hay niềm tin. Hẳn không quan tâm hẳn đang phục vụ sự nghiệp gì, miễn sao sự nghiệp đó giúp hẳn leo bậc thang danh vọng. Thế giới này có đầy những kẻ hạ lưu như Fumero, nhưng ít ai có tài năng bằng hẳn. Từ nhóm vô chính phủ, hẳn chuyển sang phục vụ cho phe cộng sản, và từ cộng sản chuyển sang phát xít chỉ là một bước. Hẳn rình mò và bán thông tin của nhóm này cho nhóm khác, và hẳn moi tiền của tất cả bọn bọn. Tôi đã để mắt đến hẳn từ lâu. Lúc đó tôi đang làm việc cho Chính phủ của Chính quyền Tự trị. Đôi khi người ta cứ tưởng nhầm tôi là người em trai xấu xí của

Thông sứ Companys, điều làm tôi rất đỗi tự hào.”

“Anh đã làm gì?”

“Mỗi thứ một chút. Trong các vở kịch trên đài phát thanh ngày nay, họ gọi nó là gián điệp, nhưng trong thời chiến tất cả mọi người đều là tình báo. Một phần công việc của tôi là để mắt đến những hạng người như Fumero. Đó là những kẻ nguy hiểm nhất. Chúng giống như những kẻ tráo trở, không tin ngưỡng và không lương tâm. Trong chiến tranh chúng xuất hiện khắp mọi nơi. Trong thời bình, chúng khoác mặt nạ. Nhưng chúng vẫn hiện diện đó. Chúng có cả ngàn. Sự thật là sớm hay muộn tôi cũng phát hiện

ra trò chơi của hắn. Chắc là muộn chứ không phải sớm. Barcelona sụp đổ chỉ trong có mấy ngày, và thế là vật đổi sao dời. Tôi trở thành một tên tội phạm bị truy nã, và cấp trên của tôi phải trốn chui trốn lủi như lũ chuột. Hẳn nhiên, Fumero đang đảm đương chiến dịch “xóa sổ”. Cuộc thanh trừng được tiến hành công khai, với những vụ bắn giết trên phố hay trong Lâu đài Montjuïc. Tôi bị bắt ở cảng khi đang cố kiếm giấy thông hành cho cấp trên sang Pháp trên một chuyến tàu chở hàng của Hy Lạp. Tôi bị đưa về Montjuïc và giam hai ngày trong ngục tốt. Ánh sáng tiếp theo tôi được nhìn thấy là lửa que hàn đang tan chảy. Fumero và một gã chỉ nói được tiếng Đức đã treo

ngược tôi lên. Tên người Đức tháo bỏ quần áo của tôi bằng cách dùng mỗi hàn mà đốt. Hắn có vẻ rất thành thạo. Khi tôi bị bỏ mặc trần như nhộng và lông tóc trên người cháy sém, Fumero bảo nếu tôi không khai cấp trên đang trốn ở đâu thì trò vui mới chỉ mới bắt đầu mà thôi. Tôi không phải là người dũng cảm, Daniel ạ. Tôi chưa bao giờ như vậy, nhưng với một chút can đảm ít ỏi có được, tôi đã chửi vào mặt hắn rằng cút mẹ nhà hắn xuống địa ngục đi. Theo lệnh của Fumero, gã người Đức tiêm gì đó và đui tôi và đợi vài phút. Rồi trong khi Fumero hút thuốc, nhìn tôi mà cười, thì hắn bắt đầu nướng tôi toàn thân bằng que hàn nung chảy. Cậu thấy những vết sẹo

rồi đây...”

Tôi gật đầu. Fermín nói giọng trầm tĩnh, không bộc lộ cảm xúc.

“Những vết sẹo đó chẳng mấy hệ trọng. Điều trầm trọng hơn nằm ở bên trong. Tôi đã cầm cự được chừng một tiếng dưới que hàn, hoặc có lẽ chỉ là một phút. Tôi không biết nữa. Nhưng rồi tôi cũng khai tên, họ, thậm chí cỡ áo sơ mi của cấp trên tôi và cả những người không phải cấp trên của tôi. Bọn chúng thả tôi ra trong một ngõ nhỏ ở Pueblo Seco, trần truồng, da bị cháy bỏng. Một người đàn bà tốt bụng đã mang tôi về nhà chăm sóc chừng hai tháng. Quân cộng sản đã bắn chết chồng và đưa người con trai của bà

ngay ngưỡng cửa nhà. Bà không biết tại sao. Khi tôi có thể đứng dậy đi ra phố, tôi hay tin tất cả cấp trên của tôi bị bắt và xử tử vài tiếng sau khi tôi chỉ điếm.”

“Fermín, nếu anh không muốn kể những chuyện này...”

“Không, không. Tôi muốn cậu nghe để biết rằng cậu đang làm bạn với hạng người nào. Khi tôi trở về nhà, tôi được biết nó đã bị chính quyền trưng thu, cùng toàn bộ tài sản của tôi. Tôi không biết mình đã trở thành một kẻ ăn mày. Tôi cố xin việc làm. Tôi bị từ chối. Thứ duy nhất tôi có thể kiếm được là một chai rượu rẻ tiền, giá vài xu. Đó là một thứ thuốc độc ngấm dần như axit đốt cháy

ruột gan, nhưng tôi hy vọng sớm hay muộn nó cũng có tác dụng. Tôi tự nhủ một ngày nào đó sẽ quay lại Cuba, về với cô gái lai của tôi. Tôi bị bắt khi đang cố lên một chiếc tàu chở hàng sang Havana. Tôi đã quên mình ở tù bao lâu. Sau năm đầu tiên, người ta bắt đầu mất đi tất cả, thậm chí là ý thức. Khi ra tù, tôi bắt đầu sống một thời gian dài dằng dẳng trên đường phố, nơi cậu đã gặp tôi. Có rất nhiều người giống tôi, những bạn trong tù hay đã được phóng thích. Những người may mắn thì có ai đó để nương tựa khi ra tù, là ai đó hoặc cái gì đó họ có thể hướng về. Phần còn lại sẽ gia nhập đội quân ăn mày. Một khi được trao tấm thẻ gia nhập vào đội quân đó, cậu không

bao giờ được thôi làm hội viên. Hầu hết chúng tôi chỉ ra ngoài vào ban đêm, khi thế giới không còn nhòm ngó. Tôi đã gặp nhiều người như tôi. Hiếm khi tôi gặp lại họ nữa. Cuộc sống lề đường rất ngắn ngủi. Người ta nhìn chúng tôi khinh miệt, thậm chí những người cho ta của bố thí, nhưng điều này chẳng là gì hết so với nỗi kinh tởm chính bản thân mình. Nó giống như bị mắc kẹt trong một cái xác di động, một cái xác đói, hôi hám và không chịu chết. Cứ thỉnh thoảng Fumero và tay chân của hắn lại bắt tôi và buộc cho tôi trộm cắp vớ vẩn gì đó hoặc quấy rối các cô nữ sinh tan trường. Lại một tháng ở tù La Modelo, lại những trận đánh đập, và lại bị quăng ra đường. Tôi không bao giờ

hiều được những trò hề đó có nghĩa gì. Hình như cảnh sát thấy thật tiệt khi có một đám những kẻ tình nghi để bọn chúng có thể dùng đến lúc cần thiết. Trong một cuộc chạm mặt với Fumero, hẳn lúc này là một nhân vật khá được kính nể, tôi đã hỏi tại sao hẳn không giết tôi, như hẳn đã giết những người khác. Hẳn cười bảo rằng có những thứ còn tồi tệ hơn cái chết. Hẳn không bao giờ giết một kẻ chỉ điếm, hẳn nói. Hẳn để cho anh ta chết dần chết mòn.”

“Fermín, anh không phải là chỉ điếm. Bất cứ ai ở vào tình thế của anh cũng làm như vậy thôi. Anh là bạn tốt nhất của tôi.”

“Tôi không xứng đáng với tình bạn của cậu, Daniel. Cậu và cha cậu đã cứu đời tôi, và đời tôi thuộc về hai người. Bất cứ điều gì có thể làm được cho cậu, tôi sẽ làm. Ngày cậu lôi tôi ra khỏi cuộc sống lề đường, là ngày Fermín Romero de Torres được tái sinh.”

“Đấy không phải tên thật của anh, đúng không?”

Fermín lắc đầu. “Tôi thấy cái tên này trong một áp phích ở trường đấu bò Arenas. Cái tên kia bị chôn vùi rồi. Con người từng sống trong hình hài này đã chết, Daniel ạ. Đôi khi anh ta quay trở lại, trong những cơn ác mộng. Nhưng cậu đã cho tôi thấy làm thế nào để trở thành

một con người khác, và cậu đã cho tôi lý do để sống một lần nữa: Bernarda của tôi.”

“Fermín...”

“Đừng nói gì hết, Daniel. Hãy tha thứ cho tôi, nếu cậu có thể.”

Tôi ôm anh, không nói một lời, và cứ để anh khóc. Mọi người nhìn chúng tôi chế giễu, và tôi nhìn lại họ bằng ánh mắt nảy lửa. Sau một hồi, họ quyết định lờ đi. Sau đó, khi tôi đang bước cùng Fermín về nhà trọ của anh, anh bạn tôi đã bình tâm lại.

“Chuyện tôi kể với cậu hôm nay... Xin cậu đừng cho Bernarda biết...”

“Tôi sẽ không kể với Bernarda hay bất kỳ ai. Không một lời, Fermín ạ.”

Chúng tôi bắt tay nhau tạm biệt.

Chương 37

CẢ ĐÊM HÔM ẤY TÔI KHÔNG NGỦ ĐƯỢC. Tôi cứ nằm trên giường và để đèn sáng, nhìn chăm chăm vào chiếc bút Montblanc sang trọng mà nhiều năm nay tôi chẳng viết gì – nó đang nhanh chóng trở thành đôi găng tay đẹp đẽ được tặng cho người cụt bàn tay. Không dưới một lần tôi cảm thấy thôi thúc muốn đến căn hộ nhà Aguilar và, vì không có kết quả tốt hơn, đành từ bỏ ý định. Nhưng sau nhiều suy tính, tôi quyết rằng lao đến nhà Bea ngay từ đầu giờ sáng sẽ chẳng cải thiện được tình hình. Đến lúc sớm mai, mệt mỏi và bất an, tôi kết luận

điều tốt nhất nên làm là cứ mặc theo dòng nước trôi; theo thời gian dòng sông sẽ cuốn đi luồng máu độc.

Buổi sáng chậm rãi trôi đi với rất ít công việc trong cửa hàng nên tôi tranh thủ đứng ngủ một lát, trong tư thế mà cha tôi mô tả là duyên dáng và thẳng bằng như loài hạc. Đến giờ ăn trưa, như đã hẹn với Fermín tối hôm trước, tôi giả vờ đi dạo, còn Fermín nói rằng có cuộc hẹn với bác sĩ để tháo chỉ. Theo tôi thấy, cha tôi nuốt trọn cả hai lời nói dối. Ý nghĩ lừa dối cha tôi một cách có hệ thống bắt đầu khiến tôi bứt rứt, và nửa chừng sáng hôm ấy tôi nói với Fermín như vậy, trong khi cha tôi đi giao hàng.

“Daniel ạ, mỗi quan hệ cha và con trai dựa trên hàng ngàn lời nói dối vô hại. Những món quà của bà nhà thông thái, chuyện tiên răng, trọng dụng nhân tài và nhiều thứ khác. Chuyện này chỉ thêm một lời nói dối vào thôi. Đừng mặc cảm tội lỗi.”

KHI THỜI ĐIỂM TỐI, TÔI LẠI NÓI DỐI và đến thẳng nhà Nuria Monfort, những đụng chạm và mùi vị của chị vẫn không thể tẩy xóa trong ký ức tôi. Những viên sỏi trên Quảng trường San Felipe Neri đã bị một đàn bò câu phủ kín, nhưng ngoài chúng ra cả quảng trường vắng ngắt. Tôi băng qua mặt

đường lát sỏi dưới ánh mắt cảnh giác của lũ bồ câu, và nháo nhác nhìn quanh tìm kiếm Fermín, có trời biết anh ta nguy trang thành cái gì – anh ta không chịu tiết lộ mưu kế của mình. Tôi đi vào tòa nhà và thấy tên Miquel Moliner vẫn còn ở hòm thư; tôi tự nhủ đó có phải là kẻ hờ mà tôi sẽ chỉ ra trong câu chuyện của Nuria Monfort. Khi đi lên cầu thang tối tăm, tôi hy vọng chị sẽ không có nhà. Không ai có thể cảm thấy lòng trắc ẩn đối với một kẻ nói dối bằng một kẻ nói dối khác. Khi đến chiếu nghỉ tầng bốn, tôi dừng lại để lấy hết can đảm và bịa ra vài lý do biện minh cho cuộc viếng thăm này. Radio nhà hàng xóm vẫn ông ổng dội từ phía bên kia chiếu nghỉ, lần này

đang phát một chương trình trò chơi trong đó người chơi được thử kiến thức tôn giáo. Trò chơi có tên *Chúa giúp sức*, và có tiếng là làm say mê cả nước Tây Ban Nha vào các trưa thứ Ba.

Và bây giờ, câu hỏi năm điểm, trò chơi Chúa giúp sức, Bartolomé, bạn hãy cho biết Kẻ Xấu Xa làm thế nào để cải trang trước những người thông thái xứ Tabernade, trong câu chuyện ngụ ngôn về tổng thiên thần và quả bí, trong Sách Giôsuê? a) một con cừu non, b) một người bán chai lọ, hay c) một nghệ sĩ nhào lộn có con khi?

Lướt trên làn sóng tiếng vỗ tay của đám khán giả trong phòng thu Đài phát thanh Quốc gia, tôi chôn chân trước cửa nhà Nuria Monfort và nhấn chuông chừng vài giây. Tôi nghe thấy tiếng vọng lan suốt căn hộ và thở hắt ra một tiếng nhẹ nhõm. Tôi đã toan bỏ đi thì nghe tiếng bước chân tiến đến cửa. Lỗ nhòm ánh lên như một giọt lệ sáng. Tôi mỉm cười. Khi chìa khóa xoay trong ổ, tôi thở thật sâu.

Chương 38

“DANIEL.”

Làn khói xanh dương của điều thuốc lá quấn quanh mặt chị. Đôi môi chị ánh lên màu son tối; chúng ẩm ướt và để lại dấu như vết máu khô trên cái đầu lọc chị cầm giữa ngón trỏ và ngón giữa. Có những người mà ta nhớ đến và có những người mà ta mơ về. Với tôi, Nuria Monfort giống như một ảo vọng: ta không chắc vẫn tính xác thực của nó, ta chỉ đơn giản đi theo nó cho đến khi nó biến mất hay cho đến khi nó hủy hoại ta. Tôi đi theo chị vào căn phòng hẹp, tối tăm, nơi

có chiếc bàn, những cuốn sách, và một bộ bút chì xếp ngay ngắn, như thể ngẫu nhiên mà đâm ra cân xứng.

“Tôi nghĩ sẽ không gặp lại cậu nữa.”

“Xin lỗi phải làm chị thất vọng.”

Chị ngồi trên ghế cạnh bàn, bắt chéo chân và hơi hướng về trước. Tôi dút ánh mắt mình khỏi cổ họng chị và tập trung vào một vết thâm trên tường. Tôi bước đến cửa sổ liếc nhanh xuống quăng trường. Không thấy dấu hiệu của Fermín. Tôi có thể nghe tiếng Nuria Monfort thở sau lưng tôi, có thể cảm thấy đôi mắt chị đang lướt qua cổ tôi. Tôi nói, mắt không rời khỏi cửa sổ.

“Vài ngày trước, một người bạn của tôi phát hiện ra rằng người quản lý căn hộ của Fortuny-Carax quá cố đã gửi thư đến một hòm thư mang tên một công ty luật rõ ràng không tồn tại. Người bạn ấy cũng phát hiện ra rằng người đó đã nhiều năm nay nhận thư từ hòm thư này, người đó dùng tên của chị, Señora Monfort...”

“Thôi đi.”

Tôi quay lại và thấy chị lui vào bóng tối.

“Cậu phán xét tôi mà chẳng hiểu gì về tôi,” chị nói.

“Vậy hãy giúp tôi hiểu chị đi.”

“Bạn đã kể với ai về việc này chưa? Còn ai khác biết điều bạn nói với tôi không?”

“Nhiều hơn chị nghĩ đấy. Cảnh sát đã theo dõi tôi từ lâu.”

“Fumero?”

Tôi gật đầu. Dường như tay chị ấy đang run.

“Bạn không biết mình đã làm gì đâu, Daniel.”

“Vậy chị nói đi,” tôi trả lời bằng sự cục cằn mà tôi không cảm thấy.

“Bạn nghĩ rằng do cậu tình cờ bắt gặp một cuốn sách mà cậu có quyền xâm

nhập vào cuộc đời của những người cậu không quen biết và dính mũi vào những việc cậu không thể hiểu và không phải của cậu ư.”

“Giờ chúng thuộc về tôi rồi, dù chị có thích hay không.”

“Cậu không biết mình đang nói gì đâu.”

“Tôi đã vào ngôi nhà Aldaya. Tôi biết Jorge Aldaya trốn ở đó. Tôi biết ông ta là người đã giết Carax.” Mãi đến khi nghe chính mình nói ra, tôi mới biết mình tin những lời này.

Chị nhìn tôi thật lâu, rồi thận trọng lựa lời. “Fumero có biết điều này

không?”

“Tôi không biết.”

“Bạn phải biết chứ. Fumero có theo dõi cậu đến ngôi nhà đó không?”

Nỗi căm giận trong mắt chị thiêu đốt tôi. Ban đầu tôi đã nhập vai kẻ buộc tội và quan tòa, nhưng từng phút trôi qua, tôi lại càng cảm thấy mình giống thủ phạm.

“Tôi không nghĩ vậy. Chị có biết không? Chị có biết rằng chính Aldaya đã giết Julián và ông ta đang trốn trong ngôi nhà đó không? Sao chị không kể cho tôi?”

Chị cười cay đắng. “Bạn không

hiếu gì hết, đúng không?’

“Tôi hiểu là chị đã nói dối để bảo vệ cho kẻ đã giết một người chị coi là bạn, rằng chị đang che giấu tội ác này nhiều năm nay, đang bảo vệ cho một kẻ mà mục đích duy nhất là xóa bỏ mọi dấu vết tồn tại của Julián Carax, kẻ đốt sách của ông ấy. Tôi hiểu rằng chị đã nói dối về chồng chị, ông ta không ở tù và rõ ràng cũng không ở đây. Tôi hiểu như vậy đây.”

Nuria Monfort chậm chậm lắc đầu. “Đi đi, Daniel. Rời khỏi nhà này và đừng bao giờ quay lại. Cậu quá lắm rồi.”

Tôi bước về phía cửa, bỏ lại chị trong phòng ăn. Tôi dừng giữa chừng và

quay lại. Nuria Monfort đang ngồi trên sàn, lưng chịt dựa vào tường, mọi mối quan tâm về diện mạo đều tan biến.

TÔI CỨ CÚI GẦM MẶT MÀ BĂNG QUA QUẢNG TRƯỜNG. Tôi mang theo mình nỗi đau tôi nhận được từ đôi môi người phụ nữ đó, một nỗi đau tôi cảm thấy mình xứng đáng, dẫu tôi không hiểu nguyên do. “Cậu không biết mình đã làm gì đâu, Daniel.” Tôi chỉ muốn chạy trốn khỏi nơi đó. Khi bước qua nhà thờ, ban đầu tôi không để ý sự hiện diện của một thầy tu gầy hốc hác, mũi to đang đứng trước cổng nhà thờ, tay cầm cuốn Kinh Thánh và chuỗi tràng hạt. Anh ta

thông thả ban phước cho tôi khi tôi đi qua.

Chương 39

TÔI BƯỚC VÀO CỬA HÀNG TRỄ GẦN BỐN LĂM PHÚT. Khi nhìn thấy tôi, cha tôi nhú mày phật ý rồi nhìn đồng hồ.

“Con nghĩ bây giờ là mấy giờ rồi? Con biết bố phải đến thăm khách hàng ở San Cugat, thế mà con bỏ lại bố ở đây một mình.”

“Còn Fermín thì sao ạ? Anh ta chưa về sao?”

Cha tôi lắc đầu với sự hồi hả dường như chiếm lấy ông mỗi khi tâm

trạng không vui. “Mà có thư cho con này. Bố để cạnh ngăn kéo.”

“Bố, con xin lỗi, nhưng...”

Ông vẫy tay xua đi lời giải thích của tôi, khoác vội áo mưa và đội mũ rồi ra khỏi cửa không nói lời tạm biệt. Vì hiểu rõ ông, tôi biết cơn tức giận sẽ tan biến trước khi ông đến nhà ga. Tôi thấy lạ về sự mất tích của Fermín. Kể từ lúc tôi thấy anh ta ăn mặc như thầy tu diễn trò ở Quảng trường San Felipe Neri, đợi Nuria Monfort hồi hả chạy ra khỏi nhà và dẫn anh ta đến tâm điểm điều bí ẩn, niềm tin của tôi vào kế hoạch kia đã vụn vỡ tan tành. Tôi tưởng tượng nếu Nuria Monfort xuống phố thì Fermín hẳn sẽ

phải theo chị ta đến chỗ dược sĩ hoặc hàng bánh. Kế hoạch mới tuyệt làm sao chứ! Tôi bước đến ngăn kéo để xem bức thư cha tôi vừa nhắc. Phong bì màu trắng và hình chữ nhật, giống như bia mộ, ở chỗ hình thập ác địa có ghi địa chỉ hoàn thư, nó nghiền nát chút tinh thần ít ỏi còn lại của tôi ngày hôm ấy.

Chính quyền quân sự Barcelona

Ban tuyển quân

“Kính Chúa lòng lành,” tôi lầm bầm.

Tôi biết nội dung trong bức thư dù không cần phải mở, nhưng thậm chí nếu như có mở ra cũng chỉ là để đấm mình

trong đau khổ mà thôi. Bức thư ngắn gọn: với hai dòng chữ, lơ lửng đầu đó giữa một tuyên bố chói tai và một khúc ca trong vở nhạc kịch, đặc trưng cho mọi thư từ quân sự. Tôi được thông báo rằng, trong vòng hai tháng nữa, tôi, Daniel Sempere, sẽ vinh dự và tự hào được hoàn thành nghĩa vụ thiêng liêng nhất và khai sáng nhất dành cho một người đàn ông Iberia: phụng sự Tổ quốc và mang bộ quân phục của cuộc viễn chinh toàn dân tộc để bảo vệ thành lũy linh thiêng của phương Tây. Tôi hy vọng ít nhất Fermín cũng có thể nhìn thấy khía cạnh hài hước của nó và cho chúng tôi cười vui một chút với bài *Sự sụp đổ của Âm mưu Do Thái-Tam điểm* được hát theo

kiểu của anh ta. Hai tháng. Tám tuần. Sáu mươi ngày. Tôi luôn có thể chia nhỏ ra thời gian theo giây và có một dãy số dài cả dặm. Tôi có 5.184.000 giây tự do còn lại. Có lẽ Don Federico, người mà theo cha tôi thậm chí có thể làm một chiếc xe Volkswagen, có thể làm cho tôi một chiếc đồng hồ có hãm phanh. Hẳn ai đó có thể giải thích cho tôi làm cách nào để không đánh mất Bea mãi mãi. Khi nghe tiếng chuông cửa, tôi nghĩ Fermín đã quay về sau khi tự thuyết phục rằng nỗ lực làm thám tử của chúng tôi chẳng gì hơn một trò đùa tệ hại.

“Ồ, chẳng phải vị hoàng tử đang canh chừng lâu đài đầy ư - hẳn chàng ta rồi, dù khuôn mặt chàng có dài thườn

thợt. Vui lên nào, Cậu Bé U Sầu,” Gustavo Barceló nói. Ông mặc một chiếc áo khoác lông lạc đà và cầm chiếc gậy ngà thường ngày, mà ông không cần đến và ông cứ khua như mũ tế của Hồng y. “Bố cháu có nhà không, Daniel?”

“Cháu rất tiếc, Don Gustavo. Bố cháu ra ngoài gặp khách hàng rồi, cháu nghĩ ông ấy sẽ về lúc...”

“Tuyệt lắm. Vì ta đến không phải để gặp bố cháu, và càng tốt khi ông ấy không phải nghe điều ta phải nói với cháu.”

Ông nheo mắt với tôi, tháo đôi găng tay và nhìn quanh cửa hàng.

“Anh bạn Fermín của chúng ta đâu nhỉ? Anh ta có đây không?”

“Mất tích khi làm nhiệm vụ.”

“Trong khi đang trở tài năng của anh ta vào vụ Carax, chắc vậy?”

“Cả thể xác lẫn linh hồn. Lần cuối khi cháu gặp, anh ta mặc áo thầy tu và đang làm lễ ban phúc *urbi et orbi*.”

“Ta hiểu rồi... Là lỗi của bác khi hỏi thúc cháu làm việc này. Ước gì ta đã không mở miệng.”

“Trông bác có vẻ lo lắng. Có chuyện gì thế ạ?”

“Không hẳn. Mà đúng theo cách

nào đây.”

“Ý bác là sao, Don Gustavo?”

Ông bán sách mỉm cười hiền hậu. Cái vẻ kiêu căng thường thấy của ông giờ bỗng biến đâu mất. Thay vào đó, trông ông thật nghiêm nghị và lo lắng.

“Sáng nay bác gặp Don Maniel Gutiérrez Fonseca. Ông ấy năm mươi chín tuổi, sống độc thân, đã làm việc trong nhà tang lễ thành phố Barcelona từ năm 1924. Ba mươi năm phục vụ nơi ngưỡng cửa bóng đêm. Lời của ông ta, không phải bác. Don Manuel là một người mang cốt cách xưa cũ – nhã nhặn, vui vẻ, hay giúp người. Trong mười lăm năm qua, ông ấy sống trên phố Ceniza, ở

một căn phòng đi thuê cùng với một tá vẹt đuôi dài biết hát trong tang lễ. Ông ta có vẻ ưu tiên ở Liceo. Ông thích Verdi và Donizetti. Ông ta bảo rằng điều quan trọng trong công việc của ông là tuân thủ nguyên tắc. Những nguyên tắc điều chỉnh mọi thứ, đặc biệt trong những dịp người ta không biết phải làm gì. Cách đây mười lăm năm, Don Manuel mở một bọc vải do cảnh sát mang đến, và trong đó ông thấy người bạn thân nhất lúc còn nhỏ của mình. Phần còn lại của cái xác được mang đến trong một bọc khác. Don Manuel, kìm nén cảm xúc lại, đã làm theo nguyên tắc.”

“Bác có muốn một tách cà phê không, Don Gustavo? Trông bác hơi tái.”

“Ừ.”

Tôi đi tìm ấm giữ nhiệt và rót cho ông một tách, bỏ vào tám viên đường. Ông uống sạch.

“Bác thấy đỡ hơn chưa?”

“Khá hơn rồi đấy. À, sự thể là Don Manuel trực ca đúng hôm người ta mang xác Julián Carax đến phòng mổ pháp y, tháng Chín năm 1936. Tất nhiên, Don Manuel không thể nhớ tên, nhưng chỉ cần nhìn qua hồ sơ lưu trữ và một trăm peso quyên góp vào quỹ hưu trí của ông ta là trí nhớ của ông ta linh lợi lên đáng kể. Cháu có nghe không đấy?”

Tôi gật gật đầu, gần như bị bỏ bùa.

“Don Manuel nhớ mọi chi tiết của ngày hôm đó, như ông ta kể, đây là một trong những lần ít ỏi ông ta bỏ qua quy tắc. Cảnh sát khẳng định rằng cái xác được tìm thấy ở trong một ngõ hẻm trên khu phố Raval, ngay trước lúc trời sáng. Xác được đưa đến nhà đôn vào giữa buổi sáng. Cùng với nó chỉ có một cuốn sách và tấm hộ chiếu, khẳng định đó là Julián Fortuny Carax, sinh năm 1900 ở Barcelona. Hộ chiếu được đóng dấu ở trạm biên giới La Junquera, cho thấy Carax mới quay về nước một tháng. Nguyên nhân cái chết có lẽ là một vết thương do đạn bắn. Don Manuel không phải bác sĩ, nhưng qua nhiều năm ông học được nên nhìn cái gì. Theo ý kiến

của ông ta, phát súng, ngay trên tim, được bắn từ tầm gần. Nhờ tấm hộ chiếu, người ta tìm được ông Fortuny, cha của Carax, ông này đến nhà xác ngay đêm hôm ấy để nhận dạng.”

“Cho đến điểm này thì mọi việc đều trùng khớp với lời kể của Nuria Monfort.”

Barceló gật đầu. “Đúng vậy. Điều Nuria Monfort không nói cho cháu là ông ấy – ông bạn Don Manuel của bác ấy – cảm thấy cảnh sát không quan tâm mấy đến vụ việc này, và sau khi nhận ra cuốn sách tìm thấy trong túi áo của thi thể mang tên người đã chết, ông ta đã quyết định hành động theo ý mình và gọi đến

nhà xuất bản ngay chiều hôm đó, trong khi người ta đang đợi ông Fortuny, để thông báo cho họ về chuyện xảy ra.”

“Nuria Monfort bảo với cháu là nhân viên nhà xác gọi điện đến nhà xuất bản ba ngày sau, khi cái xác đã được chôn vào khu mộ chung.”

“Theo Don Manuel, ông ta đã gọi vào đúng ngày cái xác được chuyển đến nhà đôn. Ông ta bảo đã nói chuyện với một cô gái, cô này bảo rất biết ơn vì ông ta gọi điện. Don Manuel nhớ rằng ông ta có phần sốc bởi thái độ của cô gái trẻ đó. Nói theo lời ông ta: “Như thể cô ta đã biết chuyện rồi.”

"Còn ông Fortuny? Có phải ông ta

không chịu nhận con trai không?”

“Đó là điều làm bác ngạc nhiên nhất. Don Manuel nói rằng cuối buổi chiều hôm đó, có một người đàn ông bé nhỏ đến, ông ta run rẩy, được hai cảnh sát hộ tống. Đây là ông Fortuny. Theo Don Manuel, ấy là điều mà ta không bao giờ có thể quên được, cái lúc những người thân thích nhất của người đã khuất đến nhận diện xác. Ông ta nói đó là một tình huống không mong muốn đối với bất kỳ ai. Tệ hơn hết, ông nói, là khi người chết còn trẻ, và cha mẹ họ hoặc hôn thê hay hôn phu của họ phải đến nhận dạng. Don Manuel còn nhớ rõ ông Fortuny. Ông ta bảo khi Fortuny đến nhà xác, ông ta gần như không đứng nổi, khóc lóc như

đưa trẻ, hai cảnh sát phải sốc hai bên đỡ ông ta. Ông ta cứ gào thét: “Người ta đã làm gì con trai tôi? Người ta đã làm gì con trai tôi?”

“Ông ta có thấy cái xác không?”

“Don Manuel kể rằng thiếu điều ông ta đã hỏi cảnh sát xem họ có thể bỏ qua thủ tục này không. Đó là lần duy nhất ông ta hồ nghi những quy tắc. Cái xác ở trong tình trạng rất tệ. Lúc thi thể được đưa đến nhà xác thì nạn nhân đã chết hơn bốn tám tiếng rồi, và không phải từ lúc mờ sớm ngày hôm đó, như cảnh sát thông báo. Manuel sợ rằng khi ông già thấp bé ấy nhìn thấy cái xác ông ta sẽ ngã quy mất. Ông Fortuny liên tục nhắc lại rằng

không thể như vậy được, con trai Julián của ông ta không thể chết được... Rồi Don Manuel gỡ bỏ khăn liệm ra, và hai cảnh sát hỏi ông Fortuny theo đúng thủ tục rằng đó có phải con trai ông ta, Julián hay không?’

“Rồi sao?”

“Ông Fortuny chết lặng. Ông ta nhìn chăm chăm cái xác chừng một phút. Rồi ông quay gót bỏ đi.”

“Bỏ đi?”

“Vội vã.”

“Thế còn cảnh sát? Họ không ngăn ông ta lại sao? Không phải ông ta đến nhận xác sao?”

Barceló cười tinh quái. “Về lý thuyết thôi. Nhưng Don Manuel nhớ rằng còn một người khác trong căn phòng đó, một cảnh sát thứ ba, kẻ này đã lặng lẽ đi vào trong khi hai người kia dìu ông Fortuny. Hắn đứng quan sát mà không hề nói gì, chỉ dựa vào tường, điều thuốc trên môi. Don Manuel nhớ rõ hắn vì khi ông ta bảo rằng quy định cấm ngạt hút thuốc trong nhà xác, một tên cảnh sát ra hiệu cho ông ta im mồm. Theo lời Don Manuel, ngay khi ông Fortuny bỏ đi, tay cảnh sát thứ ba bước đến chỗ cái xác, liếc nhìn rồi nhổ nước bọt lên mặt cái xác. Rồi hắn giữ tấm hộ chiếu và ra lệnh mang xác đến Montjuïc để chôn trong khu mộ chung vào sáng sớm.”

“Thật vô lý...”

“Don Manuel cũng nghĩ vậy. Đặc biệt là khi chẳng có gì ăn nhập với quy tắc cả. ‘Nhưng chúng ta không biết người này là ai,’ ông ta nói. Hai cảnh sát kia không nói gì. Don Manuel tức giận quát mắng họ. ‘Hay là các anh biết quá nhiều? Vì rõ là anh ta đã chết hơn một ngày.’ Don Manuel hiển nhiên đang dẫn chiếu các quy định và ông không phải kẻ khờ khạo. Theo ông ta, khi tay cảnh sát thứ ba nghe thấy lời phản đối của ông ta, hẳn bước đến, nhìn thẳng vào mắt ông ta, rồi hỏi ông ta có muốn đi theo người chết luôn không. Don Manuel khiếp đảm. Người đàn ông kia có cặp mắt của một

kẻ loạn trí, và Don Manuel không hề nghi ngờ dù chỉ một giây rằng hắn nói thật. Ông ta lẩm bẩm rằng mình chỉ đang cố tuân thủ quy tắc thôi, rằng không ai biết người chết là ai, vì vậy nên chưa thể chôn ngay được. ‘Tao bảo hắn là ai thì hắn phải như vậy,’ tay cảnh sát trả lời. Rồi hắn cầm tờ khai và ký vào, thế là xong vụ việc. Don Manuel nói ông ta sẽ không bao giờ quên cái chữ ký đó, vì trong những năm chiến tranh, và trong một thời gian dài sau đó, ông ta sẽ gặp cái chữ ký ấy trên hàng chục giấy chứng tử đối với những cái xác mà có Chúa mới biết ở đâu ra – những cái xác không ai đến nhận diện...”

“Thanh tra Francisco Javier

Fumero...”

“Niềm tự hào và vinh quang của Sở Cảnh sát Trung tâm. Cháu có hiểu nghĩa là thế nào không, Daniel?”

“Rằng chúng ta đã ra đòn như kẻ mù ngay từ đầu.”

Barceló cầm mũ và gậy rồi bước ra cửa, vừa đi vừa lẩm bẩm: “Không, thế nghĩa là đòn chỉ mới bắt đầu thôi.”

Chương 40

CẢ BUỔI CHIỀU TÔI CỨ NHÌN BỨC THU' tàn nhẫn thông báo lệnh quân ngũ của tôi, hy vọng có tín hiệu Fermín còn sống. Ba mươi phút sau khi đóng cửa, vẫn không biết Fermín ở đâu. Tôi nhắc điện thoại gọi đến nhà trọ trên phố Joaquín Costa. Doña Encarna trả lời, giọng bà khản đặc vì rượu. Bà nói từ sáng đến giờ không gặp Fermín.

‘Nếu nửa tiếng nữa anh ta không quay lại thì anh ta sẽ phải ăn tối đồ nguội mất. Đây không phải khách sạn Ritz, cháu biết đấy. Bà hy vọng không có gì

xảy ra với anh ta.”

“Đừng lo Doña Encarna. Anh ấy có đơn hàng phải giao nên hẳn là sẽ về trễ. Dù sao, nếu trước khi đi ngủ bà có gặp anh ấy, mong bà bảo anh ấy gọi điện cho cháu. Cháu là Daniel Sempere, hàng xóm của Merceditas.”

“Được rồi, nhưng bà phải báo trước với cháu là bà đi ngủ lúc tám rưỡi tối.”

Sau đó tôi gọi điện đến nhà Barceló, hy vọng Fermín đến đó dọn sạch tủ thức ăn của Bernarda hoặc đưa chị ấy đến tiệm giặt là. Điều tôi không ngờ là Clara trả lời máy.

“Daniel, thật ngạc nhiên.”

Cô đã chiếm mất cuộc gọi của tôi, tôi nghĩ. Nói chuyện với cô loanh quanh một hồi về Don Anacleto, giáo viên trung học, tôi mới nói lý do cuộc gọi của mình, rất thản nhiên, gần như vô tình.

“Không, cả ngày nay Fermín không đến. Và Bernarda ở cạnh tôi cả buổi chiều nên tôi mới biết. Thật tình chúng tôi đã nói về cậu.”

“Nói chuyện thế thì có chán không cơ chứ?”

“Bernarda bảo cậu trông khá điển trai, lớn lắm rồi.”

“Tôi đã uống rất nhiều vitamin.”

Một khoảng lặng dài.

“Daniel, cậu có nghĩ chúng ta sẽ lại là bạn một ngày nào đấy không? Phải mất bao năm cậu mới tha thứ được cho tôi đây?”

“Chúng ta đã là bạn rồi, Clara, và tôi không phải tha thứ cho chị vì bất cứ chuyện gì. Chị biết vậy mà.”

“Bác tôi bảo cậu vẫn đang điều tra về Julián Carax. Sao chiều nào đấy cậu không đến đây kể những tin mới nhất cho tôi nghe. Tôi có rất nhiều điều muốn nói với cậu.”

“Một ngày nào đấy, tôi hứa.”

“Tôi sắp lấy chồng, Daniel ạ.”

Tôi nhìn vào ông nghe. Tôi tưởng như chân mình đang lún xuống đất hay tôi đã co rút đi dăm xăng ti mét.

“Daniel, cậu còn đó không?”

“Vâng.”

“Cậu ngạc nhiên.”

Tôi nuốt – nước bọt cô lại như bê tông. “Không. Điều khiến tôi ngạc nhiên là chị chưa lấy chồng. Chị thiếu gì những người theo đuổi. Ai là người may mắn vậy?”

“Cậu không biết đâu. Anh ấy tên là Jacobo. Anh ấy là bạn của bác Gustavo.

Quản lý ở Ngân hàng Tây Ban Nha. Chúng tôi gặp nhau ở buổi diễn opera do bác tôi tổ chức. Jacobo rất ham mê opera. Anh ấy lớn tuổi hơn tôi, nhưng chúng tôi là bạn tốt, vấn đề là ở đây, cậu không nghĩ vậy sao?”

Miệng tôi đầy những lời nanh nọc, nhưng tôi cắn lưỡi. Nó có vị như thuốc độc. “Tất nhiên... Chúc mừng chị.”

“Cậu sẽ không bao giờ tha thứ cho tôi, đúng không Daniel? Với cậu, tôi luôn là Clara Barceló xảo trá.”

"Với tôi, chị luôn là Clara Barceló, thế thôi. Chị biết điều đó như tôi biết vậy."

Một thoáng yên lặng nữa, cái khoảng lặng khiến ta chợn chợn.

“Còn cậu thì sao, Daniel? Fermín bảo cậu có một cô bạn gái xinh đẹp.”

“Tôi phải đi đây, Clara, có khách mới vào. Một ngày gần đây tôi sẽ đến thăm, chúng ta sẽ uống trà. Chúc mừng một lần nữa.”

Tôi đặt máy xuống và thở dài.

Cha tôi vừa đi thăm khách hàng về, trông ông chán nản và không có hứng nói chuyện. Khi tôi dọn bàn thì ông đã nấu xong bữa tối, thậm chí không hỏi gì về Fermín hay công việc trong hiệu sách ngày hôm đó ra sao. Chúng tôi nhìn vào

đĩa của mình trong suốt bữa ăn, ẩn trốn sau tiếng huyền thuyên của bản tin trên đài phát thanh. Cha tôi hầu như không ăn gì. Ông cứ dùng thìa khuấy khuấy bát xúp lơng vô vị, như thể ông đang tìm vàng dưới đáy bát.

“Bố chưa động đến thức ăn đây,” tôi nói.

Cha tôi nhún vai. Đài vẫn tiếp tục dội bom chúng tôi bằng những điều vô nghĩa. Cha tôi đứng lên tắt đi.

“Trong thư quân đội nói gì vậy?” cuối cùng ông hỏi.

“Hai tháng nữa con phải nhập ngũ.”

Khuôn mặt ông dường như già đi mười tuổi.

“Barceló nói bác ấy đang cố nhờ mối quen biết để con được chuyển đến Chính quyền Quân sự ở Barcelona, sau khóa huấn luyện. Con sẽ có thể về ngủ ở nhà,” tôi nói thêm.

Cha tôi đáp bằng một cái gật đầu thờ ơ. Tôi thấy đau đớn phải nhìn ông như vậy, nên liền đứng lên dọn bàn. Cha tôi vẫn ngồi đó, mắt mơ màng, đan hai tay chống cằm. Tôi đang định rửa bát đĩa thì nghe tiếng bước chân dồn dập ở cầu thang. Những bước chân chắc chắn, vội vã dội lên cầu thang, báo trước có chuyện khủng khiếp sắp xảy ra. Tôi

ngược lên nhìn cha. Bước chân dừng lại trước chiếu nghỉ nhà tôi. Cha tôi đứng dậy, vẻ lo lắng. Một giây sau, chúng tôi nghe tiếng đám thình thịch vào cửa và một giọng nói giận dữ bùng lên nghe khá quen.

‘Cảnh sát đây! Mở cửa ra!’

Một ngàn con dao găm cắm vào đầu tôi. Một loạt đám nữa khiến cửa rung lên. Cha tôi bước đến cửa, mở lỗ dòm.

“Các ông muốn gì vào giờ này?”

“Mở cửa không thì bọn tao sẽ đập đồ, Sempere. Đừng để tao phải nhắc lại.”

Tôi nhận ra giọng Fumero và một

hơi thở lạnh liền tràn vào tôi. Cha tôi ném về phía tôi cái nhìn dò hỏi. Tôi gật đầu. Nén tiếng thở dài, ông mở cửa. Fumero và hai tay sai của hắn hiện ra dưới ánh đèn vàng vọt ở thêm nghỉ, như những con rôi mặt xám như tro mặc áo mưa xám.

“Hắn đâu rồi?” Fumero hét lên, đẩy cha tôi sang một bên rồi đi thẳng vào phòng ăn.

Cha tôi cố ngăn hắn, nhưng một tên cảnh sát đã túm tay ông đẩy ông vào tường, giữ chặt ông với vẻ lạnh lùng và hiệu quả của một kẻ đã quen với nhiệm vụ này. Đây chính là kẻ đã theo tôi và Fermín, cũng là kẻ đã giữ tôi khi

Fumero đánh bạn tôi ngoài Nhà tế bần Santa Lucía, và chính là kẻ đã theo dõi tôi hai đêm trước. Hắn nhìn tôi thờ ơ, vô cảm. Tôi bước thẳng đến Fumero, thể hiện hết sự bình tĩnh mà tôi dồn tụ được. Cặp mắt tên thanh tra đỏ lừ. Một vết cào mới chạy dọc má trái hắn, vết máu khô còn hằn in.

“Đâu rồi?”

“Cái gì đâu?”

Fumero đột nhiên nhìn xuống và lắc đầu, lẩm bẫm gì đó. Khi ngược mặt lên, hắn cau miêng như sói và cầm khẩu súng lục trong tay. Không rời mắt khỏi tôi, hắn nện báng súng vào lọ hoa héo úa trên bàn. Bình hoa vỡ thành từng mảnh

nhỏ, nước đổ ra và những cành hoa khô quắt vấy lên khăn bàn. Tôi không khỏi rùng mình. Cha tôi đang la hét ở cửa, bị hai tên cảnh sát giữ chặt. Tôi không thể hiểu được ông nói gì. Thứ duy nhất tôi lĩnh hội được là áp lực lạnh ngắt của khẩu súng trên má tôi, và mùi thuốc súng.

“Đừng giở trò với tao, thằng oắt con, không thì cha mày sẽ bò sàan nhà mà vớt sọ mày. Nghe chưa?”

Tôi gật đầu. Tôi đang run. Fumero gi súng vào má tôi. Tôi có thể cảm thấy nó như đang cắt vào da tôi, nhưng tôi thậm chí không dám chớp mắt.

“Lần cuối. Tao hỏi mày. Hấn đâu?”

Tôi thấy bóng mình trong đồng tử đen của viên thanh tra. Chúng từ từ co lại khi hấn siết cò súng bằng ngón tay cái.

“Không có ở đây. Từ trưa đến giờ tôi không thấy anh ta. Đó là sự thật.”

Fumero vẫn đứng chùng nửa phút, gí súng vào mặt tôi và hấn liếm mép.

“Lerma,” hấn ra lệnh. “Lục soát.”

Một tên cảnh sát vội vã lục lội căn nhà. Cha tôi cố vùng vẫy với tên cảnh sát kia nhưng bất lực.

“Nếu mày nói dối và chúng tao tìm thấy hấn trong nhà này, tao thề sẽ bẻ gãy chân cha mày,” Fumero thì thầm.

“Cha tôi không biết gì cả. Để ông ấy yên.”

“Mày mới chính là đứa không biết hẳn đang chơi trò gì. Nhưng ngay khi tao tóm được thằng bạn của mày, trò chơi kết thúc. Không thẩm phán, không bệnh viện, không chó gì hết. Lần này chính tao sẽ lo việc đưa hẳn vào tù. Và tao sẽ thích thú làm việc đó. Tao sẽ nhân nha, chẳng gì phải vội. Mày có thể nói với hẳn nếu mày gặp hẳn. Vì tao sẽ tìm cho ra hẳn dù có phải lật từng viên đá của thành phố này lên. Và mày sẽ là đứa tiếp theo trong danh sách.”

Gã cảnh sát Lerma xuất hiện lại trong phòng ăn và khẽ lắc đầu. Fumero

lời cò và hạ súng xuống.

“Đáng tiếc,” Fumero nói.

“Anh ta đã làm gì? Sao ông lại tìm anh ta?”

Fumero quay lưng về phía tôi và bước đến chỗ hai gã cảnh sát, chúng đã buông cha tôi ra theo lệnh của hắn.

“Ông sẽ phải nhớ chuyện này,” cha tôi thổ ra.

Mắt Fumero vẫn nhìn chằm vào ông. Theo bản năng, cha tôi lùi lại một bước. Tôi lo rằng cuộc viếng thăm của Thanh tra Fumero chỉ mới bắt đầu, nhưng bỗng nhiên hắn lắc đầu, khẽ cười, rồi rời khỏi nhà tôi. Lerma theo sau hắn. Tay

cảnh sát thứ ba, tên lính canh vẫn đeo bám tôi, dừng lại một lúc ở ngưỡng cửa. Hắn yên lặng nhìn tôi, như thể muốn nói gì đó.

“Palacios!” Fumero réo lên, giọng hắn nhòa đi trong tiếng vọng của cầu thang.

Palacios cúi mắt xuống và biến mất sau cửa. Tôi bước ra chiếu nghỉ. Tôi có thể thấy những lưỡi sáng xuyên qua mấy cánh cửa mở hé bên nhà hàng xóm, khuôn mặt sợ hãi của họ thò ra trong bóng tối. Bóng mờ của ba tay cảnh sát biến mất dưới cầu thang, và tiếng bước chân giận dữ của họ xa dần như dòng nước đục, để lại đằng sau tàn dư sợ hãi.

Đến khoảng giữa trưa chúng tôi nghe tiếng gõ sầm sầm trên cửa, lần này nhẹ hơn, hầu như sợ hãi. Cha tôi, đang chắm iốt lên vết thâm trên má tôi do khẩu súng của Fumero gây ra, bỗng nhiên chết lặng. Ánh mắt chúng tôi nhìn nhau. Rồi ba tiếng gõ nữa.

Trong một lúc tôi đã nghĩ đây là Fermín, người có lẽ đã chứng kiến toàn bộ chuyện xảy ra khi đang nấp ở trong góc tối cầu thang.

“Ai đây?” cha tôi hỏi.

“Don Anacleto đây, ông Sempere.”

Cha tôi buông tiếng thở dài. Chúng

tôi mở cửa và thấy ông thầy giáo, trông tái hơn bao giờ hết.

“Don Anacleto, có chuyện gì thế? Bác ổn chứ?” cha tôi hỏi, để ông đi vào.

Ông giáo đang cầm một tờ báo gấp lại. Ông đưa cho chúng tôi với vẻ kinh hãi. Báo vẫn còn ấm, mực còn ướt.

“Đây là số báo ngày mai,” Don Anacleto lầm nhảm. “Trang sáu.”

Điều đầu tiên đập vào mắt chúng tôi là hai bức ảnh dưới đầu đề. Thứ nhất là tấm hình Fermín, với thân hình đầy đặn hơn và nhiều tóc hơn, có lẽ trẻ hơn chừng mười lăm hai mươi tuổi. Bức thứ hai là khuôn mặt một phụ nữ mắt nhắm

nghiên, làn da như đá cẩm thạch. Mất vài giây tôi mới nhận ra chị ấy, vì tôi quen nhìn chị trong ánh sáng mờ.

KẺ LANG THANG GIẾT MỘT PHỤ NỮ GIỮA BAN NGÀY

BARCELONA/THÔNG TẤN XÃ

Cảnh sát đang truy tìm một người lang thang, kẻ đã đâm chết một phụ nữ vào chiều nay. Tên người phụ nữ là Nuria Monfort Masdedeu, cô sống ở Barcelona.

Tội ác xảy ra vào giữa buổi chiều ở khu vực San Gervasio, nơi nạn nhân bị kẻ lang thang hành hung không có động

cơ rõ ràng. Theo tin từ Sở Cảnh sát Trung ương, dường như kẻ lang thang đã theo dõi người phụ nữ vì nhiều lý do còn chưa rõ.

Dường như kẻ giết người, Antonio José Gutiérrez Alcayete, 55 tuổi, ngụ tại Villa Inmunda, tỉnh Cáceres, là một tên tội phạm nổi tiếng, có tiền sử bệnh tâm thần, đã trốn khỏi Nhà tù La Modelo cách đây sáu năm và lẩn tránh chính quyền bằng cách dùng nhiều danh tính khác nhau. Lúc xảy ra tội ác, hắn mặc áo thầy tu. Hắn mang vũ khí, và cảnh sát nhận định hắn vô cùng nguy hiểm. Hiện vẫn còn chưa rõ kẻ giết người và nạn nhân có quen biết nhau không, dù theo các nguồn tin từ Sở Cảnh sát mọi chi tiết

đều hướng về giả thiết này; cũng vẫn còn chưa rõ động cơ đằng sau tội ác này là gì. Nạn nhân bị đâm sáu nhát vào bụng, ngực và cổ. Vụ tấn công diễn ra gần một trường học, có một số học sinh chứng kiến và báo cho giáo viên. Sau đó giáo viên gọi cảnh sát và cứu thương. Theo báo cáo của cảnh sát, nguyên nhân tử vong là do bị nhiều vết thương. Nạn nhân chết trên đường đến Bệnh viện Lâm sàng Barcelona lúc 6:15 chiều.

Chương 41

CẢ NGÀY TRỜI CHÚNG TÔI KHÔNG nhận được tin gì của Fermín. Cha tôi vẫn kiên quyết muốn mở cửa hàng như thường lệ đặn cho thấy mọi chuyện vẫn bình thường và như để tuyên bố Fermín vô tội. Cảnh sát đã cắt cử một người gác ngay cửa cầu thang nhà tôi, một người khác canh chừng ở Quảng trường Santa Ana, nấp dưới cửa nhà thờ như hình tượng thánh. Chúng tôi có thể thấy họ run rẩy dưới cơn mưa tầm tã trút xuống từ sáng tinh mơ, làn sương từ hơi thở của họ càng mờ đi khi trời dần về tối, tay họ vùi trong túi áo mưa. Vài hàng

xóm đi ngang, liếc vội qua cửa sổ, nhưng không một ai dám đi vào.

“Chắc tin đồn đã lan,” tôi nói.

Cha tôi chỉ gật đầu. Suốt buổi sáng ông không hề nói gì, chỉ bày tỏ qua những cử chỉ. Tờ báo có tin cái chết của Nuria Monfort nằm trên bàn. Cứ hai mươi phút ông lại chạy đến đọc lại bài báo với vẻ mặt mà tôi không hiểu nổi. Suốt cả ngày, ông kìm nén nổi tức giận, để nó tích tụ trong người ông.

“Cho dù bố có đọc bao nhiêu lần bài báo ấy thì nó sẽ không trở thành hiện thực đâu,” tôi nói.

Cha tôi ngẩng đầu lên nhìn tôi

ngghiêm nghi. “Con có biết người này không? Nuria Monfort ấy?”

“Con đã nói chuyện với chị ấy vài lần.”

Khuôn mặt Nuria Monfort chiếm cứ suy nghĩ của tôi. Sự thiếu trung thực của tôi khiến tôi thấy buồn nôn. Tôi vẫn bị ám ảnh bởi mùi vị và sự đụng chạm vào môi chị, hình ảnh chiếc bàn ngăn nắp không chệ vào đâu được ấy và đôi mắt to, buồn của chị. “Vài lần.”

“Sao con lại phải nói chuyện với cô ta? Con thì có liên quan gì với cô ta?”

“Chị ấy là bạn cũ của Julián Carax. Con đến gặp chị ấy để hỏi chị ấy

nhớ gì về Julián Carax. Chỉ thế thôi. Chị ấy là con gái của Isaac, ông bảo vệ. Chính ông ấy đã cho con địa chỉ.”

“Fermín có biết cô ấy không?”

“Không.”

“Sao con dám chắc?”

“Sao bố có thể nghi ngờ anh ta và tin vào những thứ bịa đặt này? Fermín chỉ biết về người phụ nữ đó qua lời kể của con.”

“Và đó là lý do anh ta đi theo dõi cô ấy?”

“Vâng.”

“Vì con đã đề nghị anh ta làm

vậy.”

Tôi không trả lời. Cha tôi thở dài sườn sượt.

“Bố không hiểu đâu.”

“Chắc chắn là như vậy. Bố không hiểu con, không hiểu Fermín, hay...”

“Bố, từ những gì chúng ta biết về Fermín, không thể có chuyện như báo nói được.”

“Thế chúng ta biết gì về Fermín, hả? Trước hết, hóa ra chúng ta còn không biết tên thật của anh ta.”

“Bố hiểu nhầm về anh ta rồi.”

“Không đâu, Daniel. Con mới là

người hiếu nhâm, về nhiều việc. Ai bảo con đi đào bới cuộc sống của người khác?”

“Con hoàn toàn có quyền nói chuyện với ai con muốn.”

“Bố cho là con cũng hoàn toàn không chịu trách nhiệm gì đối với hậu quả những việc đó.”

“Bố đang ám chỉ rằng con phải chịu trách nhiệm về cái chết của người phụ nữ này sao?”

“Người phụ nữ này, như cách con gọi cô ấy, có tên và họ, và con biết cô ta.”

“Bố không cần phải nhắc con,” tôi

trả lời, mắt hoen ướt.

Cha buồn rầu nhìn tôi, lắc đầu. “Ôi, Chúa ơi, bố không dám nghĩ xem Isaac tội nghiệp chắc đang cảm thấy thế nào.”

“Chị ấy chết đâu phải lỗi của con,” tôi nói lí nhí, nghĩ rằng có lẽ nếu tôi lặp lại những lời ấy đủ lâu thì rốt cuộc tôi sẽ tin chúng.

Cha tôi lui vào phòng trong, vẫn lắc đầu.

“Hắn con phải biết điều gì mình phải chịu trách nhiệm và điều gì không chứ, Daniel. Đôi khi bố không biết con là ai nữa.”

Tôi chộp lấy áo mưa rồi chạy trốn ra đường và cơn mưa, nơi không ai biết tôi.

TÔI PHƠI MÌNH DƯỚI TRỜI MƯA LẠNH GIÁ, không biết phải đi đâu. Tôi lầm lũi bước, mang theo hình ảnh của Nuria Monfort, bất động, duỗi dài trên phiến đá lạnh căm, xác lỗ chỗ những vết đâm. Tôi đi qua phố Fontanella và không dừng lại nhìn đèn hiệu giao thông. Chỉ đến khi một cơn gió mạnh tấp vào mặt tôi mới quay sang và nhìn thấy một bức tường kim loại và ánh sáng đang lao về phía tôi hết tốc độ. Ngay tích tắc cuối, một người qua đường từ phía sau kéo tôi lại và đưa tôi ra khỏi

làn xe buýt. Tôi nhìn chăm vào con quái vật kim loại mờ sáng chỉ cách mặt mình chừng dăm xăng ti mét, tưởng như cái chết vừa chực lướt qua, chỉ cách một phần mười giây. Lúc tôi nhận thức được chuyện gì vừa xảy ra thì người cứu mạng tôi đang bước về phía vạch đường cho người đi bộ, chỉ là một cái bóng trong chiếc áo mưa màu xám. Tôi vẫn chôn chân tại chỗ, choáng váng. Qua làn mưa, tôi nhận ra người cứu tôi đã dừng lại bên kia đường và đang quan sát tôi dưới cơn mưa như trút. Chính là tên cảnh sát thứ ba, Palacios. Một bức tường dày đặc giao thông lèn giữa chúng tôi, và khi tôi nhìn lại, cảnh sát Palacios không còn ở đó.

Tôi hướng về nhà Bea, không thể đợi lâu hơn được nữa. Tôi cần gọi lại chút gì đó tốt đẹp ít ỏi còn lại trong mình, điều nàng đã cho tôi. Tôi vội vã chạy lên cầu thang và dừng lại trước cửa căn hộ nhà Aguilar, gần như nghẹn thở. Tôi túm nắm cửa và gõ ba tiếng lớn. Trong khi chờ đợi, tôi thu hết can đảm và bắt đầu nhận ra bộ dạng của mình: ướn sững như chuột lột. Tôi vuốt ngược tóc và tự nhủ con súc sắc đã tung ra. Nếu ông Aguilar xuất hiện và sẵn sàng bẻ chân tôi, nghiền nát mặt tôi thì càng sớm càng tốt. Tôi lại gõ cửa và sau một hồi tôi nghe tiếng bước chân đang đến. Lỗ dòm hé mở. Một đôi mắt đen nghi hoặc nhìn chằm vào tôi.

“Ai đó?”

Tôi nhận ra giọng Cecilia, một trong những cô giúp việc nhà Aguilar.

“Là Daniel Sempere đây, chị Cecilia.”

Lỗ dòm đóng lại, vài giây sau chốt cửa và then cài lên tiếng. Cánh cửa lớn từ từ mở ra, và tôi được Cecilia tiếp đón trong chiếc mũ vải và hầu phục, tay cầm một cây giá nến. Từ vẻ thận trọng của chị, tôi đoán chắc mình như một con ma.

“Chào Cecilia. Bea có nhà không?”

Chị nhìn tôi khó hiểu. Theo kinh

nghiệm qua những việc thường nhật trong nhà, chị biết rằng sự hiện diện của tôi, mà gần đây có vẻ bất thường, chỉ liên quan đến Tomás, bạn học cũ của tôi.

“Cô Bea không có nhà...”

“Cô ấy đi ra ngoài sao?”

Cecilia, người mà ngay cả khi tề chỉnh nhất cũng luôn đầy sợ hãi, khẽ gật đầu.

“Chị có biết bao giờ cô ấy về không?”

Chị giúp việc nhún vai. “Cô ấy đi với ông bà Aguilar đến bác sĩ, cách đây hai tiếng.”

“Đến bác sĩ ư? Cô ấy ốm sao?”

“Tôi không biết, thưa cậu.”

“Thế họ đến bác sĩ nào?”

“Tôi không biết, thưa cậu.”

Tôi quyết định không tra khảo chi giúp việc nữa. Sự vắng mặt của cha mẹ Bea mở ra những hướng đi khác. “Còn Tomás, cậu ấy có nhà không?”

“Có, thưa cậu Daniel. Xin mời vào, tôi sẽ đi gọi cậu chủ.”

Tôi bước vào sảnh và đợi. Như trước đây thì tôi sẽ lên thẳng phòng bạn mình, nhưng đã từ quá lâu tôi không đến ngôi nhà này đến nỗi nay tôi thấy mình

như người lạ. Cecilia biến mất vào hành lang chìm trong ánh sáng, bỏ lại tôi nơi bóng tối. Tôi nghĩ có thể nghe giọng Tomás từ xa rồi có tiếng bước chân lại gần. Tôi bịa ra cớ để giải thích cho cuộc viếng thăm không báo trước này. Nhưng hình dáng xuất hiện nơi lối vào sảnh lại là Cecilia. Chị nhìn tôi vẻ hồi lỗi, và nụ cười gượng gạo của tôi biến mất.

“Cậu Tomás bảo cậu ấy rất bận, không thể gặp cậu bây giờ được.”

“Chị có bảo với cậu ấy là tôi, Daniel Sempere không?”

“Có, thưa cậu Daniel. Cậu chủ bảo cậu về đi.”

Một nhát dao lạnh toát đâm vào bụng, cắt đi hơi thở tôi.

“Tôi xin lỗi cậu,” Cecilia nói.

Tôi gật đầu, không biết phải nói gì. Chị giúp việc mở cửa ngôi nhà mà mãi gần đây tôi vẫn xem như ngôi nhà thứ hai của mình.

“Cậu có cần ô không?”

“Không, cảm ơn Cecilia.”

“Tôi xin lỗi, cậu Daniel,” chị giúp việc lại nói.

Tôi cười yếu ớt. “Không sao đâu, Cecilia.”

Cửa đóng lại, bỏ mặc tôi trong

bóng đêm. Tôi đứng đó một lúc rồi lê thân xuống cầu thang. Cơn mưa cứ tàn nhẫn trút xuống. Tôi bước xuống đường. Khi đến góc phố, tôi dừng lại nhìn một lúc. Tôi ngược lên căn hộ nhà Aguilar. Tôi có thể thấy bóng bạn cũ Tomás của tôi hơi hằn nơi cửa sổ phòng ngủ cậu ấy. Cậu ấy đang nhìn tôi, bất động. Tôi vẫy tay chào. Cậu ấy không chào đáp lại. Vài giây sau, cậu ấy bỏ đi về phía kia căn phòng. Tôi đợi chừng năm phút, hy vọng cậu ấy sẽ xuất hiện, nhưng cậu không xuất hiện.

Chương 42

TRÊN ĐƯỜNG VỀ CỬA HÀNG, TÔI ĐI QUA CON PHỐ cạnh Capitol Cinema, ở đó hai họa sĩ đang đứng trên giàn giáo chán nản nhìn bức tranh cổ động mới vẽ của họ bị nhòe nhoẹt dưới cơn mưa. Từ xa, tôi nhận ra hình ảnh kiên cường của tên lính canh đang làm nhiệm vụ ngay đối diện cửa hàng. Khi đi qua cửa hàng của Đồng Federico Flaviá, tôi nhận thấy bác sửa đồng hồ đang đứng trước cửa nhìn trời mưa rơi. Vết sẹo từ khi ở Trụ sở Cảnh sát vẫn còn trên mặt. Bác mặc một bộ đồ len màu xám vừa in và cầm điếu thuốc lá mà bác chưa thềm

châm lửa. Tôi vẫy tay chào, và bác mỉm cười đáp lại.

“Điều gì khiến cậu căm thù ô thế, Daniel?”

“Còn điều gì có thể đẹp đẽ hơn mưa, Don Federico?”

“Viêm phổi. Vào nhà đi, ta sửa đồng hồ cho cháu rồi đây.”

Tôi nhìn bác, không hiểu. Mắt Don Federico dán vào tôi, và nụ cười của bác chưa biến mất. Tôi gật đầu và theo bác vào cửa hàng kỳ diệu ấy. Ngay khi chúng tôi vào trong, bác đưa cho tôi chiếc túi giấy nhỏ màu nâu.

“Cháu nên về ngay. Tên bù nhìn

đang canh cửa hàng không rời mắt khỏi chúng ta đâu.”

Tôi nhìn vào trong túi. Có một cuốn sách nhỏ, bọc da. Một cuốn sách kinh. Quyển kinh Fermín cầm trong tay khi lần cuối cùng tôi gặp anh ta. Don Federico đẩy tôi ra ngoài đường với một cái gạt đầu nghiêm nghị bảo tôi phải kín tiếng. Khi tôi ra ngoài, bác lấy lại vẻ vui vẻ và cao giọng.

“Mà này, đừng có bẻ kim khi vắn cọt, không nó lại hỏng đấy, nhớ chưa?”

“Đừng lo, Don Federico, cảm ơn bác.”

Tôi bước đi, bụng cứ thon thót

theo từng bước chân. Tôi đi thẳng đến tay cảnh sát mặc thường phục đang gác cửa hàng. Khi qua trước mặt hắn, tôi chào hắn bằng chính bàn tay đang cầm chiếc túi Don Federico đã đưa. Tay cảnh sát nhìn nó với vẻ quan tâm mơ hồ. Tôi vào cửa hàng. Cha tôi vẫn đứng sau quầy, như thể ông không hề động đậy kể từ khi tôi ra khỏi quán. Ông nhìn tôi nghi hoặc.

“Daniel này, điều bố đã nói...”

“Bố đừng lo. Bố nói đúng.”

“Con đang run đấy.”

Tôi gạt đầu và thấy ông chạy đi tìm ấm nước nóng. Tôi tranh thủ lúc ấy để

chui vào nhà vệ sinh cạnh phòng sau và kiểm tra cuốn sách. Bức thư của Fermín rơi ra, bay lật phật như con bướm. Tôi tóm lấy nó trong không khí. Bức thư được viết trên loại giấy cuốn thuốc lá, chữ nhỏ li ti, tôi phải đưa lên gần đèn mới đọc được.

Daniel thân mến,

Đừng tin những gì báo chí nói về vụ giết Nuria Monfort. Nhưng thường khi, nó chẳng gì hơn những chuyện bịa đặt. Tôi an toàn và khỏe mạnh, đang trốn ở một nơi đáng tin cậy. Đừng cố tìm tôi hay gửi tin cho tôi. Hãy hủy bức thư này ngay sau khi đọc xong. Không

phải nuốt vào bụng, chỉ cần đốt hoặc xé vụn nó đi. Tôi sẽ dùng trí khôn của mình để liên lạc với cậu - và nhờ sự giúp đỡ của những trung gian thân thiện nữa. Tôi cầu xin cậu chuyển nội dung thông điệp này, bằng mật mã và với sự thận trọng, cho người tôi yêu thương. Đừng làm gì hết.

Bạn của cậu, người thứ ba.

FRdT

Tôi đang bắt đầu đọc lại bức thư thì có người gõ cửa nhà vệ sinh.

“Tôi vào được không?” giọng lạ hỏi.

Tim tôi đứng lại. Không biết phải làm gì khác, tôi vo tờ giấy quần thuốc lại cho vào mồm. Tôi giật dây xả nước, và khi nước đang xối xả trong đường ống và bình chứa, tôi nuốt cuộn giấy. Nó có mùi sáp và kẹo Sugus. Mở cửa ra, tôi đụng phải nụ cười bò sát của tên cớm đóng chốt trước cửa hiệu sách.

“Xin lỗi. Tôi không biết có chịu được trời mưa cả ngày không, nhưng dường như có gì đó khẩn cấp đang hình thành dưới đây, và khi tự nhiên kêu gọi...”

“Tất nhiên,” tôi nói, tránh đường cho hắn. “Anh cứ tự nhiên.”

“Cảm ơn nhiều.”

Tay cảnh sát, kẻ mà dưới bóng đèn trần làm tôi nghĩ đến một con chồn nhỏ, nhìn tôi từ đầu đến chân. Đôi mắt chuột của hắn dừng lại trên cuốn Kinh Thánh tôi cầm trong tay.

“Nếu không có gì đó đọc thì tôi không ị được,” tôi giải thích.

“Tôi cũng thế. Vậy mà người ta bảo dân Tây Ban Nha không đọc sách. Tôi mượn được không?”

“Trên nắp bồn xả có cuốn mới nhất đoạt Giải Phê bình đây,” tôi nói cướp lời. “Nó rất có tác dụng.”

Tôi bình tĩnh đi ra ngoài và đến

chỗ cha tôi, ông đang rót cho tôi một tách cà phê.

“Hắn ta làm gì ở đây?” tôi hỏi.

“Hắn lấy mộ mẹ hắn ra thề rằng hắn sắp bình ra quân. Bố còn làm gì được đây?”

“Đề cho hắn ở ngoài mà bình ra cho âm.”

Cha tôi nhíu mày.

“Nếu bố không phiền, con muốn lên nhà.”

“Tất nhiên bố không phiền. Và nhớ mặc đồ khô nhé. Con như sắp chết ấy.”

Căn hộ lạnh ngắt và yên tĩnh. Tôi

vào phòng mình và nhòm ra cửa sổ. Tên lính gác vẫn ở đó, cạnh cửa nhà thờ Santa Ana. Tôi cởi bộ đồ ướt rồi mặc một bộ pyjama cùng với áo ngủ của cha tôi. Tôi nằm xuống giường, không thềm bật đèn và để mình chìm vào bóng đêm cùng tiếng mưa gõ lên khung cửa. Tôi nhắm mắt, cố gợi lên hình ảnh Bea, đụn chạm của nàng và mùi vị của nàng. Đêm hôm trước tôi chẳng hề chợp mắt, nên tôi nhanh chóng mệt ngoài. Trong giấc mơ, hình ảnh thần Chết mặc áo trùm đầu bay khắp Barcelona, một dáng hình ma quái lượn lờ trên những gác chuông và mái nhà, kéo theo những sợ thừng đen buộc hàng trăm chiếc quan tài nhỏ màu trắng. Những chiếc quan tài bỏ lại sau chúng

những dải hoa màu đen, trên những cánh hoa là tên Nuria Monfort được viết bằng máu.

Tôi thức dậy khi trời mờ xám xịt. Cửa sổ vẫn mờ hơi nước. Tôi mặc đồ ấm và đi đôi ủng cao, rồi bước ra hành lang dò giẫm đi dọc căn nhà. Tôi luôn qua cửa rồi bước xuống đường. Sạp báo trên phố Ramblas đã sáng đèn ở xa xa. Tôi đi thẳng đến quầy ở đầu phố Tallers mua số báo đầu tiên trong ngày, nó vẫn còn mùi mực ấm. Tôi giở vội các trang cho đến mục cáo phó. Tên Nuria Monfort được in dưới một dấu thập, và tôi không thể đành lòng nhìn vào. Tôi bước đi với tờ báo gấp trong tay, tìm kiếm bóng đen. Tang lễ được tổ chức buổi chiều, tại

nghĩa trang Montjuïc. Sau khi đi quanh khu phố, tôi quay về. Cha tôi vẫn đang ngủ, tôi về phòng mình. Tôi ngồi trước bàn và lấy chiếc bút Meinsterstück trong hộp ra, đoạn lấy một tờ giấy trắng và hy vọng ngòi bút sẽ dẫn dắt tôi. Trong tay tôi, cây bút không có gì muốn nói. Tôi vô vọng cố gắng nặn ra những lời muốn nhắn gửi cho Nuria Monfort, nhưng tôi không thể viết hay cảm thấy điều gì ngoại trừ nỗi kinh hoàng về sự thiếu vắng chị, biết rằng chị đã mất, bị lôi đi xa. Tôi biết một ngày nào đó chị sẽ quay về với tôi, nhiều tháng hoặc nhiều năm nữa, rằng tôi sẽ luôn sống lại ký ức về chị khi chạm vào một người lạ, trong những hình ảnh không còn thuộc về tôi nữa.

Chương 43

NGAY TRƯỚC BA GIỜ, tôi lên chuyến xe buýt trên phố Colón đưa tôi đến nghĩa trang Montjuïc. Qua cửa sổ, tôi có thể thấy rừng cột và dây buồm vắt vẻo ở bến tàu. Chiếc xe buýt vắng tanh chạy quanh Núi Montjuïc và bắt đầu lên con đường dẫn đến cổng phía Đông của nghĩa trang Barcelona mờ mờ. Tôi là hành khách cuối cùng.

“Tuyến xe buýt cuối cùng lúc mấy giờ nhỉ?” tôi hỏi tài xế trước khi xuống.

“Bốn rưỡi.”

Tài xế bỏ tôi ở công nghĩa trang. Một con đường với hàng cây bách mọc lên trong sương mù. Thậm chí từ đây, tại chân núi, ta có thể nhìn thấy thành phố bao la của người chết thoải thoải vươn lên đỉnh núi: con đường của những mộ chí, những lối đi dọc hai bên là bia đá, và những hành lang đầy lăng mộ, những cột tháp mà trên đỉnh là những thiên thần cuồng nộ và cả khu rừng những lăng tẩm dường như mọc chồng lấn lên nhau. Thành phố của người chết là chốn mê mông những cung điện được canh gác bởi một đội quân những tượng đá đang ngập chìm xuống bùn đen. Tôi hít một hơi thật sâu rồi bước vào mê cung ấy. Mẹ tôi được chôn cách lối tôi đang đi

chừng một trăm thước. Cứ mỗi bước chân, tôi có thể cảm thấy cái lạnh, cái trống trải và sự cuồng nộ của chốn ấy; nỗi kinh hoàng trong sự tĩnh lặng của nó, trong những khuôn mặt bị mắc kẹt trong những tấm hình cũ bị bỏ mặc, chỉ còn những ngọn nến và những bông hoa héo làm bầu bạn. Sau một lúc, tôi bắt gặp ở xa xa một ngọn đèn ga sáng quanh một huyết mộ, dăm bảy người đang đứng thành hàng dưới nền trời xám tro. Tôi rảo bước và dừng lại ở nơi tôi có thể nghe thấy lời vị linh mục.

Quan tài, một cái hộp gỗ thông sần sùi, đặt trên bùn. Hai phu đào huyết, tựa người vào thuổng, canh cho nó. Tôi nhìn lướt qua những người dự tang. Ông cụ

Isaac, người bảo vệ Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên, không đến tang lễ con gái mình. Tôi nhận ra người hàng xóm sống đối diện nhà. Chị ta lắc đầu, khóc nức nở, trong khi một người đàn ông vỗ vỗ lưng chị với vẻ cam chịu. Tôi đoán là chồng chị. Bên cạnh họ là một phụ nữ chừng bốn mươi, mặc váy sẫm màu mang một bó hoa. Chị khóc lặng lẽ, môi mím chặt, không nhìn vào quan tài. Tôi chưa bao giờ thấy người này. Đứng cách xa đám người dự lễ, nấp trong chiếc áo mưa sẫm màu và cầm mũ sau lưng, là tên cảnh sát đã cứu mạng tôi ngày hôm trước. Palacios. Hắn ngược lên quan sát tôi chừng vài giây không chớp mắt. Những lời đui mù, vô nghĩa

của vị linh mục là thứ duy nhất kéo chúng tôi ra khỏi sự tĩnh lặng hãi hùng. Tôi nhìn vào cỗ quan tài vậy đầy bùn. Tôi tưởng tượng ra chị nằm trong đó, và tôi không nhận ra mình đang khóc cho đến khi người phụ nữ mặc áo sẫm màu bước đến đưa cho tôi một bông hoa. Tôi vẫn đứng yên cho đến khi cả nhóm tản ra. Vị linh mục ra hiệu, những phu đào huyệt liền vào thế sẵn sàng làm phần việc của mình bên ánh đèn. Tôi cho bông hoa trong túi áo khoác và cất bước, không thể nói lời chào cuối.

Trời bắt đầu nhá nhem khi tôi ra đến cổng nghĩa trang, và tôi cho là mình đã lỡ chuyến xe buýt cuối. Tôi chuẩn bị một cuộc đi bộ dài, dưới bóng bãi tha

ma, dọc con đường men theo cảng để quay trở lại Barcelona. Một chiếc xe màu đen đỗ trước mặt tôi chừng hai mươi thước, đèn bật sáng. Trong xe, một người đang hút thuốc. Khi tôi lại gần, Palacios mở cửa xe.

“Vào đi. Tôi đưa cậu về nhà. Giờ này chẳng có taxi hay xe buýt nào quanh đây đâu.”

Tôi ngần ngại một lát. “Tôi muốn đi bộ hơn.”

“Đừng ngu ngốc thế. Vào đi.”

Hắn ta nói nhát gừng, giọng điệu của người quen ra lệnh và được tuân lệnh ngay. “Thôi nào,” hắn lại nói.

Tôi chui vào xe, và gã cảnh sát nổ máy.

“Enrique Palacios,” hắn nói và chìa tay ra.

Tôi không bắt. “Nếu anh cho tôi xuống chỗ Colón thì tốt.”

Chiếc xe lao đi. Chúng tôi hòa vào luồng giao thông trên phố và đi một quãng khá dài mà không thốt một lời.

“Tôi muốn cậu biết là tôi rất tiếc về chuyện cô Monfort.”

Những lời lẽ đó phát ra từ miệng hắn ta tựa như một sự lảng mạn, sự sỉ nhục.

“Tôi rất biết ơn vì anh đã cứu mạng tôi ngày hôm trước, nhưng tôi phải nói rằng tôi không quan tâm anh cảm thấy thế nào, anh Enrique Palacios.”

“Tôi không phải người như cậu nghĩ đâu, Daniel. Tôi muốn giúp cậu thôi.”

“Nếu anh muốn tôi chỉ nơi ở của Fermín thì anh có thể cho tôi xuống ở đây.”

“Tôi không quan tâm quái gì ông bạn của cậu cả. Lúc này tôi không làm nhiệm vụ.”

Tôi không đáp.

“Cậu không tin tôi, và tôi không trách cậu. Nhưng ít nhất hãy nghe tôi nói. Chuyện này đã đi quá xa rồi. Không có lý do nào buộc người phụ nữ này phải chết cả. Tôi cầu xin cậu hãy buông xuôi chuyện này đi và xóa người đàn ông này, tên Carax, khỏi tâm trí cậu vĩnh viễn đi.”

“Anh nói như là tôi kiểm soát được những chuyện đang xảy ra. Tôi chỉ là người chứng kiến. Toàn bộ vở kịch này do ông chủ các anh và cả đám các anh dựng lên.”

“Tôi quá chán ngán những đám ma rồi, Daniel. Tôi không muốn phải đến dự đám ma cậu.”

“Thế càng tốt, vì anh không được

mời.”

“Tôi nói nghiêm túc đấy.”

“Tôi cũng vậy. Cho tôi xuống ở đây.”

“Chỉ vài phút nữa là tới phố Colón.”

“Tôi không quan tâm. Chiếc xe này có mùi chết chóc, giống như anh. Cho tôi xuống đi.”

Palacios cho xe chậm lại và dừng xe vào vệ đường. Tôi ra khỏi xe và đóng sầm cửa, tránh ánh mắt Palacios. Tôi đợi cho hẵn đi, nhưng gã cảnh sát không tỏ vẻ định đi đâu cả. Tôi quay lại thì thấy hẵn hạ cửa kính xuống. Tôi nghĩ đã đọc

được sự chân thành, thậm chí đau đớn, trên khuôn mặt hắn, nhưng tôi không tin.

“Nuria Monfort đã chết trong tay tôi, Daniel,” hắn nói. “Tôi nghĩ những lời cuối cùng của cô ấy là dành cho cậu.”

“Chị ta nói gì?” tôi hỏi, giọng nén lại lạnh lùng. “Chị ta có nhắc tên tôi không?”

“Cô ta bị hôn mê, nhưng tôi nghĩ cô ta nhắc đến cậu. Lúc ấy cô ta nói có những ngục tù còn tồi tệ hơn cả ngôn từ. Rồi, trước khi chết, cô ta bảo tôi nói với cậu hãy buông tha cô ta.”

Tôi nhìn hắn, không hiểu. “Buông

tha ai?”

“Ai đó tên là Penélope. Tôi đoán hẳn đây là bạn gái cậu.”

Palacios cúi xuống và mở máy hòa vào dòng xe cộ. Tôi vẫn đứng đó, bối rối nhìn chằm chằm ánh đèn của chiếc xe khi chúng biến mất vào làn nhập nhòa xanh đỏ. Rồi tôi bước về phố Colón, thầm nhắc lại những lời trấn trối của Nuria Monfort nhưng không tìm ra nghĩa của chúng. Đến Quảng trường Portal de la Paz, tôi dừng lại cạnh bến tàu du lịch để nhìn về phía cảng. Tôi ngồi trên bậc thềm dẫn khuất xuống dòng nước tối tăm, ngay tại chính nơi này, vào một đêm xa xôi, tôi đã gặp Laín Coubert, người đàn

ông không có mặt.

“Có những ngục tù còn tệ hơn ngôn từ,” tôi lầm bầm.

Chỉ lúc ấy tôi mới hiểu thông điệp của Nuria Monfort không phải cho tôi. Tôi không phải là người phải buông tha cho Penélope. Những lời trắng trối của chị không phải dành cho một người xa lạ, mà dành cho người chị thầm yêu đã hai mươi năm: Julián Carax.

Chương 44

MÀN ĐÊM ĐANG BUÔNG XUỐNG khi tôi đến Quảng trường San Felipe Neri. Chiếc ghế nơi lần đầu tiên tôi bắt gặp hình ảnh Nuria Monfort vẫn nằm cạnh chân đèn đường, không có ai ngồi và đầy tên những tình nhân khắc bằng dao nhíp, cùng những lời hẹn thề và lãng mạn. Tôi ngược nhìn lên cửa sổ nhà Nuria Monfort trên tầng ba và nhận ra ánh sáng mờ đỏ leo lắt. Một ngọn nến.

Tôi bước vào hành lang u ám và mò mẫm lên cầu thang. Tay tôi run rẩy khi tôi lên đến chiếu nghỉ tầng ba. Một

luồng sáng đo đở ló qua khe cửa khép hờ. Tôi đặt tay lên nắm cửa và đứng đó bất động, nghe ngóng. Tôi nghĩ đã nghe thấy tiếng thềm thì, một giọng nghẹn ngào từ trong nhà phát ra. Có lúc tôi tưởng rằng nếu mở cửa, tôi sẽ thấy chị đang chờ tôi ở phía trong nhà, ngồi hút thuốc cạnh ban công, hai chân thu lại, người dựa vào tường, neo đúng nơi tôi đã bỏ rơi chị. Nhẹ nhàng, e sẽ quấy rầy chị, tôi mở cửa bước vào nhà. Trong phòng ăn, rèm ban công đung đưa. Một người đang ngồi bên cửa sổ, bất động, đang cầm một ngọn nến thiêu đốt trong lòng bàn tay. Tôi không thể nhìn ra khuôn mặt dưới ánh sáng ấy, nhưng một giọt nước mắt long lanh chảy xuống má, sáng lên như

nhựa tươi, rồi rơi vào lòng người đó. Isaac Monfort quay lại, khuôn mặt ông thấm đẫm nước mắt.

“Cháu không thấy ông dự tang chiều nay,” tôi nói.

Ông lắc đầu, đưa vạt áo lau nước mắt.

“Nuria không ở đó,” ông già lầm bầm một lúc. “Người chết không bao giờ đi dự đám tang của mình.”

Ông nhìn quanh, như thể con gái ông vẫn ở trong phòng, đang ngồi cạnh chúng tôi trong bóng tối, đang lắng nghe chúng tôi.

“Cậu có biết chưa bao giờ tôi vào

căn nhà này không?” ông hỏi. “Mỗi khi gặp nhau, Nuria luôn đến chỗ tôi. ‘Nhu vậy tiện cho bố hơn, bố ạ,’ con bé nói. ‘Việc gì phải đi cả đóng cầu thang như vậy?’ ta luôn bảo, ‘Được rồi, nếu con không mời, bố sẽ không đến,’ và nó sẽ trả lời, ‘Con không cần phải mời bố đến nhà con, bố ạ. Người ta chỉ mời người lạ thôi. Bố có thể đến lúc nào bố muốn.’ Trong mười lăm năm qua, ta chưa một lần đến nhà nó. Ta luôn bảo rằng nó chọn khu dân cư không tốt. Không đủ ánh sáng. Một tòa nhà cũ kỹ. Nó chỉ gật đầu đồng ý. Giống như khi ta hay nói nó đã chọn một cuộc sống chẳng ra gì. Chẳng có tương lai. Một thằng chồng thất nghiệp. Thật buồn cười khi chúng ta cứ phán xét

lẫn nhau và không nhận ra mức độ thảm hại của chính chúng ta, cho đến khi người kia không còn nữa, cho đến khi họ bị tước khỏi chúng ta rồi. Họ đã bị tước đi khỏi chúng ta vì họ chưa bao giờ là của ta cả...”

Giọng của ông lão, đã mất đi nét châm chọc, ngập ngừng và dường như mệt mỏi như vẻ mặt ông.

“Nuria yêu ông nhiều lắm, Isaac ạ. Ông đừng nghi ngờ gì. Và cháu biết chị ấy cũng cảm nhận được tình yêu của ông,” tôi nói.

Ông già Isaac lại lắc đầu. Ông mỉm cười, nhưng giọt nước mắt lặng lẽ của ông không ngừng tuôn. “Có lẽ nó yêu

ta, theo cách của nó, cũng như ta yêu nó theo cách của mình. Nhưng ta và nó không hiểu nhau. Có lẽ ta chưa bao giờ cho phép nó hiểu ta, hay chưa bao giờ tìm cách để hiểu nó. Ta với nó sống đời mình như hai người lạ, ngày ngày gặp nhau và chào nhau theo phép lịch sự. Và ta nghĩ có lẽ nó chết mà không tha thứ cho ta.”

“Isaac, cháu đảm bảo với ông...”

“Daniel, cháu còn trẻ và rất cố gắng, nhưng dù ta có uống chút đỉnh rồi và ta không biết mình đang nói gì, cháu vẫn không học được cách nói dối cho hay hòng lừa một ông già mà trái tim đã nát tan vì bất hạnh.”

Tôi cúi mặt.

“Cảnh sát bảo người đàn ông đã giết nó là bạn của cháu,” Isaac thăm dò.

“Cảnh sát đang nói dối.”

Isaac nhấn giọng. “Ta biết.”

“Cháu có thể đảm bảo với ông...”

“Không cần đâu, Daniel. Ta biết cháu nói thật,” Isaac nói, rồi lôi phong bì trong áo khoác ra.

“Chiều hôm trước khi chết, Nuria đến gặp ta, như nó thường làm nhiều năm trước. Ta nhớ chúng ta thường đi ăn tại một quán cà phê trên phố Guardia, nơi ta thường đưa nó đến lúc nó còn bé. Chúng

ta luôn nói chuyện về sách, về những cuốn sách cũ. Đôi khi nó kể cho ta nghe chuyện công việc, những chuyện vặt vãnh, cái thứ người ta hay kể cho người lạ khi đi xe buýt... Có lần nó xin lỗi vì làm ta thất vọng. Ta hỏi sao nó có ý nghĩ kỳ cục như vậy. ‘Từ trong mắt bố, bố ạ, từ trong mắt bố đây,’ nó nói. Chưa bao giờ ta nảy ra ý nghĩ rằng với nó ta thậm chí còn là nỗi thất vọng lớn hơn. Đôi khi, chúng ta nghĩ về con người như những tấm vé số, rằng chúng ở đó để biến những giấc mơ ngu xuẩn nhất của chúng ta thành sự thật.”

“Isaac, với tất cả lòng kính trọng của cháu, ông say quá rồi, ông không hiểu mình đang nói gì đâu.”

“Rượu khiến cho người khôn ngoan thành kẻ khù khờ và biến kẻ khù khờ thành khôn ngoan. Ta biết đủ để hiểu rằng tại sao con gái ta không bao giờ tin tưởng ta. Nó tin cậu hơn, Daniel, thế mà nó chỉ mới gặp cậu có vài lần thôi.”

“Cháu dám chắc là ông nhầm rồi...”

“Chiều qua, chúng ta gặp nhau, nó mang đến phong bì này. Trông nó lo lắng, bất an về điều gì đó mà nó không muốn kể. Nó nhờ ta giữ phong bì này, nếu có chuyện gì xảy ra thì đưa cho cháu.”

“Nếu có chuyện gì xảy ra ư?”

“Nó nói vậy đấy. Trông nó đau khổ

đến mức ta phải bảo rằng nên đi báo cảnh sát, rằng dù có chuyện gì thì cũng tìm được cách. Rồi nó bảo chẳng đời nào nó nghĩ đến chuyện đến cảnh sát nhờ giúp đỡ. Ta cầu xin nó cho ta biết chuyện gì, nhưng nó bảo phải đi và bắt ta hứa sẽ đưa cho cháu phong thư này nếu trong vài ngày tới nó không quay lại lấy. Nó bảo ta không được mở.”

Isaac đưa cho tôi phong thư. Nó mở rồi. “Ta đã dối nó, như mọi lần,” ông nói.

Tôi kiểm tra phong thư. Trong đó là một tập giấy viết tay. “Ông đã đọc chưa?” tôi hỏi.

Ông già chậm rãi gật đầu.

“Chúng nói gì?”

Ông cụ ngược lên. Môi ông run run. Dường như ông đã già đi cả trăm tuổi kể từ khi chúng tôi gặp nhau lần gần đây nhất.

“Đây là câu chuyện cháu đang tìm kiếm, Daniel. Câu chuyện một người phụ nữ mà ta không bao giờ biết, thậm chí dù nó mang dòng máu và tên họ của ta. Giờ bức thư thuộc về cháu.”

Tôi cho phong thư vào túi áo.

“Giờ ta phải xin cháu để ta được yên ở đây, với con gái ta, nếu cháu không phiền. Một lát trước, khi đọc những trang thư đó, dường như ta đã gặp lại nó. Dù

cố gắng thế nào, ta cũng chỉ có thể nhớ về nó như là một cô bé con. Hồi ấy nó khá trầm tính. Nó suy tư nhìn vào mọi thứ, và không bao giờ cười thành tiếng. Nó thích nhất là những câu chuyện, và ta không biết có đứa bé nào từng học đọc sớm như vậy. Nó từng nói muốn trở thành nhà văn và viết những cuốn sách khoa và chuyên khảo về lịch sử và triết học. Mẹ nó bảo đấy là lỗi của ta. Bà ấy bảo Nuria ngưỡng mộ ta vì con bé nghĩ cha mình chỉ yêu sách mà thôi, nó muốn viết những cuốn sách để được cha yêu thương.”

“Isaac, cháu không nghĩ tôi nay ông ở một mình là ý hay đâu. Sao ông không về nhà cháu? Ông sẽ ngủ ở nhà cháu, và sẽ có cha cháu để bầu bạn.”

Isaac lắc đầu. “Ta có việc phải làm. Cháu về nhà đọc thư đi. Chúng thuộc về cháu.”

Ông già quay đi, và tôi bước phía cửa. Lúc tôi đến ngưỡng cửa, Isaac gọi tôi lại, gần như thì thầm.

“Daniel này...”

“Vâng?”

“Hãy thận trọng nhé.”

Khi tôi ra phố, dường như bóng đêm đang lần mò dọc trên vỉa hè để theo đuổi tôi. Tôi rảo nhanh chân và không ngừng lại cho đến khi về căn hộ trên phố Santa Ana. Vào nhà, tôi thấy cha đang

ngồi trên ghế bành, với một cuốn sách mở trong lòng. Đây là cuốn album ảnh gia đình. Khi thấy tôi, ông đứng dậy với vẻ mặt như trút đi được gánh nặng lớn.

“Bố bắt đầu thấy lo,” ông nói. “Lễ tang thế nào?”

Tôi nhún vai, và cha tôi gật đầu nghiêm trọng.

“Bố để đồ ăn cho con đây. Nếu con muốn, bố sẽ hâm lại và...”

“Cảm ơn bố, con không đói đâu. Con ăn ở ngoài rồi.”

Ông nhìn tôi dăm dăm rồi lại gật đầu. Ông quay sang dọn đĩa trên bàn. Lúc ấy, không hiểu tại sao, tôi bước đến

ôm chằm lấy ông. Cha tôi, ngạc nhiên, cũng ôm lấy tôi.

“Daniel, con có sao không?”

Tôi ôm chặt cha mình trong tay.

“Con yêu bố,” tôi lí nhí.

Chuông nhà thờ đổ khi tôi bắt đầu đọc bản viết tay của Nuria Monfort. Nét chữ nhỏ, gọn gàng làm tôi nhớ đến cái bàn ngăn nắp không chê vào đâu được kia. Có lẽ chị đã cố gắng tìm trong những lời này sự bình yên và an toàn mà cuộc đời không ban cho chị.

**Nuria Monfort: Hồi ức
về điều mất mát**

1933-1955

Chương 1

SẼ KHÔNG CÓ CƠ HỘI THỨ HAI TRONG ĐỜI, ngoại trừ cơ hội để thấy ăn năn. Julián Carax và tôi gặp nhau vào mùa thu năm 1933. Lúc ấy tôi đang làm việc cho nhà Toni Cabestany, người đã phát hiện ra anh ấy năm 1927 trong một chuyến đi “săn-lùng-sách” của ông tới Paris. Julián kiếm sống nhờ chơi dương cầm tại một quán bar vào các buổi chiều, còn về đêm anh ấy viết. Chủ quán, một người tên Irene Marceau, quen biết hầu hết các nhà xuất bản ở Paris, và nhờ có bà nài xin các nhà xuất bản, dành ưu đãi cho họ hoặc đe dọa tiết lộ bí mật

của họ mà Julián Carax có một số tiểu thuyết được xuất bản, dù với doanh số bán ra thảm hại. Bằng một giá cho không, Cabestany được độc quyền xuất bản các tác phẩm của Carax ở Tây Ban Nha và Mỹ La tinh, việc dịch thuật từ bản gốc tiếng Pháp sang tiếng Tây Ban Nha do chính tác giả đảm nhiệm. Cabestany hy vọng bán được chừng ba đến bốn ngàn bản mỗi tác phẩm, nhưng hai đầu sách trước xuất bản ở Tây Ban Nha đã thất bại toàn diện: mỗi cuốn bán được chưa đầy trăm bản. Bất chấp những kết quả bi thảm này, cứ hai năm chúng tôi nhận được bản thảo mới của Julián, Cabestany đón nhận không một lời phản đối, bảo rằng ông đã ký thỏa thuận với tác giả, lợi

nhuận không phải là tất cả, văn chương hay cần được ủng hộ với bất cứ giá nào.

Một ngày, tôi tò mò hỏi ông tại sao ông tiếp tục xuất bản các tiểu thuyết của Julián Carax như một chuyến phiêu lưu thua lỗ. Trả lời tôi, Cabestany trịnh trọng bước đến giá sách, lấy một cuốn của Julián, bảo tôi đọc. Tôi đã đọc. Hai tuần sau, tôi đã đọc hết tất cả sách của Carax. Lần này câu hỏi của tôi là, tại sao những tiểu thuyết như vậy lại bán được quá ít thế?

“Tôi không biết, Nuria thân mến,” Cabestany đáp. “Nhưng chúng ta vẫn phải tiếp tục cố gắng.”

Cử chỉ cao thượng và đáng ngưỡng

mộ như vậy không hợp với hình dung của tôi về ông Cabestany. Có lẽ tôi đã đánh giá thấp ông ấy. Tôi nhận ra hình ảnh Julián Carax ngày càng gợi trí tò mò, bởi mọi thứ liên quan đến anh ấy dường như đều bị phủ dưới tấm màn bí ẩn. Ít nhất cứ hai tháng một lần, có người lại gọi điện hỏi địa chỉ anh ấy. Rồi tôi sớm nhận ra vẫn luôn là một người, mỗi lần lại xưng một tên khác. Nhưng tôi chỉ có thể cho hấn biết những điều được in trên bìa sau các tiểu thuyết của anh ấy, và rằng Julián sống ở Paris. Sau một thời gian, hấn thôi gọi điện. Để đề phòng, tôi đã xóa địa chỉ của Carax trong hồ sơ công ty. Tôi là người duy nhất viết thư cho anh ấy, và tôi đã thuộc lòng địa chỉ.

Nhiều tháng sau, tôi tình cờ bắt gặp những hóa đơn do nhà in gửi cho ông Cabestany. Khi liếc qua, tôi nhận ra chi phí biên tập cho sách của Julián Carax đã được thanh toán, toàn bộ, bởi một người ngoài công ty, mà tên tôi chưa từng nghe đến: Miquel Moliner. Hơn nữa, chi phí in ấn và vận chuyển những cuốn sách này thấp hơn rất nhiều so với tổng số tiền tính cho Moliner trên hóa đơn. Những con số không biết nói dối: công ty xuất bản kiếm tiền bằng cách in những cuốn sách một khi đã in ra xong là đi thẳng vào kho. Tôi không đủ can đảm để chất vấn những bất thường về tài chính của Cabestany. Tôi sợ mất việc. Điều tôi làm là ghi lại địa chỉ chúng tôi đã gửi hóa

đơn cho Miquel Moliner, một dinh thự trên phố Puertaferri. Tôi giữ địa chỉ ấy trong nhiều tháng trước khi dòn hết dũng khí đến thăm anh ấy. Cuối cùng, lương tâm đã chiến thắng, và tôi đến nhà anh ấy để bảo rằng ông Cabestany đang bịp anh ấy. Anh ấy mỉm cười bảo tôi rằng anh đã biết.

“Chúng ta đều làm điều chúng ta giỏi nhất.”

Tôi hỏi có phải anh ấy là người thường gọi điện hỏi địa chỉ Carax không. Anh ấy bảo không, và cho tôi biết với vẻ lo lắng rằng tôi không nên đưa địa chỉ cho bất cứ ai. Không bao giờ.

Miquel Moliner khá bí ẩn. Anh

sống một mình trong một tòa nhà rộng
thênh thang, tàn tạ, vốn là một phần di
sản thừa kế từ người cha, nhà công
nghiệp đã làm giàu nhờ sản xuất vũ khí
và nghe đồn là buôn bán cả chiến tranh
nữa. Cuộc sống của Miquel không hề xa
hoa, mà như một thầy tu, chuyên tâm
hoang phí tiền bạc của cha mình, mà anh
cho là đồng tiền vấy máu, vào việc khôi
phục viện bảo tàng, nhà thờ, trường học,
thư viện, bệnh viện, và bảo đảm tác
phẩm của người bạn thời thơ ấu, Julián
Carax, được xuất bản trên quê hương.

“Anh có nhiều tiền hơn anh cần,
nhưng không có nhiều người bạn như
Julián,” anh chỉ giải thích có thể.

Anh không liên hệ gì với các anh chị em hay người còn lại trong gia đình, những người anh xem như xa lạ. Anh chưa kết hôn và hiếm khi rời khỏi dinh thự của mình, trong tòa nhà ấy anh chỉ sống trên tầng cao nhất. Ở đó anh lập một văn phòng, nơi anh làm việc điên cuồng, viết báo và giữ chuyên mục cho nhiều báo và tạp chí ở Madrid và Barcelona, dịch tài liệu kỹ thuật từ tiếng Đức và tiếng Pháp, sửa bản in cho sách bách khoa thư và sách giáo khoa. Miquel Moliner mắc căn bệnh sâu khổ của những người cảm thấy tội lỗi khi không làm việc; tuy anh tôn trọng và thậm chí ghen tị với sự nhàn rỗi mà những người khác hưởng thụ, song anh lần tránh nó. Anh

không hả hê với lễ thói làm việc dị thường của mình, mà hay đùa cợt về cái hoạt động như bị ám này và coi đấy như một biểu hiện nhỏ nhất của tính hèn nhất.

“Khi làm việc, ta không phải nhìn thẳng vào mắt cuộc đời.”

Chúng tôi dần trở thành bạn tốt của nhau mà không nhận ra. Chúng tôi có nhiều điểm chung, có lẽ quá nhiều. Miquel thích nói với tôi về những cuốn sách, về bác sĩ Freud yêu quý của anh ấy, về âm nhạc, nhưng trên hết là về người bạn cũ Julián. Chúng tôi gặp nhau gần như hằng tuần. Miquel kể cho tôi nghe những câu chuyện thời Julián còn học ở trường San Gabriel. Anh ấy giữ

một bộ ảnh cũ, cùng những câu chuyện do Julián viết lúc còn niên thiếu. Miquel ngưỡng mộ Julián, và qua lời kể cùng những ký ức của anh, tôi dần biết Julián, hay ít nhất là gây dựng một hình ảnh về anh ấy khi anh ấy không có mặt. Một năm sau ngày chúng tôi gặp nhau, Miquel thú nhận anh đã đem lòng yêu tôi. Tôi không muốn làm tổn thương anh, nhưng cũng không muốn lừa dối. Không thể nào lừa dối Miquel được. Tôi bảo tôi hết mực quý mến anh, và anh đã trở thành bạn thân nhất của tôi, nhưng tôi không yêu anh. Miquel bảo anh đã biết.

“Em yêu Julián nhưng em hãy còn tự chưa biết.”

Tháng Tám năm 1933, Julián viết thư cho tôi rằng anh ấy đã hoàn thành bản thảo của một cuốn tiểu thuyết khác là *Tên trộm trong nhà thờ*. Cabestany đã ký với Gallimard một số hợp đồng đến tháng Chín phải gia hạn. Ông đã bị liệt vài tuần nay vì bệnh gút, và để thưởng cho sự tận tình của tôi, ông đã quyết định cử tôi sang Pháp thay ông ấy đàm phán hợp đồng mới. Đồng thời, tôi có thể đến thăm Julián Carax và nhận tác phẩm mới. Tôi biên thư báo cho Julián chuyến thăm của tôi, dự kiến vào giữa tháng Chín, nhờ anh ấy tìm cho một khách sạn rẻ tiền, đáng tin cậy. Julián đáp rằng tôi có thể ở tại nhà anh ấy, một căn hộ khiêm nhường trong khu phố Saint-Germain, và để tiền

khách sạn tiêu vào việc khác. Ngày lên đường, tôi đến gặp Miquel hỏi xem anh có nhận gì Julián không. Một lúc lâu, anh ngập ngừng, rồi bảo anh không nhận gì.

Lần đầu tôi gặp Julián là tại nhà ga Austerlitz. Tiết thu đã len lén về sớm với Paris, và nhà ga chìm trong lớp sương mù dày đặc. Tôi đợi trên sân ga trong khi những hành khách khác tiến về phía cổng. Tôi nhanh chóng bị bỏ lại một mình. Rồi tôi nhìn thấy một người đàn ông mặc áo choàng đen đang đứng ở cổng sân ga nhìn tôi qua làn khói thuốc. Trong suốt chuyến đi, tôi luôn băn khoăn làm cách nào để nhận ra Julián. Những bức ảnh tôi đã xem trong bộ ảnh của Miquel Moliner cũng cách nay ít nhất đã mười ba mươi

bốn năm rồi. Tôi nhìn lên nhìn xuống sân ga. Không có ai khác ngoài tôi và người đó. Tôi nhận ra người đàn ông ấy đang nhìn tôi tò mò: có lẽ anh ấy cũng đang đợi ai đó. Không thể là anh ấy được. Theo tôi ước tính, Julián chỉ tầm ba ba tuổi, còn người đàn ông kia già hơn. Anh ta tóc lấm chấm bạc, trông u sầu và mệt mỏi. Quá nhợt nhạt, quá gầy gò, hay có lẽ do màn sương và chuyến đi mệt mỏi, hay chỉ bởi vì những hình ảnh trong tâm trí tôi là về Julián thời niên thiếu. Tôi ngập ngừng bước đến người lạ và nhìn thẳng vào mắt anh.

“Julián phải không?”

Người lạ mỉm cười gật đầu. Julián

Carax có nụ cười quyến rũ nhất thế giới. Đó là điều duy nhất còn lại ở anh ấy.

Julián sống trong một căn hộ trên gác mái ở Saint-Germain. Căn hộ chỉ có hai phòng: phòng khách với một gian bếp sơ sài và ban công nhỏ xíu từ đó có thể thấy những ngọn tháp của Nhà thờ Đức Bà sừng sững vươn lên giữa một khu rừng đầy những mái nhà và đám sương mờ, và một phòng ngủ không có cửa sổ, một chiếc giường đơn. Phòng tắm ở cuối hành lang tầng dưới, anh dùng chung phòng tắm với những người hàng xóm. Cả căn hộ còn nhỏ hơn phòng làm việc của ông Cabestany. Julián đã lau dọn phòng và chuẩn bị mọi thứ để chào đón tôi với sự khiêm nhường và giản dị. Tôi

vờ ra vẻ hài lòng về căn hộ, vẫn còn mùi nước tẩy và mùi sáp đánh bóng đồ dùng, được Julián sử dụng với quyết tâm nhiều hơn là kỹ năng. Khăn trải giường còn mới. Chúng dường như có họa tiết những con rồng và tòa lâu đài. Loại dành cho trẻ con. Julián biện bạch: anh đã mua chúng với giá rất thấp, nhưng chất lượng hảo hạng. Loại khăn trải giường không có họa tiết giá gấp đôi, anh giải thích, và trông chúng chán ngắt.

Trong phòng khách, một chiếc bàn gỗ cũ quay mặt về phía tháp nhà thờ. Trên bàn là cái máy đánh chữ hiệu Underwood mà Julián mua với số tiền Cabestany cho ứng trước, cùng hai tập giấy, một tập trắng còn tập kia chữ kín

đầy hai mặt. Julián sống trên căn phòng áp mái cùng một con mèo to tướng tên Kurtz. Con vật nhìn tôi đầy ngờ vực khi nó nằm dưới chân chủ, liếm móng vuốt. Tôi đếm được hai chiếc ghế, một cây móc áo, vài món đồ lặt vặt khác. Còn lại là sách. Sách xếp dọc tường, từ sàn lên trần, xếp hai hàng. Thấy tôi soi xét căn nhà, Julián thở dài.

“Cách đây hai dãy nhà có một khách sạn. Sạch sẽ, rẻ thôi, tử tế. Anh đặt phòng ở đấy nhé.”

Tôi đã nghĩ đến điều này, nhưng sợ làm anh phật lòng.

“Em ở đây cũng được, miễn là không phiền đến anh hay Kurtz.”

Kurtz và Julián liếc nhìn nhau. Julián lắc đầu, và con mèo bắt chước. Tôi đã không để ý họ giống nhau đến thế vậy. Julián một mực bắt tôi dùng phòng ngủ của anh ấy. Anh không mấy khi ngủ ở đây, anh giải thích, và anh sẽ nằm trong phòng khách trên chiếc giường gấp, một hàng xóm cho mượn, ông Darcieu – một thầy bói già chuyên xem chỉ tay các thiếu nữ đôi lấy một nụ hôn. Đêm đầu tiên tôi ngủ rất ngon, vì mệt mỏi sau chuyến đi. Tôi thức dậy lúc hừng sáng và phát hiện Julián đã ra ngoài rồi, Kurtz vẫn ngủ trên cái máy đánh chữ của chủ nó. Nó ngáy như con chó ngao. Tôi bước đến bàn và thấy bản thảo của tiểu thuyết mới mà tôi đến nhận.

TRANG ĐẦU TIÊN TRONG NHÀ TRÒ

Trang đầu tiên, như trong mọi tiểu thuyết khác của Julián, là dòng chữ đề tặng viết tay:

Dành tặng P

Tôi náo nức muốn đọc tiếp. Tôi định cầm lên trang thứ hai thì nhận ra Kurtz đang nhìn tôi qua khe mắt. Tôi lắc đầu theo cách tôi thấy Julián đã làm. Con mèo, để đáp lại, cũng lắc đầu, và tôi đặt trang giấy xuống. Một lúc sau Julián xuất hiện, mang theo món bánh mì mới nướng, một bình cà phê và ít pho mát. Chúng tôi ăn sáng ngoài ban công, Julián

nói liên tù tì, nhưng lần tránh ánh mắt tôi. Dưới ánh ban mai, trông anh như một đứa trẻ già. Anh đã cạo râu và khoác lên bộ đồ tôi thiết tưởng là bộ tươm tất duy nhất của anh, chiếc áo màu kem đã cũ mòn nhưng rất lịch lãm. Tôi lắng nghe khi anh ấy kể về những bí ẩn của Nhà thờ Đức Bà và về một chiếc sà lan ma quái nghe đồn đêm đêm nó rẽ mặt nước sông Seine để thu nhặt linh hồn những tình nhân vô vọng đã trầm mình xuống dòng sông buốt giá hòng kết liễu cuộc đời. Trong thời gian chúng tôi ở cùng nhau, tôi đã nghe một ngàn lẻ một câu chuyện ly kỳ anh ấy sáng tạo ra ngõ hầu tôi khỏi chát vắn anh. Tôi lặng lẽ ngắm nhìn anh, gật đầu, tìm kiếm trong anh người đàn

ông đã viết những cuốn sách mà tôi đã thuộc lòng vì đọc đi đọc lại quá nhiều lần, cậu bé mà Miquel Moliner thường mô tả cho tôi.

“Em ở Paris được bao lâu?” anh hỏi.

Công việc của tôi với Gallimard mất chừng vài ba ngày, tôi nói. Cuộc hẹn đầu tiên của tôi với họ là buổi chiều hôm ấy. Tôi bảo anh đã tính dành vài ngày đi thăm thú thành phố trước khi về Barcelona.

“Paris cần nhiều hơn hai ngày,” Julián nói. “Nó không chịu nghe theo lý lẽ đâu.”

“Em không có nhiều thời gian hơn đâu, Julián ạ. Ông Cabestany là một ông chủ rộng lượng, nhưng mọi thứ có giới hạn của nó.”

“Cabestany là một tên cướp, nhưng đến ông ta cũng biết rằng không thể đi xem Paris chỉ trong hai ngày, hay hai tháng, thậm chí hai năm.”

“Em không thể ở Paris hai năm được, Julián.”

Một hồi lâu, anh ấy nhìn tôi không nói, rồi anh ấy mỉm cười. “Sao lại không? Có người nào chờ em sao?”

Công việc với Gallimard và những chuyến thăm xã giao đến nhiều nhà xuất

bản khác mà Cabestany có hợp đồng chiếm mất ba ngày trời, như tôi đã dự đoán. Julián đã cử cho tôi một hướng dẫn viên kiêm vệ sĩ, một cậu bé tên Hervé tầm mười ba tuổi biết tường tận thành phố này. Hervé sẽ đưa tôi đi đến nơi về đến chốn, chỉ cho tôi biết quán cà phê nào nên ghé, phố nào nên tránh, cảnh đẹp nào nên xem. Cậu bé sẽ đợi tôi hàng giờ ở cửa văn phòng các nhà xuất bản mà không đánh mất nụ cười trên môi và chấp nhận bất cứ khoản tiền bo nào. Hervé nói thứ tiếng Tây Ban Nha bập bõm nghe rất vui tai, mà cậu ta lẫn vào cả tiếng Ý và Bồ Đào Nha.

“Chú Carax, chú ấy đã trả công cho cháu rồi, hậu hĩnh lắm lắm ạ....”

Theo tôi tìm hiểu, Hervé là trẻ mồ côi, con của một cô gái làm việc cho Irene Marceau, cậu sống ở trên gác mái khu nhà thổ. Julián đã dạy cậu ta tập đọc, viết, chơi dương cầm. Vào các ngày Chủ nhật anh ấy đưa cậu đến nhà hát hoặc nghe hòa nhạc. Hervé thần tượng Julián và dường như sẵn sàng làm bất cứ điều gì cho anh ấy, thậm chí dẫn tôi đến tận cùng thế giới nếu cần. Ngày thứ ba đi cùng nhau, cậu ấy hỏi tôi có phải là bạn gái của Signore Carax không. Tôi bảo không phải, mà chỉ là một người bạn đến thăm thôi. Cậu bé tỏ vẻ thất vọng.

Julián hầu như thức mọi đêm, ngồi nơi bàn với Kurtz trong lòng, lật qua

nhiều trang sách hoặc đơn giản ngắm nhìn tháp nhà thờ đổ bóng xa xa. Một đêm, khi tôi không thể ngủ được vì tiếng mưa tí tách trên mái nhà, tôi bước vào phòng khách. Chúng tôi nhìn nhau không nói, và Julián mời tôi thuốc. Một lúc lâu, chúng tôi lặng lẽ nhìn cơn mưa. Sau đó, khi mưa thôi rơi, tôi hỏi anh ấy P là ai.

“Penélope,” anh ấy trả lời.

Tôi bảo anh kể về cô ấy, về mười bốn năm sống lưu vong ở Paris. Bằng giọng thì thầm, trong ánh sáng mờ nhạt nhà, Julián bảo tôi Penélope là người phụ nữ duy nhất anh ấy yêu.

MỘT ĐÊM, VÀO MÙA ĐÔNG NĂM 1921, Irene Marceau bắt gặp

Julián lang thang trên đường phố Paris, không thể nhớ nổi tên mình và đang ho ra máu. Anh chỉ có trong người vài xu lẻ và mấy tờ giấy gập chi chít chữ viết. Irene đọc chúng và nghĩ bà đang gặp một nhà văn nổi tiếng đang say rượu, và có lẽ một nhà xuất bản hào hiệp sẽ trả ơn bà khi anh tỉnh lại. Ít nhất thì đó là theo lời kể của bà, còn Julián biết bà cứu anh vì lòng thương. Anh ở sáu tháng trên căn phòng gác mái trong nhà thổ của Irene. Các bác sĩ cảnh báo Irene rằng nếu người đàn ông ấy tự đầu độc lần nữa, họ sẽ không chịu trách nhiệm. Anh ấy đã hủy hoại dạ dày và gan của mình, và suốt phần đời còn lại sẽ chỉ được uống sữa, ăn pho mát gọt kem và bánh mì mới. Khi

Julián nói được trở lại, Irene hỏi anh ấy là ai.

“Không ai cả,” Julián trả lời.

“Chậc, ở đây chẳng ai ở không mà sống bằng tiền của tôi hết. Anh có thể làm được gì?”

Julián bảo anh có thể chơi dương cầm.

“Chứng minh xem nào.”

Julián ngồi xuống cây dương cầm ở sảnh, đối diện một đám khán giả chăm chú là những cô điếm mười lăm tuổi chỉ mặc mỗi đồ lót, rồi chơi một bản dạ khúc của Chopin. Tất cả mọi người đều vỗ tay, ngoại trừ Irene, bà bảo anh cái

thứ bà vừa được nghe là loại nhạc cho người chết, mà họ thì đang làm ăn với người còn sống cơ. Julián cho bà nghe một giai điệu nhộn nhịp và vài khúc nhạc của Offenbach.

“Hay hơn đấy. Nhanh chút nữa.”

Công việc mới giúp anh đủ sống, có một mái nhà, và hai bữa ăn mỗi ngày.

Anh sống sót được ở Paris nhờ lòng hảo tâm của Irene, bà là người duy nhất động viên anh tiếp tục viết lách. Sách ưa thích của bà là tiểu thuyết diễm tình và tiểu sử các vị thánh và những đáng tuần đạo, mấy thể loại ấy vô cùng hấp dẫn bà. Theo ý bà, vấn đề của Julián là con tim anh đã bị đầu độc; ấy là lý do

tại sao anh chỉ viết được những câu chuyện kinh dị và đen tối. Dù Irene có phản đối như vậy, song cũng chính nhờ bà mà Julián tìm được nhà xuất bản cho những tác phẩm đầu tiên của anh. Bà chính là người đã cho anh căn phòng áp mái để anh lẩn tránh khỏi thế giới, người đã mặc đồ cho anh và lôi anh ra ngoài hưởng chút ánh mặt trời và không khí trong lành, mua sách cho anh và bắt anh đi dự lễ mixa với bà vào mỗi Chủ nhật rồi sau đó tản bộ qua vườn Tuileries. Irene Marceau curu mang anh mà không đòi hỏi anh đền đáp điều gì, ngoại trừ tình bạn của anh và lời hứa anh sẽ tiếp tục viết sách. Đôi khi bà cũng cho phép anh đưa một cô gái về phòng của anh, dù

họ chỉ lên đây ôm nhau ngủ. Irene cười đùa rằng các cô gái ấy cũng cô đơn như chính anh, và điều họ chỉ cần là một chút tình yêu.

“Hàng xóm của anh, ông Darcieu, nghĩ anh là gã phúc đức nhất trên đời,” anh ấy bảo tôi.

Tôi hỏi tại sao anh không bao giờ quay về Barcelona để tìm Penélope. Anh liền rơi vào một khoảng lặng dài, sâu, rồi khi tôi nhìn khuôn mặt anh trong bóng đêm, tôi thấy những giọt nước mắt chảy dài. Không biết mình đang làm gì, tôi quỳ xuống ôm lấy anh. Chúng tôi cứ như thế, ôm nhau, cho đến khi bị ánh ban mai bắt quả tang. Tôi không còn biết ai hôn

ai trước, hay điều đó có quan trọng không. Tôi biết tôi đã tìm thấy đôi môi anh và để anh âu yếm tôi mà không nhận ra rằng chính tôi nữa cũng đang khóc mà không biết tại sao. Mờ sáng hôm ấy, và tất cả những ngày sau đó trong hai tuần tôi ở bên Julián, chúng tôi ân ái cùng nhau trên sàn nhà, không nói một lời. Sau này, khi ngồi trong quán cà phê hay tản bộ qua những con phố, tôi nhìn vào mắt anh và biết, dù không cần hỏi anh, rằng anh vẫn yêu Penélope. Tôi còn nhớ trong những ngày ấy tôi dần căm ghét cô gái mười bảy tuổi kia (vì với tôi Penélope luôn mười bảy) người tôi chưa bao giờ gặp mặt và giờ đây ám những giấc mơ của tôi. Tôi tìm có điện cho ông

Cabestany kéo dài thời gian lưu trú. Tôi không còn bận tâm về chuyện mình có mất việc không hay về cuộc sống ảm đạm tôi đã bỏ lại ở Barcelona. Tôi thường tự vấn phải chăng tôi đã đến Paris với một cuộc đời trống rỗng như vậy và ngã vào vòng tay của Julián như những cô gái của Irene Marceau, những người khao khát thương yêu dù không hề tự biết. Tôi chỉ biết hai tuần sống cùng Julián là khoảng thời gian duy nhất trong đời tôi được là chính mình, ấy cũng chính là lúc tôi hiểu ra một cách rõ ràng và vô vọng điều không thể giải thích rằng tôi sẽ không bao giờ có thể yêu một người đàn ông khác như tôi yêu Julián, dù tôi có cố gắng cả đời.

Một ngày kia, Julián mệt mỏi thiếp đi trong vòng tay tôi. Chiều hôm trước, khi chúng tôi qua một hiệu cầm đồ, anh ấy dừng lại chỉ cho tôi xem một cây bút máy đã bày ở đó nhiều năm. Theo ông chủ hiệu cầm đồ, cây bút từng thuộc về Victor Hugo, Julián chưa bao giờ có tiền, dù chỉ một phần nhỏ, để mua cây bút ấy, nhưng anh dừng lại ngắm nhìn nó mỗi ngày. Tôi lặng lẽ mặc đồ và bước xuống hiệu cầm đồ. Cây bút đáng giá cả gia tài, mà tôi không có, nhưng ông chủ hiệu bảo ông chấp nhận séc bằng đồng peso của bất cứ ngân hàng Tây Ban Nha nào có chi nhánh ở Paris. Trước khi mẹ tôi mất, bà đã hứa dành đủ tiền mua cho tôi chiếc váy cưới. Cây bút của Victor

Hugo sẽ thay cho nó, cả mạng che mặt và mọi thứ, dù biết thật là điên rồ, nhưng tôi chưa bao giờ tiêu một số tiền lớn nào mà lại cảm thấy thỏa lòng như vậy. Khi rời cửa hiệu với hộp bút đẹp đẽ, tôi nhận ra một người phụ nữ đang theo tôi. Đó là một phụ nữ tao nhã, với mái tóc ánh bạc và cặp mắt xanh biếc nhất tôi từng thấy. Bà bước đến chỗ tôi và tự giới thiệu. Bà là Irene Marceau, người bảo trợ của Julián. Hervé, cậu bé hướng dẫn viên, đã kể với bà về tôi. Bà chỉ muốn gặp tôi hỏi xem tôi có phải người phụ nữ mà Julián chờ đợi từng ấy năm không. Tôi không buộc phải trả lời. Irene gật đầu đồng cảm rồi hôn lên má tôi. Tôi nhìn bà bước đi dọc phố, và lúc ấy tôi hiểu ra Julián sẽ

không bao giờ thuộc về tôi. Tôi quay về căn gác mái với cái hộp bút giấu trong túi xách. Julián đã thức chờ tôi. Anh lặng lẽ cởi đồ tôi ra , và chúng tôi ái ân lần cuối. Khi anh ấy hỏi tại sao tôi khóc, tôi bảo anh đó là những giọt nước mắt vui sướng. Lát sau, khi Julián xuống mua đồ ăn, tôi gói ghém đồ đạc và đặt hộp bút lên máy đánh chữ của anh ấy. Tôi cho bản thảo cuốn tiểu thuyết của anh ấy vào túi xách rồi ra đi trước khi anh quay lại. Ngoài chiếu nghỉ, tôi gặp ông Darcieu, ông thầy bói già chuyên đọc chỉ tay của các thiếu nữ để đổi lấy một nụ hôn. Ông nắm tay tôi rồi nhìn tôi ảo não.

“Vous avez du poison au coeur, mademoiselle^[1].”

[1. Trái tim cô đã nhiễm độc, cô gái ạ.]

Khi tôi cố trả công, ông lắc đầu nhẹ nhàng, và chính ông hôn bàn tay tôi.

TÔI ĐẾN NHÀ GA AUSTERLITZ kịp bắt chuyến tàu mười hai giờ đi Barcelona. Người soát vé đã bán vé cho tôi hỏi tôi có làm sao không. Tôi gật đầu và chui vào toa. Tàu đã chuyển bánh khi tôi nhìn ra cửa sổ và thoáng thấy Julián trên sân ga, ngay tại nơi tôi lần đầu gặp anh. Tôi nhắm mắt lại, và không mở mắt cho đến khi không còn thấy nhà ga và thành phố đầy mê

hoặc ấy nơi tôi không bao giờ có thể quay lại. Hôm sau tàu đến Barcelona, khi trời vừa hửng sáng. Đó là sinh nhật thứ hai mươi tư của tôi, và tôi biết phần đời đẹp nhất của mình đã bị bỏ lại đằng sau.

Chương 2

SAU KHI TRỞ VỀ BARCELONA, tôi đợi một thời gian trôi qua mới đến thăm Miquel Moliner. Tôi cần xua Julián ra khỏi đầu mình, và tôi nhận ra nếu Miquel hỏi tôi về anh ấy, tôi sẽ không biết phải nói sao đây. Khi chúng tôi gặp nhau, tôi không cần kể gì cho anh. Miquel chỉ cần nhìn vào mắt tôi là biết. Trông anh gầy hơn trước chuyến đi Paris của tôi; khuôn mặt anh xanh xao yếu ớt, mà tôi cứ đổ cho vì anh làm nhiều việc quá để hành hạ bản thân. Anh thừa nhận đang gặp khó khăn về tài chính. Anh đã tiêu gần hết số tiền thừa kế

cho những mục đích nhân đạo, và giờ luật sư của các anh trai anh đang tìm cách tống anh ra khỏi nhà, viện dẫn một điều khoản trong di chúc của ông cụ Moliner nêu rõ anh chỉ có thể sống ở đó nếu giữ gìn căn nhà trong điều kiện tốt và có thể chứng minh là anh có đủ nguồn tài chính sửa sang ngôi nhà. Nếu không, dinh thự Puertaferissa sẽ được chuyển giao cho các anh em của anh quản lý.

“Thậm chí trước khi chết, cha anh đã cảm thấy rằng anh sẽ tiêu hết tiền của ông ấy vào những thứ mà ông kính tởm nhất đời, tiêu đến đồng xu cuối cùng.”

Thu nhập của anh ấy từ viết chuyên mục trên báo và làm dịch giả không đủ

trang trải cho công việc bảo trì như vậy.

“Bản thân chuyện kiếm tiền không khó,” anh than phiền. “Cái khó là kiếm được tiền bằng công việc nào xứng đáng cho mình cống hiến cả cuộc đời.”

Tôi ngờ anh bắt đầu lén lút uống rượu. Đôi khi tay anh run run. Mỗi Chủ nhật, tôi đến thăm anh và lôi anh ra phố, tránh xa khỏi cái bàn và bộ sách bách khoa của anh. Tôi biết anh đau đớn mỗi khi nhìn thấy tôi. Anh cư xử như không còn nhớ anh đã cầu hôn tôi và tôi đã khước từ, nhưng nhiều lần tôi bắt gặp anh nhìn chằm chằm tôi với ánh mắt khát khao xen lẫn thảm bại. Lý do duy nhất của tôi buộc anh phải chịu sự tàn nhẫn như vậy hoàn

toàn ích kỷ: chỉ Miquel biết sự thật về Julián và Penélope Aldaya.

Trong những tháng tôi xa Julián, Penélope Aldaya đã trở thành bóng ma đánh cắp giấc ngủ và chiếm trọn suy nghĩ của tôi. Tôi có thể vẫn nhớ về thất vọng trên khuôn mặt Irene Marceau khi bà nhận ra tôi không phải là người phụ nữ Julián chờ đợi. Penélope Aldaya, người vắng mặt ngoan trá, là một kẻ địch quá mạnh với tôi. Cô ấy vô hình, nên tôi mừng tượng cô ấy hoàn hảo. Cạnh cô ấy, tôi vô giá trị, tầm thường, quá trần trụi. Tôi chưa bao giờ nghĩ có thể căm ghét ai đó đến nhường ấy một cách vô thức đến vậy – căm ghét người tôi thậm chí còn không quen biết, người cả đời

chưa bao giờ gặp. Thiết tưởng nếu tôi gặp trực diện cô ấy, nếu tôi có thể đoán chắc với mình rằng cô ấy hiện hữu bằng xương bằng thịt, thì lời nguyện sẽ bị phá bỏ và Julián sẽ được tự do. Và tôi sẽ được ở bên anh ấy. Tôi muốn tin đây chỉ là vấn đề thời gian và kiên nhẫn mà thôi. Sớm hay muộn, Miquel sẽ cho tôi biết sự thật. Và sự thật sẽ giải phóng tôi.

Một ngày, khi chúng tôi đang rảo bước qua hành lang nhà thờ, Miquel một lần nữa tỏ tình ý với tôi. Tôi nhìn anh và thấy một người cô đơn, trông vắng hy vọng. Tôi biết mình đang làm gì khi dẫn anh về nhà và thả mình theo những vuốt ve mơn trớn của anh. Tôi biết tôi đang lừa dối anh, và anh cũng biết, nhưng anh

không còn gì khác trên đời này. Chúng tôi đã trở thành tình nhân như vậy, những tình nhân vô vọng. Tôi thấy trong mắt anh điều tôi hằng muốn được thấy trong mắt Julián. Tôi cảm thấy rằng bằng cách hiến dâng mình cho anh, tôi đang trả thù Julián và Penélope và trả thù tất cả những gì đã chối bỏ tôi. Miquel, vẫn đang ốm yếu vì khao khát và cô đơn, biết rằng tình yêu của chúng tôi là một trò giả dối, dù vậy anh không thể buông tôi. Càng ngày anh càng uống nhiều hơn và thường không thể ân ái với tôi. Lúc ấy anh sẽ mĩa mai cay đắng rằng, rốt cuộc, chúng tôi đã trở thành một cặp vợ chồng hoàn hảo trong một thời gian ngắn kỷ lục. Chúng tôi đang gây tổn thương cho nhau

bằng lòng căm thù và sự hèn nhát. Một đêm, gần một năm sau khi tôi từ Paris trở về, tôi đã cầu xin anh kể tôi nghe sự thật về Penélope, Miquel lúc ấy đang trong cơn say, và anh trở nên hung hãn, chưa bao giờ tôi thấy anh như vậy. Trong cơn cuồng nộ, anh nhục mạ và cáo buộc tôi chưa bao giờ yêu anh ấy, là một con điếm dâm loạn. Anh xé toạc quần áo tôi, và khi anh đang cố lên người tôi, tôi nằm xuống, hiến dâng thân thể mình không chút kháng cự, khóc thầm. Miquel quỳ xuống cầu xin tôi tha thứ. Tôi ước làm sao mình có thể yêu anh chứ không phải yêu Julián, và có thể lựa chọn ở bên cạnh anh. Nhưng tôi không thể. Chúng tôi ôm nhau trong bóng tối, và tôi cầu xin anh

tha thứ cho mọi nỗi đau tôi gây ra. Rồi anh bảo tôi, nếu với tôi chuyện ấy quá quan trọng, anh sẽ kể sự thật về Penélope Aldaya. Lại một sai lầm nữa của tôi.

Ngày Chủ nhật năm 1919 ấy, khi Miquel Moliner ra sân ga đưa cho bạn mình tấm vé đi Paris và tiễn bạn, anh đã biết Penélope sẽ không đến hẹn. Hai ngày trước, khi Don Ricardo Aldaya từ Madrid trở về, vợ ông ta thú nhận bà đã bắt quả tang Julián và con gái Penélope của họ trong phòng cô bảo mẫu. Ngày hôm sau Jorge Aldaya đã tiết lộ cho Miquel, và bắt anh thề không được kể với ai. Jorge giải thích, khi hay tin, Don Ricardo đã bùng bùng giận dữ thế nào và tức tốc lên phòng Penélope chửi rủa

như một kẻ điên. Khi nghe tiếng gào thét của cha, Penélope khóa trái cửa phòng và khóc lóc trong khiếp sợ. Don Ricardo đập đổ cửa và thấy con gái đang quỳ gối, run rẩy cầu xin tha thứ. Don Ricardo tát vào mặt cô mạnh đến nỗi cô ngã sóng soài. Đến Jorge cũng không thể nhắc lại những lời Don Ricardo tuôn ra trong cơn cuồng nộ. Mọi người trong gia đình và kẻ ăn người ở chờ nơi tầng dưới khiếp đảm, không biết phải làm gì. Jorge trốn trong phòng, trong bóng tối, nhưng thậm chí ở đó anh ta cũng có thể nghe tiếng la hét chửi rủa của Don Ricardo. Jacinta bị đuổi ngay hôm ấy. Don Ricardo còn không thềm hạ cố nhìn bà. Ông lệnh cho kẻ hầu ném bà ra khỏi nhà và dọa họ sẽ

chịu chung số phận nếu bất cứ ai có liên hệ gì với bà ấy.

Khi Don Ricardo xuống thư viện thì đã nửa đêm. Ông ta bỏ Penélope bị khóa trái trong phòng của Jacinta và nghiêm cấm mọi người, dù là nhân viên hay gia đình, được gặp cô ấy. Trong phòng mình, Jorge có thể nghe cha mẹ nói chuyện ở tầng dưới. Bác sĩ đến ngay từ sáng sớm. Señora Aldaya dẫn ông ta vào phòng Jacinta và đứng chờ ngoài cửa trong khi bác sĩ khám cho Penélope. Khi bước ra, bác sĩ chỉ gật đầu và nhận tiền. Jorge nghe Don Ricardo đe bác sĩ rằng nếu ông ta kể cho bất cứ ai điều nhìn thấy ở đây, danh tiếng của ông ta sẽ bị hủy hoại và ông ta sẽ không bao giờ

có thể hành nghề y được nữa. Ngay đến Jorge cũng biết thế có nghĩa là gì.

Jorge thú nhận anh ta rất lo cho Penélope và Julián. Anh ta chưa bao giờ thấy cha mình phẫn nộ đến như vậy. Kể cả xét đến cái tội lỗi đôi tình nhân ấy đã làm, thì anh ta cũng không thể hiểu độ mãnh liệt của cơn cuồng nộ ấy. Hẳn phải có gì khác, anh ta nói, có gì đó khác. Don Ricardo đã lệnh trường San Gabriel tống cổ Julián và liên lạc với cha anh, ông bán mũ, về việc cho anh nhập ngũ ngay lập tức. Khi Miquel nghe toàn bộ chuyện này, anh quyết định không kể cho Julián sự thật. Nếu anh tiết lộ cho Julián rằng Don Ricardo nhốt Penélope ở nhà, và cô hẳn đang mang đứa con của anh ấy,

Julián sẽ không bao giờ bắt chuyến tàu đi Paris kia. Anh biết rằng nếu bạn mình vẫn ở lại Barcelona, đó sẽ là dấu chấm hết cho Julián. Nên anh quyết định lừa dối bạn, để anh ấy đi Paris không biết chuyện xảy ra; anh để cho anh ấy nghĩ rằng Penélope sẽ sang với anh ấy sau. Khi nói lời từ biệt Julián ngày hôm ấy ở nhà ga Francia, thậm chí Miquel cũng muốn tin rằng chưa phải tất cả đã mất.

Vài ngày sau, khi phát hiện Julián biến mất, mọi việc trở nên rối loạn. Don Ricardo Aldaya nổi trận lôi đình. Ông ta đi điều đến nửa sở cảnh sát truy tìm kẻ lẩn trốn, nhưng không thành. Ông ta cáo buộc ông bán mũ phá hoại kế hoạch họ đã thỏa thuận và đe dọa sẽ cho ông tán gia bại

sản. Ông bán mũ, không thể hiểu chuyện gì đang xảy ra, bèn quay sang cáo buộc vợ mình, bà Sophie, đã lập mưu tẩu thoát cho đứa con hèn hạ kia và hăm dọa tống bà ra khỏi nhà. Chẳng hề ai ngờ chính Miquel Moliner mới là người lên kế hoạch mọi chuyện – ngoại trừ Jorge Aldaya, người đã đến gặp anh hai tuần sau. Anh ta không còn cái vẻ sợ hãi và lo lắng đã xâm chiếm anh ta như trước. Đây là một Jorge Aldaya khác, một người trưởng thành đã bị tước đoạt hết mọi ngây thơ. Cho dù sự thật ra sao đằng sau cơn phẫn nộ của Don Ricardo, Jorge cũng đã tìm ra. Lý do của cuộc viếng thăm thật rõ ràng: anh ta biết Miquel là người đã giúp Julián bỏ trốn. Anh ta bảo

tình bạn của họ đã chấm dứt, rằng anh ta không muốn nhìn thấy anh nữa, và đe dọa sẽ giết anh nếu anh kể cho bất kỳ ai điều anh ta đã tiết lộ hai tuần trước.

Vài tuần sau, Miquel nhận được một bức thư, với tên người gửi mạo danh, do Julián gửi từ Paris. Trong thư, anh ấy cho anh địa chỉ, bảo rằng anh ấy vẫn khỏe và rất nhớ bạn, và gửi lời thăm hỏi đến mẹ và Penélope. Anh ấy cũng gửi kèm một bức thư cho Penélope, mà Miquel sẽ phải gửi đi từ Barcelona, thư đầu tiên trong rất nhiều bức thư Penélope không bao giờ được xem. Miquel thận trọng chờ vài tháng trôi qua. Anh viết cho Julián mỗi tuần một lần, chỉ nói những điều anh cảm thấy phù hợp, vốn

gần như chẳng có gì. Julián, ngược lại, kể cho anh về Paris, về mọi sự khó khăn thế nào, anh ấy cảm thấy cô đơn và vô vọng ra sao. Miquel gửi cho anh ấy tiền, sách vở, và tình bạn. Trong mỗi bức thư, Julián đều gửi kèm một bức nữa cho Penélope. Miquel gửi chúng từ các bưu điện khác nhau, dù anh biết việc ấy vô ích. Trong thư, Julián không ngớt hỏi về Penélope nhưng Miquel không thể kể được gì. Anh biết, nhờ Jacinta, rằng Penélope chưa rời ra khỏi căn nhà trên Đại lộ Tibidabo kể từ khi cha cô khóa cửa giam cô trong căn phòng trên tầng ba.

Một buổi tối, Jorge Aldaya nấp trong bóng đen đợi Miquel, cách nhà anh

chừng hai dãy phố. “Cậu đến giết tôi à?” Miquel hỏi. Jorge bảo anh ta đến ban cho Miquel và bạn anh một ân huệ. Anh ta đưa cho Miquel một bức thư và khuyên anh nên gửi đến tay Julián, dù anh ấy có lẩn trốn nơi đâu. “Vì mọi người,” anh ta tuyên bố đầy điềm gở. Trong phong thư là tờ giấy có chữ viết tay của Penélope Aldaya.

Julián thân mến,

Tôi viết dòng này báo anh biết đám cưới sắp tới của tôi và cầu xin anh đừng viết cho tôi nữa, hãy quên tôi đi và xây dựng lại cuộc đời. Tôi không oán hận gì anh cả, nhưng sẽ là không

chân thành nếu tôi không thú nhận rằng tôi chưa bao giờ yêu anh và sẽ không bao giờ có thể yêu được. Chúc anh những gì tốt đẹp nhất, dù anh ở nơi đâu.

Penélope

Miquel đọc đi đọc lại lá thư hàng ngàn lần. Chữ viết tay không thể nhầm lẫn được, nhưng anh không tin dù chỉ một chút rằng Penélope tự nguyện viết bức thư ấy: "... dù anh ở nơi đâu." Penélope biết rất rõ Julián ở đâu: Paris, đang chờ đợi cô ấy. Nếu cô ấy vờ như không biết anh ấy ở đâu, Miquel ngẫm nghĩ, thì đó là để bảo vệ anh ấy. Cũng vì lý do ấy,

Miquel không thể hiểu điều gì xui khiến cô viết những lời kia. Còn mối đe dọa nào nữa mà Don Ricardo mang lại cho cô, hơn cả việc nhốt cô như một tù nhân nhiều tháng rờng trong căn phòng kia? Hơn bất kỳ ai, Penélope biết bức thư ấy như một con dao tâm độc đối với trái tim Julián: một thanh niên mười chín, lưu lạc ở một thành phố xa xôi và lạ lẫm, bị tất cả bỏ mặc, sinh tồn chỉ để hy vọng hảo huyền sẽ được gặp lại cô ấy. Điều gì khiến cô muốn bảo vệ anh ấy bằng cách đẩy anh ấy rời xa như vậy? Sau nhiều suy xét, Miquel quyết định không gửi bức thư. Không, chừng nào anh chưa biết lý do. Không có một lý do thuyết phục, thì chính anh mới là người cầm con dao ấy

vào tâm hồn bạn mình.

Vài ngày sau, anh phát hiện ra Don Ricardo Aldaya, mệt mỏi vì cứ phải thấy Jacinta đứng chờ như lính gác trước cửa nhà mình hòng cầu xin được biết tin Penélope, đã sử dụng mọi quen biết để đưa bà vào nhà thương điên Horta. Khi Miquel Moliner cố đi gặp bà, người ta không cho anh vào thăm. Ba tháng đầu tiên Jacinta Coronado phải chịu cảnh ở trong phòng giam biệt lập. Sau ba tháng trong lặng câm và bóng tối, anh được một bác sĩ – một người trẻ tuổi vui tính – cho biết rằng yêu cầu đưa bệnh nhân vào viện đã được đảm bảo. Theo linh cảm, Miquel quyết định đến khu nhà trọ nơi Jacinta ở sau khi bị đuổi. Khi anh tự giới

thiệu tên, bà chủ nhà nhớ ra Jacinta đã để lại cho anh một bức thư và vãn nợ bà ta ba tháng tiền nhà. Anh trả số tiền nợ, dù không mấy tin là chuyện ấy có thực, và nhận bức thư. Trong thư, bà bảo mẫu giải thích bà nghe được tin rằng Laura, một trong những người hầu nhà Aldaya, đã bị đuổi việc khi bị phát hiện cô ta lén lút gửi thư của Penélope cho Julián. Miquel suy ra rằng địa chỉ duy nhất mà Penélope, đương lúc bị giam cầm, có thể gửi bức thư ấy chính là nhà cha mẹ Julián trên phố San Antonio, hy vọng họ sẽ gửi đến cho anh ấy ở Paris.

Thế là anh quyết định đến thăm Sophie Carax để lấy bức thư và chuyển cho Julián. Khi đến nhà Fortuny, Miquel

gặp phải một bất ngờ không vui: Sophie Carax không còn sống ở đó nữa. Vài ngày trước bà đã bỏ ông chồng – ít nhất thì tin đồn lan trong khu nhà như vậy. Miquel đành cố nói chuyện với ông bán mũ, ông ta cả ngày thui thủi trong cửa hàng, bị tàn phá bởi lòng căm giận và nỗi ô nhục. Miquel bảo ông ta rằng anh đến để nhận bức thư hãn đã chuyển đến cho con trai ông, Julián, vài ngày trước.

“Tao không có con” là câu trả lời duy nhất anh nhận được.

Miquel Moliner bỏ đi không biết bức thư đang tìm đã rơi vào tay người bảo vệ và nhiều năm sau này cậu, Daniel a, tìm thấy nó và đọc những lời Penélope

dành cho Julián, lần này là chính từ trái tim cô ấy: những lời anh ấy không bao giờ nhận được.

Khi Miquel rời cửa hàng mũ Fortuny, một người sống trong nhà, tự xưng là Viçenteta, đến hỏi có phải anh tìm Sophie. Miquel xác nhận và bảo anh là bạn của Julián.

Viçenteta cho anh biết Sophie đang ở tại một nhà khách ẩn trong khu phố nhỏ sau tòa nhà bưu điện, đang chờ khởi hành trên con tàu sẽ mang bà sang châu Mỹ. Miquel đến địa chỉ ấy, nơi anh thấy một cầu thang nhỏ hẹp, tối tăm, hầu như thiếu ánh sáng và không khí. Trên đỉnh cầu thang xoắn ốc, anh tìm thấy Sophie

Carax, trong một căn phòng tầng bốn, tối tăm, ẩm ướt. Mẹ của Julián đang nhìn ra cửa sổ, ngồi bên mép cái giường tạm bợ, cùng hai chiếc va li đóng kín nằm như những cỗ quan tài chứa hai mươi năm của bà ở Barcelona.

Khi đọc bức thư có chữ ký của Penélope mà Jorge Aldaya đã chuyển đã cho Miquel, Sophie tuôn ra những giọt lệ giận căm.

“Con bé biết,” bà lầm bầm. “Tôi nghiệp con bé, nó biết rồi...”

“Biết gì ạ?” Miquel hỏi.

“Là lỗi của ta,” Sophie nói. “Lỗi của ta.”

Miquel cầm tay bà, anh không hiểu. Sophie không dám nhìn thẳng vào mắt anh.

“Julián và Penélope là anh em,”
bà thàn thì.

Chương 3

NHIỀU NĂM TRƯỚC KHI TRỞ THÀNH NÔ LỆ cho nhà Antoni Fortuny, Sophie Carax là một phụ nữ sống nhờ vào tài năng. Năm mới mười chín tuổi, bà đến Barcelona mong tìm một công việc hứa hẹn, điều không bao giờ trở thành hiện thực. Trước khi chết, cha bà đã xin được những lời giới thiệu cần thiết để bà vào làm việc cho nhà Benarens, một gia đình phong lưu làm nghề buôn bán, xuất thân từ Alsace, đã xây dựng được cơ ngơi ở Barcelona.

“Khi bố chết, con hãy đến nhà họ,

rồi họ sẽ coi con như con gái trong nhà,”
ông nài nỉ con gái.

Sự chào đón nồng hậu bà nhận được cũng là một phần của rắc rối. Ông Benarens quả thật đã đón tiếp bà với vòng tay rộng mở - quá rộng mở, theo ý bà vợ. Bà Benarens cho Sophie một trăm peso và đuổi ra khỏi nhà, không hề tỏ chút thương xót cho bà và vận hạn của bà.

“Mày có cả cuộc đời phía trước, còn tao chỉ có một lão chồng xấu xa, dâm dật.”

Một trường nhạc trên phố Diputación đã nhận Sophie vào làm gia sư dạy nhạc và đàn dương cầm. Vào thời

ấy, các cô gái con nhà khá giả được dạy dỗ cách giao tiếp ứng xử và bập bõm nhạc đàn cho những dịp đến chốn tiệc tùng giao lưu, nơi mà những điệu polonaise được cho là đỡ nguy hại hơn so với chuyện trò hay văn chương đáng ngờ. Vậy nên Sophie Carax bắt đầu lui tới các dinh thự, nơi những cô hầu cứng nhắc và câm lạng sẽ dẫn bà vào phòng nhạc. Ở đó những đứa trẻ khó bảo con các nhà quý tộc công nghiệp đang chờ bà đến, cười nhạo trước giọng nói, sự bẽn lẽn hay địa vị thấp hèn của bà – dẫu bà có thể đọc nhạc, thì cũng chẳng thay đổi được gì. Dần dần, Sophie biết tập trung vào số nhỏ những học sinh vượt lên khỏi vị trí loài sâu mọt bọc hương, và biết

cách quên đi những đũa còn lại.

Trong thời gian này, Sophie gặp một thợ làm mũ trẻ tuổi (vì ông ta thích gọi như vậy, với niềm tự hào nghề nghiệp) tên là Antoni Fortuny, người dường như quyết tâm theo đuổi bà, với bất cứ giá nào. Antoni Fortuny, người mà Sophie cảm nhận một tình bạn nồng ấm và chỉ thế thôi, không mất nhiều thời gian đề nghị lời cầu hôn bà, một lời cầu hôn mà Sophie từ chối – và tiếp tục từ chối, hàng chục lần mỗi tháng. Mỗi khi họ tạm biệt nhau, Sophie hy vọng bà không gặp ông ta nữa, vì bà không muốn làm ông ta tổn thương. Ông bán mũ, bất chấp những lần chối từ, vẫn giữ thế tấn công, vẫn mời bà đi nhảy, đi dạo bộ, hay uống ly sô

cô la nóng ăn cùng bánh bích quy trên phố Canuda. Cô đơn ở Barcelona, Sophie thấy thật khó cưỡng lại lòng nhiệt tình của ông ta, sự bầu bạn của ông, sự tận tâm của ông. Bà chỉ cần nhìn vào Antoni Fortuny là biết bà không bao giờ có thể yêu ông ta được. Không yêu theo cách bà mơ ước sẽ yêu một người. Nhưng bà thấy thật khó xóa bỏ cái hình ảnh về bản thân mà bà nhìn thấy được phản chiếu trong đôi mắt mê cuồng của ông bán mũ. Chỉ trong đôi mắt ấy, bà mới thấy cô Sophie bà mong ước trở thành.

Thành thử, do nhu cầu hoặc do yêu đuối, Sophie tiếp tục vui thỏa cuộc săn đón của ông bán mũ, với niềm tin sẽ có một ngày ông ta gặp được một cô gái đáp

lại tình cảm của ông ta và cuộc đời ông ta sẽ nhận được nhiều hơn... Trong lúc ấy, được ham muốn và được nâng niu là đủ làm vui đi nỗi cô đơn và niềm mong mỏi đối với mọi thứ bà bỏ lại đằng sau. Bà gặp Antoni vào các ngày Chủ nhật, sau lễ mixa. Những ngày còn lại bà bận bịu với những buổi dạy nhạc. Học trò yêu thích của bà là một cô bé tên Ana Valls, con gái của một nhà sản xuất máy dệt phát đạt, ông ta xây nên cơ nghiệp từ con số không, nhờ những nỗ lực và hy sinh lớn lao, mà hầu hết là của kẻ khác. Ana bày tỏ ước muốn trở thành một nhà soạn nhạc vĩ đại và thường bắt Sophie lắng nghe những đoạn nhạc cô bé sáng tác, học theo những mô típ của Grieg và

Schumann – không phải không có kỹ thuật. Dù ông Valls tin là phụ nữ không có khả năng làm được gì ngoài mấy thứ thêu thùa may vá, ông ta vẫn ủng hộ con gái nghệ sĩ tài năng trên những phím đàn, vì ông ta đã sắp đặt gả con mình cho người thừa kế một dòng họ danh giá nào đấy. Ông ta biết rằng những người cao sang thích khám phá những phẩm chất khác thường ở các cô gái đến tuổi lấy chồng, bên cạnh sự hiền thực và mắn đẻ của tuổi xuân.

Chính ở nhà ông Valls mà Sophie đã gặp một trong những ân nhân và là bố già tài chính vĩ đại nhất của ông Valls. Don Ricardo Aldaya, người thừa kế của đế chế Aldaya, lúc ấy đã là niềm hy

vọng sáng ngời của tập đoàn đầu sỏ xứ Catalan vào cuối thế kỷ. Mới vài tháng trước, Don Ricardo Aldaya đã thành hôn một người thừa kế giàu có, một vàng nhan sắc sững sờ với cái tên rất khó đọc, ấy là theo lời những kẻ ngồi lê đôi mách, mặc dù ông chồng mới cưới dường như không thấy chút sắc đẹp gì ở bà ta và chưa bao giờ thềm nhắc đến tên bà ta. Đó là cuộc hôn nhân được sắp xếp giữa các gia đình và ngân hàng, không hề có chút tình cảm vớ vẩn gì ở đây, ông Valls nói, vì ông ta hiểu rõ một đằng là chuyện trên giường còn đằng kia là chuyện cái đầu.

Sophie chỉ cần một thoáng trao ánh mắt với Don Ricardo Aldaya cũng đủ

biết bà đã bị đánh gục. Aldaya có cặp mắt sói, háu đói và sắc sảo, cặp mắt của người đàn ông biết phải tấn công lúc nào và ở đâu. Ông hôn tay bà chậm chậm, đầu môi mơn trớn những khác tay. Ở ông bán mũ toát lên vẻ ân cần và nồng ấm, thì Don Ricardo phát ra sự tàn nhẫn và quyền uy. Nụ cười nanh ác tỏ rõ rằng ông ta có thể đọc suy nghĩ và khao khát của bà và thấy chúng thật nực cười. Cảm giác của Sophie về ông ta là kiểu khinh thường bị đánh thức trong lòng ta bởi những điều ta khao khát nhất nhưng không hề hay biết. Bà ngay lập tức tự nhủ sẽ không gặp ông ta nữa, sẽ thôi dạy cô học sinh yêu quý của mình nếu đó là cần thiết để tránh sự đụng độ nào nữa với

Ricardo Aldaya trong tương lai. Chưa bao giờ có gì khiến bà sợ hãi đến vậy khi cảm nhận cái bản tính thú vật ấy dưới lớp da thịt mình, bản năng của con mèo nhận ra kẻ ăn thịt đang khoác lớp vải áo tinh tế. Bà chỉ mất vài giây bịa ra một cái cớ vụn vặt để rời phòng, trước sự bối rối của ông Valls, sự thích thú của Aldaya, và sự thất vọng của Ana bé nhỏ, cô bé hiểu con người còn hơn hiểu âm nhạc, và cô bé biết mình đã mất cô giáo rồi.

Một tuần sau Sophie gặp Don Ricardo Aldaya đang đợi bà ở công trường nhạc trên phố Diputación, đang hút thuốc và lật giở trang báo. Họ liếc nhìn nhau, và không nói một lời, ông ta

dẫn bà đến một tòa nhà cách đó hai dãy phố. Đó là một tòa nhà mới xây, vẫn chưa có người ở. Họ lên tầng hai. Don Ricardo mở cửa và đẩy bà vào. Sophie vào căn hộ, một mê cung những hành lang và phòng ốc, không có đồ đạc, tranh ảnh, đèn đóm, hay bất cứ vật dụng nào khác cho thấy đó là một chốn để ở. Don Ricardo Aldaya đóng cửa, và họ nhìn nhau.

“Cả tuần nay anh không thôi nghĩ về em. Nếu em bảo rằng em không hề nghĩ đến anh, anh sẽ để em đi, và em sẽ không bao giờ gặp anh nữa,” Ricardo nói.

Sophie lắc đầu.

Những cuộc hẹn bí mật của họ kéo dài chín mươi sáu ngày. Họ gặp nhau vào các buổi chiều, luôn ở trong một căn hộ trống ở góc phố giữa Diputación và Rambla de Catalua. Thứ Ba và thứ Năm, lúc ba giờ. Những cuộc hẹn hò không bao giờ kéo dài quá một tiếng đồng hồ. Đôi khi Sophie nằm trên giường một mình, lúc này Aldaya đã đi khỏi, bà khóc lóc và run rẩy trong góc phòng ngủ. Rồi, khi Chủ nhật đến, Sophie tuyệt vọng nhìn vào đôi mắt ông bán mũ để tìm kiếm dấu vết của người phụ nữ đang dần biến mất, đang mong mỏi cả sự hiến dâng lẫn sự lừa gạt. Ông bán mũ không thấy những dấu vết trên da bà, những vết xước và bóng chi chít trên cơ thể bà. Ông bán mũ

không thấy sự tuyệt vọng trong nụ cười của bà, trong sự ngoan ngoãn của bà. Ông bán mũ không thấy gì hết. Có lẽ vì lý do ấy, bà đã nhận lời hứa hôn của ông ta. Lúc ấy, bà đã ngờ mình đang mang thai đứa con của Aldaya, nhưng sợ không dám nói, cũng như sợ đánh mất ông ta. Một lần nữa, chính Aldaya đã nhìn thấy ở Sophie điều bà không đủ khả năng thừa nhận. Ông ta đưa bà năm trăm peso cùng một địa chỉ ở phố Platería và lệnh cho bà phá bỏ đứa bé. Sophie từ chối. Don Ricardo Aldaya tát cho đến khi tai bà chảy máu, rồi đe dọa sẽ cho người giết bà nếu bà dám nhắc đến những cuộc hẹn bí mật của họ hay thừa nhận rằng đứa con là của ông ta. Khi Sophie bảo ông

bán mũ rằng bà bị bọn côn đồ hành hung tại Quảng trường Pino, ông đã tin bà. Khi bà bảo rằng bà muốn làm vợ ông, ông tin bà. Vào ngày cưới, có ai đó sơ xuất gửi vòng hoa tang đến nhà thờ. Mọi người cười cợt một cách bồn chồn khi họ thấy đó là lỗi của người bán hoa. Tất cả mọi người, trừ Sophie, bà biết quá rõ Don Aldaya không quên ngày cưới của bà.

Chương 4

SOPHIE CARAX KHÔNG BAO GIỜ TƯỞNG TƯỢNG NỔI rằng nhiều năm sau này bà sẽ gặp lại Ricardo (giờ đã là một người đàn ông trưởng thành, đứng đầu một đế chế gia đình, và cha của hai đứa con), và ông ta quay lại để gặp đứa con trai ông đã muốn phá bỏ với năm trăm peso.

“Có lẽ vì anh đang già đi,” ông ta giải thích, “nhưng anh muốn biết đứa bé này và cho nó những cơ hội trong đời mà đứa con mang dòng máu anh xứng đáng được hưởng. Suốt những năm qua anh

không mảy may nghĩ đến nó, thế mà giờ đây, thật lạ lùng, anh lại không thể nghĩ đến điều gì khác.”

Ricardo Aldaya đã quả quyết rằng không thể tìm thấy bản thân mình trong đứa con đầu lòng, Jorge. Thằng bé thật yếu đuối, dè dặt, và thiếu tính kiên định của cha nó. Nó thiếu mọi thứ, ngoại trừ cái họ. Một ngày kia, Don Ricardo thức dậy trên giường một cô hầu mà cảm thấy rằng cơ thể mình đang già đi, rằng Chúa đã lấy đi sự ban phước của Người. Kinh hoàng, ông ta chạy đến nhìn mình trần truồng trong gương, và tưởng như tấm gương đang lừa dối. Người đàn ông kia không phải Ricardo Aldaya.

Giờ ông ta muốn tìm lại con người đã bị đánh cắp trong mình. Nhiều năm qua, ông ta đã nghe nói đến con trai người bán mũ. Ông ta không quên Sophie, theo cách của ông ta. Don Ricardo Aldaya không bao giờ quên điều gì. Đã đến lúc phải gặp thằng bé. Lần đầu tiên trong mười lăm năm, ông ta mới gặp một người không sợ ông ta, một người dám thách thức và thậm chí cười nhạo ông. Ông ta nhận thấy lòng can đảm ở đứa bé, một khát vọng thâm lặng mà những kẻ khờ khạo không thể nhìn thấy, nhưng nó tồn tại ở đó ngay từ đầu. Chúa đã mang lại tuổi xuân cho ông ta. Sophie, nay chỉ còn là bóng mờ của người đàn bà ông còn nhớ, thậm chí còn không đủ sức

mạnh xen vào giữa họ. Ông bán mũ chỉ là một tên hề, một kẻ quê mùa cục mịch, đầy nanh ác và hần học, mà Aldaya có thể dùng tiền mua chuộc lấy sự đồng lõa. Ông ta quyết định lôi Julián ra khỏi cái thế giới ngọt ngào tầm thường và nghèo đói ấy và mở cánh cửa dẫn đến thiên đường tài chính cho anh. Anh sẽ được học ở trường San Gabriel, sẽ hưởng mọi đặc quyền như chúng bạn, và sẽ được khơi gợi hướng theo sự nghiệp mà cha anh đã chọn. Don Ricardo muốn một người kế nhiệm xứng đáng. Jorge rồi sẽ mãi rúc trong cái bóng sự giàu sang, che giấu sự tầm thường của mình đằng sau những tiện nghi vật chất. Penélope, Penélope xinh đẹp, chỉ là một phụ nữ, và

do đó là một kho báu, không phải người giữ kho báu. Julián, có một tâm hồn thi sĩ, vì vậy là linh hồn của một sát thủ, đáp ứng được mọi yêu cầu. Chỉ là vấn đề thời gian mà thôi. Don Ricardo ước tính chừng mười năm nữa ông ta sẽ ghi dấu ấn hình ảnh của mình lên đứa con. Trong suốt thời gian Julián ở nhà Aldaya như một người trong gia đình (thậm chí như một người được chọn), không bao giờ Don Ricardo lại ngờ rằng điều duy nhất Julián muốn từ ông ta là Penélope. Không một giây phút nào ông ta ngờ rằng Julián len lén khinh thường ông, và lòng cảm mến của anh chỉ là vờ vịt, chỉ là cái cớ để được gần Penélope mà thôi. Để chiếm đoạt được cô ấy tuyệt đối, trọn

ven. Họ giống nhau ở khía cạnh này.

Khi vợ ông ta bảo rằng bà phát hiện Julián và Penélope trần truồng, thế giới của ông ta tan theo khói lửa. Nỗi kinh hoàng trước sự phản bội này, cơn cuồng nộ khi biết mình bị sỉ nhục mà không thể nói ra, bị chơi khăm trong chính trò chơi của mình, bị bẽ mặt và đâm lén sau lưng bởi chính người ông ta dần yêu quý như là hình ảnh của chính mình - tất cả những cảm xúc này dồn dập tấn công ông ta dữ dội đến nỗi không ai có thể hiểu hết tầm vóc nỗi đau của ông ta. Khi bác sĩ đến khám cho Penélope xác nhận rằng cô gái đã không còn trinh trắng, và có thể đã mang thai, linh hồn Don Ricardo tan thành thứ chất sánh đặc

của lòng căm hận mù quáng. Ông ta thấy bàn tay của mình trong bàn tay của Julián, bàn tay đã đâm con dao cắm sâu vào tim ông. Ông ta còn chưa biết, nhưng cái ngày ông ta hạ lệnh nhốt Penélope vào phòng trên tầng ba cũng là ngày ông ta bắt đầu chết. Mọi thứ ông ta làm kể từ lúc ấy chỉ là cơn giãy giụa của quá trình tự hủy hoại.

Với sự câu kết của ông bán mũ, người ông ta vô cùng căm ghét, ông ta đã sắp xếp để tống khứ Julián khỏi Barcelona và đưa anh vào quân đội, nơi Aldaya đã ban lệnh rằng anh sẽ chết “do tai nạn”. Ông ta cấm bất kỳ ai - bác sĩ, người hầu, thậm chí người trong nhà, ngoại trừ ông và bà vợ - được gặp

Penélope trong suốt những tháng cô gái bị cầm tù trong căn phòng sặc mùi chết chóc và bệnh tật kia. Lúc ấy, các đối tác của Aldaya đang lên lút bỏ rơi ông ta, đang thao túng sau lưng ông ta ngõ hầu thâm tóm quyền lực, sử dụng chính cái vận may ông ta đang bày ra cho họ. Lúc này, đế chế Aldaya đang lạng lẽ suy tàn, tại những cuộc họp bí mật ở Madrid, trong những hành lang kín bưng, trong các ngân hàng Geneva. Julián, như Aldaya nghi ngờ, đã chạy trốn. Trong thâm, ông ta thậm tự hào về anh, cho dù ông ta muốn anh chết. Julián đã làm điều mà ông ta sẽ làm nếu ở trong hoàn cảnh ấy. Sẽ có ai đó phải trả giá cho những hành động của Julián.

Penélope Aldaya sinh hạ một bé trai, vẫn sống, vào ngày 26 tháng Chín năm 1919. Nếu bác sĩ có thể khám cho cô ấy, ông ta hẳn sẽ nói đứa bé đã bị nguy kịch nhiều ngày rồi và cần phải mổ đẻ. Nếu bác sĩ có mặt, hẳn ông ta có thể ngăn được sự xuất huyết đã cướp đi mạng sống của Penélope, trong khi cô ấy gào thét cào cấu vào cánh cửa khóa, mà ở phía bên kia cha cô đang khóc thảm và mẹ cô không dám nhìn thẳng vào chồng mình. Nếu có bác sĩ, ông ta hẳn sẽ cáo buộc Don Ricardo Aldaya tội giết người, vì không còn từ nào hơn để mô tả cảnh tượng trong căn phòng tối tăm vậy máu ấy. Nhưng không ai ở đó cả, và khi cuối cùng người ta mở cửa phát hiện

Penélope chết trên vũng máu của chính mình, đang ôm đứa bé tím tái, không ai có thể thốt ra dù chỉ một lời. Hai thi thể được chôn dưới tầng hầm, không có lễ tang hay nhân chứng. Những tấm chăn và nhau thai bị vứt vào lò, và căn phòng ấy bị bịt kín bằng một bức tường gạch.

Khi Jorge Aldaya, đau đớn vì tội lỗi và xấu hổ, kể cho Miquel Moliner chuyện xảy ra, Miquel quyết định gửi cho Julián một bức thư, có chữ ký của Penélope, trong thư cô ấy tuyên bố không còn yêu anh, cầu xin anh tha thứ, và thông báo một đám cưới không có thật. Anh ấy muốn Julián tin vào lời dối trá kia và làm lại cuộc đời, định ninh mình bị phản bội, hơn là phơi bày cho anh ấy

sự thật. Hai năm sau đó, khi bà Aldaya chết, có những người đã đổ cái chết của bà cho lời nguyền trong căn nhà kia, nhưng con trai bà, Jorge, biết rằng thứ giết chết bà là ngọn lửa bùng cháy trong lòng bà, là tiếng gào thét của Penélope và tiếng nện vô vọng không ngừng lên cánh cửa như cái búa không ngớt bổ vào đầu bà. Lúc ấy, gia đình Aldaya đã mất hết danh tiếng, và gia sản Aldaya sụp đổ như một lâu đài cát, bị quét sạch bởi lòng tham và sự trả thù. Các thư ký và kế toán mưu tính chuyển bay sang Argentina, khởi đầu một doanh nghiệp mới khiêm tốn hơn. Quan trọng là được ra đi. Tránh xa khỏi những kẻ nhòm ngó chuyên lén nhìn vào hành lang nhà

Aldaya, như họ vẫn luôn làm vậy.

Họ ra đi vào một buổi sáng sớm năm 1926, dưới những cái tên giả, trên một chuyến tàu sẽ đưa họ băng qua Đại Tây Dương đến cảng La Plata. Jorge và cha ở cùng một khoang. Ông già Aldaya, đang bốc mùi và chết dần, gần như không đứng dậy được. Các bác sĩ, vốn đã bị ông ta không cho phép gặp Penélope, sợ ông ta đến mức không dám nói sự thật, nhưng ông ta biết rằng thân chết đã cùng họ lên chuyến tàu ấy, và rằng thân thể ông ta, mà Chúa đã bắt đầu đánh cắp từ cái buổi sáng ông quyết định tìm lại đứa con trai Julián, đang mòn đi dần. Suốt chuyến đi dài, ông ta ngồi trên boong, run rẩy dưới những tấm chăn, hướng mặt về phía

biên khơi trông trái vô tận, biết mình sẽ không bao giờ nhìn thấy đất liền. Có đôi khi, đang ngồi nơi đuôi tàu, ông ta nhìn đàn cá mập đã theo họ kể từ khi họ rời Tenerife. Ông ta từng nghe một quan chức bảo rằng cuộc thám tửng mang điềm gỡ ấy là bình thường ở những con tàu vượt đại dương. Những con quái vật ăn những phần xác thú dư thừa bị con tàu bỏ lại sau làn nước. Nhưng Don Ricardo nghĩ khác. Ông ta tin rằng những con ác thú kia đang đi theo mình. Bọn mày đang đợi tao ư, ông ta nghĩ, thấy trong chúng bộ mặt thật của Chúa. Lúc ấy, ông ta lại gần con trai Jorge, người mà ông ta thường khinh bỉ song giờ đây lại là chỗ nương nhờ cuối cùng, bắt anh ta thề sẽ

thực hiện ước nguyện lúc lâm chung.
“Con phải tìm bằng được Julián Carax
và giết hắn. Con hứa đi.”

Một buổi sáng mai, hai ngày trước
khi đến Buenos Aires, Jorge tỉnh giấc
thấy giường cha mình trống trơn. Anh ta
ra ngoài tìm ông; boong tàu vắng hoe,
ngập chìm trong làn sương và bụi nước.
Anh ta thấy áo ngủ của cha mình vẫn ấm,
bị vớt ở đuôi tàu. Vết nước sau thân tàu
tan biến dần thành một làn mây đỏ thẫm,
một vệt đen trên mặt nước tĩnh lặng, ngỡ
như biển cả đang chảy máu. Lúc ấy anh
ta nhận ra đàn cá mập đã thôi đuổi theo
họ. Anh ta thấy chúng, từ xa, những chiếc
vây lưng ngoe nguẩy khi chúng nhảy múa
thành vòng tròn. Từ đáy cho đến hết

chuyến đi, không hành khách nào còn thấy đàn cá mập kia nữa.

Khi Jorge Aldaya xuống Buenos Aires và nhân viên hải quan hỏi có phải anh ta đi một mình không, anh ta gật đầu xác nhận. Anh ta đã độc hành một mình từ rất lâu rồi.

Chương 5

MƯỜI NĂM KỂ TỪ KHI ĐẶT CHÂN LÊN BUENOS AIRES, Jorge Aldaya, hay cái sức mạnh nay đã cạn kiệt mà anh ta trở thành, đã quay về Barcelona. Những tai họa đã khởi đầu găm nhâm gia đình Aldaya ở Cựu Thế giới chỉ ngày càng lớn dần lên ở Argentina. Jorge bị bỏ mặc một mình đối mặt với thế giới, một cuộc chiến mà anh ta không có cái sức mạnh của cha mình cũng như sự điềm tĩnh của ông để đối mặt. Jorge đã đến Buenos Aires với một trái tim tê dại, bị lòng ăn năn bắn xuyên qua. Châu Mỹ, như anh ta nói

sau này, là một điều diệu kỳ, vùng đất của kẻ săn mồi man rợ, mà anh ta lại được giáo dục trong những đặc ân cùng sự tao nhã phù phiếm của châu Âu già cỗi - một lục địa chết bị sức ì níu lại. Chỉ trong vài năm, anh ta mất tất cả, đầu tiên là mất thanh danh của mình rồi cuối cùng mất chiếc đồng hồ vàng cha anh ta đã tặng nhân lễ ban thánh thể đầu tiên. Nhờ chiếc đồng hồ, anh ta có thể mua được một tấm vé quay về. Người đàn ông quay lại Tây Ban Nha gần như là một kẻ ăn mày, một đống thất bại và cay đắng, bị đầu độc bởi ký ức về những gì anh ta cảm thấy đã bị cướp đi và lòng căm thù kẻ mà anh ta đổ lỗi đã gây ra sự lụn bại của mình:

Julián Carax.

Lời hứa với người cha vẫn in trong tâm trí. Ngay khi về nước, anh ta cố truy tìm dấu vết của Julián, chỉ để phát hiện ra rằng Carax cũng dường như biến mất khỏi Barcelona. Chính lúc ấy, nhờ tình cờ hay định mệnh, anh ta gặp được người quen cũ. Sau một sự nghiệp vinh quang trong trại cải tạo và nhà tù, Francisco Javier Fumero đã gia nhập quân đội, đeo hàm trung úy. Có nhiều người dự tính hẳn sẽ là một vị tướng trong tương lai, nhưng một vụ bê bối mờ ám đã khiến hẳn bị đuổi khỏi quân ngũ. Lúc ấy danh tiếng của hẳn đã vượt ra khỏi phạm vi quân đội. Người ta kể đến hẳn về một vụ làm ăn

lớn, nhưng trên hết, người ta sợ hãi. Francisco Javier Fumero, thằng bé nhút nhát và sợ hãi từng nhặt lá khô trong sân trường San Gabriel, giờ là một kẻ giết người. Người ta kháo rằng, hắn giết những nhân vật danh tiếng vì tiền, và hắn trừ khử chính khách theo đơn đặt hàng. Fumero được mệnh danh là thần Chết.

Aldaya và hắn nhận ra nhau ngay qua ánh đèn mờ của quán cà phê Novedades. Aldaya bị ôm, bị một cơn sốt lạ hành hạ mà anh ta đổ cho những loại côn trùng trong rừng Nam Mỹ. “Ồ đây, thậm chí loài muỗi cũng là lũ khôn nạn,” anh ta than phiền. Fumero lắng nghe anh ta với vẻ thích thú và ghê

tỏm. Hẳn sùng bái loài muỗi và mọi côn trùng nói chung. Hẳn ngưỡng mộ kỹ luật của chúng, sự chịu đựng và tính tổ chức của chúng. Ở chúng không có sự lười biếng, không có sự chông lại tổ chức hay thoái hóa giống loài. Loài hẳn ưa thích là nhện, giống côn trùng được phú tài năng khoa học hiếm hoi về giăng bẫy và chờ đợi con mồi với lòng kiên nhẫn vô hạn, biết rằng sớm hay muộn con mồi sẽ sa lưới, do ngu ngốc hay bất cẩn. Theo hẳn, xã hội loại người có nhiều điều cần học hỏi ở côn trùng. Aldaya là một trường hợp rõ ràng về suy đồi đạo đức và thể xác. Anh ta đã già đi nhiều và trông tiêu tụy, không chút cơ bắp. Fumero không thể

chịu được những kẻ không có cơ bắp.
Bọn họ làm hấn phát nôn.

“Javier, tớ thấy thật kinh khủng,”
Aldaya van nài. “Cậu cho tớ ở nhờ vài
hôm được không?”

Fumero đồng ý đưa Jorge Aldaya
về ở nhà mình. Hấn sống trong một căn
hộ tối tăm trên khu phố Raval, đường
Cadena, cùng hàng hà sa số côn trùng
đựng trong những chiếc bình thuốc, và
dăm bảy cuốn sách. Fumero yêu côn
trùng bao nhiêu thì căm thù sách vở
bấy nhiêu, nhưng đây không hề là
những cuốn sách thường: chúng là
những cuốn tiểu thuyết của Julián
Carax do Cabestany xuất bản. Có hai

cô điếm sống ở căn hộ đối diện - một bà mẹ cùng cô con gái chấp nhận cả chuyện bị người ta châm điếu thuốc lá đang cháy vào người khi ế khách, đặc biệt vào cuối tháng. Fumero trả tiền cho họ trông coi Aldaya khi hấn đi làm. Hấn không muốn thấy anh ta chết. Chưa muốn.

Francisco Javier Fumero đã gia nhập Đội Điều tra Tội phạm. Ở đây luôn có công việc cho những nhân viên đủ phẩm chất, có khả năng đối mặt với những tình huống nguy nan nhất, những loại tình huống cần xử lý kín đáo để cho những công dân đáng kính có thể tiếp tục sống kiểu ngu si hưởng thái bình. Đây là những lời trung úy

Durán, một kẻ thích nhưng tuyên ngôn trang trọng, kẻ đã kêu gọi Fumero đã gia nhập lực lượng cảnh sát.

“Làm cảnh sát không phải là một công việc, mà là một nhiệm vụ,” Durán tuyên bố. “Tây Ban Nha cần những kẻ dũng cảm hơn và ít lời hơn.”

Thật không may, trung úy Durán chết không lâu sau, bị một tai nạn thảm thương trong một cuộc truy quét của cảnh sát trên quận La Barceloneta: trong cơn hỗn loạn khi đụng độ một nhóm những kẻ vô chính phủ, ông ta đã rơi từ cửa sổ trên mái một tòa nhà, lao qua năm tầng rồi chết. Mọi người đồng ý rằng Tây Ban Nha đã mất đi một

người con vĩ đại, một anh hùng dân tộc với tầm nhìn về tương lai, một nhà tư tưởng không e sợ hành động. Fumero đã tiếp quản vị trí của ông ta với niềm tự hào, biết rằng hắn đã làm một việc đúng đắn là đẩy ông ta xuống, vì Durán đang trở nên quá già cho công việc này. Fumero kính trọng những người già - như hắn ghét những kẻ tàn tật, bọn Digan và đồng bóng - cho dù bọn họ có cơ bắp hay không. Đôi khi Chúa cũng mắc sai lầm. Trách nhiệm của những công dân cương trực là sửa chữa những lỗi lầm nho nhỏ này, và duy trì thế giới ổn định.

Tháng Ba 1932, vài tuần sau khi họ gặp nhau trong Novedades Café,

Jorge Aldaya bắt đầu cảm thấy khỏe lên và cởi mở tâm lòng với Fumero. Anh ta cầu xin tha thứ vì cách mình đã xử sự với hắn khi còn học ở trường. Nước mắt đầm đìa, anh ta kể cho hắn nghe toàn bộ câu chuyện, không bỏ sót một điều gì. Fumero yên lặng lắng nghe, gật đầu, ghi nhận, đồng thời tự hỏi hắn có nên giết Aldaya lúc đó và ngay tại đó không, hay là chờ đợi. Hắn tự hỏi liệu Aldaya có yếu đuối đến mức lưỡi dao sẽ chỉ gặp một sự chống trả thờ ơ từ cái thân thể bốc mùi kia, cái cơ thể ẻo lả vì hàng bao năm biếng nhác kia. Hắn quyết định hoãn lại cuộc phanh thây. Hắn thấy câu chuyện hấp dẫn, đặc biệt khi nó còn liên quan đến Julián Carax.

Hắn biết, từ thông tin thu được ở nhà xuất bản, rằng Carax sống ở Paris, nhưng Paris là một thành phố rất lớn, và dường như không ai trong công ty Cabestany biết chính xác địa chỉ. Không ai ngoại trừ một phụ nữ tên Monfort, người đã giữ kín cho riêng mình. Fumero đã theo dõi cô vài ba lần lúc cô ra khỏi văn phòng, mà cô không hề biết. Hắn thậm chí còn đi xe điện, cách cô chừng nửa thước. Phụ nữ không bao giờ để ý đến hắn, mà nếu có, họ sẽ quay mặt đi hướng khác, vì như không thấy hắn. Một đêm, sau khi bám theo cô về tận cửa ở Quảng trường San Felipe Neri, Fumero quay về nhà và thủ dâm điên dại; khi làm như vậy, hắn

tưởng tượng mình đang đâm con dao vào cơ thể người phụ nữ đó, mỗi nhát đâm khoảng chừng ba phân, chậm chậm, đều đặn, mắt hấn dán chặt vào mắt cô. Có lẽ lúc ấy cô sẽ hạ cố cho hấn địa chỉ của Carax và đối xử với hấn như với sự kính trọng dành cho một sĩ quan cảnh sát.

Julián Carax là người duy nhất Fumero đã không giết được khi hấn đã hạ quyết tâm. Có lẽ vì anh là mục tiêu đầu tiên của Fumero, mà hấn thì cần thời gian để điều khiển trò chơi. Khi Fumero nghe cái tên đó, hấn mỉm cười theo cách những hàng xóm của hấn, các cô điếm, thấy thật kinh hoàng: không chớp mắt, từ từ liếm vành môi

trên. Hấn vẫn có thể nhớ cảnh Carax hôn Penélope Aldaya trong tòa dinh thự thênh thang kia trên Đại lộ Tibidabo. Penélope của hấn. Đó là tình yêu thuần khiết, một tình yêu chân thực, như người ta thấy trong phim ảnh. Fumero rất đam mê điện ảnh và đến rạp ít nhất hai lần mỗi tuần. Chính nhờ một bộ phim mà hấn hiểu rằng Penélope là tình yêu của đời hấn. Những người đàn bà còn lại, đặc biệt là mẹ hấn, chẳng gì hơn một lũ đàn đĩm. Khi lắng nghe đến đoạn cuối cùng câu chuyện của Aldaya, hấn quyết định rằng, rút cuộc, hấn sẽ không giết anh ta. Quả thật, hấn vui sướng vì số phận đã để bọn họ gặp lại nhau. Hấn

có một viên ảnh, như những viên ảnh trong các bộ phim hấn yêu thích: Aldaya sẽ giao nộp cho hấn những con mồi khác. Sớm hay muộn, họ sẽ sập vào mạng lưới của hấn.

Chương 6

MÙA ĐÔNG NĂM 1934, anh em nhà Moliner cuối cùng cũng tổng được Miquel ra khỏi ngôi nhà trên phố Puertaferri, giờ vẫn trống không và ở trong tình trạng vô chủ. Họ chỉ muốn tổng anh ra đường, bị tước đi cái ít ỏi anh còn lại, là những cuốn sách của anh và sự tự do độc lập làm họ chướng tai gai mắt và căm ghét sâu sắc đến như vậy. Anh ấy không kể gì với tôi hay đến nhờ tôi giúp đỡ. Tôi chỉ phát hiện ra lúc anh gần như trở thành một người ăn mày khi tôi đi tìm anh ở nơi từng là nhà anh và phát hiện ra anh em nhà anh ấy đã thuê lũ côn đồ luật

sur kiểm kê tài sản và bán nốt những đồ vật ít ỏi từng thuộc về anh ấy. Miquel đã qua vài đêm ở một nhà trọ trên phố Canuda, một căn nhà tồi tàn, ẩm mốc toát lên mùi về một nhà thổ. Khi tôi thấy căn phòng mà anh bị giam hãm, một dạng quan tài không có cửa sổ và có một giường ngủ loại dành cho tù nhân, tôi nắm lấy anh kéo về nhà mình. Anh ấy ho không ngớt, và trông thật hốc hác. Anh bảo là do cơn cảm lạnh kéo dài, như lời than vãn của một bà cô không chồng lúc chán thì sẽ thôi. Hai tuần sau, tình hình càng tồi tệ hơn.

Do anh ấy luôn mặc đồ đen, nên phải mất một thời gian tôi mới nhận ra những vết trên tay áo anh là vết máu. Tôi

gọi bác sĩ, và sau khi khám cho Miquel, ông ta hỏi tại sao gọi cho ông muộn như vậy. Miquel bị lao. Phá sản và bệnh tật, giờ anh ấy chỉ sống dựa vào ký ức và tiếc nuối. Anh là người tốt nhất và yếu đuối nhất tôi từng biết, người bạn duy nhất của tôi. Chúng tôi kết hôn vào một sáng tháng Hai lạnh lẽo trong tòa án quận. Tuần trăng mật của chúng tôi bao gồm bắt xe buýt ra Công viên Güell và từ trên địa thế ngoằn ngoèo của nó nhìn xuống Barcelona – một thế giới nhỏ mù sương. Chúng tôi không báo cho ai biết việc kết hôn, cả Cabestany, hay cha tôi, hay gia đình Miquel, những người tin rằng anh đã chết. Cuối cùng, tôi viết một bức thư cho Julián, kể cho anh ấy, nhưng

tôi không bao giờ gửi đi. Đó là một cuộc hôn nhân bí mật. Vài tháng sau lễ cưới, có người gõ cửa nhà tôi tự xưng là Jorge Aldaya. Anh ta trông tiêu tụy, khuôn mặt vã đầy mồ hôi bất chấp trời lạnh cắt da cắt thịt. Khi gặp lại Miquel sau hơn mười năm, Aldaya mỉm cười cay đắng và nói, “Chúng ta đều bị nguyên rủa, Miquel. Cậu, Julián, Fumero, và tớ.” Lý do biện minh cho cuộc viếng thăm là một nỗ lực làm lành với người bạn cũ Miquel, người mà anh ta hy vọng sẽ cho anh ta biết làm cách nào liên lạc với Julián Carax, vì anh ta có một lời nhắn quan trọng muốn chuyển cho anh ấy, từ người cha đã chết, Don Ricardo Aldaya. Miquel bảo anh không biết Carax ở đâu.

“Bọn tớ mất liên lạc đã nhiều năm,” anh nói dối. “Lần cuối cùng tớ nghe nói đến cậu ấy thì họ nói cậu ấy sống ở Paris.”

Aldaya đã đoán trước một câu trả lời như vậy. “Cậu thật làm tớ thất vọng, Miquel. Tớ đã hy vọng thời gian và vận hạn làm cậu khôn ngoan hơn.”

“Có những thất vọng làm vinh dự cho những kẻ gây ra chúng.”

Người khô quắt, như sắp chực đổ xuống thành một đồng nhân nhúm, Aldaya bật cười.

“Fumero gửi lời chúc nồng hậu nhất mừng đám cưới của cậu,” anh ta nói

lúc đi ra cửa.

Những lời ấy khiến con tim tôi chết đứng. Miquel không muốn nói gì, nhưng đêm hôm ấy, khi tôi ôm chặt anh và chúng tôi vờ như say ngủ, tôi biết Aldaya đã đúng. Chúng tôi bị nguyên rủa.

Vài tháng trôi qua không có tin tức gì của Julián hay Aldaya. Miquel vẫn viết thường xuyên cho các báo ở Barcelona và Madrid. Anh làm việc không ngơi, ngồi bên máy đánh chữ mà đổ ra bất cứ thứ gì anh cho là cút mũi, chỉ đáng để mớm cho hành khách đi xe điện. Tôi vẫn làm việc ở nhà xuất bản, có lẽ vì đây là nơi tôi cảm thấy được gần

gửi Julián nhất. Anh ấy gửi cho tôi một bức thư ngắn báo rằng đang viết một tiểu thuyết mới, tên là *Bóng hình của gió*, mà anh ấy hy vọng sẽ hoàn tất trong vài tháng nữa. Bức thư chẳng hề nhắc gì đến mọi chuyện xảy ra ở Paris. Giọng điệu lạnh lùng và xa cách hơn bao giờ hết. Nhưng những nỗ lực của tôi hòng căm ghét anh ấy đều thất bại. Tôi bắt đầu tin rằng Julián không phải một người đàn ông, anh ấy là một căn bệnh.

Miquel không hề ảo tưởng về cảm xúc của tôi. Anh ấy trao cho tôi tình yêu và sự hiến dâng mà không đòi hỏi gì đáp lại, ngoại trừ được có tôi ở bên và có lẽ cả sự thận trọng của tôi nữa. Anh không bao giờ buông lời trách móc hay than

vãn. Dần dà, tôi cảm thấy một niềm dịu dàng bao dung lớn lao với anh ấy, trên cả tình bạn đã mang chúng tôi lại với nhau và lòng trắc ẩn sau này đã đày đọa chúng tôi. Miquel mở một tài khoản tiết kiệm đứng tên tôi, anh dồn gần hết thu nhập làm báo vào đấy. Anh không bao giờ khước từ đặt hàng nào, từ bài báo, bài điểm sách, cho đến nhật nhật phẩm đàm. Anh ấy viết dưới ba bút danh khác nhau, mười bốn đến mười sáu tiếng mỗi ngày. Khi tôi hỏi tại sao anh làm việc cực nhọc như vậy, anh chỉ mỉm cười hoặc anh sẽ nói nếu không làm gì thì anh buồn chán lắm. Giữa chúng tôi không có gì giấu giếm nhau, thậm chí cả những chuyện không nói thành lời. Miquel biết

rằng anh sẽ chóng chết.

“Em phải hứa nếu có chuyện gì xảy ra với anh, em sẽ giữ món tiền ấy và tái hôn, rằng em sẽ có con, và em sẽ quên đi tất cả, bắt đầu là quên anh.”

“Em sẽ lấy ai đây, Miquel? Đừng nói lãng nhãng chứ.”

Đôi khi tôi bắt gặp anh nhìn tôi với một nụ cười hiền từ, tưởng như mỗi khoảnh khắc trông thấy tôi đều là kho báu quý giá nhất của anh. Cứ chiều chiều, anh đến đón tôi ở chỗ làm, ấy là lúc duy nhất anh thư giãn trong ngày. Anh tỏ vẻ sung sức, nhưng tôi thấy anh khom người thế nào khi đi lại, và anh ho hắng ra sao. Anh sẽ dẫn tôi đi ăn lót dạ, hay đi ngắm

hàng qua cửa kính trưng bày các gian hàng trên phố Fernando, rồi chúng tôi về nhà, nơi anh tiếp tục làm việc cho đến quá nửa đêm. Tôi âm thầm mang ơn từng giây phút chúng tôi bên nhau, và mỗi đêm anh ấy ôm tôi thiếp đi, trong khi tôi giấu những giọt lệ căm hận bản thân vì không thể yêu người đàn ông ấy như anh đã yêu tôi, không thể trao anh thứ tôi đã vô nghĩa bỏ lại dưới chân Julián. Nhiều lần trong đêm, tôi thề với lòng mình rằng sẽ quên đi Julián, nguyện sẽ dành hết phần đời còn lại của mình để làm cho người đàn ông tội nghiệp ấy hạnh phúc và đền đáp cho anh một phần nhỏ bé của những gì anh đã trao cho tôi. Tôi chỉ là người tình của Julián trong hai tuần thôi,

nhưng tôi sẽ là vợ của Miquel suốt phần đời còn lại. Nếu có ngày những trang giấy này đến tay cậu, và cậu sẽ phán xét tôi, như tôi đã phán xét mình khi viết chúng ra, khi nhìn vào bóng mình trong tấm gương nguyên rửa và ăn năn này, hãy nhớ về tôi như thế này, Daniel ạ.

Bản thảo cuốn tiểu thuyết cuối cùng của Julián đến vào cuối năm 1935. Tôi không biết là do căm giận hay sợ hãi, nhưng tôi đã chuyển đến nhà in khi còn chưa đọc nó. Khoản tiết kiệm cuối cùng của Miquel đã được chi ra cho ấn bản này nhiều tháng trước, nên ông Cabestany, lúc này đang ốm yếu, chẳng mấy để tâm. Tuần ấy, bác sĩ khám cho Miquel đã đến văn phòng gặp tôi, trông

rất lo lắng. Ông bảo nếu Miquel không giảm cường độ làm việc mà nghỉ ngơi đôi chút thì ông hầu như không còn có thể làm gì để giúp anh ấy chống lại bệnh lao.

“Anh ấy cần lên vùng núi, chứ không phải ở Barcelona hít thở khói thuốc tẩu và than bụi này. Anh ấy không phải con mèo có chín mạng, còn tôi thì không phải bà vú em. Hãy thuyết phục anh ấy. Anh ấy chả để ý gì lời của tôi cả.”

Giờ nghỉ trưa hôm ấy, tôi quyết định về nhà nói chuyện với anh. Trước khi mở cửa, tôi nghe tiếng nói từ trong nhà lọt ra, Miquel đang tranh cãi với ai

đó. Lúc đầu tôi nghĩ đây là người ở tòa báo, nhưng rồi tôi nghe tên của Julián trong cuộc đàm thoại. Tôi nghe tiếng bước chân đến gần cửa, liền chạy núp vào chiếu nghỉ trên gác mái. Từ đó tôi có thể thấy vị khách.

Đó là một người đàn ông mặc đồ đen, với vẻ mặt khó tả và môi mỏng, như một vết sẹo hở miệng. Đôi mắt hẩn màu đen và vô hồn, như mắt cá. Trước khi biến mất xuống dưới cầu thang, hẩn nhìn lên vào bóng tối. Tôi dựa sát vào tường, nén thở. Vị khách vẫn đứng đó một lát, tưởng như hẩn có thể đánh hơi thấy tôi, hẩn liếm môi, răng nhe ra như chó. Tôi đợi tiếng bước chân hẩn mờ dần rồi mới rời khỏi chỗ nấp và đi vào nhà. Một mùi

long nảo lơ lững trong không khí. Miquel đang ngồi bên cửa sổ, tay anh buông thõng hai bên thành ghế. Môi anh run rẩy. Tôi hỏi người đàn ông kia là ai và hắn muốn gì.

“Đó là Fumero. Hắn đến đưa tin về Julián.”

“Hắn biết gì về Julián?”

Miquel nhìn tôi, trông chán nản hơn bao giờ hết. “Julián sắp kết hôn.”

Tin ấy làm tôi chết lặng. Tôi ngã xuống ghế, và Miquel nắm tay tôi. Anh dường như mệt mỏi và nói rất khó khăn. Trước khi tôi có thể mở miệng, anh bắt đầu tóm lược những sự kiện Fumero đã

kể cho anh, và những gì có thể suy ra từ đó. Fumero đã sử dụng đầu mối liên lạc của hắn ở cảnh sát Paris để phát hiện ra nơi ở của Julián Carax và theo dõi anh ấy. Chuyện này có lẽ diễn ra nhiều tháng thậm chí nhiều năm trước, Miquel nói. Điều khiến anh lo lắng không phải là việc Fumero đã tìm ra Carax – sớm muộn gì hắn cũng tìm ra thôi – mà là việc hắn quyết định cho Miquel biết lúc này, cùng với vài tin tức kỳ lạ về một cuộc hôn nhân khó tin. Đám cưới dường như sẽ diễn ra đầu mùa hè năm 1936. Thông tin duy nhất về cô dâu là cái tên, trong trường hợp này là quá đủ: Irene Marceau, chủ câu lạc bộ nơi Julián chơi đàn nhiều năm nay.

“Em không hiểu,” tôi lầm bầm.
“Julián lấy người bảo trợ mình ư?”

“Chính xác. Đây không phải đám cưới. Nó là một hợp đồng.”

Irene Mareceau hơn Julián chừng hai lăm đến ba mươi tuổi. Miquel ngờ rằng bà ta đã quyết định hôn nhân để có thể chuyển hết tài sản cho Julián nhằm đảm bảo tương lai anh ấy.

“Nhưng bà ta đã giúp anh ấy rồi mà. Bà ta luôn như vậy.”

“Có lẽ bà ta biết mình sắp chết,” Miquel đoán.

Tiếng vọng những lời ấy khoét sâu vào xương tủy chúng tôi. Tôi quỳ xuống

ôm anh thật chặt. Tôi cắn môi bởi không muốn anh thấy tôi khóc.

“Julián không yêu người đàn bà này, Nuria,” anh nói, nghĩ rằng đó là nguyên nhân nỗi buồn của tôi.

“Julián không yêu ai ngoài bản thân anh ấy và những cuốn sách khôn kiếp của anh ấy,” tôi thốt ra.

Tôi ngược lên thấy Miquel đang nở nụ cười thông thái của một đứa trẻ già.

“Còn Fumero hy vọng được gì khi lộ chuyện này?”

Chúng tôi không mất nhiều thời gian để tìm ra. Hai ngày sau, Jorge

Aldaya, như một bóng ma với đôi mắt sâu hoắm, xuất hiện tại nhà chúng tôi, bưng bưng nổi giận. Fumero đã cho hắn biết rằng Julián sắp kết hôn một phụ nữ giàu có với một lễ cưới trang hoàng lãng mạn. Aldaya lâu nay ám ảnh với suy nghĩ rằng kẻ phải chịu trách nhiệm cho những tai ương của anh ta giờ lại đang được bọc trong nhung lụa, ngồi trên đồng của, trong khi anh ta thì mất hết. Fumero đã không kể cho anh ta rằng Irene Marceau dẫu có là một phụ nữ giàu sang song vẫn là chủ nhà chứa chứ không phải công chúa trong truyện cổ tích. Hắn cũng không kể cho anh ta rằng cô dâu già hơn Julián ba mươi tuổi và rằng, thay vì một cuộc hôn nhân đích thực, đây là một hành

động từ thiện cho một người đã lâm vào đường cùng. Hấn đã không nói với anh ta đám cưới sẽ diễn ra lúc nào và ở đâu. Điều duy nhất hấn làm là gieo cái hạt mầm hoang tưởng đang tàn phá nốt chút năng lượng còn lại trong cái cơ thể khô gầy, vắn đực của Jorge.

“Fumero lừa cậu đấy, Jorge,” Miquel nói.

“Còn cậu, đồ vua nói dối, cậu dám cáo buộc anh em của mình!” Aldaya gào lên trong điên loạn.

Không cần Aldaya phải bộc lộ suy nghĩ của anh ta. Trong một con người tàn tạ như vậy, ta có thể đọc được những lời ẩn giấu sau lớp da khô quắt trên khuôn

mặt bị ma ám kia. Miquel hiểu rõ trò chơi của Fumero. Anh đã dạy cho hắn chơi cờ hai mươi năm về trước ở trường San Gabriel. Fumero có chiến lược con bọ ngựa đang cầu nguyện và sự kiên nhẫn của những kẻ bắt tử. Miquel gửi cho Julián một bức thư cảnh báo.

Khi Fumero quyết định đã đến thời điểm phù hợp, hắn lôi Aldaya đến và bảo ba ngày nữa Julián sẽ cưới vợ. Vì là nhân viên cảnh sát, hắn không thể dính líu vào chuyện như thế này, hắn giải thích. Nhưng Aldaya là dân thường nên có thể đi Paris và đảm bảo cho đám cưới kia không bao giờ xảy ra. Làm thế nào đây? Aldaya sẽ sốt sắng hơn, nung nấu căm thù. Thách thức anh ấy đấu súng

vào ngày cưới. Fumero còn đưa cho anh ta một khẩu súng mà Jorge tin sẽ làm xuyên thủng trái tim sỏi đá đã hủy hoại vương triều Aldaya. Báo cáo của cảnh sát Paris sau này tường trình rằng khẩu súng tìm thấy dưới chân anh ta là giả và nó không bao giờ có thể làm được nhiều hơn điều đã làm: nổ bung đạn trong tay Jorge. Fumero đã biết điều này khi hắn đưa khẩu súng cho anh ta đựng trong một chiếc hộp, trên sân ga Francia. Hắn biết rất rõ rằng thậm chí dù cho cơn sốt, sự ngu dốt và căm giận mù quáng không ngăn được Aldaya giết Julián Carax trong một cuộc đọ súng lúc bình minh sau một đêm không ngủ, thì khẩu súng anh ta mang theo vẫn sẽ ngăn được.

Carax không phải là người sẽ phải chết ở nghĩa trang Père Lachaise, mà là Aldaya.

Fumero cũng biết Julián sẽ không bao giờ chịu đối đầu với bạn cũ của mình, một kẻ sắp chết như Aldaya, một kẻ chỉ còn biết rên rỉ. Thế nên Fumero chỉ bảo cẩn thận Aldaya từng bước anh ta phải làm. Anh ta sẽ phải thừa nhận với Julián rằng bức thư Penélope đã gửi cho anh ấy nhiều năm trước, thông báo cô sắp làm đám cưới và xin anh quên cô đi, là dối trá. Anh ta sẽ tiết lộ rằng chính anh ta, Jorge Aldaya, đã buộc em gái mình viết những lời gian dối kia, trong khi cô khóc lóc tuyệt vọng, quả quyết tình yêu bất diệt dành cho Julián. Anh ta sẽ phải nói với Julián rằng cô đang đợi

anh ấy, với một linh hồn tan nát và con tim nhỏ máu, và từ bấy đến giờ đang chết dần vì cô đơn. Thế là đủ. Đủ cho Carax bóp cò và bắn thẳng vào mặt anh ta. Đủ cho anh ấy quên đi bất kỳ kế hoạch đám cưới nào và không nghĩ gì khác ngoài trở về Barcelona để tìm Penélope. Và, khi anh ấy về đến Barcelona rồi, cái bấy của hắn, Fumero, sẽ đợi anh đấy.

Chương 7

JULIÁN CARAX VƯỢT QUA BIÊN GIỚI NƯỚC PHÁP chỉ vài ngày trước khi Nội chiến nổ ra. Ấn bản đầu tiên và duy nhất của *Bóng hình của gió*, in xong hai tuần trước đó, cũng chịu chung số phận không được biết đến như những cuốn trước. Lúc này, Miquel hầu như không thể làm việc được: tuy anh vẫn ngồi trước máy đánh chữ hai ba tiếng mỗi ngày, song sự ốm yếu và cơn sốt ngăn không cho anh khơi được nhiều nhận gì hơn một tia yếu ớt những ngôn từ lên trang giấy. Anh đã mất vài chuyên mục thường kỳ do trễ hạn. Những tờ báo

khác sợ phải xuất bản các bài viết của anh sau khi nhận được những lời đe dọa nặc danh. Anh chỉ có một mục thường nhật trên tờ *Nhật báo Barcelona*, mà anh ký dưới tên Adrián Maltés. Bóng ma chiến tranh đã có thể cảm nhận được trong không khí. Cả đất nước sặc mùi lo sợ. Không có gì bận tâm, quá yếu đuối không thể than phiền, Miquel thường hay đi xuống quảng trường hoặc tản bước lên Đại lộ Nhà thờ, luôn mang bên mình một trong các cuốn sách của Julián như thể một lá bùa. Lần cuối cùng bác sĩ cân cho anh, anh chỉ còn năm mươi bảy ký. Chúng tôi đã nghe trên đài tin tức cuộc nổi dậy ở Maroc, và vài tiếng sau một đồng nghiệp làm báo của Miquel đến cho

chúng tôi hay là Cansinos, tổng biên tập, đã bị giết do một viên đạn bắn vào cổ, ngay đối diện Canaletas Café, hai giờ trước. Không ai dám dời cái xác đi, nó vẫn nằm ở đấy, máu vấy đầy vỉa hè.

Chẳng mấy chốc diễn ra những ngày ngắn ngủi nhưng căng thẳng khởi đầu cho nổi kinh hoàng. Quân của tướng Goded tiến về Đại lộ Diagonal và phố Gracia để vào trung tâm, nơi vụ độ súng bắt đầu. Hôm ấy Chủ nhật, nhiều người vẫn ra đường, nghĩ rằng họ sẽ cắm trại cả ngày dọc con đường đến Las Planas. Tuy nhiên, vẫn còn hai năm nữa mới đến những ngày đen tối nhất của cuộc chiến ở Barcelona. Sau khi bùng phát cuộc giao tranh, quân của tướng Goded đầu hàng,

do một phép màu hoặc liên lạc yếu kém giữa các chỉ huy. Chính quyền của Lluís Companys dường như giành lại quyền kiểm soát, nhưng vài tuần tiếp đó điều thực sự xảy ra sẽ trở nên rõ ràng.

Barcelona đã rơi vào tay liên minh vô chính phủ. Sau nhiều ngày bạo động và giao tranh trên phố, tin đồn cuối cùng cũng lan ra rằng bốn tướng lĩnh của quân phiến loạn đã bị xử tử trong Nhà tù Montjuïc không lâu sau vụ đầu hàng. Một người bạn của Miquel, một nhà báo Anh có mặt ở vụ xử tử, nói rằng đội hành hình gồm bảy người, nhưng đến phút chót hàng chục dân quân tham gia vào. Khi họ nổ súng, những thầy người bị xuyên đạn nhiều đến mức đổ vụn xuống thành từng

mảnh không biết phần xác nào của ai và khi bỏ vào quan tài thì hầu như chúng chỉ còn là thể lỏng. Có những kẻ muốn tin rằng thế là cuộc xung đột đã kết thúc, rằng quân phát xít sẽ không bao giờ đến được Barcelona và quân nổi loạn sẽ theo đó mà tiêu tán.

Chúng tôi được biết tin Julián đang ở Barcelona đúng vào ngày quân Goded đầu hàng, khi chúng tôi nhận được thư của Irene Marceau, trong thư bà kể cho chúng tôi rằng Julián đã giết Jorge Aldaya trong một cuộc đấu súng, ở nghĩa trang Père Lachaise. Ngay trước khi Aldaya tắt thở, một kẻ nặc danh báo cho cảnh sát sự việc. Julián buộc phải trốn khỏi Paris ngay lập tức, bị cảnh sát

lùng đuôi, họ truy nã anh ấy về tội giết người. Chúng tôi biết chắc ai đã gọi cuộc điện thoại ấy. Chúng tôi lo lắng chờ tin của Julián, để có thể cảnh báo cho anh mối nguy hiểm đang rình rập, và bảo vệ anh trước cái bẫy xấu xa do Fumero giăng ra: khám phá ra sự thật. Ba ngày sau Julián vẫn chưa xuất hiện. Miquel không muốn chia sẻ nỗi lo lắng của anh với tôi, nhưng tôi biết rất rõ anh đang nghĩ gì. Julián quay về vì Penélope, không phải vì chúng tôi.

“Chuyện gì sẽ xảy ra nếu anh ấy biết sự thật?” tôi liên tục hỏi.

“Chúng ta phải bảo đảm là cậu ấy sẽ không biết,” Miquel trả lời.

Điều đầu tiên anh ấy sẽ phát hiện ra là gia đình Aldaya đã biến mất. Anh ấy sẽ không biết nhiều nơi có thể tìm thấy Penélope. Chúng tôi đưa ra một danh sách những nơi như vậy và bắt đầu cuộc hành trình. Dinh thự trên Đại lộ Tibidabo là một chốn hoang vắng, đóng kín sau những sợi xích và lớp thường xuân. Một người bán hoa, bán hoa hồng và cắm chướng buộc thành bó ở góc phố đối diện, bảo ông ta chỉ nhớ đã thấy gần đây có gặp một người đến gần căn nhà, nhưng đó là một ông già, chân hơi khập khiễng.

“Nói thực, ông ta có vẻ thô lỗ. Tôi định bán hoa cắm chướng cho ông ta cài ve áo, thế mà ông ta bảo tôi xéo đi, đang chiến tranh loạn lạc lấy thì giờ đâu mà

hoa với hoét.”

Ông ta không thấy ai khác nữa. Miquel mua vài bông hồng héo, và cho ông ta số điện thoại phòng biên tập của *Nhật báo Barcelona*. Ông ta có thể để lại lời nhắn ở đó nếu tình cờ thấy ai trông giống như người chúng tôi mô tả. Điểm đến tiếp theo của chúng tôi là trường San Gabriel, nơi Miquel đã gặp Fernando Ramos, bạn học cũ của anh ấy.

Fernando giờ là giáo viên dạy tiếng La tinh và Hy Lạp và được phong thầy tu. Ông ta như rụng rời khi thấy Miquel trông quá tiêu tụy. Ông ta bảo Julián không đến gặp ông ta, nhưng ông ta hứa sẽ liên lạc với chúng tôi nếu anh

ấy có đến, và sẽ cố giữ anh ấy lại. Fumero đã đến đó trước chúng tôi, ông ta thú nhận với vẻ hoảng hốt, hẳn đã bảo ông ta rằng, trong thời chiến tranh, ông ta phải đề cao cảnh giác.

“Hắn bảo rất nhiều người sẽ chết, và những người mang đồng phục – như quân lính hay cha đạo – không thể ngăn chặn được súng đạn...”

Fernando Ramos thú nhận rằng không rõ Fumero thuộc đơn vị hay phe nhóm nào, mà ông ta cũng không muốn hỏi hắn. Thật khó mà mô tả cho cậu những ngày đầu tiên ấy của cuộc chiến ở Barcelona, Daniel ạ. Không khí dường như nhiễm độc vì nỗi sợ và căm thù.

Người ta nhìn nhau nghi hoặc, và đường phố lặng như tờ khiến lòng người thất lại. Từng ngày, từng giờ, tin đồn mới lại lan đi. Tôi nhớ, có đêm tôi và Miquel đang dạo bộ dọc Ramblas để về nhà. Phố vắng cùng cực. Miquel nhìn những tòa nhà, những khuôn mặt dòm ngó nấp đằng sau cửa sổ đóng chặt, và lưu ý thấy người ta theo dõi những bóng đen trên phố ra sao. Anh bảo anh có thể cảm thấy những lưỡi dao đang được mài sắc đằng sau những bức tường kia.

Ngày tiếp theo, chúng tôi đến cửa hàng mũ Fortuny, không nhiều hy vọng sẽ tìm được Julián ở đó. Một người sống trong tòa nhà bảo rằng ông bán mũ quá kinh hãi trước diễn biến những ngày qua

nên đã khóa trái trong cửa hàng. Dù chúng tôi có gõ cửa đến mấy ông ta cũng không ra mở. Chiều hôm ấy có một vụ nổ súng cách một dãy phố, và những vũng máu vẫn còn tươi trên phố San Antonio. Một con ngựa chết trên mặt đường lát gạch đang bị một đàn chó hoang giằng xé cái dạ dày lõ chỗ đạn, trong khi đám trẻ con đứng nhìn và ném đá lũ chó. Chúng tôi chỉ thấy được khuôn mặt khiếp đảm của ông bán mũ qua lớp lưới sắt nơi cửa. Chúng tôi bảo rằng đang tìm con trai ông, Julián. Ông bán mũ đáp con trai ông đã chết và dọa báo cảnh sát nếu chúng tôi không rút đi. Chúng tôi rời nơi ấy với cảm giác chán chường.

Trong nhiều ngày, chúng tôi lùng

sục các quán cà phê và cửa hàng để hỏi tin Julián. Chúng tôi tìm đến các khách sạn, nhà nghỉ, trạm ga, ngân hàng, nơi anh ấy có thể đến đổi tiền – không ai nhớ đã gặp một người giống với mô tả về Julián. Chúng tôi e sợ anh ấy có lẽ đã rơi vào nanh vuốt của Fumero, và Miquel gắng nhờ một đồng nghiệp ở tòa báo, người có đầu mối liên lạc với trụ sở cảnh sát, để tìm xem Julián có bị vào tù không. Vẫn không có dấu hiệu của anh ấy. Hai tuần trôi qua, cứ như thể Julián đã biến mất vào không khí vậy.

Miquel gần như không ngủ, hy vọng có tin tức về bạn mình. Một buổi tối, anh về nhà sau cuộc đi dạo thường nhật ban chiều, mang theo một chai vang

đỏ và nhiều thứ linh kinh khác. Nhân viên tòa báo đã tặng cho anh, vì thư ký tòa soạn cho biết chuyên mục của anh sẽ bị bỏ.

“Họ không muốn rắc rối, và anh có thể hiểu.”

“Thế anh định sẽ làm gì?”

“Say xỉn, bắt đầu thì vậy cái đã...”

Miquel uống chưa được nửa ly rượu, nhưng tôi nốc hết gần như cả chai vào cái dạ dày trống rỗng mà không hay. Chừng nửa đêm, tôi gà gật rồi ngủ gục xuống sofa. Tôi mơ thấy Miquel đang hôn vào trán tôi và lấy khăn đắp cho tôi. Khi tỉnh dậy, tôi cảm thấy một cơn đau

nhức đâm bổ vào đầu, mà tôi nhận ra ấy là đạo đầu của một cơn đau đầu dữ dội. Khi tìm Miquel để nguyên rửa anh vì đã có ý nghĩ khôn ngoan khiến tôi say mềm, tôi nhận ra tôi ở một mình trong căn nhà. Tôi đến chỗ bàn thì thấy một bức thư trên máy chữ, anh dặn tôi không nên lo lắng, và hãy đợi anh ở nhà. Anh đi tìm Julián và sẽ sớm mang anh ấy về. Cuối thư anh bảo rằng anh yêu tôi. Bức thư rơi khỏi tay tôi. Rồi tôi nhận ra rằng trước khi đi Miquel đã lấy hết đồ đạc của mình trên bàn, như thể anh không định dùng nó nữa. Tôi biết tôi sẽ không bao giờ gặp lại anh.

Chương 8

CHIỀU HÔM ẤY, người bán hoa gọi điện cho văn phòng *Nhật báo Barcelona* để lại lời nhắn cho Miquel rằng ông ta đã thấy người đàn ông mà chúng tôi đã mô tả đang lai vãng quanh tòa dinh thự cổ như một bóng ma. Đã quá nửa đêm khi Miquel đến số 32 Đại lộ Tibidabo, con đường tối thăm thẳm, hoang vắng, lốm đốm ánh trăng xuyên qua những rặng cây. Dù đã mười bảy năm không gặp, Miquel vẫn nhận ra Julián qua dáng đi nhẹ nhàng giống như mèo của anh ấy. Bóng anh ấy lẩn khuất trong màn đêm của khu vườn, gần đài

phun nước. Julián đã nhảy qua tường và nằm đợi trong ngôi nhà như một con vật đang hoảng sợ. Miquel có thể gọi, nhưng anh không muốn đánh động những nhân chứng có thể ở quanh. Anh cảm thấy những ánh mắt lén lút đang rình mò trên đại lộ, từ trong những ô cửa sổ tối đen của những tòa nhà cận kề. Anh bước đi quanh tường của khu nhà cho đến khi đến gần sân quần vợt cũ và nhà để xe ngựa. Ở đây, anh thấy những vết nứt nẻ trên tường mà Julián hẳn đã dùng làm bậc đệm, và những phiến đá đã lung lay trên tường. Anh đu người lên, gần như tức thờ, cảm thấy một cơn đau buốt trong ngực và hoa mắt từng cơn, không còn thấy được gì. Anh nằm soài lên tường,

tay anh run rẩy, và anh thì thầm gọi tên Julián. Bóng người lấp ló bên đài phun nước vẫn bất động như các bức tượng xung quanh. Miquel nhìn thấy đôi mắt sáng đang nhìn chằm vào anh. Anh tự hỏi liệu Julián có nhận ra mình không, sau mười bảy năm và sau cơn bệnh đã cướp đi từng hơi thở của anh. Bóng người dần dần tiến đến, tay cầm một vật sáng, dài. Một mảnh kính.

“Julián...” Miquel thì thầm.

Bóng người dừng lại. Miquel nghe mảnh kính rơi xuống nền sỏi. Khuôn mặt Julián từ bóng tối hiện ra. Bộ râu hai tuần chưa cạo đã phủ kín khuôn mặt dường như gai góc hơn trước kia.

“Miquel?”

Không thể nhảy sang phía bên kia tường, hay buông mình xuống đường, Miquel đưa tay ra. Julián xích lại tường, và một tay anh nắm chặt tay bạn, tay kia anh áp vào mặt Miquel. Họ lặng lẽ nhìn nhau hồi lâu, mỗi người đều cảm thấy vết thương mà cuộc đời đã ghi dấu lên người kia.

“Chúng ta phải rời khỏi đây thôi, Julián. Fumero đang tìm cậu. Chuyện với Aldaya chỉ là cái bẫy thôi.”

“Tớ biết,” Carax thì thầm, giọng đều đều.

“Ngôi nhà đã bị khóa. Nhiều năm

rồi không ai sống ở đây,” Miquel nói. “Nào, giúp tớ xuống, và ra khỏi đây thôi.”

Carax leo xuống tường. Khi đưa tay đỡ người Miquel, anh cảm thấy cơ thể bạn mình đã quắt lại dưới lớp quần áo rộng thùng thình. Dường như không còn chút thịt hay cơ bắp nào nữa. Khi họ ở bên kia tường rồi, Carax đỡ vào nách Miquel, nên anh gần như nhấc bổng bạn mình, rồi họ cùng đi vào bóng đêm của con phố Román Macaya.

“Chuyện gì xảy ra với cậu thế?” Carax hỏi nhỏ.

“Chẳng có chuyện gì đâu. Một cơn sốt thôi. Tớ khỏe lên rồi.”

Miquel đã bốc lên mùi bệnh tật rồi, nên Julián không hỏi gì thêm nữa. Họ bước xuôi León XIII cho tới khi đến phố San Gervasio, nơi họ thấy ánh đèn của một quán cà phê. Họ tìm một bàn ở cuối phòng, cách xa cửa chính và cửa sổ. Một vài khách quen ngồi trong bar, hút thuốc và nghe radio. Tay bồi bàn, một kẻ có nước da nhợt nhạt và đôi mắt cúi gằm, đến phục vụ. Rượu ấm, cà phê, và bất cứ loại đồ ăn nào nhà hàng đang còn.

Miquel không ăn gì. Carax, rõ ràng đang đói meo, ăn suất của cả hai người. Hai người bạn nhìn nhau dưới ánh đèn nhợt nhạt của quán cà phê, như bị thôi miên. Lần cuối họ gặp nhau, họ bằng nửa

tuổi bây giờ. Khi chia tay nhau họ còn là những cậu bé, giờ đây cuộc đời đã biến họ một người thành kẻ lẩn trốn còn người kia thành kẻ đang chết dần. Cả hai đều tự hỏi, liệu đây là do những lá bài họ được chia hay do cách họ đã chơi.

“Tớ chưa bao giờ nói lời cảm ơn cậu vì tất cả những gì cậu đã làm cho tớ trong những năm qua, Miquel.”

“Thôi đừng. Tớ làm điều tớ phải làm và tớ muốn làm. Không việc gì phải cảm ơn tớ cả.”

“Nuria thế nào?”

“Giống như khi cậu bỏ cô ấy.”

Carax cúi xuống.

“Bọn tớ vừa kết hôn vài tháng trước. Tớ không biết cô ấy có viết thư kể cho cậu không.”

Môi Carax cứng lại, anh chậm chậm lắc đầu.

“Cậu không có quyền trách cứ cô ấy vì điều gì cả, Julián.”

“Tớ biết. Tớ không có quyền làm gì hết.”

“Tại sao cậu không đến nhờ bọn tớ giúp, Julián?”

“Tớ không muốn gây rắc rối cho cậu.”

“Chuyện đó vượt ra ngoài tầm tay

cậu rồi. Suốt thời gian qua cậu ở đâu? Bọn tớ cứ tưởng đất đã nuốt chửng cậu rồi.”

“Gần như vậy. Tớ ở nhà. Trong căn hộ của cha tớ.”

Miquel nhìn bạn kính ngạc. Julián bèn giải thích anh đã về Barcelona bằng cách nào và bao giờ, không biết đi về đâu, anh đành quay lại ngôi nhà thời thơ ấu, lo sợ không còn ai ở đây. Cửa tiệm mũ vẫn mở, và một ông già, không còn râu tóc và đôi mắt đã mất đi lửa sống, đang ngồi ủ rũ sau quầy. Julián không muốn bước vào hoặc cho ông biết anh đã về, nhưng Antoni Fortuny đã ngược mắt lên nhìn người lạ phía bên ngoài cửa sổ.

Mắt họ gặp nhau. Julián muốn chạy trốn, nhưng anh đứng bất động. Anh thấy những giọt lệ dâng trong mắt ông bán mũ, thấy ông lặng lẽ lê thân đến cửa và bước ra đường. Không nói gì, ông dẫn con trai vào trong cửa hàng và kéo cửa xuống. Khi thế giới bên ngoài đã được ngăn cách, ông ôm lấy anh, run rẩy và gào thét vì đau đớn.

Sau này ông bán mũ mới giải thích rằng hai hôm trước cảnh sát đã đến hỏi ông về Julián. Một người nào đó tên là Fumero - một kẻ khét tiếng, mới chỉ một tháng trước thôi còn làm việc cho đám côn đồ phát xít của tướng Goded mà giờ đây lại quay sang đánh bạn với quân vô chính phủ - đã bảo ông rằng Julián Carax

đang trên đường trở về Barcelona, rằng anh đã đang tâm giết Jorge Aldaya tại Paris, và anh đang bị săn lùng vì những tội ác khác, một danh mục tội trạng mà ông bán mũ chẳng buồn để tai. Fumero tin rằng, nếu có khả năng xa xôi và mịt mờ nào đẩy đứa con trai hoang đàng của ông xuất hiện, thì ông bán mũ phải làm đúng bốn phận công dân là trình báo với hấn. Fortuny bảo hấn rằng tất nhiên hấn có thể tin ở ông, dù trong thâm tâm ông thấy kinh tởm một con rắn như Fumero lại trông chờ ông hành xử đê tiện đến vậy. Ngay sau khi đám quân tàn ác kia rời cửa hàng, ông bán mũ vội vã đến nhà thờ nơi lần đầu ông gặp Sophie. Ở đây ông cầu nguyện thánh thần, xin người dẫn

dắt con trai ông quay về nhà trước khi quá muộn. Giờ Julián đã đến, ông cảnh báo anh mối nguy hiểm đang treo lơ lửng trên đầu.

“Cho dù con có phải làm gì ở Barcelona, con ơi, hãy để ta làm thay cho con, trong khi con ẩn nấp ở trong nhà. Phòng cửa con vẫn y nguyên như lúc con ra đi và vẫn là cửa con chừng nào con vẫn cần đến nó.”

Julián thú nhận anh quay về để tìm Penélope Aldaya. Ông bán mũ hứa ông sẽ tìm thấy cô và, khi họ được đoàn tụ, ông sẽ giúp họ bỏ trốn đến nơi an toàn, cách xa khỏi Fumero, xa khỏi quá khứ, xa tất cả.

Trong nhiều ngày, Julián ẩn trong căn hộ trên phố San Antonio trong khi ông bán mũ lông sục khắp thành phố để tìm tung tích Penélope. Anh ở trong căn phòng cũ của mình, mà như cha anh đã hứa, không hề thay đổi, dầu giờ đây mọi thứ dường như nhỏ bé đi, tưởng như các đồ vật co rút lại theo thời gian. Nhiều cuốn sổ cũ của anh vẫn còn đây, những cây bút chì anh đã gọt vào tuần anh rời đi Paris vẫn còn đây, những cuốn sách đang đợi anh đọc, quần áo sạch vẫn để trong tủ. Ông bán mũ kể rằng Sophie đã rời bỏ ông không lâu sau khi anh chạy trốn, và nhiều năm rồi ông không hay tin gì của bà, lần cuối bà viết thư cho ông là từ Bogotá, nơi bà đang sống cùng một

người đàn ông khác. Họ thư từ trao đổi thường xuyên, “luôn nói về con,” ông bán mũ thú nhận, “vì đó là điều duy nhất ràng buộc chúng ta.” Khi ông nói những lời ấy, Julián tưởng như ông bán mũ đã kìm nén việc phải lòng yêu vợ mình cho mãi đến khi ông đã đánh mất bà.

“Người ta thực sự chỉ yêu duy nhất một lần trong đời, Julián ạ, cho dù họ không nhận ra điều đó.”

Ông bán mũ, vốn dường như vướng vào cuộc đua với thời gian nhằm cứu vớt cả cuộc đời bất hạnh, tin chắc rằng Penelope chính là thứ tình yêu đó của con trai ông. Ông tưởng rằng nếu ông giúp anh tìm được cô thì có lẽ chính ông

nữa, ông cũng sẽ tìm lại được một phần ông đã đánh mất, cái khoảng trống như một lời nguyện đê nặng thân thể ông, dù ông không nhận ra.

Với bao nhiêu quyết tâm, cùng chừng ấy nỗi thất vọng, ông bán mũ sớm phát hiện ra rằng không có dấu vết nào của Penélope Aldaya, hay gia đình cô ấy, trên toàn Barcelona. Là một người xuất thân hèn kém, đã làm lụng suốt đời để không bị cảnh nợ nần, ông bán mũ chưa bao giờ nghi ngờ sức mạnh của đồng tiền và địa vị xã hội, nhưng mười lăm năm tàn phá và nghèo túng đã đủ để xóa bỏ mọi dinh cơ, ngành công nghiệp, và mọi vết tích của một vương triều khỏi mặt đất. Khi cái tên Aldaya được nhắc đến,

có rất nhiều người đã từng nghe nhưng không mấy ai hiểu được nó từng có ý nghĩa thế nào.

Vào ngày Miquel Moliner và tôi vào cửa hàng mũ hỏi tin Julián, ông bán mũ tin chúng tôi là tay chân của Fumero. Nhưng không ai định cướp đi con trai ông nữa. Lần này Chúa Quyền năng có thể từ thiên đường xuống, chính Ngài đã lờ đi lời nguyện cầu suốt cả đời của ông bán mũ, và ông sẵn sàng móc mắt Ngài nếu Ngài dám đẩy Julián đi xa lần nữa.

Ông bán mũ là người mà người bán hoa nhớ đã gặp vài ngày trước khi ông đang lảng vảng quanh dinh thự nhà Aldaya. Điều ông bán hoa cho là “khá

thô lỗ” là thứ cảm xúc dữ dội đến với những người mà, thà muộn còn hơn không bao giờ, đã tìm ra được một mục đích trong đời và hồi hả theo đuổi nó để bù đắp cho thời gian đã mất. Thật không may, Chúa một lần nữa ngoảnh mặt trước lời cầu xin của ông. Sau khi đã trải qua bao thất vọng, ông bán mũ vẫn không thể tìm được điều ông cần để cứu vớt đứa con trai, để cứu vớt chính ông: dấu vết của cô gái. Hỡi đức Chúa, Ngài cần đến bao nhiêu linh hồn mới thỏa mãn con đói của Ngài? Ông bán mũ hỏi. Chúa trời, trong yên lặng vô biên của người, nhìn ông không chớp mắt.

“Ta không thể tìm thấy cô ấy, Julián ạ... ta thề rằng...”

“Bố đừng lo. Đây là điều mà con phải làm. Bố giúp được gì cho con thì bố đã giúp cả rồi.”

Đêm hôm ấy Julián bước ra phố xá Barcelona, quyết tâm tìm ra Penélope.

TRONG KHI MIQUEL LẶNG NGHE câu chuyện của bạn, anh không hề cảnh giác tên bồi bàn khi hắn bước đến điện thoại, quay lưng về phía họ mà lăm lăm bấm gì đó hay, một lúc sau, khi hắn cứ dỗi mắt về phía cửa trong lúc lau cốc quá kỹ càng ở một cái quán vốn đang nào thì cũng bần. Anh cũng không hề nghĩ rằng Fumero từng đến quán cà phê đó, và

hàng chục quán cà phê như vậy cách dinh thự nhà Aldaya một quãng; rằng ngay khi Carax đặt chân vào một trong những quán ấy, chỉ trong vài giây sẽ có một cuộc điện thoại. Khi xe cảnh sát dừng lại trước quán cà phê và tay bồi bàn biến mất vào sau bếp, Miquel cảm thấy sự bình lặng thản nhiên và lạnh lẽo của định mệnh. Carax hiểu ánh mắt anh, cả hai người cùng quay ra và thấy ma quỷ: ba kẻ mặc áo mưa xám đang lấp ló sau cửa sổ, ba khuôn mặt đang phả hơi vào khung cửa sổ. Không ai trong bọn họ là Fumero. Lũ kèn kèn đã đến trước hẳn.

“Rời khỏi đây thôi, Julián...”

“Không còn lối thoát đâu,” Carax

nói, với vẻ bình thản lạ kỳ khiến bạn nhìn anh thận trọng.

Chỉ đến lúc ấy Miquel mới nhận ra khẩu súng lục trong tay Julián. Chuông cửa vang lên át tiếng rầm rì của đài phát thanh. Miquel giật lấy khẩu súng trong tay Carax và nhìn chăm chăm vào bạn.

“Đưa giấy tờ của cậu đây, Julián.”

Ba tên cảnh sát vờ như đang ngồi vào quầy bar. Một tên liếc ngang Miquel và Julián. Hai tên còn lại sờ tay vào bên trong áo mưa.

“Giấy tờ, Julián. Đưa ngay đây.”

Carax lắc đầu không đáp.

“Tớ chỉ sống được vài tháng nữa thôi, có lẽ hai tháng, nếu may mắn. Một trong hai chúng ta phải ra khỏi đây, Julián. Cậu còn có nhiều việc phải làm hơn tớ, Tớ không biết cậu sẽ tìm được Penélope không. Nhưng Nuria đang đợi cậu.”

“Nuria là vợ cậu mà.”

“Hãy nhớ thỏa thuận của chúng ta. Ngày tớ chết đi, tất cả những gì thuộc về tớ sẽ là của cậu...”

“... trừ những giấc mơ.”

Họ cười chào nhau lần cuối. Julián đưa hộ chiếu cho bạn. Miquel đặt nó cạnh cuốn *Bóng hình của gió* anh vẫn

mang bên mình từ khi nhận được.

“Hẹn gặp cậu sớm,” Julián thăm thì.

“Không có gì phải vội. Tớ sẽ đợi.”

Ngay khi ba tên cảnh sát quay mặt về phía họ, Miquel liền đứng lên bước đến bọn họ. Lúc đầu họ chỉ thấy một kẻ nhợt nhạt, run rẩy dường như đang gần kề cái chết khi anh cười với bọn chúng, máu ứa ra bên mép đôi môi mỏng, thiếu sinh khí của anh. Lúc bọn chúng nhận ra khẩu súng trong tay phải anh, Miquel chỉ cách bọn chúng chừng ba thước. Một tên định hét lên, nhưng phát súng đầu tiên đã cắm vào hàm dưới của hắn. Hắn khụy xuống, bất động dưới chân Miquel. Hai tên kia

đã rút súng ra. Phát súng thứ hai bay vào bụng tên già hơn. Viên đạn cưa đôi cột sống của hắn làm văng vài mẩu ruột lên quầy bar. Miquel không có thì giờ bắn phát súng thứ ba. Tên cảnh sát còn lại đã nhằm vào anh. Anh cảm thấy nó trong xương sườn mình, trong tim mình, và thấy đôi mắt trừng trừng của kẻ kia ánh lên khiếp hãi.

“Đứng yên, thằng chó, không tao thề sẽ xé tan mày.”

Miquel mỉm cười và từ từ đưa súng lên nhằm vào mặt tên thứ ba. Hắn chưa đến hai lăm, và môi hắn run run.

“Hãy nhắm với Fumero, Carax gửi lời, tao sẽ nhớ bộ cánh thủy thủ của hắn.”

Anh không cảm thấy đau đớn, không cảm thấy vết đạn. Cú va chạm, như một nhát rìu đã qua giảm chấn, đẩy anh ra ngoài cửa sổ, xóa tan âm thanh và màu sắc cảnh vật. Khi anh đâm qua ô cửa, anh nhận thấy cơn lạnh toát luôn dọc cổ họng và ánh sáng nhòa dần như bụi trong gió. Miquel quay đầu lại lần cuối thấy bạn mình Julián đang chạy xuống phố. Miquel ba mươi sáu tuổi, cái tuổi nhiều hơn anh từng hy vọng được sống. Trước khi đổ xuống vỉa hè vương đầy mảnh kính dính máu, anh đã chết.

Chương 9

ĐÊM HÔM ẤY, một chiếc xe lạ đến sau cuộc gọi điện của tên cảnh sát đã giết Miquel. Tôi không bao giờ biết tên hắn, và tôi cũng không nghĩ hắn biết mình đã giết ai. Như mọi cuộc chiến tranh, dù là giữa các quốc gia hay nội chiến, cuộc chiến kia giống như một màn diễn sân khấu. Hai người đàn ông mang đi thi thể của cảnh sát bị chết, và đe dọa chủ quán bar rằng hắn phải quên ngay chuyện xảy ra nếu không muốn rắc rối. Đừng bao giờ xem thường cái tài quên mà những cuộc chiến tranh đánh thức dậy ở con người, Daniel ạ. Thi thể của Miquel Moliner bị

vứt bỏ trong một ngõ hẻm tại khu phố Raval mười hai tiếng sau, để cho cái chết của anh ấy không có liên hệ gì với cái chết của hai cảnh sát kia. Mãi hai hôm sau rớt cuộc cái xác mới được đem đến nhà xác. Anh ấy đã bỏ giấy tờ tùy thân ở nhà trước khi ra đi. Cái nhân viên nhà tang lễ tìm thấy là một tấm hộ chiếu nhòe chữ mang tên Julián Carax và một cuốn *Bóng hình của gió*. Cảnh sát kết luận xác người chết là Julián Carax. Hộ chiếu vẫn ghi địa chỉ của anh ấy ở căn hộ nhà Fortuny trên phố San Antonio.

Lúc ấy tin đến tai Fumero, hắn đã đến thẳng nhà xác để tiễn biệt Julián. Ở đó, hắn gặp ông bán mũ, người mà cảnh sát đã đưa đến nhận xác. Ông Fortuny,

vốn không gặp Julián đã hai ngày rồi, e sợ điều tồi tệ nhất. Khi ông nhận ra cái xác là của người chỉ mới một tuần trước đó đã gõ cửa nhà ông để hỏi tin về Julián (và ông đã cho là tay chân của Fumero), ông bắt đầu gào lên rồi bỏ đi. Cảnh sát coi phản ứng của ông như là lời thừa nhận. Fumero, kẻ đã chứng kiến cảnh tượng này, bước đến cái xác và im lặng xem xét. Hắn không gặp Julián đã mười bảy năm. Khi nhận ra Miquel Moliner, hắn chỉ mỉm cười và ký vào biên bản khám nghiệm pháp y xác nhận xác chết là Julián Carax. Rồi hắn ra lệnh chôn ngay vào khu mộ chung ở Montjuïc.

Trong một thời gian dài, tôi tự hỏi tại sao Fumero lại làm một việc như vậy.

Nhưng đây là một logic giản đơn của Fumero. Bằng cách chết với căn cước của Julián, Miquel đã vô tình tạo cho hắn chứng cứ ngoại phạm hoàn hảo. Từ giây phút ấy, Julián Carax không còn tồn tại. Sẽ không có mối liên hệ chính thức giữa Fumero và người đàn ông mà sớm hay muộn hắn hy vọng sẽ tìm thấy và giết. Lúc ấy là thời chiến, chẳng mấy ai đi tìm lời giải thích liên quan đến cái chết của một người thậm chí còn chẳng có tên. Julián đã mất căn cước của mình. Anh ấy là một cái bóng. Tôi đã ở nhà suốt hai ngày để đợi Miquel hay Julián, tưởng như mình sắp phát điên. Đến ngày thứ ba, thứ Hai, tôi quay trở lại làm việc ở nhà xuất bản. Ông Cabestany đã vào viện vài

tuần trước và sẽ không quay lại văn phòng nữa. Con trai cả của ông, Álvaro, tiếp quản công việc. Tôi không nói gì với ai. Tôi không thể nhờ vả vào ai.

Ngay chiều hôm đó, tôi nhận được cuộc gọi từ một nhân viên nhà tang lễ, Manuel Gutiérrez Fonseca. Ông ta giải thích là xác của một người tên Julián Carax được mang đến nhà tang lễ. Sau khi đối chiếu hộ chiếu của người chết với tên tác giả của cuốn sách trên thi thể lúc được mang đến, và hơn nữa, ngờ rằng bên cảnh sát vi phạm quy tắc, một sự lơ lửng nhất định, ông cảm thấy có nghĩa vụ đạo đức phải gọi đến nhà xuất bản báo cho họ chuyện xảy ra. Trong khi lắng nghe ông ta, tôi gần như đã chết.

Điều đầu tiên tôi nghĩ: đây là một cái bẫy do Fumero giăng ra. Ông Gutiérrez Fonseca bày tỏ với giọng mẫu mực của một công chức có lương tâm, mặc dù trong giọng ông còn có một điều khác, điều gì đó thậm chí ông cũng không thể giải thích nổi. Tôi là người đã nghe cuộc gọi ở văn phòng ông Cabestany. Ông chú, Álvaro đã ra ngoài ăn trưa và tôi ở lại một mình; nếu không tôi thật khó lòng giải thích cho xuôi những giọt nước mắt và đôi tay run run khi cầm điện thoại. Ông Gutiérrez Fonseca bảo ông nghĩ báo cho tôi biết chuyện xảy ra là việc phải làm.

Tôi cảm ơn ông với vẻ giả tạo của mọi cuộc đàm thoại như thế. Ngay khi

đặt máy xuống, tôi đóng cửa phòng và
cẩn nắm tay để không gào lên. Tôi đi rửa
mặt rồi bỏ làm về nhà ngay, để lại lời
nhắc cho Álvaro rằng tôi không khỏe và
hôm sau sẽ đi làm sớm hơn thường lệ, để
xử lý hết những thư từ. Tôi phải cố lắm
mới không chạy vội vã trên đường, mới
có thể đi với vẻ trầm mặc vô danh của
những người không có bí mật cần che
giấu. Khi tra chìa khóa vào ổ, tôi nhận ra
ổ khóa đã bị cạy. Tôi lạnh đơ người.
Núm cửa bắt đầu xoay từ bên trong. Tôi
tự hỏi có phải mình sẽ chết như thế này
không, trong cầu thang tối đen, không
biết chuyện gì đã xảy ra với Miquel. Cửa
mở ra, tôi bắt gặp đôi mắt đen huyền của
Julián Carax. Cầu mong Chúa xá tội,

nhưng lúc ấy tôi cảm thấy cuộc sống đã quay trở lại với mình, và tôi cảm ơn Trời đã mang lại cho tôi Julián chứ không phải Miquel.

Chúng tôi ôm nhau thật lâu, nhưng khi tôi tìm đôi môi anh ấy, Julián đã quay đi và cúi mắt xuống. Tôi đóng cửa, nắm tay Julián dẫn anh vào phòng ngủ. Chúng tôi nằm bên nhau, lặng lẽ. Hoàng hôn đang xuống, những bóng tối trong căn hộ ửng màu tím ngắt. Như mọi đêm từ khi chiến tranh khởi phát, có thể nghe thấy những tiếng súng từ xa xa. Julián khóc trong khi dựa vào ngực tôi, và tôi cảm thấy một sự mệt mỏi không nói nên lời. Sau đó, khi đêm đã khuya, môi chúng tôi tìm thấy nhau, và dưới sự che chở của

bóng đêm bức bối kia, chúng tôi bỏ quần áo nhuốm mùi sợ hãi và chết chóc. Tôi muốn nhớ đến Miquel, nhưng ngọn lửa của đôi tay ấy trên bụng tôi đã cướp đi mọi tủi thẹn và đau đớn của tôi. Tôi muốn thỏa mình trong đôi tay ấy, dù tôi biết lúc sáng ra, khi đã mệt nhoài và có lẽ lại bị giày vò vì nỗi khinh bỉ bản thân, chúng tôi sẽ không thể nhìn vào mắt nhau mà không tự hỏi chúng tôi đã biến thành những kẻ như thế nào.

Chương 10

TÔI THỨC DẬY BỞI TIẾNG MƯA RƠI lộp độp lúc trời sáng. Chiếc giường trống trơn, căn phòng tắm trong một màu sáng nhạt.

Tôi thấy Julián đang ngồi trước bàn của Miquel, đang mân mê các phím trên chiếc máy đánh chữ của anh ấy. Anh ngược lên và trao tôi nụ cười hờ hững, xa cách như bảo rằng anh sẽ không bao giờ là của tôi. Tôi muốn nhổ toẹt ra sự thật với anh, muốn làm anh đau đớn. Nhưng như vậy quá đơn giản. Cho anh ấy biết Penélope đã chết. Rằng anh ấy đang

sống một cuộc đời giả dối. Rằng giờ đây tôi là thứ duy nhất anh còn có trên đời này.

“Lẽ ra anh không nên quay về Barcelona,” anh lẩm bẩm, lắc đầu.

Tôi quỳ xuống cạnh anh. “Cái anh tìm kiếm không ở đây, Julián. Hãy đi thôi. Cả hai chúng ta. Đi khỏi đây. Khi vẫn còn thời gian.”

Julián nhìn tôi một lúc lâu, không chớp mắt. “Em biết điều gì đó mà không nói với anh, đúng không?” anh hỏi.

Tôi lắc đầu và nuốt ực. Julián gật đầu.

“Đêm nay anh sẽ quay lại đó,”

“Julián, xin anh...”

“Anh phải biết chắc.”

“Vậy em sẽ đi với anh.”

“Không.”

“Lần cuối cùng em ngồi đây đợi, em đã mất Miquel. Nếu anh đi, em cũng đi.”

“Chuyện này không liên quan gì đến em, Nuria. Chỉ liên quan đến anh thôi.”

Tôi tự hỏi lẽ nào anh ấy không nhận ra những lời này làm tổn thương tôi thế nào, hay là anh không quan tâm.

“Đó là anh nghĩ vậy,” tôi nói.

Anh cố vuốt má tôi, nhưng tôi xua tay đi.

“Em hãy thù ghét anh đi, Nuria ơi. Như vậy sẽ mang lại vận may cho em.”

“Em biết.”

Cả ngày chúng tôi ở ngoài, tránh xa khỏi bóng tối ngọt ngào của căn hộ vẫn vương mùi chần ảm và da thịt kia. Julián muốn đi ra biển. Tôi theo anh đến La Barceloneta, và chúng tôi tản bộ dọc bãi biển gần như hoang vắng, dải cát lung linh dường như nhòa dần trong làn không khí mờ đục của mùa hè. Chúng tôi ngồi trên cát, gần mép nước, như bọn trẻ hay

những người già thường ngồi. Julián mỉm cười, không nói gì.

Khi màn đêm buông xuống, chúng tôi bắt xe điện gần Bảo tàng Hải dương học và lên phố Layetana đi Gracia, rồi lên Quảng trường Lesseps và Đại lộ Cộng hòa Argentina, cho tới khi chúng tôi đến cuối tuyến đường. Julián trầm ngâm ngắm nhìn đường phố, như thể anh ấy sợ đánh mất thành phố khi chúng tôi xuyên qua nó. Giữa chừng, anh nắm tay tôi mà hôn, cũng không nói gì. Anh nắm tay tôi đến khi chúng tôi xuống xe. Một ông già đi cùng một cô bé mặc váy trắng tinh nhìn chúng tôi, rồi mỉm cười và hỏi chúng tôi đã đính hôn chưa. Lúc trời đã nhá nhem, chúng tôi lên phố Román

Macaya đến dinh thự cổ Aldaya trên Đại lộ Tibidabo. Một cơn mưa nhẹ rơi, phủ bạc lên tường đá dày. Chúng tôi trèo qua bức tường phía sau nhà, gần sân quần vợt. Tòa nhà rộng mênh mang hiện lên trong màn mưa. Tôi nhận ra nó ngay lập tức. Tôi đã bắt gặp ngôi nhà ấy dưới hàng ngàn vỏ bọc khác nhau trong những cuốn sách của Julián. Trong *Ngôi nhà màu đỏ*, nó là một tòa lâu đài hắc ám bên trong rộng hơn bên ngoài. Nó từ từ thay đổi hình dạng, mọc ra những cầu thang mới, những gian phòng mới, và những gác mái quái lạ, cầu thang dài tít tắp dẫn đến chôn vô định; nó chiếu sáng những căn phòng tối tăm hôm nay chợt hiện rồi ngày mai chợt biến, mang theo cả những

người ngậy thơ bước vào và không bao giờ còn ai thấy lại. Chúng tôi dừng lại ngoài cửa chính bị khóa bằng dây xích và cái khóa móc to bằng nắm tay. Các ô cửa sổ lớn tầng hai đã bị nẹp bằng những tấm gỗ giờ bám đầy những cây thường xuân. Không khí sực mùi cỏ dại và đất ẩm. Nền đá, đen và lấm chấm nước mưa, ánh lên như vẩy một loài bò sát khổng lồ.

Tôi muốn hỏi tại sao anh lại muốn đi qua cánh cửa gỗ sồi to lớn ấy, trông như cánh cửa một vương cung thánh đường hay như nhà ngục. Julián lôi trong túi ra một cái lọ và vặn nắp. Một làn hơi thổi bốc ra, tạo thành một vòng xoáy xanh mờ, bay chậm chậm. Anh giữ một đầu móc khóa rồi rót axit lên ổ khóa.

Tiếng kim loại rít lên như thép nung đỏ, bao quanh là một đám mây khói vàng. Chúng tôi đợi chừng năm phút, rồi anh ấy nhặt một hòn sỏi nằm dưới đám cỏ dại nện năm sáu lần vào móc khóa cho nó bung ra. Rồi Julián đá vào cửa. Nó từ từ mở ra, như một hầm mộ, phả ra một làn hơi dày đặc, ẩm thấp. Phía sau cánh cửa, tôi có thể cảm thấy bóng tối nhưng mượt. Julián có mang theo đèn dầu, sau khi vào sảnh vài bước anh liền thắp đèn lên. Tôi đi theo anh, để cánh cửa đằng sau khép hờ. Julián dẫn thêm vài thước nữa, giơ ngọn đèn cao trên đầu. Một lớp thảm bụi dưới chân chúng tôi, không có dấu chân ai khác ngoài của chúng tôi. Dưới ánh lửa, những bức tường trơ trụi sáng lên

màu hồ phách. Không có đồ đạc, không có gương hay đèn. Những cánh cửa vẫn dính trên bản lề, nhưng núm cửa đồng đã bị cạy ra. Tòa dinh thự giống như một bộ xương. Chúng tôi dừng lại ở chân cầu thang. Julián ngược nhìn lên, đôi mắt anh quét lên trần cao. Anh quay lại một thoáng để nhìn tôi, và tôi muốn mỉm cười, nhưng trong ánh sáng mờ nhạt chúng tôi gần như không thể thấy mắt nhau. Tôi bước theo anh lên cầu thang, giẫm lên từng bậc thang nơi lần đầu tiên Julián gặp Penélope. Tôi biết chúng tôi đang đến đâu, tôi cảm thấy trong lòng mình một sự lạnh giá vốn không liên quan gì đến không khí ẩm, nhức buốt của dinh thự ấy.

Chúng tôi lên tầng ba, nơi một hành lang hẹp dẫn đến chái phía nam căn nhà. Ở đây trần nhà thấp hơn và cửa nhỏ hơn. Đây là tầng sinh hoạt dành cho kẻ hầu. Phòng cuối cùng, tôi biết mà không cần Julián chỉ, là phòng ngủ của Jacinta Coronado. Julián tiến đến, chầm chậm, lo sợ. Đó là nơi lần cuối cùng anh nhìn thấy Penélope, nơi anh đã ái ân với một cô gái mười bảy tuổi, người mấy tháng sau đã chảy máu đến chết cũng trong chính căn phòng này. Tôi muốn ngăn anh lại, nhưng Julián đã đến gần cửa và đang lơ đãng nhìn vào trong. Tôi liếc vào căn phòng theo anh ấy. Chỉ là một khối vuông bị lật bỏ mọi trang trí. Những dấu vết còn lại nơi một chiếc giường từng nằm

đó vẫn hiện rõ dưới lớp bụi phủ kín ván sàn. Một đám những vệt máu đen ngoằn ngoèo giữa căn phòng. Julián nhìn chăm vào khoảng trống trải ấy chừng một lúc, bối rối. Tôi có thể thấy ở vẻ mặt anh rằng anh gần như không nhận ra nơi này, rằng cảnh tượng dường như một trò lừa tàn nhẫn. Tôi nắm tay anh dẫn anh quay lại cầu thang.

“Không có gì ở đây đâu, Julián,” tôi thì thầm. “Gia đình họ đã bán mọi thứ trước khi sang Argentina.”

Julián gật đầu yếu ớt. Chúng tôi lại xuống cầu thang, và khi đến tầng trệt, Julián bước đến thư viện. Những giá sách trống trơn, lò sưởi chất đầy gạch

vụn. Những bức tường, mang vẻ nhợt nhạt chết chóc, ánh lên dưới ngọn đèn leo lét. Những chủ nợ và kẻ cho vay nặng lãi đã khuân đến cạn kiệt những gì có trong phòng, hầu hết chúng hẳn giờ đang nằm vất vưởng trong cửa hàng đồ cũ nào đó.

“Anh quay lại đây chẳng được gì hết,” Julián lúng búng.

Như thế lại tốt hơn, tôi nghĩ. Tôi đếm từng giây ngăn cách giữa chúng tôi và cánh cửa. Nếu tôi đưa được anh ấy ra khỏi đây, có lẽ chúng tôi vẫn còn một cơ hội. Tôi để Julián hấp thụ đồng hoang tàn của nơi ấy, đồng hoang tàn sẽ thanh lọc ký ức anh.

“Anh phải quay lại để thấy nó lần nữa,” tôi nói. “Giờ anh đã thấy chẳng có gì ở đây. Nó chỉ là một tòa nhà lớn, cũ kỹ, không người ở, Julián ạ. Chúng ta về nhà thôi.”

Anh nhìn tôi, mặt tái nhợt, rồi gật đầu. Tôi nắm tay anh, và chúng tôi bước dọc hành lang dẫn ra cửa. Ánh sáng bên ngoài chỉ cách chúng tôi chừng dăm thước. Tôi có thể ngửi thấy mùi cỏ dại và mưa phùn trong không khí. Rồi tôi cảm thấy đang đánh mất bàn tay Julián. Tôi dừng bước quay lại thấy anh đứng bất động, mắt anh nhìn chăm chăm vào bóng tối.

“Có chuyện gì vậy, Julián?”

Anh không đáp. Anh cứ nhìn, như bị thôi miên, vào miệng một lối đi hẹp dẫn đến khu nhà bếp. Tôi bước đến anh và cũng nhìn vào bóng đen đang dần bị xua đi bởi ánh sáng xanh của ngọn đèn. Ô cửa cuối lối đi bị gạch bít lại, một bức tường gạch đỏ được xây nham nhở, vữa hồ từa ra ở góc mép. Tôi không thể hiểu thế nghĩa là gì, nhưng tôi cảm thấy cơn ớn lạnh làm tôi nghẹn thở. Julián từ từ tiến lại gần. Mọi cánh cửa khác trong lối đi này - trong cả căn nhà - đều mở, ổ khóa và nắm tay đều không còn Trừ cánh cửa này.

“Julián, xin anh, chúng ta đi thôi...”

Sức mạnh nắm đấm của anh ấy lên bức tường gạch gây nên một tiếng vọng trống rỗng phía bên kia. Tôi nghĩ đã thấy bàn tay anh ấy run rẩy khi đặt ngọn đèn xuống sàn và ra hiệu bảo tôi lùi lại

“Julián...”

Cú đá đầu tiên làm đổ xuống một cơn mưa bụi đỏ. Julián lại đá. Tôi tưởng như có thể nghe thấy xương cốt anh đang vỡ ra, nhưng Julián không nản chí. Anh lại đá lại đập vào tường, với cơn thịnh nộ của một tù nhân cố sức tìm đến tự do. Nắm tay anh và cả cánh tay đang chảy máu khi viên gạch đầu tiên vỡ ra rơi về phía bên kia tường. Trong bóng đen, với ngón tay rớm máu, Julián bắt đầu nói

rộng khoang hở. Anh thở hắt hên, dốc hết sức lực bị chiếm ngự bởi cơn điên cuồng tôi không bao giờ nghĩ là có được ở anh. Từng viên gạch một long ra và bức tường hạ thấp dần. Julián dừng lại, người đầm mồ hôi lạnh, da bàn tay sần tróc. Anh cầm đèn đặt lên mép một viên gạch. Một cánh cửa gỗ, được chạm khắc hình thiên thần, mọc lên phía bên kia. Julián vuốt ve hình chạm nổi trên gỗ ấy, như đang đọc chữ tượng hình. Cánh cửa hé mở dưới sức mạnh bàn tay anh.

Một màn đen nhớp nháp mở ra phía bên kia. Xa hơn chút nữa có thể nhìn thấy hình dạng một cầu thang. Những bậc tam cấp đá đen dẫn xuống cho đến khi mắt hút vào bóng tối. Julián

quay lại một thoáng, và tôi bắt gặp ánh mắt anh. Tôi thấy trong đó nỗi sợ và thất vọng, ngỡ như anh ấy có thể cảm thấy điều gì đang chờ đợi dưới kia. Tôi lắc đầu, lặng lẽ van xin anh đừng xuống, Anh quay lưng, chán nản, rồi lao vào màn đen. Tôi nhìn qua khung gạch, thấy anh đang lắc lư bước xuống bậc thêm. Ngọn lửa chập chờn, giờ chỉ còn là ánh lập lòe của một màu xanh trong suốt.

“Julián?”

Tôi chỉ nhận được sự yên lặng. Tôi có thể thấy bóng của Julián đang bất động ở chân cầu thang. Tôi bước qua ô gạch, bước xuống các bậc thang. Căn phòng vuông, có tường đá. Nó toát ra

một luồng khí lạnh lẽo, buốt giá cùng cực. Hai tấm bia bám đầy mạng nhện, mạng nhện ấy rã ra như lụa mục rữa do ngọn lửa đèn. Phiến đá cẩm thạch trắng lấm chấm những giọt đen trông như máu rỉ ra từ vết nứt do cái đục của người thợ chạm. Chúng nằm cạnh nhau, như bị lời nguyên trói buộc.

PENÉLOPE ALDAVA

DAVID

ALDAYA

1902-

1919

1919

Chương 11

TÔI THƯỜNG DỪNG LẠI để ngắm về khoảnh khắc cảm lặng ấy và cố tưởng tượng ra Julián cảm thấy thế nào khi phát hiện ra người phụ nữ anh chờ đợi mười bảy năm đã chết, đứa con của họ đã đi theo cô, và cuộc sống anh hằng mơ ước, dù chỉ một phần nhỏ nhoi, không bao giờ tồn tại. Hầu hết chúng ta đều có vận may hoặc rủi được chứng kiến từng phần cuộc sống của mình đổ vỡ chậm đến mức chúng ta không nhận ra. Trong trường hợp Julián điều đó chắc chắn xảy ra trong tích tắc. Có lúc tôi nghĩ anh sẽ tức tốc chạy lên cầu thang đặt

trôn khỏi chôn bị nguyên rửa ấy, rằng tôi sẽ không bao giờ được gặp anh nữa. Có lẽ như vậy sẽ tốt hơn.

Tôi nhớ ánh lửa của ngọn đèn ấy từ từ lụi dần, và tôi không nhìn thấy bóng anh nữa. Tay tôi lần mò tìm anh trong bóng đêm. Tôi thấy anh run rẩy, cảm lạnh. Anh không thể đứng được, phải lê mình vào một góc phòng. Tôi ôm anh rồi hôn vào trán anh. Anh không động đậy. Tôi lần ngón tay lên khuôn mặt anh, nhưng không hề có nước mắt. Tôi nghĩ có lẽ trong vô thức anh đã biết điều này trong suốt những năm qua, có lẽ lần chứng kiến này cần thiết để anh đối diện với sự thật và giải phóng cho anh. Chúng tôi đã đi đến cùng đường. Julián giờ đã

hiều rằng không còn gì níu giữ anh ở lại Barcelona nữa và chúng tôi có thể bỏ đi, đến một nơi xa. Tôi muốn tin rằng vận mệnh của chúng tôi bắt đầu thay đổi và Penélope cuối cùng sẽ tha thứ cho chúng tôi.

Tôi tìm cây đèn ở dưới sàn, nhặt lên thả lại. Julián thờ ơ nhìn ngọn lửa xanh. Tôi nâng mặt anh lên, bắt anh phải nhìn vào tôi. Tôi bắt gặp đôi mắt trống rỗng, vô hồn, bị cơn giận dữ và nỗi mất mát làm cho tiêu tán. Tôi cảm thấy chất độc của lòng căm thù lan dần trong huyết quản anh và tôi có thể đọc được ý nghĩ của anh. Anh ghét tôi vì đã lừa dối anh. Anh thù ghét Miquel vì đã cầu chúc cho anh một cuộc đời giờ đây giống như một

vết thương hở miệng. Nhưng trên tất cả, anh căm ghét kẻ đã gây ra tai họa này, cái chuỗi dáu vết của chết chóc và đau thương này: là chính anh. Anh căm ghét những cuốn sách bản thủ anh dành cả đời mình viết ra để rồi không ai thèm đọc đến. Anh căm ghét từng giây phút, từng hơi thở bị đánh mất.

Anh nhìn tôi không chớp mắt, như người ta nhìn một người lạ hay một vật lạ. Tôi vẫn lắc đầu, từ từ, tay tôi lần tìm tay anh. Bỗng nhiên, anh vụt quay đi và đứng dậy. Tôi cố níu cánh tay anh, nhưng anh đẩy tôi vào tường. Tôi thấy anh lặng lẽ lên cầu thang, một người đàn ông tôi không quen biết. Julián Carax đã chết. Lúc tôi bước chân ra khu vườn, không

còn dấu vết của anh nữa. Tôi trèo lên tường và nhảy sang phía bên kia. Những con phố hoang vắng dường như rỉ máu trong cơn mưa. Tôi hét gọi tên anh khi bước đi giữa đại lộ không bóng người. Không ai trả lời tôi. Lúc ấy tôi về đến nhà thì đã gần bốn giờ sáng. Căn hộ đầy khói và mùi giấy cháy. Julián đã ở đây. Tôi chạy ra mở cửa sổ. Tôi thấy một hộp nhỏ trên bàn, với cây bút tôi đã mua cho anh nhiều năm trước ở Paris, cây bút mực tôi đã bỏ ra một gia tài để mua vì nghĩ nó từng thuộc về Victor Hugo. Khói ngùn ngụt bốc ra từ lò sưởi. Tôi mở nắp lò và thấy Julián đã ném những cuốn tiểu thuyết của anh vào đó. Tôi chỉ có thể đọc được nhan đề trên gáy sách. Những phần

khác đã thành tro bụi, Tôi nhìn lên giá sách: tất cả những cuốn sách của anh đã biến mất.

Mấy tiếng sau, khi tôi đến nhà xuất bản lúc giữa buổi sáng, Álvaro Cabestany gọi tôi vào phòng anh ta. Cha anh ta gần như không bao giờ đến nữa; các bác sĩ bảo thời gian sống của ông chỉ còn tính bằng ngày - và thời gian tôi làm việc cho nhà xuất bản cũng vậy. Con trai Cabestany thông báo cho tôi biết lúc đầu giờ sáng có một ông tên Laín Coubert đã đến đây, nói rằng ông ta muốn mua toàn bộ sách còn tồn của Julián Carax. Con trai nhà xuất bản đã bảo ông ta rằng có một nhà kho đầy sách ấy ở quận Pueblo Nuevo, nhưng do nhu cầu về sách của

Carax rất cao nên anh ta nhất quyết đòi giá cao hơn Coubert đề nghị. Coubert không cần câu và ra về. Giờ Álvaro Cabestany muốn tôi tìm kẻ tên Laín Coubert này và chấp nhận lời đề nghị của ông ta. Tôi bảo gã ngớ ngẩn ấy rằng Laín Coubert không hề tồn tại, ông ta là nhân vật trong tiểu thuyết của Carax. Rằng ông ta không may mắn, dù chỉ một chút, quan tâm mua mấy cuốn sách ấy, ông ta chỉ muốn biết chúng được cất ở đâu. Ông Cabestany có thói quen cất giữ một bản của từng cuốn sách mình xuất bản trong phòng làm việc, kể cả tác phẩm của Julián Carax: tôi đã bí mật lén vào căn phòng đó lấy chúng đi.

Đêm hôm ấy tôi đến thăm cha tôi ở

Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên và giấu chúng vào nơi mà không ai, đặc biệt là Julián, có thể tìm thấy. Màn đêm đã buông xuống khi tôi rời tòa nhà. Tôi lang thang dọc Ramblas và xuống La Barceloneta, ở đây tôi đi ra bờ biển, tìm đến chỗ tôi đã cùng Julián ngắm biển. Giàn lửa ở nhà kho Pueblo Nuevo bị đốt cháy có thể nhìn thấy từ xa, vàng lửa màu hổ phách tràn lên mặt biển và những vòng khói bốc cao lên bầu trời như những con rắn phát quang. Khi lính cứu hỏa dập tắt ngọn lửa ngay trước lúc trời sáng thì chẳng còn lại gì, chỉ sót lại một bộ khung gạch và kim loại đỡ mái nhà. Ở đây tôi tìm thấy Lluís Carbó, người làm gác đêm đã mười năm nay. Ông nhìn

chăm chăm vào đồng tro tàn âm ỉ cháy, không tin nổi mắt mình. Lông mày ông và lông trên cánh tay ông bị cháy sém, da ông ánh lên như đồng nóng chảy. Chính ông bảo tôi rằng ngọn lửa bùng lên ngay sau nửa đêm đã thiêu rụi hàng vạn cuốn sách, cho đến lúc bình minh thì trước mặt ông là một dòng sông tro. Luis vẫn cầm vài cuốn sách ông cứu được, một tuyển tập thơ của Verdaguer và hai tập bộ *Lịch sử cách mạng Pháp*. Đó là tất cả những gì thoát được. Nhiều nhân viên của công ty đã đến giúp lính cứu hỏa. Có người cho tôi hay lính cứu hỏa tìm thấy xác một người bị thiêu cháy trong đồng đỏ nát. Lúc đầu người ta cho rằng người ấy đã chết, nhưng một người nhận thấy

anh ta vẫn thờ, thế là họ mang anh đến Bệnh viện Mar gần đây.

Tôi nhận ra anh qua ánh mắt. Ngọn lửa đã ăn sạch làn da anh, đôi tay anh, mái tóc anh. Ngọn lửa cũng bóc đi quần áo của anh, cả cơ thể anh là một vết thương đau buốt, dịch rỉ ra dưới lớp băng bó. Họ đã chuyển anh vào một phòng riêng ở cuối hành lang, có cửa sổ nhìn ra biển, và tiêm morphine cho anh trong khi chờ anh chết. Tôi muốn nắm tay anh, nhưng một cô y tá đã nhắc nhở rằng dưới lớp băng kia gần như không còn chút da thịt nào. Trận hỏa hoạn đã đốt trụi mí mắt. Cô y tá tìm thấy tôi ngã gục trên sàn khóc nức nở, cô hỏi tôi có biết anh ấy là ai không. Tôi trả lời tôi biết:

anh ấy là chồng tôi. Khi một cha đạo xuất hiện để làm lễ ban phước cuối cùng cho anh, tôi đã làm ông chết khiếp bởi tiếng kêu gào của mình. Ba ngày sau, Julián vẫn sống. Các bác sĩ bảo đây là điều diệu kỳ, rằng ý chí sống đã tiếp cho anh sức mạnh mà không một phương thuốc nào có được. Họ đã nhầm. Đây không phải ý chí sống. Đó là lòng căm thù. Một tuần sau, khi họ thấy cái xác bị cái chết gặm nhấm ấy vẫn khăng khăng không chịu tắt nghỉ, anh chính thức được nhập viện dưới cái tên Miquel Moliner. Anh ở viện mười một tháng. Luôn câm lặng, với đôi mắt bùng cháy, không ngơi nghỉ.

Tôi đến bệnh viện mỗi ngày. Chẳng bao lâu các y tá bắt đầu đối xử

với tôi thân mật hơn, họ mời tôi ăn trưa cùng họ trong phòng lớn. Tất cả họ đều là phụ nữ sống đơn thân, những phụ nữ mạnh mẽ đang chờ người đàn ông của mình từ chiến trận trở về. Một số quay về. Họ dạy tôi làm thế nào để lau rửa vết thương của Julián, làm sao để thay băng cho anh, làm sao để thay ga và dọn giường khi người bệnh vẫn nằm trên giường. Họ cũng dạy tôi biết đánh mất mọi hy vọng nhìn thấy lại người đàn ông từng cư trú trong bộ xương kia. Ba tháng sau chúng tôi tháo băng cho anh. Julián chỉ còn là một hộp sọ. Anh không có môi hay má. Đó là một khuôn mặt không có hình dạng, chỉ là tàn tích cháy đen của một con búp bê. Hồ mắt của anh rộng

hơn và giờ chiếm trọn khuôn mặt. Các cô y tá không dám thú nhận với tôi, nhưng họ thấy ghê tởm diện mạo của anh, gần như khiếp sợ. Các bác sĩ bảo tôi rằng, khi những vết thương lành, một lớp da đỏ tía, giống như vảy của loài bò sát, sẽ từ từ mọc lên. Không ai dám nhận xét gì về tình trạng tâm thần của anh. Mọi người đều cho rằng Julián - Miquel - đã mất trí trong đám lửa, rằng anh đã thoát được nhờ sự chăm sóc đến mê muội của một người vợ kiên cường, trong khi nếu là người khác thì ắt đã chạy trốn vì kinh sợ. Tôi nhìn sâu vào trong mắt anh và biết Julián vẫn ở đó, vẫn sống, đang hành hạ bản thân, đang chờ đợi.

Anh đã mất đôi môi, nhưng các

bác sĩ nghĩ dây thanh quản không bị tổn thương vĩnh viễn và các vết bỏng trên lưỡi và thanh quản đã bình phục nhiều tháng trước. Họ cho rằng Julián không nói gì là bởi anh bị mất trí. Một buổi chiều, sáu tháng sau vụ hỏa hoạn, khi chỉ có anh và tôi trong phòng, tôi cúi xuống hôn vào lông mày anh.

“Em yêu anh,” tôi nói.

Một âm thanh cay đắng, cục cằn phát ra từ chỗ cái nhe răng giống như của chó ở nơi giờ đây là miệng anh. Đôi mắt anh đỏ ngầu vì lệ. Tôi muốn lấy khăn lau khô mắt anh, nhưng anh cứ lặp lại âm thanh đó.

“Bỏ anh đi,” anh nói.

“Bỏ anh đi.”

Hai tháng sau vụ cháy, nhà xuất bản phá sản. Ông cụ Cabestany, mất một năm sau đó, đã dự đoán rằng con trai ông sẽ phá tan cái công ty ấy chỉ trong sáu tháng. Một kẻ lạc quan kiên định đến phút cuối đời. Tôi cố tìm việc ở một nhà xuất bản khác, nhưng cuộc chiến tranh đã lấy đi tất cả. Họ đều bảo không khí thù nghịch sẽ chấm dứt, và mọi thứ sẽ cải thiện. Nhưng vẫn còn hai năm chiến tranh phía trước, và điều tồi tệ nhất vẫn chưa xảy đến. Một năm sau vụ cháy, các bác sĩ bảo tôi họ đã làm tất cả những gì mà một bệnh viện có thể làm. Tình hình giờ rất khó khăn, họ cần phòng trống. Họ đề nghị

nên đưa Julián đến một nhà điều dưỡng như Nhà tế bần Santa Lucía, nhưng tôi từ chối. Tháng Mười năm 1937, tôi đưa anh về nhà. Anh vẫn không thốt ra lời nào sau cái câu “Bỏ anh đi” ấy.

NGÀY NGÀY TÔI BẢO ANH LÀ TÔI YÊU ANH. Tôi dìu anh đến chiếc ghế bên cửa sổ, đắp chăn cho anh. Tôi đút cho anh nước trái cây, bánh mì và sữa - khi không tìm được gì khác. Mỗi ngày, tôi đọc cho anh ấy nghe vài giờ. Balzac, Zola, Dickens... Cơ thể anh bắt đầu đầy đặn lên. Không lâu sau khi về nhà, anh bắt đầu cử động bàn tay và cánh tay. Anh nghiêng nghiêng cổ. Đôi khi, lúc

tôi về nhà, tôi thấy chăn rơi trên sàn, và các đồ vật trong nhà đổ vỡ. Một hôm, tôi thấy anh trườn bò trên sàn nhà. Rồi, một năm rưỡi sau vụ cháy, tôi thức dậy trong một đêm bão bùng và thấy có người đang ngồi trên giường mà vuốt mái tóc tôi. Tôi cười với anh, giấu đi những giọt nước mắt. Anh cố tìm cho được một tấm gương của tôi, mặc dù tôi đã giấu tất cả. Bằng giọng rì rạc, anh bảo tôi rằng anh đã biến thành một trong những ác quỷ trong tiểu thuyết của anh, thành Lain Coubert. Tôi muốn hôn anh, để chứng tỏ với anh rằng vẻ bề ngoài của anh không làm tôi kinh tởm, nhưng anh không để tôi làm vậy. Anh không cho phép tôi chạm vào anh. Ngày qua ngày, anh đang dần

hồi sức. Anh đi loanh quanh khắp nhà khi tôi ra ngoài tìm đồ ăn. Khoản tiết kiệm Miquel để lại giúp chúng tôi sống tạm bợ, nhưng chẳng bao lâu tôi phải đem bán những món trang sức và đồ dùng cũ. Khi không còn gì khác để bán, tôi lấy chiếc bút Victor Hugo đã mua ở Paris mang bán cho người trả giá cao nhất. Tôi tìm được một cửa hiệu ở sau khu nhà Chính phủ Quân Sự, nơi người ta nhận mua kiểu hàng hóa như vậy. Ông chủ hàng dường như không mặn mà lắm với lời thề độc rằng cây bút ấy đã từng thuộc về Victor Hugo, nhưng ông công nhận nó là một tác phẩm phi thường và đồng ý trả tôi với giá cao nhất ông trả được, trong khi vẫn không quên nhắc lại rằng đây là

thời kỳ khôn khó.

Khi bảo Julián rằng tôi đã bán nó rồi, tôi sợ anh sẽ lồng lên giận dữ. Nhưng anh chỉ nói rằng tôi đã làm điều đúng đắn, rằng anh chưa bao giờ xứng đáng với nó. Một ngày nọ, một trong nhiều ngày tôi đi ra ngoài tìm việc, khi quay về tôi nhận ra Julián không ở nhà. Anh không quay lại cho đến sáng hôm sau. Khi tôi hỏi anh đã ở đâu, anh chỉ dốc hết các túi cái áo khoác (vốn thuộc về Miquel) rồi để một nắm tiền lên bàn. Từ lúc ấy, anh bắt đầu ra ngoài gần như mỗi tối. Trong bóng đêm, được che đậy dưới một chiếc mũ và khăn trùm, với găng tay và áo mưa, anh ấy chỉ là một cái bóng như bao nhiêu bóng khác. Anh

không bao giờ kể với tôi mình đã đi đâu, và anh luôn quay về mang theo tiền và trang sức. Anh ngủ vào buổi sáng, ngồi thẳng trên ghế bành, hai mắt mở to. Có lần, tôi tìm thấy một con dao nhíp trong túi áo anh. Đó là con dao hai lưỡi, có nhíp bật tự động. Lưỡi dao đầy vết gỉ đen.

Lúc ấy, tôi bắt đầu nghe đồn trong thành phố những câu chuyện về một người đang đêm đi đập vỡ cửa kính bày hàng các cửa hàng sách và đốt sách. Lần khác, một kẻ phá hoại kỳ quặc đã len vào một thư viện hoặc phòng làm việc của một nhà sưu tầm. Hắn ta luôn lấy vài ba cuốn sách đem đi đốt. Tháng Hai năm 1938, tôi đến một cửa hàng sách cũ hỏi

xem có thể tìm thấy cuốn sách nào của Julián Carax trên thị trường không. Người bán hàng nói không thể: có người đang làm chúng biến mất. Chính ông ta cũng sở hữu một vài cuốn và đã bán cho một người rất kỳ quặc, người này che giấu khuôn mặt và giọng nói hầu như không thể nghe được.

“Cho đến gần đây chỉ còn vài bản trong các bộ sưu tập tư nhân, ở đây và ở Pháp, nhưng nhiều nhà sưu tầm bắt đầu tổng tiền chúng. Họ sợ,” ông ta nói, “và tôi không trách gì họ.”

Dần dần, Julián biến mất trong nhiều ngày trời. Rồi sự vắng mặt của anh ấy kéo dài cả tuần. Anh ấy luôn ra đi và

quay về vào ban đêm, và luôn mang tiền về. Anh không bao giờ giải thích, hoặc giả như có thì đấy là những lời giải thích vô nghĩa. Anh bảo tôi anh đã ở Pháp: ở Paris, Lyon hay Nice. Thỉnh thoảng có những bức thư từ Pháp gửi cho Laín Coubert. Chúng luôn là thư của những người bán sách cũ hoặc nhà sưu tầm sách. Có người tìm ra một tác phẩm thất lạc của Julián Carax. Như một con sói, anh ấy liền biến mất trong vài ngày, rồi quay về.

Chính trong những quãng thời gian anh ấy vắng mặt, tôi đến nhà ông Fortuny, ông bán mũ, người vẫn hay đi vãn vợ trong sân nhà thờ. Ông vẫn nhớ tôi từ cái ngày tôi cùng Miquel đến hỏi về Julián,

hai năm trước đó. Ông dẫn tôi đến một góc và thổ lộ với tôi rằng Julián còn sống, ở đâu đó, nhưng ông ngờ rằng con trai ông không thể liên lạc với chúng tôi vì lý do nào đấy ông không thể hiểu ra. “Điều gì đó liên quan đến kẻ tàn độc Fumero.” Tôi bảo ông tôi cũng cảm thấy như vậy. Thời chiến hóa ra lại rất có lợi cho Fumero. Sự trung thành của hắn thay đổi theo từng tháng, từ phe vô chính phủ sang phe cộng sản, rồi từ phe cộng sản sang bất cứ phe nào hắn gặp. Người ta gọi hắn là gián điệp, tay sai, anh hùng, kẻ giết người, kẻ mưu đồ, kẻ âm mưu, vị cứu tinh, hay ác quỷ. Chẳng có gì quan trọng. Tất cả đều sợ hắn. Tất cả đều muốn hắn đứng về phía họ. Có lẽ vì mãi

mê với những mưu ma chước quỷ của một Barcelona thời hỗn chiến, Fumero dường như đã quên Julián. Có lẽ, cũng giống như ông bán mũ, hãn tướng Julian đã thoát ra ngoài tầm với của hắn.

ÔNG FORTUNY HỎI TÔI có phải tôi là bạn của con trai ông không, và tôi xác nhận. Ông bảo tôi kể cho ông về Julián, về con người mà anh ấy đã trở thành, vì ông buồn rầu thừa nhận là ông thực sự không hiểu anh ấy. “Cuộc đời đã chia rẽ hai cha con ta, cháu biết không?” Ông kể tôi nghe ông đã đến tất cả các hiệu sách ở Barcelona để tìm những tiểu thuyết của Julián, nhưng không thể tìm

được. Ai đó bảo ông rằng có một kẻ điên đang tìm chúng trong mọi góc ngách của thành phố và đem đốt. Fortuny tin rằng thủ phạm là Fumero. Tôi không phản đối ông. Tôi nói dối hết mức có thể, dù tôi không biết ấy là do thương xót hay khinh bỉ. Tôi bảo ông rằng tôi tin Julián đã quay lại Paris, rằng anh vẫn khỏe, rằng tôi biết sự thực là anh ấy rất quý ông Fortuny bán mũ, rằng anh sẽ trở lại thăm ông khi điều kiện cho phép. “Chỉ tại cuộc chiến này thôi,” ông than thở, “chính cuộc chiến này đã phá hỏng mọi thứ.” Trước khi nói lời từ biệt, ông nhất quyết cho tôi địa chỉ của ông và của vợ cũ ông, Sophie, người ông vừa nói lại liên lạc sau nhiều năm “hiểu lầm”.

Sophie giờ sống ở Bogotá với một bác sĩ danh tiếng, ông nói. Bà ấy mở một trường nhạc và thường viết thư hỏi thăm Julián.

“Đó là điều duy nhất mang hai bác lại bên nhau, cháu biết đấy. Những ký ức. Hai bác đã mắc nhiều sai lầm trong đời, cô gái ạ, nhưng hai bác chỉ nhận ra điều đó khi tuổi già lần tìm đến. Cháu nói đi, cháu có niềm tin không?”

Tôi ra về, hứa hẹn sẽ báo tin cho ông và Sophie nếu tôi biết tin gì về Julián.

“Không gì làm mẹ nó hạnh phúc hơn là biết tin về con trai mình. Phụ nữ các cô lắng nghe con tim nhiều hơn, chứ

ít nghe những điều vô nghĩa.” ông bán mũ buồn rầu kết luận. “Vì thế mà phụ nữ sống lâu hơn.”

Mặc dù đã nghe nhiều chuyện khủng khiếp về ông, tôi cũng không khỏi cảm thương ông cụ tội nghiệp. Ông không còn gì khác để làm trên đời ngoài cái mong mỗi đứa con quay về. Ông dường như đang sống trong hy vọng lấy lại thời gian đã mất nhờ phép màu nào đó của thánh thần, những người mà ông tận tâm thăm viếng ở các nhà nguyện trong nhà thờ. Tôi đã quen hình dung ông như một con yêu tinh, một sinh vật hèn hạ và đáng ghét, nhưng giờ tôi chỉ thấy trước mặt mình một người ông tốt bụng, mù quáng trước thực tại, bối rối như tất cả mọi

người khác. Có lẽ vì ông khiến tôi nhớ đến cha tôi, người luôn lẩn tránh những người khác, ngay cả với chính bản thân ông, trú ngụ trong những cuốn sách và bóng đêm, hay bởi vì ông bán mũ và tôi còn được liên kết với nhau bởi hy vọng tìm lại Julián, mà tôi cảm thấy ngày càng quý mến ông và trở thành người bạn duy nhất của ông. Julián không hề biết tôi thường đến thăm ông ấy tại căn hộ trên phố San Antonio. Ông bán mũ không còn làm việc trong cửa hàng nữa.

“Bác không còn đôi tay, không còn đôi mắt thấy, không còn khách hàng nữa...” ông nói.

Ông đợi tôi vào mỗi thứ Năm và

mời tôi cà phê, bánh quy và bánh ngọt mà ông không buồn ném thử. Ông dành nhiều giờ liền để hỏi tường tận thời thơ ấu của Julián, về chuyện họ đã làm việc cùng nhau trong xưởng mũ ra sao, và ông cho tôi xem ảnh. Ông sẽ dẫn tôi vào phòng Julián, mà ông giữ nguyên vẹn như một bảo tàng, đưa cho tôi xem những cuốn sổ cũ, những đồ vật tầm thường mà ông tôn thờ như di tích của một cuộc đời chưa bao giờ tồn tại, không hề nhận ra rằng ông đã cho tôi xem trước đây rồi, rằng ông đã kể tôi nghe những câu chuyện ấy vào chuyến thăm trước. Một trong những ngày thứ Năm đó, khi bước lên cầu thang, tôi đã va vào một vị bác sĩ vừa đến khám cho ông Fortuny. Tôi hỏi

bác sĩ ông bán mũ sao rồi, và ông nhìn tôi lạ lẫm.

“Cô là người thân sao?”

Tôi bảo tôi là người gần gũi nhất mà ông bán mũ còn có. Bác sĩ bảo rằng Fortuny ốm nặng, chỉ còn sống được vài tháng.

“Bác ấy bị sao?”

“Tôi chỉ có thể nói là do tim ông ấy, nhưng điều thực sự đang giết ông ấy là sự cô đơn. Ký ức còn tàn độc hơn cả những viên đạn.”

Ông bán mũ rất vui khi gặp tôi và thú nhận là ông không tin vị bác sĩ kia. Bác sĩ chỉ là bọn phù thủy hạng hai, ông

nói. Ông bán mũ đã sống cả một đời với những đức tin sâu sắc, và tuổi già chỉ củng cố lòng tin đó mà thôi. Ông thấy bàn tay của ác quỷ khắp nơi. Ác quỷ, ông nói, làm lu mờ tâm trí và phá hủy con người.

“Cứ nhìn vào cuộc chiến này, hay nhìn bác đây. Tất nhiên, giờ bác đã già yếu, nhưng khi còn trẻ bác là kẻ thô lỗ và hèn nhát.”

Chính ác quỷ đã cướp mất Julián khỏi tay ông, ông nói.

“Chúa cho chúng ta cuộc sống, nhưng chúa tể của thế giới này là ác quỷ...”

Chúng tôi đã ngồi qua buổi chiều như vậy, nhâm nhi món bánh bích quy bốc mùi và bàn về thần học.

Có lần tôi bảo Julián, nếu muốn gặp lại cha trước khi ông chết anh nên làm nhanh. Hóa ra, chính anh cũng đến thăm ông bán mũ mà ông không biết: từ xa, lúc sẩm tối, anh ngồi ở một góc quảng trường, nhìn ông đang già đi. Julián bảo anh muốn ông cụ giữ lại hình ảnh đứa con trai do ông dựng ra trong tâm tưởng suốt những năm tháng ấy, chứ không phải kẻ mà anh đã trở thành.

“Anh giữ hình ảnh ấy cho em,” tôi nói, hồi tiếc điều mình thốt ra.

Anh không đáp, nhưng có lúc

dường như anh ấy có thể suy nghĩ mạch lạc trở lại và nhận thức đầy đủ cái địa ngục mà chúng tôi đã lâm vào.

Không bao lâu, dự đoán của bác sĩ trở thành hiện thực. Ông Fortuny không được nhìn thấy chiến tranh kết thúc. Người ta phát hiện ông chết lúc đang ngồi trên ghế, ngắm bức ảnh cũ chụp Sophie và Julián.

Những ngày cuối cùng của cuộc chiến tranh lại là khúc dạo đầu dẫn vào địa ngục. Thành phố đã sống qua trận chiến từ xa, như một vết thương đau âm ỉ, với nhiều tháng rùng rợn giao tranh và đọ súng, những cuộc đánh bom và nạn đói. Cảnh tượng giết người, đánh nhau và

những âm mưu đã làm ruồng rẫy trái tim thành phố nhiều năm qua, nhưng dù vậy, nhiều người muốn tin rằng cuộc chiến tranh vẫn là điều gì xa xôi, một cơn bão tràn qua mà chẳng hề hấn gì đến họ. Có chăng, sự đợi chờ càng khiến cho điều không thể tránh khỏi ấy thành tội tệ hơn. Khi cơn bão bùng lên, không có gì sánh nổi.

Không có gì nuôi nấng sự lãng quên tốt hơn chiến tranh, Daniel ạ. Tất cả chúng ta đều câm lặng, và các cuộc chiến tranh cố thuyết phục chúng ta điều chúng ta vừa thấy, điều chúng ta vừa làm, điều chúng ta học được về bản thân và từ những người khác, thấy đều là ảo giác, một cơn ác mộng rồi sẽ qua. Các cuộc

chiến tranh không có ký ức, và không ai đủ dũng khí để hiểu chúng cho tới khi không có tiếng nói nào còn lại bảo chúng ta chuyện gì đã thực sự xảy ra, cho đến cái khoảnh khắc chúng ta không còn nhận ra chúng nữa thì chúng quay lại, với một bộ mặt khác và một tên gọi khác, để tàn phá những gì chúng bỏ lại.

Lúc ấy thì Julián không còn nhiều sách nữa mà đốt. Cái chết của cha anh ấy, mà chúng tôi không bao giờ đề cập đến, đã biến anh thành một người tàn phế. Nỗi tức giận và căm thù ban đầu xâm chiếm anh giờ đã tan biến. Chúng tôi sống theo tin đồn, sống biệt lập. Chúng tôi nghe đồn Fumero đã phản bội những người đã giúp hắn thăng tiến trong

chiến tranh và giờ hẳn đang hầu hạ quân chiến thắng. Có lời đồn hẳn đã đứng ra xử tử những đồng minh chính của hẳn và những người bảo hộ hẳn trong các xà lim ở Lâu đài Montjuic - phương pháp ưa thích của hẳn là gi súng lục bắn vào miệng. Chiếc áo choàng nặng nề của sự lãng quên tập thể dường như trùm kín chúng tôi vào ngày yên tiếng súng. Trong những ngày ấy, tôi học được rằng không gì đáng sợ hơn một kẻ anh hùng còn sống để kể lại câu chuyện của hẳn, kể lại điều mà tất cả những người đã ngã xuống bên hẳn sẽ không bao giờ có thể kể. Những tuần sau khi Barcelona sụp đổ thật khó diễn tả nổi. Những ngày ấy máu còn rơi nhiều hơn cả thời chiến tranh, nhưng âm

thâm, và lén lút. Khi hòa bình cuối cùng cũng đến, nó mang mùi của thứ hòa bình thường hay ám các nhà tù và nghĩa trang, một tâm vãi liệm lạnh căm và hổ thẹn hủy hoại tâm hồn người ta và không bao giờ biến đi. Không bàn tay nào là vô tội, không ánh nhìn nào là ngây thơ. Những người đã sống trong thời ấy, tất cả không hề có ngoại lệ, sẽ mang bí mật của mình xuống mồ.

Một cái vỏ mờ nhạt của sự bình thường đang được khôi phục giữa những ngò vực và oán hận, nhưng bây giờ Julián và tôi sống trong nghèo khổ. Chúng tôi đã tiêu hết số tiền tiết kiệm và món đồ cướp được trong những chuyến phiêu lưu ban đêm của Laín Coubert, và

trong nhà không còn gì để bán. Tôi ráo riết tìm việc, làm dịch thuật, đánh máy, hay lau dọn, nhưng dường như cái quá khứ dính dáng đến Cabestany đã khiến tôi trở thành một kẻ không ai mong muốn, nguồn gốc của những mối nghi ngờ không tên. Một nhân viên công quyền trong bộ cánh mới cóng, với mái tóc óng mượt và bộ ria con kiến - một trong hàng trăm kẻ dường như từ dưới đá bò ra trong những năm tháng ấy - đã gợi ý rằng một cô gái hấp dẫn như tôi đáng lẽ không cần phải hạ mình làm những công việc hạ tiện ấy. Hàng xóm chúng tôi chấp nhận câu chuyện của tôi rằng tôi đang chăm sóc cho người chồng tội nghiệp, Miquel, người đã trở thành thương binh và biến

dạng do chiến tranh. Họ mang tặng chúng tôi sữa, pho mát hoặc bánh mì, thỉnh thoảng còn có cá muối và xúc xích do bà con họ ở nông thôn gửi lên. Sau nhiều tháng khó khăn, tin rằng còn lâu nữa mới tìm được việc làm, tôi quyết định dùng một chiến lược mượn từ một cuốn tiểu thuyết của Julián.

Tôi viết cho mẹ Julián ở Bogotá, dùng tên của một luật sư tưởng tượng mà ông Fortuny quá cố đã tham vấn vào những ngày cuối đời, khi ông đang cố thu xếp công việc cho đâu vào đó. Tôi báo với bà rằng, do ông bán mũ đã chết không để lại di chúc, tài sản của ông ấy, bao gồm căn hộ trên phố San Antonio và cửa hàng nằm ở cùng tòa nhà, về lý

thuyết thuộc sở hữu của con trai bà, Julián, người được cho là đang sống lưu vong ở Pháp. Do ông đã chết và nợ chưa được trả, và do bà đang sống ở nước ngoài, nên luật sư (mà tôi chọn tên là José María Requejo để tưởng nhớ cậu bé đầu tiên hôn tôi thời còn đi học) đề nghị bà ủy quyền cho tôi làm những thủ tục cần thiết để chuyển giao các tài sản nói trên cho con trai bà, người mà luật sư sẽ liên hệ qua đại sứ quán Tây Ban Nha ở Paris. Trong thời gian ấy, anh ta sẽ tạm thời sở hữu những tài sản trên, cũng như tiến hành trả nợ ở một mức nhất định. Tôi cũng đề nghị bà liên lạc với quản lý tòa nhà và chỉ thị cho ông ấy gửi mọi chứng từ, cũng như thanh toán các chi phí

tài sản, đến văn phòng ngài Requejo, tôi đã mở một hòm thư lấy tên này với một địa chỉ giả - địa chỉ của một cái ga ra cũ bỏ hoang cách di tích tòa lâu đài Aldaya hai khu phố. Tôi hy vọng rằng, bị mù quáng trước khả năng giúp đỡ được Julián và nói lại liên lạc với anh ấy, bà Sophie sẽ không hơi đâu nghi ngờ những sơ hở về pháp lý trong câu chuyện và sẽ đồng ý giúp chúng tôi, khi bà đang sống xa hoa ở Colombia xa xôi.

Vài tháng sau, quản lý tòa nhà bắt đầu nhận được phiếu chuyển tiền hàng tháng để trang trải chi phí cho căn hộ trên phố San Antonio và phí luật sư gửi cho hãng luật của José María Requejo, khoản phí này ông ta sẽ chuyển séc đến

hòm thư số 2321 phố Barcelona, theo đúng yêu cầu của Sophie Carax. Ông quản lý mỗi tháng giữ lại một tỉ lệ phần trăm không chính đáng, tôi có để ý thấy, nhưng tôi không muốn nói gì. Nhờ vậy ông ta cũng có phần nên sẽ không thắc mắc gì về một thỏa thuận có lợi như vậy. Với phần còn lại, tôi và Julián đủ để tồn tại. Những năm ảm đạm, khủng khiếp trôi qua, trong thời gian ấy tôi đã kiếm được một công việc thời vụ là làm dịch giả. Lúc ấy không ai còn nhớ Cabestany nữa, mọi người bắt đầu quên đi và tha thứ, bỏ qua những hiềm khích và đau thương trong quá khứ. Nhưng tôi sống trong mối đe dọa thường trực rằng Fumero hẳn quyết định bắt đầu lục tung quá khứ. Đôi

khi tôi tự thuyết phục mình rằng chuyện đó sẽ không xảy ra, chắc hẳn hẳn cho rằng Julián giờ đã chết hoặc là đã quên anh ấy rồi. Fumero nay không phải là tên du thủ du thực như nhiều năm về trước. Giờ hẳn đã thành nhân vật công chúng, một kẻ tham danh vọng trong chế độ phát xít, kẻ không trả nổi cái giá xa xỉ là săn đuổi hồn ma Julián Carax. Có nhiều lúc, tôi chột tỉnh lúc nửa đêm với con tim hoảng loạn, người đầm mồ hôi, tưởng rằng cảnh sát đang đập rầm rầm lên cửa nhà tôi. Tôi lo sợ rằng một vài hàng xóm hẳn bắt đầu thấy nghi ngờ người chồng ôm đau của tôi, người không bao giờ ra khỏi nhà, người thỉnh thoảng lại gào thét và đập vào tường như một kẻ điên, và có

thể sẽ trình báo cảnh sát. Tôi sợ Julián sẽ bỏ trốn lần nữa, rằng anh ấy đã quyết lại ra ngoài săn tìm những cuốn sách của mình. Quá bận tâm bởi nhiều mối lo sợ như vậy, tôi quên rằng mình đang già đi, rằng cuộc đời đã trôi qua mà tôi không hề hay biết, rằng tôi đã hiến tuổi thanh xuân để yêu một người đàn ông giờ đây gần như một bóng ma.

Nhưng những năm tháng ấy trôi qua yên bình. Thời gian càng rộng thì trôi càng nhanh. Những cuộc đời vô nghĩa đi thẳng ngang qua ta, như những con tàu không dừng lại ở sân ga của ta. Trong khi đó, vết sẹo chiến tranh đang lành dần, vì buộc phải như vậy. Tôi tìm được công việc ở vài nhà xuất bản, hầu

như cả ngày tôi không ở nhà. Tôi có những người tình không tên, những khuôn mặt vô vọng tôi bắt gặp trong rạp phim hoặc trên tàu điện ngầm, cùng họ tôi chia sẻ nỗi cô đơn. Rồi, rất ngớ ngẩn, tôi bị cảm giác tội lỗi bủa vây, và khi tôi gặp lại Julián, tôi luôn cảm thấy muốn khóc và thề với lòng mình tôi sẽ không bao giờ phạm tội anh nữa, như thể tôi nợ anh một điều gì. Trên xe buýt hay trên phố, tôi bắt gặp mình đang nhìn vào những phụ nữ trẻ trung hơn tôi, tay ôm con nhỏ. Họ có vẻ hạnh phúc, hoặc thanh thản, tưởng như những sinh linh bé bỏng yếu đuối ấy có thể lấp đầy mọi nỗi trống trải trên đời. Rồi tôi nhớ lại những ngày mà, trong lúc mơ màng, tôi đã tưởng tượng

mình là một trong những phụ nữ ấy, với một đứa trẻ trên tay, con của Julián. Và rồi tôi lại nghĩ về cuộc chiến, nghĩ về chuyện nhưng kẻ gây ra chiến tranh cũng có thời là trẻ con.

Tôi bắt đầu tin rằng thế giới đã bỏ quên chúng tôi khi một ngày có người xuất hiện trước cửa nhà. Hắn khá trẻ, gần như một cậu bé, một kẻ học việc bồi rồi đỏ mặt khi nhìn vào mắt tôi. Hắn hỏi han về Miquel Moliner, và nói hắn đang cập nhật hồ sơ ở Trường Báo chí. Hắn bảo có thể Moliner có thể được nhận trợ cấp hằng tháng, nhưng nếu anh ấy muốn nộp đơn xin trợ cấp thì trước hết anh ấy phải cập nhật một số thông tin. Tôi bảo hắn rằng Moliner không còn sống ở đây kể từ

khi chiến tranh bắt đầu, rằng anh ấy đã ra nước ngoài. Hắn nói xin lỗi và bỏ đi, không quên mỉm cười bốn cột. Hắn có vẻ mặt của một tên chỉ điếm trẻ tuổi, và tôi biết tôi phải đưa bằng được Julián ra khỏi nhà mình đêm hôm ấy. Lúc này, anh ấy gần như khô quắt. Anh ấy ngoan ngoãn như một đứa trẻ, cuộc sống của anh ấy chỉ quanh quẩn vào những buổi tối chúng tôi ở bên nhau, nghe nhạc trên đài phát thanh, khi anh ấy nắm tay tôi và vuốt ve thầm lặng.

Đêm xuống, tôi lấy chìa khóa căn hộ trên phố San Antonio, mà quản lý tòa nhà đã chuyển cho ông Requejo không hề tồn tại, và đưa Julián trở về ngôi nhà mà anh đã lớn lên. Tôi để anh ở trong phòng

của anh và hứa hôm sau sẽ quay lại, và nhắc anh ấy phải cẩn thận.

“Fumero lại tìm anh đây”, tôi nói.

Đầu anh làm một cử chỉ mơ hồ, tựa như anh không thể nhớ Fumero là ai, hoặc là không quan tâm nữa. Vài tuần trôi qua như vậy. Tôi luôn đến căn hộ ấy vào buổi đêm, sau nửa đêm. Tôi hỏi Julián cả ngày anh làm gì, và anh nhìn tôi không hiểu. Chúng tôi ở bên nhau suốt đêm, ôm nhau, và tôi ra đi lúc trời sáng, hứa sẽ quay lại khi có thể. Khi đi, tôi luôn khóa cửa. Julián không có chìa khóa. Tôi muốn giữ anh ở đó như một tù nhân, còn hơn để anh liều tính mạng của mình.

Không ai khác đến hỏi han về Miquel, nhưng tôi cứ loan tin trong khu nhà rằng chồng tôi đang ở Pháp. Tôi viết vài bức thư gửi đến lãnh sự Tây Ban Nha ở Paris nói rằng tôi biết công dân Tây Ban Nha Julián Carax đang ở thành phố ấy và đề nghị họ giúp đỡ tìm kiếm anh ấy. Tôi thiết nghĩ rồi sớm muộn gì bức thư ấy cũng đến đúng tay người cần nhận. Tôi đã thận trọng hết mực có thể, nhưng tôi biết chỉ là vấn đề thời gian mà thôi. Những kẻ như Fumero không bao giờ thôi căm thù.

Căn nhà trên phố San Antonio ở trên tầng thượng. Tôi phát hiện có một cánh cửa lên mái nhà ở đỉnh cầu thang. Những mái nhà của cả khu phố hình thành

một mạng lưới những khoảng trống ngăn cách nhau bởi những bức tường cao chùng một thước, nơi người dân hay lên phơi đồ. Chẳng mất nhiều thời gian để định vị một tòa nhà ở đầu kia khu phố, với cửa trước quay về phố Joaquín Costa, sao cho tôi có thể lên mái tòa nhà ấy rồi đến tòa nhà trên phố San Antonio mà không bị ai bắt gặp tôi đi vào hoặc ra khỏi đấy. Có lần tôi nhận được một bức thư của quản lý tòa nhà bảo rằng vài người hàng xóm nghe thấy tiếng động ở căn hộ Fortuny. Tôi trả lời dưới tên Requejo rằng thỉnh thoảng nhân viên của công ty đến căn hộ tìm giấy tờ tài liệu nên không việc gì phải lo lắng, cho dầu tiếng động nghe thấy vào ban đêm. Tôi

còn thêm một nhận xét với hàm ý rằng với quý ông đây - kế toán và luật sư - thì một chốn bí mật cho kẻ độc thân không hề là một kho báu nhỏ. Viên quản lý, tỏ ra hiểu biết kiểu nhà nghề, trả lời rằng tôi không nên bận tâm, rằng ông ta hoàn toàn hiểu tình huống này.

Trong những năm ấy, đóng vai ông Requejo là nguồn giải trí duy nhất của tôi. Mỗi tháng một lần, tôi đến thăm cha tôi ở Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên. Ông không bao giờ tỏ quan tâm đến việc gặp người chồng vô hình của tôi, và tôi không bao giờ bảo tôi sẽ giới thiệu với ông. Chúng tôi lảng tránh chủ đề ấy trong những buổi trò chuyện giống như những thủy thủ sành sỏi né

tránh dải san hô gần mặt nước. Thỉnh thoảng ông lại hỏi tôi có cần giúp gì không, liệu ông có thể giúp gì được không.

Vào các ngày thứ Bảy, lúc mờ sáng, thỉnh thoảng tôi lại dẫn Julián ra biển. Chúng tôi sẽ đi lên mái nhà, băng qua tòa nhà bên cạnh, rồi bước xuống phố Joaquín Costa. Từ đây chúng tôi xuống cảng qua những ngõ hẻm của khu phố Raval. Chúng tôi không bao giờ gặp phải ai. Mọi người sợ Julián, thậm chí từ xa. Nhiều lần chúng tôi ra tận mép nước. Julián muốn ngồi trên mỏm đá, quay mặt về phía thành phố. Chúng tôi ở bên nhau hàng giờ liền như vậy, hầu như không nói gì. Có những buổi chiều chúng tôi lên

vào một rạp chiếu phim, khi buổi chiếu đã bắt đầu. Trong bóng tối, không ai nhận ra Julián. Nhiều tháng trôi qua, tôi bắt đầu nhầm lẫn những cái diễn ra hằng ngày với cái bình thường, và dần dà tôi đã tin rằng sắp đặt của tôi thật hoàn hảo. Tôi thật ngốc nghếch vậy.

Chương 12

MỘT CHÍN BỐN LĂM, MỘT NĂM TRO TÀN. Cuộc nội chiến chỉ mới kết thúc sáu năm thôi, và dù những vết thâm bầm của nó vẫn có thể cảm thấy theo từng bước chân, song gần như không ai nói công khai về nó nữa. Giờ người ta nói về cuộc chiến khác, chiến tranh thế giới, cuộc chiến đã làm nhiễm bẩn khắp địa cầu với cái mùi hôi thối của xác người không bao giờ tan biến. Đó là những năm thiếu thốn và đau thương, được ban phước một cách kỳ lạ bởi thứ yên bình mà những kẻ cầm điếu và những kẻ tàn phế gây nên cho chúng ta - nửa

phần thương xót nửa phần khinh thị. Cuối cùng, sau nhiều năm vô vọng tìm kiếm công việc làm dịch giả, tôi tìm được một chân biên tập ở một nhà xuất bản, của một doanh nhân thuộc một chủng loại mới, tên là Pedro Sanmartí. Sanmartí đã xây dựng công ty của mình với gia sản vốn của ông bố vợ mà lúc bấy giờ đã bị người ta hộc tốc tống vào nhà dưỡng lão bên Hồ Bañolas trong khi Sanmartí chờ bức thư kèm giấy chứng tử xác nhận ông ta đã chết. Lão doanh nhân này thích ve vãn những phụ nữ tầm nửa tuổi hẵn bằng cách tự phong mình là người tự gây dựng nên cơ nghiệp, một hình tượng đang thịnh hành lúc ấy. Hẳn nói thứ tiếng Anh bập bõm với chất giọng lè nhè, tin rằng đó là

ngôn ngữ của tương lai, và câu nào hẳn cũng kết thúc với chữ “Okay”.

Công ty của Sanmartí (hắn đặt tên là Endymion vì hắn nghĩ nó nghe ấn tượng hơn và có thể bán được sách) xuất bản các sách giáo lý, hướng dẫn nghi thức xã giao, và các thiên tiểu thuyết răn dạy đạo đức mà nhân vật chính là mấy bà xơ trẻ đại dột đến nực cười, nhân viên Chữ Thập đỏ, và các công chức hạnh phúc và đạo mạo. Chúng tôi cũng xuất bản một loạt truyện tranh về những người lính, *Biệt Kích Dũng Cảm* - một thành công vang dội trong số độc giả là những chú bé đang cần các anh hùng. Tôi quen một người bạn tốt ở công ty ấy, thư ký của Sanmartí, một góa phụ tên là

Mercedes Pietro, người mà tôi nhanh chóng tìm thấy một mối đồng cảm lớn. Mercedes và tôi có nhiều điểm chung: chúng tôi là hai phụ nữ, bị bao quanh bởi những người đàn ông hoặc đã chết hoặc đang lẩn trốn thế giới. Mercedes có một cậu con trai bảy tuổi bị bệnh rối loạn cơ, cô ấy chăm sóc nó hết mức có thể. Cô mới ba hai tuổi, song những nếp nhăn trên mặt cho thấy cô có một cuộc đời vất vả. Những năm ấy, Mercedes là người duy nhất tôi cảm thấy muốn chia sẻ mọi điều.

Chính cô ấy đã bảo tôi rằng Sanmartí là bạn thân của một kẻ danh tiếng đang phát, làm huy chương nhiều phần thưởng, Thanh tra Javier Fumero.

Họ đều thuộc bè lũ những kẻ đã vươn lên từ đồng tro tàn của chiến tranh để vươn vòi bạch tuộc ra toàn khắp thành phố, một thế lực tinh hoa mới.

Một ngày nọ Fumero xuất hiện ở nhà xuất bản. Hắn đến thăm ông bạn Sanmartí, người hắn hẹn đi ăn trưa. Lấy lý do này nọ, tôi trốn trong phòng lưu trữ cho đến khi cả hai người đã đi. Khi tôi quay lại bàn, Mercedes ném cho tôi một ánh nhìn; không cần phải nói. Từ lúc ấy, mỗi lần Fumero xuất hiện trong văn phòng nhà xuất bản, cô ấy sẽ báo trước để tôi có thể trốn đi.

Không một ngày nào Sanmartí không cố dụ tôi ra ngoài ăn tối, đến rạp

hát hoặc chiếu phim, dùng bất cứ lý lẽ nào. Tôi luôn đáp rằng chồng tôi đang đợi tôi ở nhà và chắc chắn vợ hắn ta hẳn rất lo lắng, vì đã muộn rồi. Bà Sanmartí nằm rất xa dưới con xe Bugatti trong danh mục những món ưa thích của ông chồng. Thực ra, chị ta gần như đã đánh mất vai trò của mình trong trò chơi hôn nhân, bấy giờ gia sản của ông bố đã chuyển sang tay Sanmartí. Mercedes đã cảnh báo tôi: Sanmartí với khả năng tập trung hạn chế, luôn ham mê những da thịt tươi trẻ, mới lạ và tập trung cách tán tỉnh vô bổ của mình vào bất kỳ người mới đến nào - mà lúc ấy có nghĩa là tôi. Hẳn ta sẽ dùng đến đủ loại mưu mô.

“Người ta bảo tôi rằng chồng

của em, cái ông Moliner, là nhà văn... Có lẽ anh ta sẽ quan tâm đến việc viết một cuốn sách về anh bạn Fumero của tôi. Tôi đã có nhan đề rồi: Fumero, Kẻ trừng phạt Tội ác. Em nghĩ sao Nurieta?"

"Tôi rất cảm kích, thưa ông Sanmartí, nhưng Miquel đang bận với cuốn tiểu thuyết anh ấy đang viết, nên tôi e anh ấy không thể làm việc đó lúc này..."

Sanmartí sẽ cười phá lên.

"Một cuốn tiểu thuyết ư? Nurieta... tiểu thuyết đã chết và bị chôn vùi rồi. Mới hôm trước một người bạn từ New York đến bảo tôi như vậy. Người

Mỹ đang phát minh ra cái gọi là truyền hình, nó sẽ giống như điện ảnh, sẽ ngay tại nhà mình. Sẽ không cần đến sách nữa, hay nhà thờ hay bất cứ thứ gì. Bảo chồng em quên tiểu thuyết đi. Nếu ít nhất anh ta nổi tiếng, nếu anh ta là cầu thủ bóng đá hay võ sĩ đấu bò... Này, sao chúng ta không lên chiếc Bugatti đi ăn cơm thập cẩm ở Castelldefels để bàn chuyện này nhỉ? Thôi nào, cô em, em phải nai lưng ra làm lâu nay rồi... Em biết tôi muốn giúp em mà. Cả anh chồng tốt bụng của em nữa. Em biết rõ là ở đất nước này nếu không có bạn tốt, thì không làm được gì hết.”

Tôi bắt đầu ăn mặc như một góa phụ đoan trang, hay những phụ nữ dường

như nhằm lẫn ánh mặt trời với tội lỗi chết người. Tôi đến chỗ làm với mái tóc bới ra sau, và không trang điểm. Bất chấp thủ đoạn của tôi, Sanmartí vẫn tiếp tục tưới tẩm lên tôi những lời dâm tục kèm theo nụ cười đòi bại nhầy nhụa. Đó là nụ cười khinh thị, điển hình của kẻ tự đắc nghênh nghênh treo lủng lẳng như cục xúc xích nhồi trên bậc thang cao nhất trong mọi doanh nghiệp. Tôi có vài ba cuộc phỏng vấn xin việc ở nơi khác, những sớm hay muộn tôi cũng bắt gặp một phiên bản khác của Sanmartí. Chúng mọc nhanh như dịch nấm, vương lên từ đồng cứt mà trên đó các công ty được gây dựng. Một trong số bọn họ còn cất công gọi điện báo cho Sanmartí rằng

Nuria Monfort đang lén lút tìm việc khác. Sanmartí triệu hồi tôi vào phòng hắn, tỏ vẻ đau đớn trước thái độ vô ơn của tôi. Hắn đưa tay ra định vuốt má tôi. Những ngón tay sặc mùi thuốc lá và hôi hám. Tôi tím tái thần thờ.

“Thôi nào, nếu em không vui, em chỉ cần nói với tôi. Tôi có thể làm gì để cải thiện điều kiện làm việc của em đây? Em biết tôi trân trọng em thế nào mà, và em làm tôi tổn thương khi nghe người khác bảo em muốn bỏ chỗ này. Sao chúng ta không đi ăn tối để giải quyết chuyện này nhỉ?”

Tôi gạt tay hắn khỏi mặt tôi, không thể tiếp tục che giấu mối ghê tởm với hắn

được nữa.

“Em làm tôi thất vọng quá, Nuria ạ. Tôi phải thừa nhận là không thấy tinh thần hợp tác gì ở em cả, dường như em không tin tưởng vào mục tiêu kinh doanh của công ty này nữa.”

Mercedes đã cảnh báo tôi sớm muộn chuyện thế này cũng xảy ra. Vài ngày sau, Sanmartí, kẻ mà ngữ pháp không khá hơn một con khi, bắt đầu trả toàn bộ bản thảo tôi đã sửa, trách cứ rằng chúng đầy những lỗi. Thực sự hằng ngày tôi ở lại văn phòng đến tận mười, mười một giờ đêm, không ngớt sửa lại những trang đầy gạch chéo và nhận xét của Sanmartí.

“Quá nhiều động từ ở thì quá khứ. Nghe như là chết rồi, vô hồn... Động từ nguyên thể không nên dùng sau dấu chấm phẩy. Ai cũng biết là...”

Một số đêm Sanmartí sẽ ở lại muộn, nhốt mình trong phòng. Mercedes cố gắng ở đó, nhưng không dưới một lần hấn bắt cô ấy về nhà. Rồi khi chỉ có hai chúng tôi, hấn sẽ ra khỏi phòng hấn và lảng vảng lại bàn tôi.

“Em làm việc vất vả quá, Nuria ạ. Công việc không phải là tất cả. Ta cũng phải giải trí nữa. Em lại còn trẻ nữa. Nhưng tuổi trẻ sẽ qua đi, em biết đấy, và không bao giờ chúng ta cũng biết tận dụng nó.”

Hắn sẽ ngồi lên cạnh bàn và nhìn chăm vào tôi. Đôi khi hắn đứng sau lưng tôi và đứng yên đó vài ba phút. Tôi có thể cảm thấy hơi thở hơi hám của hắn lên tóc tôi. Lần khác, hắn đặt tay lên vai tôi.

“Em căng thẳng quá. Thả lỏng đi nào.”

Tôi run rẩy, tôi muốn gào lên bỏ chạy và không bao giờ quay lại văn phòng đó nữa, nhưng tôi cần công việc và đồng tiền còm cõi nhờ nó. Một đêm, Sanmartí bắt đầu công việc mát xa quen thuộc và rồi hắn bắt đầu mơn trớn tôi.

“Gần đây em khiến tôi phát điên...” hắn rên rỉ.

Tôi bật dậy, vùng khỏi cái siết tay của hắn, vơ vội áo khoác và túi xách rồi chạy ra cửa. Sau lưng tôi, Sanmartí phá lên cười. Dưới chân cầu thang, tôi lao thẳng vào một bóng đen.

“Thật ngạc nhiên thú vị, cô Moliner...”

Thanh tra Fumero ban cho tôi một trong những điệu cười rần rết của hắn. *“Đừng bảo là cô đang làm việc cho anh bạn tốt Sanmartí của tôi đấy! Cô gái may mắn. Cũng giống như tôi, anh ta biết cách chơi lăm đấy. Mà chồng cô thế nào rồi nhỉ?”*

Tôi biết thế là hết. Ngày hôm sau, tin đồn lan trong văn phòng là Nuria

Monfort đồng tính - vì cô ta miễn dịch trước vẻ quyến rũ và hơi thở đầy mùi tở của Don Pedro Sanmartí - và cô ta đang đan dít với Mercedes Pietro. Không dưới một nam nhân viên trẻ triển vọng trong công ty thề rằng nhiều lần bắt gặp “hai con điếm kia” hôn nhau trong phòng lưu trữ. Chiều hôm ấy, lúc ra về, Mercedes bảo muốn nói vài lời với tôi. Cô ấy không dám nhìn thẳng vào tôi. Chúng tôi ra quán cà phê nơi góc phố, không nói một lời trên đường đi. Ở đó Mercedes bảo rằng Sanmartí đã bảo cô ấy: rằng hắn không chấp nhận tình bạn của chúng tôi, rằng cảnh sát đã cho hắn một bản báo cáo về tôi, nêu chi tiết quá khứ cộng sản đáng ngờ của tôi.

“Em không thể mất công việc này, chị Nuria ơi. Em cần phải chăm lo con trai...”

Cô ấy bật khóc, giày vò xấu hổ và nhục nhã.

“Đừng lo, Mercedes, chị hiểu rồi,” Tôi nói

“Người đàn ông này, Fumero, hẳn đang theo dõi chị đấy, chị Nuria ạ. Em không biết sao hẳn thù hẳn chị, nhưng điều đó hiện trên khuôn mặt hẳn...”

“Chị biết.”

THỨ HAI TUẦN SAU, khi đến chỗ làm, tôi thấy một người đàn ông gầy còm với mái tóc đen nhờn đang ngồi ở bàn tôi. Hắn ta tự giới thiệu là Sanvador Benades, nhân viên biên tập mới.

“Còn cô là ai?”

Không một ai trong văn phòng dám nói chuyện hay nhìn tôi khi tôi thu dọn đồ đạc. Khi tôi trên đường xuống cầu thang, Mercedes chạy theo đưa tôi một phong bì với ít tiền giấy và chút tiền xu.

“Gần như tất cả mọi người đã đóng góp những gì có thể. Chị nhận đi. Không phải vì chị, mà vì bọn em.”

Tối hôm ấy, tôi về căn hộ trên phố

San Antonio. Julián đang đợi tôi như mọi lần, đang ngồi trong bóng đêm. Anh viết một bài thơ cho tôi, anh nói. Đó là thứ đầu tiên anh viết trong chín năm qua. Tôi muốn đọc nó, nhưng tôi bật khóc trong vòng tay anh. Tôi kể anh nghe tất cả, vì tôi không kìm nén được nữa. Julián lắng nghe, không nói gì, anh chỉ ôm tôi và vuốt tóc tôi. Lần đầu tiên trong chín năm tôi cảm thấy có thể dựa vào anh. Tôi muốn hôn anh vì tôi chán ghét sự cô đơn, nhưng Julián không còn đôi môi hay làn da để trao cho tôi. Tôi ngủ thiếp đi trong vòng tay anh, nằm cuộn tròn trên giường trong phòng anh, chiếc giường ngủ cho trẻ con. Khi tôi tỉnh giấc, Julián không ở đó nữa. Lúc gần sáng, tôi nghe tiếng

bước chân trên mái nhà và tôi vờ như đang ngủ. Sáng hôm ấy, tôi nghe tin trên đài mà không nhận ra ý nghĩa của nó. Người ta tìm thấy một xác người đang ngồi trên ghế dài ở phố Borne. Người chết xếp tay ngang bụng và đang nhìn về nhà thờ Santa María del Mar. Một bầy chim bồ câu đang mổ vào mắt y, khiến cho một người dân tò mò, người này liền báo cảnh sát. Xác bị gãy cổ. Bà Sanmartí xác nhận đó là chồng bà Pedro Sanmartí Monegal. Khi bố vợ người chết nghe tin từ nhà dưỡng lão Bañolas, ông đã tạ ơn trời và tự nhủ giờ ông có thể chết thanh thản.

Chương 13

JULIÁN ĐÃ CÓ LẦN VIẾT: sự trùng hợp là vết sẹo của định mệnh. Không có sự trùng hợp nào đâu, Daniel ạ. Chúng ta là con rối của những khác vọng tiềm thức của bản thân. Nhiều năm rồi, tôi không muốn tin rằng Julián vẫn còn là người đàn ông tôi đã yêu, hay những gì còn lại của anh ấy. Tôi những muốn tin là chúng tôi có thể tiếp tục sống chung với những cơn bùng nổ lác đác của đau khổ và hy vọng. Tôi những muốn tin rằng Laín Coubert đã chết và quay về những trang sách. Con người chúng ta muốn tin bất cứ điều gì ngoài sự thật.

Vụ giết Sanmartí đã mở mắt cho tôi. Tôi nhận ra Laín Coubert vẫn sống, vẫn trú ngụ trong thân thể bị lửa thiêu của Julián và lớn dần lên theo ký ức của anh ấy. Hắn đã biết cách vào ra căn hộ trên phố San Antonio qua một cửa sổ dẫn đến khu sân trong, mà không phải mở cánh cửa chính tôi luôn khóa mỗi lần bỏ anh ấy lại. Tôi phát hiện ra Laín Coubert đã nhập vào người Julián, đi lang thang khắp thành phố và đến thăm lâu đài cũ nhà Aldaya. Tôi khám phá ra rằng trong cơn điên cuồng của mình hắn đã quay lại hầm mộ kia và đập vỡ bia mộ, rằng hắn đã mang quan tài của Penélope và con trai mình ra. Anh đã làm gì, Julián?

Cảnh sát đợi tôi khi tôi quay về nhà, để tra khảo tôi về cái chết của Sanmartí, ông chủ xuất bản. Họ mang tôi về đồn, nơi, sau khi tôi chờ đợi năm tiếng trong phòng tối, Fumero đến, mặc đồ đen, mời tôi thuốc lá.

“Cô và tôi có thể là bạn tốt, cô Moliner. Và quân của tôi bảo chồng cô không có nhà.”

“Chồng tôi đã bỏ tôi rồi. Tôi không biết anh ấy ở đâu.”

Hắn tát tôi một cú dữ dội làm tôi văng khỏi ghế. Tôi bò vào một góc phòng, lòng tràn khiếp sợ. Tôi không dám nhìn lên. Fumero quỳ xuống cạnh tôi và nắm tóc tôi.

“Mày cố mà hiểu, con điếm này: tao sẽ tìm ra hấn, và khi tìm thấy, tao sẽ giết cả hai chúng mày. Trước tiên là mày, để hấn có thể thấy ruột gan mày bung ra. Rồi đến hấn, sau khi tao cho hấn biết rằng cái con đĩ kia mà hấn đã giết là em gái hấn.”

“Anh ấy sẽ giết mày trước, đồ chó đẽ.”

Fumero nhỏ nước bọt vào mặt tôi và thả tôi ra. Tôi cứ nghĩ hấn sẽ đánh tôi như tử, nhưng tôi nghe tiếng bước chân hấn đi xuống cầu thang. Tôi đứng dậy, run rẩy, lau khô máu trên mặt. Tôi có thể ngửi thấy mùi bàn tay hấn trên da thịt tôi, nhưng lần này tôi nhận ra mùi sợ hãi.

Họ giam tôi trong phòng đó, trong bóng tối, và không có nước, trong sáu giờ liền. Đến tối họ mới thả tôi ra. Trời mưa tầm tã và đường phố ánh lên hơi nước. Về đến nhà, tôi thấy một biển vụn nát. Quân của Fumero đã đến. Giữa đồng đồ đạc nghiêng ngả, tủ và giá sách quăng quật trên sàn, tôi thấy quần áo của tôi bị xé rách và sách của Miquel bị hủy hoại. Trên giường mình, tôi thấy một đồng cút, và trên tường, chữ viết bằng phân, ĐIỂM.

Tôi chạy đến căn hộ trên phố San Antonio, ngoảnh lại hàng nghìn lần để biết chắc không tay chân nào của Fumero theo tôi đến cửa trên phố Joaquín Costa.

Tôi băng qua các mái nhà - thấy đều ngập nước mưa - và thấy cửa trước của căn hộ vẫn đóng. Tôi thận trọng đi vào, những tiếng vang bước chân tôi mách bảo rằng căn nhà trống vắng. Julián không ở đó. Tôi chờ anh ấy, ngồi trong phòng khách tối đen, lắng nghe cơn bão, cho đến khi trời sáng. Khi sương sáng lờ mờ xuyên qua cửa chớp ban công, tôi đi lên mái nhà và nhìn xuống thành phố ngập chìm dưới bầu trời xám xịt. Tôi biết Julián sẽ không quay lại. Tôi đã đánh mất anh ấy mãi mãi.

Tôi gặp anh hai tháng sau đó. Tôi đi xem phim buổi tối, một mình, cảm thấy không thể quay về căn nhà lạnh lẽo và trống trải của mình. Đang lúc xem

phim, một câu chuyện tình ngờ ngẩn giữa một công chúa Rumania hăm hở phiêu lưu với một tay nhà báo điên trai chải chuốt người Mỹ, thì một người đàn ông đến ngồi cạnh tôi. Đây không phải lần đầu. Vào thời ấy, rạp chiếu phim lúc nhúc những kẻ vô danh tính sắc mùi cô đơn, nước tiểu, và nước thơm, bàn tay nhể nhại, run rẩy khơ khoắng như lưỡi người chết. Tôi định đứng lên báo nhân viên thì nhận ra khuôn mặt nhăn nhó của Julián. Anh nắm chặt tay tôi, và chúng tôi ngồi yên như vậy, nhìn lên màn hình mà không hề xem.

“Anh đã giết Sanmartí?” tôi lẩm bẩm.

“Có ai nhớ hẳn không?”

Chúng tôi nói chuyện thì thầm, dưới cái nhìn tò mò của những kẻ cô đơn lác đác trong khán phòng, tái mặt vì ghen tức trước thành công rõ ràng của đối thủ mờ ảo của bọn họ. Tôi hỏi anh ấy đã trốn ở đâu, nhưng anh không đáp.

“Còn một cuốn *Bóng hình của gió*,” anh ấy thì thào. “Ở đây, tại Barcelona này.”

“Anh nhầm rồi, Julián. Anh đã hủy tất cả.”

“Tất cả trừ một cuốn. Dường như ai đó thông minh hơn anh đã giấu nó vào một nơi mà anh không bao giờ có thể tìm

ra. Là em.”

Đây là lần đầu tôi nghe đến tên cậu, Daniel ạ. Một kẻ to mồm nào đó tên Gustavo Barceló khoác lác với một nhóm nhà sưu tầm rằng đã tìm được một cuốn *Bóng hình của gió*. Thế giới sách hiếm giống như một căn phòng vọng âm. Chưa đầy hai tháng sau, Barceló nhận được thư chào từ các nhà sưu tầm ở London, Paris và Rome. Chuyến bay bí ẩn của Julián từ Paris sau một trận đấu súng đẫm máu và tin đồn về cái chết của anh ấy trong cuộc nội chiến Tây Ban Nha đã ban cho tác phẩm của anh ấy một giá trị thị trường ngoài sức tưởng tượng. Huyền thoại đen tối về một người không mặt đi tìm kiếm chúng trong các hiệu

sách, thư viện và bộ sưu tập tư nhân rồi đột chúng đi chỉ làm tăng thêm mối quan tâm và đẩy giá lên. “Chúng ta có tính mạo hiểm ngấm trong máu mình,” Barceló nói.

Julián, người tiếp tục săn đuổi cái bóng những từ ngữ của chính mình, sớm nghe được lời đồn. Đây là lý do anh biết tại sao Gustavo Barceló không có cuốn sách: rõ ràng cuốn sách thuộc về một cậu bé đã tình cờ phát hiện ra nó và cậu bé này, bị mê hoặc bởi tác phẩm và tác giả bí ẩn của nó, đã không chịu bán nó đi mà giữ lại như tài sản quý giá nhất. Cậu bé đó là cậu ấy, Daniel.

“Vì Chúa, Julián, đừng nói là anh

sẽ hại cậu bé này...” tôi thì thầm, không dám chắc về ý định của anh.

Julián kể rằng mọi cuốn sách anh đã đánh cắp và phá hủy là do cướp đi từ những người không trân trọng chúng, từ những kẻ chỉ biết kiếm tiền từ chúng hoặc giữ chúng chỉ vì tò mò. Vì cậu không chịu bán chúng với bất cứ giá nào và cố cứu Carax khỏi góc khuất của quá khứ, cậu đã đánh thức mọi đồng cảm lạ kỳ của anh ấy, thậm chí lòng tôn trọng nữa. Cậu không biết đấy thôi, Julián theo dõi và tìm hiểu cậu.

“Có lẽ nếu cậu ấy phát hiện ra anh là ai và anh là gì, thì cậu ấy cũng sẽ đốt cuốn sách thôi.”

Julián nói với về mình hẳn rõ ràng, dứt khoát của người điên, người đã thoát khỏi cái thói đạo đức giả là cứ phải thuận theo một thực tế vốn không có nghĩa lý gì.

“Cậu bé này là ai?”

“Tên cậu ấy là Daniel. Cậu ấy là con trai của một người bán sách có cửa hàng trên phố Santa Ana, Miquel là khách quen ở đây. Cậu ấy sống cùng bố ở trong căn hộ phía trên cửa hàng. Cậu ấy mất mẹ lúc còn nhỏ.”

“Nghe như anh đang nói về mình ấy.”

“Có lẽ vậy. Cậu bé này khiến anh

nhớ lại chính mình.”

“Đề cậu ấy yên, Julián. Cậu ấy còn nhỏ. Tội của cậu ấy là ngưỡng mộ anh thôi.”

“Đấy không phải tội, chỉ là hiểu nhầm thôi. Nhưng cậu ấy sẽ vượt qua. Có lẽ cậu ấy sẽ trả lại cuốn sách cho anh. Khi cậu ấy thôi ngưỡng mộ anh và bắt đầu hiểu ra anh.”

Một phút trước khi phim hết, Julián đứng lên bỏ đi. Trong nhiều tháng, chúng tôi gặp nhau như vậy, trong bóng tối, trong các rạp chiếu phim, trong các ngõ hẻm, lúc nửa đêm. Julián luôn tìm đến tôi. Tôi cảm thấy sự hiện diện âm thầm của anh ấy mà không cần nhìn thấy

và luôn thận trọng. Đôi khi anh ấy nhắc đến cậu. Mỗi lần nghe anh ấy nhắc đến cậu, tôi cảm thấy một sự dịu dàng hiếm hoi trong giọng nói khiến anh ấy bối rối, một sự dịu dàng nhiều năm nay tôi tưởng đã mất. Tôi phát hiện ra anh ấy đã quay về dinh thự Aldaya và giờ anh sống ở đó, nửa phần là bóng ma nửa phần là kẻ ăn mày, ngắm nhìn di hài Penélope và con trai họ. Đó là chôn duy nhất anh ấy cảm thấy là của mình. Có những ngục tù còn tồi tệ hơn ngôn từ.

Tôi đến đó mỗi tháng một lần để xem anh sống có ổn không, hay ít nhất còn sống không. Tôi trèo qua bức tường đổ vụn phía sau tòa nhà, mà ở ngoài đường không nhìn thấy được. Đôi khi tôi

gặp anh ấy ở đó, những lần khác Julián biến mất. Tôi để lại cho anh ấy đồ ăn, tiền và sách... Tôi đợi anh ấy nhiều giờ liền, cho đến khi trời tối. Đôi lần tôi mạo hiểm khám phá ngôi nhà cũ rộng thênh thang. Vì thế tôi phát hiện ra anh ấy đã phá bia đá trong hầm mộ và lôi quan tài ra. Tôi không còn nghĩ Julián bị điên, cũng như không xem sự mạo phạm ấy là một hành động ghê tởm, chỉ là một hành động bi thảm. Khi gặp anh ấy, chúng tôi ngồi bên đống lửa nói chuyện hàng giờ liền. Julián thú nhận anh ấy đã cố viết trở lại, nhưng không thể. Anh ấy lờ mờ nhớ về những cuốn sách của mình cứ như chúng là tác phẩm của ai khác mà anh tình cờ đọc được. Nỗi đau trong cố gắng

viết hiển hiện thật rõ. Tôi phát hiện những trang giấy bị đốt mà anh ấy đã hăm hờ viết khi tôi không ở đó. Một lần, nhân sự vắng mặt của anh ấy, tôi đã cứu được một tập từ đồng tro. Chúng nói về cậu. Julián có lần bảo tôi rằng câu chuyện là một bức thư tác giả viết cho chính mình, để tự kể cho mình những điều mà nếu bằng cách khác thì anh không thể hiểu được. Đôi khi Julián tự hỏi có phải anh ấy đã mất hết lý trí hay không. Người điên có biết mình điên không? Hay người điên là những kẻ ngoan cố tin vào sự điên rồ của mình để bảo vệ cho ý nghĩ của riêng mình về thực tại? Julián theo dõi cậu, chứng kiến cậu lớn lên, và tự hỏi cậu là ai. Anh ấy tự hỏi

liệu sự tồn tại của cậu có phải là một điều kỳ diệu, một lời tạ lỗi mà anh ấy quyết giành được bằng cách dạy cậu biết tránh khỏi sai lầm anh ấy đã mắc phải. Đã hơn một lần, tôi tự hỏi có phải Julián chưa đi đến hay sao cái kết luận rằng cậu, trong cái logic méo mó của thế giới riêng của anh ấy, trở thành đứa con trai mà anh ấy đã mất, một trang giấy trắng trên đó anh ấy viết lại một câu chuyện mà anh không thể sáng tạo ra nhưng có thể nhớ được.

Những năm tháng ấy ở trong tòa dinh thự cổ trôi đi, và Julián ngày càng sát sao với cậu, về những tiến triển của cậu. Anh ấy kể cho tôi về những người bạn của cậu, về cô gái tên Clara cậu đã

đem lòng yêu, về cha cậu, người anh ấy kính trọng và ngưỡng mộ, và anh bạn Fermín của cậu, và về cô gái mà anh ấy muốn xem như một Penélope khác - Bea của cậu. Anh ấy nói về cậu như thể cậu là con trai anh ấy. Cả hai người đang tìm nhau, Daniel ạ. Anh ấy muốn tin rằng sự ngây thơ của cậu sẽ cứu được anh ấy khỏi chính bản thân anh ấy. Anh ấy thôi săn tìm những cuốn sách, thôi ý muốn phá hủy chúng. Anh ấy học được cách nhìn thế giới qua con mắt của cậu, để trở về với cậu bé từng là anh ấy, trong cậu. Ngày cậu đến nhà tôi lần đầu tiên, tôi cảm thấy như đã biết cậu. Tôi đã giả bộ nghi ngờ để có thể che giấu nỗi sợ hãi cậu gây ra trong tôi. Tôi sợ cậu, sợ điều

câu sẽ phát hiện ra. Tôi sợ phải nghe Julián và bắt đầu tin, như anh ấy đã tin, rằng chúng ta đều ràng buộc với nhau bằng sợi dây lạ kỳ của định mệnh, sợ phải nhận ra trong cậu con người Julián mà tôi đã mất. Tôi biết cậu và bạn cậu đang đào bới quá khứ của chúng tôi, rằng sớm hay muộn cậu sẽ phát hiện ra sự thật, nhưng tôi hy vọng điều đó xảy đến lúc phù hợp, khi cậu có thể hiểu được ý nghĩa của nó. Và tôi biết sớm hay muộn cậu và Julián rồi sẽ gặp nhau. Đó là lỗi của tôi. Vì có người khác biết điều đó, kẻ đã cảm thấy rồi đến lúc cậu sẽ dẫn hẳn đến chỗ Julián: Fumero.

Tôi hiểu chuyện đang xảy ra không có đường quay lại, nhưng tôi chưa bao

giờ đánh mất hy vọng rằng cậu sẽ lạc vết, rằng cậu sẽ quên đi chúng tôi, hoặc là cuộc đời, của cậu chứ không phải của chúng tôi, sẽ mang cậu đi xa, đến một nơi an toàn. Thời gian đã dạy tôi không để mất hy vọng, cũng không nên đặt quá nhiều niềm tin vào hy vọng. Hy vọng thật tàn nhẫn, và không có lương tâm. Đã từ lâu, Fumero theo dõi tôi. Hắn biết tôi sẽ gục ngã, sớm hay muộn. Hắn không vội vã. Hắn sống chỉ để trả thù. Trả thù mọi người và chính hắn nữa. Không có sự trả thù, không có sự căm giận, hắn sẽ tan biến. Fumero biết cậu và bạn cậu sẽ dẫn hắn đến Julián. Hắn biết rằng sau mười lăm năm, tôi không còn sức lực và nguồn sống. Đã nhiều năm nay hắn chờ đợi tôi

chết đi, hẳn chỉ chờ đến lúc đó rồi sẽ giáng cho tôi cú đòn cuối cùng. Tôi chưa bao giờ nghi ngờ rằng tôi sẽ chết trong tay hắn. Giờ tôi biết giây phút ấy đang đến gần. Tôi sẽ gửi những trang viết này cho cha tôi, cầu xin ông sẽ đưa chúng sẽ tới tay cậu nếu có chuyện gì xảy ra với tôi. Tôi cầu nguyện Chúa, người chưa bao giờ đi qua đường tôi, rằng cậu sẽ không bao giờ phải đọc chúng, nhưng tôi cảm thấy số mệnh của mình, bất chấp mọi mong ước và hy vọng hảo huyền, là chuyển đến cậu câu chuyện này. Câu chuyện của cậu, bất chấp tuổi trẻ và sự ngây thơ của cậu, sẽ giải thoát cho nó.

KHI CẬU ĐỌC ĐƯỢC NHỮNG LỜI NÀY, ngục tù của ký ức này, thế nghĩa là tôi không còn có thể nói lời từ biệt với cậu được như tôi hằng mong muốn nữa, tôi sẽ không thể xin cậu tha thứ cho chúng tôi, đặc biệt là Julián, và chăm sóc cho anh ấy khi tôi không còn ở đó để làm việc ấy. Tôi biết mình không thể đòi hỏi cậu bất kỳ điều gì, nhưng tôi có thể mong cậu hãy chăm lo cho bản thân. Có lẽ quá nhiều trang viết đã khiến được tôi tin rằng dù cho chuyện gì xảy ra, tôi sẽ luôn có một người bạn ở cậu, rằng cậu là hy vọng duy nhất của tôi, hy vọng thực sự duy nhất của tôi. Trong tất cả những gì Julián viết ra, có một điều tôi luôn cảm thấy gần gũi nhất với trái

tim mình là chừng nào chúng ta vẫn còn được nhớ đến, thì chúng ta vẫn sống. Như chuyện vẫn thường xảy ra với tôi, nhiều năm trước khi gặp anh ấy, tôi cảm thấy rằng tôi biết cậu và nếu tôi có thể tin tưởng vào ai thì người đó chính là cậu. Hãy nhớ đến tôi, Daniel, thậm chí chỉ trong một góc nhỏ và bí mật. Đừng quên tôi nhé.

Nuria Monfort

Bóng hình của gió

1955

Chương 1

NGÀY ĐÃ SÁNG khi tôi đọc xong bản thảo của Nuria Monfort. Đó là câu chuyện của tôi. Câu chuyện của chúng tôi. Trong những bước chân đã mất dấu của Carax, tôi nhận ra những bước chân chính mình, không thể xoay chuyển được. Tôi đứng lên, bị mối lo âu giằng xé, và bắt đầu bước đi đi lại lại trong phòng như một con thú bị nhốt. Mọi nỗi băn khoăn của tôi, nghi ngờ và lo sợ của tôi, dường như không mấy quan trọng; trong tôi chỉ còn sự suy kiệt, nỗi ăn năn, và khiếp sợ, nhưng tôi cảm thấy không thể đứng yên đó, lẩn tránh những

vết tích do những hành động tôi để lại. Tôi giật lấy áo khoác, nhét bản thảo vào túi áo trong, chạy xuống cầu thang. Tôi bước ra cửa: trời bắt đầu có tuyết, và bầu trời tan ra thành những giọt ánh sáng chậm rãi dường như đậu lại trên hơi thở tôi trước khi nhòa đi. Tôi chạy đến Quảng trường Catalua. Nó vẫn vắng vẻ, nhưng chính giữa quảng trường là dáng vẻ cô đơn của một cụ già tóc dài bạc trắng trong chiếc áo khoác màu xám tuyệt đẹp. Vị vua của bình minh, ông ngược mắt lên bầu trời và cố gắng trong vô vọng hòng đón những bông tuyết lên đôi găng tay, cười ha hả một mình. Khi tôi bước qua, ông nhìn tôi và mỉm cười nghiêm nghị. Đôi mắt ông màu vàng, như

những đồng xu thân kỳ dưới một đài phun nước.

“Chúc may mắn,” tôi nghĩ đã nghe ông nói như vậy.

Tôi cố bám lấy lời cầu chúc đó, và nhanh bước chân, cầu nguyện rằng sẽ không quá muộn và rằng Bea, Bea trong câu chuyện của tôi, vẫn còn đợi tôi.

Họng sưng lên vì lạnh, thở hỗn hển sau khi chạy, tôi đến được tòa nhà nơi gia đình Aguilar sống. Tuyệt bắt đầu phủ dày. May sao tôi thấy Don Saturno Molleda ngự ở cửa. Don Saturno là bảo vệ tòa nhà và (theo lời Bea kể) là một nhà thơ siêu thực bí mật. Ông vừa ra ngắm cảnh tuyết rơi, chổi trong tay, quần

ít nhất ba cái khăn và mang đôi ủng đặc công.

“Là gàu của Chúa đấy,” ông ta kinh ngạc nói, dăng lên tuyệt ánh thơ chưa xuất bản của mình.

“Cháu lên nhà Aguilar,” tôi thông báo.

“Chúng ta đều biết rằng con chim dậy sớm sẽ bắt được sâu, nhưng cậu đang cố bắt một con voi đấy, chàng trai.”

“Trường hợp khẩn cấp. Họ đang đợi cháu.”

“*Ego te absolvo*^[1],” ông bắt chước, cầu chúc cho tôi.

[1. Câu tiếng La tinh các thầy tu hay dùng, có nghĩa: ta miễn tội cho con.]

Tôi chạy lên cầu thang. Đang lên, tôi thận trọng cân nhắc những lựa chọn. Nếu gặp may, một cô hầu sẽ mở cửa và tôi sẵn sàng vượt qua sự ngăn cản của cô ta mà không thêm bận tâm đến sự tế nhị. Tuy nhiên, nếu số mệnh không chiều tôi, có khi cha Bea sẽ mở cửa, vào giờ này thì chuyện ấy có thể. Tôi muốn nghĩ rằng trong không khí thân mật của gia đình, ông sẽ không mang theo vũ khí, ít nhất trước lúc ăn sáng. Tôi ngừng một lúc để lấy lại hơi trước khi gõ cửa và cố tìm những lời nói không bao giờ đến. Chuyện này cũng không mấy quan trọng. Tôi đập

sầm nắm cửa ba lần. Mười lăm giây sau, tôi lặp lại hành động, và tiếp tục làm như vậy, lờ đi những giọt mồ hôi lạnh rịn đầy lông mày và tim đập thình thịch. Khi cửa mở, tôi vẫn cầm nắm cửa trong tay.

“Mày muốn gì?”

Đôi mắt người bạn cũ Tomás, lạnh lùng tức giận, như xuyên thủng qua người tôi.

“Tớ đến gặp Bea. Cậu có thể táng vào mặt tớ nếu cậu muốn, nhưng tớ sẽ không về khi chưa nói chuyện được với cô ấy.”

Tomás nhìn tôi với ánh mắt chăm chăm không xoay chuyển. Tôi bần khoản

không biết liệu cậu có sắp bẻ tôi ra làm đôi hay không. Tôi nuốt ực khó nhọc.

“Em gái tao không có nhà.”

“Tomás...”

“Bea bỏ đi rồi.”

Có sự thất vọng và đau đớn trong giọng cậu, mà cậu không thể ngụy trang thành sự phẫn nộ.

“Cô ấy đi rồi ư? Đi đâu?”

“Tao tưởng mày phải biết chứ.”

“Tớ sao?”

Lờ đi nắm tay siết chặt của Tomás và vẻ đe dọa trên khuôn mặt, tôi luôn

vào nhà.

“Bea!” tôi hét lên. “Bea, là anh đây, Daniel đây...”

Tôi dừng lại giữa hành lang. Căn hộ vọng lại tiếng tôi. Cả ông Aguilar, hay vợ ông ấy, hay người hầu, không ai xuất hiện sau tiếng la hét của tôi.

“Không có ai ở đây cả. Tao bảo rồi,” Tomás đứng sau tôi nói. “Giờ thì rút ra và đừng quay lại. Cha tao thề sẽ giết mày, và tao sẽ không phải là người ngăn ông ấy.”

“Vì Chúa, Tomás. Cho tớ biết em cậu ở đâu đi.”

Cậu ấy nhìn tôi như thể không biết

nên nhổ vào mặt tôi hay lờ tôi đi.

“Bea bỏ nhà đi rồi, Daniel. Bố mẹ tao đã tìm nó khắp nơi, vô vọng, đã hai ngày nay, cảnh sát cũng vậy.”

“Nhưng mà...”

“Đêm hôm kia, khi nó đi gặp mày về, bố tao đã đợi nó. Ông đã tát nó văng máu mồm. Nhưng đừng lo, nó không nói tên mày đâu. Mày không xứng đáng với nó.”

“Tomás...”

“Câm mồm đi. Ngày hôm sau cha mẹ tao đưa nó đến khám bác sĩ.”

“Để làm gì? Bea bị ốm sao?”

“Nó ốm vì mày đấy, thằng ngu. Em gái tao có mang. Đừng bảo tao là mày không biết.”

Tôi cảm thấy môi run lập cập. Một cơn lạnh toát tràn khắp cơ thể, tôi điếng giọng, mắt tôi bất động. Tôi lê thân mình ta trước cửa, nhưng Tomás chộp lấy tay tôi xô tôi vào tường.

“Mày đã làm gì nó?”

“Tomás, tở...”

Mắt cậu ấy lóe lên, hết kiên nhẫn. Cú đâm đầu tiên khiến hơi thở tôi đứt đoạn. Tôi trượt dần xuống sàn, lưng dựa vào tường, đầu gối khụy xuống. Một bàn tay siết chặt cổ họng tôi và xóc người tôi

lên, neo vào tường.

“Mày đã làm gì nó, thằng khốn nạn?”

Tôi cố vùng thoát, nhưng Tomás đâm thẳng vào mặt khiến tôi gục ngã. Mặt mũi tôi tối sầm, đầu tôi bị búa vây trong cơn đau buốt. Tôi ngã soài xuống hành lang. Tôi cố bò thoát, nhưng Tomás bèn túm cổ áo lôi tôi không thương tiếc về phía chiếu nghỉ. Cậu ấy ném tôi xuống cầu thang như ném một bao rác.

“Nếu Bea gặp chuyện gì, tao thề sẽ giết mày,” cậu ấy đứng từ cửa nói.

Tôi bật dậy, cầu xin một chút thời gian, một cơ hội để tìm lại giọng nói.

Nhưng cửa đã đóng, bỏ mặc tôi trong bóng đen. Một cơn đau nhức nhối dội vào tai trái, và tôi đưa tay ôm đầu, quay cuồng bả hoải. Tôi có thể cảm thấy một dòng máu ấm. Tôi cố hết sức đứng lên. Những cơ bụng tôi, nơi cú đâm đầu tiên của Tomás nã vào, đang rên xiết - thế mới chỉ bắt đầu thôi. Tôi lê xuống bậc thang. Don Saturno lắc đầu khi ông trông thấy tôi.

“Này, vào đây một lát, cho đến khi cậu thấy đỡ hơn.”

Tôi lắc đầu, hai tay ôm bụng. Tai trái tôi vẫn đau nhói, như thể xương sườn cô tách rời ra khỏi thịt.

“Cậu đang chảy máu đây,” Don

Saturno nói về lo lắng.

“Đây không phải lần đầu tiên...”

“Vậy thì cứ hành động ngu ngốc đi, cậu sẽ không có nhiều cơ hội được chảy máu nữa đâu. Vào đây, để tôi gọi bác sĩ.”

Tôi bước đến cổng chính và chạy trốn lòng tốt của ông bảo vệ. Tuyết rơi nặng hạt; vỉa hè phủ đầy một làn tuyết trắng. Cơn gió lạnh băng len lỏi vào quần áo tôi, xuyên đau buốt vào vết thương đang rỉ máu trên mặt tôi. Tôi không biết mình đã gào lên vì đau đớn, tức giận hay sợ hãi. Tuyết thờ ơ làm câm nín tiếng khóc hèn nhát của tôi, và tôi bước chậm chậm vào ánh bình minh mờ

bụi, một cái bóng nữa để lại dấu vết của mình dưới lớp gàu của Chúa.

Chương 2

KHI ĐANG TIẾN ĐẾN ĐOẠN GIAO CẮT với phố Balmes, tôi nhận thấy có một chiếc ô tô đang bám theo tôi, kè kè bên vỉa hè. Cơn đau trong đầu tôi đã nhường chỗ cho một cảm giác chóng mặt làm tôi quay cuồng, nên tôi phải bám tường mà đi. Chiếc xe dừng lại, hai người đàn ông bước ra. Một tiếng huýt the thé lọt vào tai tôi, và tôi không thể nghe thấy tiếng động cơ hay tiếng kêu của hai người áo đen đã túm lấy tôi, mỗi người một bên, và vội vã kéo tôi vào xe. Tôi ngã vào ghế sau, chũnh choáng buồn nôn. Luồng sáng chói lòa hiện ra

xuyên vào đầu tôi. Tôi cảm thấy xe đang chuyển động. Hai bàn tay chạm vào mặt tôi, vào đầu tôi, vào sườn tôi. Khi chạm vào bản thảo của Nuria Monfort giấu trong áo khoác của tôi, một ngón tay khều nó ra. Tôi cố ngăn lại bằng cánh tay ẻo uột. Một người khác cúi sang tôi. Tôi biết hẳn đang nói khi tôi cảm thấy hơi thở của hắn trên mặt mình. Tôi đợi nhìn thấy khuôn mặt Fumero hiện lên trong bóng tối và cảm thấy lưỡi dao của hắn trên cổ họng tôi. Hai con mắt nhìn vào mắt tôi, và khi bức màn ý thức hạ xuống, tôi nhận ra nụ cười sún răng thân ái của Fermín Romero de Torres.

TÔI THỨC DẬY, người nhóp nhép mồ hôi. Hai bàn tay giữ chặt vai tôi và đặt tôi vào chiếc giường nhỏ có thấp nền xung quanh, như trong một lễ canh xác. Khuôn mặt Fermín xuất hiện bên phải tôi. Anh đang cười, nhưng thậm chí trong cơn mê sáng, tôi cũng có thể cảm thấy nỗi lo lắng của anh. Cạnh anh, đang đứng, tôi nhận ra Don Federico Flaviá, bác thợ đồng hồ.

“Cậu ấy có vẻ đang tỉnh lại đây, Fermín,” Don Federico nói. “Tôi đi làm chút nước xuyết cho cậu ấy hồi sinh nhé?”

“Sẽ không hại gì cậu ấy đâu. Mà nhân thể làm nước xuyết, anh làm luôn cho tôi một chiếc xăng ụch được

không? Hai lớp nhé. Những lo lắng chộn rộn này đột nhiên lại làm tôi thêm ăn thế chứ”

Federico lon ton bước đi, hai chúng tôi còn lại bên nhau.

“Chúng ta đang ở đâu đây, Fermín?”

“Một nơi an toàn. Nói chính xác là chúng ta đang ở một căn hộ nhỏ mạn Tây khu phố Ensanche, nhà bạn của Don Federico, người mà chúng ta mắc nợ cả tính mạng và nhiều hơn thế. Những kẻ vu khống sẽ mô tả nó như là tổ ấm tình yêu, nhưng với chúng ta là chỗ trú ẩn.”

Tôi cố ngồi dậy. Con đau trong tai

lại rộn lên.

“Tôi sẽ bị điếc không?”

“Tôi không biết, nhưng ăn thêm vài cú đấm nữa cậu chắc chắn sẽ chuyển sang đời sống thực vật. Cái lão Aguilar khi đột đó sắp nghiền nát não cậu rồi.”

“Không phải ông Aguilar đâu. Là Tomás đấy.”

“Tomás ư? Bạn cậu ư? Nhà phát minh sao?”

Tôi gật đầu.

“Hắn cậu phải làm gì xứng đáng với chuyện đó.”

“Bea bỏ nhà đi rồi...” tôi bắt đầu.

Fermín nhú mày. “Nói tiếp đi.”

“Cô ấy có thai.”

Fermín há hốc nhìn tôi. Lần này vẻ mặt anh thật khó hiểu.

“Đừng nhìn tôi như thế, Fermín, xin anh đấy.”

“Cậu bảo tôi phải làm gì nào? Lấy thuốc hút chắc?”

Tôi cố ngồi dậy, nhưng cơn đau và bàn tay Fermín ngăn tôi lại.

“Tôi phải tìm cô ấy, Fermín ạ.”

“Bình tĩnh nào, thế. Giờ không phải là lúc đi đâu cả. Cho tôi biết cô bé

ở đâu, tôi sẽ đi tìm.”

“Tôi không biết cô ấy ở đâu.”

“Tôi sẽ đi hỏi nếu cậu nói cụ thể hơn.”

Don Federico xuất hiện nơi cửa, mang theo một bát nước xuyết nóng hôi. Bác cười với tôi.

“Cháu thấy sao rồi, Daniel?”

“Cháu khỏe nhiều rồi, cảm ơn bác Federico.”

“Uống mấy viên thuốc này...”

Bác liếc nhìn Fermín, anh gật đầu.

“Đây là thuốc giảm đau.”

Tôi uống thuốc và tợp một hớp nước xuyết mùi rượu xeret. Don Federico, con người kín tiếng, rời phòng và đóng cửa lại. Lúc ấy tôi mới nhận ra Fermín đã để bản thảo của Nuria Monfort trên lòng mình. Đồng hồ tích tắc trên bàn cạnh giường điềm một giờ - buổi chiều, tôi đồ là vậy.

“Tuyết còn rơi không?”

“Nói thế còn nhẹ. Đây đúng là phiên bản dạng bột của Trận lũ^[1] đấy.”

[1. Có lẽ ám chỉ tiểu thuyết Trận lũ của Émile Zola.]

"Anh đọc nó chưa?" tôi hỏi.

Fermín khẽ gật đầu.

“Tôi phải tìm Bea trước khi quá muộn. Tôi nghĩ mình biết cô ấy ở đâu.”

Tôi ngồi dậy trên giường, đẩy tay Fermín sang bên, Tôi nhìn quanh. Những bức tường đung đưa như cỏ dại dưới đáy hồ. Trần nhà như đang chuyển động. Tôi hầu như không thể giữ người thẳng được. Fermín không mấy khó khăn dìu tôi nằm lại xuống giường.

“Cậu không đi đâu cả, Daniel.”

“Thuốc kia là gì thế?”

“Dầu xoa của Morpheus. Cậu sẽ ngủ như một khúc củi ấy.”

“Không, không phải bây giờ, tôi không thể...”

Tôi tiếp tục lấp bấp cho đến khi mí mắt khép lại và tôi chìm vào giấc ngủ trống trải, tối tăm, giấc ngủ tội lỗi.

TRỜI ĐÃ GẦN NHÁ NHEM khi tám bia mộ được nhắc khỏi tôi. Tôi mở mắt trong căn phòng tối, có hai ngọn nến lập lòe trên bàn cạnh giường. Fermín, sống sượng trên ghế bành ở góc phòng, ngáy dừ dội như một người to gấp ba anh. Dưới chân anh, tản mát như những giọt nước mắt giàn giụa, là bản thảo của Nuria Monfort. Cơn đau đầu đã nguôi xuống thành những nhịp thon thót chậm

rãi, mờ đục. Tôi nhón chân đến cửa phòng và bước vào một sảnh nhỏ có ban công và một cánh cửa dường như mở ra cầu thang. Áo khoác và giày của tôi trên ghế. Ánh đèn đỏ thẫm xuyên qua ô cửa sổ, lốm đốm màu ngũ sắc. Tôi bước ra ban công và thấy tuyết vẫn rơi. Nửa mái nhà của Barcelona hằn lên màu trắng và đỏ thẫm. Phía xa xa, những ngọn tháp của trường Đại học Công nghiệp trông như những cái kim trong sương mù, đang níu giữ những tia nắng cuối cùng. Khung cửa sổ phủ trong làn hơi tuyết. Tôi dùng ngón trỏ viết lên mặt kính:

Tôi đi tìm Bea. Đừng tìm tôi. Sẽ quay về sớm.

Sự thật ủa đến ngay khi tôi tỉnh giấc, như thể một người lạ đã thì thầm vào tôi trong cơn mơ. Tôi bước ra chiếu nghỉ và vội vã lao xuống cầu thang, ra khỏi cửa chính. Phố Urgel như một dòng sông óng ánh cát bạc, và những cơn gió thổi bùng tuyết lên. Đèn đường và những hàng cây hiện ra như những cột buồm trong sương mù. Tôi bước đến nhà ga gần nhất, Bệnh viện Clínico, đi qua quầy báo chiều mang những mẫu tin trên trang nhất, với bức ảnh Ramblas phủ đầy tuyết và đài phun nước Canaletas rỉ thành nhũ đá. TRẬN TUYẾT THỂ KỶ, bài báo chạy tựa. Tôi thả người lên ghế trên sân ga, hít vào mùi hương đường hầm và bô

hóng mà những con tàu mang theo chúng. Phía bên kia đường, trên một tấm áp phích quảng cáo những trò vui của công viên giải trí Tibidabo, chiếc xe điện màu xanh dương sáng lên như bữa tiệc đường phố, và sau nó có thể nhận ra hình dạng dinh thự Aldaya. Tôi tự hỏi liệu Bea có nhìn thấy chính hình ảnh này và nhận ra nàng không còn nơi nào khác để đi không.

Chương 3

KHI TÔI RA KHỎI ĐƯỜNG HẦM, trời bắt đầu tối. Đại lộ Tibidabo hoang vắng, trải dọc theo một dãy dài những cây bách và những tòa lâu đài. Tôi thấy ngay hình dáng chiếc xe điện màu xanh dương ở bên và nghe tiếng chuông của người soát vé ngân lên trong gió. Tôi học tốc chạy và nhảy lên ngay lúc nó chuyển bánh. Người soát vé, người quen cũ của tôi, nhận mấy đồng xu, lăm bắm gì đó trong họng, và tôi ngồi vào trong toa xe, tránh xa khỏi tuyết và trời lạnh được thêm một chút. Những tòa nhà u ám chậm chậm lướt qua, phía sau ô cửa sổ xe lạnh

băng. Người soát vé nhìn tôi với vẻ nghi hoặc xen lẫn bối rối, mà cái lạnh dường như làm đóng băng trên khuôn mặt anh ta.

“Số ba hai, anh bạn.”

Tôi quay lại thấy hình dạng ma quái của tòa dinh thự Aldaya trước mặt như mũi con tàu đen trong sương mờ. Xe dừng lại đột ngột. Tôi bước xuống, chạy trốn ánh nhìn của người soát vé.

“Chúc may mắn,” anh ta thì thầm.

Tôi nhìn chiếc xe biến mất trên đại lộ, bỏ lại đằng sau tiếng vọng chuông. Bóng đen bao quanh tôi. Tôi vội vã đi dọc bức tường khu vườn, tìm kẽ hở ở phía sau, nơi tường đổ xuống. Trong khi

leo lên, tôi dường như nghe thấy tiếng bước chân trên tuyết đang tiến đến via hè phía đối diện. Tôi dừng lại một thoáng và giữ yên bất động trên đỉnh tường. Tiếng bước chân xa dần trong gió. Tôi nhảy sang bên kia và đi vào khu vườn. Cỏ dại đã đóng băng thành những cuống pha lê. Những bức tượng thiên thần sa ngã bị phủ dưới tấm liệm bằng tuyết. Nước trong bể đài phun đã đóng băng, tạo thành một mặt gương đen bóng, chỉ có bàn tay của bức tượng đổ trời lên, như thanh gươm đá. Những giọt băng treo lơ lửng trên ngón tay trở. Ngón tay cáo buộc của thiên thần chỉ thẳng vào cửa chính khép hờ.

Tôi chạy nhẹ lên bậc thềm, không

buồn che giấu tiếng bước chân. Đẩy cửa, tôi đi dọc hành lang. Một dãy nến thấp dọc lối vào trong nhà. Chúng là những ngọn nến của Bea, gần như đã cháy tàn. Tôi men theo chúng và dừng lại ở chân cầu thang lớn. Loạt nến tiếp tục theo những bậc thang lên tầng hai. Tôi đánh bạo đi lên, theo sát tôi là cái bóng dập dờn trên tường. Khi đến chiếu nghỉ tầng hai, tôi thấy hai ngọn nến nữa, để ở hành lang. Ngọn nến thứ ba cháy leo lắt bên ngoài căn phòng trước đây của Penélope. Tôi bước đến cửa và dùng tay đẩy nhẹ.

“Julián?” một giọng nói run rẩy cất lên.

Tôi nắm chặt quả đấm cửa chậm

chậm mở ra. Bea từ trong góc phòng nhìn tôi, nàng đang quần trong chăn. Tôi chạy đến bên nàng và ôm lấy nàng. Tôi có thể cảm thấy nàng đang tan thành những giọt lệ.

“Em không biết phải đi đâu,” nàng thì thầm. “Em đã gọi điện đến nhà anh vài lần, nhưng không có ai trả lời. Em sợ...”

Bea lau khô nước mắt rồi nhìn đăm đăm vào mắt tôi. Tôi gật đầu; không cần phải đáp lại bằng lời.

“Sao em gọi anh là Julián?”

Bea liếc về cánh cửa khép hờ. “Ông ấy ở đây. Trong căn nhà này. Ông

ấy đến rồi đi. Ông phát hiện ra em hôm kia, khi em đang cố vào ngôi nhà. Em không nói gì, nhưng ông biết em là ai và chuyện gì xảy ra. Ông đưa em vào phòng này, và mang chăn cho em, cả nước và một chút đồ ăn. Ông ấy bảo em đợi. Ông bảo mọi chuyện sẽ ổn thỏa, anh sẽ đến đón em. Ban đêm, bọn em nói chuyện hàng giờ. Ông ấy kể em nghe về Penélope, về Nuria - trên tất cả, ông ấy nói về anh, về hai ta. Ông bảo em phải dạy anh cách quên ông ấy...”

“Ông ấy ở đâu?”

“Dưới kia. Trong thư viện. Ông ấy đang đợi ai đó, và bảo anh đừng đi ra khỏi đây.”

“Đợi ai?”

“Em không biết. Ông ấy nói đó là người cùng đến với anh, rằng anh mang hẳn ta đến...”

Nhìn vào hành lang, tôi có thể nghe tiếng bước chân bên dưới, gần cầu thang. Tôi nhận ra cái bóng như nhện trên tường, chiếc áo mưa đen, chiếc mũ kéo xuống như khăn trùm đầu, và khẩu súng trong tay hẳn sáng lên như lưỡi hái. Fumero. Hẳn luôn khiến tôi nhớ đến ai đó, hoặc cái gì đó, nhưng cho mãi đến lúc ấy tôi không hiểu là gì.

Chương 4

TÔI LẤY NGÓN TAY DAY TẮT NÉN và ra hiệu bảo Bea giữ yên lặng. Nàng nắm tay tôi, nhìn tôi dò hỏi. Bước chân chậm chậm của Fumero có thể nghe thấy phía dưới. Tôi dẫn Bea vào phòng sau, ra hiệu nàng ở lại đó, nấp sau cửa.

“Dù có chuyện gì cũng đừng ra khỏi phòng,” tôi thì thầm.

“Đừng bỏ em ở đây, Daniel. Em xin anh.”

“Anh phải báo cho Carax.”

Bea nhìn tôi cầu khẩn, nhưng tôi đã

ra hành lang. Tôi rón rén bước đến đầu cầu thang lớn. Không thấy Fumero. Hắn đã dừng lại đâu đó trong bóng tối và đứng đậy, bất động, kiên nhẫn. Tôi quay lại đi dọc hành lang, qua dãy phòng ngủ, cho đến khi ra phía trước tòa nhà. Một cửa sổ lớn bị sương giá bao phủ khúc xạ hai chùm sáng màu xanh, đục mờ như nước đọng. Tôi bước đến cửa sổ và thấy một chiếc xe màu đen đỗ trước cổng chính, đèn xe vẫn sáng. Tôi nhận ra chiếc xe của trung úy Palacios. Ánh lửa rực đỏ của điều thuốc trong đêm để lộ sự hiện diện của hắn sau vô lăng. Tôi chậm chậm bước về phía cầu thang và đi xuống, từng bước từng bước một, đặt từng chân xuống với sự thận trọng vô cùng. Dừng

lại giữa chừng, tôi lướt nhìn bóng đêm bao phủ lấy tầng trệt.

Fumero vẫn để cửa chính mở khi hắn đi vào. Gió đã thổi tắt những ngọn nến và đang lùa những vòng xoáy tuyết cùng với lá đóng băng vào sảnh. Tôi bước xuống thêm bốn bước, ôm lấy bức tường, và nhìn ô cửa sổ lớn trong thư viện, vẫn không thấy dấu vết Fumero. Tôi băn khoăn không biết hắn có xuống tầng hầm hay hầm mộ không. Tuyết vụn từ ngoài thổi vào đã xóa đi dấu chân hắn. Tôi lần xuống chân cầu thang và nhìn vào hành lang dẫn đến cửa chính. Một cơn gió lạnh tấp vào người tôi. Bàn tay của thiên thần dưới nước có thể nhìn rõ trong bóng đêm. Tôi nhìn sang hướng khác.

Cửa vào thư viện cách chân cầu thang chừng mười thước. Gian phòng ngoài dẫn vào thư viện ngập chìm trong bóng đen, và tôi nhận ra Fumero có lẽ đang quan sát tôi từ cách nơi tôi đứng vài thước. Tôi nhìn vào bóng tối thăm thăm như nước giếng sâu. Hít một hơi thật sâu và gần như lê chân, tôi mò mẫm vượt khoảng cách ngăn tôi và cửa thư viện.

Căn phòng lớn hình ô van chìm trong ánh sáng mờ ảo, đầm hơi nước, lấm tấm những mảng bóng tối do tuyết rơi dày bên ngoài cửa sổ hắt vào. Mắt tôi lướt quanh những bức tường trông trơn để tìm Fumero - có lẽ nào hắn đứng gần cửa không? Có một vật gồ ra khỏi tường, cách hai thước về bên phải. Có

lúc tôi nghĩ thấy nó động đậy, nhưng đó chỉ là ánh trăng phản chiếu trên lưỡi dao. Một con dao, có lẽ con dao nhíp hai lưỡi, đã cắm sâu vào khung gỗ. Nó xuyên thủng một mảnh giấy hoặc bìa hình vuông. Tôi bước đến gần hơn và nhận ra là một bức ảnh. Nó giống như bức ảnh bị cháy sém mà một người lạ bỏ lại trên quầy trong cửa hàng sách. Trong bức ảnh, Julián và Penélope, vẫn còn thiếu niên, mỉm cười hạnh phúc. Con dao đâm vào ngực Julián. Lúc ấy tôi hiểu ra không phải Lái Coubert, hay Julián Carax, là người đã để nó lại như một lời mời. Mà chính là Fumero. Tấm ảnh như một miếng mồi tấm độc. Tôi đưa tay toan giật nó ra khỏi con dao, nhưng khẩu súng lạnh

lỗ của Fumero gí vào cổ đã ngăn tôi lại.

“Tâm ảnh trị giá hơn ngàn lời nói, Daniel. Nếu cha mày không phải là một lão buôn sách cút đái thì hẳn ông ta đã dạy mày như vậy rồi.”

Tôi từ từ quay lại nhìn vào họng súng. Nó có mùi thuốc súng mới. Khuôn mặt Fumero méo mó thành một vẻ cau có chết người.

“Carax đâu?” hấn hỏi.

“Ở rất xa. Ông ấy biết ông sẽ đến tìm. Ông ấy đi rồi.”

Fumero nhìn tôi không chớp mắt. “Tao sẽ vằm nát đầu mày, oắt con.”

“Thế cũng chẳng giúp gì. Carax không ở đây.”

“Há mồm,” hắn ra lệnh.

“Làm gì?”

“Há mồm ra hay để tao cho một viên đạn phanh ra.”

Tôi hé môi. Fumero nhét nòng súng vào miệng tôi. Tôi cảm thấy buồn nôn lên tận cổ. Ngón cái Fumero siết chặt báng súng.

“Thằng chó, nghĩ xem mày có lý do sống tiếp hay không. Mày định nói gì?”

Tôi từ từ gật đầu.

“Vậy cho tao biết Carax ở đâu?”

Tôi cố lấp bấp. Fumero từ từ rút súng lại.

“Hắn ở đâu?”

“Phía dưới. Trong hầm mộ.”

“Mày đi trước. Tao muốn mày có mặt khi tao kể cho tên khốn kia biết Nuria Monfort rên rỉ làm sao khi bị tao cầm dao...”

Liếc qua vai Fumero, tôi nghĩ đã nhìn thấy một bóng đen chuyển động và một hình người không mặt, đôi mắt nảy lửa, đang lướt về phía chúng tôi trong yên lặng tuyệt đối, như không chạm

xuống sàn. Fumero nhìn thấy ảnh phản chiếu trong đôi mắt đầy lệ của tôi, khuôn mặt hấn từ từ biến dạng.

Khi hấn quay lại và bắn vào khoảng bóng tối đang bủa vây hấn, thì hai bàn tay da dị dạng đã siết chặt cổ hấn. Đó là tay của Julián Carax, hai bàn tay mọc lên từ ngọn lửa. Carax đẩy tôi sang bên và ghì Fumero vào tường. Tên thanh tra rút súng và cố nhắm dưới cằm Carax. Trước khi hấn kịp bóp cò, Carax đã nắm lấy cổ tay hấn mà đập mạnh vào tường, liên tục liên tục, nhưng Fumero không chịu buông súng. Phát súng thứ hai xuyên vào màn đêm và đập vào tường, tạo ra một lỗ thủng trên khung cửa gỗ. Những tia thuốc súng cháy lóe lên và những mẩu

vụn nóng đỏ rơi như mưa lên mặt viên thanh tra. Một mùi thịt cháy khét lan khắp phòng.

Bằng một cú quẫy hung tợn, Fumero cố vùng thoát khỏi cái sức mạnh đang làm cổ hần và bàn tay cầm súng của hần không thể nhúc nhích, song Carax không mảy may rời lỏng tay siết. Fumero lòng lên giận dữ và nghiêng đầu cho đến khi hần có thể cắn nắm tay Carax. Hần lòng lộn điên cuồng như thú dữ. Tôi nghe tiếng răng hần tấp vào lớp da chết, và thấy môi Fumero rỉ máu. Lờ đi cơn đau, hay có lẽ không thể cảm thấy nó, Carax nắm lấy con dao trên tường. Ông lôi nó ra và, dưới cái nhìn kinh hãi của Fumero, xiên cổ tay phải của tên thanh

tra vào tường bằng một sức mạnh tàn nhẫn đến mức lưỡi dao cắm phập vào khung gỗ lút tận cán. Fumero gào lên một tiếng khủng khiếp vì đau đớn, tay hấn mở ra trong cơn co giật, và khẩu súng rơi xuống dưới chân hấn. Carax đá nó vào bóng tối.

Cảnh tượng kinh hoàng diễn ra ngay trước mắt tôi chỉ trong mấy giây. Tôi cảm thấy đờ đẫn, không thể hành động hay suy nghĩ. Carax quay lại nhìn chằm vào mắt tôi. Khi tôi nhìn ông, tôi có thể hình dung lại những đường nét đã mất, mà tôi thường mừng tượng qua những tấm ảnh và những câu chuyện cũ.

“Đưa Beatriz ra khỏi đây, Daniel.

Cô bé biết các cháu phải làm gì. Đừng để cô bé tuột khỏi tầm mắt. Đừng để ai lấy đi cô bé. Bất cứ ai hay bất cứ điều gì. Chăm sóc cho cô bé. Còn hơn cả chăm sóc cho cuộc đời cháu.”

Tôi cố gật đầu, nhưng mắt tôi lại quay sang Fumero, hắn đang vùng vẫy với con dao xuyên cổ tay. Hắn giằng tay ra được và khụy xuống, ôm cánh tay bị thương đang tuôn máu xối xả.

“Đi đi,” Carax nói.

Fumero nằm trên sàn nhìn chúng tôi, mù lòa vì căm hận, cầm con dao dính máu trong tay trái. Carax quay sang hắn. Tôi nghe những bước chân vội vã chạy đến và nhận ra Palacios bị tiếng súng

đánh động nên đang đến giúp ông chủ của hắn. Trước khi Carax có thể giằng được con dao từ Fumero, Palacios đã vào thư viện, giờ cao súng.

“Lùi lại,” hắn cảnh cáo.

Hắn liếc nhanh nhìn Fumero, ông ta đang chật vật đứng lên, và hắn nhìn chúng tôi - trước tiên là tôi, rồi đến Carax. Tôi có thể thấy nỗi kinh hoàng và nghi hoặc trong mắt hắn.

“Tao bảo lùi lại.”

Carax dừng lại và rút lui. Palacios lạnh lùng nhìn chúng tôi, cố nghĩ xem phải làm gì. Đôi mắt hắn dừng lại ở tôi.

“Mày, ra khỏi đây. Chuyện này

không liên quan gì đến mày. Đi.”

Tôi dè dặt một lúc. Carax gật đầu.

“Không ai được rời khỏi đây,”
Fumero xen vào, “Palacios, đưa súng
đây.”

Palacios không trả lời

“Palacios,” Fumero nhắc lại, với
bàn tay đầy máu ra, đòi cho được vũ khí.

“Không,” Palacios đáp ứng, qua kẽ
răng.

Fumero, đôi mắt điên dại tràn đầy
khinh miệt và giận dữ, giật lấy súng của
Palacios và gạt gã sang bên. Tôi liếc
nhìn Palacios và biết chuyện gì sắp xảy

ra. Fumero từ từ giơ súng lên Tây hấn run, và khẩu súng sáng lên ánh máu. Carax lui lại một bước, lần tìm trong bóng tối, nhưng không có lối thoát. Họng súng hướng theo ông. Tôi cảm thấy mọi cơ bắp trên thân thể mình cháy lên phần nộ. Về cau có chết người của Fumero, và cách hấn liếm môi như một tên điên, đã như một cái tát làm tôi thức tỉnh. Palacios nhìn tôi, khẽ lắc đầu. Tôi lờ đi. Carax giờ đã chịu thua, đứng bất động giữa phòng, chờ phát đạn.

Fumero không bao giờ nhìn thấy tôi. Với hấn, chỉ có Carax tồn tại và bàn tay vấy máu kia đang cầm khẩu súng. Tôi lao vào hấn. Tôi cảm thấy chân mình nhấc lên không, nhưng tôi không bao giờ

tiếp đất nữa. Thế giới đứng lại giữa chừng. Phát đạn từ xa bay lại, như tiếng vọng của một cơn bão đang tan. Không đau đớn. Viên đạn xuyên qua sườn tôi. Lúc đầu có một ánh sáng chói lòa, ngỡ như một thanh kim loại đã phang vào tôi với sức mạnh không tả xiết và đẩy tôi bay trong không trung vài thước, rồi hạ tôi xuống nền nhà. Tôi không cảm thấy cú rơi, mặc dù tôi thấy những bức tường đang co cụm lại, và trần nhà sập xuống rất nhanh gõ hầu nghiền nát tôi.

Một bàn tay đỡ sau đầu tôi, và tôi thấy khuôn mặt Julián Carax đang cúi xuống nhìn tôi. Trong tưởng tượng của tôi, Carax hiện ra đúng như tôi đã hình dung, như thể những ngọn lửa không bao

giờ cướp đi nét mặt ông ấy. Tôi nhận ra nỗi kinh hoàng trong đôi mắt ông, dù không hiểu nổi. Tôi thấy ông đặt tay lên ngực tôi, và tự hỏi cái chất lỏng bốc mùi khói ấy chảy ra giữa những ngón tay ông là gì. Chính lúc ấy tôi cảm thấy ngọn lửa kinh hoàng kia, như hơi nóng của những cục than hồng, cháy rục bên trong tôi. Tôi cố hét lên, nhưng không gì bật ra trừ dòng máu nóng kia. Tôi nhận ra khuôn mặt của Palacios cạnh mình, đầy hối hận, thảm bại. Tôi ngược mắt lên và thấy nàng. Bea đang ở cửa thư viện chậm chậm tiến về phía tôi, khuôn mặt nàng bừng lên vẻ kinh hoàng và đôi tay nàng run rẩy trên môi. Nàng lắc đầu không nói, đăm lẹ vì khiếp sợ, Tôi cố cảnh báo

nàng, nhưng một cơn lạnh buốt đang chạy dọc cánh tay tôi, tìm đâm vào thân thể tôi.

Fumero đang nấp sau cánh cửa. Bea không nhận thấy sự có mặt của hắn. Khi Carax đứng bật dậy và Bea quay lại, khẩu súng của tên thanh tra gần như chạm vào trán nàng. Palacios lao vào ngăn hắn. Gã hành động quá muộn. Carax đã ở đó. Tôi nghe tiếng gào thét từ xa xa, mang tên Bea. Căn phòng sáng lên ánh lửa đạn. Viên đạn xuyên qua tay phải Carax. Một thoáng sau, người không mặt ngã xuống đè lên Fumero. Tôi nghiêng người, chỉ thấy Bea đang chạy đến bên tôi, nàng còn nguyên vẹn. Đôi mắt đang mờ dần của tôi tìm kiếm Carax, nhưng

không thể nhìn thấy ông ấy. Một hình bóng khác đã thế chỗ ông. Đó là Laín Coubert, y như tôi đã sợ hãi khi đọc những trang sách, nhiều năm trước. Lần này, những móng vuốt của Coubert như những cái móc đâm ngập vào mắt Fumero mà kéo hắn đi. Tôi nhìn thấy được chân của tên thanh tra bị lôi ra ngoài cửa thư viện. Tôi nhìn thấy được cơ thể hắn co giật khi Coubert lôi hắn ra tận cửa chính không chút xót thương, thấy được đầu gối hắn đập vào bậc tam cấp đá và tuyết nhỏ lên mặt hắn, thấy được người không mặt túm cổ hắn nhấc hắn lên như một con rối, ném hắn vào hồ nước đóng băng; tôi thấy bàn tay của thiên thần đâm vào ngực hắn, xuyên vào người hắn,

thấy linh hồn bị nguyên rửa kia bị đánh bật ra như làn hơi nước đen rồi rơi xuống như những giọt lệ đóng băng trên mặt gương bằng nước đóng băng.

Lúc này tôi đã kiệt sức, không thể tập trung nhìn lâu hơn nữa. Bóng tối bắt đầu nhuốm một ánh sáng bạc, và khuôn mặt Bea dần rời xa tôi. Tôi nhắm mắt và cảm thấy tay nàng trên má tôi, và giọng nàng cầu xin Chúa đừng mang tôi đi, thì thào vào tai tôi rằng nàng yêu tôi và sẽ không để tôi ra đi. Tôi chỉ nhớ tôi đã để lại cái thế giới bằng ánh sáng và cái lạnh ấy và một sự yên bình lạ kỳ xâm chiếm tôi và mang đi cơn đau của ngọn lửa chậm chậm cháy trong tôi. Tôi thấy tôi và Bea - như hai ông bà cụ - đang nắm

tay nhau dạo bước qua những con phố Barcelona, thành phố bị bỏ bùa ấy. Tôi thấy cha tôi và Nuria Monfort đặt những bó hồng trắng lên mộ tôi. Tôi thấy Fermín khóc lóc trong vòng tay Bernarda, và cậu bạn cũ Tomás của tôi, người đã trở nên câm lặng mãi mãi. Tôi nhìn thấy họ như người ta nhìn thấy những người lạ trên một chuyến tàu chạy quá nhanh. Lúc ấy, tôi gần như không nhận ra tôi đã nhớ ra khuôn mặt của mẹ, một khuôn mặt tôi đã mất từ nhiều năm trước, như một bài cũ cắt ra từ báo mòn bõng nhiên rơi ra khỏi các trang của một cuốn sách. Ánh sáng của bà là tất cả những gì theo cùng tôi khi tôi hạ xuống.

Sau khi chết

**Ngày 7 tháng Mười một
năm 1955**

Căn phòng màu trắng, ánh sáng mờ ảo của chăn, rèm cửa che mờ và nắng nhạt. Từ cửa sổ, tôi có thể nhìn ra biển xanh. Rồi một ngày, sẽ có người có thuyết phục tôi rằng từ Bệnh viện Corachán ta không thể nhìn ra biển, phòng bệnh không trắng cũng chẳng nhẹ tênh, và rằng biển vào tháng Mười một ấy giống như một cái hồ xám xịt, lạnh băng và khó chịu; rằng suốt tuần ấy ngày nào trời cũng đổ tuyết cho đến

khi toàn bộ Barcelona bị chôn vùi dưới lớp tuyết cao gần một mét, và thậm chí Fermín, người cả đời lạc quan, cũng nghĩ tôi lại sắp chết.

Tôi đã chết trước đó rồi, trong xe cứu thương, trong vòng tay Bea và trung úy Palacios, người đã bị máu của tôi làm hỏng bộ đồng phục. Viên đạn, theo lời các bác sĩ, họ đang nói về tôi mà không nghĩ là tôi có thể nghe họ nói, đã làm gãy hai xương sườn, đã sượt qua tim tôi, đã gây tổn thương nặng một động mạch chính và đã bay hết tốc lực ra ngoài qua hông, kéo theo mọi thứ nó đâm vào trên đường bay. Tim tôi ngừng đập trong sáu mươi tư giây. Họ bảo rằng lúc tôi tỉnh lại từ

cuộc dạo chơi vào chốn vĩnh hằng, tôi đã mở mắt và mỉm cười trước khi lại bất tỉnh.

Mãi tới tám ngày sau tôi mới tỉnh lại. Lúc ấy, báo chí đã loan tin về cái chết của Francisco Javier Fumero trong một cuộc kịch chiến với băng đảng tội phạm có vũ trang, và chính quyền đang mãi tìm ra một con phố hay một ngõ hẻm đặt tên hầu tưởng nhớ đến viên thanh tra cảnh sát xuất chúng ấy. Xác hắn ta là cái xác duy nhất tìm thấy trong tòa dinh thự cũ của gia đình Aldaya. Xác của Penélope và con trai cô ấy không bao giờ được tìm thấy.

Tôi thức dậy lúc trời hừng sáng. Tôi nhớ đến ánh đèn, như một thứ vàng lỏng, đổ đầy lên chần. Tuyết đã thổi rơi, ai đó đã đổi biển cả ngoài cửa sổ phòng tôi lấy một hình vuông trắng, từ đó có thể thấy vài chiếc ghế xích đu, và không gì khác. Cha tôi, ngồi gục trong chiếc ghế cạnh giường, ngược mắt lên nhìn tôi lặng lẽ. Tôi mỉm cười với ông, và ông bật khóc. Fermín, đang ngủ trong hành lang như một đứa bé, và Bea, nàng đang ôm đầu anh ta trong lòng, nghe tiếng khóc nức lên của cha tôi liền chạy vào phòng. Tôi nhớ rằng Fermín trắng nhợt và gầy gò như bộ xương cá. Một người bảo rằng máu chảy trong huyết quản tôi là của anh ấy,

rằng tôi đã mất hết màu, và anh bạn tôi đã nhồi nhét bao nhiêu là bánh sandwich kẹp thịt trong nhà ăn bệnh viện để tạo thêm hồng huyết cầu, phòng khi tôi cần đến. Có lẽ, điều đó giải thích tại sao tôi cảm thấy mình thông thái hơn và ít Daniel hơn. Tôi nhớ có cả một rừng hoa và buổi chiều hôm ấy - có lẽ vài phút sau, tôi không dám chắc - cả một dòng người dôn hét vào phòng, từ Gustavo Barceló và cháu gái Clara của ông đến Bernarda và cậu bạn Tomás của tôi, cậu không dám nhìn thẳng vào mắt tôi và khi tôi ôm cậu ta, cậu ta liền chạy ra phố khóc nức nở. Tôi nhớ mơ hồ Don Federico, đến cùng Mercedes và Don Anacleto, giáo viên

trung học. Tôi đặc biệt nhớ Bea, nàng nhìn tôi lặng lẽ trong khi mọi người khác nói lời chúc mừng và tạ ơn trời, và tôi nhớ cha mình, người đã ngủ trên chiếc ghế kia bảy đêm ròng, cầu nguyện một Chúa trời mà ông không bao giờ tin.

Khi các bác sĩ lệnh cho đoàn người giải tán khỏi phòng đặng tôi có chút nghỉ ngơi mà tôi không hề muốn, cha đã đến bên tôi một lát bảo rằng ông mang đến cho tôi cây bút, cây bút mực Victor Hugo, và một cuốn sổ, nhớ đâu tôi muốn viết. Nơi ngưỡng cửa, Fermín thông báo anh ta đã hỏi ý kiến toàn thể y bác sĩ trong viện và họ đã đảm bảo với anh rằng tôi sẽ không phải

làm nghĩa vụ quân sự. Bea hôn lên trán tôi rồi dẫn cha đi hưởng chút không khí trong lành, vì cả tuần nay ông không hề ra khỏi phòng bệnh. Tôi bị bỏ lại một mình, bị cơn suy kiệt lấn chìm, và tôi thiếp đi lúc đang nhìn đăm đăm chiếc hộp bút trên bàn cạnh giường.

Tôi bị đánh thức bởi tiếng bước chân nơi cửa. Tôi chờ đợi được gặp cha ở chân giường, hay có lẽ bác sĩ Mendoza, người đã không bao giờ rời mắt khỏi tôi, tin rằng tôi hồi phục là kết quả của một phép nhiệm màu. Người khách đi quanh giường và ngồi vào chiếc ghế của cha tôi. Miệng tôi khô khốc. Julián Carax đưa cốc nước lên miệng tôi, nâng đầu tôi trong khi tôi

nhập nước. Đôi mắt ông nói lời tạm biệt, và nhìn vào chúng là đủ để tôi hiểu rằng ông chưa bao giờ phát hiện ra sự thật về danh tính của Penélope. Tôi không thể nhớ chính xác những lời, hay âm thanh của giọng nói ông. Tôi biết ông đã nắm tay tôi và tôi cảm thấy ông đang đề nghị tôi sống vì ông, bảo rằng tôi sẽ không bao giờ gặp ông nữa. Điều tôi không quên được chính là điều tôi đã bảo với ông. Tôi bảo ông hãy cầm chiếc bút ấy, nó luôn là của ông, và ông hãy viết trở lại.

Khi tôi tỉnh giấc, Bea đang đắp khăn ướt lên trán tôi. Tôi giật mình, hỏi Carax đâu. Nàng nhìn tôi bối rối, và bảo rằng Carax biến mất trong cơn bão

tám ngày trước, để lại một vết máu trên tuyết, và mọi người đã cho rằng ông ấy đã chết. Tôi bảo không phải vậy, ông ấy mới vừa ở đây cùng tôi. Bea mỉm cười không nói gì thêm. Cô y tá đang bắt mạch cho tôi khẽ lắc đầu và giải thích tôi đã ngủ sáu tiếng rồi, rằng cô ấy ngồi bên chiếc bàn ngay cửa phòng tôi trong suốt thời gian ấy, và chắc chắn không hề có ai vào phòng cả.

Đêm hôm ấy, trong khi cố ngủ, tôi xoay đầu trên gối và nhận ra hộp bút mở nắp. Cây bút đã không còn.

Vùng nước tháng Ba

1956

BEA VÀ TÔI KẾT HÔN làm hôn lễ ở nhà thờ Santa Ana ba tháng sau. Ông Aguilar, vẫn ít nói với tôi và sẽ vẫn như vậy đến suốt đời, đã trao con gái ông cho tôi trước viễn cảnh không thể nào chặt đầu tôi đặt lên đĩa đũa được. Sự biến mất của Bea đã xóa tan đi nỗi tức giận ở ông, và giờ dường như ông sống trong tình trạng sốc thường trực, chấp nhận sự thật là cháu trai ông sẽ sớm gọi tôi là Bố và rằng cuộc đời, dưới hình dạng một thằng nhãi được vá víu mà sống dậy sau một

vết thương đạn, sẽ cướp đi đứa con gái của ông - đứa con gái mà, bất chấp cặp kính hai tròng của mình, ông vẫn xem như là cô bé con trong chiếc váy nhân ngày lễ ban thánh thể đầu tiên, không lớn hơn thế một ngày nào.

Một tuần trước lễ cưới, cha Bea xuất hiện ở cửa hiệu sách để tặng tôi chiếc ghim cài cà vạt bằng vàng từng thuộc về bố của ông, và bắt tay tôi.

“Bea là điều tốt đẹp nhất ta có trong đời mình,” ông nói. “Hãy thay ta chăm sóc con bé.”

Cha tôi tiễn ông ra cửa và nhìn theo khi ông đi dọc phố Santa Ana, với vẻ buồn bã làm mềm yếu những người

đàn ông nhận ra rằng họ đang già đi cùng nhau.

“Ông ấy không phải người xấu đâu, Daniel ạ,” ông nói. “Chúng ta mỗi người đều yêu theo cách của mình thôi.”

Bác sĩ Mendoza, người đã nghi ngờ tôi có thể đứng lâu hơn nửa tiếng đồng hồ, cảnh cáo rằng sự lãng xãng chộn rộn của lễ cưới cùng với mọi công việc chuẩn bị không phải là liều thuốc tốt nhất cho một người mà chỉ mới đây thôi suýt nữa đã phải bỏ lại trái tim trong phòng mổ.

“Xin đừng lo,” tôi cam đoan với ông. “Họ không cho cháu làm gì đâu.”

Tôi chẳng nói dối đâu. Fermín Romero de Torres tự đứng ra làm chỉ huy tối cao cho lễ cưới, tiệc cưới và mọi chuyện liên quan. Khi cha xứ phát hiện cô dâu mang bầu đến ban thờ, ông thẳng thừng từ chối cử hành hôn lễ và đe dọa triệu tập các đảng linh thiêng của Tòa dị giáo và kêu họ hủy lễ cưới. Fermín nổi trận lôi đình lôi ông ta ra khỏi nhà thờ mà chửi mắng thậm tệ rằng ông ấy không xứng đáng với bộ quần áo thầy tu kia và với giáo xứ, và thề rằng ông chỉ cần nhếch mày thôi là anh ta sẽ gây ra một vụ rùm beng trong giáo khu ít nhất cũng khiến ông bị đày ra Mỏm đá Gibraltar để cảm hóa lũ khỉ. Vài người qua đường vỗ tay tán thưởng, và người bán hoa trong

phố tặng Fermín một bông cẩm chướng
bạch, mà anh ta vẫn đeo trên ve áo cho
đến khi những cánh hoa chuyển sang màu
cỏ áo của anh ta. Tất cả đã sẵn sàng song
không có cha xứ, thế là Fermín đến
trường San Gabriel, nơi anh ta kêu gọi
sự giúp đỡ của Cha Fernando Ramos,
người trong đời ông chưa một lần cử
hành hôn lễ, chuyên môn chính của ông là
tiếng La tinh, lượng giác và thể dục, theo
thứ tự tương ứng.

“Cha thấy đấy, thừa đức Cha, chú
rẻ rất yếu, và con không thể làm cậu ấy
thất vọng lần nữa. Cậu ấy nhìn thấy ở cha
một hiện thân của những vinh quang rạng
ngời của Nhà thờ, ở trên kia, trên tầng
cao ấy, cùng với Thánh Thomas, Thánh

Augustine và đức Mẹ Fátima. Nhìn cậu ấy vậy thôi, nhưng thực ra cậu ấy, cũng như con, đều là con chiên đạo. Giờ nếu con bảo cậu ấy rằng Cha không chịu giúp con thì chúng ta hẳn sẽ phải tổ chức lễ tang thay vì lễ cưới.”

“Nếu con nói như vậy.”

Nghe mọi người kể lại sau này - vì tôi không nhớ rõ, và các lễ cưới thường lưu rõ trong ký ức của người khác hơn - trước lễ cưới, Bernarda và Gustavo Baceló (theo chỉ thị chi tiết của Fermín) đã xoa dịu vị cha đạo tội nghiệp bằng rượu nho xạ để tống khứ nỗi sợ không dám lên bục lễ của ông. Khi đến thời khắc cha Fernando hành lễ, ông mang

một nụ cười thánh thiện và có nước da ửng hồng vui vẻ, ông đã phạm nghi thức, thay vì đọc Thư gửi tín hữu Côrintô nào đó tôi không nhớ, ông lại đọc một bài xon nê trữ tình, tác phẩm của một thi sĩ tên là Pablo Neruda. Một số quan khách của ông Aguilar coi ông là một tay cộng sản thâm căn cố đế và là một kẻ Bolsevik, trong khi những người khác lại nhìn vào cuốn Kinh Thánh để tìm đến đoạn có áng thơ mang vẻ đẹp tà đạo dữ dội kia, tự hỏi đây có phải là một trong những hiệu ứng đầu tiên của Công đồng Đại kết nhân tiên không.

Đêm trước lễ cưới, Fermín bảo tôi anh ta đã chuẩn bị một bữa tiệc độc thân mà chỉ anh ta và tôi được mời.

“Tôi không biết đâu, Fermín. Tôi thực sự không thích món này...”

“Tin tôi đi.”

Vào cái đêm tội lỗi đó, tôi ngoan ngoãn đi theo Fermín đến một khu lều hôi hám phố Escudillers, nơi mùi người lẫn với mùi nặng nhất của đồ ăn chiên đi chiên lại trên toàn bờ biển Địa Trung Hải. Một đoàn phụ nữ xếp hàng cho thuê phẩm hạnh - và phục vụ suốt ngày đêm - đón chào chúng tôi với những nụ cười hân chỉ làm phẩn khích cánh sinh viên nha khoa.

“Chúng tôi đến đón Rociíto,” Fermín thông báo với tên ma cô, kẻ có

bộ râu mai giống mũi đất Finisterre đến
sững sờ.

“Fermín,” tôi thăm thì, sợ hãi. “Vì
Chúa...”

“Phải có niềm tin chứ.”

Rociíto xuất hiện đầy hào quang -
tôi đo ả phải nặng đến 80 ký, chưa kể
khăn choàng lông vũ và chiếc váy đỏ vải
vitco bó chặt thân thể - rồi nhìn tôi từ
đầu đến chân.

“Chào cưng. Em cứ nghĩ cưng già
hơn cơ, thế có Chúa chứng giám.”

“Đây không phải khách hàng đâu,”
Fermín thanh minh.

Lúc ấy tôi mới hiểu ra sự thể, và nỗi sợ của tôi nguôi đi. Fermín không bao giờ quên một lời hứa nào, nhất là lời hứa của tôi. Ba chúng tôi đi tìm chiếc taxi sẽ mang chúng tôi đến nhà tế bần Santa Lucía. Trong khi đi, chiếu cố cho tình trạng sức khỏe mong manh của tôi và việc tôi sắp kết hôn, Fermín nhường cho tôi ngồi ghế trước, còn anh ta ở ghế sau cùng Rociíto, ngồi ngắm nghía cô ả với vẻ say mê thấy rõ.

“Ôi, ngài Fermín, từ khi có bạn gái là ngài quên em luôn, ngài thật nhẫn tâm.”

“Với ta em còn hơn cả một phụ nữ, Rociíto ạ, và giờ ta là người đơn thê mất

rồi.”

“Hông chịu đâu! Rociíto già tốt bụng sẽ lấy penixilin lau chùi hàng họ chữa cho ngài nhé.”

Chúng tôi đến phố Moncada sau nửa đêm, hộ tống cơ thể tuyệt trần của Rociíto và luồn cô ả vào nhà tế bần qua lối cửa sau - lối đi dùng để đưa người chết ra ngoài qua một ngõ nhỏ có hình dạng và mùi vị như cửa địa ngục. Khi đã vào trong bóng tối của Tenebrarium, Fermín tiếp tục chỉ dẫn lần cuối cho Rociíto trong khi tôi cố tìm cho ra cụ ông khú đế mà tôi đã hứa trao cho một vũ điệu cuối cùng với thần Tình yêu trước khi thần Chết tính sổ ông.

“Hãy nhớ, Rociíto, ông già này có lẽ điếc lòi rồi, nên em phải nói to, rõ ràng và bản thủ, hỗn xược, em biết làm thế nào rồi đây. Nhưng cũng đừng quá khích. Bọn anh không muốn ông ấy bị đứng tim và tiễn ông lên thiên đường trước thời hạn đâu.”

“Đừng lo cung à. Em là dân chuyện nghiệp mà.”

Tôi tìm thấy người sẽ thụ hưởng những ân sủng vay mượn kia trong một góc phòng tầng một, nhà thông thái ẩn dật vẫn bị giam trong bốn bức tường cô đơn. Ông ngược mắt lên nhìn tôi chăm chăm, bối rối.

“Ta chết chưa?”

“Chưa. Ông còn sống nữa đấy. Ông nhớ cháu không?”

“Ta nhớ cậu y như ta nhớ đôi giày đầu tiên của ta vậy, chàng trai, nhưng trông cậu thế này, tái nhợt như thế, làm ta cứ tưởng là ảo ảnh trên trời. Đừng lừa ta. Ở đây người ta mất đi cái mà những người bên ngoài gọi là óc sáng suốt. Vậy đây không phải ảo ảnh sao?”

“Không đâu. Ảo ảnh đang chờ ông dưới kia, nếu ông chịu đi.”

Tôi dẫn ông già vào một gian phòng âm u, mà Fermín và Rociíto đã tô điểm trang hoàng bằng vài ngọn nến và chút nước hoa. Khi mắt ông dừng lại nơi

vẻ đẹp ngồn ngộn của nàng Vệ nữ xứ Andalusia, mặt ông sáng ngời lên như đang ở thiên đường.

“Chúa phù hộ các người.”

“Và chúc ông sẽ sống để chứng kiến,” Fermín nói, và ra hiệu cho cô chim thần phố Escudillers bắt đầu thi triển tài năng.

Tôi thấy cô ta đón nhận ông già với vẻ nhã nhặn vô chùng, hôn vào những giọt nước mắt rơi trên gò má ông. Fermín và tôi rời hiện trường để cho họ cái sự thân mật họ đáng được hưởng. Trên con đường quanh co qua cái dãy phòng tuyệt vọng kia, chúng tôi chạm trán Xơ Emilia, một trong những bà xơ

quản lý nhà tế bần. Bà ném cho chúng tôi một tia nhìn hiểm ác.

“Có bệnh nhân bảo là các người mang vào đây một cô điếm. Giờ họ cũng muốn một ả.”

“Thưa Xơ Sáng ngài ngài, Xơ nghĩ chúng con là hạng người nào chứ? Sự có mặt của chúng con ở đây hoàn toàn vì mục đích tín ngưỡng. Chàng thanh niên này, ngày mai sẽ kết hôn trước Nhà thờ, và con, chúng con đến đây để thăm hỏi bệnh nhân Jacinta Coronado.”

Xơ Emilia nhếch lông mày. “Các anh là người thân à?”

“Về tinh thần thôi ạ.”

“Jacinta chết cách đây hai tuần. Đêm trước đó có một ông đến thăm bà ấy. Ông ta có phải người thân các anh không?”

“Ý Xơ là Cha Fernando?”

“Ông ta không phải cha đạo. Ông ta tự xưng là Julián. Họ gì ta không nhớ.”

Fermín nhìn tôi, điếng người.

“Julián là bạn của con,” tôi nói.

Xơ Emilia gật đầu. “Ông ta đến thăm bà ấy được vài tiếng. Nhiều năm rồi tôi chưa bao giờ nghe bà ấy cười. Khi ông ta ra về, bà ấy bảo tôi họ nói chuyện về những ngày xưa cũ, khi họ còn trẻ. Bà

bảo người đàn ông đó mang tin con gái bà, Penélope. Tôi không biết Jacinta có con gái. Tôi nhớ chứ, vì sáng hôm ấy Jacinta đã mỉm cười với tôi, và khi tôi hỏi tại sao bà hạnh phúc như vậy, bà nói bà đang về nhà, cùng Penélope. Bà chết lúc trời sáng, trong khi ngủ.”

Một lát sau Rociíto kết thúc nghi lễ tình yêu, bỏ lại ông già mệt lử sung sướng, trong vòng tay của Morpheus^[1]. Khi chúng tôi ra về, Fermín trả cho cô ta gấp đôi, nhưng Rociíto, giờ đang lướt lướt trước cảnh những người già tội nghiệp, vô vọng kia, bị Chúa trời và ác quỷ bỏ mặc, đã khẳng khẳng đòi chuyển tiền thù lao cho Xơ Emilia để họ có thể được bữa ăn sô cô la nóng và bánh ngọt,

vì, cô nói, đó là điều luôn làm cô quên đi chuyện buồn trong cuộc sống.

[1. Trong thần thoại Hy Lạp, Morpheus là vị thần giấc mơ.]

“Em chưa bao giờ đa cảm như vậy. Hãy nhìn linh hồn già nua tội nghiệp kia, ngài Fermín... ông ấy chỉ muốn được ôm ấp vuốt ve. Làm em mũi lòng mất thôi...”

Chúng tôi đưa Rociíto lên taxi với một số tiền boa hậu hĩnh, rồi bước lên phố Princesa giờ đã vắng vẻ và lảm tấm sương mờ.

“Chúng ta phải đi ngủ thôi, để cho ngày mai,” Fermín nói.

“E là tôi không ngủ được chút nào đâu.”

Chúng tôi bước xuống La Barceloneta. Trước khi kịp nhận ra, chúng tôi đã dạo dọc theo mép nước cho đến khi cả thành phố, tĩnh lặng sáng ngời, lan tỏa dưới chân chúng tôi trong ánh phản chiếu trên vùng nước cảng, như ảo vọng tuyệt vời nhất vũ trụ. Chúng tôi ngồi bên mép nước ngắm nhìn quang cảnh đó.

“Thành phố này là một người đàn bà, cậu biết đấy, Daniel. Nó quyến rũ ta, đánh cắp linh hồn ta mà ta không biết.”

“Anh nói nghe như Rociíto ấy,

Fermín.”

“Đừng chê cười, những người như cô ấy làm cho thế giới xấu xa này thành nơi đáng sống.”

“Những cô điếm ư.”

“Không. Chúng ta đều là những con điếm, sớm hay muộn. Ý tôi là những người có trái tim nhân hậu. Đừng nhìn tôi thế. Các đám cưới làm cho tôi dịu dàng đi.”

Chúng tôi vẫn ngồi đó, nâng niu khoảng lặng lẽ đặc biệt ấy, ngắm nhìn hình ảnh phản chiếu trên mặt nước. Một lát sau, bình minh rạng lên, bầu trời nhuộm màu hồng phách, và Barcelona tỉnh

giác. Chúng tôi nghe từ xa tiếng chuông nhà thờ Santa María del Mar vừa mới hiện lên trong đám sương mù ở bờ bên kia cảng.

“Anh có nghĩ Carax còn ở đây không, nơi nào đó trong thành phố?” tôi hỏi.

“Hỏi tôi một câu nữa.”

“Anh có nhẫn không?”

Fermín mỉm cười. “Chúng ta đi thôi. Mọi người đang đợi, Daniel. Cuộc sống đang chờ chúng ta.”

~*~

Nàng mặc chiếc váy trắng ngà và

ôm cả thế giới trong đôi mắt. Tôi không thể nhớ nổi lời cha đạo hay khuôn mặt những vị khách đầy hy vọng ngồi kín nhà thờ vào sáng tháng Ba ấy. Điều duy nhất đọng lại trong trí nhớ tôi là lúc môi nàng chạm môi tôi, và, khi tôi hé mở mắt, lời thề bí mật tôi mang theo trên da thịt mình và sẽ nhớ suốt đời.

Các nhân vật

1966

JULIÁN CARAX KẾT THÚC *Bóng hình của gió* bằng một đoạn vĩ thanh, trong đó ông tóm lược số phận các nhân vật trong những năm tiếp theo. Tôi đã đọc nhiều cuốn sách kể từ cái đêm xa xưa năm 1945 ấy, nhưng tiểu thuyết cuối cùng của Carax vẫn là cuốn sách tôi yêu thích nhất. Hôm nay, dù đã sống đến tuổi ba mươi, tôi vẫn không thể nào thay đổi suy nghĩ đó.

Khi tôi viết những dòng này trên

quây trong hiệu sách, con trai tôi, Julián, ngày mai sẽ mười tuổi, đang nhìn tôi với nụ cười và tỏ vẻ tò mò trước tập chồng giấy ngày mỗi dày thêm, có lẽ nó tin rằng bố nó cũng mắc bệnh sách vở và chữ nghĩa. Julián thừa hưởng đôi mắt và trí thông minh của mẹ, còn tôi lại thích nghĩ rằng có lẽ nó sở hữu cái cảm quan biết kinh ngạc trước điều kỳ diệu giống như tôi. Cha tôi giờ đây đến cả đọc gáy sách cũng đã gặp khó khăn, dù ông không chịu thừa nhận đâu, hiện giờ ông đang ở nhà, trên tầng. Đôi khi tôi tự hỏi ông có phải là người hạnh phúc không, một người thanh thản, liệu sống cùng chúng tôi có giúp gì ông không hay liệu ông vẫn đang sống trong những ký ức và trong nỗi

buồn luôn đeo đuổi ông. Giờ đây, Bea và tôi quản lý cửa hàng sách. Tôi làm việc kế toán và bổ sung danh mục sách. Bea làm công việc mua sách và phục vụ khách hàng, họ quý mến nàng hơn tôi. Tôi không trách gì họ cả.

Thời gian đã khiến nàng mạnh mẽ và thông thái. Nàng gần như không bao giờ nói về quá khứ, mặc dù tôi thường bắt gặp nàng có những phút rút vào yên lặng vẫn vợ một mình. Julián ngưỡng mộ mẹ. Khi nhìn họ bên nhau, tôi biết họ ràng buộc với nhau bởi một mối liên hệ vô hình mà tôi không bao giờ có thể hiểu được. Với tôi, cảm thấy mình là một phần cái thế giới riêng của họ và thấy mình may mắn xiết bao, thế là đủ. Cửa

hàng chỉ giúp chúng tôi có một cuộc sống
đạm bạc, dù vậy tôi không thể tưởng
tượng nổi mình sẽ làm gì khác. Việc
buôn bán ngày càng ế ẩm. Tôi là một kẻ
lạc quan, và tự nhủ chuyện gì cũng có lúc
thăng lúc trầm, việc khó khăn hôm nay
thì ngày mai sẽ tốt đẹp. Bea bảo văn hóa
đọc đang dần chết đi, rằng đó là một nghi
lễ thiêng liêng, rằng một cuốn sách là
tấm gương phản chiếu những gì chúng ta
đã có trong chính mình, rằng khi đọc,
chúng ta dồn hết cả tâm trí vào sự đọc,
và những người đọc vĩ đại ngày càng
hiếm đi. Mỗi tháng chúng tôi nhận được
lời đề nghị chuyển hiệu sách thành cửa
hàng bán ti vi, dây lưng, hoặc dây buộc
giày. Họ sẽ không đẩy được chúng tôi ra

khỏi đây trừ khi nó phá sản.

Fermín và Bernarda kết hôn năm 1958, và họ đã có bốn đứa con, đều là trai, tất cả đều thừa hưởng cái mũi và đôi tai của cha chúng. Fermín và tôi ít gặp nhau hơn, dù đôi khi chúng tôi vẫn lặp lại cuộc tản bộ ở mép nước lúc hừng sáng kia, nơi chúng tôi giải quyết mọi khó khăn trên đời. Fermín nghỉ việc ở hiệu sách vài năm trước, và khi Isaac Monfort mất, anh thay ông ấy làm người gác Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên. Có lẽ ngày nào đấy sẽ có người tìm được toàn bộ các cuốn sách của Julián mà Nuria đã giấu ở đó. Isaac được chôn cạnh Nuria ở Montjuïc. Tôi thường đến thăm họ. Trên mộ Nuria luôn

có hoa tươi.

Cậu bạn Tomás Aguilar chuyển sang Đức, nơi cậu ấy làm kỹ sư cho một tập đoàn sản xuất máy công nghiệp, sáng chế ra các kỳ quan mà tôi không bao giờ có thể hiểu nổi. Đôi khi chúng tôi nhận được thư của cậu ấy, luôn là gửi cho Bea. Cậu ấy đã kết hôn được vài năm và có một cô con gái chúng tôi chưa bao giờ gặp. Mặc dù cậu ấy luôn gửi lời hỏi thăm tôi, tôi biết mình đã vĩnh viễn đánh mất cậu ấy nhiều năm trước. Tôi thích nghĩ rằng cuộc đời cướp đi những người bạn thời thơ ấu của chúng ta không vì lý do gì cả, nhưng không phải bao giờ tôi cũng tin vậy.

Khu dân cư vẫn như cũ, song có những ngày tôi cảm thấy một sự xán lạn nào đó đang dè dặt quay về Barcelona, như thể chỉ giữa hai chúng tôi, chúng tôi đã xua đuổi nó đi nhưng rồi cuối cùng nó đã tha thứ cho chúng tôi. Don Anecleto thôi dạy ở trường trung học, nay ông dành hết thì giờ viết dân thư và điếm sách, những bài điếm sách càng đao to búa lớn hơn bao giờ hết. Don Federico Flavía và Merceditas chuyển về sống chung sau khi mẹ bác bán đồng hồ mất. Họ là một cặp đôi tuyệt vời, mặc dù không thiếu những kẻ độc miệng cho rằng con báo chẳng thể đôi vết đốm trên lưng, và rằng thỉnh thoảng Don Federico lại đi chơi hoang và ăn mặc như một mụ Digan.

Don Gustavo Barceló đóng cửa hiệu sách và bán cho chúng tôi toàn bộ sách của ông. Ông bảo đã ngán nghiệp buôn sách đến tận cổ và đang dần thân vào những thách thức mới. Thách thức đầu tiên và mới đây nhất là mở một công ty xuất bản chuyên phát hành các tác phẩm của Carax. Bộ thứ nhất, gồm ba tác phẩm đầu tiên của ông ấy (khôi phục từ một bộ các bản in thử xếp xó trong kho đồ gỗ của nhà Cabestany), bán được 342 bản, thấp hơn hàng vạn bản so với số lượng bán ra của cuốn sách bán chạy nhất năm đó, một cuốn tiểu sử về El Cordobés, võ sĩ đấu bò nổi tiếng. Don Gustavo giờ dành thời gian chu du quanh châu Âu cùng những quý bà xinh đẹp và

gửi về bưu thiếp những chụp các nhà thờ.

Cháu của ông, Clara, lấy một tỉ phú ngành ngân hàng, nhưng cuộc hôn nhân của họ chỉ kéo dài một năm. Danh sách những kẻ theo đuổi cô còn dài dài, mặc dù rơi rụng dần theo năm tháng, cũng như sắc đẹp của cô. Giờ cô sống một mình trong căn hộ ở Plaza Real, mà tôi ngày càng ít lui tới hơn. Có một dạo tôi hay đến thăm cô, phần nhiều là vì Bea nhắc tôi về sự cô đơn và bất hạnh của cô ấy, hơn là vì tự tôi muốn đến. Năm tháng trôi đi, tôi đã thấy sự cay đắng lớn dần trong cô, dấu cô gắng che đậy bằng vẻ mỉa mai và thờ ơ. Đôi lúc tôi nghĩ cô vẫn chờ đợi cậu bé Daniel mười lăm tuổi ấy quay lại ngưỡng mộ cô âm thầm.

Sự hiện diện của Bea, hay của bất cứ người đàn bà nào khác, hủy hoại cô. Lần gần đây nhất tôi gặp cô, cô đang đưa tay tìm những vết nhăn trên mặt mình. Tôi nghe bảo đôi khi cô vẫn gặp tay giáo viên dạy nhạc ngày xưa, Adrián Neri, bản giao hưởng của gã vẫn chưa hoàn thành và dường như gã đang làm đi đợc cho mấy bà cô ở nhà hát Liceo, nơi nghệ thuật gói chẵn của gã khiến gã đợc mệnh danh “Cây sáo thần”.

THỜI GIAN THẬT BẠC ĐÃI ĐỐI VỚI KÝ ỨC VỀ THANH TRA FUMERO. Thậm chí cả những người căm ghét và e sợ hẳn dường như cũng

không còn nhớ hẳn nữa. Nhiều năm trước, trên phố Gracia, tôi tình cờ gặp trung úy Palacios, anh ta đã bỏ lực lượng cảnh sát và giờ dạy thể dục ở một trường học trong khu Bonanova. Anh ta bảo vẫn còn một tấm bia tưởng niệm trong tầng hầm Trụ sở Cảnh sát Trung tâm ở đường Layetana để vinh danh Fumero, nhưng một cái máy bán đồ uống tự động đã che phủ nó hoàn toàn.

Về dinh thự Aldaya, nó vẫn còn đó, thách thức mọi đồn đoán. Cuối cùng, công ty bất động sản của ông Aguilar đã bán được nó. Nó được cải tạo lại hoàn toàn, và những tượng thiên thần bị đập nát thành sỏi để rải lên bãi đỗ xe vốn trước đây là vườn nhà Aldaya. Ngày nay,

ngôi nhà là trụ sở của một công ty quảng cáo chuyên sáng tạo và quảng bá những áng thơ lạ về những huy hoàng của tất cả bông, sữa không béo và ô tô thể thao cho các đại gia doanh nhân. Tôi phải thú nhận rằng, một ngày nào đó, vì những lý do khó hiểu nhất, tôi sẽ quay lại đó hỏi xem có thể được dẫn đi tham quan ngôi nhà kia không. Cái thư viện cũ nơi tôi suýt đánh mất mạng sống của mình giờ là phòng họp trang hoàng những áp phích quảng cáo chất khử mùi và tẩy rửa có sức mạnh thần kỳ. Căn phòng nơi Bea và tôi thụ thai Julián giờ là phòng tắm của Tổng Giám đốc.

Ngày hôm ấy, lúc quay về cửa hàng sau khi thăm ngôi nhà cũ kia, tôi

thấy một gói bưu phẩm mang dấu bưu điện Paris. Bên trong là một cuốn sách nhan đề *Thiên thần mù sương*, một tiểu thuyết, của một tác giả Boris Laurent nào đó. Tôi lật qua những trang sách, hít vào cái mùi mê hoặc hứa hẹn thường thấy ở mọi cuốn sách mới, và tôi dừng lại phần đầu một câu đập vào mắt tôi. Tôi nhận ra ngay ai đã viết nó, và tôi không ngạc nhiên khi lật lại trang đầu và thấy, nét chữ màu xanh được viết bằng chiếc bút tôi đã ngưỡng mộ biết bao khi còn bé, lời đề tặng:

Tặng bạn Daniel của tôi, người đã mang lại cho tôi tiếng nói và ngòi bút.

Và tặng Beatriz, người đã mang lại cho cả hai chúng tôi cuộc sống.

MỘT THANH NIÊN, tóc đã điểm vài sợi bạc, dạo bước qua những con phố của một Barcelona bị giam hãm dưới những khoảng trời xám tro khi bình minh trút xuống Đại lộ Rambla de Santa Mónica một dòng sáng cuộn cuộn sắc đồng đỏ.

Anh nắm tay một cậu bé mười tuổi với đôi mắt bị mê hoặc bởi bí ẩn trong lời bố cậu hứa lúc trời rạng sáng, lời hứa về Nghĩa Trang Những Cuốn Sách Bị Lãng Quên.

“Julián này, con phải hứa không được kể với bất kỳ ai điều con sắp thấy ngày hôm nay. Không một ai hết.”

“Kể cả mẹ hả bố?” cậu bé thăm thì hỏi.

Cha cậu thở dài, lẩn vào sau nụ cười buồn đã theo anh suốt cuộc đời.

“Tất nhiên con có thể nói với mẹ,” anh trả lời. “Chúng ta không giấu gì mẹ cả. Con có thể nói với mẹ bất cứ điều gì”

Một lúc sau, như những hình người tạo thành từ sương khói, hai cha con biến mất vào đám đông trên phố Ramblas, bước chân họ biến mất mãi mãi vào

trong bóng hình của gió.

Mời các bạn ghé thăm [Đào Tiểu Vũ eBook](#)
để tải thêm nhiều eBook hơn nữa.



Growing Readers